

# CỎ THƠM

TAM CÁ NGUYỆT SAN



VĂN HỌC - NGHỆ THUẬT - BIÊN KHẢO

SỐ 47 - HÀ 2009



# CỎ THƠM

## **CHỦ NHIỆM**

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

## **PHÓ CHỦ NHIỆM**

PHAN KHÂM

## **ĐỒNG CHỦ BÚT**

TRẦN BÍCH SAN  
NGÔ TĂNG GIAO  
PHẠM VĂN TUẤN  
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

## **TỔNG THƯ KÝ**

ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH

## **WEBSITE**

PHAN ANH DŨNG  
NGUYỄN VĂN BÁ  
THỦY SENSER  
[www.cothommagazine.com](http://www.cothommagazine.com)

## **TRÌNH BÀY**

DZUNG SENSER

## **TÒA SOẠN**

11623 CHAPEL CROSS WAY  
RESTON, VA 20194, USA  
TEL. (703) 471-1271  
FAX (703) 471-1196  
Email: [dsenser@yahoo.com](mailto:dsenser@yahoo.com)

## **BAN BIÊN TẬP**

HỒ TRƯỜNG AN. QUỲNH ANH.  
Ý ANH. VIỆT BẰNG. HẢI BẰNG H.D.B.  
NGUYỄN NGỌC BÍCH. ĐÌNH CƯỜNG.  
HOÀNG DUNG. PHAN ANH DŨNG.  
VŨ THÁI HÒA. VŨ HỐI. PHAN KHÂM.  
VI KHUÊ. HUY LẮM. NGUYỄN LÂN.  
NGUYỄN PHÚ LONG. VŨ NAM.  
CAO MỸ NHÂN. ĐẶNG NGUYỄN.  
DIỆU TẦN. NGUYỄN VĂN THÀNH.  
TIỂU THU. HỒNG THỦY.  
LÊ THƯƠNG. TRƯƠNG ANH THUY.  
BÙI THANH TIÊN. THANH TRANG.  
HÀ BÌNH TRUNG. TẠ QUANG TRUNG.  
NGUYỄN ĐĂNG TUẤN. KIM VŨ.

## **ĐẠI DIỆN**

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA  
VŨ MẠNH PHÁT: San Jose, CA  
HẢI BẰNG HDB: Chandler, AZ  
VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN  
NGUYỄN ĐĂNG TUẤN: Riverview, FL  
TIỂU THU: Québec, Canada  
VƯƠNG ÁNH HẰNG: W. Seneca, NY  
VŨ NAM: Germany



**THÁNG 6 NĂM 2009**



## **GIAO ĐIỂM**

G. VERDI: Je Chante Avec Toi, Liberté	80
TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO: Tôi Hát Cùng Bạn, Tự Do ới!	80
DMC: Sun Flowers	136
VI KHUÊ: Đêm Mùa Hạ	138
TM: Summer Nights	138
KIM VŨ: Cước Chú Việt Nam	153
Footnote To Vietnam	

## **HÌNH ẢNH SINH HOẠT**

KỶ NIỆM CỎ THƠM 14 TUỔI	187
-------------------------	-----

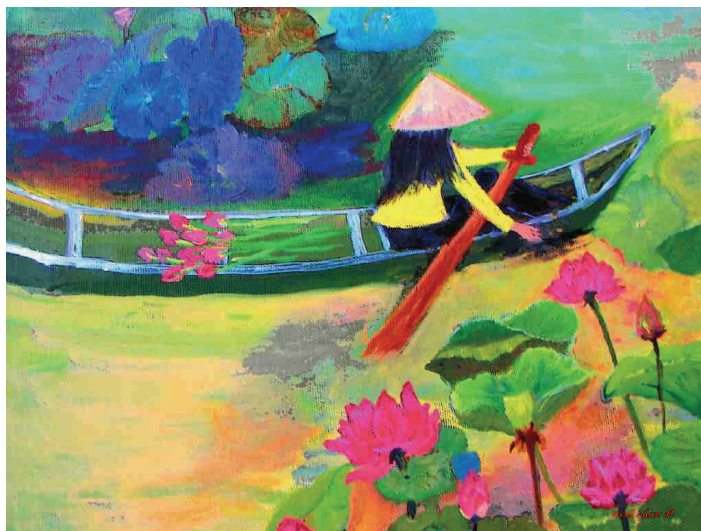
## **SÁCH MỚI**

THƯƠNG VÀNG TRẮNG KHUYẾT Phan Văn Kiều Anh	102
HỒI KÝ CỦA MỘT THẰNG HÈN: Tô Hải	125
QUÁN THƠ, THÁNG NGÀY CÒN LẠI: Cao My Nhân	141

ĐỌC VÀ DỊCH THƠ CHỮ HÁN CỦA NGUYỄN DU: Thảo Nguyên	169
TÌM MỘT CỠ VỀ: Nguyễn Lân	185
JUSTICE AT WORK: Robert A. Senser	198

## **GIỚI THIỆU**

Phòng Mạch Bác Sĩ VÕ ĐẠM	34
Phòng Mạch BS NGUYỄN QUỐC QUÂN	70
BUDDY PHOTO:	79
Phòng Mạch BS NGUYỄN THI KIM DUNG	186
SOVEREIGN REALTY, INC.	186
HARVEST MOON RESTAURANT	199
THƯ MỜI THAM GIA Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm	200
PHIẾU THAM GIA Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm	201
DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN	202
PHIẾU MUA BÁO /QUẢNG CÁO	203
TỦ SÁCH HỘI VIÊN	204



**Tranh Ao Sen: Minh Châu** (Virginia)

# LÁ THƯ MÙA HÈ

Thưa quý vị độc giả,

Trước hết chúng tôi phải kể đến buổi Kỷ Niệm Cỗ Thơm 14 Tuổi, được tổ chức vào mùa xuân vừa qua, 5 tháng 4 tại Nhà Hàng Harvest Moon, Falls Church, Virginia. Hôm đó trời ấm áp, nắng đẹp, hoa anh đào đang ở thời kỳ nở rộ nhất vùng Hoa Thịnh Đốn. Đã có hơn 250 vị quan khách đến tham dự tiệc Cỗ Thơm. Trong thời buổi khủng hoảng kinh tế, sự vui chơi không cần thiết của nhiều gia đình phải hạn chế, đã có những tổ chức văn nghệ phải hủy bỏ, mà Cỗ Thơm có được số quan khách đó thật là may mắn. Có lẽ Cơ Sở Cỗ Thơm chỉ có mục đích họp mặt chào đón quý độc giả, tác giả, thân hữu cùng gia đình, không xa xỉ, không tốn kém. Nhà hàng khang trang, ẩm cúng, giá vé vào cửa rất khiêm nhượng và món ăn lại ngon.

Chương trình bắt đầu đúng giờ, thật là một sự hiếm có! Phần văn nghệ phong phú, nhưng gọn gàng do Nhạc Sĩ Phan Anh Dũng, chủ biên Website Cỗ Thơm điều khiển. Một trong 5 Chủ Bút Cỗ Thơm, Biên Khảo Gia Trần Bích San về từ New Orleans, Louisiana nói chuyện với đề tài hấp dẫn “Kinh Thi Việt Nam Hiện Đại” được nhiều tràng pháo tay hòa lẫn với tiếng cười thích thú. Quý vị sẽ tìm thấy bài biên khảo đó trong tập Cỗ Thơm này. Nhà Thơ Bạch Mai lộng lẫy trong y phục lễ hội xưa và ngâm một bài thơ của chính tác giả với điệu Ca Trù. Phần ca nhạc do các nghệ sĩ địa phương trình bày nhưng rất xuất sắc trong các bản nhạc được ưa chuộng: Các Nhạc Sĩ Trần Lượng, Tiến Kèn, Hoàng Cung Fa, Phan Anh Dũng, Đàm Xuân Linh, Huy Lãm, các Ca Sĩ Hoàng Tiếp, Tâm Hảo, Kiều Nga, Thái Phương, Hiếu Thuận, Minh Trân, Phương Nga, Bạch Mai, Hoàng Dung, Hoàng Anh, Hoài Thanh, Sĩ Tuấn, Đèo Văn Sách, Bùi Thanh Tiên, Paul Van...

Cũng như những năm trước, để vui chơi và giải trí cho quý quan khách còn năng động, sung sức, phần khiêu vũ không bao giờ thiếu trong các buổi họp mặt của Cỗ Thơm. Cụ Julie Nguyễn Hữu Phước, một độc giả kỳ cựu của Tam Cá Nguyệt San Cỗ Thơm, cũng lả lướt như ai trên sàn vũ trước khi chương trình họp mặt nhẹ nhàng, thoải mái chấm dứt kh lúc 11 như lời khen của quý quan khách.

Thưa quý vị, Xuân đã qua Hè lại tới, hình ảnh quê hương mùa hè mà người Việt hải ngoại thường tưởng nhớ là phượng đỏ, ve sầu kêu. Bài hát “*Hè Về, trời hồng hồng sáng trong trong...*” của Nhạc sĩ Hùng Lô, “*Mùa Hoa Phượng, Hè sang nắng lên hoa về đỏ tươi, Mùa hoa báo tin ve sầu nhạc vui...*” của nhạc sĩ Lê Đô... lại ngân vang trong trí nhớ. Mùa hè Florida có phượng đỏ, California có phượng tím. Nhà người Việt nào cũng có hoa lá quê hương tô điểm trong vườn: như hoa tường vi, hoa dâm bụt, hoa bông giấy, hoa hồng, hoa lựu, hoa đại ... đủ màu đỏ, tím, hồng, trắng, vàng hơn hử khoe sắc tươi.

Trong vườn văn học Cỗ Thơm số này có những sáng tác nào đượm không khí mùa hè nhỉ? Thưa quý vị, có nhà Nhà Thơ Đăng Nguyên “Thương Một Mùa Hoa” phượng hồng; Nữ Sĩ Vi Khuê có “Một Đêm Mùa Hạ” đáng ghi nhớ; Bạch Mai có “Một Ngày Hè” thơ thần, thần thơ; Tác giả Minh Châu đến với Cỗ Thơm lần đầu tiên với tranh bìa *Sen Hạ* và tùy bút Anh Ngữ “Sun Flowers”... Xin quý vị tiếp tục dạo chơi vườn Hè Cỗ Thơm để gặp Nhà Văn Hồ Trường An đã hồi phục sau cơn bạo bệnh bên trời Paris và giới thiệu Nhạc Sĩ Đan Trường tác giả bản nhạc “Trách Người Đi”; Nhạc Sĩ Tô Hải, tác giả “Nụ Cười

Sơn Cước, tự thú “Tại Sao Tôi Viết Hồi Ký Của Một Thằng Hèn”; Lê Hậu, cây viết mới của Cỏ Thơm, khám phá những “Kỳ Bí Trong Ngôn Ngữ Việt”; Thảo Nguyên nói về “Mẹ Chồng, Bà Thế Lữ”.

Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm đúng ra là một tuyển tập hơn 200 trang biên khảo, thơ, văn chọn lọc. Ngoài những bài viết kể trên, còn nhiều sáng tác đặc sắc khác để quý vị độc giả thưởng thức như bài viết về “Bình Nguyên Lộc, Tổng Quan Văn Chương” của văn thi sĩ Hồ Trường An, “Kinh Thi Việt Nam Hiện Đại” của học giả Trần Bích San. Mời quý vị xem tiếp vở kịch “Julius Caesar” của William Shakespeares do giáo sư Phạm Trọng Lệ dịch và chứng kiến “Phiên Tòa Xét Xử Louis XVI, 1972” của cựu chánh án Nguyễn Văn Thành. Mời quý vị cùng “Đi Thăm Núi Yên Tử” với Hà Nguyễn. Và, vườn chữ Cỏ thơm còn nhiều, nhiều nữa.

Thưa quý vị, một mối phần nộ dầu sôi lửa bỏng như mặt trời mùa Hạ của người Việt hải ngoại cũng như quốc nội là Trung Cộng đã chiếm Thác Bản Dốc, Đảo Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam, nay nhà nước Cộng Sản Việt Nam lại để cho Trung Cộng cô lập miền Tây Nguyên khai thác chất “bauxite”. Xin mời quý vị đọc bài “Tình Hình Trường Sa, Hoàng Sa Dưới Mắt Quốc Tế “ của Nhà Văn Nguyễn Cao Quyền và bài “Hoàng Sa Nhuộm Máu” của Nhà Văn Lê Thương...

Cũng xin quý vị đừng quên Cơ Sở Cỏ Thơm còn có Website <[www.cothommagazine.com](http://www.cothommagazine.com)> do Phan Anh Dũng trình bày. Mục ca nhạc chủ đề, danh họa triển lãm và nhiều đề mục khác được biên soạn rất công phu. Độc giả vui mừng tìm nghe lại những bản nhạc ưa thích trong mục nhạc chủ đề: “Xuân Mênh Mông, Tháng Tư Tưởng Nhớ Sài Gòn, Thương Yêu Mẹ Hiền” và thưởng ngoạn những bức danh họa nổi tiếng thế giới...

Cỏ Thơm cũng xin có lời chúc mừng và giới thiệu cùng quý vị độc giả:

Tác giả Thảo Nguyên cũng vừa cho phát hành cuốn sách biên khảo công phu, giá trị, *Đọc và Dịch Thơ Chữ Hán Của Nguyễn Du* với hai bản Hán, Nôm và Việt Ngữ chắt chiu, tình cảm. Quý vị yêu thơ cổ, thơ Nguyễn Du nên tìm đọc cuốn sách này.

Nữ sĩ Cao My Nhân hậu duệ của Cụ Huấn Cao Bá Quát, vừa cho xuất bản *Quán Thơ, Những Ngày Còn Lại* với hơn 150 trang thơ tâm tình, quý vị yêu thơ không thể bỏ qua.

Nhà Văn Nguyễn Lâm, tác giả tập truyện ngắn *Sôi Nổi* vừa cho ra mắt tác phẩm thứ hai, cuốn tiểu thuyết tâm lý, tình cảm, xã hội, *Tìm Một Cõi Vẽ*, tại Northern Virginia.

Sau hết, chúng tôi cũng xin trân tình cùng quý vị đôi điều. Vì bài vở quá nhiều, nhà văn Vũ Nam, Tiểu Thu và Nguyễn Thị Ngọc Dung xin nhường đất trồng hoa trong vườn Cỏ Thơm mùa hè này cho các tác giả khác. Chúng tôi thành thật xin lỗi quý vị đã phải gác lại vài sáng tác đến số báo sau. Xin quý vị thông cảm.

Mong rằng như bao giờ, Tập San Cỏ Thơm sẽ đem đến quý vị những giờ phút giải trí tinh thần thanh tao, tươi mát trong mùa hè êm đềm, hạnh phúc và chúng tôi sẽ có nhiều chuyện vui để tâm tình cùng quý vị vào số mùa thu.

**NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG**

# BÌNH NGUYÊN LỘC, TỔNG QUAN VĂN CHƯƠNG

## HỒ TRƯỜNG AN

Đất đai man rợ, rừng rú hoang vu càng làm cho những cây bút văn chương thêm khởi hứng. Và từ đó, những tác phẩm viết về quê hương đất nước của họ bùng sáng lên cảm nghĩ kỳ diệu bất ngờ, khả năng sáng tác của họ thêm sắc thái lộng lẫy tinh khôi. Vào thời Phục Hưng, dưới triều đại Đế Nhị Đế Quốc của Hoàng đế Nã-phá-luân Đệ Tam, Nữ Sĩ George Sand là ngôi tinh đầu rực rỡ trong văn giới qua các cuốn tiểu thuyết đồng quê như *La Petite Fadette*, *La Mare Au Diable*, *François Le Champi...* Tuy nhiên, quê hương Nohant thuộc vùng Perry của nữ sĩ chỉ là một vùng quê đầy huyền thoại thần bí và truyền kỳ ẩn mật mà không phải là vùng đất mới khai phá trước khi bà mở mắt chào đời. Nhưng vùng Cà Mau mà Sơn Nam đã có một thời gian cư ngụ, vùng Tân Uyên Đất Bái là nơi sinh quán của Bình Nguyên Lộc trái lại có nhiều hoang địa, chưa có gót chân dân khai phá đặt đến. Những nơi đó dĩ nhiên có nhiều cái huyền bí thật quyến rũ, nhiều nếp sống lộng xa tầm ánh sáng văn minh. Chúng đem lại biết bao vận sự kỳ thú cho hai nhà danh sĩ đất nước Nam Kỳ kia, để gây cho họ sự nghiệp văn chương đồ sộ nguy nga.

Văn chương của anh Sơn Nam lẫn của anh Bình Nguyên Lộc hào hứng tuyệt vời, vạm vỡ sức sống của tiền nhân trong cuộc khai hoang lập ấp và

bùng bùng khí phách và anh linh của dân tộc thời xa xưa. Hai anh đẩy lui Nữ Sĩ George Sand vào lãnh vực nhỏ dưới bóng trăng thơ mộng và trong ánh nắng trữ tình của tiểu thuyết tâm lý ái tình dùng đất quê làm bối cảnh. Còn hai nhà văn đồng bào đồng chủng của chúng ta trái lại biến ngôi bút mình thành lưỡi dao thiêng hay thanh kiếm thần để vạch trong tâm tưởng độc giả đô thị một chân trời khoáng đạt bao la trải dài tới miền Cực Nam của đất nước.



Văn chương biểu dương bản sắc thuần túy của Bình Nguyên Lộc là những truyện ngắn được đưa vào các tập truyện *Nhốt Gió*, *Ký Thác*, *Mưa Thu Nhớ Tầm*, *Cuống Rúng Chưa Lia...* Đó là những tác phẩm chất lọc cái tinh hoa quý giá của thần trí sáng tạo của anh. Văn chương trong đó nồng nàn tình yêu quê cha đất mẹ. Đôi khi cái nồng nàn đó lên tới mức độ sôi nổi nên anh không làm chủ được ngôi bút của mình. Do đó văn chương ấy

trở nên bộc tuệch, trống trải, cường điệu, bộc lộ cá tính Nam Kỳ. Cái bộc lộ ấy chưa chắc là cái khuyết điểm hay nhược điểm gì. Trái lại, nó làm cho sự diễn đạt tinh ý của anh thêm minh bạch, thêm tươi rói và cực kỳ quyến rũ. Anh để mặc cho tâm sự mình phơi bày hỏ hang, trần trụi, không nguy trang, không úp mở. Độc giả đa số không cần ở văn chương anh cái mảnh khốc tiềm ẩn hay cái phong niêm tinh xảo để làm cho sự diễn tả được hàm súc và ý nhị. Họ chỉ cần tấm lòng tươi son bền

sắt của anh đối với quê hương của anh. Có như thế, họ mới vui dưới lớp tro tàn của thời gian cái tình cảm nồng cháy và đượm đà của họ như mẽ than ngùn lửa hồng không bao giờ tắt đối với nơi chôn nhau cắt rún của họ. Tấm lòng anh cũng có thể tượng trưng qua những loại cỏ thụ chẳng hạn như cây đa, cây gò, cây bồ đề, cây thùy dương, cây hoàng lan cắm rễ sâu xuống mảnh đất để giao tiếp với lớp nước trong mát bất tuyệt để cành lá chúng mãi mãi tươi xanh dù gặp cơn nắng lũ đi nữa. Ôi là mảnh đất đã từng chứng kiến cái thời kỳ chúng chỉ là mầm cây nhỏ chưa bén đất!

Truyện ngắn viết về tình yêu đất trong sự nghiệp văn chương và trong cuộc bút trình của Bình Nguyên Lộc nổi bật lên, như trên nền trời hồng ánh bình minh in rõ nét dáng núi duyên dáng với sắc thúy màu lam êm dịu.

Đây là tâm sự người thiếu phụ lấy chồng Pháp về thăm quê hương vào dịp cận Tết trong truyện ngắn “Chiều Hồn Nước” trong tập truyện *Cuống Rún Chứa Lia* do Văn Nghệ (California, Hoa Kỳ) tái bản. Về Sài Gòn sau bao năm lìa quê theo chồng đi chủng, nàng chẳng còn người thân thuộc nào nên nàng muốn một căn phòng ở khách sạn để dọn bàn thờ và tranh ảnh đón xuân. Tuy nhiên, vào tối hôm chín tháng chạp, nàng gặp một nhà thơ để có dịp phơi bày nỗi niềm của mình:

... Năm đó em học ban Trung học Pháp Việt ở Sài Gòn. Non kỳ nghỉ hè, em về quê, một làng hẻo lánh kia, rồi bị một nhóm quân nhân Pháp hiếp.

Sợ gia đình em thưa kiện, chúng nó phao vu em rồi bắt em đi. Ra tỉnh bị giam một thời gian thì em được thả, nhưng có còn gì nữa đâu mà quay về. Vừa lúc ấy thì một sĩ quan Pháp phải lòng em và bao em.

Em bằng lòng theo nó, vì cũng chẳng thiết làm lại cuộc đời, và một năm sau, đạo quân viễn chinh rút lui, em theo y về bên ấy, và được y cưới luôn, rồi em xin vào Pháp tịch.

*Hai năm đầu, em vui với được với cảnh lạ, nhưng khi hay tin cha mẹ em qua đời, em bỗng chạnh nhớ quê nhà.*

*Ban đầu chỉ là nỗi nhớ nhưng nhẹ thôi. Nhưng càng ngày lòng sầu xử càng sâu đậm, em không chịu nổi nữa nên vào cuối năm 1958 ấy, em có dư chút ít, xin thông hành với tư cách du khách về đây, cũng là cuối tháng chạp như năm nay.*

*Không thể nào mà anh tưởng tượng nỗi sự thèm khát quê hương của một kẻ viễn viễn không hy vọng trở về như em. Thèm như là thèm món cá nướng chấm mắm nêm, thèm hương bưởi, thèm tiếng chuông chùa ngân nga vào buổi hoàng hôn, thèm cảnh cấy mạ vào đầu mùa lúa. Thèm chết đi được là vào lúc gần Tết, tức là khoảng đầu năm dương lịch. Nhớ Tết như nhớ nhà, nhớ nước, bởi vì Tết là sum họp gia đình.*

(Chiều Hồn Nước, trang 48)

Tình yêu quê hương của Bình Nguyên Lộc càng rõ rệt hơn, như vàng trắng rằm sáng nguy nga treo trên nền trời đêm màu thúy lam tối đậm. Xin đọc tâm sự một bà già nhà quê vì ly loạn nên phải ra sinh sống ở tỉnh thành, phải xài bếp dầu để nấu nướng. Đây là đoạn trích trong cuộc mạn đàm giữa bà cùng con gái, chàng rể và con bé cháu ngoại của bà:

... rồi má tôi chậm rãi tuyên truyền cho tôi nghe:

-- Nè, củi mỗi thứ mỗi khác đó nghe. Củi bấp phơi khô để làm củi, thì ngọn lửa xanh như lửa đèn cồn. Vỏ măng cụt phơi khô, chụm nó nổ lách tách y như than Cà mau. Củi nhánh sao chết rụng trên vệ đường, nó cháy rồi tỏa ra cái mùi thời tiết gió bắc về. Còn mảy biết củi gì thơm ngát hay không? Đó là dăm tiện.

-- Dăm tiện là gì má? Chồng tôi hỏi.

-- Muốn làm những vật dụng tròn như kiếu chơn bàn, chơn ghé kia chẳng hạn, thợ tiện họ đưa cây vào máy tiện, cây nó mới tròn trịa đều đặn được, chớ thợ mộc tài nào mà traу giồi cho nó tròn. Các món tiện, luôn luôn là vật dụng quý mến nên được làm bằng thứ gỗ quý: trắc, cẩm lai, huỳnh đàn, cho nên dăm tiện nó thơm đủ lắm, thơm cái mùi hỗn



*hộp đủ loại gỗ mắc tiền. Lửa củi đã thơm mà hình thù nó cũng hay lắm. Nó cháy lên, mình thấy được, chớ vô hình như lửa đèn dầu. Nhìn ngọn lửa cũng ngộ, nhìn màu lửa còn ngộ hơn...*

(*Lửa Tết*, các trang 66, 67)

Về bút pháp, Bình Nguyên Lộc dùng phần nội hường đồng bình đậm để làm món trang sức. Còn về ngôn ngữ, anh áp dụng ngôn ngữ vùng miền Nam Kỳ Lục Tỉnh tối đa. Thỉnh thoảng, anh đậm nhưng chủ yếu bác nhưng thông dụng vào ngôn ngữ mộc mạc căn bản dành cho khẩu khí và ngôn ngữ của thị dân, còn thứ ngôn ngữ thuần túy quê rít quê rang thì dành cho thôn dân. Trong khi đó, Lê Xuyên gán vào miệng cho các nhân vật đủ mọi lứa tuổi (nam phụ lão ấu), đủ mọi tánh nết (dữ, hiền, ôn nhu, kiêu mạn, lẳng lơ...), hoặc đủ thành phần trong xã hội (hạng lương gia, hạng dân tú xú, hạng trưởng giả, hạng đàng điếm) cái ngôn ngữ trần trề ngữ pháp, thổ âm, tiếng lóng đặc biệt Nam Kỳ. Cả hai trái hẳn cách sáng tạo ngôn ngữ của Nhất Hạnh: Đức Phật hay một vị Hiền Thánh Tăng nào hoặc một đạo sư nào, một bậc tế quan hay một kẻ lê dân nào... một khi chui vào quyển *Đường Xưa Mây Trắng* của đường sự là họ trở lời ồm ồm của nàng sủng phi dùng để nhõng nhõng với đấng quân vương. Thiền sư chúng ta không chịu nhập vào vai trò qua cách ăn nói. Đường sự không bao giờ thoát khỏi cái lưới làm dáng làm duyên trong khi viết đối thoại trong văn chương.

Ở bài viết về Nhà Văn Bình Nguyên Lộc cho quyển *Náo Nức Hội Trăng Rằm* này tôi xin dùng bài *Tổng Quan Về Sự Nghiệp Văn Chương Của Bình Nguyên Lộc* của tôi đã đăng trên nguyệt san Văn Học số 18 (tháng 7 năm 1987) và thay cho nó cái tựa: *Bình Nguyên Lộc, Tổng Quan Văn Chương Vùng Đất Đồng Nai*. Dĩ nhiên tôi nhuận sắc và gia giảm mắm muối ở một vài chỗ theo nhu cầu suy tư và cảm nghĩ hiện thời của tôi.

Và tôi cũng xin thưa luôn: những đoạn trích dẫn trong các truyện ngắn của Bình Nguyên Lộc, tôi dựa vào tập truyện *Ký Thác* do Văn Nghệ (California) tái

## TRỞ VỀ

Tặng chị Nguyễn Thị Ngọc Dung

Theo chim rẽ quạt tôi về  
Một vùng ruộng trứng nổi đê ruộng gò  
Ngọt bùi củ ấu, củ co  
Mặn mà ơi dĩa cá kho thuở nào!

Ơi, vườn thơm ngắt hương cau  
Sân phơi vật nắng, xôn xao chim mùa  
Cô thôn vắng tiếng gà trưa  
Sữa trắng tiếng chó vu vơ cuối làng.  
Mạch đời trôi chậm mệnh mang  
Chân mây, phố thị âm vang tắt rồi  
Tôi về soi lại bóng tôi  
Trong gương ao thẳm, dưới trời nắng hanh.

Ra đi là chuyện cũng đành  
Trở về, giấc mộng chưa thành, thế thôi!

## HỒ TRƯỜNG AN

(Trích *Vườn Cau Quê Ngoại*)  
(2003)

bản vào năm 1986.

\*

Nhà văn Bình Nguyên Lộc chết vào ngày 7-3-1987, mãi một tuần sau chị Vi Khuê cùng anh Chủ Bá Anh ở Hoa-thịnh-đốn mới cho tôi hay. Tôi thành thật tiếc thương anh cũng như tôi giận cho cái số phận đen đui của mình. Tôi muốn hỏi anh về tin tức của các nhà văn nhà thơ gốc người Nam đã từng

viết văn làm báo với anh, hiện còn kẹt ở quê nhà như các anh Dương Trữ La (nhà văn), Trương Đạm Thủy (nhà văn), Hà Liên Tử (nhà thơ), Anh Tuyến (nhà thơ), Anh Việt Thanh (nhà thơ). Những nhà văn, nhà thơ đó vào thập niên 50, tôi đã từng mến mộ, dù văn tài, thi tài của họ chưa đủ sức thoát ra khỏi sự thờ ơ của độc giả để đăng vào văn đàn, thi đàn. Trên Văn Học số 15 (tháng 4/1987); ở truyện ngắn *Chiêu Hồn Nước*, Bình Nguyên Lộc có trích vài đoạn thơ của Hà Liên Tử, có lẽ thơ của Hà tiên sinh không hợp thời, không hợp sở thích với khách yêu thơ nữa, nhưng đó là tiếng vọng thời mới lớn của tôi, vào năm 1952, 1953 thì phải.

Chưa kịp hỏi thì anh Lộc đã từ trần!

Tôi đọc văn của Bình Nguyên Lộc từ năm 1948, khi tôi vào ngưỡng cửa trung học Tỉnh Vinh Long (Trường Collège de Vinh Long, dạy chương trình Pháp). Rồi vào năm 1956, tôi đọc một vài truyện ngắn của anh trên tạp san Văn Hóa Ngày Nay do Nhất Linh chủ trương như *Bàn Tay Sáu Ngón, Hồn Ma Cũ...*

Giữa lúc tôi mê xem truyện của Bà Tùng Long, Bà Tú Hoa, Dương Hà, Ngọc Sơn, Thanh Thủy, Trọng Nguyên, Nguyễn Ngọc Mẫn thì truyện ngắn của Bình Nguyên Lộc cho tôi một vài ý niệm mới: thế nào là một tác phẩm nghệ thuật? Người Nam Kỳ thuở đó viết được truyện dài, truyện ngắn, nhưng chưa hề biết viết văn, họ chỉ biết kể chuyện. Trừ Bình Nguyên Lộc, chỉ có Phi Vân là có thể viết truyện ngắn có tính chất nghệ thuật mà thôi: đó là tập truyện *Đồng Quê*. Sau *Đồng Quê*, Phi Vân viết thêm vài truyện dài như *Cô Gái Quê, Tinh Quê* lại... hồng. Đó chỉ là những cuốn tiểu thuyết dùng để giải trí mà thôi.

Cũng thế, Bình Nguyên Lộc rất thành công về truyện ngắn hơn là truyện dài. Chính ở truyện ngắn, anh có thể biểu dương văn tài của anh. Chỉ có truyện ngắn mới tạo cho anh một chỗ đứng vững chắc và sáng sủa trên văn đàn. Chính nhờ âm vang và ảnh hưởng tốt đẹp của tập truyện *Nhốt Gió*, của vài truyện ngắn đăng trên Văn Hóa Ngày Nay, độc giả

mới ưu ái anh, sẵn sàng đón tiếp nồng nhiệt quyển truyện dài *Đò Dọc* ra đời vào năm 1959 và cuốn truyện dài *Gico Gió Gặt Bão* ra đời vào năm 1960.

Tôi đã từng theo dõi hành trình các tác giả gốc người miền Nam trước Bình Nguyên Lộc sát nút. Họ kể truyện dài, truyện ngắn phom phom, trơn láng, duyên dáng tuyệt vời, quyển rữ rất nồng đượm. Kể truyện là thuật lại sự việc, chú không dựng được một cảnh sống. Người kể truyện chỉ nói trực tiếp sự việc, thí dụ: Buổi sáng, cô Lan đi chợ. Người viết văn thì không thể luôi biếng như vậy. Ông ta dựng ngay cái khung cảnh buổi sáng từ nhà cô Lan đến chợ. Ông ta còn tả chân dung cô Lan, dáng điệu, cử chỉ cô Lan và ông ta lại còn tả cảm nghĩ của cô Lan về buổi sáng, về khung cảnh chợ nữa. Nhà văn là kẻ đi chậm hơn người kể chuyện rất nhiều. Ông ta là kẻ rị mọ cũng như người thợ kim hoàn trong việc chạm trổ các món nữ trang. Ông ta dựng cảnh sống chưa đủ, còn phân tách tâm trạng nhân vật song song với công trình phân tích sự việc. Chính ở *Đò Dọc*, độc giả miền Nam đã thấy Bình Nguyên Lộc đã nắm vững nghệ thuật viết văn. Anh viết lưu loát, ngon ơ, tuôn tuột, trơn như mỡ, láng như dầu, nhưng vẫn giữ phong thái của một nhà văn thuần túy. Anh khác hẳn các Bà Tú Hoa, Tùng Long, Lan Phương cùng các anh Việt Quang, Ngọc Sơn, Thanh Thủy, Trọng Nguyên, Dương Hà, Nguyễn Ngọc Mẫn, Triệu Triệu, Tiêu Kim Thủy, Ngọc Linh, Sĩ Trung ở chỗ chỉ kể chuyện từ đầu tới cuối, hiếm hoi lắm độc giả mới thấy họ phác thảo vài dòng miêu tả ngắn gọn. Đã 27 năm qua, trong ký ức tôi như in rõ nét cảnh anh chàng Long và Cô Hồng trong *Đò Dọc* hẹn hò nhau, ngắm sao băng trên nền trời đêm để cùng thề ước nhau. Và tác giả còn tả tỉ mỉ hơn lúc cô gái tên Quá cầm mấy viên thuốc ngủ để quyến sinh. Anh phân tích tâm trạng cô ta thật chi li sắc bén... Lúc đó, tôi còn là học sinh tỉnh lẻ. *Đò Dọc* là cảnh sống cô đơn của bốn chị em Hương, Hồng, Hoa, Quá tại một vùng nửa chợ nửa quê nằm bên quốc lộ từ Sài Gòn xuôi về Biên Hoà. Vạy mà nhờ tai nạn xe cộ của một chàng tên Long,

trừ cô Hương yên phận gái già ra, ba chị em kia bắt đầu yêu đương liều lĩnh, tuy sự liều lĩnh kia vẫn ngoan ngoãn nằm yên trong khuôn nếp lễ giáo... Cảnh ghen tương, ầu đả, thất vọng xảy ra sau lưng ông cha bà mẹ cho tới khi cô Út tên Quá quyền sinh và được cứu sống. Sau hết, truyện kết thúc bằng ba cuộc hôn nhân của ba cô Hồng, Hoa, Quá với 3 cậu thanh niên thuộc giai cấp trung lưu trong đó có chàng Long. Chàng vốn là nạn nhân của tai nạn xe cộ, nhưng lại là thủ phạm đã từng gây sóng gió trong lòng ba cô em của cô Hương... Tuy nhiên, sau rớt, chàng kết hôn với cô Hồng, kẻ mà chàng yêu đương chân thành. Tác giả chỉ chừa cô chị lớn (cô Hương) để cô ở lại nhà săn sóc cha mẹ.

Tiếp theo truyện *Đò Dọc* là truyện *Gieo Gió Gặt Bão* cũng chỉ là cuốn tiểu thuyết tâm lý ái tình, cảnh chung sống của bộ ba, một ông hai bà... Cuốn đó không thể thấp sáng văn tài Bình Nguyên Lộc được. Phải đợi tới tập truyện *Ký Thác* với hai truyện *Rừng Mắm*, *Ba Con Cáo* mới làm rung động văn giới. Truyện ngắn *Rừng Mắm* rất sâu sắc trong công việc nêu cao tình đất, chẳng những mở cho đất nước một chiều dài thênh thang mà còn nuôi ngọn lửa hy vọng về tương lai huy hoàng của những kẻ khai hoang khẩn đất. Truyện *Ba Con Cáo* thấp sáng thiên lương và tình người, gây niềm tin yêu cho độc giả về khía cạnh tích cực và tốt đẹp của con người dù xã hội và hoàn cảnh đẩy đưa nhân vật vào hành vi phản phúc, đối trá, lọc lừa.

*Bóng Ai Ngoài Song Cửa* là cuốn tiểu thuyết phỏng theo ba vở kịch *Marius*, *Fanny và César* của Marcel Pagnol. *Xô Ngã Bức Tường Rêu* là cuốn đả phá giai cấp và đề cao tình yêu. *Uống Lộn Thuốc Tiên* là cuốn tiểu thuyết mô tả cuộc sống lứa đôi giữa người vợ trẻ măng và người chồng luống tuổi, qua bao chúng nghiệm đau thương cả hai yêu nhau chân thành. *Hoa Hậu Bờ Đào* mô tả cô gái đẹp lặn xả vào cuộc đời phồn tạp quá sớm.

Thành công về truyện ngắn (ở phương diện nghệ thuật), Bình Nguyên Lộc lại cho trình làng tập truyện *Tâm Trạng Hồng*. Ở đây nòng độ nghệ thuật bị pha

loãng vì đây là chỉ là những chuyện hài hước qua những truyền thuyết của kẻ trà dư tửu hậu hoặc của những bà ngồi lê đôi mách, xen vào đó là những vở hài kịch ngắn, chúng tỏ khiêu trào lộng bên nhạy nhưng không thâm thúy của tác giả. Lại nữa, anh không gây một dư âm, một chút suy nghĩ nào cho độc giả sau khi họ xếp quyển sách ấy lại.

Những truyện dài của Bình Nguyên Lộc hết 99% đều đăng theo thể thức từng kỳ (feuilleton) trước khi đăng thành sách. Khi xuất hiện từng kỳ trên báo, tác giả không tránh khỏi theo thói viết đối thoại cù nhây cù nhằng, tức là anh kéo dài lời ông qua và lời bà lại một cách thừa thãi và vô bổ. Khi in thành sách, anh cắt xén bớt những câu đối thoại vô thường vô phạt lẫn những câu nhì nhằng. Nhưng quyển sách vẫn không sạch sẽ gọn gàng, vẫn như mảnh đất hầy còn những bụi hoang đầy cành lá rườm rà, những cỏ dại bụi gai, không để cho những hoa thơm ý tưởng có thêm chỗ đất trống để trở sắc từng bùng hơn và tỏa hương ngào ngạt hơn. Những Ngọc Linh, Sĩ Trung, Dương Trử La đã theo bước chân anh thì chẳng nói làm gì vì họ là những cây bút đứng bên ngoài văn học sử. Nhưng Túy Hồng, Thụy Vũ, Văn Quang, Thanh Nam cũng làm những gì Bình Nguyên Lộc đã làm thì họ hy sinh quá nhiều nghệ thuật tính. Càng kéo dài đối thoại, họ càng pha lợt pha loãng cái phẩm chất của quyển sách. Nhưng Lê Xuyên thì khác, càng kéo dài cuộc đối thoại, anh càng thấp sáng cái mãnh lực màu nhiệm ngôn ngữ đất Nam Kỳ Lục Tỉnh, càng khơi bùng bùng ngọn lửa thiêng của những kẻ yêu ngôn ngữ trên đất nước quê hương được khai phá do cuộc Nam Tiến của dân tộc. Viết feuilleton là phải nhắm vào tâm lý và thị hiếu của quần chúng. Giới bình dân Nam Kỳ vốn thích chuyện nhơn quả, chuyện oán trả ơn đền, chuyện ngồi lê đôi mách, chuyện hài hước theo kiểu hề giễu trên sân khấu ca kịch cải lương, chuyện tôn vương hòa hiệp của các nhân vật chánh diện sau bao phen hoạn nạn tai ương. Vì vậy, Bình Nguyên Lộc có hai loại độc giả: nhóm thức giả có kiến thức trên trung bình và nhóm độc giả thuộc giới bình dân dưng

văn chương để giải trí. Cả hai loại độc giả đều ủng hộ truyện dài của anh hết mình.

Tôi cần nhấn mạnh kẻo quý vị độc giả hiểu lầm. Không phải mỗi truyện dài của Bình Nguyên Lộc hoàn toàn là truyện giải trí, loại mua vui cũng được một vài trống canh đâu. Anh viết truyện dài với tất cả ý thức của một nhà văn chân chính song song với việc nuông chiều thị hiếu của quần chúng độc giả. Đó là điều khó khăn nhất cho người cầm bút. Vì sao? Thị hiếu quần chúng hầu như không đi đôi với nghệ thuật. Viết mà chú trọng nhiều về nhân sinh quan, về tâm lý nhân vật, luôn cả nếu tác giả tả cảnh, tả người, tả sự việc quá chi ly tỉ mỉ thì đương sự sẽ làm cho độc giả không có sở tri phong phú về văn chương đâm ra mệt hốc hác khờ khạo. Còn viết ướm át, lảm ly, phi thực tế để nâng niu giấc mơ lối bạch hoặc o bế hoài bão cà chớn của giới độc giả hoang tưởng ở tầng lớp hạ lưu trong xã hội tức là tác giả nếu không cưỡng dâm nghệ thuật thì cũng xử lẳng tri ngòi bút của mình không chút xót xa. Vậy mà Bình Nguyên Lộc vẫn nắm vững lối viết đầy nghệ thuật tinh, vẫn chiều theo khiếu thưởng ngoạn của độc giả để tên tuổi mình vẫn vừa sáng vạng vạc trên văn đàn vừa đi sâu vào quảng đại quần chúng.

Trong bán thập niên cuối của thập niên 50 và trong suốt thập niên 60. Bình Nguyên Lộc là một nhà văn “populaire” (phổ thông) nhất. Đừng ai đồng đánh cho rằng những nhà văn “populaire” là nhà văn nếu không thuộc loại viết tiểu thuyết ba xu (như loại tiểu thuyết Harlequin) thì cũng là thứ nhà văn xoàng xĩnh, tài năng chai cứng và sượng ngắt. Điều này hoàn toàn không đúng với Bình Nguyên Lộc, nhất là với Nhà Văn Georges Simenon của nền văn chương nước Pháp. Ông này đã cho xuất bản trên 400 tác phẩm, đa số là loại trinh thám (những cuộc điều tra án mạng của ông Cò Maigret). Nhưng bên số lượng phồn thịnh của tiểu thuyết trinh thám thuộc loại siêu cấp đó, ông ta vẫn viết những tác phẩm văn chương, thí dụ như cuốn tiểu thuyết tâm lý *Chỉ Còn Những Cây Hạnh Đào (Il n'y avait que les*

*noisetiers)*. Đã đành Bình Nguyên Lộc viết truyện ngắn cho những người sành điệu văn chương, nhưng anh đâu phải viết truyện dài chỉ dành riêng biệt dành cho giới bình dân? Truyện dài của anh đã dựng được những cảnh sống (hoạt cảnh, phong cảnh, cảnh ngộ) lại còn vẽ được những nhân vật sống thực, và hơn nữa tác phẩm truyện dài của anh còn chứa đựng nhiều nhân sinh quan sắc sảo, rất cận nhân tình. Ngòi bút anh vì chiều theo độc giả bình dân cho nên trong các truyện dài của anh hầu như không có bối cảnh đồng quê, không có những nhân vật thôn dân, mà lại có khung cảnh thị thành, khung cảnh nửa chợ nửa quê với các thị dân từ bực trung lưu trở lên. Giới độc giả bình dân lam lũ vốn nhàm chán cảnh nghèo hèn của họ. Đọc quyển sách có khung cảnh đồng quê, có khung cảnh xóm chòi lá vách đất với những nhân vật cày sâu cuốc bẫm hay các nhân vật mua thúng bán bưng thì họ đâm ra nản lòng vì họ phải nhìn sâu vào hoàn cảnh sẫm buồn của họ. Còn khi đi xem hát bội hay hát Hồ Quảng, họ cốt ý muốn được xem tuồng tích có cảnh trí huy hoàng với lâu đài tráng lệ, cung điện nguy nga, có y quan lộng lẫy, có các nhân vật quý tộc như hoàng đế vương hầu, hoàng hậu quý phi, tế quan khanh tướng, công nương quận chúa... Họ đâu muốn cảnh đời hiện tại của họ hiện rõ trên trang sách phơi mở hay được dựng trên sân gỗ sân khấu khi bức màn nhung chẻ đôi và vén ra. Bình Nguyên Lộc khi viết truyện dài biết đưa họ lạc vào cảnh giàu sang của giới thượng lưu hay cảnh đầm ấm thoải mái của giới trung lưu được ánh sáng văn minh soi đến, nhưng đáng quý nhất là anh nếu không viết được truyện dài xuất sắc thì cũng giữ cho cái phẩm chất của chúng vào bậc trung, chớ không để chúng rớt xuống loại tiểu thuyết ba xu hạ cấp.

Bên cạnh những truyện dài *Ái Ân Thâu Ngán Cho Dài Tiếc Thương, Nhện Chờ Mối Ai, Trâm Nhớ Ngàn Thương* (Trâm chớ không phải Trâm, ở đây cô Trâm và cậu Ngán thương nhớ nhau), Bình Nguyên Lộc viết một truyện dài thuộc về bệnh lý hồn chúng (l'amnésie) trong truyện dài *Khi Từ Thức Về Trần*. Truyện này mô tả một người bị tai

nạn xe hơi quên hẳn quá khứ trong đó có gia đình mình. Anh ta xây dựng một cuộc đời khác, có vợ con khác. Rồi một tai nạn khác xảy đến: anh ta bị một kẻ cướp đập vào đầu một cú đau điếng. Anh ta vụt nhớ lại quá khứ cũ, gia đình cũ nên tìm về vợ con cũ. Họ đều tưởng anh đã chết trong tai nạn xe hơi hồi trên 20 năm trước; người vợ trước đã đi lấy chồng khác, các con dòng trước đã trưởng thành. Họ nhìn anh ta ngỡ ngàng xa lạ, không thể cùng anh ta ráp lại những mảnh tan vỡ cũ để tái lập một gia đình đầm ấm và nguyên vẹn như xưa. Sau cùng, anh ta trở về gia đình hiện tại, sống trong cảnh hạnh phúc với vợ con hiện tại. Truyện dài này có vẻ đặc sắc hơn mọi truyện dài khác.

Bình Nguyên Lộc trong những năm 1965, 1966, 1967 cộng tác với những tạp san văn nghệ đứng đầu trong đó có tạp san Văn (do Nguyễn Đình Vượng làm chủ nhiệm, do Trần Phong Giao rồi tới Mai Thảo làm chủ bút) bằng những truyện ngắn mà anh viết cho anh để hoài niệm quê hương, để sống trong tình yêu đất. Trên tạp san Hương Quê, truyện ngắn của anh đưa độc giả trở về từng vùng quê, từng cảnh ngộ dân quê một cách thích thú... Những truyện ngắn đó được anh lần lượt đưa vào các tập truyện *Mùa Thu Nhớ Tầm, Tình Đất và Cuống Rún Chưa Lìa*.

Truyện dài của Bình Nguyên Lộc gặt thêm một thành công khác. Vào năm 1972, điện ảnh gia Lê Dân chọn truyện *Một Nàng Hai Chàng* của anh để quay thành phim *Hồng Yến* với các Tài Tử Kiều Chinh, Tâm Phan và Trần Quang. Nhưng điều đó chưa gây tiếng vang ỏi và sâu rộng trong văn giới bằng cuốn phóng sự của anh nhan đề *Những Bước Lang Thang Trên Hè Phố Của Gã Bình Nguyên Lộc*. Anh đã đổi thực đơn cho độc giả vào năm 1966, nhưng vẫn tiếp tục viết feuilleton. Mãi đến năm 1973, Bình Nguyên Lộc bắt đầu tung ra hai cuốn biên khảo là *Nguồn Gốc Mã Lai Của Dân Tộc Việt Nam và Lộ Trình Việt Ngữ*. Đó là kết quả công trình do nhiều năm anh cặm cụi sưu tầm tài

liệu và là kết quả công việc nghiên cứu một cách say mê.

\*

Ai cũng vậy, hễ cầm bút viết về một nhà văn tiền bối nào, hoặc về một cây bút trưởng thượng nào là đương sự thích tế sống hơn là tế chết người được viết. Thiệt tình, trong vài bài đăng ở Văn, Làng Văn, tôi đã từng tế sống anh Bình Nguyên Lộc. Tôi có dè dặt chưa đây một năm, tôi lại phải viết một bài tưởng niệm vong linh anh, coi như một nén nhang đốt tiễn đưa anh về bên kia thế giới.

Dù tôi có thay đổi nhiều lượt, nhiều phen về quan niệm văn chương, nhưng sự nghiệp văn chương của anh và công trình sưu khảo của anh đã đóng góp cho văn hóa dân tộc biết bao món trân bảo ngoạn mục. Và khi đọc truyện *Ký Thác* của anh, tôi như sống lại cái thời thanh xuân rực rỡ nhất của tôi, cái thuở mà song song với niềm say mê quyển sách ấy, tôi theo dõi những truyện dài mà anh đã đăng trên các nhật báo để rồi thực hiện thành hai cuốn tiểu thuyết *Đò Dọc* (mà anh đã đoạt Giải thưởng Văn Học Nghệ Thuật Toàn quốc vào năm 1960) và *Gieo Gió Gặt Bão*... Đây là lần đầu tiên các độc giả miền Nam được đọc một tác phẩm văn chương đúng nghĩa dưới hình thức quyển tiểu thuyết của một tác giả gốc Nam Kỳ. Vậy tiểu thuyết là gì, nếu không là phản ảnh đời sống của một nhóm nhân vật có những sợi dây liên hệ tình cảm trói buộc với nhau? Đời sống đó được tác giả nhìn ngắm, tư duy và phơi bày cho độc giả thưởng thức qua cái nhân sinh quan cá biệt của tác giả, qua cả niềm rung cảm của ông ta. Các tác giả như các bà Tú Hoa, Tùng Long, Lan Phương, các anh Ngọc Sơn, Thanh Thủy, Nguyễn Ngọc Mẫn, Dương Hà, Trọng Nguyên, Dương Trử La, Ngọc Linh, Sĩ Trung... đa số đều viết truyện tình cảm gay gắt, éo le với những nhân vật được mô tả sơ sài về mặt tâm lý. Trừ bà Tú Hoa, bà Lan Phương, các anh Thanh Thủy, Dương Trử La, Ngọc Linh, Sĩ Trung chịu khó sáng tác, còn các tác giả kia thường phóng tác tiểu thuyết và phim ảnh ngoại quốc. Bà Tùng Long

và anh Ngọc Sơn đa số phóng tác các loại truyện tiểu thuyết ba xu như *Nous Deux*, *Harlequin*. Anh Dương Hà phóng tác các danh phẩm của Emily Bronte, Margaret Mitchell, nhưng anh Dương Hà lại giản lược những đoạn tả cảnh, tả tình, tả nhân sinh quan. Anh Nguyễn Ngọc Mẫn phóng tác theo các cuốn phim Ý-đại-lợi thuộc loại thương mại nổi tiếng ăn khách trong hai thập niên 40, 50 với các tài tử Âu Châu hạng B vang danh như Marta Toren, Gianna Maria Canale, Eleonora Drossi Drago, Yvonne Sanson, Nadia Gray... (nữ), Amedéo Nazzari, Ettore Manni, Jacques Sernas, Pierre Croisoy... (nam). Anh Trọng Nguyên phóng tác các cuốn phim Tàu được hãng Việt Hoa Văn Hóa Hợp Tác Công Ty Điện Ảnh lồng tiếng hoặc các cuốn Tàu phim do hãng Mỹ Vân và hãng Mỹ Phương chuyển âm. Đó là các cuốn phim gây tên tuổi chói rọi của các tài tử Vương Nguyên Long, Vương Hào, Nghiêm Tuấn, Hoàng Hà, Bình Phạm, Trương Anh, Trương Dương, Lô Chấn, Triệu Lô, Tăng Giang... (nam), Lý Lệ Hoa, Bạch Quang, Lý Mi, Trần Văn Thường, Hồng Tuyền Nữ, Tố Thu, Lưu Kỳ, Lưu Luyện, Âu Dương Sa Phi, Bạch Dương, Hạ Mộng, Cát Lan, Trần Quyên, Trương Trọng Văn, Thạch Tuệ... (nữ). Độc giả không tìm được trong tác phẩm các nhà văn Trọng Nguyên, Nguyễn Ngọc Mẫn, Dương Hà, Ngọc Sơn và bà Tùng Long một cảnh sống linh động nào, một quan niệm sống nào mới mẻ, tươi rói. Do đó chúng trở thành những tác phẩm dành cho quần chúng giải trí để rồi họ quên lửng trong các cuộc mưu sinh phồn tạp.

Miền Nam vào thời chiến tranh Đông Dương có 3 nữ tiểu thuyết gia, nổi tiếng nhất là Bà Tú Hoa, Bà Tùng Long và Bà Lan Phương. Bà Tú Hoa trước đó, vào thời tiền chiến đã đoạt giải Tự Lực Văn Đoàn qua cuốn tiểu thuyết *Bóng Mơ*. Sau đó, bà viết thêm vài cuốn tiểu thuyết nữa cũng khá ăn khách, tuy nhiên không hiểu sao bắt đầu từ năm 1964, bà ngưng viết luôn. Rồi đó, vào thuở cuộc

chiến tranh Đông Dương bùng nổ, sự xuất hiện của Bà Tùng Long (gốc người Quảng Nam, nhưng sinh sống lâu năm trong Nam) qua các quyển *Lầu Tỉnh Mộng*, *Nhị Lan*, *Giang Sơn Nhà Chồng* gây náo nhiệt trong quần chúng thuộc giai cấp trung lưu Nam Kỳ hơn. Nhưng Bà Tùng Long vốn ưa văn dĩ tải đạo hơi nhiều, làm cô giáo dạy luân lý cho học trò độc giả ở bất kỳ tác phẩm nào nên thét rồi độc giả hơi nhàm. Đúng lúc đó tên tuổi Bà Lan Phương vụt sáng lên. Bà viết rất có ý thức, các nhân vật của bà rất người, có tánh tốt trà trộn tánh xấu. Đặc biệt nhất bà viết về tánh ghen tương ganh ghét của đàn bà thiên hình vạn trạng nên văn chương bà rất hấp dẫn. Còn Cô Hoàng thị Như Mai qua quyển *Hai Dòng Con*, Cô Thanh Tùng vốn là tác giả các quyển *Sống Trên Nhung Lụa* và *Một Tâm Hồn Trong Sự Lạnh*, Tô Hằng Nữ Sĩ với quyển *Ái Tình và Sắc Đẹp* đều không không phải là đào chính cống, mà là thú đào lộn hột, chu choa ơi, lộn tới hai hột, trời ạ. Cho nên trong một sớm một chiều họ chuồn êm ra khỏi làng văn trận bút. Cũng như các nhà văn Ngọc Sơn, Thanh Thủy, Dương Hà, Trọng Nguyên, hay nhóm nhà văn vào thuở Nam Bộ Kháng Chiến, ba nữ sĩ Tú Hoa, Tùng Long, Lan Phương viết văn bằng giọng văn Bắc Nam pha trộn, nhưng rất mềm dịu du dương với ngôn ngữ dân đô thị lúc viết nhật ký hay lúc viết thư tâm sự hay thư tình. Thế có nghĩa dù viết văn không có chêm những tiếng nhĩ, nhé, ư, ạ, eo ơi, thảo nào, thế à... nhưng ngôn ngữ được xử dụng rất trung tính (neutre), không phảng phất sương khói ngôn ngữ Bắc Kỳ, không vết điều khắc giọng văn Huế, không đậm đặc ngôn ngữ Nam Kỳ.

(Còn tiếp 1 kỳ)  
**HỒ TRƯỜNG AN**  
(Troyes – France)

# Et tu Brutè?

Cả đến người còn phản ta ư, Brutus?:  
Hai Thí Dụ Về Tài Hùng Biện  
trong vở Bi-kịch Julius Ceasar  
của **William Shakespeare**.

## Phạm Trọng Lê

sưu khảo và dịch  
(Tiếp theo Cỏ Thơm 45)

Whose daggers have stabbed Ceasar: I do fear it.

4<sup>th</sup> PLEBEAIN

They were traitors: honourable men?

**B-5.**

4<sup>th</sup> PLEBEAIN

We'll hear the will. Read it, Mark Antony.

ALL

The will, the will. We will hear Ceasar's will.

ANTONY

Have patience, gentle friends. I must not read it.

It is not meet you know how Ceasar loved you.

You are not wood, you are not stones, but men:

And being men, hearing the will of Ceasar,

It will inflame you, it will make you mad.

'Tis good you know not that you are his heirs,

For if you should, O what would come of it?

4<sup>th</sup> PLEBEAIN

Read the will, we'll hear it, Antony.

You shall read us the will, Ceasar's will.

ANTONY

Will you be patient? Will you stay awhile?

I have o'er-shot myself to tell you of it

I fear I wrong the honourable men

ALL

The will, the testament.

2<sup>nd</sup> PLEBEAIN

They were villains, murderers. The will, read the will.

ANTONY

You will compel me then to read the will?

Then make a ring about the corpse of Ceasar,

And let me show you him that made the will.

Shall I descend? And will you give me leave?

ALL

Come down.

2<sup>nd</sup> PLEBEAIN

Descend.

[Antony comes down from the pulpit.]

3<sup>rd</sup> PLEBEAIN

You shall have leave.

4<sup>th</sup> PLEBEAIN

A ring.

Stand around.

1<sup>st</sup> PLEBEAIN

Stand from the hearse, stand from the body.

2<sup>nd</sup> PLEBEAIN

Room for Antony, most noble Antony.

ANTONY

Nay, press not so upon me. Stand far off.

ALL

Stand back. Room, bear back.

**Dịch phần B-5:**

Người dân thứ 4:

Chúng tôi muốn nghe bản chúc thư. Hãy đọc bản di chúc đi, Mark Antony.

Tất cả đồng thanh:

Bản chúc thư! Chúng tôi muốn nghe bản chúc thư!

ANTONY

Xin đồng bào kiên nhẫn, các bạn hiền ơi. Tôi không dám đọc bản chúc thư.

Thật là không thích đáng nếu đồng bào biết Caesar yêu mến đồng bào chừng nào.

Đồng bào đâu có phải là gỗ đá.

Đồng bào là con người có tình cảm, nghe đọc bản chúc thư sẽ làm đồng bào tức giận.

Sẽ làm đồng bào nổi nóng.

Thà để đồng bào không biết mình là kẻ thừa kế của ngài thì tốt hơn.

Vì nếu biết vậy, thì ôi chao, hậu quả sẽ vô lường.

Người dân thứ 4:

Hãy đọc bản chúc thư! Chúng tôi sẽ nghe.

Antony phải đọc bản chúc thư, chúc thư của Caesar!

ANTONY

Xin đồng bào kiên nhẫn! Đồng bào chờ một lúc được không?

Tôi đã quá lời khi cho đồng bào biết có bản chúc thư.

Tôi e rằng tôi đã phạm lỗi với những vị đáng kính mà những lưỡi dao của họ đã đâm chết Caesar. Tôi e ngại lắm!

Người dân thứ 4:

Chúng là những kẻ phản bội! “Đáng kính” gì lũ ấy!

Tất cả đồng thanh:

Bản chúc thư! Bản di chúc!

Người dân thứ 2:

Chúng là bọn tội phạm, những kẻ sát nhân! Bản chúc thư! Hãy đọc bản chúc thư!

ANTONY

Vậy là đồng bào buộc tôi phải đọc bản di chúc?

Vậy hãy đứng quanh thi thể Caesar. Để tôi chỉ cho đồng bào người đã viết bản chúc thư. Đồng bào muốn tôi bước xuống chứ? Đồng bào cho phép tôi bước xuống chứ?

Tất cả đồng thanh:

Hãy bước xuống!

Người dân thứ 2:

Hãy bước xuống đi!

Người dân thứ 3:

Antony, ông được phép bước xuống.

[*Antony từ bực bước xuống.*]

Người dân thứ 4:

Hãy đứng vòng quanh! Hãy đứng thành vòng tròn!

Người dân thứ 1:

Lui ra, đứng xa áo quan! Hãy đứng xa thi thể!

Người dân thứ 2:

Dành chỗ cho Antony, Antony đáng quý!

ANTONY

Đừng, đừng chen tôi. Đứng xa một chút.



Tất cả đồng thanh:  
Lui lại! Cho trống chũ! Lui ra sau!

**B-6.**

ANTONY

If you have tears, prepare to shed them now.  
You all know this mantle. I remember  
The first time ever Ceasar put it on;  
'Twas on a summer's evening in his tent,  
That day he overcame the Nervii.  
Look, in this place ran Cassius' dagger through:  
See what a rent the envious Casca made:  
Through this the well-beloved Brutus stabb'd;  
And as he pluck'd his cursèd steel away,  
Mark how the blood of Ceasar follow'd it,  
As rushing out of doors, to be resolv'd  
If Brutus so unkindly knock'd or no;  
For Brutus, as you know, was Ceasar's angel.  
Judge, O you gods, how dearly Ceasar lov'd him.  
This was the most unkindest cut of all;  
For when the noble Ceasar saw him stab,  
Ingratitude, more strong than traitor's arms,  
Quite vanquish'd him: the burst his mighty heart;  
And in his mantel muffling up his face,  
Even at the base of Pompey's statue  
Which all the while ran blood, great Ceasar fell.  
O, what a fall was there, my countrymen!  
Then I, and you, and all of us fell down,  
Whilst bloody treason flourish'd over us.  
O, now you weep, and I perceive you feel  
The dint of pity: these are gracious drops.  
Kind souls, what weep you when you but behold  
Our Ceasar's vesture wounded? Look you here!  
Here is himself, marr'd, as you see, with traitors.

1<sup>st</sup> PLEBEIAN

O piteous spectacle!

2<sup>nd</sup> PLEBEIAN

O noble Ceasar!

3<sup>rd</sup> PLEBEIAN

O woeful day!

4<sup>th</sup> PLEBEIAN

O traitors! villains!

1<sup>st</sup> PLEBEIAN

O most bloody sight!

3<sup>rd</sup> PLEBEIAN

We will be revenged.

ALL

Revenge! About! Seek! Burn! Fire! Kill! Slay!

ANTONY

Stay, countrymen.

1<sup>st</sup> PLEBEIAN

Peace there! Hear the noble Antony.

2<sup>nd</sup> PLEBEIAN

We'll hear him, we'll follow him, we'll die with him.

**Dịch phần B-6:**

ANTONY

Nếu có nước mắt, bây giờ đồng bào hãy khóc đi.  
Đồng bào nhận ra chiếc áo choàng này chứ; tôi nhớ  
Lần đầu Ceasar khoác áo này lên:  
Đó là một buổi tối mùa hạ, trong lều của ngài,  
Hôm đó ngài thắng bộ lạc Nervii trong cuộc  
chiến vùng Gaul.  
Hãy nhìn xem, chỗ này lưỡi dao của tên Cassius  
đâm thấu:  
Hãy xem vết rách lớn trên áo mà tên Casca hiểm  
độc đã đâm:  
Qua lỗ này, Brutus, người được Ceasar yêu như  
con, đã đâm ông;  
Và khi Brutus rút lưỡi thép ghê tởm ra,  
Hãy nhìn kỹ xem chỗ đó máu chảy ào theo,  
Máu dường như chảy ủa ra miệng vết đâm

Như muốn biết chắc tại sao Brutus đã bắt nạt  
đâm bạn mình.

Vì Brutus, như đồng bào biết, là người Caesar  
quí nhất.

Hãy phán xét, ôi, quỷ thần chứng giám cho,  
Caesar thương yêu Brutus biết ngần nào!

Đây là vết đâm tàn nhẫn hơn cả.

Vì khi Caesar đáng quí thấy hấn đâm ông

Lòng vong ân của hấn--còn mạnh hơn cánh tay  
tên phản bội này--,

Hoàn toàn chế ngự Caesar. Rồi trái tim cao  
thượng của ngài vỡ ra;

Và, bằng chiếc áo choàng, ngài che mặt mình,

Ngay đây, dưới chân tượng Pompey,  
(trong khi đó máu tuôn xối xả) Caesar vĩ đại ngã xuống.

Ôi, một cái ngã thật oai hùng, thừa đồng bào.

Rồi tôi, và đồng bào, tất cả chúng ta đều gục xuống,  
Trong khi sự phản bội đâm máu vênh-váo cả  
thắng chúng ta.

Ôi, bây giờ đồng bào khóc, và tôi thấy đồng bào  
thương xót.

Đây quả thật là những giọt nước mắt nhân hậu.

Hỡi bạn hiền, tại sao các bạn khóc khi chỉ mới thấy  
Cái áo choàng của Caesar của chúng ta bị đâm?  
Hãy nhìn đây.

Đây, thi thể ngài đây, bị đâm như bởi những tên  
phản bội.

[*Antony vừa nói vừa lật áo choàng để lộ thi thể  
Caesar với 23 nhát đâm.*]

Người dân thứ nhất:

Trời đất ơi, thật là một cảnh thương tâm!

Người dân thứ hai:

Ôi, Caesar đáng quí!

Người dân thứ ba:

Ôi, một ngày buồn thảm!

Người dân thứ 4:

Ôi, bọn bội phản, bọn gian ác!

Người dân thứ nhất:

Một cảnh máu me chan hòa chưa từng thấy!

Người dân thứ 2:

Chúng ta phải trả thù!

Tất cả:

Trả thù ! Chúng ta hãy đi đi. Tìm cho ra bọn chúng.

Đốt! Giết! Đừng cho tên bội phản nào sống!

ANTONY

Xin đồng bào nán lại.

Người dân thứ nhất:

Yên lặng. Hãy nghe Antony đáng quí!

Người dân thứ hai:

Chúng ta sẽ nghe ông nói, chúng ta sẽ theo ông,  
chúng ta sẽ chết cùng ông!

**B-7.**

ANTONY

Good friends, sweet friends, let me not stir you up

To a sudden flood of mutiny:

They that have done this deed are honourable.

What private griefs they have, alas, I know not,

That made them do it. They are wise and  
honourable,

And will no doubt with reasons answer you.

I come not, friends, to steal way your hearts.

I am no orator, as Brutus is,

But, as you know me all, a plain blunt man,

That love my friend; and that they know full well

That gave me public leave to speak of him.

For I have neither wit, nor words, nor worth,

Action, nor utterance, nor the power of speech

To stir men's blood: I only speak right on.

I tell you that which you yourselves do know,

Show you sweet Caesar's wounds, poor, poor  
dumb mouths,

And bid them speak for me. But were I Brutus,

And Brutus Antony, there were an Antony

Would ruffle up your spirits, and put a tongue

In every wound of Ceasar that should move  
The stones of Rome to rise and mutiny.

ALL  
We'll mutiny.

1<sup>st</sup> PLEBEIAN  
We'll burn the house of Brutus.

3<sup>rd</sup> PLEBEIAN  
Away then! Come, seek the conspirators.

ANTONY  
Yet hear me, countrymen. Ye hear me speak.

ALL  
Peace, ho! Hear Antony, most noble Antony.

ANTONY  
Why, friends, you go to do you know not what  
Wherein hath Ceasar thus deserv'd your loves?  
Alas! You know not! I must tell you then.  
You have forgot the will I told you of.

ALL  
Most true. The will, let's stay and hear the will.

ANTONY  
Here is the will, and under Ceasar's seal.  
To every Roman citizen he gives  
To every several man, seventy-five drachmas.

2<sup>nd</sup> PLEBEIAN  
Most noble Ceasar! We'll revenge his death.

3<sup>rd</sup> PLEBEIAN  
O royal Ceasar!

ANTONY  
Hear me with patience.

ALL  
Peace, ho!

ANTONY  
Moreover, he hath left you all his walks,  
His private arbours, and new-planted orchards,  
On this side Tiber; he hath left them you,  
And to your heirs for ever: common pleasures,  
To walk abroad and recreate yourselves.  
Here was a Ceasar! When comes such another?

1<sup>st</sup> PLEBEIAN  
Never, never! Come, away, away!  
We'll burn his body in the holy place,  
And with the brands fire the traitors' houses.  
Take up the body.

2<sup>nd</sup> PLEBEIAN  
Go fetch fire.

3<sup>rd</sup> PLEBEIAN  
Pluck down benches.

4<sup>th</sup> PLEBEIAN  
Pluck down forms, windows, anything.  
[*Exeunt Plebeians with the body.*]

ANTONY  
Now let it work. Mischief, thou art afoot,  
Take thou what course thou wilt! [Enter a  
Servant] How now, fellow?

### **Dịch phần B-7:**

ANTONY  
Bạn tốt, bạn yêu quý, xin đừng để tôi xúi dục  
đồng bào nổi loạn. Những kẻ có hành động này  
có những điều oan ức riêng khiến họ phải giết  
Ceasar như vậy, tôi không rõ. Họ là những người  
khôn ngoan đáng kính, và chắc chắn họ sẽ có  
cách trả lời hợp lý với đồng bào. Tôi tới đây, hỏi  
các bạn thân, không phải để làm mũi lòng quý vị.  
Tôi không có tài hùng biện như Brutus. Nhưng  
(như tất cả quý vị biết rõ) tôi chỉ là người ăn nói  
thuần phác, cục mịch, yêu quý bạn mình. Và  
những người chính thức cho phép tôi nói về

Ceasar biết rõ. Vì tôi chẳng có óc thông minh, hay biết cách ăn nói lưu loát, hay quyền hành, hay cử chỉ, hay biết trình bày hùng hồn, cũng chẳng biết sách động làm sôi máu người khác. Tôi chỉ biết nói thật, nói thẳng. Tôi chỉ kể cho quý vị nghe điều quý vị đã biết rõ. Tôi chỉ cho quý vị xem những vết thương trên thi thể Ceasar đáng yêu--ôi những vết đâm, những cái miệng đáng thương câm nín--và xin chúng nói lên hộ tôi. Nhưng ví thử như tôi là Brutus, và Brutus là Antony thì đã có một Antony khích động cho tâm trí đồng bào phần nộ và ban cho mỗi vết thương của Ceasar một ngọn lưỡi để lay chuyển những viên đá thành Rome khiến chúng phải trở dậy nổi loạn.

Tất cả đồng thanh :  
Chúng tôi sẽ nổi loạn !

Người dân thứ nhất :  
Chúng tôi sẽ đốt nhà Brutus

Người dân thứ ba :  
Vậy thì ta hãy đi đi ! Hãy tìm cho ra bọn phản tặc.

ANTONY  
Nhưng hãy nghe tôi nói đã. Đồng bào ! Nhưng hãy nghe tôi nói hết !

Tất cả đồng thanh :  
Hãy yên lặng! Hãy nghe Antony, Antony đáng quý!

ANTONY  
Tại sao, bạn thân ơi, các bạn lại đi làm chuyện mình không biết hậu quả ra sao! Tại sao Ceasar lại đáng được đồng bào thương như vậy? Than ôi, đồng bào không biết. Tôi phải cho đồng bào hay. Đồng bào quên hẳn bản chúc thư tôi kẻ cho đồng bào biết!

Tất cả đồng thanh:  
Đúng lắm, bản chúc thư! Chúng ta hãy nán lại nghe bản chúc thư!

ANTONY [*Lấy bản chúc thư trong tay áo ra.*]  
Đây là bản chúc thư, có triện son riêng của Ceasar! [*Rồi đọc.*] Cho mỗi công dân La mã, mỗi người, ngài ban cho bảy mươi lăm đồng bạc.

Người dân thứ 2:  
Ceasar rất đáng quý! Chúng ta sẽ báo thù cho cái chết của người!

Người dân thứ 3:  
Ôi, Ceasar cao quý quảng đại!

ANTONY  
Xin kiên nhẫn nghe tôi.  
Tất cả:  
Hãy yên lặng!

ANTONY  
Ngoài ra, ngài đã để lại cho đồng bào tất cả những con đường ngài đi dạo, những chỗ ngồi mát dưới giàn cây leo của ngài, những vườn cây mới trồng của ngài bên bờ sông Tiber này. Ngài đã để lại cho tất cả đồng bào và con cháu mình--bây giờ và mãi mãi--những công viên để đồng bào đi dạo và thưởng ngoạn. Đó là một hình ảnh của con người Ceasar! Bao giờ chúng ta lại thấy một người như vậy nữa?

Người dân thứ nhất:  
Không bao giờ! Chẳng bao giờ! Chúng ta cùng đi đi. Chúng ta sẽ hỏa thiêu thi thể ngài ở đất thiêng rồi lấy đuốc đốt nhà bọn phản tặc. Hãy nâng thi thể ngài lên.

Người dân thứ 2:  
Đi lấy đuốc đi.  
Người dân thứ ba:  
Xếp đồng những ghế dài.  
Người dân thứ 4:  
Xếp đồng những ghế ngồi, cửa chớp, mọi vật!  
[*Đám đông tản đi, mang theo thi-thể Ceasar.*]

## ANTONY

Giờ đây hãy để mọi chuyện tiến hành theo chiều hướng của nó. Mâm nội loạn đang âm-ĩ. Việc gì xảy ra cứ để cho xảy ra. [*Nói với người hầu.*] Người muốn báo cho ta biết điều gì?

[*Tên hầu cận báo cho Antony biết cháu của Ceasar là Octavius đang chờ ông ở tư dinh của Ceasar, và bọn Brutus và Cassius đã trốn khỏi thành Rome.*]

## IV. PHẦN CHÚ THÍCH

-Chữ Et tu, Brutè là tiếng Latin, Shakespeare dùng nguyên văn gốc Latin để cực tả lời cuối cùng của Ceasar trước khi chết. Bây giờ câu này thường dùng để chỉ một sự phản bội.

-Trong hồi II, cảnh ii có nhiều chữ dùng ở thời Shakespeare, nghĩa khác bây giờ. Khi Brutus nói, “Romans, countrymen, and lovers,” thì “lovers” nghĩa là “bạn” (friends). Chữ “censure” nghĩa là “phán xét” (judge), như trong lời của Brutus, “Censure me in your wisdom” (Hãy phán xét tôi bằng trí thông minh của quý vị.) Bây giờ chữ “censure” có nghĩa là “khiến trách, đàn hặc.”

-Trong nhóm chữ “awake your senses” chữ “senses” có nghĩa như “intellectual power” (óc suy xét). Brutus kêu gọi quần chúng hãy sáng suốt, hãy “tỉnh trí” vì ông nhấn mạnh đến lý trí, và đó là khuyết điểm của ông, vì sau đó đám đông đã bị Antony lôi cuốn vì tình cảm.

-Enrolled: Dòng 37-38: “The question of his death in enrolled in the Capitol” “Việc xét phải giết Ceasar đã có bản và ghi lại trong nhật ký của nghị-viện.” Bây giờ quốc hội Mỹ cũng gọi là Capitol vì bắt chước hình thức nghị-viện thời La-Mã. Bây giờ chữ “enrolled” (cuốn lại) vẫn còn dùng, vì một dự luật được thông qua ở thời La-Mã, được chép lại vào một tờ giấy dày hay vào da thú (parchment) rồi “cuốn lại.” Ngày nay, chữ “enrolled” dùng trong nghị trường trong chữ “enrolled version” chỉ một bản dự luật đã được hai viện chuẩn y, chỉ còn chờ chữ ký của thống đốc tiểu bang hay tổng thống liên bang trước khi

thành luật. Nhưng trong thời Ceasar, chỉ có một viện dân biểu là Senate mà thôi. Cũng nên biết thêm 49 trong số 50 tiểu bang của Mỹ, tiểu bang nào cũng có hai viện là thượng và hạ viện, gọi là bicameral, lưỡng viện, như quốc hội liên bang, ngoại trừ tiểu bang Nebraska chỉ có một viện mà thôi, gọi là unicameral legislature.

-Dòng 43: “extenuated”= làm giảm. Theo truyện của Plutarch, sau khi giết Ceasar rồi, nghị viện (lúc đó gọi là Senate) quyết định vẫn giữ nguyên các luật lệ của Ceasar và trong đám tang ông, tôn vinh ông như một vị thần (god). Enforc’d=phóng đại. Dòng 98: sterner stuff=vật liệu cứng rắn hơn. “Ambition should be made of sterner stuff”=người có tham vọng phải là người lòng chai đá hơn.

-O Judgement, thou art fled to brutish beast.= Ôi lý trí, người đã chạy theo bọn súc sinh rồi. Câu này Antony gián tiếp trách quần chúng không nhận thấy tội giết Ceasar của Brutus, nhưng cũng là một cách chơi chữ vì chữ “brutish” (tinh tữ, nghĩa là hung bạo) lại đặt gần với tên của Brutus, như vậy là gián tiếp nói Brutus hung bạo.

-Dòng 175: The Nervii: một bộ lạc Bỉ ở xứ Gaul mà Ceasar đánh bại năm 57 trước thiên chúa. Trong trận đó Ceasar đã tỏ ra can trường, và Antony muốn gọi lại để gián tiếp nhắc cho công chúng nhớ đến công trạng của Ceasar.

- Dòng 184: Khi Antony chỉ vào lỗ dao đâm của Brutus và nói câu: “This is the most unkindest cut of all” thì chữ “unkindest” có nghĩa là “most cruel” (“tàn bạo nhất”). Văn phạm thời Shakespeare cho phép dùng double superlative (Thế tỷ giáo kép) (“most” và “unkindest”).

-Dòng 221: public leave: được phép nói trước công chúng. (Leave=cho phép)

- Irony: Dòng 214: I am no orator, as Brutus is. Tôi không phải nhà hùng biện như Brutus. Đây là một thí dụ về thuật nói bóng gió, mỉa mai (irony). Antony, dĩ nhiên, nói đúng. Ông ta không phải là

nhà hùng biện kiểu Brutus (dùng lý trí) mà ông có tài hùng biện, biết dùng những hình ảnh gợi lòng cảm động, thương xót nơi quần chúng, và cuối cùng, chiếm được lòng người nghe.

- Dòng 222: Thí dụ khác về irony. Khi Antony nói:

For I have neither wit, nor words, nor worth,  
Action, nor utterance, nor the power of speech  
To stir men's blood.

(wit=sự hiểu biết, óc thông minh; worth=tư thế, uy quyền; action=cử chỉ, dáng điệu; utterance=lời diễn đạt hùng hồn). Vì tôi không có óc thông minh, hay lời nói lưu loát, hay uy quyền, hay cử chỉ, hay cách diễn đạt hùng hồn, hay ngôn lực để làm sôi máu người nghe. Antony nói mình không có tài hùng biện, nhưng quả thật ông có tài hùng biện. Nhận xét thêm: Ba chữ “wit,” “words,” và “worth” bắt đầu bằng “w” là một thí dụ về alliteration, phép lặp lại âm đầu. Tương tự, trong câu trên, chữ “neither” và ba lần chữ “nor” với âm /n/ lặp lại, làm tăng nghĩa phủ định cho câu nói của Antony. Ba câu trên cũng là một thí dụ về irony, phép nói bóng. Nhưng thí dụ rõ nhất về irony là trong phần B-2 có câu Antony lặp lại nhiều lần: **For Brutus is an honourable man**. Mục đích là dần dần chứng minh cho người dân đứng nghe rằng Brutus là kẻ phản bội đáng khinh, chứ không đáng kính. Đó là khi Antony cần thuyết phục người dân. Nhưng sau khi thắng Brutus rồi, Antony cũng nhận rằng Brutus là đáng kính: “This was the noblest Roman of them all.”

**-So sánh lời nói của Brutus và Antony:** Brutus gợi lý trí người nghe (phải giết Caesar vì tương lai thành Rome, vì Caesar có tham vọng làm vua). Ngược lại, Antony, biết khêu gợi tình cảm của người dân: Caesar có tham vọng thật không? nếu có tham vọng, sao lại để lại tiền và tài sản cho dân thành Rome?

=>Đoạn trên cho thấy: (1) Nếu đứng trước một cử tọa trí thức, diễn giả dùng kiểu Brutus, gợi lý trí, óc suy luận của người nghe. Nhưng (2) nếu

trước một quần chúng thiếu hiểu biết (mob=đám đông vô tổ chức), thì cách nói của Antony thành công hơn. Brutus trừu tượng bao nhiêu thì Antony dùng thí dụ điển hình cụ thể bấy nhiêu (như chỉ cho dân thấy vết đâm trên người Ceasar). Cũng nhận xét là khi Antony bắt đầu lên nói, ông biết quần chúng vừa bị Brutus thuyết phục, nên ông dùng lời lẽ ôn hòa: I come to bury Ceasar, not to praise him. Cũng đề ý đến cách Antony dùng chữ tuần tự: Friends (1 syllable), Romans (2 syllables), countrymen (3 syllables), lend me your ears (4 words), như nhận xét của gs. Daniell, chú dẫn bên dưới. Trong khi Brutus bắt đầu nói bằng chữ Romans (dân thành La-Mã) để gợi lòng tự hào của người dân thành Rome thì Antony bắt đầu nói bằng chữ “Friends” để chiêu dụ tình cảm của người dân đang đứng nghe.

**-Quần chúng dễ bị lung lạc:** Hãy so sánh lời bàn của những người dân sau khi nghe Brutus và sau khi nghe Antony thì thấy quần chúng dễ bị lung lạc. Sau khi nghe Brutus nói, trong quần chúng, có kẻ muốn tôn vinh ông làm Ceasar thứ hai, nhưng sau khi nghe Antony nói, thì cũng đám đông đó hèn nhau lấy thuốc đốt nhà Brutus. Dòng 237, sau khi nghe Antony, người dân gọi Ceasar là “O royal Ceasar” (Ôi Ceasar quảng đại). Trước đó một lúc, dòng 70, sau khi nghe Brutus, người dân nói “This Ceasar was a tyrant,” Ceasar này thật là một bạo chúa.

**-Nghệ thuật của Shakespeare:** Trong hai đoạn văn trên, ta thấy văn tài của Shakespeare. Ta thấy cách nói bóng, mỉa mai (irony) trong lời của Antony, lúc nào cũng nói về Brutus, đám người đã giết Ceasar, là người “đáng kính, đáng trọng,” (“honourable men”), trong khi gián tiếp cho thấy hành động ám sát Ceasar của họ là tàn bạo.

**-Những câu đáng nhớ trong vở kịch The Tragedy of Julius Ceasar:**

-Beware of the Ides of March: Coi chừng ngày 15 tháng ba. (Lời ông thầy bói báo cho Ceasar, Hồi I, cảnh ii, câu 18).

-Men at some time are masters of their fates./  
The fault, dear Brutus, is not in our stars,/But in  
ourselves, that we are underlings. (Lời Cassius,  
hồi I, cảnh ii, câu 139-141) Con người ta, có lúc,  
là chủ số phận mình. Cái lỗi, bạn thân Brutus,  
không phải vì sao chiếu mệnh mình, mà tại chính  
chúng ta, chúng ta là kẻ thuộc hạ.

-Let me have men around me that are fat./  
Sleek-headed men, and such as sleep  
o' nights./Yond Cassius has a lean and hungry  
look./ He thinks too much. Such men are  
dangerous. (Lời Caesar nói khi nhìn thấy Cassius  
đăng xa, Hồi I, cảnh ii, câu 192-195). Ta muốn  
có quanh ta những người mập mạp, những kẻ đầu  
chài bóng, đêm ngủ kỹ. Tên Cassius đăng kia có  
cái nhìn hốc hác, hau háu. Hắn suy nghĩ nhiều.  
Người như vậy hiểm độc.

-I rather tell thee what is to be feared/Than  
what I fear, for always I am Caesar. (Lời Caesar  
nói với Antony, hồi I, cảnh ii, câu 211-212). Ta  
muốn cho người biết điều gì người ta sợ. Hơn là  
điều gì ta sợ, vì ta là Caesar không bao giờ sợ.

-Cowards die many times before their  
deaths/The valiant never taste of death but once.  
(Lời Caesar, hồi II, cảnh ii, câu 32-33). Kẻ hèn  
nhát chết nhất nhiều lần trước khi chết  
thực/Người can trường chỉ nếm mùi cái chết một  
lần thôi.

-Not that I love Caesar less, but I love Rome  
more. (Lời Brutus, Hồi III, cảnh ii, câu 21-22).  
Chẳng phải tôi giảm lòng yêu kính Caesar,  
nhưng tôi yêu Rome hơn.

-As he was valiant, I honor him; but, as he  
was ambitious, I slew him (Lời Brutus, Hồi III,  
cảnh ii, câu 25-27). Khi Caesar dũng cảm, tôi tôn  
vinh ngài; nhưng khi ngài tham vọng, tôi phải  
giết ngài.

-Friends, Romans, countrymen, lend me your  
ears./ I come to bury Caesar, not to praise him.  
(Lời Antony, Hồi III, cảnh ii, câu 75-76). Các  
bạn, dân thành Rome, đồng bào, hãy lắng nghe  
tôi. Tôi đến đây để chôn Caesar, chứ không phải  
để ca tụng ngài.

-The evil that men do lives after them; the  
good is oft interrèd with their bones. (Lời  
Antony, Hồi III, cảnh ii, câu 77-78). Tiếng xấu,  
dầu chết rồi, người đời nhớ mãi; danh thơm, vữa  
nằm xuống, thiên hạ quên ngay.

-I tell you that which yourselves do know./  
Show you sweet Caesar's wounds, poor poor  
dumb mouths./ And bid then speak for me. (Lời  
Antony, Hồi III, cảnh ii, câu 225-227). Tôi kể  
cho đồng bào nghe điều đồng bào biết rõ, Chỉ  
cho đồng bào xem những vết đâm trên thi thể  
Caesar đáng yêu, Ôi những vết đâm, những cái  
miệng đáng thương câm nín. Và xin chúng nói  
lên nỗi căm phẫn hộ tôi.

-There is a tide in the affairs of men/Which  
taken at the flood, leads on to fortune;/ Omitted,  
all the voyage of their life/Is bound in shallows  
and in miseries. (Lời Brutus nói với Cassius lúc  
sắp đánh nhau với liên quân của Antony và  
Octavius, Hồi IV, cảnh iii, câu 217-220). Việc  
đời như thủy triều. Phải giông buồm khi ngọn  
triều dâng. Nếu biết nắm lấy, sẽ đưa đến may  
mắn. Bỏ lỡ thì hành trình đời ta sẽ chìm trong  
lòng sông cạn và sự khốn cùng. [Việc đời như  
ngọn triều dâng; Giông buồm thẳng tới kẻo  
không kịp thời. Dịp may còn ở nơi người; Tuột  
tay bỏ lỡ, cuộc đời khổ đau.]

## V. Sách Tham Khảo Để Kiểm:

Những ấn bản dễ kiếm có chú thích dành cho  
sinh viên—mà chúng tôi đã dựa vào để viết bài này:

-Shakespeare, William. JULIUS CAESAR,  
edited by David Bevington. New York: Bantam  
Books, 1998. \$3.85.

-Shakespeare, William. JULIUS CAESAR,  
edited by David Daniell. London: Thomson  
Learning, 1988. \$13.99.

(Viết xong tại Virginia 5/4/1997; sửa lại 12/19/07)

**PHẠM TRỌNG LÊ**

(Virginia)

# MAI VÀNG ƠI!

Anh kết cành mai giả, cho em nguôi nhớ nhà  
Em vẫn buồn xứ lạ, như nhớ về một cõi xuân xa.

Anh nằm mơ thấy cô gái hái hoa  
Nên trồng trước nhà cây mai chín cánh  
Tưới nước, bón phân, tỉa cành, uốn nhánh  
Đêm lại nằm mơ lấp lánh cánh mai vàng.

Mai nở tung bùng mỗi độ xuân sang  
Anh khai bút dưới hoa, hoa tỏa hương trong gió  
Bè bạn vui đùa đầy vườn chật ngõ  
Đâu ngờ ngày mai sóng gió ly tan.

Mười lăm năm anh biệt xứ, gian nan  
Cây mai buồn 15 năm không trở  
Qua cuộc chiến cỏ cây còn hoảng sợ  
Cuộc tang thương khốn khổ nhất trên đời

Anh tả tôi khi trở lại làng xưa  
Bạn bè cũ còn mấy thằng trở mặt  
Nhà cửa tan tành, cành mai xơ xác  
Hiểu lòng nhau lá cũng hóa môi cười.

Cầm cuốc cầm cây dâu có ngày vui  
Không khai bút nhưng hoa mai cứ nở  
Cắt một nhánh mai ra ngồi giữa chợ  
Chiều ba mươi – mây đỏ kín chân trời.

Mai vàng ơ! Mai vàng ơ!  
Ta lạc giữa chợ đời thời mạt kiếp  
Thiếu áo thiếu cơm ai cần hoa đẹp  
Chắc thần tiên cũng chẳng thiết – anh buồn.

Đêm mù cay, tàn thuốc sém chân giường  
Nghĩ nát óc – thấy toi công sách vở  
Đến quẩn trí thì Quê Hương cũng bỏ  
Hương là cây mai – nước mắt tình ly.

Lại nghe màu hoa réo gọi – anh về  
Tìm đến gốc mai giữa vườn lá mục  
Người ta đã đón mai làm củi đốt  
Chín tầng mây còn đọng khói mù cay.

Cô gái hái hoa! Em đã đến nơi này  
Trong cốt cách thần tiên giữa thời tao loạn  
Đã để lại trong anh hương mai thoang thoảng  
Màu thiên kim rực sáng chín phương trời  
Mai vàng ơ! Mai vàng ơ!

## Lam Điền NGUYỄN THỦ

North Carolina

### NỢ

Nợ đời nặng trĩu trần gian  
Nợ tình giăng bẫy quẩn ngang nợ đời  
Nợ đời chơi với chơi với  
Nợ tình ngắt nghèo khóc cười nợ nhau  
Nợ đời trước, nợ đời sau  
Nợ em tóc rối, nợ nhàu áo anh  
"Nợ trả dần, cháo húp quanh"

PHAN KHÂM

(Maryland)



# VỀ THẨM YÊN TỬ

## Hà Nguyễn

**T**hái Tử khi ở tuổi trưởng thành thì dung mạo rất khôi ngô tuấn tú, phong cách thanh tao, tính tình nhân hậu, bình dị, không xa hoa kiêu cách, hòa nhã với tất cả mọi người. Tướng mạo của Thái tử khôi vĩ khác thường, vừa có cái oai vệ của một võ tướng, vừa có vẻ thanh nhã nhẹ nhàng của một nho sinh và vừa mang nét tươi sáng, thoát tục của một tiên đồng. Thái Tử Trần Khâm là người thanh niên đẹp trai nhất trong tất cả các thanh niên nhà Trần và là vị vua đẹp nhất trong các vua nhà Trần. (Sau này khi Sử Giả Mông Cổ là Sài Thung sang nước ta, đã phải ngạc nhiên đến sững sờ khi nhìn thấy dung mạo của Thái Tử, lúc ấy Ngài vừa mới đăng quang làm vua, vì người Trung Quốc luôn cho rằng người Việt là giống man di, có dung mạo tầm thường, xấu xí.)

Vua Trần Thánh Tông coi Thái Tử Trần Khâm như viên ngọc quý, hết sức cưng chiều. Thái Tử không vì lòng yêu của vua cha mà sinh tính kiêu căng. Ngài lúc nào cũng hòa thuận với các anh chị em ruột, thương yêu các anh chị em chú bác, nhân từ độ lượng với người dưới, lại thờ Vua và Hoàng Hậu rất hiếu thảo. Khi nhìn thấy thấy hình vóc con tiểu tụy vì trường chay khổ hạnh mà vẫn phải học tập kiểm cung hàng ngày và trao dồi đèn sách ban đêm chăm chỉ, vua cha rất âu lo và gạn hỏi nguyên do. Thái Tử liền thuật lại giấc mơ thành Phật của mình và xin cha hãy để ngôi Thái Tử lại cho em mình là Hoàng Tử Đức Việt, nhưng vua Trần Thánh Tông không bằng lòng. Ngài nói với Thái Tử:

“Làm trai phải có chí lớn như chim Hồng chim Học, mang vai ra gánh vác sơn hà. Con là người có đức có tài, phải xem đất nước giang sơn là trọng, đừng nên bắt chước Thái Tử Tất Đạt Đa, bỏ cả đất nước thần dân để lên non xanh cất tóc đi tu cầu thành Phật. Tuổi cha nay đã già. Trách nhiệm chăm lo cho sơn hà xã tắc, giang sơn và thần dân Đại Việt cha

muốn đặt hết vào đôi vai của con, con đừng từ chối làm cha thất vọng.”

Vua Trần Thánh Tông nói xong thì chảy nước mắt. Là người con chí hiếu, Thái Tử không muốn làm buồn lòng cha, cho nên long trọng hứa với cha sẽ bỏ ý định đi tu để đứng ra gánh vác sơn hà xã tắc. Vua Thánh Tông bèn rước trưởng nữ của Hưng Đạo Vương Trần

Quốc Tuấn về Đông Cung, lập làm Thái Tử Phi, xếp đặt cho Thái Tử Trần Khâm yên bề gia thất.

Năm 1277, Thượng Hoàng Trần Thái Tông (Trần Cảnh) mất. Năm 1278, vua Trần Thánh Tông nhường ngôi cho Thái Tử Trần Khâm rồi xưng là Thái Thượng Hoàng. Thái Tử Trần Khâm làm lễ đăng quang trở thành Trần Nhân Tông Hoàng Đế, chấm dứt thời niên thiếu của một vị Hoàng Thái Tử không bao giờ động tâm đến ngai vàng, quyền lực và giàu sang phú quý.

Vua Trần Nhân Tông lên ngôi hết lòng chăm lo việc nước. Ngài luôn lấy ĐỨC để trị dân, lại là một ông vua sáng suốt, có kiến thức siêu việt. Thời đại vua Trần Nhân Tông trị vì là một thời đại có nhiều biến động nhất của đất nước. Trong khoảng thời gian 30 năm từ 1258 đến 1288 đất nước Đại Việt đã trải qua 3 cuộc xâm lăng của Đế quốc Mông Cổ. Ông nội của vua Trần Nhân Tông tức vua Trần Thái Tông đã anh hùng đánh bại quân Mông Cổ lần thứ nhất vào năm 1258 với sự phò tá đắc lực của tướng quân Lê Phụ Trần, là một dũng tướng văn võ song toàn. Tướng quân Lê Phụ Trần là hậu duệ (con cháu đời sau) của vua Lê Đại Hành (Lê Hoàn). Nhà vua là người đã phá tan quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng năm xưa, lập nên nhà Tiền Lê, dựng nền độc lập tự chủ cho dân tộc Việt. Tướng quân Lê Phụ Trần sau này là Thầy học của vua Trần Nhân Tông. Tướng Quân đã đem đã đem hết tâm huyết ra truyền thụ cho người học trò của mình tất cả những kiến thức về binh pháp, chính trị, văn học... Tướng Quân cũng đã chia sẻ những kiến thức cần thiết thu lượm được khi Ngài trải thờ qua 2 đời vua để giúp vua

Trần Nhân Tông ngày sau có thể trị nước, giữ nước, an dân, làm rực rỡ cho non sông Đại Việt.

Vua Trần Nhân Tông lên ngôi chưa được bao lâu thì quân Mông Cổ đánh chiếm nhà Tống. Nước Tống bị diệt vong, cả nước Trung Hoa bị quân Mông Cổ xâm chiếm và đô hộ, lập ra nhà Nguyên. Thực lực của quân Nguyên Mông lúc này đã trở thành hùng mạnh gấp trăm lần so với đoàn quân Mông Cổ sang xâm lăng nước ta lần thứ nhất dưới thời vua Trần Thái Tông vào năm 1258.

Vua nhà Nguyên là Hốt Tất Liệt sai Sứ Giả là Sài Thung sang sinh sự, trách móc vua Trần Nhân Tông lên ngôi mà không xin mệnh lệnh của Hoàng Đế nhà Nguyên rồi bắt buộc vua Trần Nhân Tông phải sang Tàu để nạp lễ Cầu Phong (xin phép được làm vua). Vua Trần Nhân Tông cho vời Sứ Giả đến và nói rằng:

“Tiên Quân ( chỉ ông Nội mình là Trần Thái Tông) vừa mới rời bỏ cuộc đời, Quả Nhân lại vừa lên ngôi mà Thiên Sứ đến đem chiếu thư mở lời dò dẫm khiến cho Quả nhân vừa vui, vừa sợ trong lòng. Kính nhờ Thiên Sứ chuyển lời đến Nguyên Đế rằng Quả Nhân xưa nay vốn sinh trưởng ở trong cung, chưa từng tập cưỡi ngựa, lại không quen thủy thổ của quý quốc, sợ chết dọc đường nên không thể nào sang yển kiến Nguyên Đế được. Riêng ý tốt của Thiên Tử nhà Nguyên muốn được nhìn tận mắt dung mạo của Quả Nhân qua lễ Tự Thân, Quả Nhân xin suốt đời ghi lòng tạc dạ.” (Phỏng theo Đại Việt Sử Ký Toàn Thư).

Từ đó Nguyên Đế Hốt Tất Liệt đối xử với nước ta rất là bạo ngược. Hấn đòi triều đình nhà Trần phải tìm cho ra cột đồng Mã Viện vốn đã được dựng sau khi Mã Viện đánh bại Hai Bà Trưng từ hơn một ngàn năm trước, đòi nước ta phải dâng cống thợ giỏi, người tài, và lại hèn hạ cho người đến đào xới lăng miếu của các vua Trần... Cả nước ta từ Vua cho đến dân đã cắn răng chịu nhục trước cơn quốc nạn. Nhưng điều éo le là Vua nhà Nguyên vẫn tiếp tục gây hấn và cũng không cho phép dân tộc Việt được tiếp tục cắn răng chịu nhục. Hốt Tất Liệt đã hạ tối hậu thư muốn mượn đường nước ta để sang đánh Chiêm Thành và nước ta có trách nhiệm phải cung cấp lương thực cho quân

Mông Cổ trong suốt thời gian họ chinh phạt Chiêm Thành. Nếu vua Trần Nhân Tông không chấp thuận điều kiện trên thì con trai của Hốt Tất Liệt là Trần Nam Vương, Thoát Hoan sẽ mang quân sang đánh Đại Việt, nhất định phá tan bờ cõi, san bằng cả non sông Việt thành bình địa.

Trong hoàn cảnh bi đát đến tột cùng của một dân tộc nhược tiểu trước hiểm họa xâm lăng, vua Trần Nhân Tông đã chứng tỏ được năng lực của một nhà lãnh đạo có đầy đủ các đức tính ĐẠİ TRÍ, ĐẠİ NHÂN, ĐẠİ DŨNG.

Tháng 10 năm 1282, Nhà vua cho triệu tập Hội Nghị Bình Than để bàn bạc với các vị tướng quân và các quan đại thần về kế sách chống giặc giữ nước. Các quan đại thần và các Vương Hầu kẻ thì đề nghị nên cho quân Mông Cổ mượn đường để tránh nạn đao binh, người thì đề nghị nên mang lễ vật hậu hi sang triều cống để thi hành kế hoãn binh. Duy chỉ có Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn và Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư là quyết tâm nhận trọng trách đi phòng giữ các nơi hiểm yếu, không cho quân Mông Cổ mang quân sang nước Nam. Hai ông đã khẳng khái tâu rằng nếu vua Nhân Tông có ý muốn đầu hàng quân Nguyên thì xin hãy chém đầu hai ông trước đã rồi hãy đi hàng giặc, hai ông xin lấy cái chết để đền nợ núi sông. Và nếu đảng nào cũng chết thì xin vua cho hai ông được cơ hội thử sức cùng quân giặc, cùng chết chung với giặc. Vua Trần Nhân Tông cảm động chấp nhận lời xin ấy, phong cho Hưng Đạo Đại Vương làm Quốc Công Tiết Chế thống lĩnh toàn quân, phong cho Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư làm Phó Đô Tướng quân, phụ trách thủy quân, ra trấn giữ bến Vân Đồn (Thuộc Vân Hải, Quảng Yên ngày nay).

Tuy lòng đã quyết phải chống giặc và rất tin tưởng vào tài thao lược cùng lòng dũng cảm hết lòng tận trung báo quốc của 2 vị đại tướng quân, nhưng vua Trần Nhân Tông vẫn còn do dự. Nhà vua do dự bởi vì so thế lực của mình với thực lực của giặc chẳng khác nào mang trứng chọi với đá. Ngay sau khi kết thúc Hội Nghị Bình Than, nhà vua đã truyền đến quốc dân bài hịch với những lời lẽ hùng hồn nhưng thống thiết: “ Toàn dân nghe chắng, son hà nguy biến, hận thù đặng đặng, biên thủy rung

chuyển. Toàn dân Tiên Long, sơn hà nguy biến, hận thù đặng đặng, nên hòa hay chiến ?”

Nhà vua muốn dò ý dân, và cho triệu tập tất cả các bô lão tuổi từ 50 trở lên phải về kinh đô để dự HỘI NGHỊ DIÊN HỒNG vào tháng 12 năm 1284. Vua nói rõ ý định của mình là muốn trưng cầu ý kiến toàn dân, bởi vì dân là gốc của nước và ý dân là ý của trời. Nhà vua cho rằng mình chỉ là Thiên Tử ( con của Trời ) cho nên phải hành xử theo đúng ý của Trời, đúng theo quan niệm trị nước của người Nho Giáo chân chính “DÂN VI QUÍ, XÃ TẮC THỨ CHI, QUÂN VI KHINH”, tức là quyền lợi của người dân phải được đặt lên hàng đầu, kế đến là quyền lợi quốc gia và sau cùng mới đến quyền lợi của nhà vua.

Tin tức về HỘI NGHỊ DIÊN HỒNG được truyền đi đã làm cho mọi người dân đều sững sốt. Họ sững sốt bởi vì xưa nay các đấng quân vương đều coi người dân là kẻ thấp hèn và gạt họ ra ngoài vòng chính trị. Vua vờ vào kinh thành Thăng Long để bàn việc nước? Không thể nào có việc như thế được. Nhưng thật sự những lời lẽ trong chiếu chỉ của Đức Vua vẫn còn đang vang vọng trên khắp các nẻo đường đất nước.

Đứng trước một vấn đề sinh tử của cả dân tộc và đất nước, vua Trần Nhân Tông đã không dám quyết định lấy một mình. Ngài đã nảy ra một sáng kiến lạ lùng là đi hỏi ý kiến của quốc dân. Ngài quan niệm rằng dân là gốc của nước. Trong sự tôn vinh của đất nước, tất nhiên người dân cũng phải có trách nhiệm như những kẻ cầm quyền. Đất nước là của chung của tất cả mọi người, không phải là của riêng của một dòng họ.

Trong một xã hội có trật tự kỷ cương, có lễ phép và tôn trọng người già theo quan niệm Nho giáo “Kính Lão Đắc Thọ”, thì người xứng đáng để đại diện cho quốc dân không ai khác hơn là các vị bô lão. Nhà vua cũng tôn trọng tập quán của dân tộc ta từ thuở xa xưa: “Đi xa hỏi già, về nhà hỏi trẻ”. Vua Trần Nhân Tông đã ban yến tiệc thịnh soạn để thết đãi các bô lão -- Những vị “Đại Biểu” của quốc dân đến từ khắp các miền của đất nước -- tại Điện Diên Hồng ở hoàng cung. Nhà vua thẳng thắn trình bày cho họ nghe tất cả các điều nhục nhã mà một nước nhược tiểu ít của, thưa người đang

phải chịu; Nỗi khó khăn nhục nhã mà dân tộc sẽ trải qua nếu bị người Mông Cổ đô hộ và điều quan trọng nhất, nhà vua đã thành thật trình bày về thực lực của quân ta, về cái giá mà cả dân tộc phải cùng nhau gánh chịu một khi chúng ta bất buộc phải tiến hành cuộc chiến tranh để chống lại quân Mông Cổ xâm lăng. Sau cùng, Nhà Vua xin các vị bô lão cho ý kiến. Nhà Vua hỏi:

“Trước nhục nước nên HÒA hay nên CHIẾN?”

Các vị đại biểu đồng loạt giơ tay lên cao trả lời:

“QUYẾT CHIẾN. Quyết tiến lên, giữ nước nhà, nổi chí tiền nhân anh hùng không khuất phục trước quân thù.”

Nhà Vua lại hỏi:

“ Thế nước yếu lấy gì lo chiến chinh ?”

Các đại biểu bô lão lại trả lời:

“HY SINH. Thế liều thân cho tổ quốc, cho non sông Đại Việt và cho con cháu ngàn đời sau.”

Cả nước lúc ấy cùng tham dự chiến tranh, cả nước đã hòa thành một khối. Người dân tự ý thức được rằng đánh giặc là đánh cho họ, không phải cho ai cả bởi vì đất nước là của họ và quyền lợi của họ cũng gắn liền với quyền lợi của đất nước. Nếu để đất nước mất thì họ cũng sẽ mất tất cả. Ở nước ta, kể từ thời lập quốc, chưa bao giờ Vua, Triều Đình và dân gian lại hòa hợp, thân mật và bình đẳng với nhau như thế. Chưa bao giờ tinh thần quốc gia và lòng yêu mến độc lập lại mạnh mẽ như thế. Chính vua Trần Nhân Tông là người đã tạo ra chất keo của tinh thần đoàn kết dân tộc, tinh thần ấy đã nối kết tất cả mọi giai cấp trong cả nước thành một khối vững mạnh chặt không đứt, bứt không rời, có thể đánh bại tất cả mọi kẻ thù xâm lăng hung hãn nhứt từ phương khác đến. Tinh thần đoàn kết dân tộc ấy chính là kim chỉ Nam cho cả dân Việt để cùng nhau chung vai gắng sức 2 lần vẫy vung đánh bại quân Mông Cổ, một đội quân bách chiến bách thắng lúc bấy giờ.

Bởi vì tinh thần đoàn kết và đồng tâm hiệp lực bất khả xâm phạm ấy của tổ tiên ta đã giữ vững được được giang sơn, để lại cho con cháu đời sau một tấm gương sáng ngời về tinh thần đoàn kết, lòng tự tin vào sức mạnh dân tộc và gương hy sinh chói lọi. Vua Trần Nhân Tông chính là linh hồn của 2 cuộc chiến tranh giữ nước, giành được chiến

thắng vẽ vang vào năm 1285 và 1288, tô đậm thêm niềm tự hào cho những trang sử chống xâm lăng đầy chính nghĩa của dân tộc Việt.

Khi đất nước sạch bóng quân thù, vua Trần Nhân Tông đã diu dắt toàn dân hàn gắn mọi vết thương chiến tranh và xây dựng đất nước trở nên thái bình thịnh trị trong 6 năm. Sau khi vua cha là Thượng Hoàng Trần Thánh Tông mất vào năm 1290, vua Nhân Tông nghĩ mình đã làm tròn đạo hiếu với cha, nay cha đã qua đời thì Ngài sẽ bắt đầu thực hiện những hoài bão sâu kín của mình. Năm 1293, sau khi mãn tang cha, vua Nhân Tông liền nhường ngôi cho con là Thái tử Trần Thuyên (tức vua Trần Anh Tông), xưng là Thái Thượng Hoàng rồi lui về phủ Thiên Trường, coi sóc lăng miếu Tổ Tiên, chuyên tâm nghiên cứu và biên soạn kinh sách về đạo Phật.

Thượng Hoàng Trần Nhân Tông thấy rằng trong giáo lý đạo Phật có rất nhiều điều tốt, có thể làm tăng tình đoàn kết, xây dựng được nền đạo đức xã hội tốt đẹp trong đời sống của mọi tầng lớp nhân dân cho nên Ngài quyết tâm thành lập một giáo phái Phật Giáo mới để dạy dỗ cho thần dân Đại Việt. Ngài đặt tên cho giáo phái đó là Thiên Phái Trúc Lâm.

Năm 1294, Thượng Hoàng Nhân Tông dọn về Vũ Lâm ( Gia Khánh, Ninh Bình ) để thực tập xuất gia tu hành và có ý định tu ở đó. Ngài lấy đạo hiệu là Trúc Lâm Đại Sĩ. Hành cung Vũ Lâm nằm ở xã Vũ Lâm, Huyện Yên Khánh, ngày nay thuộc huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

Mặc dù đã quyết chí xuất gia tu hành, nhưng Thượng Hoàng Nhân Tông vẫn không bỏ mặc việc dân, việc nước cho vua mới là Trần Anh Tông. Ngài luôn dạy dỗ đệ tử rằng đi tu với giữ nước là một. Thượng Hoàng dứt khoát khẳng định rằng: “Đạo Phật cấm sát sinh, nhưng giết giặc dữ cứu dân không có gì là trái đạo”. Thượng Hoàng Trần Nhân Tông đã dùng cả cuộc đời mình để chứng minh chân lý đó.

Ngài về Vũ Lâm để tu hành vào tháng 7 năm 1294 thì đến tháng 8, năm 1294 thì Ngài lại khoác lên chiến bào Đại Tướng, cầm quân đi chinh phạt Ai Lao.

Ai Lao ( tức nước Lào ngày nay ) là nước nhỏ ở phương Nam, thường xưng thần và triều cống cho Đại Việt. Gặp khi quân Mông Cổ sang đánh nước ta, vua Ai Lao không những đã tự ý bỏ lệ triều cống, mà lại còn đem quân tràn qua biên giới để cướp bóc quấy nhiễu dân ta vì họ cho rằng Đại Việt không thể nào tự bảo vệ mình trước sức tấn công dũng mãnh của quân Nguyên thì làm sao có thể mang quân sang chinh phạt họ. Quả thật vua Trần Nhân Tông vào thời điểm ấy đã chịu nhục nhường nhịn nước Ai Lao. Khi Thượng Hoàng Trần Thánh Tông mất vào năm 1290, trong khi cả nước Đại Việt đang đau buồn lo cử hành tang chế thì họ cũng nhân cơ hội ấy lại tràn qua biên giới để quấy nhiễu nước ta. Lúc bấy giờ vua Trần Nhân Tông giận lắm đã định dẫn quân đi chinh phạt, nhưng vẫn vờ bá quan đều tâu xin rằng nhà vua đang có tang, nên tránh việc động binh. Vua Nhân Tông lại nghe lời tâu đó cho nên vẫn án binh bất động để tiếp tục nhường nhịn Ai Lao.

Năm 1293, sau khi đã mãn tang Thượng Hoàng Trần Thánh Tông, vua Nhân Tông nhường ngôi cho con rồi lui về Thiên Trường để chăm sóc lăng miếu và xuất gia tu hành thì vua Ai Lao lại khinh vua trẻ Trần Anh Tông vừa mới lên ngôi, chế nhạo vua cha Nhân Tông lia xa trần tục, tìm đến cửa Thiên nên đã đem quân tràn sang biên giới, xua quân vượt qua sông Chàng Long để tấn công Đại Việt. Lần này thì Thượng Hoàng Nhân Tông nhất quyết cởi áo Thiên sư, khoác lên chiến bào Đại Tướng, kéo quân sang Ai Lao để dạy cho họ bài học của một nước láng giềng có đạo nghĩa và dạy luôn cả lễ giáo dành cho một nước đã xưng thần. Và dĩ nhiên, điều quan trọng nhất là Thượng Hoàng muốn chứng minh với họ về sức mạnh thật sự của quân dân Đại Việt.

“Thượng Hoàng Nhân Tông thân đi đánh Ai Lao, đánh tan quân địch. Trung Thành Vương làm tướng đánh trận tiên phong, không tuân theo quân lệnh của Thượng Hoàng, ham lập công nên đã dẫn quân đuổi sâu vào đất giặc, bị giặc bao vây. Thượng Hoàng lại cất cử Phạm Ngũ Lão làm cánh quân đánh yểm trợ, đã đánh giải vây cho Trung Thành Vương, lại nhân đó tung quân đánh bại quân địch. Giặc thua to, Thượng Hoàng ban thưởng cho Phạm Ngũ Lão một tấm kim phù (phù bằng vàng).” ( Phỏng theo Đại Việt Sử Ký Toàn Thư).

Vào tháng 6 năm 1295, Thượng Hoàng Trần Nhân Tông đem đoàn quân thắng trận trở về kinh thành Thăng Long làm lễ Ban Sư, thăng thưởng cho những tướng sĩ lập được công trận rồi lại trở về Vũ Lâm tiếp tục khoác áo Thiên Sư trở lại đời sống tu hành.

Năm Kỷ Hợi, tháng 5, 1286 Thượng Hoàng từ Vũ Lâm về thăm kinh thành Thăng Long từ tờ mờ sáng. Các quan đều ra đón rước nhưng những người trong hoàng cung đều không hay biết. Vua trẻ Trần Anh Tông đêm trước đã uống rượu quá say, chưa tỉnh dậy để họp triều. Thượng Hoàng đi dạo xem khắp cung điện. Đến bữa ăn trưa, người hầu trong cung dâng cơm. Vẫn không nhìn thấy vua Trần Anh Tông trong bàn ăn, Thượng Hoàng giận lắm bèn gọi cung nhân đánh thức vị vua trẻ dậy ăn cơm. Nhưng vì vua Anh Tông say quá nên không thể nào dậy nổi để ra hầu tiếp cha mình. Thượng Hoàng liền rời hoàng cung và xuống chiếu cho các quan ngày hôm sau phải đến phủ Thiên Trường để nghe Thượng Hoàng ban chiếu chỉ. Mãi đến chiều thì vua Anh Tông mới tỉnh dậy. Mọi người trong cung liền tâu lại việc Thượng Hoàng có đến thăm nhưng không được gặp vua. Vua Anh Tông sợ lắm, vội vàng đi bộ ra khỏi cung rồi cùng một người học trò tên là Đoàn Như Hải dung thuyền nhẹ đến phủ Thiên Trường, dâng biểu xin tạ tội. Thượng Hoàng cho triệu vua Anh Tông vào, dạy rằng:

“Trẫm còn có nhiều người con tài giỏi khác có thể nối ngôi vua để chấn dất thần dân trăm họ. Trẫm còn sống đây mà Quan Gia đã hành xử như thế thì sau này khi trẫm mất thì Quan Gia sẽ trị nước như thế nào?”. (Chữ “quan gia” là chữ của người khác dùng để xưng hô khi nói chuyện với nhà vua một cách thân mật nhưng không giảm phần kính trọng. Trong trường hợp này Thượng Hoàng như có vẻ nói lẫy với vua Anh Tông trong lúc Ngài đang còn giận.)

Vua Anh Tông chỉ một mực cúi đầu xin tạ lỗi. Thượng Hoàng lại hỏi:

“Người đã biên soạn tờ biểu là ai?”

Vua Anh Tông thành thật tâu bày đó là một người học trò đang học ở trường Quốc Tử Giám, chưa từng đỗ khoa nào, không có công danh, tên là Đoàn Như Hải. Vua Anh Tông đã tình cờ gặp được người ấy tại chùa Tư Phúc ở hoàng cung, trên

đường nhà vua hối hả đi tìm gặp Thượng Hoàng để xin tạ tội. Người học trò ấy chỉ trong khoảnh khắc đã thảo xong tờ biểu tạ tội, từng chữ từng lời đều mang hết vẻ hối cải, ăn năn.

Thượng Hoàng liền cho triệu Như Hải đến và ban khen:

“Tờ biểu nhà ngươi soạn rất hợp với ý của Trẫm”.

Sau đó Thượng Hoàng ban chiếu tha tội và cho phép “Quan Gia Trần Thuyên” được trở lại ngôi vua. Bá quan văn võ lại trở về triều như cũ.

(Phỏng theo Đại Việt Sử Ký Toàn Thư).

Thượng Hoàng Nhân Tông trong gia pháp dạy con nghiêm nhặt như thế, cho nên con cháu Nhà Trần có nhiều vị vua tài giỏi, sáng suốt, vì biết nghe theo lời răn và noi gương sáng của Ngài. Thượng Hoàng đã áp dụng nguyên tắc dạy con theo quan niệm của Nho Giáo:

“Thượng bất nghiêm, hạ tắc loạn”. Ngài cho rằng vua Anh Tông là Thiên Tử thì phải sống mẫu mực để làm gương cho hoàng tộc Nhà Trần và tất cả bá quan trong triều. Thượng Hoàng đã làm theo lời dạy TU, TẾ, TRỊ, BÌNH của Đức Khổng Tử, tức là “Tu Thân, Tề Gia, Trị Quốc, Bình Thiên Hạ.” Đó là lý thuyết trước nhất phải tu dưỡng trở nên người tốt, đem thân làm gương cho kẻ khác, sau đó thì chăm lo dạy dỗ cho con cái trong nhà phải sống mẫu mực đàng hoàng, rồi mới ra làm người lãnh đạo quốc gia gương mẫu, dẫn dắt toàn dân sống đạo đức đàng hoàng, nương theo chính nghĩa. Sau cùng là cảm hóa thiên hạ nên sống thái bình, an lạc theo quan niệm sống đúng đắn của mình. Lý thuyết này hiện nay vẫn còn được áp dụng trong xã hội của những quốc gia dân chủ tiên bộ, vẫn còn là phương châm hàng đầu cho những nhà lãnh đạo đứng đắn, mang lý tưởng hết lòng hết sức ra phục vụ tổ quốc, phục vụ dân tộc và phục vụ cho sự tiến hoá của loài người.

Thượng Hoàng Trần Nhân Tông quả là một nhà chính trị lỗi lạc đại đức, đại trí, đại tài. Ngài quả thật là một chính trị gia quân tử chân chính luôn mang cái tâm Bô Tát. Trong cái NGHIÊM của Ngài vẫn luôn chứa đựng cái NHÂN to tát, làm cho kẻ thù, kẻ dưới

Và người đời sau mãi mãi cảm vì ĐỨC, tin vì TRÍ, phục vì TÀI.

Do lòng kính mộ các cao tăng của Thiên môn Yên Tử như các Tổ Hiện Quang, Đạo Viên, Đại Đăng, Tiêu Diêu đã và đang tu hành tinh tấn tại Yên Sơn, cho nên vào tháng 7 năm 1299 Thượng Hoàng Nhân Tôn cho giải tán tất cả những người tùy tùng đã theo hầu Ngài từ lúc mới rời hoàng cung Thăng Long, Ngài chính thức rời Vũ Lâm, về Yên Tử tu hành. Trên đường từ Vũ Lâm đến Yên Tử, Thượng Hoàng đã ghé qua Long Động để từ biệt tất cả các cung tần, mỹ nữ, cho phép họ được tự do trở về quê quán để sinh sống làm ăn, người nào không muốn về quê thì cấp nhà tại chân núi cho họ ở.

Thượng Hoàng Trần Nhân Tôn đã tìm vào ra mắt các Thiên Tăng đang trụ trì ở Yên Tử để xin được phát nguyện tu hành. Cả sơn môn Yên Tử thành kính đón rước Ngài, như đã có nhân duyên từ kiếp trước. Các cao tăng Yên Tử ban cho Thượng Hoàng pháp danh là ĐIỀU NGỰ GIÁC HOÀNG, tức là vị Hoàng Đế tự thắng được chính mình, giác ngộ đạo Phật.

Điều Ngự Giác Hoàng tu hành theo hạnh Đầu Đà, tức là tu khổ hạnh, mặc áo nâu, đi hài cỏ, dung am tranh trên núi gọi là Am Ngọa Vân để ngày đêm tinh tấn tu hành.

Từ lúc về sơn môn Yên Tử, Điều Ngự Giác Hoàng mới được rảnh rang để hoàn toàn lo việc đạo. Ngài đi khắp nơi trong nước để giảng giải cho dân chúng hiểu rõ và làm theo mười điều Thiện (Thập Thiện) của giáo lý nhà Phật là:

1. KHÔNG SÁT SANH HẠI VẬT
2. KHÔNG TRỘM CẮP
3. KHÔNG TÀ DÂM
4. KHÔNG NÓI DỐI
5. KHÔNG NÓI ÁC
6. KHÔNG NÓI CHIA RẼ
7. KHÔNG THAM LAM
8. KHÔNG GÂY HẬN THÙ OÁN
9. KHÔNG NÓI ĐIỀU VÔ NGHĨA
10. KHÔNG SI MÊ ĐÀM DỤC

Vết chân của Điều Ngự Giác Hoàng đã đi khắp cùng đất nước để giáo hóa người dân. Đi đến đâu, Ngài xin khất thực những thức cúng dường của dân chúng để sống qua ngày đến đó, thực hành kiếp tu khổ hạnh. Ngài lúc nào cũng sống vui vẻ yêu đời,

nhập vào thế tục. Ngài đi rất nhiều nơi để thuyết Pháp, viết rất nhiều bài kệ trong đó cô đọng lại 14 điều dạy để mọi người theo đó mà thực hành, tu dưỡng trong đời sống hàng ngày của mình. Những điều dạy của Ngài là:

1. KẸ THÙ LỚN NHẤT CỦA ĐỜI NGƯỜI LÀ CHÍNH MÌNH.
2. NGU DỐT LỚN NHẤT CỦA ĐỜI NGƯỜI LÀ DỐI TRÁ.
3. THẤT BẠI LỚN NHẤT CỦA ĐỜI NGƯỜI LÀ TỰ CAO TỰ ĐẠI.
4. BI AI LỚN NHẤT CỦA ĐỜI NGƯỜI LÀ GHEN TỴ.
5. SAI LÂM LỚN NHẤT CỦA ĐỜI NGƯỜI LÀ ĐÁNH MẮT MÌNH.
6. TỘI LỖI LỚN NHẤT CỦA ĐỜI NGƯỜI LÀ BẤT HIỂU.
7. ĐÁNG THƯƠNG LỚN NHẤT CỦA ĐỜI NGƯỜI LÀ TỰ TỴ.
8. ĐÁNG KHÂM PHỤC LỚN NHẤT CỦA ĐỜI NGƯỜI LÀ VƯỜN LÊN SAU KHI NGÃ.
9. PHÁ SÀN LỚN NHẤT CỦA ĐỜI NGƯỜI LÀ TUYỆT VỌNG.
10. TÀI SẢN LỚN NHẤT CỦA ĐỜI NGƯỜI LÀ SỨC KHỎE VÀ TRÍ TUỆ.
11. MÓN NỢ LỚN NHẤT CỦA ĐỜI NGƯỜI LÀ TÌNH CẢM.
12. LẺ VẶT LỚN CỦA ĐỜI NGƯỜI LÀ KHOAN DUNG.
13. KHIẾM KHUYẾT LỚN NHẤT CỦA ĐỜI NGƯỜI LÀ KÉM HIỂU BIẾT.
14. AN ỦI LỚN NHẤT CỦA ĐỜI NGƯỜI LÀ BỔ THÍ.

Giáo lý Phật Giáo của Điều Ngự Giác Hoàng là một giáo lý thế tục, không có sự cách biệt giữa người tu tại gia và kẻ xuất gia. Nhưng giáo lý Phật Giáo mà dung để giảng dạy cho thần dân Đại Việt không phải là Phật Giáo Đại Thừa ở Ấn Độ, cũng không phải là Thiên Tông của Trung Quốc, mà là một sự kết hợp tuyệt vời những ưu điểm của hai dòng Thiên giáo trên, sao cho phù hợp với hoàn cảnh và phong tục tập quán của quốc gia Đại Việt thời bấy giờ.

Thiền Giáo Trúc Lâm quan niệm TU LÀ NHẬP THỂ. Trong khi Phật Giáo Đại Thừa của Ấn Độ và Thiền Tông Trung Quốc khuyên chúng sinh nên bỏ cuộc đời trần tục đầy đau khổ, oan trái để vào núi chằm chỉ toạ thiền, mong kiếp sau sẽ trở thành Phật, được sung sướng trên cõi Niết Bàn, thì Phật Giáo theo lý thuyết của Điều Ngự Giác Hoàng Nhân Tôn răn dạy Phật tử không nên xa lánh cuộc đời, vừa tu tại gia vừa làm tròn bổn phận của một công dân đối với tổ quốc. Thiền phái Trúc Lâm quan niệm ngộ đạo không phải ở đâu xa mà ở chính trong cuộc đời, ĐỜI và ĐẠO phải đan xen, bổ túc cho nhau, không mâu thuẫn, không đối nghịch.

Cuộc đời mà Thiền Trúc Lâm quan niệm là tranh đấu không mệt mỏi để đạt đến một quan niệm sống tốt đẹp giữa người với người, bình đẳng bác ái, không chiếm tranh bạo lực, không lường lợc dối trá, không tham lam trộm cướp, không buông thả tà dâm. Điều Ngự Giác Hoàng quan niệm rằng:

“Trong núi vốn không có Phật. Phật chỉ ở trong Tâm. Phật ở ngay tại tâm mình chớ không phải ở đâu xa. Tâm lặng lẽ mà biết thì đó là Tâm Phật.”

Đức Điều Ngự đã từng nói rõ:

“Vậy mới hay  
Phật ở trong nhà  
Chẳng phải tìm xa  
Do đánh mất mình  
Nên ta đi tìm Phật.”

(Trích trong “Cư Trần Lạc Đạo” của Điều Ngự Giác Hoàng)

Trong quyển kinh “Khoá Hư Lục”, Ngài lại nói một cách dứt khoát hơn:

“Phật không phải chỉ ở trong tâm, mà chính Người là Phật. Thân ta tức là thân Phật, thân không có hai tướng.”

Ngài lại dẫn lời của Đức Phật Tổ Nhu Lai cũng từng nói với các đệ tử rằng: “Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành.”

“Con Người Phật” mà Thiền Trúc Lâm quan niệm đó là mẫu người không THAM, SÂN, SI, là con người sống cao đẹp, hết lòng vì dân, vì nước. Đó là ý nghĩa đích thực của một quan niệm sống cao thượng, sống để yêu đời, yêu người và để nhận lấy tình yêu từ người và đời mang lại. Đó là lời

giải đáp cho câu hỏi: “Vì sao con người lại hiện diện trên thế gian này?”

Tư tưởng TA LÀ PHẬT của Điều Ngự Giác Hoàng đã tạo cho con người mang ý thức tự tu tâm dưỡng tánh để trở thành người tốt, làm chủ cuộc đời, làm chủ xã hội, đưa con người đạt đến cảnh giới CHÂN, THIÊN, MỸ, biến cuộc đời thành cõi Niết Bàn. Cảnh giới Niết Bàn là ở ngay trong cuộc sống hiện tại, không cần phải đi tìm ở chốn xa xôi, mơ hồ. Đi tu mà vẫn canh cánh bên lòng việc dân, việc nước thì trong lịch sử Phật Học Việt Nam và Phật Học thế giới thật hiếm thấy có vị Thiền Sư nào giống như Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tôn.

Ngài giảng dạy giáo lý của Thiền Giáo Trúc Lâm không mệt mỏi, có công tìm kiếm và đào tạo những đệ tử có tài năng, có giới đức, xứng đáng là người Thầy tâm hồn của Phật Tử như Thiền Sư Pháp Loa, Huyền Quang, Bảo Sát, Pháp Không... để nhường trao Y Bát, tiến tới việc thành lập Giáo Hội Phật Giáo Đại Việt, hoàn toàn độc lập với tất cả các giáo phái Phật Giáo của Trung Hoa và Ấn Độ.

Trên đỉnh núi Yên Tử cao vời vợi, Ngài đã lập ra Am Thung, Am Dược để làm nơi luyện thuốc. Ngài tự tay trồng lấy hoặc bỏ công ra tìm tòi từng cây thuốc để bào chế thành viên. Những viên thuốc mang tên Hồng Ngọc Sương được chế ra từ cây rừng Yên Tử không những chỉ dùng để trị bệnh cho Hoàng Tộc Nhà Trần ở Thăng Long mà lại còn được mang ra để phát không cho dân nghèo quanh vùng trong những mùa dịch tễ.

Tháng 3 năm 1301, Điều Ngự Giác Hoàng lại đi khắp thôn quê trong nước để tiếp tục xem đời sống của người dân và tiếp tục giảng đạo, dạy dân thực hành 10 điều Thiện trong giáo lý Phật giáo Trúc Lâm. Ngài đi đến tận Bồ Chánh (Quảng Bình ngày nay) để dựng Am Tri Kiến. Đi đến đâu, Thượng Hoàng lại khát thực đến đó để thực hành đời sống tu hành truyền đạo. Đến nước Chiêm Thành, Ngài bình thân đi khát thực trong thành Đô Bàn. Vua Chiêm là Chế Mân biết được, rất kính trọng và đề nghị thỉnh mời Thượng Hoàng ở lại Vương Quốc Chiêm Thành để giảng đạo. Thượng Hoàng lại nhớ đến gần 20 năm trước đã cùng liên thủ với Chiêm Thành để chống lại quân Nguyên,

lúc ấy Chế Mân hãy còn là Hoàng Thái Tử của Chiêm Thành, tuổi trẻ tài cao, đánh giặc rất anh dũng thiện chiến, đầy lùi được quân Nguyên. Thượng Hoàng nhận lời mời, ở lại với cố nhân một thời gian để cùng nhau ôn lại chuyện xưa.

Thượng Hoàng Nhân Tôn đã ở lại Chiêm Thành trong 8 tháng để giảng đạo cho vua Chế Mân và thần dân Chiêm Thành. Trong khoảng thời gian này, Ngài đã mở lời hứa gả con gái là Công Chúa Huyền Trân cho vua Chiêm để kết chặt thêm tình thân hữu của hai nước qua chính sách Hòa Thân. Ngài muốn dung chính sách ngoại giao mềm dẻo để mang lại hòa bình cho tổ quốc ở biên giới phương Nam.

Tháng 11 năm 1301, vua Chế Mân lo sắp đặt thuyền bè, nghi trượng rồi đích thân cung tiễn Thượng Hoàng về nước bằng đường thủy. Thượng Hoàng lại tiếp tục trở về Yên Tử tu hành, hàng ngày giảng kinh cho các đệ tử, ban đêm thì nghiên cứu và viết thêm những kinh sách Phật.

Năm 1304, vua Trần Anh Tôn đã cung thỉnh Điều Ngự Giác Hoàng về kinh thành Thăng Long và xin được thụ Bồ Tát Giới. Các Vương gia, công tử, Công Chúa, Hoàng Tử, tiểu thơ, các quan đại thần cùng theo gương đó mà phát nguyện quy y, thọ trì Tam Quy, Ngũ Giới của đạo Phật. (2)

Cả triều đình Nhà Trần đều quy y theo Phật giáo, làm chỗ dựa vững chắc cho Giáo Hội Phật Giáo Trúc Lâm Đại Việt mà Đức Điều Ngự Giác Hoàng được suy tôn làm Giáo Chủ. Đạo hiệu Trúc Lâm của Ngài đã được dùng để đặt tên cho dòng Thiền phái mang bản sắc Đại Việt do chính Ngài sáng lập và Ngài trở thành Đệ Nhất Tổ Trúc Lâm.

Phật Pháp quan niệm rằng những bậc tu hành đạo cao đức trọng sẽ chứng được các phép thần thông như TỨC MẠNG THÔNG (biết được vận mạng quá khứ, định số tương lai), THIÊN NHẮN THÔNG (nhìn được xa muôn dặm), và THA TÂM THÔNG (biết được lòng kẻ khác). Hàng ngày, Điều Ngự Giác Hoàng ngồi trong am cỏ Ngọa Vân để tham thiền nhập định. Quanh am đều có mây trắng tụ hội, bao trùm lên am. Khi màn đêm buông xuống, trời đất đều chìm trong bóng đen nhưng người ngồi trong am vẫn trông thấy tất cả những điều đang xảy ra ở kinh thành Thăng Long, ở biên giới Đông, Tây, Nam, Bắc của tổ quốc. Ngài đang

dùng hào quang định lực của mình mà soi sáng cả mọi nơi, mọi việc Ngài đều thông tỏ.

Năm 1308, vào dịp Tết Mậu Thân, Điều Ngự Giác Hoàng đến chùa Báo Ân, cho gọi đệ tử là Pháp Loa đến trụ trì chùa, mở trường giảng dạy giáo lý Thiền Trúc Lâm và Ngài chính thức chọn Thiền Sư Pháp Loa là người kế vị làm Đệ Nhị Tổ. Sau đó Ngài đến chùa Vĩnh Nghiêm ở Lạng Giang, cư ngụ trong 3 tháng để thuyết giảng kinh “Cảnh Đức Truyền Đăng Lục” cho các đệ tử và Phật tử. Sau đó Ngài lại trở về Yên Tử để giảng về “Truyền Đăng Lục” cho Thiền sư Pháp Loa. Ngài lại truyền cho tất cả các người hầu cận hãy trở về nhà, chỉ để lại đệ tử Báo Sái ở hầu bên cạnh.

Ngày 5 tháng 10, 1308 Ngài về kinh thành Thăng Long để thăm người chị ruột là công chúa Thiên Thụy lần cuối. Ngày 16 tháng 10 Ngài rời Thăng Long trở về Yên Tử. Ngài nghỉ qua đêm ở chùa Siêu Loại. Sáng hôm sau Ngài dậy sớm đi bộ đến chùa làng Cổ Pháp và tư tay đề thơ rằng:

“Thế số nhất tức mặc  
Thời tình lưỡng hải ngân  
Ma quân hồn quân thậm  
Phật quốc bất thăng Xuân”

Dịch: “Số ở đời chỉ như một hơi thở, tình đời như hai biên bạc. Bọn quan ma quỷ quá lắm. Nước Phật vui không xiết.” (Theo Đại Việt Sử Ký Toàn Thư)

Ngày 17 tháng 10 năm 1308 Điều Ngự Giác Hoàng nghỉ đêm ở chùa Sùng Nghiêm. Tuyên Từ Hoàng Thái Hậu (vợ của Thượng Hoàng Trần Nhân Tôn) đang tu ở am Bình Dương, mời Điều Ngự đến dùng cơm chay. Ngài rất vui mừng, bảo với các đệ tử:

“Đây là bữa cơm cúng dường cho ta lần cuối đây.”

Ngày 18 tháng 10 năm 1308, Điều Ngự Giác Hoàng đi bộ lên đỉnh núi Yên Tử, muốn đến am Ngọa Vân nhưng sức chân quá mỏi, Ngài muốn về am ngay đêm nay. Hai Thiền sư đệ tử là Từ Man và Hoàn Trung gắng sức công Ngài lên đỉnh núi. Ngài hết sức cảm ơn rồi khuyên hai đệ tử xuống núi tiếp tục việc tu hành, không nên quá xem trọng việc sanh tử.

Ngày 19 tháng 10, Ngài cho người đi gọi đệ tử Báo Sái đến. Ngày 21 tháng 10 năm 1308, Báo Sái



về đến Yên Tử. Trên đường lên núi Ngọa Vân, ngang qua suối Doanh

(Doanh tuyến), Bảo Sái thấy có hai con rồng vàng hiện lên từ trong dòng suối, một lúc sau thì biến mất, trong lòng rất làm lạ. Khi Bảo Sái đến am Ngọa Vân, Điều Ngự Giác Hoàng trông thấy liền tươi cười nói:

“Ta sắp đi đây. Sao nhà ngươi đến trễ vậy. Nếu có gì không hiểu trong đạo Phật, thì ngươi hãy hỏi ngay đi.”

Từ ngày đó trở đi, vùng đất xung quanh Yên Tử mưa gió triền miên, trời đất u ám. Khi, vượn đến kêu gào than khóc quanh am Ngọa Vân. Ngay cả các loài chim núi vẫn thường tụ về am mỗi khi Điều Ngự Giác Hoàng thình chuông để tụng kinh công phu cũng kêu lên những tiếng kêu ai oán, náo nùng.

Ngày mùng 1, tháng 11 năm 1308 vào lúc nửa đêm, trời đầy sao sáng. Điều Ngự Giác Hoàng cho triệu hai đệ tử Bảo Sát và Pháp Loa vào. Ngài hỏi:

“Giờ này là giờ gì?”

Bảo Sái cung kính trả lời:

“Bạch Sư Phụ, bây giờ là giờ Tý.”

Điều Ngự lại nói:

“Đó là giờ ta phải đi.”

Bảo Sái ngồi bật dậy nói:

“Bạch Sư Phụ đi đâu vào giờ này?”

Ngài gương ngồi lên, nhìn Bảo Sái, miệng đọc bài kệ:

“Mọi Pháp đều không sinh,  
Mọi Pháp đều không diệt,  
Nếu hiểu được điều này,  
Phật hiện ra trước mắt,  
Không đến cũng không đi.”

Nói rồi Ngài trao cho Thiền Sư Pháp Loa Tâm Ấn để trở thành Đệ Nhị Tổ phái Trúc Lâm. Sau đó Ngài nằm xoay người theo kiểu sư tử nằm rồi hóa. Tương truyền Ngài đã thành Phật.

Trước đó 2 ngày, Ngài đã bảo đệ tử là Thiền Sư Pháp Đăng lấy giấy, mài mực để Ngài thảo sẵn một bản chúc thư. Di chúc truyền rằng:

“Điều Ngự Giác Hoàng không muốn có một lễ quốc táng trọng thể ở triều đình Thăng Long. Ngài đã xuất gia và là người của sơn môn Yên Tử. Ngài muốn chính các đệ tử của Ngài làm lễ hỏa táng Ngài với một nghi lễ thật đơn sơ. Ngài muốn được dựng

dàn thiêu ngay trong am Ngọa Vân và chỉ được báo tin về kinh thành Thăng Long cho triều đình biết sau khi đã làm lễ hỏa thiêu Ngài. Bảo Sái, Pháp Loa, và đệ tử sơn môn cứ y theo di chúc mà lo liệu.”

(Phòng theo “Trúc Lâm Tam Tổ Thực Lục”).

Tuân theo lời di chúc của Ngài lúc còn tại thế, hai Thiền Sư đệ tử là Bảo Sái và Pháp Loa đã hỏa táng thi thể của Ngài rồi cho người về kinh thành Thăng Long báo tang. Vua Trần Anh Tôn và cả triều đình đi thuyền đến Yên Tử, vái lạy từ chân núi, tiếng than khóc vang cả một góc trời. Ngọc Xá Lợi (Phần xương còn lại sau khi đốt) của Điều Ngự Giác Hoàng được chia làm 3 phần, một phần chôn ở lăng miếu của các vua Trần ở phủ Thiên Trường, một phần chôn ở chùa Hoa Yên trên núi Yên Tử, và phần còn lại được đặt tại Đức Lăng ở Long Hưng. Vua Trần Anh Tôn và triều thần về Thăng Long tổ chức lễ Quốc Táng đơn giản theo di chúc của Thượng Hoàng, dâng tên hiệu cho Ngài là ĐẠI THÁNH TRẦN TRIỀU TRÚC LÂM ĐÀU ĐÀ TỈNH HUỆ GIÁC HOÀNG ĐIỀU NGỰ TỔ PHẬT.

Thượng Hoàng Trần Nhân Tôn ở ngôi 14 năm, nhường ngôi 5 năm, xuất gia 8 năm, thọ 51 tuổi.

Thượng Hoàng là người học thức uyên bác, hiểu rất sâu về đạo Thiền. Những tác phẩm về Thiền Giáo mà Ngài đã để lại cho đời sau gồm có “Thiền Lâm Thiết Chủy Ngữ Lục”, “Đại Hương Hải Ấn Thi Tập”, “Tăng Già Toái Sự”, “Thạch Thất My Ngữ”... đều được lưu truyền giảng dạy cho các đệ tử Phật Giáo ở nước Việt.

Vua Trần Minh Tôn (Thái Tử Trần Mạnh), là cháu nội của Thượng Hoàng Trần Nhân Tôn, khi nhận xét về Tổ Tiên của mình và cũng để răn dạy con cháu, Nhà vua đã viết trong quyển “Ngự Tập” của mình như sau:

“Thế Tôn (chỉ vua Trần Thái Tôn Trần Cảnh) bỏ ngôi báu vàng son, nửa đêm vượt thành, bỏ áo rồng cao sang để lên non xanh cắt tóc, tu tỉnh mạch mà chứng minh đạo Phật. Đến đời Tổ của ta là Điều Ngự Nhân Tôn Hoàng Đế ra khỏi cõi trần tục, đến non cao an vị để vừa tu hành, vừa làm Tướng Quân trấn giữ sơn môn, tiếng thơm không mất, nòi Thánh nối nền thịnh vượng”

(Theo Đại Việt Sử Ký Toàn Thư).

Có rất nhiều quan lại và hoàng tộc Nhà Trần trong lúc Điều Ngự Giác Hoàng còn tại thế đã không hiểu được một động cơ vừa bí ẩn, vừa cao thượng đã thúc đẩy Thượng Hoàng Trần Nhân Tông đến núi Yên Tử tu hành, mà Thượng Hoàng cũng không tiện nói với ai. Nhưng cuối cùng thì cháu nội của Thượng Hoàng là vua Minh Tông đã nhìn ra điều bí ẩn đó và có viết di ngôn để lại cho con cháu đời sau. Điều bí ẩn đó cũng được những tri kỷ của đời sau hiểu được khi đọc bài thơ “Đăng Bảo Đài Sơn” của Thượng Hoàng Trần Nhân Tông như sau:

“Đất vắng đài thêm cỏ  
Ngày qua Xuân chưa nong  
Gần xa mây núi cuốn  
Râm nắng ngõ hoa lồng.  
Muôn việc nước theo dòng  
Trăm năm lòng bảo long  
Tựa hiên nâng sáo ngọc  
Ngực áo đầy trăng trong”.

Cùng thời với Điều Ngự Giác Hoàng còn có Lý Đạo Tái tức Huyền Quang Tôn Giả, dòng dõi Tôn Thất nhà Lý, năm 25 tuổi thi đỗ Trạng Nguyên, 3 lần thi đều chiếm Thủ Khoa, đương thời được xem như là một Nhan Hồi của Đại Việt. Ông làm quan đến chức Đông Các Đại Học Sĩ dưới triều vua Trần Nhân Tông và Trần Anh Tông, được giao cho trông coi Hàn Lâm Viện, chuyên phụ trách việc soạn thảo các văn thơ cho nhà vua và tiếp rước Sứ Thần của các nước đến bang giao với Đại Việt. Sứ Thần các nước rất nể vì tài học của ông. Năm 51 tuổi, Lý Đạo Tái theo theo vua Trần Anh Tông đến nghe Thiền Sư Pháp Loa thuyết Pháp thì giác ngộ đạo Phật và có ý định đi tu. Ngài trở về triều dâng biểu từ quan và được vua Anh Tông chấp nhận. Ngài về núi Yên Tử tu hành, làm Thị Giả (người ghi lại những lời thuyết pháp) cho Điều Ngự Giác Hoàng. Hai tư tưởng lớn đã gặp nhau và hai kẻ sĩ tri kỷ ấy đã nhìn thấu tâm can của nhau. Lý Đạo Tái xuất gia và được Thiền Sư Pháp Loa thu nhận làm đệ tử, ban pháp danh là Huyền Quang.

Thiền Sư Huyền Quang đã nhìn được nỗi niềm sâu kín của Điều Ngự Giác Hoàng đối với sự an nguy của dân tộc, của đất nước nên sẵn sàng rời bỏ công danh phú quý để theo bước của Thượng Hoàng, phục vụ đạo pháp và phục vụ đất nước.

Thiền Sư Huyền Quang sau này trở thành Đệ Tam Tổ Trúc Lâm. Mãi đến đời Nhà Lê, có Ngô Thời Nhiệm là một quan đại thần, đồ đại khoa Tiến Sĩ và từng là thầy học của Chúa Trịnh Tông, có đến Yên Tử để nghe thuyết pháp về Thiền phái Trúc Lâm, cũng đã phát hiện ra điều bí ẩn của Điều Ngự Giác Hoàng, và ông đã viết:

“Người ta thấy Điều Ngự Đệ Nhất Tổ đến ở chùa Hoa Yên trên núi Yên Tử thì bảo là Ngài xuất gia. Ta (chỉ Ngô Thời Nhiệm) biết rằng Đức Ngài lúc bấy giờ biết xem thiên hạ là trọng, trong nước vô sự, nhưng ở phía Bắc vẫn có nước láng giềng mạnh mẽ, nên chưa được an tâm. Cái ý ấy Ngài không tiện nói rõ, sợ thiên hạ dao động, cho nên khi Ngài đến ngự tại núi Yên Tử, phía Đông nhìn về Yên Quảng, phía Bắc liếc sang hai tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, dựng lên ngôi chùa, thời thường dạo chơi để xem động tĩnh, cốt để ngừa mối lo nước ngoài xâm phạm, thật là một vị Vô Lượng Đại Thế Chí Bồ Tát. Lúc bấy giờ Huyền Quang Tôn Giả mới biết được ý ấy, bèn bỏ cái cao sang của một vị Trạng Nguyên Đại Thần, sớm chiều đi theo Ngài để hoàn thành cái ý nguyện to tát của Ngài.”

(Trích theo “Văn Thơ Ngô Thời Nhiệm”)

Như vậy thì đối với Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông, đi tu và giữ nước là một. Ngài đã lập ra một Thiền Phái Phật Giáo với tôn chỉ mạnh mẽ là HỘ QUỐC, HỘ DÂN và HỘ PHÁP. Ngài luôn đặt sứ mạng của Phật Giáo Việt Nam là giữ gìn độc lập cho tổ quốc. Ấp ủ trong lòng một lý tưởng cao đẹp cho nên Thượng Hoàng Trần Nhân Tông tự nguyện từ bỏ cảnh sống giàu sang quyền quý, trở thành một nhà sư khổ hạnh nơi chôn rừng núi âm u. Nhận xét về giáo lý của Thiền Phái Trúc Lâm, Ngô Thời Nhiệm đã viết:

“Tam Tổ lấy từ bi làm thể, lấy quảng đại làm dụng, đồng đức với trời đất, hợp minh với Nhật Nguyệt. Tam Tổ có cái THANH rất chính, có cái HUÔNG rất dài. Phật như Trúc Lâm Tam Tổ chỉ lấy ngôn ngữ đạo lý mà giáo thế, chẳng những không lộ liễu ở hành sự mà nói năng cũng cao xa, rộng lớn, quanh thoảng...Đáng được các nhà Thiền học suy tôn.”

(Trích theo “Văn Thơ Ngô Thời Nhiệm”)

Cuộc đời của Thượng Hoàng Trần Nhân Tôn là một tấm gương ngời sáng mãi mãi cho hậu thế noi theo. Ngài là một bậc Đế Vương đầy đức hạnh mẫu mực, hết lòng lo cho dân cho nước, đã đem an bình thịnh trị đến cho toàn dân. Ngài là một bậc đại anh hùng của quốc gia Đại Việt đã biến đất nước từ LOẠN sang TRỊ, hóa nguy thành an, xứng đáng là một đấng minh quân ĐẠI TRÍ, ĐẠI DŨNG. Sau khi quét sạch quân xâm lăng ra khỏi cõi bờ, Ngài đã lo thực thi ngay kế sách AN DÂN để an ủi vỗ về dân chúng, xây dựng nước nhà thịnh trị. Khi cảm thấy sứ mạng mà ngày xưa cha mình tận tình giao phó đã tương đối hoàn thành, Ngài liền cởi áo Long

Bào một cách không lưu luyến để truyền ngôi lại cho con, dồn thân vào một sứ mạng tinh thần mới là giáo hóa toàn dân, dạy dân sống cuộc đời đạo đức, bác ái, lương thiện, thật xứng đáng là người Thầy, người cha mẫu mực của cả dân tộc. Ngài là biểu hiện của những tinh hoa thuần túy nhất của Phật Giáo và Nho Giáo.

**Hà Nguyễn**

(Virginia)



# **PHÒNG MẠCH BÁC SĨ VÕ ĐẠM**

**591 University Blvd. East  
Silver Spring, Md 20901**

**Nay đã được trang bị máy móc tối tân  
để điều trị các chấn thương do  
TAI NẠN LƯU THÔNG**

**Đ.T. (301) 434-4943  
Cell Phone (24/24): (240) 422-3454**



# TÌNH THƠ

Em về ngàn thế kỷ sau

Nhìn trăng có thấy nguyên màu ấy chẳng?

[Bùi Giáng]

Trăng quện vào Thơ để nhuộm sâu  
Để tình vương vấn mãi ngàn sau  
Núi còn nguyên núi muôn năm cũ ?  
Trăng vẫn vắng trăng ấy thuở đầu ?  
Giọng nói dịu dàng say đắm mộng  
Tiếng thơ đậm thắm ấm lòng nhau  
Chân mây góc biển mà thân thiết  
Thắm cảm ơn Thơ nối nhịp cầu

## HỒ CÔNG TÂM

Austin, March 15, 2009

Họa

## QUA CẦU GIÓ BAY

Nhìn trăng thiên kỷ đọng thêm sâu  
Thuở ấy bây giờ mãi mãi sau  
Môi má hồng lên hình bóng cũ  
Non sông thắm lại thừa ban đầu  
Tình say như thể tình say mộng  
Tiếng nhớ còn không tiếng nhớ nhau  
Cứ đợi chờ ai lòng thốt thiết  
Còn mơ tà áo gió qua cầu

## Đông Anh

San Jose

SỐ 47

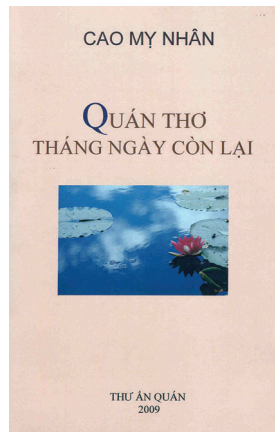
# BẾN HOA

Những cuộc tình đan díu mộng mơ  
Đã sui ta đôi lúc bơ thờ  
Tưởng rằng ưu ái, nhưng kỳ thực  
Đó chỉ là ngôn ngữ của thơ.

Khi ngồi tưởng tượng mảnh vườn hoang  
Có gió heo may với lá vàng  
Lòng bỗng sót sa như ẩn hiện  
Nụ cười cùng ánh mắt mênh mang.

Âm ba vẫn điệu chợt mông lung  
Mị ảo vương thương mãi cõi lòng  
Nhặt những câu văn toàn chữ đẹp  
Gởi đi bát ngát, tới vô cùng.

Thượng đế bao la, bất tận xa  
Nhưng nghe đâu đó ở quanh nhà  
Xin cho một chút tin yêu để  
Vượt được bờ gai đến bến hoa.



CAO  
MỸ  
NHÂN

Hawthorne, Ca, USA

31-3-2009

# KINH THI VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

## TRẦN BÍCH SAN

LTS. Dưới đây là nguyên văn câu chuyện văn chương của nhà biên khảo Trần Bích San trong buổi họp mặt kỷ niệm 14 năm Cỏ Thơm tổ chức tại nhà hàng Harvest Moon, thủ đô Hoa Thịnh Đốn tối ngày 05 tháng 04, 2009 mà rất tiếc thời lượng giới hạn đã không cho phép diễn giả có thể trình bày đầy đủ bài nói chuyện của ông.

### KINH THI TRUNG HOA

Thời xưa, trong nền giáo dục Nho Giáo, người học trò từ lúc vỡ lòng đến khi vắc lều chống đi thi phải học và hiểu thấu đáo Tứ Thư và Ngũ Kinh, thường được gọi là Kinh và Truyện, là những bộ sách nòng cốt của đạo Nho. Tứ Thư gồm *Luận Ngữ* (1), *Đại Học* (2) *Trung Dung* (3), *Mạnh Tử* (4). Ngũ Kinh có *Kinh Thi* (5), *Kinh Thư* (6), *Kinh Lễ* (7), *Kinh Dịch* (8), *Kinh Xuân Thu* (9).

Tuy rằng đạo Nho đã có từ trước nhưng Khổng Tử (10) được coi như thánh sư của Nho Giáo vì ngài có công san định. *Kinh Thi* gồm hơn 300 bài thơ chia làm ba loại chính là Phong, Nhã và Tụng. Khổng Tử thu thập những bài thơ vô danh hoặc những lời tình tự trong dân gian (phong), những lời ca chốn triều đình (nhã), nơi giáo miếu (tụng) từ thời cổ cho đến đời vua Bình Vương nhà Chu rồi ngài lựa chọn, san định thành bộ *Kinh Thi*. Bộ kinh này được dùng như sách vỡ lòng cho học trò, là kinh nhật tụng của nhà Nho

trương tửu

## KINH THI VIỆT NAM



muốn sửa đức, thực chất chỉ là tập hợp những câu ca dao thời cổ của Trung Hoa.

### KINH THI VIỆT NAM

Năm 1940, Trương Tửu (11), tức nhà lý luận văn học Nguyễn Bách Khoa gọi ca dao của ta là Kinh Thi Việt Nam. Khoảng 12, 13 năm trước đó, một buổi chiều đi hóng gió quanh hồ Hoàn Kiếm ở Hà Nội ông gặp một cụ già. Trong khi tình cờ ngồi cạnh trên băng ghế dưới chân tượng Paul Bert, Trương Tửu được cụ già giải thích cho nghe về mấy câu đồng dao mà trẻ con

thường dùng trong trò chơi bịt mắt bắt đết:

#### **Chi chi hành hành**

*cái danh thổi lửa  
con ngựa chết trương  
ba vương ngũ đế  
ú tể đi tìm  
hú tim bắt ập*

Theo cụ, dân gian dùng ca dao để viết sử nhưng bài Mô Tê của trò chơi đi trốn đi tìm đã sai lạc và trở thành vô nghĩa. Đứng ra bài hát đó như sau:

#### **Chu tri rành rành**

*Cái danh nổ lửa  
Con ngựa đứt cương  
Ba vương tập đế  
Cấp kể đi tìm  
Hú tim bắt ập*

Ông cụ giải thích như sau:

- **Câu đầu:** **Chu tri rành rành** có nghĩa là bố cáo cho thiên hạ được biết

- **Câu thứ 2:** **Cái danh nổ lửa:** nói về tiếng sấm đại bác đầu tiên của chiến hạm Catinat bắn vào Đà Nẵng năm Bính Thìn 1856 trong chủ trương gây hấn của người Pháp.

- **Câu thứ 3:** **Con ngựa đứt cương** diễn tả sự rối loạn của triều đình Huế sau khi vua Tự Đức băng hà vào năm Quý Mùi 1883. Lúc đó, ngoài Bắc đang đánh nhau với quân Pháp, trong triều thì quyền thần chuyên chế không còn trật tự, kỷ cương gì nữa.

- **Câu thứ 4:** **Ba vương tập đế:** Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường chuyên quyền làm bậy, giết hại công thần. Tháng 9 năm 1884 Tường và Thuyết đổi di chiếu của vua Tự Đức, đem Dục Đức giam vào nhà tối, không cho ăn uống để chết đói, đổ cho tội thông mưu với Pháp, lập Hiệp Hòa lên làm vua. Hơn 4 tháng sau, Tường và Thuyết đầu độc vua Hiệp Hòa, đưa Kiến Phúc, lúc đó mới 15 tuổi lên ngôi. Được hơn 6 tháng, Kiến Phúc ngộ độc chết, Tường và Thuyết lập Hàm Nghi mới 12 tuổi làm vua. Chỉ trong vòng chưa đầy một năm mà có tới 3 ông vua thay nhau lên ngôi, câu “ba vương tập đế” chỉ vào những biến cố này.

- **Câu thứ 5:** **Cấp kế đi tìm** nói về việc Tôn Thất Thuyết vì bị Thống Chế De Coursy xử ép nên đêm 22 tháng 5, 1885 liều đánh úp dinh Khâm Sứ và đồn Mang Cá ở Huế. Việc thất bại, Thuyết đem vua đi trốn rồi truyền hịch Cần Vương đi khắp nơi. Quân Pháp một mặt lo dẹp loạn, một

mặt cấp tốc cho người đi tìm vua Hàm Nghi về để yên lòng dân.

- **Câu cuối:** **Hú tìm bắt ập** chỉ vào việc Trương Quang Ngọc làm phản, cùng với suất đội hầu cận vua Hàm Nghi là Nguyễn Đình Tình, nửa đêm 26 tháng 9, 1888 cùng 20 thủ hạ xông vào chỗ nhà vua tạm trú ở làng Tả Bả, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, bắt sống nhà vua đem nộp cho Pháp lãnh thưởng (sau đó vua Hàm Nghi bị đày đi Algérie, Pháp thưởng cho Trương Quang Ngọc hàm lãnh binh, Tình được thưởng hàm quan võ, còn tất cả thủ hạ kẻ được thưởng hàm suất đội, người được thưởng tiền).

Đưa câu chuyện trên vào phần mở đầu của quyển *Kinh Thi Việt Nam* (12), Trương Tử không hẳn tin vào việc dân gian dùng ca dao để viết sử như ý cụ già, nhưng ông chủ ý

nhấn mạnh việc phân tích tâm lý người dân khi nghiên cứu văn chương bình dân.

Đi tìm trong kho tàng ca dao chúng ta thấy có những câu liên quan đến lịch sử, nhưng đồng thời những câu này cũng phản ánh tâm lý người dân, phản ứng của dân gian đối với sự kiện lịch sử đó, chẳng hạn thái độ phản đối mang tính hài hước, châm biếm khi vua Minh Mạng ban chiếu cấm đàn bà mặc váy:

*Tháng Sáu có chiếu vua ra*

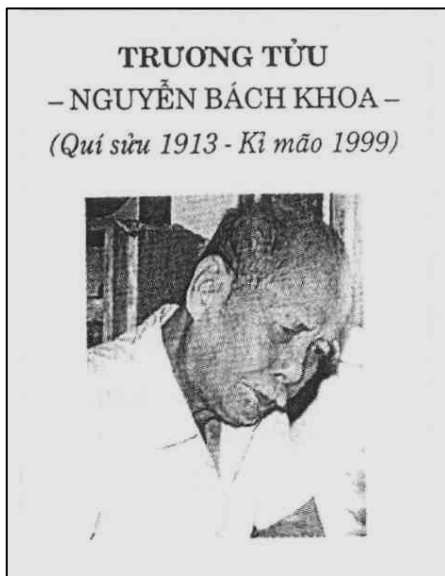
*Cấm quần không đay đôi ta ngắt ngừng*

*Không đi thì chợ không đông*

*Đi ra phải lột quần chông mà mang*

*Có quần ra quán bán hàng*

*Không quần đứng nấp đầu làng trông quan*



Hai câu chỉ vào việc quân chúa Nguyễn theo mùa gió nổi ra đánh chúa Trịnh trong thời kỳ Nam Bắc phân tranh mang tâm trạng chán ngán, mong mỗi được giải thoát của người dân Bắc Hà:

*Lạy gửi cho cả gió nổi*

*Cho thuyền Chúa Nguyễn thẳng buồm chạy ra*

Thực ra, những câu liên quan đến lịch sử có rất ít, thường thì ca dao phản ánh tình trạng xã hội, kinh tế, tình yêu, phong tục, tập quán, sinh hoạt nông nghiệp, con người và thiên nhiên, phản đối bất công, chống đối cường quyền...

Từ đầu thế kỷ thứ 20 trở về trước đã có một số tác gia viết và sưu tập ca dao tục ngữ. Sách và các bài viết trên báo có thể kể:

- Chữ Nôm: *An Nam Phong Thổ Hoại* của Trần Tất Văn, *Đại Nam Quốc Túy* của Ngô Giáp Đậu, *Việt Nam Phong Sử* của Nguyễn Văn Mại, *Thanh Hóa Quan Phong Sử* của Vương Duy Trinh.

- Chữ Nôm dịch ra chữ Hán: *Nam Phong Giải Trào* của Ngô Hạo Phu.

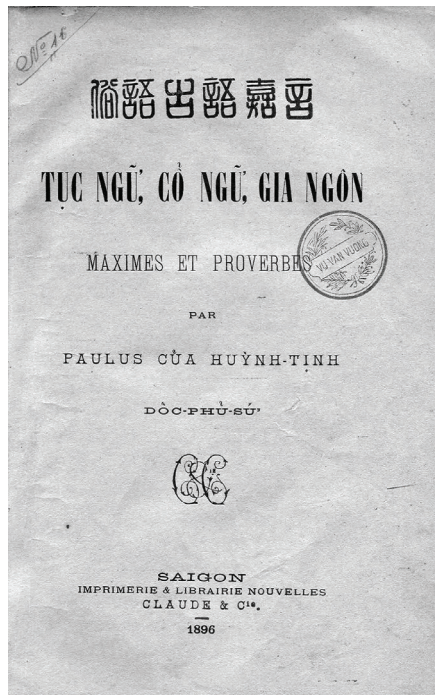
- Chữ Nôm phụ chữ Quốc Ngữ: *Quốc Phong Thi Tập Hợp Thái* của Hi Lượng Phủ, *Nam Quốc Phương Ngôn Tục Ngữ Bị Lục* (không rõ tác giả).

- Chữ Quốc Ngữ: *Tục Ngữ Cổ Ngữ Gia Ngôn* của Paulus Cửa (Sài Gòn, 1896), *Tục Ngữ An Nam* gồm 3 quyển của Triệu Hoàng Hòa, *Nam Ngạn Trích Cầm* của Phạm Quang Sán (nxb Mạc Đình Tư, Hà Nội), *Guơng Phong Tục* của Đoàn Duy Bình (ĐDTC tập mới số 161-

164), *Việt Nam Tổ Quốc Túy Ngôn* của Đông Châu và Đồ Nam (NP Tạp Chí từ số 169 đến 210), *Trẻ Con Hát, Trẻ Con Chơi* của Nguyễn Văn Vĩnh (Tứ Dân Văn Uyển số 1), *Ngạn Ngữ Phong Dao* của Nguyễn Can Mộng (Tứ Dân Văn Uyển số 16 đến 22).

Phải đợi đến năm 1928, Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc (13) cho ra đời bộ *Tục Ngữ Phong Dao* lúc đó thi ca dân gian Việt Nam mới được hệ thống hóa, xếp đặt theo từ ít tới nhiều chữ và theo thứ tự A, B, C. (quyển 1 thuộc về phương ngôn, tục ngữ, có hơn 6,500 câu từ 3 đến 23 chữ, quyển 2 thuộc về thể ca dao có hơn 8,500 câu gồm các bài từ 4 câu trở lên). Đây là một tài liệu công phu và giá trị, thu thập các câu tục ngữ, phong dao của ta từ thời thượng cổ đến đầu thế kỷ thứ 20.

## CA DAO VIỆT NAM HIỆN ĐẠI



Tiếp nối sau bộ *Tục Ngữ Phong Dao* của Nguyễn Văn Ngọc có một số tác phẩm viết về văn chương truyền khẩu như bộ *Thi Ca Bình Dân Việt Nam* của Nguyễn Tấn Long và Phan Canh, quyển *Văn Học Bình Dân* của Nguyễn Trúc Phượng, v.v. nhưng từ khi Việt Nam bị Cộng Sản thống trị tài liệu bằng chữ viết các câu ca dao mới rất khó tìm. Trong vòng hơn 3 thập niên số lượng thi ca dân gian xuất hiện còn nhiều hơn mấy trăm năm gộp lại. Việc thu thập, cập nhật và ghi lại các câu ca dao phản ánh thời kỳ đen tối nhất trong lịch sử dân tộc rất cần thiết cho nền văn học truyền khẩu, giúp phần

soi sáng những tội ác của bạo quyền cho thế hệ mai sau .

### Sau Tháng Tư Đen

Chiếm được Miền Nam ngày 30/04/1975, Cộng Sản không làm cho nước giàu dân mạnh mà càng ngày người dân càng nghèo khổ, bị đè nén bóc lột, mất hết tất cả mọi quyền tự do nên không còn tin vào thiên đường do đảng và nhà nước hứa hẹn:

*Việt Nam có một ông già  
Râu dài, tóc bạc tên là Chí Minh  
Ông hay uống rượu một mình  
Khi buồn lại rủ Trường Chinh uống cùng  
Say sưa ông nói lung tung:  
Việt Nam mình sẽ sánh cùng năm châu  
- Này ông, chuyện ấy còn lâu!*

Việc Cộng Sản thay đổi tên đường phố Sài Gòn đã gợi hứng cho các nhà thơ dân gian diễn tả kết quả chua cay của cuộc “cách mạng giải phóng Miền Nam”. Tự do đội nón ra đi, công lý chết tức tưởi, những kẻ theo Cộng Sản bị bạc đãi, vất chanh bỏ vỏ:

*Nam Kỳ Khởi Nghĩa tiêu Công Lý  
Đồng Khởi vùng lên mất Tự Do*

\*

*Dép râu dẫm nát đời son trẻ  
Nón tai bèo che khuất nẻo trường lai*

\*

*Chim xa rừng còn thương cây, nhớ cội  
Việt Cộng về thành làm tội dân ta*

\*

*Đầu đường Đại Tá vá xe  
Cuối đường Trung Tá bán chè đậu đen  
Giữa đường Thiếu Tá rao kem*

\*

*Ngày xưa chống Mỹ, chống Tây  
Ngày nay chống gậy ăn mày áo cơm*

### Đổi Tiền, Học Tập Cải Tạo

Việt Cộng dùng thủ đoạn lừa bịp bắt và tù đầy các quân cán chính của VNCH dưới danh từ tốt đẹp là học tập cải tạo. Quản giáo các trại tù vốn xuất thân bản cố nông thiếu chữ, ít học nay trở thành thầy dạy những người tù có học:

*Năm đồng đổi lấy một xu  
Thằng khôn đi học, thằng ngu làm thầy*

Cả nước nghèo đói người dân không có cơm ăn, áo mặc, hàng ngày phải dùng ngô sắn, khoai mì, bo bo thay cơm. Phần ảnh cảnh thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu đủ thứ, có những câu:

*Từ khi ta có bác Hồ  
Nhân dân chẳng được ăn no ngày nào  
Hoan hô độc lập tự do  
Để cho tớ nhá bo bo sái hàm  
Cá thịt ăn mãi cũng nhàm  
Cha thằng Mỹ nguy chỉ làm khổ dân*

\*

*Lương chồng, lương vợ, lương con,  
Đi ba buổi chợ chỉ còn lương tâm  
Lương tâm đem chặt ra hầm  
Với rau muống luộc, khen thơm là ngon*

\*

*Anh Đồng, anh Duẩn, anh Chinh,  
Ba anh có biết dân tình cho không?  
Rau muống nửa bó một đồng  
Con ăn, bố nhịn, đau lòng thằng dân*

\*

*Ai sinh ra cái củ mì  
Hỏi: để làm gì? Đáp: để mà ăn  
Nước nhà mãi mãi khó khăn  
Dân mình mãi mãi phải ăn củ mì*

\*

*Dân đói mà Đảng thì no  
Sức đâu ủng hộ, hoan hô mỗi ngày  
Đảng béo mà dân thì gầy  
Độn bấp, độn sắn biết ngày nào thôi?*

\*



Dân đói mà Đảng thì no  
Kêu trời kêu đất, kêu Hồ Chí Minh  
Cớ sao Hồ cứ lặng thinh  
Để dân tui khổ thấy mồ, Hồ kia!

\*

Nhân dân thì chẳng cần lo  
Nhà nước lo sẵn bo bo mỗi ngày  
Hãy chăm tay cấy tay cấy  
Nhịn ăn, nhịn mặc chờ ngày vinh quang

\*

Một năm hai thước vải thô  
Nếu đem may áo, “cụ Hồ” ló ra  
May áo thì hở lá đa  
Chị em thiếu vải hóa ra lóa lổ  
Vội đem cất ảnh bác Hồ  
Sợ rằng bác thấy tô hô bác thèm

\*

Có áo mà chẳng có quần  
Lấy gì hạnh phúc hỏi dân cụ Hồ?  
Có đói mà chẳng có no  
Lấy gì độc lập, tự do hỏi người

\*

Ở với Hồ Chí Minh  
Cây đình phải đăng ký  
Trái bí phải xếp hàng  
Khoai lang cần tem phiếu  
Thuốc điều phải mua bông  
Lấy chồng nên cai để  
Bán lẻ chạy công an  
Lang thang đi cải tạo  
Hết gạo ăn bo bo  
Học trò không có tập  
Độc lập với tự do  
Nằm co mà hạnh phúc

\*

Xếp hàng cả năm  
Xếp hàng cả ngày  
Xếp hàng cho ngay  
Xóa hết chữ nghĩa  
Xiết hợng công nhân  
Xấu hơn cả Ngụy

Xạo hết chỗ nói  
Xuống hố cả nút

\*

Đả đảo Thiệu Kỳ, mua cái gì cũng có  
Hoan hô Hồ Chí Minh mua cái đình phải xếp hàng

Đi Kinh Tế Mới, Đào Kinh

Năm 1976, Việt Cộng cho thành lập những khu kinh tế mới tại những vùng hẻo lánh để đày gần 1 triệu rưỡi người dân Miền Nam, trong đó một nửa là dân Sài Gòn mà hầu hết thuộc gia đình quân nhân, công chức cũ của VNCH, đến sinh sống, canh tác tại các nơi hoang vu. Quyết định thiển cận và tàn nhẫn này gây nên bao cảnh thương tâm, đau lòng cho người dân bị đày ải:

Đuổi dân ra khỏi cửa nhà  
Bắt đi kinh tế thật là sót xa  
Không sao sống được cho qua  
Nên đành lại phải trở ra Sài Gòn  
Chẳng ai giúp đỡ chăm nom  
Cùng nhau vất vưởng, lang thang vĩa hè  
Màn sương, chiếu đất phủ che  
Sinh ra bệnh tật khò khè ốm đau  
Nhưng mà có sống được đâu  
Bộ đội kéo đến hàng xâu xúc liễn  
Chúng đem bỏ tại Tam Biên  
Rừng sâu núi thẳm oan khiên buộc vào  
Sáu ngàn nhân mạng năm nào  
Thầy đều chết đói biết bao nhục hình

Tháng 3, 1976 Việt Cộng phát động phong trào thanh niên xung phong, cưỡng ép sinh viên, học sinh về miền quê đào kinh:

Mồ cha thẳng Thiệu rời đình  
Để tao ở lại đào kinh mỗi ngày  
Thiệu ơi mày cứ ở đây  
Thì tao đâu phải dọa đày sớm hôm  
Mày bỏ chạy là mày khôn  
Mày mà ở lại lấm chôn cả đời

## Vượt Biên, Việt Kiều

Cuối thập niên 1970 không thể sống dưới chế độ bạo tàn của Cộng Sản, nhiều người liều chết bỏ nước ra đi tìm tự do, đa số vượt biển bằng thuyền. Không biết bao người đã bỏ mạng ngoài đại dương. Dù biết nhiều nguy hiểm, thêm nạn hải tặc Thái Lan hãm hiếp, cướp bóc, người dân thà chết chứ không thể sống dưới chế độ Cộng Sản “cái cọt đèn nếu biết đi thì nó cũng vượt biên”:

*Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên  
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên  
Canh khuya thao thức mạn thuyền  
Biết người quân tử vượt biên chốn nào?*

\*

*Bác Hồ chết phải giờ trùng  
Nên bày con cháu đỡ khùng đỡ điên  
Thằng tỉnh thì đã vượt biên  
Những đứa ở lại không điên cũng khùng*

Khi phải liều mạng vượt biên bằng đường bộ hay bằng thuyền, nếu bị bắt không những tù tội mà còn bị nguyên rửa, lên án là Việt gian, phản động, nhưng khi muốn moi tiền của Việt kiều thì Việt Cộng trở giọng trở trên gọi là “khúc ruột ngàn dặm”:

*Ngày đi Đảng gọi Việt Gian  
Ngày về Đảng lại chuyển sang Việt Kiều  
Chưa đi, phản động trăm chiều  
Đi rồi thành khúc ruột yêu ngàn trùng*

\*

*Trốn đi đảng bắt đến cùng  
Trở về mời gọi sẵn lòng đô la  
Đảng ta ân đức bao la  
Là cụ thằng đểu, là cha thằng lừa*

\*

*Việt Minh, Việt Cộng, Việt Kiều  
Trong ba Việt ấy Đảng yêu Việt Nào?  
Việt Minh tuổi đã khá cao  
Việt Cộng ốm yếu xanh xao gầy mòn  
Việt kiều tuổi hãy còn non*

## Đảng yêu, Đảng quý như con đầu lòng

### Hợp Tác Xã

Đầu thập niên 1990, Việt Cộng bắt dân trồng mía làm đường thay trồng lúa, nhưng khi Fidel Castro thăm Việt Nam, bọn lãnh đạo đảng lại hứa và thực hiện việc nhập cảng đường mía của Cu Ba vào thị trường VN mấy năm liền. Người dân trồng mía bị sạt nghiệp vì hành động lừa bịp, phản trắc của chính quyền:

*Bắt trồng mà chẳng thu mua  
Tại sao Đảng nở dối lừa nhân dân?  
Tiền cây, tiền giống, tiền phân  
Một trăm thứ thuế đổ thân gày gò  
Dân đói mà Đảng thì no  
Kêu trời, kêu đất, kêu Hồ Chí Minh!*

Không chỉ lừa dân trồng mía, nhà nước còn lừa dân nhiều vụ trồng trọt khác như trồng tiêu, trồng điều, v.v. khiến đã nghèo lại thêm tả tơi:

*Trồng mía, trồng ớt, trồng hành  
Vì nghe lời Đảng mà thành bể niêu  
Trồng tiêu, rồi lại trồng điều  
Vì nghe lời Đảng mà niêu tan tành  
Bao giờ Đảng mới hết hành  
Bao giờ Đảng mới trung thành với dân  
Bao giờ dân có cái ăn  
Bao giờ Đảng chết để dân ăn mừng?*

Khoảng 1982 Việt Cộng phát động phong trào Hợp Tác Xã trồng cây. Các cụ già bị xung vào đội trồng cây của Hợp Tác Xã, nếu trồng 5 cây thì được 1 điểm đủ để đổi lấy 1 lạng thóc. Vì tuổi già sức yếu lại thêm nạn của chung không ai chăm lo nên chỉ vài tuần cây cối héo úa:

*- Hoan hô các cụ trồng cây  
Mười cây chết chín, một cây gặt gù!  
- Các cháu có mắt như mù  
Mười cây chết tiệt, gặt gù ở đâu?*

Hợp Tác Xã thực chất chỉ là chỗ cho cán bộ tham nhũng, ăn cướp công sức của dân:

*Thì đua làm việc bằng hai  
Để cho cán bộ mua đài mua xe  
Thì đua làm việc bằng ba  
Để cho cán bộ xây nhà, lát sân*

\*

*Thì đua ta quyết tiến lên  
Tiến lên, ta quyết tiến lên hàng đầu  
Hàng đầu...rồi tiến về đâu?*

\*

*Đi làm hợp tác, hợp te  
Không đủ cái giẻ mà che cái l.  
Bác Hồ với chả bác Tôn  
Ở đâu thì đến xem l. tui đây*

Phi Hành Gia Phạm Tuân

Trong lúc nhân dân đói khổ, năm 1980 Cộng Sản VN cho Phạm Tuân tháp tùng phi hành gia Victor Gorbato trên phi tuyến của Nga Sô tốn kém rất nhiều. Nhân dân cay đắng diễu cợt:

*Một thằng lên vũ trụ  
Trăm thằng đi mút cu (Moscow)  
Nghìn thằng chề chén lu bù  
Để dân bảy mươi triệu đói thò cu ra ngoài*

\*

*Nhân dân thiếu gạo, thiếu mì  
Mày vào vũ trụ làm gì hở Tuân?*

\*

*Ai lên vũ trụ thì lên  
Còn tôi ở lại ghi tên mua mì*

Đổi Mới

Năm 1986 trước nguy cơ chế độ sụp đổ, để sống còn đại hội đảng Cộng Sản VN đưa ra chính sách đổi mới, bãi bỏ chế độ bao cấp và chủ trương “kinh tế thị trường định hướng theo xã hội chủ nghĩa”. Kết quả cho thấy giai cấp có quyền càng ngày càng giàu, dân nghèo khổ hơn. Đổi mới

nhưng chính trị thì vẫn là độc quyền của Đảng, vẫn những bộ mặt cũ:

*Ông lão đánh trâu đi bừa  
Là con ông lão ngày xưa đi cày!*

\*

*Ông Anh, ông Kiệt, ông Mười  
Dở khóc, dở cười biết chọn ông nào*

*Ông nào, ông nào, ông nào  
Một đồng một cốt làm sao bây giờ*

*“Cửa mở” phải có giấy tờ  
“Đổi mới” nhìn lại vẫn thờ máy ông*

*Đèn cù cứ chạy lòng vòng*

*Dân chủ cái còng, độc lập đôi ăn*

*Hạnh phúc chú Cuội cung trăng!*

(Anh: Lê Đức Anh, Chủ tịch Nước, Kiệt: Võ Văn Kiệt, Thủ Tướng, Mười: Đỗ Mười, Tổng Bí Thư Đảng)

Chỉ Trích Chế Độ, Lãnh Tụ

Dưới sự cai trị bạo tàn, dùng công an để bắt bớ tù đầy, bóc lột người dân dưới mọi hình thức, từ xuất cảng lao động và phụ nữ ra nước ngoài đến việc lấy nhà chiếm đất của dân nghèo, người dân chỉ còn nước kêu trời và chống lại bằng châm biếm, diễu cợt các lãnh tụ Việt Cộng, kể cả Hồ Chí Minh mà đảng Cộng Sản Việt Nam tôn thờ:

*Ngày xưa giặc Pháp mộ phụ  
Ngày nay Đảng bán dân ngu lấy tiền  
Đảng ta là Đảng cầm quyền  
Đảng bán ruộng đất lấy tiền Đảng tiền*

\*

*Vẻ vang thay lãnh tụ ta  
Dem dân xuất khẩu bán ra nước ngoài*

*Đảng ta là Đảng thần tiên*

*“Đa lô” thì đượ, đa nguyên thì dưng*

(Đa lô: đô la)

\*

*Vạn niên là vạn niên nào*

*Thành xây xương lính, hào đào máu dân*

Cộng Sản còn gấp vạn lần  
Toàn dân gầy cổ, mát thân cụ Hồ

\*

Từ khi ta có bác Hồ  
Nhân dân chẳng được ăn no ngày nào  
Đánh cho Mỹ cút, Ngụy nhào  
Toàn dân đói khổ, đau nào đau hơn

\*

Trách ai sinh thứ họ Hồ  
Để cho cả nước như đồ vất đi

\*

Bác Hồ đại trí, đại hiền  
Chơi Minh Khai chán, gả liền Hồng Phong  
Minh Khai phận gái chữ tòng  
Bác Hồ sái nhất, Hồng Phong sái nhì

\*

Nếu đời không có Sinh Cung  
Dân dâu phải họa Hồ khủng Chí Minh  
Mãi mê bác chỉ làm tình  
Bước chân trải khắp thân hình chị em

\*

Bác Hồ là lão già dê  
Năm thê bảy thiếp ra bề trai tân  
Sự nghiệp kách mệnh trong quân  
Chúng con lớn giữa hai chân bác Hồ

\*

Bác Hồ thuở còn học Nho  
Cùng chung đèn sách với lò bác Tôn  
Trong lớp Bác chẳng làm ôn  
Mãi mê Bác bắt mắt hồn chị em  
Thế rồi từ đó đêm đêm  
Sự nghiệp kách mệnh trèo lên mặt giường  
Đảng ta chỉ một con đường  
Vùng lên chặn gó, chiếu giường vùng lên  
Chị em nằm dưới ngời khen:  
Việt Nam đẹp nhất có tên cụ Hồ  
(Cu không có dấu nặng)

\*

Bác Hồ có một con chim  
Bác nhờ chị Định đi tìm cái lông  
Nổi bản khoán mãi chất chồng

Lông đen, chim đỏ rõ giòng Chí Minh  
Thảo nào Bác đến đa tình  
Minh Khai cùng với Tuyết Minh vợ đời  
Ra đi cuốc đất cùng trời  
Bao nhiêu con vãi, con rơi, vợ ngày  
Bao nằng Kiều chết bỏ thầy  
Tôn vinh Bác, lũ dân cày ngợ ca:  
Bác là cha của mọi nhà  
Là ông triệu cháu, là bà con xa  
Bác ơi, tìm bác bao la  
Ôm trọn phụ nữ nước Nga, nước mình  
Nhớ thương con dân tâm hình  
Vào nơi tôn kính... của mình Bác ơi!

\*

Cả đời Bác sống đảo điên  
Đảng tôn thờ Bác thành tiên giữa trần  
Ban ngày Bác hóa thánh thân  
Ban đêm bác lại tần mần như ma  
Ban ngày Bác mãi làm cha  
Ban đêm Bác lại ngầy ngà như con  
Chị em ta giữ đảo Côn  
Lôn rộng bát ngát bồn chồn Bác vô

\*

Bác Hồ cùng với bác Tôn  
Rủ nhau ra suối nhìn l. Minh Khai  
Nhìn xong tám tấc khen hoài  
Lông nằng quả thật rậm dài làm sao  
Cứ tưởng nằng ấy vô mao  
Nào hay rậm rạp khác nào Castro  
Ghé tai Tôn nịnh bác Hồ:  
Râu anh cũng giống lông đồ Minh Khai  
Hồ rằng: Chú nói chẳng sai  
Thực ra lông nó còn dài hơn tôi  
Bác Tôn ngấm nghĩa một hồi:  
Anh nói chí phải là tôi nhìn lầm  
Anh trông thanh thoát bội phần  
Castro rậm xoắn ngo dâm hơn nhiều  
Bác Hồ ra vẻ dăm chiêu:  
Con đường kách mệnh cần nhiều hy sinh  
Minh Khai không giữ... của mình  
Lập ngay hội nghị phê bình, nghe chưa!

\*

*Thói quen của Bác khác thường  
Thích nhìn tiên nữ trần trường tắm sông  
Thú vui của Bác thật ngông  
Thích nhìn phụ nữ... nằm không giữa giường*

\*

*Ông Đồng, ông Duẩn, ông Chinh  
Vì ba ông ấy dân mình làm than*

\*

*Trường Chinh, Lê Duẩn, Văn Đồng  
Cả ba đồng lòng giết chết con tôi*

\*

*Trường Chinh, Lê Duẩn, Văn Đồng  
Ba thằng cùng béo vật lông thằng nào?  
- Vật lông cả đám cho tao!*

Năm 1983, tướng Võ Nguyên Giáp bị phe Lê Duẩn, Lê Đức Thọ tước hết binh quyền, giao cho phụ trách việc sinh đẻ có kế hoạch. Anh hùng Điện Biên bị nhân dân chế diễu:

*Ngày xưa đại tướng cầm quân  
Ngày nay đại tướng cầm quần chị em  
Khi xưa trấn thủ lưu đồn  
Bây giờ đại tướng bịt l... chúng em*

Cộng Sản Việt Nam cai trị đất nước bằng thủ đoạn lừa bịp và dối trá, nói có thành không, không thành có, láo khoét chẳng khác gì Nha Khí Tượng tiên đoán thời tiết ở Việt Nam:

*Bão nắng mà trời lại mưa  
Mấy thằng khí tượng đoán bừa hại tao  
Trời làm một trận mưa rào  
Mấy thằng khí tượng làm tao ướt rồi  
Ướt thân, ướt cả...” cụ Hồ”  
Thôi đành để vậy tô hồ mà về*

\*

*Thứ nhất anh Ba, nhì nha Khí Tượng  
(anh Ba: Lê Duẩn)*

\*

*Thứ nhất anh Lương, nhì thường lừa gạt*

\*

*Mất mùa là bởi thiên tai  
Được mùa là bởi thiên tài đảng ta*

\*

*Ông Lê Nin quê ở nước Nga  
Có sao lại đứng vườn hoa nước này  
Ông uốn ngược, ông chỉ tay:  
Tự do, hạnh phúc lũ mày còn xa*

\*

*Kìa xem gương của nước Nga  
Bảy mươi năm lẻ có ra đếch gì  
Đảng mình cái Đảng vút đi  
Chúng ta theo Đảng còn gì là thân!*

\*

*Ngày xưa chửi Mỹ hơn người  
Ngày nay nịnh Mỹ hơn mười lần xưa  
Ngày xưa đánh Mỹ không chừa  
Ngày nay con cái lại lừa sang đây  
Ngày xưa Mỹ xấu, Đảng hay  
Ngày nay Đảng giữa hai tay xin tiền*

\*

*Đời đời dân biết, dân ơn  
Nhờ Đảng dân biến thành đon mọ còi  
Lòng dân ao ước nguýt trời  
Bao giờ dân được như hồi Mỹ vô?*

\*

*Nhân dân thì chẳng cần no  
Nhà nước no sẵn tiền đô ních đây  
Nhân dân chẳng chóng thì chầy  
Làm thuê nuôi Đảng kiếp này công toi*

\*

*Tiên sư Cộng Sản Việt Nam  
Cuối đời bán cả giang san nước nhà  
Cúi đầu dâng đảo Trường Sa cho Tàu*

\*

*Dịch heo nổi tiếp dịch gà  
Bao giờ dịch Đảng cho bà con vui*

### Mất Tự Do, Mất Quyền Làm Người

Cộng Sản luôn luôn đề cao độc lập, tự do, nhưng thực tế lại độc tài, áp chế, tước đoạt tất cả quyền căn bản của con người kể cả quyền tự do đi lại:

*Mang danh dân chủ cộng hòa  
Đi ra khỏi tỉnh phải qua cửa quyền  
Xuất trình giấy phép liên miên  
Chứng từ, thị thực ở miền nào qua*

\*

*Trăm năm trong cũi người ta  
Ở đâu cũng được đi ra đi vào  
Xa xôi như xứ Bồ Đào  
Người ta cũng được đi vào, đi ra  
Đen đũi như Ăng Gô La  
Người ta cũng được đi ra, đi vào  
Chậm tiến như ở nước Lào  
Người ta cũng được đi vào, đi ra  
Chỉ riêng có ở nước ta  
Người ta không được đi ra, đi vào*

### Phẩm Chất Việt Không Còn

Xã hội xa đọa, xuống cấp một cách thảm hại. Năm 1996 Thứ Trưởng Bộ Lao Động, Thương Binh & Xã Hội cho biết trong nước có ít nhất có 76,900 phụ nữ hành nghề mại dâm, nhưng một giới chức thẩm quyền khác lại tiết lộ rằng riêng tại Sài Gòn đã có khoảng 300,000 gái điếm. Phòng trà lấy chồng Đài Loan, Đại Hàn giống như hình thức mua bán người thời trung cổ. Những giá trị đạo đức không còn, con người chỉ biết có tiền, tình nghĩa không còn giá trị gì:

*Chiều chiều ra bến Ninh kiều  
Dưới chân tượng Bác, dĩ nhiên hơn dân*

\*

*Trăm năm bia đá thì mòn  
Bia chai cũng vỡ, chỉ còn bia ôm*

\*

*Thầy giáo lãnh lương ba đồng  
Làm sao sống nổi mà không đi thờ*

*Nhiều thầy phải đập xích lô  
Làm sao xây dựng tiền đồ học sinh*

\*

*Cô giáo phải bán bia ôm  
Ôm phải học trò, ăn nói sao đây?*

\*

*Tiệc thay cây quế còn soạn  
Để cho đám mọi Đài Loan nó trò*

\*

*Tim em như thể tìm chim  
Chim bay biển Bắc, anh tìm biển Đông  
Tim chi cho phải mất công  
Đài Loan, Hàn quốc em đông mất rồi*

\*

*Tiền là tiên là Phậ  
Là sức bật con người  
Là nụ cười tuổi trẻ  
Là sức khỏe tuổi già  
Là cái dề danh vọng  
Là cái lọng che thân  
Là cán cân công lý  
Đồng tiền là...hết ý!*

### Tham Nhũng Thối Nát

Hiện nay tham nhũng ở Việt Nam trở thành công khai, những đảng viên Cộng Sản đang nắm quyền là các tư bản đồ ăn chơi, tiêu tiền như rác trong khi dân chúng bị bóc lột tới tận xương tủy nhưng Đảng vẫn rêu rao “Nhân dân là chủ, Đảng là đầy tớ”:

*Công nhân vợ ốm con cô  
Lãnh đạo nhà gác, xe hơi bọn bê  
Bao giờ cho hết trò hề?*

\*

*Nhà ai giàu bằng nhà cán bộ  
Hộ nào sang bằng hộ đảng viên  
Dân tình thất đảo bát diên  
Đảng viên mặc sức vung tiền vui chơi*

\*

*Ai về qua tỉnh Nam Hà  
Xem lũ đầy tớ xây nhà bê tông  
Tớ ơi, mày có biết không  
Chúng ông làm chủ mà không bằng mày!*

\*

*Muốn cho điện sáng về nhà  
Ruột lợn, ruột gà phải nối đến nơi  
Muốn cho Đảng, Bác về theo  
Ba đời con cháu phải đeo gông cùm*

\*

*Phong lan, phong chức, phong bì  
Trong ba thứ ấy, thứ gì quý hơn?  
Phong lan ngấm mãi cũng buồn  
Phong chức thì phải cúi luồn vào ra  
Chỉ còn cái phong thứ ba  
Mở ra thơm nức cả nhà cùng vui*

\*

*Thanh “cha”, thanh mẹ, thanh gì  
Hễ có phong bì là nó thanh kiu (thank you)*

\*

*Tôn Dân là chợ vua quan  
Vân Hồ là chợ những gian nịnh thần  
Đồng Xuân là chợ thương nhân  
Vía hè là chợ “nhân dân anh hùng”*

### CA DAO PHÓNG TÁC

Một hình thức mới của ca dao là ca dao phóng tác, gọi tắt là phóng dao. Phóng dao là ca dao được thay lời khác cho thích hợp với hoàn cảnh hiện tại. Trong ca dao hiện đại có một số được phóng tác từ những ca dao đã có từ trước (14). Câu ca dao nào chỉ thay ít tiếng mà đổi được nghĩa cả câu thì là những câu phóng dao khéo và hay. Xin đơn cử vài thí dụ:

Ca dao:

*Chiều chiều ra đứng ngõ sau  
Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều*

Phóng dao:

*Chiều chiều ra bến Ninh Kiều*

*Dưới chân tượng Bác đi nhiều hơn dân*

Ca dao:

*Có con mà gả chồng gần  
Có bát canh cần nó cũng mang qua  
Có con mà gả chồng xa  
Một là mất giỗ, hai là mất con*

Phóng dao (cuối thập niên 1970):

*Có con mà gả chồng gần  
Nửa đêm xe đạp mang phần cho cha  
Có con mà gả chồng xa  
Tháng tháng nó gửi đồ la kìn kìn*

Ca dao:

*Bà già đi chợ Cầu Đông  
Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng  
Ông thầy xem quẻ nói rằng:  
Lợi thì có lợi nhưng răng không còn*

Phóng dao (Công Tử Hà Đông, 1980):

*Bà già đi chợ Cầu Đông  
Bói xem vượt biển, lấy chồng lợi chăng  
Ông thầy gieo quẻ nói rằng:  
Lợi thì còn lợi nhưng năng ử tở  
(Ử tở: ử tù)*

### KẾT LUẬN

Ca dao Việt Nam phong phú hơn Kinh Thi của Trung Hoa rất nhiều. Kinh Thi là những câu ca dao đóng khung trong thời đại xa xưa của Tàu mang tính bất biến và giới hạn (từ thời nhà Chu trở về trước), ngược lại, ca dao của ta được phát triển và tồn tại song song với nền văn học chữ viết từ thời cổ đến tận ngày nay. Chính vì tính sinh động của ca dao, việc cập nhật và ghi lại bằng chữ viết thi ca dân gian rất cần thiết cho việc nghiên cứu văn học truyền khẩu. Mong rằng trong tương lai chúng ta sẽ có một quyển sách ghi lại đầy đủ tiếng nói dân gian trong thời cận và hiện đại, nhất là

trong thời gian mà Cộng Sản Việt Nam tiếm quyền cai trị đất nước.

TRẦN BÌNH SAN  
(New Orleans)

CHÚ THÍCH:

(1) **Luận Ngữ**: tư tưởng của Khổng Tử về các vấn đề luân lý, triết học, chính trị, lý tưởng người quân tử và đạo nhân (do môn đồ chép lại).

(2) **Đại Học**: cứu cánh đạo học của người quân tử là sự chí thiện qua cách vật, trí tri, thành ý, chính tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ (Tăng Tử soạn).

(3) **Trung Dung**: điểm cao đạt nhất của đạo Nho thể hiện qua chữ Trung và chữ Thành (do Tử Tư, cháu Khổng Tử chép lại).

(4) **Mạnh Tử**: tư tưởng Khổng Giáo về nhân nghĩa, thuyết Dân Vi Quý, triết lý Tính Bản Thiện (Tăng Tử soạn).

(5) **Kinh Thi**: ca dao cổ của Tàu từ thời thịnh Chu trở về trước (Khổng Tử chọn và san định).

(6) **Kinh Thư**: huấn từ, mệnh lệnh về việc trị nước từ đời Nghiêu Thuấn đến Đông Chu, cốt lõi tư tưởng là hai chữ chấp trung (Khổng Tử sưu tập).

(7) **Kinh Lễ**: lễ nghi trong gia đình, làng xã, và triều đình (Khổng Tử san định).

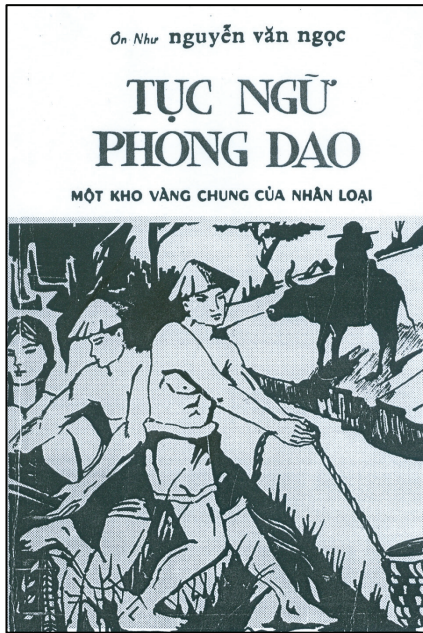
(8) **Kinh Dịch**: siêu hình của Nho Giáo, giải thích sự biến hóa của trời đất, động tĩnh của muôn loài dựa theo lẽ âm dương và bát quái (Khổng Tử giải nghĩa).

(9) **Kinh Xuân Thu**: lịch sử nước Lỗ từ đời Lỗ Ẩn Công (772 TTL) đến đời Lỗ Ai Công (482 TTL) sách nói về việc chính trị, định chính thể dựa vào chính danh, định phận (Khổng Tử biên soạn).

(10) **Khổng Tử (551 TTL – 478 TTL)**: tên là Khâu, tự Trọng Ni, sinh vào tháng 10 năm 551 TTL đời vua Linh Vương nhà Chu, người làng Xương Bình, huyện Khúc Phụ, nay thuộc phủ Duyện Châu, tỉnh Sơn Đông (nước Lỗ), Trung Hoa. Ngài vốn thuộc người nước Tống (tỉnh Hà Nam), ông tổ 3 đời đời sang nước Lỗ. Thân phụ là Thúc Lương Ngột làm quan võ, đã có 2 vợ trước, đến gần già mới lấy bà

Nhan thị và sinh ra ngài. Khi Khổng Tử lên 3 tuổi thì thân phụ mất. Năm 19 tuổi thành gia thất, ra làm chức Ủy Lại coi việc gặt thóc ở kho, sau làm Tư Chức Lại coi việc nuôi dê, bò dùng vào việc cúng tế. Năm 28, 29 tuổi được Lỗ Hâu cấp xe 2 ngựa và người hầu đi học ở Lạc Ấp là chỗ kinh sư nhà Chu. Được ít lâu Khổng Tử trở về nước Lỗ, học trò theo học càng nhiều. Năm 51 tuổi ngài được vua nước Lỗ dùng làm Trung Đô Tể, năm sau làm Đại Tư Khấu (giống như Hình bộ Thượng Thư), ngài đặt ra luật lệ, phép tắc. Bốn năm sau, vua nước

Lỗ cất ngài lên Nhiếp Tướng Sự cho ngài quyền nhiếp việc chính trị trong nước. Sau đó, Khổng Tử đi chu du thiên hạ sang các nước Vệ, Tống, Trần, Thái, Diệp, Sở, mong đem thi hành cái đạo của mình ra giúp đời, nhưng không được dùng. Lần cuối cùng Khổng Tử trở về nước Vệ ở lại 5, 6 năm không đi đâu nữa, sau Quý Tôn Phì cho người đón ngài về nước Lỗ, lúc đó ngài đã 68 tuổi, ở nhà dạy





học, san định lại các sách vở đời trước. Khổng Tử mất vào tháng 4 năm 478 TTL, thọ 74 tuổi.

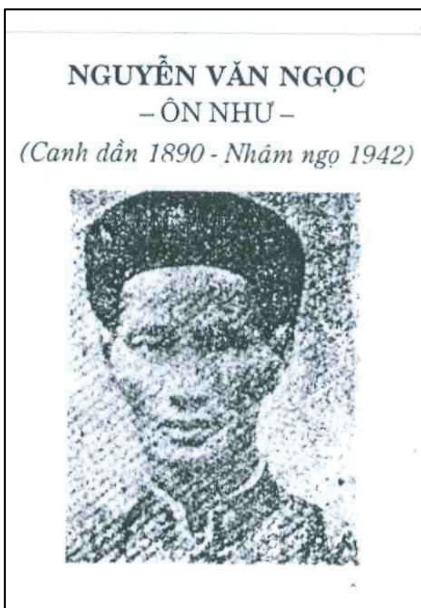
(11) **Trương Tửu (1913-1999)**: bút hiệu Nguyễn Bách Khoa, sinh tại Hà Nội, tốt nghiệp trường Kỹ Nghệ Thực Hành, Hải Phòng. Tiếp tục tự học hết chương trình Tú Tài Pháp Việt. từ 1931-1938 cộng tác với Đông Tây Tuần Báo, Loa, Ích Hữu, Tiếng Trẻ, Hà Nội Báo, Mùa Gặt Mới, Văn Mới...Giám Đốc văn chương nhà xuất bản Hàn Thuyên, cùng Nguyễn Đức Quỳnh trông nom tạp chí Văn Mới.

1952 dạy lý luận, phê bình văn học tại trường Dự Bị Đại Học. 1954 dạy trường Đại Học Sư Phạm, Đại Học Văn Khoa Hà Nội. 1958 vì vụ Nhân Văn Giai Phẩm bị buộc nghỉ dạy, sống bằng nghề Đông Y cho tới khi mất. Tác phẩm chính: *Uống Rượu với Tản Đà* (1938), *Kinh Thi Việt Nam* (1940), *Nguyễn Du và Truyện Kiều* (1943), *Nhân Loại Tiến Hóa Sử* (1943), *Nguồn Gốc Văn Minh* (1943), *Văn Minh Sử* (1943), *Tâm Lý và Tư Tưởng Nguyễn Công Trứ* (1944), *Văn Chương Truyện Kiều* (1944), *Tương Lai Văn Nghệ Việt Nam* (1945), *Đại Quan về 40 năm Văn Học Việt Nam Hiện Đại 1905- 1945* (1948), *Phương Pháp Phê Bình Văn Học* (1948), *Văn Nghệ Bình Dân Việt Nam* (1952), *Truyện Kiều và Thời Đại Nguyễn Du* (1956), *Mấy Vấn Đề Văn Học Việt Nam* (1958).

(12) **Kinh Thi Việt Nam**: xuất bản năm 1940, nxb Liên Hiệp ở Pháp tái bản, 1950.

(13) **Nguyễn Văn Ngọc (1890-1942)**: hiệu Ôn Như, quê làng Hoạch Trạch (tục gọi là làng Vạc), huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. 1907 mới 17

tuổi tốt nghiệp trường Thông Ngôn, dạy trường Tiểu Học Hà Nội, rồi dạy trường Hậu Bổ. Ít lâu sau làm Thanh Tra các trường sơ học ở Bắc Việt, Đốc Học tỉnh Hà Đông. Tác phẩm chính: *Nam Thi Hợp Tuyển* (1927), *Tục Ngữ Phong Dao* (1928), *Câu Đối* (1931), *Truyện Cổ Nước Nam* (1932), *Cổ Học Tinh Hoa* (1933), *Ngụ Ngôn* (1935).



(14) Nhà văn Hoàng Hải Thủy gọi ca dao phóng tác là phóng dzao

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hoàng Hải Thủy: *Sài Gòn Phóng Dzao*, tuần báo Sài Gòn Nhỏ, ấn bản New Orleans số 763 ra ngày 27/03/2009.

- Nguyễn Ngọc Bảo: *XHCN Việt Nam & Tâm Trạng Người Dân Qua 30 Năm Ca Dao*.

- Nguyễn Q. Thắng & Nguyễn Bá Thế: *Từ Điển Nhân Vật Lịch Sử Việt Nam* (Bộ Mới, tái bản lần thứ 8), nxb Tổng

Hợp Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, 02/2006.

- Nguyễn Thái Hoàng: *Những Văn Thơ về Bác và Đảng*.

- Nguyễn Văn Ngọc: *Tục Ngữ Phong Dao* (2 quyển) nxb Vĩnh Hưng Long Thư Quán, Hà Nội nxb Sống Mới in lại, Hoa Kỳ.

- Trần Khải Thanh Thủy: *Viết Mãi Tên Người*

- Trần Trọng Kim: *Nho Giáo* (2 quyển), xuất bản năm 1930, nxb Tân Việt tái bản lần thứ 4, Sài Gòn, Việt Nam.

- Trương Tửu: *Kinh Thi Việt Nam*, xuất bản năm 1940, nxb Liên Hiệp tái bản, Pháp, 1950.



# Phiên Tòa Xét Xử Louis XVI: 1792

## Nguyễn Văn Thành

(Tiếp theo Cô Thom số 45)

**Bị cáo:** Louis XVI  
**Can tội:** Phản Quốc  
**Luật Sư biện hộ:** Crétien de L Malesherbes, Francois- Denis Tronchet và Romain de Sèze.  
**Công Tố Viện:** Hội Nghị Quốc Ước  
**Thẩm Phán:** Hội Nghị Quốc Ước  
**Nơi xét xử:** Paris, Pháp  
**Ngày xét xử:** 26/12/1792  
**Quyết Định của Bồi Thẩm Đoàn:** Có tội  
**Bản án:** Đưa lên máy chém. Guillotine (21/01/1793)

### Ý NGHĨA

Phiên tòa xét xử Louis XVI đánh dấu sự kết thúc chế độ cũ tại Pháp  
Hình sự tố tụng (criminal procedure), với những mục đích chính trị và giễu cợt thủ tục luật định, báo trước phiên tòa trình diễn này sẽ tái diễn vào thời kỳ chế độ chuyên chính toàn trị xuất hiện trong thế kỷ 20.

### Louis Capet có tội không?

Trả lời câu hỏi trên, ta phải lùi lại thời gian xây ra 3 biến cố quan trọng nhất vào năm 1791 và 1792 làm nền tảng cho phe cực cách mạng Jacobin cáo buộc Vua Louis 16 can tội “phản quốc” trong phiên xử ngày 26 tháng 12 năm 1792.

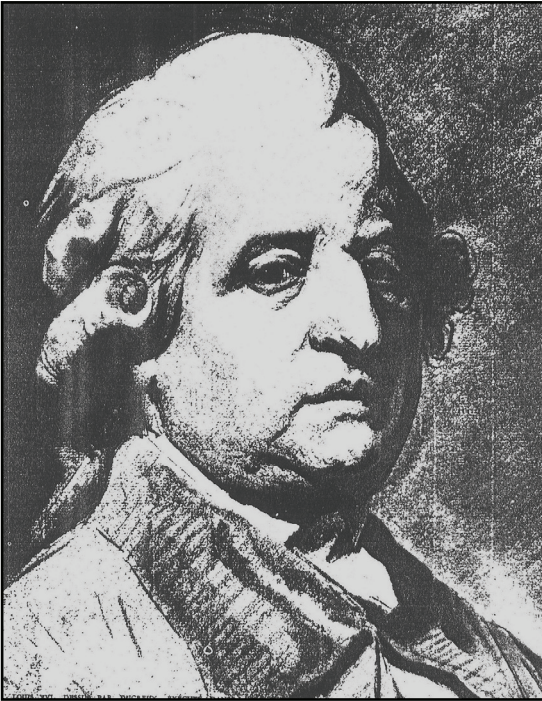
Trước nhất, nhà Vua cùng gia đình chạy trốn bị phát giác và bị bắt tại Varennes gần biên thùy Bỉ quốc ngày 20 tháng 6 năm 1791, được Hầu Tước Lafayette, Tư Lệnh Lực Lượng Cảnh Vệ Cách Mạng, hộ tống buộc phải quay trở về Paris. Tiếp

đến, Vua Louis 16, do sự thôi thúc của Hoàng Hậu, đã dùng quyền phủ quyết các đạo luật của phe cách mạng đưa ra với hy vọng chờ phe bảo hoàng di tản cùng quân đội ngoại quốc phục hồi chế độ cũ tại Pháp. Cuối cùng, nhà Vua phải chịu trách nhiệm về 2100 người nổi dậy bị giết trong biến cố tấn công Điện Tuileries ngày mùng 10 tháng 8 năm 1792.

Ngoài ra, nhóm Jacobin còn buộc tội Louis, chuyên ngân qua Áo cho Hoàng Đế Joseph II, anh của Antoinette, và mua chuộc, trong cuộc cứu trợ, dân chúng bị thiên tai hay nghèo khó với mục đích đưa họ vào con đường phản lại đất nước.

Vì thiếu bằng chứng, Lãnh tụ Robespierre và phe nhóm quá khích không đề cập kết quả điều tra về cái tù sắt nhỏ đặt trong tường Điện Tuileries, do thợ khóa Gamain tố cáo Vua Louis đã giấu các văn thư bí mật thông đồng với nước ngoài âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng. Thực ra, theo nhà viết tiểu sử Joan Haslip, các tài liệu mật đó cho thấy nhiều nhân vật cộng tác với cách mạng nhưng đã bí mật gặp Vua Louis soạn thảo một Hiến Pháp Quân Chủ Lập Hiến chẳng hạn như Bá Tước Mirabeau, Hầu Tước Lafayette, Barnave Đại Biểu vùng Dauphiné... Dưới cái nhìn của nhóm Jacobin cực đoan đang thống trị bằng khủng bố, họ coi các nhân vật trên cũng như những ai theo con đường đó đều là kẻ thù của cách mạng nên đã đưa Barnave lên máy chém, Lafayette chạy trốn qua Bỉ thoát chết, Mirabeau đã qua đời về bệnh tim.

Tài liệu trên đã làm bối rối nhóm Jacobin cực đoan lại càng gây bối rối cho họ hơn nữa khi ủy ban điều tra phát giác ra không hề có bằng chứng



Phác họa Louis XVI tại Tháp giam Temple trước 3 ngày lên máy chém. của Họa Sĩ Ducreux – Bảo Tàng Viện Carnavalet, Paris.

minh bạch nào cho thấy Louis 16 đã thông đồng với kẻ thù nước ngoài xâm phạm nền an ninh của Pháp như cáo trạng đã hài ra.

Quả cũng có các văn thư mật liên quan tới Vua hoặc chính quyền Tây Ban Nha và thuộc địa Bắc Mỹ trong cuộc chiến tranh Độc Lập Hoa Kỳ về việc chuyển tiền, viện trợ quân trang, vũ khí đạn dược. Chính quyền Louis 16 đã ký Thỏa Ước Thương Mại riêng rẽ với từng thuộc địa một nhưng không phổ biến điều khoản bí mật cam kết ủng hộ và viện trợ cho 13 Thuộc Địa trên chiến đấu lật đổ bộ máy cai trị của Đế quốc Anh cho đến ngày chiến thắng. Đường lối này đã được chính quyền Tây Ban Nha hưởng ứng nên đã ngầm giúp Vua Louis 16 chuyển lậu vũ khí đạn dược, tiền bạc cho quân nổi dậy tại các thuộc địa Bắc Mỹ với mục đích, cũng giống như Pháp, làm suy yếu hải quân

Anh đang làm chúa tể trên biển cả. Vào thời đó, hải quân Tây Ban Nha đứng hàng thứ ba, sau Pháp.

Âm mưu trên không qua mặt được tinh báo Anh Quốc. Đại Sứ Anh Stormont tại Paris được triệu hồi về Luân Đôn. Tình hình khá căng thẳng giữa Anh và Pháp. Được hai cố vấn kiệt xuất Necker và Turgot trợ giúp, Vua Louis 16 áp dụng sách lược vạch ra hòa hoãn với Anh Quốc nhưng vẫn tiếp tục can dự vô hình vào cuộc Chiến Cách Mạng Hoa Kỳ tại các thuộc địa Bắc Mỹ. Sau cuộc chiến 7 năm (1756-63), cả Anh lẫn Pháp đều mệt mỏi không muốn gây ra cuộc chiến nữa. Tuy bị mất Ấn Độ và Canada vào tay Anh, Pháp vẫn còn mạnh giữ được miền Tây Ấn (West Indies) cung cấp cho mẫu quốc chất chàm (indigo), bông sợi, đường, cà phê, cacao... Mỗi năm, tỷ như năm 1773, có khoảng trên 700 tàu thuyền chuyên chở vào Pháp các sản phẩm đó.

Nhận được nguồn tin tinh báo đáng tin cậy, chính quyền Louis 16 phái một hạm đội tối tân với 24 tàu chiến cùng 8.000 quân thiện chiến tới vịnh Chesapeake Bay ngăn chặn Hạm đội Anh gồm 19 tàu chiến tới tiếp viện giải cứu 8.000 quân Anh đang bị quân nổi dậy bao vây tại Yorktown, Virginia. Với hỏa lực rất mạnh, tướng Hải Quân Pháp Francois de Grasse đánh tan hạm đội Anh phải bỏ chạy về New York sửa chữa. Chiến thắng lẫy lừng này đã thúc đẩy chính quyền Anh ký Hòa Ước Versailles tại Paris năm 1783 thừa nhận nền độc lập của quốc gia non trẻ Hoa Kỳ nay là Hợp Chúng Quốc vậy.

#### Đặc điểm của Vụ Án

Luật gia Edward W. Knappman viết trong tác phẩm nổi tiếng “Những Vụ Án Lớn Trên Thế Giới” (Great World Trials) nhận xét các Đại Biểu trong Hội Nghị Quốc Ước đảm nhiệm hai chức vụ vừa là bồi thẩm vừa là thẩm phán (sat as both judge and jury) trong vụ án Louis 16. Việc kiêm nhiệm này đã vi phạm trầm trọng luật hình sự tố tụng (criminal procedure) qui định khi nghi can bị tuyên xử kết án, thường là bồi thẩm phán chứ không phải là bồi thẩm đoàn. Do đó, Luật sư trẻ tuổi Romain de Sèze từ Anh Quốc trở về biện hộ cho Louis Capet, đã gợi ý khi ra Tòa, Louis có quyền đưa ra thỉnh cầu tiên

thảm phẫn đối sự kiêm nhiệm này vì không bảo đảm an toàn pháp lý cho bị cáo. Louis từ chối, đáng lẽ bác bỏ cáo trạng liệt kê các tội danh của nghi can, lại biện luận Louis là người cai trị hợp pháp nước Pháp và không hề vi phạm luật pháp.

Mở đầu phần bào chữa cho Louis, Luật sư trẻ tuổi Romain de Sèze, biện luận Louis Capet không phải là bạo chúa như một số Đại biểu đã cáo buộc mà hiển nhiên chỉ là nạn nhân của hoàn cảnh, thỉnh cầu đưa vụ án này lên Tòa Tối Cao. Luật sư Sèze nói tiếp, “Tôi xin ngưng trước Lịch Sử, “ và xin phép được lưu ý quý Ngài rằng: “Bản án kết tội của quý Ngài rồi sẽ qua đi, nhưng một ngày nào đó, Lịch Sử sẽ phán xét bản án, và chính sự phán xét này sẽ lưu lại mãi mãi cho mai sau.”

Luật sư biện hộ, cũng giống như các luật sư khác, không dám đưa cuộc tranh luận đi xa hơn vì ai cũng muốn giữ cái đầu, ngoại trừ cựu Bộ Trưởng trong chính quyền Louis cũng là một thảm phẫn Crétien de L. Malesherbes tình nguyện bào chữa cho Louis. Trong khi đó có rất nhiều Đại Biểu được đề cử đều từ chối hết vì sợ lưỡi dao Guillotine treo lơ lửng trên đầu, Malesherbes đã đến tận nhà giam Temple gặp Louis trong sà lim, nói “Tôi sẽ chăm sóc Ngài hơn cả thân tôi. Bất chấp mọi sự nguy hiểm cho tính mệnh, tôi sẽ vận động các đại biểu ôn hoà trong Nghị Hội bỏ phiếu cứu Đức Vua.” Louis đã ôm Malesherbes khóc trong ngục tối. Luật sư Malesherbes là người duy nhất không gọi Vua Louis 16 là Louis Capet mà lúc nào cũng kính cẩn một điều thưa Ngài hay Đức Vua trước sự hiện diện của các nhân vật Jacobin đầy quyền uy trong Nghị Hội. Các Đại Biểu Jacobin rất ngửa mắt về cách xưng hô này nhưng chưa phải là lúc ra tay. Vào thời gian đó, Hội Nghị Quốc Ước là chúa tể thống trị đất nước bằng khủng bố (the Reign of Terror), từ năm 1792 đến năm 1795, nên làm nger không áp dụng Bộ Luật Hình Sự Mới ban hành năm 1791 cùng thủ tục hình sự thi hành nội dung của Bộ Luật Mới này trong phiên Tòa xét xử Louis Capet (xin xem The New Criminal Code of 1791-the Tower Marie Antoinette by Antonia Fraser).

Nhóm Jacobin “cực cách mạng” (ultra revolutionaries) gồm nhiều nhà hùng biện, luật gia

và chính trị gia tên tuổi không phải là không để ý tới sự vi phạm trắng trợn luật hình sự tổ tụng bởi lẽ họ chủ trương giết Louis Capet chứ không cần phải thành lập phiên tòa xét xử can phạm Louis gây thêm phiền phức. Họ lập luận tỳ như Lãnh tụ độc tài Robespierre nhấn mạnh: “Louis Capet đã tự kết án tử hình bằng những hành động của mình.” Còn luật sư trẻ tuổi Saint-Just đọc bài diễn văn đầu tiên nảy lửa trước Nghị Hội như sau: “Louis Capet không thể bị đưa ra Tòa xét xử bởi vì bị cáo đã tự xét xử rồi. Bị can bị xét xử, hay nếu không bị kết tội đi chăng nữa thì quyền lực tối cao của Cộng Hòa Pháp không phải là tuyệt đối. Louis bị chết không phải vì những hành động đã làm mà chỉ vì bị cáo là một ông Vua.”

Theo sử gia Paul K. Padover, không có bằng chứng cụ thể cáo buộc Louis can tội “Phản quốc” mà cũng tuyệt đối không có chứng cứ nào biện minh cho Louis vô tội cả. Louis nhu nhược và phạm nhiều lầm lỗi. Một trong những lỗi lầm được nhắc nhở nhiều nhất về vụ Louis chạy trốn tới Varennes rồi bị bắt phải quay trở lại Paris. Louis đã rời bỏ nước Pháp, bỏ dân tộc mình như kẻ chạy trốn ra nước ngoài với ý định sẽ quay trở về như người thắng trận. Sự kiện này nếu xảy ra có thể gây ra cuộc nội chiến tại Pháp. Do đó, tất cả 749 đại biểu trong Hội Nghị Quốc Ước đều bỏ phiếu Louis có tội. Không có một đại biểu nào bỏ phiếu thuyết phục mọi người là Louis vô tội cả.

Nhưng bây giờ phải giải quyết ra sao, và bằng cách nào? Thomas Paine quốc tịch Anh, người anh hùng trong cuộc Chiến Tranh Cách Mạng Hoa Kỳ được bầu vào Nghị Hội như một Đại Biểu danh dự đưa ra đề nghị cho phép Louis và gia đình qua Hoa Kỳ là giải pháp thích hợp nhất. Hỗ trợ đề nghị này, Đại Sứ Mỹ tại Pháp Edmund Genet xin nhận Louis và gia đình tới cư trú tại nhà riêng của Đại Sứ ở Virginia để làm thủ tục nhập cảnh vào một nước mà Louis đã giúp trở nên một xứ sở tự do tại Tân Thế Giới vậy.

Y sĩ kiêm nhà báo Jean Paul Marat cũng là Luật Sư chuyên bênh vực cho giới bình dân (the sans-culottes), thuộc câu lạc bộ Cordelier kinh địch với phe Girondin không muốn giết Capet, tố cáo Paine theo giáo phái Quaker chủ trương bãi bỏ án

từ hình nên Marat kịch liệt bác bỏ đề nghị của Paine và Genet.

Tất cả 721 đại biểu thỏa thuận phải tìm một hình thức nào đó đưa Louis ra Tòa và không chấp nhận hành quyết Louis mà không đưa ra Tòa xét xử. Tuy nhiên, những nhà viết tiểu sử đưa ra sự nhận xét cho rằng phần đông các Đại Biểu cảm thấy ghê tởm chặt đầu một người không dựa vào bằng chứng minh bạch nào mà hiển nhiên người đó chỉ là nạn nhân hơn là kẻ vi phạm luật pháp. Cuộc tranh luận kéo dài vô tận được chấm dứt bằng phiên tòa xét xử và kết tội đầy kịch tính dưới đây.

### **Xét Xử và Kết Tội**

Bộ Hình Luật mới 1791 qui định Quyết Định của Bồi Thẩm Đoàn ban ra trước, rồi sau đó mới tổ chức Phiên Tòa, và Bồi Thẩm Đoàn gồm một số người hội đủ điều kiện được bổ nhiệm là hợp lệ không cần phải tất cả Đại biểu Hội Nghị Quốc Ước tham dự như đã diễn ra trong vụ xét xử Louis Capet.

Chúng tôi xin trình bày tóm lược tiến trình tố tụng do Hội Nghị Quốc Ước qui định chia ra hai giai đoạn:

1. 721 Đại Biểu (28 vắng mặt) bàn cãi về việc xét xử về bản án từ ngày 26 tháng 12 đến 14 tháng Giêng. Cuộc bỏ phiếu kéo dài 3 ngày. Các Đại biểu lên diễn đàn trả lời câu hỏi và nêu rõ lý do. Câu hỏi “Louis Capet có âm mưu chống lại sự tự do của công chúng và có xâm phạm nền an ninh quốc gia không?” Cuộc bỏ phiếu của Đại Biểu Bồi Thẩm Đoàn bắt đầu. 721 Đại biểu có mặt, 37 bỏ phiếu trắng, 684 bỏ phiếu “có tội” Phán quyết của Bồi Thẩm Đoàn là một chuyện nhưng kết tội lại là vấn đề khác.

2. Bây giờ chỉ còn quyết định về hình phạt. Cuộc bỏ phiếu bắt đầu ngày 16 tháng Giêng lúc 8 giờ chiều kéo dài 34 tiếng. Các Đại biểu, lại một lần nữa lên diễn đàn giải thích những lý do về việc bỏ phiếu. Chánh Thâm Bertrand Barrère điều khiển cuộc bỏ phiếu lưu ý các Đại biểu như sau: Hội Nghị Quốc Ước có 749 Đại biểu, vắng mặt 28, còn 721 người bỏ phiếu, như thế có nghĩa đa số phiếu cần đạt được là 361 phiếu.

Lần lượt theo lệnh gọi tên, các Đại biểu nối tiếp nhau lên diễn đàn. Đa số đọc diễn văn giải

thích dài dòng, ít người nói vắn tắt. Cũng có một số Đại biểu bỏ phiếu từ hình cho rằng Vua Louis là bạo chúa, nhà độc tài và kẻ sát nhân trong biến cố tấn công Điện Tuileries ngày 10 tháng 8 năm 1792.

Nhóm Breton học cùng Trường Luật tại Bretagne, trong nội các Danton, cho rằng thật là cuộc tự sát chính trị nếu không kết tội Louis, tỷ như Billaud-Varenne nói cộc lốc “ Từ hình thi hành ngay trong 24 tiếng.,” và Camille Desmoulins nét mặt khinh khỉnh nhấn mạnh tội bỏ phiếu “từ hình”, có lẽ quá trễ để cứu vãn danh dự cho Hội Nghị Quốc Ước.” Còn Marat kết tội Louis là thủ phạm chính trong tất cả các cuộc xáo trộn và tàn sát từ khi xảy ra cuộc cách mạng, tội bỏ phiếu “từ hình” thi hành ngay trong 24 tiếng

Đến lượt gọi tên, Maximilien Robespierre lãnh tụ nhóm Jacobin quả khích lên diễn đàn lớn tiếng tuyên bố rằng “Nhà Vua phải chết để Đất Nước tồn tại” (Louis 16 must die that Country may live). Tội bỏ phiếu “Từ hình”. Sau đó, lệnh gọi tên thứ 631 là chấm dứt cuộc bỏ phiếu thi hành ngay án tử hình. Người bỏ phiếu cuối cùng quyết định sự sống hay chết của Louis Capet là của cựu Quận Công Orléans đổi tên ra Philippe Egalité, Đại biểu thành phố Paris, được gọi lên diễn đàn. Đương sự đã long trọng hứa với bạn bè sẽ không bỏ phiếu vì giữ danh dự cho dòng họ và gia đình. Ngay bây giờ đây đương sự tiến gần lên diễn đàn. Tất cả mọi người đều sững sờ và xúc động mạnh mẽ nhìn thấy Phillipe Egalité giống người anh em họ ra Tòa như đức - cũng bộ mặt tròn như trăng, mũi khoằm, mắt lồi, trán hói, cằm đôi. Người anh em họ giống hệt như Louis 16 này, cất cao giọng nói cương quyết: “Tin chắc rằng tất cả những người xâm phạm chủ quyền quốc gia đáng bị tội chết, tôi bỏ phiếu “từ hình” thi hành ngay trong 24 tiếng.” Vừa dứt lời tuyên bố, Philippe Égalité rút lui. Bỗng những tiếng la hét giận dữ của những người ở hành lang vang dội: “Con quái vật! Tên tàn ác!” Chánh thâm Bertrand Barrère gõ búa ra lệnh tất cả mọi người phải giữ im lặng để nghe kết quả cuộc bỏ phiếu chia ra 4 loại như sau:

1-Án giam cầm cố hay lưu đày: 288

2-Án tử hình được hoán giảm hình phạt ra chung thân, ân xá hay ân giảm: 46

3-Án tử hình được hoãn thi hành: 26

4-Án tử hình vô điều kiện và thi hành ngay: 361

Chánh Thâm Barrère tuyên bố ngắn gọn “ Vụ án kết thúc bằng án tử hình.”

Luật Sư De Sèze bênh vực cho Louis Capet xin hoãn và phản đối cuộc bỏ phiếu kết án là phi pháp và vi hiến vì chỉ đạt được đa số quá bán mà đáng lẽ, theo Bộ Hình Luật, bắt buộc phải hội đủ ba phần tư số phiếu đối với hình phạt tử hình như đã qui định chặt chẽ trong Bộ Luật đó.

Chánh Thâm Barrère hứa Hội Nghị Quốc Ước sẽ cứu xét thỉnh cầu của Luật Sư De Sèze xin hoãn thi hành bản án.

Kết quả cuộc bỏ phiếu trên rất khít khao cho thấy đại đa số phiếu tuyệt đối chỉ hơn có “một phiếu”, lá phiếu quyết định cuối cùng này đã giết chết Louis là của Philippe Égalité, người anh em họ của Louis Capet.

### Hành Quyết

Vào thứ bảy ngày 19 tháng Giêng, Nghị Hội họp để quyết định có phải đưa bản án kết tội chém đầu Louis Capet để trình quốc dân phê chuẩn hay không? Kết quả cuộc bỏ phiếu của 690 Đại Biểu cho thấy 310 chấp thuận và 380 bác bỏ, Như vậy, Louis Capet sẽ bị hành quyết trong vòng 24 tiếng.

Luật Sư Malesherbes nhận được chỉ thị thông báo cho thân chủ rõ bản án kết tội tử hình và Nghị quyết của Hội Nghị Quốc Ước bác bỏ đưa bản án ra Quốc dân phê chuẩn. Đồng thời Hội Đồng Cố Vấn Nghị Hội sẽ chính thức tổng đạt bản án và thân nhận thỉnh nguyện cuối cùng của tử tội Capet tại ngục thất Temple.

Sau khi phiên Tòa bế mạc, Malesherbes vội đến ngay ngục Temple gặp Louis Capet để làm nhiệm vụ được giao phó. Malesherbes ôm vua Louis và quì xuống một hồi lâu nức nở nói: “Chúng ta đã thất bại. Đức Vua bị... kết án đưa lên máy chém Guillotine... và bị hành quyết trong vòng 24 tiếng.” Tiếp đến Malesherbes thuật lại diễn tiến cuộc bỏ phiếu và Nghị Quyết của Hội Nghị Quốc Ước. Nghe xong, Louis nắm chặt hai vai Malesherbes nâng lên, ngỏ lời cảm ơn người bạn chí tình đã hết lòng vận động phe ôn hòa bỏ

phiếu cứu Louis và ca ngợi sự bảo chữa tuyệt vời trước phiên xử không ngại hiêm nguy tới tính mạng. Thấy Malesherbes bối rối và lo sợ, Louis trấn an nói: “Ta không sợ chết, nhưng ta rất buồn về hành động của người anh em họ của ta, Philippe Egalité, đã xúc phạm nhánh Bourbon, sỉ nhục dòng họ và gia đình. Người bạn đích thực của ta hãy yên tâm. Ta nhắc lại: “Ta không sợ chết và ta sẽ chết một cách nghiêm trang khiến mọi người phải kính trọng.” Nói xong Louis yêu cầu Malesherbes viết đơn xin Hội Nghị Quốc Ước chấp thuận 4 thỉnh nguyện cuối cùng dưới đây:

1/Cho hoãn thi hành bản án trong 3 ngày

2/Được gặp vợ con và người em gái Elisabeth Capet

3/Được chọn Cha Tuyên Ủy người Ái Nhĩ Lan, Abbé Edgeworth de Firmont (người đã nhận lễ xưng tội của Elisabeth)

4/Được chôn cất gần nơi hành quyết.

Thảo đơn xong và theo lời yêu cầu của Louis, Luật Sư Malesherbes rời nhà giam Temple để đi đến thư viện mượn cuốn lịch sử Anh Quốc nói về Vua Charles I lên máy chém cho Vua Louis đọc lần cuối trước khi bị hành hình.

Máu của các vua chúa mang lại sự may mắn

Vào 3 giờ sáng thứ bảy ngày 19 tháng Giêng, Hội Nghị Quốc Ước quyết định hành quyết Louis Capet trong vòng 24 tiếng.

Sáng chủ nhật ngày 20 tháng Giêng, Tướng Santerre đến ngục Temple loan báo Tổng Trưởng Tư Pháp Garat và Tổng Trưởng Ngoại Giao Lebrun sẽ đến nhà giam cho đọc Sắc Lệnh của Nghị Hội ra lệnh hành quyết Louis về tội “phản quốc”, và đồng thời thân nhận thỉnh nguyện cuối cùng của Louis Capet.

Chiều chủ nhật, Tổng Trưởng Tư Pháp Garat trở lại ngục Temple báo cho Louis rõ Hội Nghị Quốc Ước chấp thuận tất cả thỉnh nguyện cuối cùng của tử tội nhưng phải thi hành án tử hình trong vòng 24 tiếng. Sau đó Garat ra lệnh cho Giám Ngục Temple đưa vợ con Louis và Elisabeth đến gặp tử tội lần chót vào đêm chủ nhật, và chỉ chấp thuận cho người hầu trung thành Cléry và cha tuyên úy Edgeworth de Firmont ở cạnh Louis mà thôi. Do đó, khi Luật Sư Malesherbes tới phải giao

cuốn lịch sử Anh Quốc cho Giám ngục để chuyển lại cho Louis đọc lần cuối cùng trước khi lên đoạn đầu đài. Và giờ đây, Louis đọc lại lịch sử Vua Charles I Anh Quốc lên máy chém Gibbet để học cách chết với phong cách trang nghiêm khiến ai nấy đều khâm phục

Louis và Antoinette xa nhau gần 7 tuần lễ giờ đây vợ chồng được gặp nhau lần cuối cùng tại Temple từ 8 giờ đến 10 giờ đêm chủ nhật trong một cái phòng khá rộng với đầy đủ bàn ghế cho cả gia đình. Tất cả ngồi chung với nhau được tự do chuyện trò không có lính canh phòng và các ủy viên thuộc Công Xã Ba Lê quan sát hay một nhân chứng nào trong phòng cả. Không ai nghe thấy họ nói chuyện.

Theo cuốn hồi ký của người con gái lớn, 15 tuổi, Madame Royale, hai người thay đổi khá nhiều. Antoinette, 37 tuổi, già trước tuổi, tóc hoa râm bắt đầu có tóc bạc, bộ mặt hốc hác và xanh xao. Đôi mắt đầy vẻ kinh ngạc khi Louis ra mở cửa phòng, Antoinette nức nở và ôm chặt Louis nhưng không nói được nhiều. Louis cũng thay đổi, dáng uể oải với nước da xanh xao giống tựa như con thú bị thương không than vãn.

Tiếp đến, Madame Royale thuật lại thân phụ cô không sợ chết nhưng rất lo lắng về nỗi đớn đau đã gây ra cho gia đình. “Cha tôi kê cho mẹ tôi rõ diễn tiến phiên xử và không muốn báo thù những kẻ giết cha tôi.” Người cũng cắt nghĩa cho mẹ tôi rõ tại sao cha tôi phản đối đệ trình bản án để quốc dân phê chuẩn, “bởi lẽ có thể gây bối rối cho toàn dân.” Rồi cha tôi nói với Dauphin (Vua Louis 17), 8 tuổi với đôi mắt tròn xoe, không nên báo thù cho cái chết của cha tôi, Dauphin bắt đầu khóc và nói: “Con sẽ qui xuống mọi nơi ở Paris để xin cho papa mau trở về với chúng con.”

Hai giờ trôi qua thật mau. Antoinette muốn tắt cả ngủ lại đêm cuối cùng tại đây, nhưng Louis từ chối vì cần nghỉ ngơi và phải vượt qua thử thách tối thượng để trình diện Chúa sáng mai.

Với giọng nói nghẹn ngào, thân mẫu tôi khấn khoản van xin thân phụ tôi hứa cho cả gia đình chúng tôi tới đây vào sáng sớm mai để chào từ giã Bất thành linh cha tôi đứng lên và ra mở cửa. Lính canh phòng và các ủy viên Ba Lê Công Xã lặng lẽ

quan sát trong khi mẹ tôi, tôi, cô tôi bám sát cha tôi và Dauphin cầm tay cha tôi, tất cả đều cầu xin cha tôi cho chúng tôi gặp vào sáng sớm mai. Cha tôi lặng thinh. Bỗng đột ngột, cha tôi lâm bầm một mình “Adieu, adieu” (Vĩnh biệt, vĩnh biệt) rồi vội quay trở về phòng.

Marie Antoinette không muốn để các ủy viên Ba Lê Công Xã nhủ lòng thương hại. Antoinette đứng thẳng lên nói với giọng cứng cỏi: “Con yêu quý, con hãy học sự bất hạnh của cha con không trả thù những kẻ giết cha con.” Đôi mắt của Antoinette loé lên nhìn các ủy viên công xã với sự cực kỳ kiêu hãnh rồi theo lính áp giải trở về Tháp giam.

Sau khi gia đình rời khỏi phòng thăm, Louis yêu cầu lính canh phòng không cho vợ con tới gặp Louis vào sáng sớm mai. Louis cảm thấy không chịu nổi sự đau đớn xót xa trước cảnh sinh ly tử biệt. Cha Tuyên úy Edgeworth dự bữa ăn tối với Louis và ngủ đêm tại Tháp giam. Từ tội Capet ăn vui vẻ và nói chuyện thân mật về buổi sáng mai. Cha Edgeworth lập một danh sách kê khai vật liệu cần thiết lập một bàn thờ trong phòng để ban Phép lành toàn xá cho tử tội Capet. Louis đưa bản kê khai cho ủy viên Công Xã để quyết định. Thật kỳ lạ và trở trêu thay những người cách mạng vô thần đó chấp nhận cho cha tuyên úy ra ngoài vào nửa đêm mưa gió đến nhà Cha sở nhà Thờ St. Francis Assisi mượn được vật liệu theo thỉnh nguyện cuối cùng của tử tội Capet.

Giờ phút cuối cùng

Tầng **Sáng Thứ Hai** ngày 21, thời tiết ẩm ướt và lạnh. Louis thức giấc lúc rạng đông, gọi người hầu Cléry giúp Louis mặc áo quần và chải tóc cùng sửa lại cái cổ áo sơ mi sao cho cái cổ dễ thấy để sẵn sàng chờ đón lưỡi hái tử thần Guillotine. Sau đó, Louis mời Cha Edgeworth làm Lễ ban phép lành toàn xá cho tử tội Louis. Dự Lễ xong, Louis sắp xếp tất cả kỹ vật và tiền bạc đựng trong hai cái hộp được gói rất kỹ lưỡng với hàng chữ trên hộp thứ nhất, “Tóc của vợ tôi, em gái tôi và các con của tôi.” và hộp thứ hai ghi, “Dành 3,000 bảng Anh cho Luật Sư Malesherbes.” Rồi Louis tháo chiếc nhẫn cưới ở ngón tay ra trao cho Cléry với lời dặn

dò, “Đưa chiếc nhẫn này cho Hoàng Hậu. Ta thật đau khổ phải rời xa kỹ vật đó..”

Bỗng tiếng trống đánh liên hồi ở ngoài sân, các ủy viên Ba Lê Công Xã tới đi lên cầu thang Tháp nhỏ, nơi Louis bị giam giữ để chờ lên đoạn đầu đài.

“Hãy thuật lại cho Hoàng Hậu” Louis nói với người hầu Cléry, “ta xin Hoàng Hậu thứ lỗi cho ta đã không để cho Hoàng Hậu tới đây vì ta muốn tránh cho Hoàng Hậu nỗi đau trong cảnh chia ly”

**Vào 8 giờ 30** Tướng Santerre cùng các Ủy Viên Công Xã tới Tháp giam Temple. Trống đánh đồ liên hồi. Chiếc xe ngựa của Tổng Trưởng Tài Chánh Etienne Claviere cho mượn đang chờ ngoài sân, Ủy Viên Lepeletier dẫn Louis xuống Tháp để lên xe. Louis ngạc nhiên reo lên:”A! Không phải là xe tumbriel! (tumbriel là loại xe chở đồ nặng do ngựa kéo được dùng vào thời đó để chở tử tội phạm tội hình sự đưa đi hành quyết)

Khoác chiếc áo choàng màu nâu và đội mũ có 3 cạnh, Louis trông tựa như một trường giả thân nhiên và thoải mái bước lên xe. Cha Tuyên úy Edgeworth ngồi bên trái Louis và đằng trước có hai sen đâm cầm cương. Chầm chậm, trong tiếng trống đập không ngừng, xe rời Tháp Temple lăn qua đường Temple và tự động 1.200 lính bộ binh trang bị vũ khí với nét mặt nghiêm khắc bao quanh chiếc xe mở đường đi tới đoạn đầu đài, nơi diễn ra cuộc cách mạng 1789 nay gọi là Quảng Trường Concorde tại Paris.

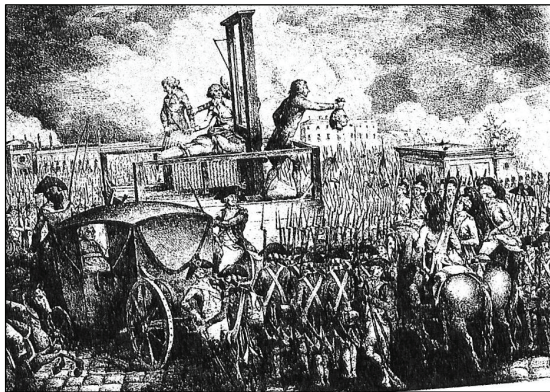
Họ lái xe đi vào thành phố chết. Nếu đứng ở Đường Temple phóng tầm nhìn thật xa, ta thấy các Đại lộ, cầu và công ra vào thành phố đều bị đóng kín. Những bức tường an ninh gồm các binh lính, lực lượng an ninh, vai sát vai, cầm súng yên lặng canh gác nghiêm ngặt từ Tháp giam Temple tới Quảng Trường Concorde, nhà nhà đóng cửa, mảnh

mảnh che kín, không có bóng dáng phụ nữ và trẻ em hoặc sinh vật nào ở ngoài đường phố. Công Xã Ba Lê đã huy động từ nửa đêm 130.000 binh lính và lực lượng an ninh trấn giữ các địa điểm xung yếu cùng đặt súng đại bác chung quanh Quảng Trường Concorde. Theo các sử gia, Công Xã Ba Lê muốn biểu dương lực lượng răn đe các tổ chức chống đối trong nước và các nước thù nghịch đừng nuôi ảo vọng lật đổ chính quyền cách mạng.

Louis ngồi, không quay sang trái hay bên phải, cầm quyển Kinh nhật tụng đọc. Khi xe đi qua Porte St. Denis, Nam tước Batz và hai thanh niên thuộc phe bảo hoàng lọt qua hàng rào an ninh hô to, “Hỡi đồng bào! Hãy cứu Vua Louis!” Ngay lập tức, hai thanh niên đó bị nhân viên an ninh đâm và chặt ra từng khúc bỏ vào bao bố không gây ra kích động trong đám đông. Nam tước Batz chạy thoát. Xe vẫn lăn trong tiếng trống đấm ma “tom tom”, Louis không hay biết gì có hai người trẻ khờ dại đã hy sinh mạng sống cho mình.

**Vào Mười Giờ 15 phút**, xe tới Đường Royale hướng về Quảng Trường Concorde. Binh sĩ vũ trang và nhân viên an ninh đông nghịt, vai kề vai trong bức tường người, chỉ để một lối đi vừa đủ cho xe ngựa lướt qua tới chân bậc đoạn đầu đài. Xe ngừng, Louis gấp quyển Kinh nhật tụng, ngón tay vẫn giữ trang đang đọc, nói với Cha Tuyên Úy,

“Chúng ta đã tới, nếu tôi không lầm,” Binh tñnh, mở quyển Kinh ra đọc hết lời cầu nguyện cuối cùng, rồi gấp quyển Kinh trao cho Cha Edgeworth, và xuống xe dáng đi nhanh nhẹn. Đây là lần đầu tiên Louis nhìn thấy một rừng người và những kỳ binh như pho tượng canh gác xung quanh ngay đây “cái máy”. Liếc nhanh qua trên đầu thấy con dao sáng loáng treo trên khung của hai



Hành quyết Louis XVI, ngày 21 tháng Giêng năm 1793 – Bản khắc trong sách giáo khoa Pháp. Thế kỷ 18.



cột gỗ hình chữ nhật cao vút, Louis quay mặt đi. Và bỗng một mệnh lệnh đột ngột ban ra “Hãy ngưng đánh trống!” Tiếng trống im bật trong khi Louis lạnh lùng bước lên bậc bậc đoạn đầu đài.

Đứng cạnh khung cột máy chém., gần cái giỏ đan bằng mây, ba phụ tá đao phủ Charles Henri Sanson cố gắng tóm chặt hai cánh tay tử tội nhưng đều bị Louis đẩy mạnh sang bên rồi Louis tự mình cởi áo choàng ra. Ba chục ngàn người quan sát nín thở nhìn Louis cởi khuy áo sơ mi và mở phanh áo ra cho thấy cổ và hai vai. Một đao phủ nắm chặt cổ tay Louis. “Anh muốn gì vậy?” Louis giật mạnh cổ tay ra. “Tôi trời ông.” “Trời ta?” Louis thét lên “Không bao giờ!” Các đao phủ bao quanh Louis đe dọa. “Không, không, các người uống công vô ích. Ta sẽ không bao giờ để các người trời ta.” Các đao phủ bối rối và sợ hãi về sức mạnh phi thường của tử tội Capet, nhưng họ quyết tâm làm tròn nhiệm vụ. Nhưng rồi Louis yếu dần, với đôi mắt ướt nhìn Cha Edgeworth với cái nhìn đồng cảm, gật đầu. “Các người muốn làm gì thì làm,” tử tội nói với các đao phủ.

Họ trói quặt 2 tay Louis ra sau lưng bằng khăn mu soa (handkerchief) và cắt tóc. Cha Edgeworth ôm Louis và nói: “Bước lên...” Louis vững chắc bước lên 3 bậc, trước khi nằm xuống tấm phản gỗ, dùng khuỷu tay đẩy mạnh đao phủ sang bên, bắt thân quay mặt ra trước biển người đang dán mắt nhìn, tung ra lời nói vang dội: “Hỡi Đồng bào! Tôi chết nhưng không hề vi phạm tất cả những tội phạm nghiêm trọng mà tôi bị cáo buộc.” (*I die innocent of all the crimes of which I have been charged*)

Tướng Santerre nổi giận ra lệnh đánh trống liên hồi để lấn át tiếng nói của Louis nhưng hơi trễ. Đao phủ Henri Sanson buộc trói Louis bằng giây da trên tấm phản hình chữ nhật, đặt cổ vào cái khoen gỗ có kính chiếu hậu rồi lướt tấm ván đứng dưới lưỡi dao guillotine, hô to “sẵn sàng”. Tức thì, lưỡi dao rơi xuống loé lên như tia chớp, đầu Louis rơi vào cái giỏ. Nhanh nhẹn đao phủ nắm tóc đầu Louis đang nhỏ máu từng giọt bêu đầu trước đám đông. Bên kia đường, đối diện với đoạn đầu đài, Louis Philippe Egalité, người anh em họ với Louis, bỏ lá phiếu quyết định cuối cùng giết chết Louis,

đang kéo kính trên xe quan sát. Chín tháng sau, cựu Quận công Philippe Egalité cũng lên máy chém, chính lưỡi dao guillotine này đã chặt đầu Louis 16.

Xác của Louis được chôn tại ngôi mộ không đánh số trong nghĩa trang nhỏ Madeleine, cách Giáo Đường Madeleine hai khu phố, nằm tại Đường Anjou hướng về Trạm xe lửa St. Lazarre, Paris.

### Kết Luận

Chúng tôi sẽ đề cập vào kỳ tới kết luận chung cho hai vụ án Louis và Antoinette với các điểm chính dưới đây:

-Công Lý Chính Trị hay Công Lý do Luật Pháp đem lại

-Viện Nghiên Cứu Gale (Gale Research) đã xếp vụ án Louis và Antoinette, và Charlotte Corday đứng đầu các vụ án có ý nghĩa lịch sử nhất, tác động rất mạnh đối với lịch sử thế giới vào các thế kỷ mới đây.

-Nội bộ nhóm Jacobin lung củng đưa tới cuộc thanh trừng đẫm máu giữa phe Danton và Robespierre được sử liệu ghi “Họ đã rơi vào cái vòng luân quần (le cercle vicieux), đao phủ giết đao phủ và độc tài giết độc tài.

-Ý kiến Hoàng Đế Nã Phá Luân về vụ án Louis và Antoinette. Napoléon Bonaparte là một thiên tài quân sự, có lẽ vĩ đại bậc nhất trong Lịch Sử của Nhân Loại. Với sự thông minh xuất chúng, ông hiểu biết rất rõ về lịch sử và luật pháp. Bộ Luật Napoléon (the Code Napoléon) vẫn còn tồn tại cho tới ngày nay và là mẫu mực cho các nhà cải tổ Luật Pháp trên toàn thế giới.

Chúng kiến cuộc Cách Mạng 1789 và viết một bài báo năm 1792, có tên là “Souper de Beaucaire” ca ngợi nhóm Jacobin ngày càng trở nên cấp tiến, lúc đó mang cấp bậc Đại Úy Pháo Binh, vậy Napoléon Bonaparte nhận xét như thế nào về vụ án Louis và Antoinette?

(còn tiếp)

**Nguyễn Văn Thành**

Virginia, Hạ 2009

# SỰ KỶ BÍ TRONG NGÔN NGỮ VIỆT NAM

## LÊ HẬU

**Đ**ã đến lúc phải ghi lại những điều dưới đây để chúng ta cùng ngẫm suy, nó có thể đúng, có thể sai, nhưng không ngoài mong ước sẽ có một nhân tài xuất hiện để đổi đời làm cho Đất Nước Việt Nam có Tự Do - Ám No - Hạnh Phúc, và được sống trong một Thế Giới an bình hơn.

Khi Pháp qua chiếm Đông Dương làm thuộc địa rồi truyền Đạo và văn hóa Tây Phương, lúc đó Việt Nam chưa có chữ quốc ngữ ABCD... chỉ dùng chữ Nôm hay chữ Hán để viết. Sau tháng 12 năm 1624, từ tiếng nói, âm giọng của người Việt Nam, Linh Mục Alanxandre De Rhodes lấy từ chữ Latin ABCD... sáng tạo ra được chữ quốc ngữ Việt Nam mà hiện chúng ta đang dùng để thay thế chữ Nôm và chữ Hán.

Vậy tại sao cả một vùng Đông Dương như các nước Lào, Thái, Miên, Tàu, Mã Lai v.v. mà chỉ duy nhất người Việt Nam có chữ viết lấy từ mẫu tự Latin, còn các nước đó thì có chữ viết cong queo như khối Ả Rập? Tại sao???. Đó là những gì trần trụi mà người viết muốn ghi lại dưới đây, để những ai có Cơ Duyên cùng nhau thấy được cái **HUYỀN BÍ** mà **TRỜI ĐẤT** đã đưa đến đặt để cho Giông con Rồng cháu Tiên biết tìm về Cội Nguồn từ đâu mà có.

Năm 1990, sau nhiều đêm đi sâu vào Tâm Thức, tôi càng cảm hứng và thấy được nhiều điều **KỶ BÍ** trong khi phát Âm tiếng Việt Nam, nhưng chưa biết những điều đó đúng hay sai? Vậy hãy cùng ngẫm suy những gì dưới đây để xem thế nào?

Chúng ta đều biết mọi sự đều phát sinh từ cái **GỐC** ra, hay do **NHÂN** mà có. Nên theo tôi chỉ có 23 chữ cái lấy từ gốc của chữ Latin để viết trong tiếng Việt Nam và đặc biệt chỉ thêm một chữ **Đ** được biến dạng từ chữ **D** ra như sau:

a b c d **Đ** e g h i  
k l m n **O** p q r s

t u v x **Y**

Tại sao chỉ có chữ **Đ** được biến dạng từ chữ **D** của chữ Latin được ghi vào trong 23 chữ cái, còn các chữ **Ô - O - Ồ - Ỗ - U** cũng được biến đổi từ các chữ **O - A - U - E** lại không được ghi vào ??? Như trên đã nói, cái **GỐC** mới là quan trọng, vì **ĐẠO** lấy cái **GỐC** làm **ĐƯỜNG** để đi. Do vậy, trong chữ VN chỉ chữ **Đ** này mới có cái **GỐC** là luôn đứng trước các chữ cái khác mà có chữ **Đ** trong đó.

Ví dụ: **Đ**ì, **Đ**ứng, **Đ**êm **Đ**ông. **Đ**ừng đi đến đó để đời đưa đến đốn đau đêm đen v.v.

Còn các chữ cái **Ồ, O, Ồ, Ỗ, U, Ê** có thể đứng trước, đứng sau hay giữa trong chữ VN đều được hết, nên không phải là gốc. Ví dụ:

**Ồ**ng - **KhỒ**ng - **Ư**ng thu**Ậ**n - **MỪ**ng vui - **Â**m d**UỒ**ng - **Đ**âm ch**Ê**t - minh **O**i - ch**O**i - **Ê**m đ**Ề**m - **Ấ**n m**Ặ**c v.v.

Tóm lại chỉ duy nhất có chữ **Đ** được ghi vào trong số 23 chữ cái thôi.

Từ đây chúng ta tự hỏi tại sao chỉ 23 chữ cái mà không 24, 25, 26, 27, 28...?

Người Việt Nam thường hay có những phép cộng qua các con số có được, như muốn tìm thấy một điều gì hên xui trong đời với sự ước mong nếu có được tổng số là 9 thì vui vẻ biết bao. Vì thế với con số 23, nó có tổng số:  $23 = 2 + 3 = 5$ .

Là một Dân Tộc ít nhiều thấm nhuần về các Triết Học Đông Phương với Thuyết Âm Dương - Ngũ Hành của Trời Đất. Cùng những sự trùng hợp ngẫu nhiên như con người có 5 giác quan (?) để xúc tác với các sự việc, bàn tay bàn chân thì có 5 ngón. Qua đó, chúng ta thấy con số 5 có sự trùng hợp Kỳ Lạ, và kể cả khi phát âm số 5, nó lại trùng âm nói về thời gian **NĂM** tháng của tiếng VN. Vì đang nói đến con số 5 **KỶ BÍ**, nên tạm ngưng nói về các chữ cái ABCD... và sẽ tiếp nối sau khi nói về các con số mà loài người dùng để biểu tượng cái có được.

Ở đây , chỉ nói đến các con số với ý nghĩa: **CÓ**, có mấy? được bao nhiêu? Chính từ cái **CÓ** mới có sự rắc rối trong cõi đời tạm bợ này . Ngược lại , với con số 0 = **KHÔNG** thì chẳng có gì để nói , cuộc đời sẽ lặng yên ...

Do vậy , chúng ta chỉ thấy có 9 con số để biểu tượng cái có được như sau :

1 2 3 4 5 6 7 8 9

Qua đó , chúng ta thấy con số **5** nằm giữa **TÂM** của 9 con số .

Từ con số **TÂM 5** sẽ có sự đối xứng cân bằng như sau :

Con số khởi đầu **1** được đối xứng với số cuối cùng là **9**

$1 > < 9, 2 > < 8, 3 > < 7, 4 > < 6$

hay  $1+9=10, 2+8=10, 3+7=10, 4+6=10$ .

Những con số đối xứng qua số Tâm 5 đều có tổng số = 10 = Bù = **0** ( khi đánh bài cào số 10 được cho là BÙ , tức là 0 điểm ) .

Số 10 lại có tổng số :  $10 = 1 + 0 = 1$  .

Chúng ta có thể kết luận :

Với **TÂM** số 5 , các con số đối xứng được trở thành = **1 = 0 = KHÔNG**

Khi nói đến thời gian về Năm tháng , chúng ta lại thấy con số 5 và chữ **NĂM** có cùng một âm phát như nhau :

- **NĂM ( 5 )** này là **5 ( Năm )** gì ?
- **5 ( NĂM )** này là **NĂM ( 5 )** con Trâu. **5 ( Năm )** Kỷ Sửu .
- **NĂM ( 5 )** 2009 .

Mỗi khi nghe tiếng phát âm **NĂM ( 5 )** là chúng ta nghĩ đến một vòng quay của thời gian qua 12 tháng và 4 mùa Xuân - Hạ- Thu – Đông . Từ đó cho thấy cái gì thuộc về **TÂM** là luôn được nhắc đến , qua thời gian có liên quan đến sự sống của loài người . Vì khi đã vào được **CHÍNH TÂM** , mọi sự vọng động , lay động tự nhiên biến mất , phải nhường chỗ cho sự thăng bằng , mới có được sự chính xác mãi mãi . Nên trong tiếng VN không nói **SÁU ( 6 )** này là **6 ( SÁU )** gì ? hay **BẢY ( 7 )** này là **7 ( BẢY )** gì v.v ? để đo thời gian . Bởi âm của các **SỐ** và **CHỮ** này không được nằm ngay chính giữa Tâm như con số 5 có cùng một âm với chữ **NĂM** tháng .

Ngoài ra các con số đối nhau qua tâm số 5, trong tiếng ‘**nói lái**’ chúng ta thấy có những lạ kỳ như sau:

Một  $1 > < 9$  Chín = Một Chín = Mịt chôn = Chôn xa xăm mịt mù .(???)

Một Chín là Mịt Chôn (Thiên Đàng??? Niết Bàn ???)

Hai  $2 > < 8$  Tám = Hai Tám = Ham Tái = Tái lại , tái ngộ , trở lại .

Hai Tám là Ham Tái (kiếp Luân hồi???)

Ba  $3 > < 7$  Bảy = Ba Bảy = Bay Bả = Bay xác ??? Tiêu tan mọi thứ ???

Ba Bảy là Bay Bả ( Của cải thân xác sẽ trở về cát bụi ???)

Bốn -  $4 > < 6$  - Sáu = Bốn Sáu = Báu Són = Vọng động về vật chất ( ???)

Bốn Sáu là Báu Són (Khổ sở vì vật chất???)

Tạm xem như là những ẩn ý trong sự kỳ bí của tiếng nói VN để giúp chúng ta thấy thêm được con đường để đi . Có thể **ĐÚNG** và có thể **SAI** ?

Trở lại với cái **GỐC** . Chúng ta có con số khởi đầu là 1 được đối xứng qua số 5 là con số tận cùng 9 (số 9 cũng là con số **GỐC** của tận cùng) ta đọc được:

$1 > < 9$  . Một – Chín . Nghĩa là **MỘT** thì mới **CHÍN** và chữ **CHÍN** có chữ phản nghĩa là **SÓNG** .

**CHÍN > < SỐNG**

Ở trong Vũ Trụ này , bất cứ cái gì khi được cấu tạo ra đều mang tính Khoa Học . Nhưng nếu vượt ra ngoài sự hiểu biết và thấy của loài người thì được gọi là **SIÊU KHOA HỌC** , vì mắt thường và kính hiển vi tối tân hiện có cũng không thể thấy được. **SIÊU KHOA HỌC** còn gọi là **SIÊU NHIÊN** – **SIÊU PHẠM** – **VÔ VI** - **HUYỀN BÍ** . Nhưng tất cả mọi điều đó rất là Khoa Học và có thể chứng minh được bằng những lý luận nhờ Thế Hệ Điện Toán , Computer , Internet xuất hiện để phụ trợ thêm cho sự ngẫm suy của chúng ta .

Đúng vậy . Trong Vật Lý Khoa Học khi tất cả những gì có được đầy đủ những điều cần thiết thì sẽ sinh ra một kết quả gì đó theo phản ứng . Vì nó đã đến lúc được nấu **CHÍN** , chứ không phải tự nhiên mà có . Có **NẤU** mới có chín , không nấu làm sao có chín . Hay còn gọi là hội đủ **NHÂN DUYÊN** . Thói thường khi đã chín thì mới ăn , mới hưởng ngon lành , vì nó không còn **SÓNG** , nên ai cũng thích **CHÍN ( 9 )** hết . Ngược lại , nếu còn

SÔNG thì đâu có ngon lành vì chưa đạt được tiêu chuẩn như ý muốn . Do đó , hầu như người VN mình **TỰ NHIÊN** đều thích có con số 9 , con số được biểu tượng xem như là hên , may mắn (đánh bài cào khi có 9 nút là thấy có tiền ) . Tại sao vậy ? Bởi con số ấy không còn SÔNG nữa .

Tuy nhiên, tất cả những gì nếu được hội đủ Nhân Duyên đúng theo luật cấu tạo Âm Dương của Trời Đất thì mới đạt được như ý . Còn ngược lại , dù có chín nhưng hương vị chẳng ngon lành , như nấu cơm quá lửa làm cháy khét thì ăn sao ngon . Vì thế , hãy nhìn vào những biến cố của Lịch Sử VN thường xảy ra vào các năm có tổng số 9 ( chín ) , bởi lúc đã chín thì thường phải xảy ra điều gì đó : Năm 1945 Việt Minh cướp Chính Quyền Vua Bảo Đại , Nhật đầu hàng Đồng Minh , chấm dứt Thế Chiến Thứ 2 . Năm 1954 Hiệp Định Geneve đã chia đôi Đất Nước VN ra 2 miền Bắc Nam , Pháp cuốn gói ra khỏi Việt Nam . Năm 1963 Tổng Thống Ngô đình Diệm bị đảo chánh và bị giết . 1972 Mùa Hè Đỏ Lửa v.v.

( **45** = 4+5 = 9, **54** = 5+4 = 9, **63** = 6+3 = 9, **72** = 7+2 = 9 ) .

Càng ngắm suy thêm về 2 chữ **SÔNG** >> **CHÍN** càng thấy rõ được TỘI LỖI và kiếp phù du của đời mình , ví dụ :

Hậu , nay nó đang **SÔNG** ở Buffalo .  
Nghĩa là :

Tên Hậu này chưa **CHÍN** hiện đang ở Buffalo.

Như phần lý giải ở trên, những gì khi chưa **CHÍN** thì làm sao được ngon lành tốt đẹp như ý muốn . Vì thế trong kiếp trần này ai còn **SÔNG** là ít nhiều nhận sự đau khổ cho riêng đời mình . Có Tiên cũng khổ và lắm kẻ chết vì tiền , không tiền cũng khổ cũng chết . Tóm lại , phần đông chúng ta đang khổ trên mọi mặt **TÌNH** , **TIỀN** , **TU** , **TỘI** v.v trong cõi **DƯƠNG GIAN** - **THẾ GIAN** - **TRẦN GIAN** tạm bợ này . Đúng ! Đã **GIAN** thì làm gì có **THẬT** . Nên tội lỗi và sự gian trá đầy khắp mọi nơi trên đời này , và chúng ta chưa bao giờ nghe nói **DƯƠNG THẬT** , **THẾ THẬT** - **TRẦN THẬT** trong ngôn ngữ VN .

**GIAN** > đối < **THẬT**

Chính đây là cõi **GIAN** dối nên khi lọt lòng mẹ có ai mở miệng cười đâu ? Câu trả lời là rất hiếm

có . Đa số với tiếng khóc tự nhiên của buổi ban đầu chào đời như một ẩn ý rõ ràng để nói đứa bé sẽ ít nhiều đón nhận sự đau khổ qua tháng ngày lớn khôn trong đời . Chính vì chưa thành người , nên sau đó được Ông Bà Cha Mẹ , Thầy Cô dạy bảo học Đạo Làm Người “ Tiên Học Lễ - Hậu Học Văn - Uống Nước Nhớ Nguồn – Ăn Trái Nhớ Kê Trồng Cây v.v.” để nên người cho bớt khổ . Ngay cả người lớn tuổi vẫn luôn trau dồi đạo đức hàng ngày , từ đó chúng ta thấy Chùa , Nhà Thờ ở đâu cũng có trên cõi trần này để hướng dẫn chúng ta đi trên **ĐƯỜNG ĐI LÀM NGƯỜI** cho được mau **CHÍN** .

Vậy muốn **CHÍN** thì phải làm sao ?  
Trước hết phải thấy : **MỘT** 1 > < 9 **CHÍN** . **MỘT** thì mới **CHÍN**. Còn **HAI** 2 thì không thể nào **CHÍN**.

Khi đã thấy được chỉ có **MỘT** con đường trong sáng để đi về Cội Nguồn của Loài Người ở chốn **TRỜI CAO** , nơi đó là **TỔ TIÊN** của muôn loài thì lúc đó chúng ta bắt đầu sắp **CHÍN** , vì tất cả về được một mối , đồng **MỘT TÂM** , nên không còn bị lung lạc và tâm hồn sẽ tự nhiên được hòa nhập vào hư không vô cùng tận . Mọi ranh giới Tôn Giáo tự tan biến và biên cương sẽ được xóa bỏ, nhân loài và mọi loài hài hòa cùng nhau vui hưởng . Lúc đó mới có Hạnh Phúc thật sự cho mọi người với nụ cười luôn nở trên đôi môi sẽ đẩy lùi những giọt nước mắt tan biến trước thời gian . Đó mới gọi là Thế Thật , Cõi Thật vĩnh viễn muôn đời , là nơi quê hương của **Tổ Tiên** Loài Người , hay còn gọi là **ĐẠO TỔ TIÊN** , mà hơn 4000 năm nay trên Thế Gian này gọi là **PHẬT** là **CHÚA** v.v là **THIÊN ĐÀNG** hay **NIỆT BÀN** v.v.

Với các ngôn ngữ của các nước khác trên Thế Giới không biết có những Kỳ Bí ẩn ý gì không? Còn với tiếng nói và chữ viết của người VN như trên đã dẫn chứng là một ngôn ngữ được **TRỜI ĐẤT** ban cho để chỉ dạy chúng ta biết con đường nào để đi về Cội Nguồn Loài Người . Ai tạo ra chúng ta ? Được tạo bằng chất liệu gì ?

Nhớ lúc còn nhỏ , tôi rất là ngộ nghịch nên mỗi khi tắm thường nghe mẹ nhắc nhở :

Hậu . Con tắm không lo kỳ cọ cho sạch **ĐẤT** mà cứ vọc vầy nước hoài ...

Đất là những tế bào chết của da bám bên ngoài cơ thể của con người . Nhưng trong tiếng nói người VN không bao giờ nói :

Hậu . **Con tắm không lo kỳ cọ tế bào chết của da mà cứ vọc vầy nước hoài ...**

Qua đó , thấy được Ấn Ý của TẠO HÓA - TRỜI ĐẤT đã chỉ cho Giông Rồng Tiên biết con người được tạo ra từ ĐẤT bằng phép SIÊU KHOA HỌC . Nên trong tiếng nói hay trong các sách báo , thơ ca văn chương Việt Nam luôn dùng các chữ ĐẤT NƯỚC - NƯỚC , NƯỚC NHÀ , QUÊ HƯƠNG , QUÊ CHA , QUÊ MẸ , NÚI SÔNG v.v. làm biểu tượng cho vùng đất đang có sự sống của một giống người .

Ví dụ: Đất Nước Việt Nam, Quê Hương VN, Nước VN, Nước nhà Việt Nam, Nước Mỹ, Nước Anh, Nước Pháp v.v.

Với những chữ và tiếng nói dù đơn sơ mộc mạc ấy , nhưng là những biểu tượng hùng hồn rất cụ thể sờ sờ trước mặt . Bởi nhờ đất và nước mới tạo ra được thực phẩm để nuôi sống con người hằng ngày , mà loài người từ trẻ đến già đều dễ thấy biết trong đời sống cho một giống người đang sống trên vùng đất đó . Trong khi đó , vàng bạc nhà lầu , xe hơi , của cải vật chất mà hầu như mọi người cho là quý báu trong đời sống hằng ngày. Vậy sao trong tiếng nói Việt Nam không nói là VÀNG Việt Nam , TIỀN BẠC Việt Nam , NHÀ LẦU Việt Nam , THÀNH PHỐ Việt Nam để làm biểu tượng cho vùng đất có một giống người đang sống ? . Từ đó , chúng ta thấy được cái GỐC để trần quý trong kiếp trần này mà TRỜI ĐẤT - THƯỢNG ĐẾ đã AN DẠY qua ngôn ngữ Việt Nam , bởi ĐẠO luôn lấy GỐC làm ĐƯỜNG để đi .

Không những thế , nếu đi sâu vào ẩn ý của tiếng nói Việt Nam , chúng ta càng khám phá ra thêm những điều đau khổ được báo trước cho ta biết , như chữ YÊU chẳng hạn .

\***Chú thích :**

Trước khi đi vào chữ YÊU này chúng ta nên ngắm suy về một số chữ cái và các dấu dùng để làm biểu tượng mà trong tiếng Việt Nam có nghĩa như sau :

1/Trước 1975 có những vùng đọc chữ K đọc là Ca . Chữ S đọc là Ét . T đọc là Tê .

2/Chữ I này gọi là I ngắn . Y này gọi là Y dài để phân biệt 2 chữ có cùng một âm

3/Chữ I được biểu tượng bằng một đường thẳng đứng , và trên đầu có cái chấm được đọc là I (Tôn Thờ Trời Cao - Thượng Đế - Hướng Thiên ? )

4/ Nếu dấu chấm nằm dưới con đường thẳng thì gọi là chấm dẫu THAN! (biểu tượng sự đau khổ vì không tôn thờ Trời Cao, đường đến địa ngục?)

5/ Hai chữ I và Y có cùng âm , nhưng chữ Y này có hình cái phễu quặng để đổ cái gì vào chai , thùng , hũ v.v . Qua những bài viết trên sách báo hay trong lời nói , người ta không muốn lập lại tên của một nhân vật nhiều lần nên dùng chữ Y này để thay thế cái tên. Vì chữ Y có hình cái phễu , là một biểu tượng cho thấy còn chứa đựng ăn uống, tham sân si trong đời sống hằng ngày. Ví dụ:

“Năm 1990 trước khi đi Mỹ , người ta nói tên Hậu bị điên nặng. Hiện nay Y đang sống ở Bufffalo .”

Còn biểu tượng chữ I có lẽ chỉ dành cho các bậc Thánh Nhân ( ? ) ( dấu đi về Trời )

6/ Âm A còn có nghĩa khi thấy hay hiểu một vấn đề gì đó mà làm người ta ngạc nhiên .

Ví dụ: A thấy rồi . A ! Bạn đi đâu vậy ?

7/ Chữ S hình uốn cong xem như là biểu tượng Giông Rồng Tiên nước Việt Nam

8/ T đọc là Tê. Tê tái, tê điếng, tê đau Ở vài địa phương tại miền Trung thường hay nói các chữ mì, răng - tê - mô - rúa- v.v. nên T cũng có nghĩa: đặng tê (đó, kia) .

9/ Ê có nghĩa kêu gọi , chỉ trở khi thấy cái gì đó , xác nhận , ê ầm đau nhức .

Ví dụ : Ê Hậu ra xem cái này , Ê . Mi đi mô rúa ? Đâu tôi qua Ê .

10/ U có nghĩa là sung húp lên do va chạm hay vết thương đang làm độc . Người Bắc còn gọi là Mẹ .

Bây giờ chúng ta hãy đánh vần chậm chậm chữ YÊU rồi sẽ nghe gì ?

Y .....Ê.....U là YÊU .

Có nghĩa : a/ NÓ ... Ê ... U lên vì YÊU .

b/ Nó ( Y ) chắc đau đốn (Ê) bởi sung húp (U) trên thân xác vì YÊU .

c/ Chị ta (Y) chắc (Ê) là Mẹ (U) vì YÊU .

Trong mặt tình cảm giữa người với người thường diễn tiến theo từng bước từ xa LA đến QUEN biết,

rồi từ đó nếu có sự hòa hợp tương đồng sẽ đưa đến tình **THƯƠNG**. Nhưng nếu vượt quá xa trong sự rung động của tình thương thì Nam và Nữ gọi là **TÌNH YÊU**. Trong tiếng nói Việt Nam chữ **YÊU** cũng có nghĩa là **YÊU MA – YÊU QUỶ**. Do đó, nơi mà hằng ngày có thể giúp mọi người chữa lành các bệnh hoạn từ thể xác đến tâm thần thì gọi là **NHÀ THƯƠNG**, chứ tiếng Việt Nam không nói là **NHÀ YÊU**. Nếu thêm các dấu sắc huyền hỏi ngã nặng trong 2 chữ này thì thấy chữ **YÊU** là Yêu, Yếu, chẳng có gì hay ho. Còn chữ **THƯƠNG** thì có Thương - Thượng - Thường, không đến nỗi dưới trung bình.

Đã nói, những gì nấu quá **CHÍN** thì có thể cháy khét, mất ngon. Nếu vượt ra ngoài sự rung động tình thương của con tim thì sẽ trở thành **YÊU QUỶ** (?). Vì vậy có biết bao cặp vợ chồng đã gây gánh giữa đường, kéo nhau ra tòa án chia tay. Nếu không chia tay được vì sự ràng buộc nào đó, thì ít nhiều cũng ôm những khổ đau qua tháng ngày để cố trả cho xong kiếp nợ trần gian v.v.

**Vậy dùng lấy vợ lấy chồng để khỏi phải thành YÊU QUỶ mà đau khổ?**

Sự trả lời quá vội vàng, hay đi sâu thêm vào những ẩn ý trong tiếng nói Việt Nam sẽ làm đảo lộn những gì đã có từ trước. Hãy kiên nhẫn đợi chờ. **NÓI** không bằng **THẤY**, lúc đó chúng ta thấy được những gì sẽ **ĐỔI THAY**.

Ngay trong Toán Học với các dấu biểu tượng thêm hay bớt một tổng số nào đó chúng ta cũng thấy được những ẩn ý như sau:

Ví dụ: Khi trên một tờ giấy **TRẮNG** (không, 0) không có gì hết. Nếu chúng ta gạch ngang một nét đen nhỏ thì trong Toán Học được dùng làm biểu tượng của dấu **TRỪ** (-), có nghĩa là bớt đi, bị thua thiệt cái gì đó. Người Việt Nam ta còn gọi dấu trừ (-) là **ĐẤU ÂM**, hay còn được ám chỉ là cõi bên dưới (âm phủ, ma yêu quỷ) hoặc dùng cho giống **CÁI**. Tóm lại cái dấu trừ (-) có nghĩa là đau khổ.

Vậy muốn hết đau khổ thì làm sao?. Có nghĩa sẽ được giúp đỡ hay làm tăng lên điều gì đó, để có sự an vui hạnh phúc hơn. Muốn được thế, bằng cách dùng thêm một dấu trừ (-) nữa, đánh từ trên xuống chính giữa cái dấu trừ đầu tiên và chúng ta sẽ thấy con dấu như sau : (+) gọi là dấu **CỘNG**, hay **ĐẤU**

**DƯƠNG**, nó còn được dùng để ám chỉ **CỒI DƯƠNG**, **CỒI TRÊN**. hoặc những gì thuộc về giống **ĐỰC**.

Đây chính là dấu **PHÁ ÂM**, bởi dùng thêm một cái dấu âm (-) khác đánh từ trên xuống cái âm đã có để không còn gì hết mới trở thành **DƯƠNG** được. Vì lúc đó tất cả những gì đã có, sẽ muốn được bôi xóa để trở lại như tờ giấy trắng lúc ban đầu. Nghĩa là **KHÔNG = 0**. Ngẫm suy xa thêm, mới thấy đó là một cõi hạnh phúc vĩnh cửu vô cùng.

Còn trong Toán Học, với sự kết hợp giữa các dấu + và - chúng ta thấy:

(-)(-) = + Âm với Âm = Dương = 0  
 hay (Nữ với Nữ) = Không sinh ra gì thêm  
 (+)(+) = + Dương với Dương = Dương = 0  
 hay (Nam với Nam) = Không sinh ra gì thêm  
 (-)(+) = - Âm với Dương = Âm = Có  
 (+)(-) = - Dương với Âm = Âm = Có  
 hay (Nữ với Nam) = Tạo ra cái có

Tóm lại: Cùng Giống sẽ không tạo thêm gì và trở thành = 0 Không

Khác giống sẽ tạo ra cái có nhưng nhận sự đau khổ = - (âm)

(Trai Gái kết hợp nhau sẽ sinh ra đứa con) = - (âm ???...)

Trở lại với 23 chữ cái gốc dùng viết chữ để diễn tả điều gì đó thay lời nói, và 9 con số. Thứ tự từng hàng theo các con số, các chữ cái được viết như sau:

1	2	3	4	5	6	7	8	9
A	B	C	D	Đ	E	G	H	I
K	L	M	N	O	P	Q	R	S
T	U	V	X	Y				

Trong hàng 1 gồm các chữ : **A K T**

Trong hàng 9 gồm các chữ : **I S**

Trong hàng 5 gồm các chữ : **Đ O Y**

Đây là những chữ cái được nằm trong hàng của con số gốc khởi đầu là 1 đối qua số tâm 5 và con số gốc tận cùng là 9 thấy sau đây:

A > < I qua tâm chữ Đ  
 K > < S qua tâm chữ O  
 T > < Y qua tâm chữ V

\* Nhớ xem ân nghĩa của các chữ trong chú thích ở bên trên rồi hãy lắng nghe khi đọc :

1/ A .....I = AI ? = Người nào ? = A.....I . A thấy I rồi , thấy rồi , đúng là I.

A..... Thánh nhân xuất hiện .

2/ K .....S = Ca S . Ca ngợi Giống Rồng Tiên Việt Nam . Đất Nước Việt Nam

3/ T.....Y = Tê tái tâm hồn , rúng động mọi người . Y tê , Kia Y , Có thể hiểu như sau :

a/ A---I xuất hiện để giúp Giống Tiên Rồng Việt Nam đuổi loài ma quỷ làm chấn động Thế Giới

b/ Vị Thánh Nhân ( ẩn trong thân một người Y , Tê Y , kia Y ) xuất hiện giúp Giống Rồng Tiên đuổi bọn tà ma quỷ yêu ra khỏi VN làm Thế Giới phải rúng động .

Còn các chữ nằm vào hàng tâm số 5 là : Đ, O, Y . Chúng ta sẽ đọc được như sau :

Đ O Y . Nghĩa là đo lường xem xét Y ( nó ) tốt xấu thế nào ? Đạt



LÊ HẬU  
(Buffalo, NY)

Đạo chưa ? Đê cho về Cõi Trời - Cõi Không.

Tiếng ‘ nói lái ’ chữ Đ O Y là Đ I - O , đi về KHÔNG = 0 = Cõi Không . Cũng có thể hiểu : Đ I O là đi vòng quanh trong vòng lần quần . Nơi Đ I cũng là nơi Đ E N ( kiếp luân hồi ??? ) . Như một năm có 12 tháng với 4 mùa Xuân Hạ Thu Đông . Rồi cứ quay lòng vòng hết Xuân Hạ Thu Đông... qua thời gian vô cùng tận mà mọi vật thể đều bị hủy diệt để rồi S I N H - B I E N , B I E N S I N H , trong đó kiếp người khó thoát ra được dù bằng thần khí đã rời bỏ thân xác. Bởi trái đất có lực hút và tầng khí quyển với không gian vũ trụ vẫn còn lẫn ranh cách biệt .

Thấy. Không nói là một trọng tội . Nên chỉ ghi lại đôi điều để những ai có Nhân Duyên cùng ngắm suy. Đùng? Sai? Quyền của mọi người .

\*\*\*\*\*

# TÌNH HÌNH HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA DƯỚI CON MẮT QUỐC TẾ

## NGUYỄN CAO QUYỀN

Ngày 14-3-2009

Từ ngày nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa ra đời, nước này đã ra quân tấn công Việt Nam nhiều lần, trong đó phải kể 3 đợt quan trọng nhất:

1- Năm 1974, Trung Quốc chiếm quần đảo Hoàng Sa thuộc Việt Nam Cộng Hòa.

2- Năm 1979, Trung Quốc tấn công biên giới phía Bắc và rút về sau một tháng phá hủy các vùng này.

3-Năm 1988, Trung Quốc chiếm 6 bãi đá do Việt Nam kiểm soát thuộc quần đảo Trường Sa,

bắn cháy 3 tàu vận tải và giết 70 thủy thủ của hải quân Cộng sản Việt Nam.

Ngoài những lần tấn công quan trọng trên, trong thời gian từ năm 1979 đến 1988, Trung Quốc liên tục đã đánh chiếm một số cao điểm chiến lược dọc biên giới phía Bắc như ở các huyện Vị Xuyên, Yên Minh (thuộc tỉnh Hà Giang) và Cao Lộc, Trảng Địnhh (thuộc tỉnh Lạng Sơn). Các cuộc lấn chiếm này đã được CSVN hợp pháp hóa trong Hiệp Ước Biên Giới trên bộ năm 1999.

Sau năm 1988, Trung Cộng đã chiếm các bãi đá gần vị trí đóng quân của CSVN trên quần đảo Trường Sa như Ấn Đất (Eldad Reef) năm 1990, bãi Ba Đà

(Whitson Reef) năm 1992 và bãi Vành Khăn (Mischief Reef) gần Phi Luật Tân vào năm 1995.

Trung Quốc đã lợi dụng thời cơ, đánh chiếm Hoàng Sa năm 1974 sau khi Mỹ cam kết chấm dứt can thiệp quân sự tại Việt Nam (Hiệp định Paris năm 1973) và Quốc hội Mỹ cấm chính phủ can thiệp trở lại (Tu chính án Case Church, tháng 6-1973)

Cuộc tấn công của Trung Quốc dọc biên giới phía Bắc năm 1979 diễn ra trong bối cảnh Việt Nam bị bao vây và cô lập với thế giới bên ngoài và chỗ dựa chủ yếu của Việt Nam là Liên xô đang gặp khó khăn kinh tế. Chiến dịch chiếm Trường Sa năm 1988 khởi sự từ khi Liên xô chuyển sang nhượng bộ chiến lược với Tây Phương và rút lui ảnh hưởng khỏi Đông Nam Á. Những vụ lấn chiếm nhỏ về sau là dư chấn của cuộc chiến năm 1979 và dòng thời cũng xảy ra trong những năm mà CSVN không còn dựa vào Liên Xô và chưa bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ.

Trước thế kỷ 20, hai quần đảo này là những phiến đá biển khô cằn, không có nhiều nguồn lợi ngoài một số hải sản và thỉnh thoảng có một số đồ vật trôi dạt vào bờ do các vụ đắm tàu. Hơn nữa, hải quân của triều đình nước ta vào cuối thế kỷ 18 mạnh hơn hải quân Trung Quốc. Sách Thánh Vũ Ký của Ngụy Nguyên (1794-1857) mô tả: “Thuyền của Tây Sơn cao hơn thuyền của Trung Hoa, trên có đặt nhiều súng, hoành hành lâu năm trên biển, nếu quân nhà Thanh gặp thì cũng khó địch nổi...” Đây là một bằng chứng khẳng định lực lượng hải quân Tây Sơn, trong thực tế, đã kiểm soát được các tuyến giao thông trên biển và là chủ nhân của các vùng đảo, quần đảo ở Biển Đông.

Sau khi triều Tây Sơn sụp đổ, các vua nhà Nguyễn như Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị...vẫn tiếp tục chính sách tiến ra Biển Đông, khẳng định chủ quyền của Việt Nam trên các khu vực quần đảo Hoàng sa và Trường Sa. Các Vua ta đã thực thi chủ quyền của mình bằng những cuộc viễn thám để kiểm soát, khai thác hải sản, đo vẽ bản đồ, lập bia chủ quyền, dựng miếu thờ, thu thuế và cứu hộ tàu bị nạn.

Những đóng góp quan trọng trên đã lưu lại nhiều di tích lịch sử hiện tàng trữ tại các trung tâm

văn hóa trên thế giới, để minh chứng chủ quyền của nước ta về quần đảo Hoàng Sa và Trường sa.

### **A. Tranh Chấp:**

Hai câu hỏi cơ bản được đặt ra trong cuộc tranh chấp chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa giữa các quốc gia trong vùng:

1. Quyền hạn của mỗi bên tranh chấp phải được nhận định như thế nào?

2. Luật pháp quốc tế sẽ giải quyết cuộc tranh chấp phức tạp này ra sao?

Trước khi đi sâu vào chi tiết, cần phân biệt hai trường hợp khác nhau: Hoàng Sa và Trường Sa.

#### **I. Trường hợp Hoàng Sa (Paracels)**

Trường hợp của quần đảo Hoàng sa chỉ có hai bên tranh chấp là Trung Quốc và Việt Nam.

Bằng chứng về chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa rất lâu đời và vững chắc so với “hững giá trị chiếm đóng” gần đây của hải quân Trung Quốc trên phần nửa phía Đông của quần đảo vào năm 1956 khi đoàn quân viễn chinh Pháp rút khỏi miền Nam Việt Nam và trên phần nửa phía Tây của quần đảo vào năm 1974 khi Việt Nam Cộng Hòa không còn được Hoa Kỳ nhiệt tình ủng hộ. Những giá trị chiếm đóng vừa nói không thể chứng minh được mối quan hệ pháp lý của nước trung Hoa cổ xưa với quần đảo Hoàng sa, để có thể coi đó là một bằng chứng về chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa. Ngoài ra cũng không thể nói được rằng Việt Nam bị thực dân Pháp đô hộ nên khi người Pháp rút lui đã từ bỏ chủ quyền trên quần đảo này. Ngay cả lúc này người Pháp vẫn sẵn sàng ủng hộ Việt Nam và cung cấp những tài liệu để minh chứng biện luận của Trung Quốc là không đúng sự thật.

Phía Trung Quốc nói rằng họ đã ba lần vào những năm 1909, 1921 và 1932 hành xử chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa, nhưng họ cố tình không nói lên lý do là trong ba lần đó nước Pháp đã làm ngơ, không can thiệp.

Từ sau Thế Chiến thứ 2, luật pháp quốc tế của Liên Hiệp Quốc triệt để bênh vực các nước bị trị (đô hộ) để bảo vệ cho họ những quyền bất khả di nhượng (droits inalienables) Cả người Pháp cũng



như Việt Nam Cộng Hòa chưa bao giờ nhân nhượng khi phải bảo vệ chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa.

Trong cuộc họp ngũ cường tại thủ đô Le Caire của Ai Cập (sau Thế chiến II), Trung Hoa giữ im lặng và được coi như đã từ bỏ chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa.

Đến năm 1951 Trung Cộng đặt lại vấn đề chủ quyền trên quần đảo này. Họ chứng minh đã hành xử chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa bằng cách chiếm đóng bằng võ lực vào các năm 1956 và 1974. Tuy nhiên, sự chiếm đóng bằng võ lực không thể cấu thành một quyền hạn, một tư cách, vì luật pháp quốc tế tuyệt đối cấm sử dụng võ lực để xâm phạm chủ quyền của một quốc gia khác. Hơn nữa Việt Nam cũng chưa bao giờ minh thị từ bỏ chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa, ngay cả nếu Trung cộng viện dẫn công hàm năm 1958 của Phạm Văn Đồng, vì lúc đó Hoàng Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam Cộng Hòa. Người ta không thể cho ai một cái gì không thuộc sở hữu của mình, đó là giá trị văn thư của Phạm Văn Đồng.

## II. Trường hợp Trường Sa (Spratleys)

Trong lịch sử của Trung quốc, chưa bao giờ có dấu hiệu về một hành vi chủ quyền trên quần đảo Trường Sa. Nguồn lợi về dầu hỏa đã làm mất con rồng đỏ Á Châu. Đối với Việt Nam, việc thực thi chủ quyền ở hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã thật sự bắt đầu từ khi Chúa Nguyễn Phúc Nguyên lên nắm quyền và đặt các đội Hoàng Sa và Bắc Hải đặc trách công việc khai thác và bảo vệ Biển Đông. Công tác này được tiếp tục và khuếch trương qua triều đại Tây Sơn và các vua nhà Nguyễn.

Khi người Pháp sang đô hộ họ không chú ý tới đảo này. Mãi cho đến sau Thế chiến thứ II, khi Đông Dương bị quân đội Nhật đe dọa từ ngoài biển, thực dân Pháp mới xác định chủ quyền trên quần đảo Trường Sa như quốc gia chiếm đóng đầu tiên.

Vì nguồn lợi dầu hỏa, các quốc gia trong vùng cũng đòi chủ quyền. Phi Luật Tân mãi đến năm 1970 mới đòi chia phần. Tiếp theo là Đài Loan và Mã Lai Á với những biện luận hoàn toàn không có cơ sở pháp lý.

## THƯƠNG MỘT MÙA HOA

Nhớ gốc phượng già nơi bến sông  
Trưa hè lặng gió, nước sông trong  
Em tôi giặt áo bên bờ vắng  
Nước chảy xuôi dòng ra biển đông.

Hè đổ rơi rơi hoa phượng hồng  
Lòng tôi dào dạt nỗi chờ mong  
Qua mùa thi ấy nên duyên nợ  
Đôi lứa chung nhau một tấm lòng.

Chứng kiến tình tôi, cảnh phượng nồng  
Tưởng thuyền xuôi mái, nước thong dong  
Đâu ngờ chinh chiến làm phiêu bạt  
Kẻ ở người đi, bỏ bến không.

Gốc phượng già thêm, hoa biếng nở  
Ve sầu im tiếng, lạnh thu phong  
Em tôi khô héo theo dòng lệ  
Chết giữa mùa đời mới trở bông.

Tôi về quê cũ sau chinh chiến  
Nghe tiếng ve sầu giọng nỉ non  
Buồn bã tôi ôm hoa phượng héo  
Đủ lên bia mộ, khóc trong hồn.

DẶNG NGUYỄN

Maryland, Hè 2009

Trung cộng nói rằng họ hành xử chủ quyền trên quần đảo này từ năm 1951 mặc dù không có một dấu hiệu gì để minh chứng. Hơn nữa, Trường Sa nằm quá xa thêm lục địa Trung Hoa. Thực ra, Trung cộng chỉ hiện diện qua sự cưỡng chiếm quần đảo này khởi sự vào năm 1988. Hiện nay Bắc Kinh vẫn tiến hành những cuộc thao diễn hải quân trong vùng này để đe dọa các quốc gia lân cận với lý do Trường Sa là biên giới chiến lược với nước tàu. Các luật gia về luật quốc tế, khi nghiên cứu đã nhìn nhận rằng Việt Nam là quốc gia có những bằng chứng nghiêm túc nhất cả về phương diện lịch sử lẫn trên mặt thực tế để được hưởng tư cách pháp lý về chủ quyền trên quần đảo Trường Sa theo những tiêu chuẩn luật định của Liên Hiệp Quốc.

## **B. VẤN ĐỀ HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA THEO LUẬT QUỐC TẾ.**

Tranh chấp về Hoàng Sa và Trường Sa giữa Việt Nam và Trung Quốc chỉ có thể giải quyết bằng công pháp quốc tế. Tại Biển Đông luật pháp và địa lý là hai luật sư biện hộ cho chủ quyền của Việt Nam. Luận cứ này có thể được quảng diễn như sau:

**I.. Về các văn bản minh chứng chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa chúng ta có:**

1/ Hiệp ước Patenotre 1884 (Pháp – Việt Nam : công nhận HS và TS của VN)

2/ Hiệp ước Thiên Tân 1884 (Pháp – Trung Quốc: công nhận HS và TS của VN)

3/ Hiệp ước Bắc Kinh 1887 (Pháp – Trung Quốc: công nhận HS và TS của VN)

4/ Tuyên Cáo Cairo 1943 (Mỹ - Anh – Trung Quốc: Tường Giới Thạch không đòi chủ quyền về Hoàng Sa và Trường Sa)

5/ Tuyên Ngôn Postdam 1945 (giải giới quân đội Nhật tại vùng Thái Bình Dương)

6/ Hiệp định Elysee 1949 (Pháp-Việt Nam CH: Nam Kỳ sát nhập vào VNCH)

7/ Hiệp ước Hòa bình San Francisco 1951 (Điều 2: Nhật trả HS và TS cho VNCH)

8/ Hiệp Định Geneve 1954 (Xác nhận chủ quyền của VNCH trên HS và TS)

9/ Hiệp Định Paris 1973 (Mỹ- VC-VNCH-MTGPMN: công nhận sự toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam)

10/ Định ước của Hội Nghị Quốc Tế về Việt Nam 1973

## **II. Công Ước Quốc Tế về Luật Biển (Unclos – Trung Quốc ký năm 1996)**

A. Năm 1982, 119 quốc gia ký Công Ước Liên Hiệp Quốc về luật biển và năm 1994 Công Ước có hiệu lực chấp hành. Công Ước có hai nguyên tắc quan trọng và điều 77 cần được đặc biệt lưu ý:

1/ Quốc gia duyên hải có quyền khai thác dầu khí và đánh cá: 200 hải lý tại vùng biển gần bờ (gọi là vùng đặc quyền kinh tế) “EZZ”

2/ Trong vùng này được tự do hải hành và tự do khai thác hải sản tại biển sâu.

3/ Theo điều 77, thêm lục địa thuộc chủ quyền tuyệt đối của quốc gia duyên hải. Mọi chiếm cứ đều vô giá trị, nhất là chiếm cứ bằng võ trang.

B. 10 tiêu chuẩn để giải quyết tranh chấp:

Ủy Ban Định Ranh Thềm Lục Địa, Tòa Án Liên Hiệp Quốc về Luật Biển, Tòa Trọng Tài Quốc tế, Tòa Án Quốc Tế La Haye đưa ra 10 tiêu chuẩn để giải quyết tranh chấp:

1- Vị trí các đảo đối với bờ biển tiếp cận: Hoàng Sa cách bờ biển Việt Nam 160 hải lý (Cách Trung Quốc 270 hải lý), Trường Sa cách Việt Nam 190 hải lý (Cách Trung Quốc 750 hải lý)

2- Diện tích các đảo so sánh với chiều dài bờ biển tiếp cận: Hoàng Sa được đồng hóa vào lục địa Việt Nam về mặt diện tích đảo

3- Độ sâu và địa hình đáy biển: Hoàng Sa và Trường Sa là sự tiếp nối tự nhiên của lục địa Việt Nam từ đất liền ra ngoài biển.

4- Về mặt địa chất: Hoàng Sa và Trường Sa là thành phần của VN.

5- Về mặt dân số: Cả hai quần đảo đều không có dân cư ngụ

6- Về khí hậu và sinh thực học: Cả hai quần đảo đều thuộc vùng nhiệt đới giống như Việt Nam, không thuộc vùng ôn đới như Trung Quốc.

7- Về tư cách Khu Đặc Quyền Kinh Tế để đánh cá: Cả 2 quần đảo đều là khu vực đánh cá căn bản của Việt Nam.

8- Tại thêm lục địa Việt Nam: Những vùng này có dầu khí là do sự kết tinh của các lớp Thủy Tra Thạch chưa đựng các chất hữu cơ do sông Hồng và sông Cửu Long đổ ra biển cả triệu năm nay. Trung Quốc không có con sông nào chảy thẳng ra Biển Đông như vậy.

9- Hoàng Sa và Trường Sa có ảnh hưởng chính trị và kinh tế mật thiết với Việt Nam hơn Trung Quốc.

10- Các chứng tích lịch sử có tính cách khách quan đều đứng về Việt Nam.

Chính sách Đại Hán của Trung Quốc đưa ra luận thuyết Biển Lịch Sử và Lưỡi Rõng Trung Quốc để nói rằng toàn bộ Biển Đông là của Trung Quốc, nhưng các luật gia tại viện Hải Học Đông Tây (Hawaii) cho rằng: “Không có nguyên tắc hay điều khoản nào trong Công Pháp Quốc Tế cho phép Bắc Kinh đòi như vậy.”

Đối với Trung Quốc, Biển Đông không những chỉ quan trọng về phương diện an ninh mà còn là con đường huyết mạch cho toàn bộ nền kinh tế Trung Hoa đang trên đà phát triển. Do đó, từ lâu Trung Quốc đòi hỏi chủ quyền trên toàn bộ Biển Đông. Một trong những lý lẽ dùng làm căn bản cho việc đòi hỏi này là chủ quyền của họ trên các đảo Hoàng Sa và Trường Sa mà họ ngang nhiên chiếm của Việt Nam và trên cả vùng đá ngầm (Scarborough Reef) chìm sâu dưới mặt nước 80m, ở về phía Đông, khoảng giữa Hoàng Sa và Trường Sa.

Trung Quốc muốn nhân cơ hội Ủy Ban Giới Hạn Thêm Lục Địa (Commission on the Limits of the Continental Shelf) của Liên Hiệp Quốc nhận hồ sơ về vấn đề “Thêm Lục Địa Mở Rộng” vào ngày 13-5-2009 để thực hiện ý đồ vừa nói.

Luật Quốc Tế về Biển năm 1982 cho phép những nước cận biển mở rộng thêm lục địa tối đa 350 hải lý. Nước nào muốn mở rộng thì phải nộp hồ sơ vào ngày nói nói trên. Nếu chủ quyền trên

hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cũng như nhóm đá ngầm không có ai phản đối thì Trung Cộng được phép “ăn trộm” cả một vùng biển với chiều dài 3520 cây số và chiều rộng 1200 cây số.

Trung Cộng đang tranh chấp với Việt Nam về Hoàng Sa, nhưng còn Trường Sa thì sự tranh chấp phức tạp hơn. Tại quần đảo Trường Sa, ngoài Việt Nam, Trung Cộng còn phải đối đầu với Đài Loan, Mã Lai, Nam Dương, Phi Luật Tân và Brunei. Đài Loan chiếm của Việt Nam đảo Ba Bình (Itu Aba) năm 1946. Thập niên 1960 Phi Luật Tân chiếm của ta các đảo Vĩnh Viễn, Song Tử Đông, Thị Tứ. Mã Lai chiếm của ta các đảo Kỳ Vân, Hoa Lau và Kiệu Ngựa.

Trên thực tế, Việt Nam là nước có chủ quyền trên tất cả các đảo thuộc hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Nhưng muốn chứng minh chủ quyền này, CSVN phải chứng minh “Sự liên tục quốc gia” để có tư cách chính thống dành lại chủ quyền đó. Nói khác đi, CSVN phải nhìn nhận nhà nước Việt Nam Cộng Hòa, tiếp nối nhà nước Thực Dân Pháp, vốn đại diện Triều đình nhà Nguyễn, quản lý liên tục và khai thác Hoàng Sa và Trường Sa.

Dòng quản lý liên tục phải kể từ Chúa Nguyễn, Các vua Tây Sơn, các vua Nhà Nguyễn, Thực dân Pháp, Việt Nam Cộng Hòa, Chính phủ Lâm thời CHMNVN (sau năm 1975) rồi đến CHXHCNVN ngày nay.

Nhưng chúng ta biết rằng, để bảo vệ “ngôi báu” của mình, đảng CSVN đã không ngần ngại nhượng Đất, thì việc nhượng Biển đối với họ là điều sẽ xảy ra.

Không thể có biện pháp nào cứu nguy đất nước nếu đảng CSVN còn ngồi đó. Nguy cơ Lê Chiêu Thống, Mạc Đăng Dung đang trở thành sự thật. Chỉ có toàn dân đứng dậy theo truyền thống cứu nước của cha ông thì hiểm họa này may ra mới có thể giải tỏa.

**NGUYỄN CAO QUYỀN**

Virginia

## GIÃ TỪ HUYỀN THOẠI

Tôi ngủ say trong đáy mắt,  
Trên bờ mi cỏ biếc,  
Long lanh giọt sương mai.  
Mắt em cười,  
Bờ môi cong còn chưa khép,  
Mùa Xuân tràn vào khung cửa hẹp.  
Em dục tôi,  
Lên đỉnh ngọn đồi.

Ký ức vỗ cánh,  
Khu rừng hoang  
rùng mình trước cơn gió lạnh.  
Dáng Em nằm mềm mại uốn lưng ong.  
Con sông đầy nước chưa đổi dòng,  
Để làm nên ốc đảo.

Mưa vẫn xâm thực ngọn đồi  
có mùi hương thạch thảo.  
Vòng ngực cao,  
E ấp nụ Hoa đào.

Hai cánh cửa,  
Mở hé một khung trời Hạnh Phúc,  
Khi Em vào đời,  
Bỗng hóa thân thành những vành môi...

Em khơi dòng hoài niệm,  
Từ trong khu rừng hoang ký ức,  
Nơi đam mê làm chủ cõi lòng.  
Tôi thấy mình nằm trên bãi cát triều sông,  
Mà tóc em là những ngọn sóng,  
Vỗ vào thân tôi.

Một giọt nước,  
Đã xô nghiêng một đời con gái.  
Giã từ huyền thoại!

## VIỆT BẰNG (California)

\*\*\*

## THƠ... CHƠI

Thật sự, thơ làm chỉ để chơi.  
Tâm tư mê vọng đã bao đời.  
Chuyện người rắc rối ghê, sao giải?  
Chuyện nước lung tung mãi, khó cười!  
Danh, lợi tranh dành, thù chất nặng,  
Tham, sân cố kết, hận khôn nguôi!  
Bạc tiền có đó, mà không đó,  
Hương sắc tươi rồi, lại rã thôi!

California 05/01/09

**DƯƠNG HUỆ ANH**

# CUỘC ĐỜI VÀ TÁC PHẨM CỦA THI SĨ THIÊN SƯ NHẬT BẢN RYOKAN

## NGUYỄN KINH BẮC

Phỏng dịch theo John Stevens

Thi sĩ Thiên sư Nhật Bản Ryokan là một trong những khuôn mặt đáng yêu nhất của văn học Á Châu. Cũng như người đồng thời với ông, Thoreau, một triết gia Hoa Kỳ, Ryokan ca ngợi thiên nhiên và đời sống thiên nhiên. Ông sinh năm 1758 tại tỉnh Echigo, một tỉnh heo lánh và mênh mông tuyệt phủ, tọa lạc tại phía Bắc Honshu, giáp biển Nhật Bản. Cha ông là một trưởng làng, đồng thời là một thi sĩ chuyên sáng tác thể thơ “hài cú” (Haiku). Ryokan được hấp thụ một nền giáo dục triết để cổ điển của Trung Hoa và Nhật Bản.

Nhút nhát và siêng học khi còn bé, Ryokan là một Don Juan tại địa phương một thời gian ngắn trong thời thơ ấu của ông. Tiếp theo đó là sự khủng hoảng tinh thần trong lứa tuổi đôi mươi, tuy nhiên ông đã khước từ di sản của cha mẹ, và bước chân vào thiền viện.

Năm 1780, Ryokan trở thành một môn đệ của Thiên sư Kokusen, một Thiên sư lỗi lạc nhất lúc bấy giờ, và đã theo thầy đến thiền viện Entu-di tại Tamashima. Ryokan cần cù rèn luyện tại thiền viện nhỏ bé và thân thương ấy cho đến khi Kokusen qua đời năm 1791. Mặc dù Ryokan được công nhận là người thừa kế của Kokusen, nhưng ông đã từ chối lời mời làm người trụ trì tại thiền viện, và dần thân vào một cuộc hành hương dài, rong ruổi khắp Nhật Bản trong những thập niên kế tiếp.

Sau bốn thập niên trôi nổi, Ryokan trở lại nguyên quán, và ông đã sống tại đó những ngày tháng còn lại của cuộc đời, ẩn dật lặng lẽ

trên những ngọn núi. Ông tự túc bằng cách đi khất thực, chia sẻ thức ăn cho muông thú và dành thì giờ để suy ngẫm về Thiên, ngắm trăng, chơi đùa với trẻ em tại địa phương, thăm bạn bè, uống rượu nếp với các nông dân, nhảy múa trong những buổi lễ lạc, và sáng tác những vần thơ chải chuốt bằng thư họa (calligraphy).

Một người bạn của Ryokan viết về ông như sau : “Khi Ryokan đến thăm, dường như mùa xuân đã đến trong một ngày đông u ám. Cá tính ông trong sạch, không lừa dối và xảo quyết. Ryokan giống một trong những vị thần bất tử trong văn học và tôn giáo cổ. Ông không hề giận dữ, và không nghe lời chỉ trích của kẻ khác. Chỉ có tiếp xúc với ông, mới thấy rõ ông là một con người hoàn thiện nhất”.

Có lần, một người thân của Ryokan nhờ ông khuyên bảo đứa con trai hư đốn của ông ta. Ryokan đến thăm gia đình này, nhưng không đưa ra một lời khuyên bảo nào đối với thằng bé. Ông nghỉ qua đêm và chuẩn bị ra đi vào sáng hôm sau. Khi thằng bé ương ngạnh đang giúp Ryokan để buộc đôi dép rom, nó cảm thấy những giọt nước nóng hổi đang rơi trên vai nó. Ngược nhìn lên, thằng bé thấy Ryokan đầm đìa nước mắt, đang cúi nhìn nó. Ryokan lặng lẽ ra đi. Chẳng bao lâu, thằng bé tu tỉnh và trở thành một đứa con ngoan.

Một lãnh chúa tại địa phương nghe danh tiếng Ryokan là một Thiên sư đáng kính, nên muốn xây dựng một ngôi chùa và đặt ông làm người trụ trì. Vị lãnh chúa này viếng thăm Ryokan tại Gogō-an, nơi ẩn dật của ông trên núi Kugami, nhưng ông đã đi ra ngoài để tu

hội cùng các loài hoa. Vị lãnh chúa kiên nhẫn chờ đợi cho đến khi Ryokan trở lại với một chậu đầy hoa thơm. Ông này ngỏ lời, nhưng Ryokan lặng thinh. Rồi sau đó, ông thảo một bài thơ hài cú trên một tờ giấy, và trao cho vị lãnh chúa:

The wind gives me  
Enough fallen leaves

To make a fire

Tạm dịch :

Gió cho tôi

Đủ lá rơi

Để nhóm lửa rồi

Vị lãnh chúa hiểu ý, nhẹ nhàng lui bước, trở về tòa lâu đài của ông ta.

Một lần, sau mùa đông dài giam hãm, Ryokan đến một tiệm hớt tóc trong làng để cạo mái tóc bờm xờm. Người thợ ranh mãnh, chỉ cạo một nửa mái tóc, rồi ngừng lại, yêu sách, nếu muốn anh ta hoàn tất nửa mái bên kia, Ryokan phải tặng cho anh ta một bức thư họa của ông. Ryokan liền cầm bút lông, phóng tay viết lên trên tờ giấy lớn tên của thần Shinto, một vị thần tượng trưng cho sự may mắn. Hải lòng vì đã thắng mẹo đối với vị Thiên sư, người thợ cạo đã hoàn tất mái tóc cho Ryokan. Sau đó, anh ta đã hí hửng đóng khung bức thư họa và treo giữa nhà. Ngày kia, một người khách đã lưu ý người thợ cạo :”Bạn biết không, tên của vị thần đã bị thiếu một nét đấy !”. Sợ bị xui xẻo, anh ta liền đi tìm vị Thiên sư để phàn nàn. Ryokan nhẹ nhàng bảo anh ta :

- Bánh ít đi, bánh quy lại mà cậu. Cậu thấy không, bà già ở cuối xóm lần nào bán bánh cho tôi cũng cho tôi thêm một cái. Do đó, khi viết thư họa cho bà, tôi cũng đều thêm một nét.

Vì già yếu, sau cùng Ryokan buộc lòng phải rời túp lều của ông trên núi và sống những ngày tháng còn lại tại nhà của một trong những người bảo trợ ông ở trong làng. Gần cuối đời,

ông đem lòng yêu mến một nữ tu trẻ đẹp tên là Teishin. Nàng đã ở bên ông khi ông qua đời vào ngày 6.1. 1831, lúc 73 tuổi.

Ryokan đã viết hàng ngàn bài thơ và thi thư (poems-letter) theo văn phong của cả Trung Hoa lẫn Nhật Bản, và ném chúng vương vãi. Những bài thơ này đã được dân địa phương bảo tồn và sau đó, đã được các học giả trân trọng nghiên cứu, sưu tập. Ấn bản đầu tiên của thơ Ryokan tựa đề “Hachisu no Tsuyu” (Những Giọt Sương Trên Lá Sen), được Teishin biên soạn, xuất hiện năm 1835. Những tuyển tập của Ryokan tiếp tục được xuất bản qua nhiều năm, và dường như ông là một thi sĩ Thiên tông của Nhật Bản được yêu mến nhất, ưa chuộng nhất. Nét bút đầy thú vị của Ryokan hoàn toàn chân thật và phóng khoáng, được đánh giá cao, và Ryokan được sùng kính như là một trong những thư họa gia vĩ đại nhất của mọi thời tại Đông Á.

Ngày nay, do sự học hỏi về Thiên và sự ngưỡng mộ nghệ thuật Thiên tông đã trở nên phổ cập, đời sống và tinh thần của Ryokan đã ngự trị trong lòng những người mộ đạo, yêu thơ, yêu cái đẹp ở khắp mọi nơi. Thơ ông phản ánh chiều rộng và chiều sâu về cái nhìn của ông đối với Thiên. Ông tập trung vào “sự vật sâu lắng bên trong tâm hồn” và thơ ông bao quát kinh nghiệm của con người, hân hoan và sâu thẳm, khoái lạc và đau khổ, giác ngộ và vô minh, tình yêu và nỗi cô đơn, con người và thiên nhiên. Giống như huyền thoại thơ Thiên của đời Đường bên Trung Hoa, thơ Ryokan đã bộc lộ sự kết cấu dồi dào, phong phú của Thiên:

Who says my poems are poems?

My poems are not poems

When you know that my poems are not poems

Then we can speak of poetry

Tạm dịch :

Ai bảo thơ tôi là thơ ?

Thơ tôi không phải là thơ

Khi bạn biết rằng thơ tôi không phải là thơ  
Rồi ta có thể nói về thơ

### LIKE A DREAM

Blending with the wind  
Snow falls  
Blending with the snow  
The wind flows  
By the hearth  
I stretch out my legs  
Idling my time away  
Confined in this hut  
Counting the days  
I find that February  
has come and gone  
Like a dream

### RYOKAN

### NHƯ GIẤC CHIÊM BAO

Hòa cùng với gió, tuyết rơi  
Hòa cùng với tuyết, tôi bời gió dâng  
Bên lò sưởi, duỗi đôi chân  
Thời gian ta cũng dần dần tiêu hao  
Đêm ngày đêm tháng trôi mau  
Lều tranh một túp giam vào riêng ta  
Tháng hai đến, lại vèo qua  
Cho ta cứ ngỡ như là chiêm bao

NGUYỄN KINH BẮC  
(Phỏng dịch)



## BÁC SĨ

# NGUYỄN QUỐC QUÂN



## CHUYÊN MÔN NỘI KHOA VÀ LÃO KHOA

4217 Evergreen Lane

Annandale, Va 22003

(703) 354-2629

## KHÁM BỆNH MỖI NGÀY THEO GIỜ HẸN

# WOLFGANG AMADEUS MOZART

(1756 - 1791)

## THÂN ĐỒNG ÂM NHẠC

### PHẠM VĂN TUẤN

**T**rong 2 thế kỷ, câu chuyện về nhạc sĩ Mozart đã được kể nhiều lần. Sự kỳ diệu và bí ẩn của một thân đồng âm nhạc và cuộc đời với danh vọng cao sang và kết thúc bi thảm của Mozart đã là một câu chuyện đặc biệt trong Lịch Sử Âm Nhạc.

Mozart là một thân đồng mà tài năng cho tới ngày nay chưa có ai vượt qua được. Nhạc sĩ này đã biết chơi đàn vĩ cầm và dương cầm khi mới lên 3 tuổi, bắt đầu viết ra các bản "*nhạc khúc nhịp ba*" (minuets) vào tuổi lên 6, soạn bản "*giao hưởng*" (symphony) đầu tiên khi chưa đầy 9 tuổi, sáng tác "*diễn ca khúc*" (oratorio) khi 11 tuổi và "*nhạc kịch*" (opera) lúc mới 12.

Trong số 3 nhạc sĩ bậc thầy của nền Âm Nhạc Tây Phương là Bach, Beethoven và Mozart, nhạc của Bach mang tính nguyên thủy (original) với nền nhạc đa âm (polyphonic basis). Beethoven có tính nhạc vừa bí ẩn, vừa mang cá tính và cách mạng, đã mở đường cho các nhạc sĩ của thế kỷ 19 và 20, thì riêng với Mozart, ông đã viết nhạc cho thời đại của mình mà không quan tâm tới âm nhạc của tương lai.

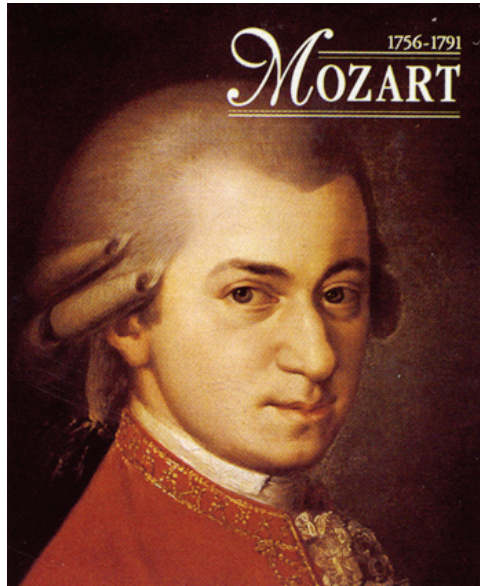
Ngôn ngữ âm nhạc của Mozart cũng giống thứ âm nhạc của các nhạc sĩ đi trước như J. C. Bach hay J. Haydn. Mozart đã dùng các thể nhạc truyền thống, bao gồm các loại giao hưởng, nhạc kịch (opera), nhạc hòa tấu 4 đàn (quartet)... Ông đã theo đúng các tiêu chuẩn mẫu mực, làm đúng theo các quy thức cổ điển, làm tốt đẹp hơn mọi phương cách thể hiện âm nhạc, cho nên nhạc của

Mozart là hiện thân của sự toàn hảo mà nền âm nhạc thời đó có thể đạt được.

Mozart là nhạc sĩ có năng khiếu đặc biệt về âm nhạc lại được giảng dạy ngay từ đầu về nhạc lý và nhạc cụ bởi người cha có tài, một nhạc sĩ vĩ cầm đã soạn ra nhiều nhạc phẩm giáo khoa. Ông Leopold Mozart đã huấn luyện người con trai kỳ tài của mình rồi đưa cậu nhạc sĩ nhỏ tuổi này vào các hoàn cảnh âm nhạc tốt đẹp nhất của thời đại. Wolfgang Mozart còn được học âm nhạc với tất cả các

nhạc sĩ tài danh đương thời, đã đi theo các hành trình tới kinh đô của các nước Pháp, Anh, Hòa Lan, Ý..., đã sinh sống tại thủ đô âm nhạc của thời đó là thành phố Vienna cũng như quen thuộc với các thành phố lớn khác của nước Đức.

Mozart đã làm quen với mọi nhạc thức, cộng thêm vào là thiên tư và bản chất, tất cả đã khiến ông bắt chước được các kiểu mẫu cũ, tổng hợp và





cải tiến các nhạc phong của thời đại rồi viết ra một thứ âm nhạc mới khác hẳn các nhạc sĩ lừng danh thời đó.

Nhạc phong (musical style) của Mozart đã mang nhạc tính tuyệt đối (absolute musicality). Nếu âm nhạc cổ điển của Beethoven hay âm nhạc lãng mạn của Berlioz và Chopin hàm chứa các cảm xúc nội tâm thì âm nhạc của Mozart lại không cho thấy những dấu vết của những đau khổ của cuộc đời mình. Âm Nhạc của Mozart đã được thăng hoa và chuyển thành các vẻ đẹp âm thanh trong cách thẩm mỹ cổ điển.

Wolfgang A. Mozart đã trải qua một cuộc sống ngắn ngủi nhưng lại sáng tác ra các tác phẩm rất phong phú. Cuộc đời của Mozart có thể được chia làm 3 giai đoạn: (1) thời thơ ấu và thiếu niên (1756-1774), (2) thời kỳ viết nhạc phẩm (1774-1781), và (3) các năm cuối sống tại thành phố Vienna (1781-1791).

### **1/ Thời thơ ấu và thiếu niên của Mozart (1756-74).**

Wolfgang Amadeus Mozart sinh tại tỉnh Salzburg nước Áo vào ngày 27/ 1/1756. Cha là ông Leopold Mozart và mẹ là bà Maria Anna. Ông Leopold là một nhà soạn nhạc hạng thứ của vương triều địa phương, một nhạc sĩ vĩ cầm và là tác giả một số sách giáo khoa về âm nhạc. Khi lên 3 tuổi và nhìn thấy chị Nannerl 7 tuổi chơi đàn dương cầm, thời đó gọi là đàn hapsichord, Mozart cũng đòi học nhạc. Cả hai chị em được cha dạy âm nhạc và Mozart đã không thua chị, mà còn tập sáng tác các bản nhạc khúc nhịp ba (minuets).

Ngoài việc học đàn dương cầm, Mozart còn đòi học vĩ cầm. Một hôm ông Leopold và hai người bạn cùng họp nhau để hòa 6 bản trio (bản hòa tấu 3 đàn) do Wenzl, một trong hai nhạc sĩ kia sáng tác, Mozart lúc đó nằng nặc đòi chơi vĩ cầm bè hai. Rồi do khả năng thực sự, cậu bé Mozart dần dần được phép đàn vĩ cầm bè một với các nhạc sĩ lớn tuổi khác.

Do nhận thấy năng khiếu đặc biệt của hai người con nhỏ tuổi, ông Leopold bèn quyết định đưa các con đi lưu diễn tại nhiều nơi. Gia đình Mozart rời Salzburg vào tháng 1 năm 1762, hướng về thành phố Vienna. Tại thị trấn Linz, buổi hòa nhạc đã thành công vì nhiều người đều hâm mộ tài nghệ của hai nhạc sĩ tí hon. Sau đó cha con Mozart lại tới Tu Viện Ips. Khi xem chiếc đàn phong cầm nổi danh của tu viện, chú bé Mozart đã leo lên đàn thử khiến cho các tu sĩ phải hết sức sửng sốt và thán phục về tài nghệ. Mọi người không hiểu vì sao một chú bé nhỏ tuổi đến như thế có thể tạo nên các âm thanh tuyệt vời?

Tiếng đồn về thiên tài của hai nhạc sĩ tí hon đã đến thành phố Vienna trước đoàn nghệ sĩ. Trong khi đón tiếp gia đình Mozart tại lâu đài Schoenbrunn, Hoàng Đế nước Áo Franz Josef đã gọi Mozart là "*nhà ảo thuật bé nhỏ*" và đã thử tài cậu nhạc sĩ tí hon này bằng cách bảo đánh ngay các bản đàn khó hay đánh đàn bằng một ngón tay, cũng như dạo đàn mà dùng vải phủ kín các phím đàn, không cho nhìn rõ. Chú bé Wolfgang đều vượt qua được các thử thách và mọi người đã vỗ tay tán thưởng. Để đáp lại sự tử tế của Vua và Hoàng Hậu, Wolfgang đã leo lên lòng Hoàng Hậu Maria Thérèse và ôm hôn, như cách cảm ơn với mẹ của mình. Wolfgang còn kết thân với công chúa Marie Antoinette ở cùng lứa tuổi. Rất nhiều quà tặng dồn về hai nhạc sĩ nhỏ tuổi, đặc biệt là các nhẫn kim cương của Hoàng Đế Franz Josef và các bộ y phục lộng lẫy. Một họa sĩ cung đình cũng vẽ chân dung của Mozart và bức họa còn được lưu giữ cho tới ngày nay.

Sau đó gia đình Mozart đi trình diễn tại Frankfurt và các thành phố khác rồi tới thủ đô Paris. Trước Triều Đình Pháp tại Cung Điện Versailles, chị em Mozart cũng đã làm cho Nhà Vua và nhiều nhà quý tộc phải thán phục. Từ Paris, đoàn nghệ sĩ tới London vào tháng 4/1764. Vua George III và Hoàng Hậu nước Anh, do rất

yêu thích âm nhạc, đã yêu cầu Wolfgang đàn ngay các nhạc phẩm của Bach và Handel. Cậu bé Wolfgang còn đệm đàn cho Hoàng Hậu hát cũng như ứng tác nhiều giai điệu mỹ lệ. Ngày 4 tháng 6 là sinh nhật của Vua nước Anh. Cả thành phố London tràn ngập dân chúng. Wolfgang Mozart biểu diễn âm nhạc vào ngày mùng 5. Phòng hòa nhạc chật đầy thính giả sang trọng. Ông Leopold nhờ đó đã thu được rất nhiều tiền bạc. Vào dịp này, Wolfgang đã sáng tạo ra loại "*nhạc khúc hai bè*" (duet), một nhạc thức mới. Tháng 7/1766, gia đình Mozart rời London đi Hòa Lan rồi trở lại Paris lần thứ hai, cuối cùng quay về Salzburg vào tháng 11/1766.

Nước Ý thời bấy giờ là quê hương của âm nhạc vì vậy ông Leopold đã quyết định phải đưa Wolfgang tới nơi đó. Tháng 12/1769, nhạc sĩ thần đồng lại được cha đưa về miền nam của châu Âu, nơi có dân chúng ca hát trên các cánh đồng nhỏ, có các đoàn rước lễ vừa đi dọc theo đường phố hẹp, vừa hát các bản thánh ca, và đặc biệt nổi tiếng là âm nhạc của các ngôi giáo đường lớn. Wolfgang đã bị thử tài bởi các nhạc sĩ của nước Ý, đã dạo cây đàn phong cầm của nhà thờ Saint Thomas tại thành phố Roveredo. Vinh quang cũng tới với Wolfgang tại thành phố Verona, nơi bản giao hưởng của nhạc sĩ tí hon được trình diễn và họa sĩ đã vẽ chân dung của Wolfgang.

Nơi trình diễn kế tiếp là hai thành phố Milan rồi Bologna. Đây là quê hương của nhạc sĩ lừng danh Padre Martini, người đã sáng tác ra các bản nhạc tôn giáo bất hủ. Ít khi ông Martini chịu tham dự vào các buổi hòa nhạc nhưng lần này, nhà soạn nhạc danh tiếng đó đã phải có mặt tại thính đường của bá tước Pallavicini để lắng nghe Wolfgang chơi đàn. Martini sau đó đã giao cho Wolfgang các tẩu khúc (fugue) và đã phải khen ngợi kiến thức về soạn nhạc của Wolfgang. Các vinh quang khác cũng tới với cậu bé nhạc sĩ này

tại thành phố Florence, nơi có triều đình của vương hầu Leopold.

Hai cha con Mozart tới Rome đúng vào Tuần Lễ Thánh (the Holy Week) khi cả thành phố lừng danh này đang ở vào dịp lễ hội lớn. Wolfgang đã được viếng thăm Giáo Đường Thánh Peter, Nhà nguyện Sistine, nơi có bức danh họa "*Cuộc Phán Xét Cuối Cùng*" (the Last Judgment) của Michael Angelo. Chính tại Nhà Nguyện này, Wolfgang đã được nghe bản Thánh Ca Miserere của Allegri. Đây là bản Thánh Ca không được hát tại bất cứ một nơi nào khác và không ai có quyền mang một phần bản nhạc ra khỏi Giáo Đường. Sau phần lễ thật trịnh trọng và trang nghiêm có tên là Tenebrae (Bóng Tối), 7 cây nến thật lớn trên bàn thờ được tắt dần từng cây một, cho tới khi chỉ còn một cây nến cháy sáng, rồi cây này được nhẹ nhàng mang lùi về phía sau, toàn thể Nhà Nguyện chìm đắm trong bóng tối dày đặc và tuyệt đối yên lặng. Chính trong giờ phút lắng đọng này, bản nhạc Miserere (Hỡi Thượng Sót) dần dần bắt đầu. Một giọng đơn hát phần antiphon hay phần nhập đề ngắn, rồi kế tiếp là sự yên lặng, một sự yên tĩnh tận cùng, khiến cho mọi người muốn ngừng thở, vì e ngại tiếng thở có thể gây ra vang động. Chính trong lúc này các nốt nhạc cầu xin vang dần lên, tới khi cả Thánh Đường chan hòa tiếng thổn thức của thứ âm nhạc thánh thiện.

Hai cha con Mozart đã rời khỏi Giáo Đường trong yên lặng, trở về nhà trọ. Đêm hôm đó, Wolfgang không ngủ được vì cảm xúc của bản Thánh Ca. Cậu bé nhạc sĩ bèn thấp đèn lên và bắt đầu chép lại bản nhạc. Khi trời sáng, toàn thể bản Miserere của Allegri đã được Wolfgang chép lại qua trí nhớ.

Hôm sau là Ngày Thứ Sáu trước Lễ Phục Sinh (Good Friday), Wolfgang được nghe lại bản Miserere lần thứ hai và sau đó đã sửa chữa lại bản chép tay của mình cho thật chính xác. Tài

năng xuất chúng của cậu bé 14 tuổi này đã khiến cho thành phố Rome phải sửng sốt và quý mến.

Wolfgang Mozart cũng được chú ý và đạt các danh vọng tại thành phố Naples, nơi đã cung cấp một cỗ xe ngựa quý đưa cha con Mozart qua đường phố chính, giữa các đám người nghênh đón, trên xe ngựa Wolfgang mặc áo sặc sỡ có nút áo bằng bạc, ngồi cạnh cha mặc áo màu nâu có tua viền màu xanh.

Khi trở lại thành phố Rome, Wolfgang Mozart đã được Đức Giáo Hoàng tưởng thưởng huân chương (the Order of the Golden Spur) vì thế có người đã gọi nhạc sĩ trẻ tuổi này là "*Hiệp Sĩ Mozart*". Rồi khi tới thành phố Bologna, cậu nhạc sĩ trẻ tuổi lại được nhận làm nhân viên Hàn Lâm Viện Âm Nhạc Accademia Filharmonica. Bài khảo sát gia nhập Viện Âm Nhạc gồm việc sáng tác một nhạc khúc hát đối đáp (antiphon) 4 phần và cậu thiếu niên bị khóa trong phòng cho đến khi hoàn tất nhạc phẩm. Wolfgang đã gõ cửa đi ra sau nửa giờ đặt bút sáng tác.

Hành trình của cha con Mozart hướng về thành phố Milan. Tại nơi này, Wolfgang được đặt viết có thù lao một bản nhạc kịch (opera) trong 3 tháng, có tên là "*Mitridate*". Buổi trình diễn vở nhạc kịch này được tổ chức vào ngày 26/12/1770 do chính Wolfgang điều khiển dàn nhạc.

Wolfgang A. Mozart đã đi khắp châu Âu và nước Anh, và trong 35 năm cuộc đời, nhạc sĩ thiên tài này đã trải qua 4 năm trên xe ngựa trong các hành trình xuyên qua các miền biên giới. Trong chuyến du lịch qua nước Pháp, Mozart đã quan tâm tới âm nhạc của Johan Schobert, rồi khi tới London, lại chịu ảnh hưởng phong cách âm nhạc của Johann Christian Bach, con trai nhà nhạc sĩ lừng danh Johann Sebastian Bach. Chuyến đi qua nước Ý từ năm 1769 tới năm 1773 đã cho phép Wolfgang Mozart học hỏi về đối điểm (counterpoint) với Padre Martini tại Bologna và trong thời gian này, bản nhạc kịch kiểu Ý La

Finta Semplice (Italian opera buffa) đã được Mozart viết ra. Các nhà soạn nhạc giao hưởng người Ý, chẳng hạn ông Sammartini, cũng gây ảnh hưởng tới các tác phẩm của Mozart, như qua các bản nhạc đánh số K.81, 95, 112, 132, 162 và 182.

Mozart đã thực hiện hơn 600 sáng tác âm nhạc và nhà nghiên cứu L. Von Koechel năm 1862 đã liệt kê và đánh số theo bản thư mục chủ đề (thematic catalogue) bằng "*chỉ số K*". Đây là cách nhận biết được nhiều người công nhận.

Wolfgang A. Mozart đã có một trí nhớ kỳ lạ và một khả năng sáng tác âm nhạc ngay trong bộ óc của mình, đã xếp đặt các thành phần của bản nhạc khi đang ngồi trên xe ngựa trong các chuyến đi xa rồi sau đó, Mozart chỉ cần một hay hai ngày để viết tác phẩm trên giấy, thành các bản nhạc hoàn chỉnh. Nhờ các chuyến đi qua nhiều xứ sở, Mozart có thể hấp thụ được nhiều nhạc phong (styles), tổng hợp được nhiều nét nhạc (musical features) của nhiều quốc gia, khác hẳn với Haydn mang màu sắc âm nhạc đặc biệt của nước Áo, hay Handel với nét nhạc thuần Đức.

Vào thời đại của Mozart, nền âm nhạc của châu Âu chịu ảnh hưởng của hai trường phái Ý và Đức. Nói một cách đơn giản, âm nhạc Ý mang tính nhẹ nhàng, chủ đích nhắm vào giải trí trong khi âm nhạc Đức trịnh trọng hơn và hướng về diễn tả. Phương tiện âm nhạc của trường phái Ý là giọng ca (vocal) với các bản nhạc kịch (opera) và bản thanh nhạc (cantata), trong khi các nhạc sĩ Đức ưa chuộng các nhạc cụ (instrumental) và dùng các nhạc thể như giao hưởng (symphony) hay sonát (sonata). Chất nhạc (musical texture) của âm nhạc Ý là chủ điệu (homophonic) với các giai điệu có tính làm say mê, quyến rũ trong khi chất nhạc Đức lại thiên về khoa học đối điểm (the science of counterpoint). Mozart đã hiểu rõ và xử dụng được cả hai trường phái kể trên nhờ khả năng thưởng thức (taste), nhờ bản năng thiên tư biết dùng những gì thích hợp, tốt đẹp, nhờ trí

thức (knowledge) hiểu rõ lý thuyết âm nhạc và kỹ thuật với các giới hạn của các nhạc cụ.

## 2/ Thời kỳ viết nhạc phẩm (1774-81).

Sau các năm chu du qua các quốc gia với các thành công huy hoàng và trở về Salzburg, Wolfgang Mozart bắt đầu gặp phải bóng tối vì sự ghen tị, vì các âm mưu và vì sự thờ ơ của những kẻ quyền thế. Người che chở và giúp đỡ Mozart là vị Tổng Giám Mục Salzburg đã qua đời, người kế vị lại lơ là với nghệ thuật, coi thường các nhạc sĩ nhà nghề. Năng khiếu và tài nghệ của Mozart đã không được coi trọng. Mozart được giao chức vụ trưởng ban nhạc nhưng lương bổng không đủ sống. Vào lúc này, Wolfgang Mozart đã 21 tuổi, đã sáng tác được nhiều nhạc phẩm thuộc nhiều thể loại.

Do tình trạng lợi tức thấp kém, ông Leopold dự định lại đưa các con thiên tài đi lưu diễn một lần nữa nhưng vị Tổng Giám Mục mới của miền Salzburg đã không cho phép ông Leopold rời khỏi địa phận, vì vậy Wolfgang cùng với mẹ ra đi vào sáng ngày 23/9/1777, hướng về thành phố Munich. Nơi đây, Mozart đã tới lâu đài Nymphenburg nhưng vị vương hầu địa phương đã từ chối, không còn chỗ trống dành cho nhạc sĩ thiên tài. Các vinh dự mà Mozart đã thu nhận được tại nước Ý đã làm buồn lòng các kẻ quyền thế người Đức. Mozart và mẹ lại đi tới thành phố Mannheim và chỉ kiếm được một chân dạy đàn dương cầm với số lương không đủ sống. Ông Leopold và con gái đã phải tiết kiệm, gửi tiền tiếp tế cho hai mẹ con Mozart tại đó.

Không lâu sau khi tới Mannheim, Wolfgang đã dấu cha, làm quen với hai cô con gái của gia đình Weber. Cô chị Aloysia 15 tuổi và cô em, Constanza 14, là hai thiếu nữ đang độ xuân sắc. Aloysia lúc đó đang tập hát nhạc kịch (opera) và Wolfgang sẵn lòng đệm đàn và hướng dẫn cho nàng ca hát. Mối tình đã chớm nở giữa hai người

và Mozart đã đề nghị với gia đình Weber là họ nên cùng với Aloysia sang nước Ý trình diễn, với Mozart sẽ sáng tác các bản nhạc kịch thích hợp với nàng. Đồng thời Mozart cũng biên thư cho cha, căn dặn cha và chị đón đoàn nghệ sĩ tại Salzburg và ông Leopold khi đó sẽ gặp người con dâu tương lai, người mà ông sẽ quý mến. Nhưng ông Leopold đã không chú ý đến dự tính này. Ông dặn con trai phải đi ngay Paris, tạo dựng cho mình một danh tiếng. Wolfgang đành phải rời Mannheim, xa cách người yêu.

Wolfgang Mozart đã tới Paris. Thành phố này trước kia hân hoan đón chào một thần đồng âm nhạc nhưng ngày nay, lại đứng trước một nhạc sĩ đã trưởng thành. Trong 3 tháng, Mozart đã không thành công trong việc kiếm được một công việc xứng đáng, rồi bà Maria mắc bệnh nặng và qua đời trong cánh tay của người con trai vào ngày 03/7/1778. Vào lúc này, ông Leopold đã gửi một bức thư báo tin cho Wolfgang biết vị Tổng Giám Mục Salzburg sẵn lòng giao cho chàng chức vụ nhạc sĩ đàn phong cầm của vương triều với lương năm là 500 florins và với một số điều kiện về vắng mặt. Nếu Wolfgang chấp nhận, lợi tức của hai cha con sẽ đủ dùng cho một cuộc sống tương đối thoải mái. Wolfgang không thể trái ý cha nên đã trở về Salzburg nhưng xin phép được ghé qua thành phố Mannheim để gặp gia đình Weber. Tới nơi, gia đình này đã dọn đi Munich. Mozart lại tới Munich nhưng khi gặp gia đình Weber, Aloysia chỉ coi Mozart là một người bạn cũ.

Trở về Salzburg, Mozart bị thất bại cả về tình duyên lẫn tham vọng. Mặc dù được gia đình luôn coi là một nhà soạn nhạc cỡ lớn, một thiên tài trong số các nhạc sĩ, Wolfgang Mozart vẫn không ưa thích miền Salzburg và các bổn phận phải làm đối với cung đình này. Tháng 11 năm 1780, Wolfgang lại đi Munich để hoàn thành một nhạc kịch đã ký hợp đồng, dùng cho ngày đại hội năm sau. Nhạc kịch có tên là "*Idomeneo*" lần đầu tiên

được trình diễn vào ngày 29/1/1781 và được mọi người khen ngợi, kể cả vị vương hầu của vùng Munich. Ông Leopold và chị Nannerl cũng tới Munich để chứng kiến lúc vinh quang của Wolfgang Mozart. Trong rạp hát, hàng trăm người đã đứng lên, hoan hô nhà soạn nhạc và đây là lúc hãnh diện nhất cho cả ba người thuộc gia đình Mozart.

Sau đó vị Tổng Giám Mục miền Salzburg lại ghen tức với danh tiếng do Mozart tạo dựng nên tại một nơi khác, nên đã ra lệnh ngưng chức nhạc sĩ của Wolfgang trong khi người cha Leopold cố gắng gọi con trở về. Wolfgang qua chán ghét miền Salzburg nên cuối cùng đã viết thư cho cha: "*xin đừng bắt con trở về Salzburg nữa, cha hãy bảo con làm việc khác ngoài việc trở về đó*".

Tại Munich, Wolfgang Mozart bắt đầu cam chịu một cuộc sống thiếu thốn. Nhà nhạc sĩ tài danh chỉ có được một học trò. Với số tiền quá ít ỏi, Mozart phải sống trọ với một gia đình bạn, vào lúc này, người yêu cũ là nàng Aloysia đã đi lấy chồng. Bà Weber và hai cô gái lại dọn đi Vienna và cũng ở trong hoàn cảnh eo hẹp.

Cuối năm 1773 và đầu năm 1774, Wolfgang Mozart đã sáng tác được 2 bản giao hưởng cung Sol thứ (K.183) và cung La trưởng (K.201) với tính nhạc mãnh liệt và trang nghiêm, với đặc tính đồng nhất về chủ đề (thematic unity) và với đặc điểm về cách khai triển toàn bộ nhạc thức. Sau đó là thời kỳ Mozart viết nhiều sonát dành cho đàn dương cầm (piano sonata): K.279-284 soạn tại Salzburg và Munich trong 2 năm 1774-75, K.309 và K.311 tại Mannheim, 1777-78, và tại Paris vào năm 1778 gồm các bản sonát cung La thứ (K.310), sonát cung Đô trưởng (K.330), sonát cung La trưởng với các biến khúc (K.331); và 2 sonát mang đặc tính Mozart nhất là 2 nhạc phẩm cung Fa trưởng và Si giáng trưởng (K.332 và K.333). Nhiều biến khúc (variations) cũng được Mozart sáng tác tại Paris với các bản nhạc dành cho các nhạc sinh, kể cả bản "*Ah, vous dirais-je*

*maman*" (K.265, Paris-1778). Nhiều bản hòa tấu 4 đàn được Mozart sáng tác một cách xuất sắc, chẳng hạn như bản Flute Quartet cung Rê trưởng (K.285) và bản Oboe Quartet (K.370).

Wolfgang Mozart đã sáng tác âm nhạc hoặc do tiền đặt trước, hoặc vì một dịp đặc biệt nào đó. Trước khi viết nhạc, chàng nhạc sĩ thiên tài này đã có trong đầu óc một định kiến về khán giả và các nhạc sĩ trình diễn, về sự ưa chuộng của người nghe nhạc. Mozart quả thực là một nhà soạn nhạc thương mại, viết nhạc vừa với ước vọng nhạc phẩm sẽ được trình diễn, làm vui lòng người đặt hàng, lại mang về tiền bạc cho mình. Trong các thập niên 1770 và 1780, Mozart đã sáng tác âm nhạc cho các buổi họp mặt ngoài vườn, các đám cưới, các sinh nhật, các buổi hòa nhạc gia đình và các nhạc phẩm này phần lớn được gọi là dạ khúc (serenade hay divertimento). Ngoài ra, số nhạc phẩm của Mozart còn gồm nhạc thính phòng với đàn dây và đôi khi với một hay hai loại kèn, rồi tới các concerto và các bản giao hưởng phức tạp hơn... tất cả đều mang sắc nhạc đơn giản, bay bướm với giai điệu quyến rũ. Bản dạ khúc được phổ biến nhất của Mozart có tên là "*Dạ Khúc Nhỏ*" (Eine Kleine Nachtmusik, K.525), một tác phẩm viết cho dàn nhạc nhỏ đàn dây (small string orchestra). Dạ khúc Haffner năm 1776 là một thí dụ rõ ràng nhất của thể điệu concerto-symphonic.

Mozart cũng viết các concerto dành cho vĩ cầm như các nhạc phẩm K.216, 218 và 219, lần lượt theo các cung Sol, Rê và La. Các nhạc phẩm này là những tác phẩm với vẻ nhạc rất trong sáng, với âm thanh lộng lẫy, đầy nhạc cảm.

### **3/Thời kỳ sống tại thành phố Vienna (1781-91).**

Wolfgang Mozart rời bỏ Munich và dọn qua Vienna, tại đây chàng nhạc sĩ đã quyết định chọn người vợ là cô Constanza Weber, em gái của người yêu khi trước, mặc dù lời quả mắng của ông Leopold. Hai người đã làm lễ thành hôn ngày

16/8/1782. Constanza tuy là một người vợ tận tụy song lại là một người đàn bà rất kém về nội trợ khiến cho gia đình Mozart luôn luôn túng thiếu. Trước hoàn cảnh eo hẹp về tài chính, Mozart muốn rời đi London hay Paris nhưng ông Leopold đã gửi thư, hẹn gặp người con trai tại Vienna. Rồi người cha và người chị đã tới, Mozart rất hân hoan được giới thiệu người vợ mới của mình và ông Leopold cũng vui sướng khi thấy con trai bận rộn trong việc sáng tác các nhạc phẩm. Có một buổi chiều, ông Leopold đã cùng với đại nhạc sĩ Josef Haydn nghe trình diễn các bản tứ hòa (quartets) do Mozart viết ra, và J. Haydn đã phải nói với ông Leopold: *"Trước Thượng Đế, và tôi lấy danh dự mà nói rằng con trai của ông là một nhà soạn nhạc vĩ đại nhất mà tôi đã gặp. Cậu ta có khả năng thưởng thức và lại có một điều quý hơn nữa là một kiến thức sâu rộng nhất về sáng tác âm nhạc"*.

Lần gặp gỡ trên cũng là lần cuối giữa hai cha con vì sau đó ông Leopold trở về Salzburg rồi mắc bệnh và qua đời vào ngày 28/5/1787. Hung tin này tới với Mozart sau khi chàng nhạc sĩ vừa mới hoàn tất bản nhạc kịch *"Đám Cưới của Figaro"* (the Marriage of Figaro). Tại mỗi góc phố của hai thành phố Vienna và Prague đều vang lên giai điệu của bản nhạc này.

Mặc dù thành công về bản nhạc kịch gần đây, Mozart vẫn túng thiếu và vẫn phải kiếm ăn bằng cách dạy nhạc. Vợ của chàng lại thường hay đau bệnh, không biết tiết kiệm và gia đình đôi khi không có đồ ăn hoặc củi đốt. Một vài người bạn thân cũng thỉnh thoảng giúp đỡ chàng lúc quá khó khăn. Lúc bấy giờ Hoàng Đế Josef của nước Áo vì muốn giữ chàng nhạc sĩ thiên tài lại trong nước mình, nên đã đề nghị tuyển Mozart làm nhà soạn nhạc cho cung đình với lương 80 bảng một năm, một món tiền quá nhỏ, khiến cho Mozart đã phải nói ra một cách chua chát: *"Đó là món tiền quá lớn đối với công việc quá nhỏ đòi hỏi tôi phải làm, và*

*cũng là món tiền quá nhỏ đối với khả năng tôi có thể làm được"*.

Tháng 9 năm 1787, Mozart bắt đầu viết vở nhạc kịch *"Don Giovanni"*. Nhạc phẩm phải xong vào ngày 29/10 mà tới tối ngày 28, phần khai khúc (overture) vẫn chưa được soạn tới. Mozart đã thức suốt đêm để viết nhạc vì tác phẩm đã ở sẵn trong đầu chàng nhạc sĩ thiên tài. Lúc 7 giờ sáng khi còn chưa khô mực, nhạc phẩm đã được chuyển tới người chép nhạc rồi dùng cho buổi trình diễn ngay ban chiều mà không có thời giờ tập dượt. Kết quả của vở nhạc kịch *"Don Giovanni"* rất rực rỡ, mọi người đều tán thưởng những nét nhạc và giai điệu mỹ lệ của Mozart. Nhưng khó khăn tài chính vẫn chưa vượt qua được. Ông hoàng Karl Lichnowsky đề nghị Mozart nên đi theo ông tới Berlin vì Vua nước Phổ có thể giao cho chàng chức vụ Nhạc Trưởng Thính Phòng với lương bổng khá lớn nhưng vì lòng trung thành với Hoàng Đế Josef của nước Áo đã khiến Mozart phải từ chối.

Tháng 7 năm 1791, khi đang sống tại Vienna, Mozart đã tiếp một người cao lớn mặc áo đen, đến đặt viết bản nhạc Cầu Hồn Requiem trong khi đó chàng nhạc sĩ cũng đang bận rộn giúp đỡ người bạn là nhạc sĩ Salieri. Lễ đăng quang của Hoàng Đế Leopold II đã được ấn định vào ngày 6 tháng 9 tại Prague. Trước khi lên xe ngựa đi Prague, người áo đen đặt viết bản nhạc "cầu hồn" lại đến và Mozart phải năn nỉ xin hoãn cho tới lúc từ Prague trở về. Bản nhạc kịch *"La Clemenza di Tito"* đã được soạn xong đúng thời hạn và được trình diễn nhưng kết quả không vẻ vang. Mozart trở lại Vienna lúc cơ thể quá mệt mỏi vì làm việc quá độ. Dù thế, ngày 30/9, một nhạc kịch khác cũng xuất hiện mang tên *"Cây Sáo Thần"* (the Magic Flute). Thành công của bản nhạc kịch này tăng dần lên trong khi bản nhạc Cầu Hồn vẫn còn dang dở. Đã nhiều lần Mozart ngất xỉu vì yếu sức và một hôm, chàng nhạc sĩ thiên tài đã nói với

vợ: "Anh viết bản nhạc Cầu Hồn này cho chính anh vậy".

Chiều ngày 4 tháng 12 năm 1791, Mozart bị nằm liệt giường và trút hơi thở cuối cùng vào sáng ngày 5/12, lúc 35 tuổi, để lại bản nhạc Cầu Hồn Requiem chưa viết xong. Một môn đệ ưa thích của Mozart tên là Sussmayr đã viết nốt bản nhạc lễ này (mass) từ các nét nhạc phác thảo của Thầy cùng với một số giai điệu bổ túc của mình.

Ngày đưa đám của chàng nhạc sĩ thiên tài Mozart chỉ quy tụ được vài người bạn thân. Quan tài được chở trên xe kéo, ra khỏi thành phố để tới khu nghĩa trang nghèo nàn. Rồi một trận bão tuyết đổ ập tới, các bạn bè tiễn đưa đã bỏ về và lẽo đẽo theo sau xe tang chỉ còn người vợ góa. Do thời tiết quá xấu, xe tang đã không thể đi thêm được nữa, những người phu chôn cất đã đào huyệt và chôn lấp vội vã chiếc quan tài bên đường. Sáng ngày hôm sau khi tuyết ngừng rơi, người vợ trẻ Constanza đã không thể tìm ra dấu tích ngôi mộ của chồng vừa mới đào lấp vào ngày hôm qua.

Vào các năm đầu của thời kỳ sống tại Vienna, các sáng tác nhạc của Mozart khá phong phú. Nhạc khúc hát nói (singspiel) "*Die Entführung aus dem Serail*" (the Abduction from the Seraglio, 1782) đã được trình diễn nhiều lần. Mozart đã là nhạc sĩ dương cầm và sáng tác thần tượng của dân chúng thành Vienna, là một ngôi sao âm nhạc tự do.

Phần lớn các nhạc phẩm đã làm cho danh tiếng Mozart trở nên bất tử, đều được sáng tác vào khoảng thời gian 10 năm cuối với cách tổng hợp toàn hảo về nhạc thức và về nội dung, với nhạc phong vừa lắng lơ, vừa uyên bác, với sự duyên dáng và đam mê trong chiều sâu của nhạc cảm và Mozart đã viết tất cả các thể loại âm nhạc.

Các ảnh hưởng chính đối với Mozart vào thời kỳ này vẫn là đường nét âm nhạc của Haydn và sự khám phá của chàng nhạc sĩ về âm nhạc của

J.S. Bach. Thời đó bá tước Gottfried van Swieten là đại sứ của nước Áo tại Berlin. Vị bá tước này đã là thủ thư viện của vương triều và lại là một người đam mê âm nhạc. Tại nhà của bá tước Van Swieten, Mozart được làm quen với các tập nhạc của Bach trong đó có tập "*Art of Fugue, the Well-Tempered Clavier*" (Nghệ thuật của Tấu Khúc dùng cho đàn dương cầm), một số các sonát và các nhạc phẩm khác. Ảnh hưởng của âm nhạc Bach đã được lưu dấu trong các tác phẩm về sau của Mozart, chẳng hạn như trong bản sonát cuối cùng dành cho dương cầm, K.576, hay bằng nhạc tính trang trọng trong nhạc phẩm "*Cây Sáo Thần*" (the Magic Flute) và nhạc lễ Cầu Hồn Requiem.

Trong số các nhạc bản độc tấu dương cầm của thời kỳ Vienna, quan trọng nhất là bản Fantasia và Sonát cung Đô thứ (Sonata in C minor, K.475 và K.457). Nhạc phẩm Fantasia đã có các giai điệu và chuyển cung (modulations) đi trước Schubert trong khi bản Sonát kể trên đã là mẫu mực của nhạc bản Sonate Pathétique của Beethoven.

Mozart còn viết các nhạc phẩm dành cho 2 đàn dương cầm (K.448, 1781), các sonát 4 tay (K.497, 1786), nhạc thánh phòng, sonát vĩ cầm cung La trưởng (K.526), nhạc hòa tấu 3 đàn dây (String Trio K.563), nhạc hòa tấu 5 kèn Clarinet (the Clarinet Quintet, K.581)... Trong 6 "*Haydn Quartets*" (nhạc hòa tấu 4 đàn), Mozart đã thể hiện khả năng trưởng thành của mình trong việc hấp thụ tinh túy âm nhạc của Haydn mà không phải là một người bắt chước vụng về.

Với nhạc kịch "*Đám Cưới của Figaro*" viết năm 1786 dùng lời nhạc (libretto) của Lorenzo da Ponte, Mozart đã lên tới tột đỉnh của tài soạn nhạc, với nét nhạc vừa trong sáng, vừa duyên dáng.

#### 4/ Các nhạc phẩm chính của Wolfgang A. Mozart.

Các nhạc phẩm dùng cho dàn nhạc (orchestral music) của Mozart gồm hơn 40 bản

giao hưởng (symphonies), chẳng hạn như các bản có tên là Haffner số 35, Linz số 36, Prague số 38, Jupiter số 39, 40 và 41, các dạ khúc (serenade) như Dạ Khúc Nhỏ (Eine Kleine Nachtmusik, 1787), các hành khúc (marches) và vũ khúc (dances).

Các concerto gồm 5 bản dành cho vĩ cầm, 27 bản dành cho dương cầm và các bản nhạc khác dùng cho các loại kèn, sáo và thụ cầm (harp).

Các nhạc kịch (operas) gồm Idomeneo (1781), die Entführung aus dem Serail (1782), Đám Cưới của Figaro (1786), Don Giovanni (1787), Così fan tutte (1790) và Cây Sáo Thần (1791).

Nhạc đồng ca (choral music) gồm 18 nhạc lễ, bản Cầu Hồn Requiem K.626 (dang dở- 1791). Nhạc thánh phòng gồm 23 bản hòa tấu 4 đàn dây, các trio, quintet, sônát...

17 bản sônát dương cầm và bản Fantasia (K.475, 1785). Ngoài ra còn có các bản nhạc hát thế tục (secular vocal music).

Vào thời đại của Wolfgang A. Mozart, số lượng các nhạc cụ của dàn nhạc giao hưởng còn bị giới hạn và các nhạc sĩ thời đó có phong cách trình diễn âm nhạc khác với ngày nay. Âm nhạc của Mozart chưa được giới hâm mộ hiểu rõ vào thế kỷ 19, cho tới sau Thế Chiến Thứ Nhất, các nhạc sĩ và các nhà nghiên cứu âm nhạc mới tìm hiểu lại thiên tài Mozart và Wolfgang Amadeus Mozart được coi là nhạc sĩ có thiên phú nhất, hoàn hảo nhất mà Thế Giới được biết tới./.

**PHẠM VĂN TUẤN**  
(Virginia)

# **Buddy Photo**

## **Fully Digital Photofinishing Lab**

**7238 Arlington Blvd. Falls Church, Va 22042**

**703-698-9595**

Rửa hình trong vòng 1 giờ (từ phim hay digital files)

- Phóng hình lớn - Chụp hình passport, thẻ xanh
- In photo business card - In hình từ phim slide v.v...

## **Wedding Photography & Video Production**

**Xin gọi: Khánh Trần hay Hiếu Nguyễn**

**703-698-9595**

**571-278-0771**



## JE CHANTE AVEC TOI LIBERTÉ

Quand tu chantes, je chante avec toi, liberté  
Quand tu pleures, je pleure aussi ta peine  
Quand tu trembles, je prie pour toi liberté  
Dans la joie ou les larmes, je t'aime

Souviens-toi des jours de ta misère  
Mon pays, tes bateaux étaient tes galères  
Quand tu chantes, je chante avec toi, liberté  
Et quand tu es absente, j'espère

Qui es-tu? Religion ou bien réalité  
Une idée de révolutionnaire  
Moi je crois que tu es la seule vérité  
La noblesse de notre humanité

Je comprends qu'on meure pour te défendre  
Que l'on passe sa vie à t'attendre  
Quand tu chantes, je chante avec toi liberté  
Dans la joie ou les larmes, je t'aime

Les chansons de l'espoir ont ton nom et ta voix  
Le chemin de l'histoire nous conduira vers toi  
Liberté, liberté...

**G. VERDI**

\*

## TÔI HÁT CÙNG BẠN, TỰ DO ƠI !

Tự Do ơi! Bạn mến yêu  
Khi mà bạn hát, tôi theo hát cùng,  
Khi mà bạn khóc náo nùng  
Niềm đau của bạn tôi chung lệ sầu,  
Khi mà bạn bị đảo chao  
Tôi cầu cho bạn được mau tốt lành,  
Tôi yêu quý bạn chân thành  
Dù trong hoan lạc hay quanh lệ trào.

Bạn nhớ chăng những ngày nào  
Bạn lâm vào cảnh khổ đau ngập tràn  
Thời quê tôi cũng lắm than  
Đồng thuyền ta chịu chung phần bi ai,  
Khi bạn hát, Tự Do ơi  
Tôi cùng hoan hỉ vang lời đồng ca  
Và khi bóng bạn nhạt nhòa  
Thời tôi hy vọng xót xa miệt mài.

Hỡi Tự Do bạn là ai?  
Bạn là tôn giáo ở nơi chốn này  
Hay là thực tại nơi đây  
Tư duy cách mạng vùn xoay lòng người,  
Riêng tôi tin tưởng mãi thời  
Bạn là chân lý tuyệt vời độc tôn  
Mãi thanh cao, mãi trường tồn  
Đỉnh cao hy vọng của nhân loại mình,

Tôi thường thông hiểu tận tình  
Có người mạng sống hy sinh chẳng màng  
Mong bảo vệ bạn an toàn  
Tự Do yêu quý vô vàn thiết thân,  
Có người suốt quãng đường trần  
Mãi mong chờ bạn âm thầm khôn nguôi,  
Khi bạn hát, Tự Do ơi!  
Tôi luôn cùng bạn cất lời hoan ca  
Dù trong vui thú thắng hoa  
Hay qua dòng lệ chan hoà đắng cay,  
Lòng tôi ấp ủ lâu nay  
Tình yêu quý bạn đắm say một đời.

Bài ca hy vọng khắp nơi  
Đều ghi tên bạn với lời thiết tha  
Mang tiếng nói bạn vang xa,  
Con đường lịch sử mở ra rạng ngời  
Dẫn đường chỉ lối chúng tôi  
Hương về phía bạn, chân trời đẹp tươi  
Tự Do ơi! Tự Do ơi!...

**Tâm Minh  
NGÔ TÀNG GIAO**  
(Phóng tác nhân ngày 30/4/2009)

# NÀNG

## Bình Huyền

Loan về đến trước nhà. Cầm chìa khoá chưa kịp mở cửa, nàng nghe tiếng chuông điện thoại vang lên từ bên trong. Đút vội chìa khoá vào lỗ nhưng không xoay được, nàng rút ra nhìn mới biết mình đã nhâm chìa trong lúc hấp tấp. Khi nàng mở được cửa, tiếng chuông điện thoại im bật từ lúc nào. Nàng đóng cửa, bước vào bếp, cất chiếc túi nhựa, rồi sang phòng khách ngồi nghỉ. Chuông điện thoại lại reo. Loan với tay lấy chiếc điện thoại *sans fil*, kéo *antenne*, đưa lên tai:

- Allo!

- Allo! Cô Loan đấy à? Cháu Sương đây. Cô đi đâu thế? Cháu gọi hai ba lần không thấy cô trả lời?

- Cô xuống dưới nhà vứt hai chục cái vỏ chai. Chú Bảo đi vắng. Cô dọn dẹp, thấy vương mắt, mang vứt cho rồi.

Tiếng Sương cười "hi, hi, hi" trong máy:

- Cô giỡn hoài! Hai chục cái vỏ chai công kênh lăm, làm sao mà cô ôm hết một lúc?

Loan cũng cười khúc khích:

- Cô giẫm cho bẹp, nên để được hết vào một bao nhựa lớn.

Tiếng cười của Sương lại vang trong máy:

- Giẫm một lúc hai chục cái vỏ chai nhựa! Ầm nhà, ầm cửa, chịu sao nổi, thưa cô?!

Loan trả lời, giọng hơi nghiêm:

- Mỗi khi giẫm, chai xẹp xuống, kêu rộp rộp, cô khoái lăm, vì tưởng tượng rằng những chai đó là

mấy đứa ma-nữ tính quến chú Bảo của cháu. Cô đã kể cho cháu nghe một vài lần rồi, nhớ không?

Sương cười lớn hơn:

- Ối giời ơi! Cô còn ghen quá xá! Chuyện cũ xong rồi, còn gì nữa mà cô ghen, hở cô?

Loan "hừ" một tiếng:

- Chuyện con Bích-Hạnh và con Hiến-Lê thì xong rồi. Tuy vậy, thỉnh thoảng chợt nhớ tới, cô vẫn bực. Còn chuyện con Tuyết-Mai thì chưa xong... Thôi, để khi cháu gặp cô, cô sẽ kể cho cháu nghe. Bây giờ, cháu gọi cho cô có việc gì cần thế?

Sương thôi cười, nói chậm chạp:

- Thưa cô, cháu có vài câu hỏi đặt ra, nhờ cô trả lời, nếu có thể được.

- Cháu cứ nói đi. Cô biết tới đâu, trả lời tới đó.

- Thưa cô, cháu năm nay cũng khá lớn rồi. Các

anh con trai đã bắt đầu tấn công cháu. Riêng cháu cũng có cảm tình với một người. Chuyện của chúng cháu có thể đi tới chỗ quan trọng. Riêng cháu muốn chuẩn bị mình thật tốt. Cô là người có nhiều hạnh phúc lứa đôi. Cháu nhờ cô chỉ cho những bí quyết khiến chú Bảo mãi mãi yêu thương cô như mọi người hằng thấy.

Loan háng giọng:

- Nói ra thì nhiều. Chẳng hạn như



Hình vẽ của  
**BÌNH-HUYỀN**

ngày xưa các cụ thường dạy rằng đàn bà con gái phải giữ Tam Tông, nghĩa là "*Ở nhà theo cha mẹ, lập gia đình theo chồng, chồng chết theo con*", và Tứ Đức tức là "*Công, Dung, Ngôn, Hạnh*". Tuy nhiên, ngày nay ít ai giữ đúng những lời giáo huấn đó. Theo ý cô, mình phải biết rằng phái nữ có ít nhất bốn khía cạnh, cần được nhận định và phát triển tối đa: Hình dáng, tính tình, sức khỏe, và tài năng. Lần này, cô cho cháu biết những gì cô có, về khía cạnh thứ nhất, đã khiến chú Bảo của cháu chạy không thoát trong bao năm nay. Còn

những điểm khác, cháu tới đây, cô sẽ cho cháu biết. Nói chuyện trên điện thoại nhiều quá không tiện, cháu ạ.

- Vâng ạ.

- Này nhé. Về hình dáng, mình phải biết đàn ông con trai thích những gì. Mình sẽ phát triển cái tốt của những điểm có sẵn, sửa chữa cái xấu, tìm hiểu xây dựng những điểm mình có ít hoặc không có. Cô may mắn có kích thước cao ráo, dễ mua quần áo, khổ người thon thả hấp dẫn, vì chăm bơi lội, tập thể thao. Các người quen của cô nói rằng cô có dáng đi quý phái. Tuy nhiên, chú Bảo của cháu thỉnh thoảng phê bình rằng cô bước đi lúc nhanh lúc chậm, làm chú ấy khi thì theo không kịp, khi thì lại phải chờ cô. Cháu biết không, cô làm như vậy để phạt chú ấy, vì chú đã làm cô phạt ý một điều gì đó. Khi nào chú ấy ngoan, cô sẽ bước đi bình thường. Ngoài ra, tóc của cô màu nâu đen, da cô hồng và hơi nâu. Đó là những màu mà chú Bảo rất mê.

Sương ngắt lời cô:

- Thỉnh thoảng da nổi mụn, có gì bất lợi không, hở cô?

- Đàn bà con gái có mụn là thường, phần lớn là do kinh nguyệt hàng tháng. Mình giảm thiểu mụn nhọt bằng cách uống nhiều nước suối và ăn nhiều rau trái. Khi cô có mụn, cô nhờ chú bôi thuốc, và chú lấy làm thích thú lắm, vì được thấy cô nhúc nhích da mặt. Cháu thấy khuôn mặt cô thế nào? Chú Bảo mê khuôn mặt cô ngay từ lúc đầu. Đàn ông mỗi người thích một loại khuôn mặt. Ai để ý đến đối tượng nào, tức là họ khoái loại khuôn mặt đó.

Sương nói tiếp theo:

- Cháu có khuôn mặt giống cô lắm, anh bạn trai của cháu vừa thấy cháu là "mết" ngay. Này nhé, mặt bầu dục, trán nở, sống mũi thanh, đầu mũi nhọn, lỗ mũi hình hoa cúc tính nghịch, mắt huyền, răng trắng với một chút răng khểnh, má lúc nào cũng hồng, môi lúc nào cũng đỏ, bờ mép có nốt ruồi, và hai má có hai đồng tiền khi nói hoặc cười.

Loan cười thích thú:

- Đúng vậy cháu ạ. Chú Bảo của cháu ngày xưa hay vẽ hình cô để tặng cô hoặc treo lên tường nhà. Mỗi lần vẽ, chú ca tụng hết lời những nét mà cháu vừa kể ra. Giọng nói và cách nói cũng quan trọng. Chú Bảo nói rằng giọng cô khi còn trẻ thỏ thẻ như con nít, làm chú ấy để ý và theo đuổi. Khi lớn lên, giọng cô trở nên ngọt ngào. Tuy vậy, chú Bảo vẫn phê bình cô hai điểm: Thứ nhất, khi nói chuyện qua máy điện thoại, giọng cô thường trở nên mạnh. Thật ra, lúc nào cô bực mình hoặc hăng lên, giọng cô mới mạnh. Nhưng cô không nói cho chú Bảo biết điều này. Cứ để tự nhiên. Thứ nhì, cô hay hỏi hoặc nói bất chợt từ ý nghĩ trong đầu. Thí dụ, trong khi đi dạo với chú Bảo ở vườn Luxembourg, hai người đang nói chuyện về một bài thơ tả sông Seine, cô nghĩ trong đầu: "Chiều nay mình sẽ làm món bún riêu cho cả nhà ăn." Cô quay lại nói với chú Bảo: "Hai hộp riêu cua, một gói bún, rau ngò, cà chua, me, hai quả trứng gà, và thịt heo cùng các loại rau thơm và cả giá nữa chứ..." Chú Bảo nhìn cô với vẻ mặt chơi với, hỏi cô: "Làm gì có hộp riêu cua với lại hành ngò và năm bảy thứ khác trên bờ sông Seine, hở em?" Cô thản nhiên đáp: "Nấu riêu cua thì phải có những thứ ấy chứ. Anh chậm hiểu quá à!" Một lần khác, hai vợ chồng đang coi băng nhạc *vidéo* về chủ đề đàn bà, cô chợt nhớ tới cuốn phim đang xem dở nhan đề "*Les oiseaux se cachent pour mourir*" do Richard Chamberlain và Rachel Ward đóng. Nghĩ tới chỗ Meggy cãi nhau với chồng, cô hỏi chú Bảo: "Thế cô ấy có gặp lại ông Cha không, hở anh?" Chú Bảo ngạc nhiên hỏi lại cô: "Cô nào? Ông Cha nào?" "Cô Meggy với Ralph ấy mà. Cũng ở trong *vidéo*, sao anh chóng quên thế!" "Đang xem *vidéo* Việt-Nam về đàn bà, em hỏi chuyện trong *vidéo* của Mỹ, làm sao anh đoán ra được!" Cô cấu chú một cái: "Cũng là *vidéo* cả mà. Anh và em phải suy nghĩ giống nhau chứ. Anh

thường nói vậy, phải không?" Thế là chú Bảo của cháu chịu thua!

Sương nói :

- Cô ác quá! Làm sao mà chú ấy theo được ý nghĩ của cô?

Loan cười khúc khích :

- Không phải cô ác đâu, cháu ạ. Đó là cô muốn, trong câu chuyện giữa hai người, lúc nào chú Bảo của cháu cũng phải hỏi cô "Cái gì?", "Sao?", "Thế nào?", "Ở đâu?"... Cho chú ấy tính táo theo dõi và tham gia câu chuyện, chứ không được ngồi đó nghe cô nói êm ru. Chú của cháu dám ngủ gật hoặc mơ màng chuyện khác lắm ạ!

Sương lại hỏi :

- Nhớ chú ấy cũng làm như cô, cô có hiểu ngay chú ấy muốn gì hay không?

Loan cười, nói:

- Chú Bảo của cháu không vừa đâu. Chú ấy cũng tính làm cô kẹt nhiều lần để trả thù, mà không được.

- Cô kể cho cháu nghe với.

- Có lần, hai người đang ngồi trên xe-hơi, nghe nhạc Việt-Nam.

Bỗng dừng chú Bảo nói: "Bà ấy có bằng lòng không?" Cô nhớ ngay về vụ cô chú tính nhờ bà chủ tiệm bán sách báo băng nhạc đồ kỷ niệm Việt-Nam quảng cáo giùm cho cuốn sách của cô chú mới in xong. Cô bèn trả lời tỉnh bơ: "Có anh ạ." Chú Bảo của cháu ngạc nhiên và thất vọng lắm! Cháu thấy không, đàn ông họ làm việc giỏi đối với những gì tổng quát và trật tự, trong khi đàn bà con gái chúng mình chuyên về chi tiết tẻ mỹ, phức tạp, không cần trật tự. Về hình dáng, chúng ta còn một điểm rất quan trọng, đó là tiếng cười. Cô luôn cười vui, tiếng cười của cô khá kích thích và cởi mở. Mỗi lần cô cười, chú Bảo của cháu trở nên sung sướng hơn, hăng hái hơn, cũng như quên ngay tất cả buồn lo. Sương ạ, hôm nay nói chuyện như thế đủ rồi. Cháu chịu khó tới chơi với cô, cô sẽ nói cho cháu nghe hết những điều cần có để

bảo đảm hạnh phúc lứa đôi, về phương diện tính tình, sức khỏe và tài năng. Thôi nhé, chào cháu.

Hai hôm sau, sáng thứ Bảy, Sương mò tới nhà Loan. Hai cô cháu ngồi trong phòng khách nói chuyện. Loan hỏi người cháu gái, con của ông anh thứ hai của nàng:

- Cháu muốn cô nói về đề tài nào trước?

Sương uống một ngụm nước ngọt, đặt ly xuống bàn, nói:

- Cô cho cháu biết những điểm hấp dẫn về tính tình của cô, khiến chú Bảo thương yêu cô mãi như thế này.

Loan gật gù:

- Chú Bảo rất hài lòng thấy cô cẩn thận, kỹ lưỡng mỗi khi làm một việc gì dù lớn dù nhỏ; tất cả mọi việc trong nhà đều được cô sắp xếp khéo léo, tinh vi.

Bảo từ nhà trong đi ra, nghe được câu chót của Loan. Chàng mỉm cười, nói:

- Em làm việc giỏi. Đúng. Nhưng có hai điều luôn luôn làm anh lo ngại.

Sương đứng lên cúi đầu:

- Chú ạ. Thừa chú, chú lo ngại hai việc gì cơ ạ?

Bảo nhìn vợ, dò hỏi. Loan khẽ nhún vai, nói với chồng bằng giọng nhõng nhẽo:

- Em cho phép anh nói đấy. Người nhà mà, sợ gì.

Bảo vẫn đứng bên tủ TV. Chàng cất tiếng thật nhẹ nhàng:

- Thứ nhất, cô Loan của cháu hay quên chỗ để đồ. Lý do là, lâu lâu cô dọn lại đồ trong nhà. Những thứ đã có chỗ của chúng từ nhiều năm, cô mang để chỗ khác. Sau một vài tuần lễ, khi cần đến, cả cô lẫn chú đều phải tìm dãi cổ ra mới thấy. Thứ hai, cô Loan hay vứt bỏ đồ, nhất là đồ của chú. Cháu cũng biết rằng chú có bốn phận sửa chữa hoặc chế biến các thứ lật vật dùng trong nhà, nên chú hay tích trữ các dụng cụ như mảnh ván, dây nhợ, giấy má, vân vân... Cô Loan thấy vướng mắt là thu lại rồi mang vứt vào thùng rác.

Loan chau miệng:

- Xếp lại đồ từ chỗ này qua chỗ kia là theo kỹ thuật tân tiến nhằm tiêu diệt thói quen lười biếng làm cuộc sống nhàm chán. Anh thấy ở các siêu thị, lâu lâu họ kê lại các quầy hàng, khiến cho khách hàng không chán và sự tiêu thụ gia tăng, kinh tế phát triển. Còn các đồ lặt vặt trong nhà không dùng tới cần phải vứt đi cho rộng chỗ, vừa thoáng khí vừa an toàn. Đồ của anh để tùm lum để bắt lửa nguy hiểm, hơn nữa để anh cất giữ đồ cũ là khuyến khích anh thiết tha với kỷ niệm...

Bảo cười xoa, nói như thuộc bài:

- Anh chỉ được quyền giữ kỷ niệm của em mà thôi. Còn bao nhiêu thứ khác là phải bỏ đi, quên đi. Phải không? Thôi, anh nhớ rồi. Đừng tiếp tục bàn tới kỷ niệm nữa, kéo bao nhiêu chuyện cũ sẽ bị lôi ra hết ở đây bây giờ.

Loan cười thật vui, chỉ sang chỗ ngồi bên cạnh:

- Thưởng cho anh được ngồi bên em một lúc, nghe hai cô cháu nói chuyện.

Sương nói nhỏ vào tai Loan :

- Về chuyện luyến ái giữa trai gái cũng như vợ chồng thì sao, thưa cô?

Loan mỉm cười, nói to:

- Cô sẽ đề cập tới chuyện đó sau. Bây giờ, cháu để cô nói tiếp. Bên cạnh việc nhà, có việc quản lý. Tính cô ghét vay mượn. Không có thì ráng chịu. Ai vay, thì cho, nếu có điều kiện. Về vấn đề quản lý, cô tính toán nhanh và đúng, nên giúp chú rất nhiều trong việc mua bán. Cô lại còn biết dành dụm tiền bạc một cách kín đáo, để khi cần là có sẵn.

Bảo xen vào:

- Chú rất chịu những tính đó.

Loan nắm tay chồng, nói tiếp:

- Khi cô chú còn trẻ, mới yêu nhau, rồi lấy nhau, cô hay cười nhưng ít nói. Khi chú có lỗi, kể cả việc có mèo, cô cũng bỏ qua.

Đến đây, Bảo cười hóm hỉnh:

- Nhưng khi lớn tuổi, cô của Sương không những vẫn hay cười mà còn hay nói, nhất là sau khi sang ở bên thế giới tự do của Tây phương này! Hôm nọ,

trong bữa tiệc gia đình, chú có đặt vấn đề này với các bác và anh chị em họ của chú. Bác Thụ của chú nhận định rằng phụ nữ sang bên xứ Âu Mỹ được giải phóng, nên nói nhiều vì biết nhiều ! Đời xưa, cô Loan không bắt lỗi chú. Bây giờ, càng ngày cô càng nhớ lại chuyện cũ, hơi týt là giận dỗi, nổi cơn ghen với những người quen cũ của chú mặc dầu họ ở cách cô chú cả chục ngàn cây số!

Loan lờm yêu chồng:

- Ngày xưa, bạn nuôi con cái, em quên khuấy đi. Bây giờ rảnh rỗi, tự nhiên em thấy những chuyện ấy cứ hiện ra rõ mồn một trước mắt em. Hơn nữa, cái con Tuyết-Mai bây giờ độc thân, vì chồng nó chết sáu bảy năm nay, cứ làm thơ đăng trên báo để quên anh. Không bực mình làm sao được!

Bảo gơ tay cản, miệng nói liến thoắng:

- Bỏ chuyện đó đi, em. Anh không có gì đâu. Nay, em còn quên hai chi tiết nữa.

Loan mở to cặp mắt nhưng:

- Chi tiết nào thế anh?

- Những nhẽo muôn thủa, và chọn hình một phía!

Sương tỏ ý không hiểu:

- Chú nói rõ cho cháu biết với.

- Từ lúc còn trẻ đến giờ, cô Loan của cháu hay nhõng nhẽo lắm, nhất là khi cô hơi đau một tí. Chú còn nhớ, khi mới lấy nhau, chú có lại nhà bà nội của cháu, tức là mẹ vợ của chú. Chú nói với bà rằng chú lo quá vì cô Loan kêu đau bụng, đau lưng, đau chân, đau tay, đau khắp người, đau nhiều lắm. Bà nội cháu cười rộ lên nói: "Cô Loan là hay làm nũng lắm đấy. Đau ít, nói đau nhiều làm người ta lo sợ. Anh phải coi chừng, sẽ còn bị nhiều lần cho mà xem!" Tuy vậy, chú vẫn luôn luôn lo sợ trong mấy chục năm nay ! Đó là một chuyện. Chuyện thứ nhì là, mỗi khi cần chọn một tấm hình để tặng ai, cô Loan chọn tấm nào cô trông đẹp nhất, dĩ nhiên. Phải cái là thường thường tấm hình nào cô trông đẹp, thì chú lại xấu hổ: khi thì bóng lá cây loang lổ trên mặt, khi thì *cravate* bị đeo lệch, khi thì miệng cười nhiều bóng tối, trông như có hàm răng đen!

Loan cười khúc khích:

- Hình em đẹp được rồi. Đàn ông cần gì đẹp. Còn em không nhẽo như vậy có làm anh bức bối không? Nói thật đi.

Bảo vội trả lời, mặt thật tươi tỉnh:

- Anh thích em không nhẽo *lắm lắm!*

Loan đập tay vào vai chồng :

- Một chữ "*lắm*" đủ rồi. Hai chữ "*lắm lắm*" có vẻ tiểu lâm quá à!

Bảo vội giơ một ngón tay lên. Có tiếng chuông cửa. Bảo đứng lên, ra mở. Bác Thụ gái bước vào. Bảo chào:

- Bác ạ. Mời bác vào phòng khách. Nhà cháu đang nói chuyện với cháu Sương.

Loan và Sương đứng lên chào bà bác của Bảo. Bác Thụ gái cười nói:

- Bác sang rủ chị Bảo đi dạo vài vòng hồ, nói chuyện cho vui.

Loan vui vẻ đáp:

- Vâng ạ. Cháu mặc sẵn quần áo. Mình có thể đi ngay. Có cả cháu Sương đi cùng, bác ạ. Anh ở nhà làm gì thì làm. Chờ em về ăn cơm, rồi mình đi Paris xem *ciné* anh nhé.

- Được, em và Sương cứ đi dạo với bác Thụ đi. Bác ạ.

Để Bảo ở nhà một mình, Loan và Sương cùng bà bác đi bộ ra ngoài bờ hồ gần nhà. Vừa đi họ vừa tiếp câu chuyện đang dở dang. Bác gái Thụ cũng thích đề tài đó, nên cả ba ríu rít nói chuyện rất vui. Loan nói:

- Đàn ông con trai cũng thường chú ý đến sức khỏe của chúng ta lắm, phải không bác?

- Đúng đấy, chị Bảo ạ.

- Nhờ thừa bé hay bơi lội và leo trèo cũng như bây giờ chăm tập thể dục, thân thể cháu lúc nào cũng cứng cáp, dai sức, đi bộ giỏi.

Bà bác nói thêm:

- Có điều là đàn bà hơi dễ té ngã, ta nên cẩn thận khi bước đi trên mặt đường ướt nước. Ngã

trước mặt "bò" là "quê" lắm, và lúc lớn tuổi có thể bị giập hoặc gãy xương thì khôn đấy.

Sương hỏi:

- Thừa bà, thừa cô, về sức khỏe ta cần luyện đức tính nào ạ?

Loan nhanh miệng trả lời:

- Cô may mắn thừa bé được bố mẹ cho dùng các loại cao thiên-môn (một loại rễ cây) và cao ban-long (sừng hươu), nên từ khi lớn lên cho đến bây giờ cô ít bị đau ốm. Nếu có đau ốm thì cũng chóng khỏi. Cô được cái là giỏi chịu đau đớn trong khi sanh đẻ. Nhờ theo học lớp sanh đẻ, và cũng do tự ái riêng, cô biết nhịn đau, không kêu la khi nằm trên bàn đẻ. Chú Bảo đôi khi đứng bên ngoài phòng đẻ phải lấy làm lạ vì không nghe tiếng cô kêu ở bên trong.

Bà bác cười nói:

- Bác thấy anh Bảo nói rằng chị Bảo hay quên kính và không nhớ giờ phải uống thuốc mỗi khi đau ốm, phải không?

Loan giơ tay như muốn cản chồng không cho trả lời, miệng nói:

- Thừa bác, điều đó không đúng một trăm phần trăm. Nhiều khi cháu giả vờ quên, để nhà cháu phải đi kiếm cho có việc. Còn giờ uống thuốc, vì nhà cháu thường tự hào là cẩn thận, nên cháu luôn luôn nhờ anh ấy nhớ giờ cho cháu uống thuốc, cũng để xem anh ấy còn lo lắng cho cháu như hồi mới lấy nhau hay không.

Ba người bước đi trong yên lặng. Sương chợt nhớ ra một điều, vội hỏi:

- Thừa bà, thừa cô. Vấn đề ăn uống có quan trọng trong cuộc sống lứa đôi không ạ?

Bà bác nói :

- Tốt nhất là mình tập ăn uống thoải mái, kín đáo. Nếu chưa nghiệm thuốc lá, càng hay.

Loan nói thêm:

- Khi ăn, nên có ý nhường cho bạn trai, cho chồng cho con. Khi mình có tật nào về ăn uống, nên cố tránh khi có mặt mọi người. Cô có tật ăn ớt

bị nấc, và thích ăn mặn. Rất ít khi nào cô ăn ớt khi dùng cơm chung. Biết tính chú thích ăn nhạt, cô để ý nấu thức ăn cho vừa miệng. Ai ăn mặn thì cho thêm nước mắm.

Loan chớp mắt suy nghĩ, rồi nói tiếp:

- Điểm chốt, theo ý cô, là vấn đề tài năng của đàn bà con gái. Đàn ông con trai cũng hay chú ý đến chi tiết này lắm. Trước hết là *tư tưởng*. Mình phải tập nhớ dai, nhưng làm ra vẻ hay quên, để kiểm soát hành vi của đàn ông. Nếu Trời cho mình một vài năng khiếu nào đó, thì nên trau dồi cho càng ngày càng tốt hơn. Cô biết làm thơ, viết văn từ thuở bé. Bây giờ, cô luôn luôn đọc sách báo, xem TV, giao thiệp với bạn bè. Nhờ vậy, cô và chú sống những ngày về hưu thật hứng thú bằng cách trao đổi văn thơ với nhau.

Bà bác nói:

- Chị Bảo nấu ăn khéo và ngon lắm. Bác trai thích mấy món anh chị mang biếu hai bác như giả cầy, bánh khúc, bánh bao, và bánh cuốn nhân tôm thịt.

Loan mỉm cười:

- Thưa bác, về bếp núc, anh Bảo của cháu mặc dù không mấy thích nhưng cũng chiều theo hai thói quen của cháu. Thứ nhất là việc *đi chợ*. Cháu chọn đồ lâu và kỹ. Thêm vào đó, cháu đi nhiều chợ trong một buổi. Khi anh ấy rên, cháu giải thích rằng làm như thế, đồ mua vừa rẻ vừa ngon vừa đầy đủ. Thứ hai là mỗi khi *làm bếp*, cháu sử dụng rất nhiều nồi niêu, xoong chảo, đũa, thìa, dao. Cháu không ưa dùng lại một dụng cụ nấu bếp cho nhiều món khác nhau, vừa không tinh khiết, vừa lỉnh kỉnh. Cháu lại không thích dùng máy rửa chén, vì sợ máy làm không kỹ. Nên thỉnh thoảng, muốn nhờ anh ấy rửa hộ chén là cháu phải thanh toán trước số nồi niêu công kênh, chỉ cho anh ấy rửa chén mà thôi.

Sương chớp chớp cặp mi đen dài cong như chột nhờ ra điều gì. Nàng nắm tay Loan, nói nhanh:

- Cháu xin ngắt lời cô và bà. Hôm nọ cô bảo sẽ cho cháu biết những điều cần thiết về chuyện

luyện ái. Hôm nay, sẵn có mặt bà Thụ, xin cô nói cho cháu biết đi.

Nhìn vào đôi mắt nhưng của người cháu có khuôn mặt yêu kiều với nhiều nét giống nàng, Loan thông thả nói:

- Qua nhiều sách báo phim ảnh năm châu, kể cả sự chỉ dẫn trong Kinh Dịch của Khổng Tử cách nay hơn hai ngàn năm, cô và chú Bảo rút ra kinh nghiệm sau đây: *Mỗi cặp uyên ương yêu nhau chân thành tự mình khám phá ra những bí mật của thể xác nhau để hiến nhau những giây phút thần tiên mà chỉ hai người đó mới cảm nhận được mà thôi. Không một phương pháp hoặc nguyên tắc chung nào có thể làm khuôn vàng thước ngọc cho vấn đề phòng the được cháu ạ.*

Bà Thụ gật gù:

- Đúng vậy. Bác hoàn toàn đồng ý với chị Bảo.

Sương nhìn Loan và bà Thụ bằng ánh mắt biết ơn:

- Cháu hiểu ý của cô và bà. Trở về chuyện *máy móc*. Không biết lái xe hơi có phải là một khuyết điểm không, thưa bà, thưa cô?

Loan lắc đầu:

- Không, cháu ạ. Đàn ông họ cạy lái xe giỏi, để cho họ lái. Mình sử dụng ưu điểm của mình, là *chỉ đường*. Chú Bảo của cháu lái giỏi, nhưng rất cần cô bên cạnh để canh chừng xe từ bên phải qua cho chú, và nhất là chỉ đường khi chú lái tới những nơi lạ. Được ngồi không, nên cô *nhớ hướng* hơn chú, vì vậy ít đi lạc. Có thể đàn bà cần phải tự lái xe ở bên Mỹ hoặc Canada chẳng hạn, vì ở những xứ đó đường xa đất rộng, đời sống vội vã. Còn ở Âu châu đất hẹp, hệ thống giao thông rất tiện lợi, nên đàn bà không cần thiết lái xe.

Bà bác nói thêm:

- Về *máy móc* dùng trong nhà, các ông ấy thường hãnh diện là giỏi hơn bọn mình.

Loan nói nhanh:

- Thưa bác, điều đó đúng. Mình cũng nên đề cao ưu điểm đó, vừa làm hài lòng các ông, vừa đỡ phải bận bịu vì chuyện *máy móc*, bác ạ.

Quay nhìn Sương, Loan kết luận:

- Đó là những gì cô biết để truyền lại cho cháu. Cháu cố ghi nhận mà thực hành, chắc chắn cháu sẽ tìm được người yêu chọn lấy làm chồng, ở với nhau suốt đời, như hai bác Thụ, và như cô với chú Bảo của cháu. Tất cả bí quyết duy trì hạnh phúc lứa đôi được tóm tắt như sau: "*Dùng để cho bạn trai hoặc chồng của mình quá yên ấm trong cuộc sống chung, mà phải luôn luôn sử dụng sự mâu thuẫn phong phú của phái nữ, để làm cho cuộc*

*sống đó được liên tục hoạt náo, với đủ bảy thứ tình cảm : sướng, khổ, buồn, vui, giận, ghét, muốn, trong đó phải kể yêu và ghen.*" Cháu nhớ lấy những lời của bà bác và của cô mà áp dụng vào đời sống lứa đôi của riêng cháu, Sương nhé!

Đồng Tác Giả BÌNH HUYỀN

(Paris)

## Lối Rẽ Xuân Xanh

Lối đi xanh ngắt chuỗi ngày thơ,  
Mi non chưa vướng mộng và mơ,  
Trường thân, bạn mến, nhà yêu dấu,  
Làm vốn cho tôi tuổi dại khờ.

Lối đi nhí nhảnh hát cười thoi,  
Đùa giỡn ven sông, cạnh núi đồi,  
Mềm vương áo tắm choàng da ẩm,  
(Chết đuối anh nào thấy được tôi !)

Lối đi thơm ngát giữa ngàn hoa,  
Đón chào kiều nữ gió hoan ca,  
Mượt đen sợi tóc bay tha thướt,  
Mắt liếc chìm tia nắng nhạt nhòa.

Lối đi linh hướng thật huyền siêu,  
Dẫn dắt cho tôi học biết nhiều  
Về Chân, Thiện, Mỹ nơi Thượng-Đế,  
Nên ngại duyên tình, chẳng thiết yêu.

Lối đi gieo rắc nhạc và thơ,  
Cuốn bước tôi đi đến chỗ chờ.  
Trời thương, bạn quý, người mê đắm,  
Vây lại, mà tôi chỉ hững hờ.

Lối đi lưu luyến chẳng rời chân,  
Tôi với người yêu sát lại gần  
Điểm hẹn giao thoa, giờ đã định,  
Tình ái lên ngôi có một lần.

Lối đi đoạn rẽ của đời tôi,  
Tri kỷ ngàn năm đã gặp rồi,  
Mang cả con tim mà nhốt lại  
Trong lồng son để sống chung đôi.

Đồng Tác Giả

*Bình Huyền*

(Paris)



# NÉT ĐẸP CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ VIỆT NAM XƯA QUA CA ĐẠO

gs. Phạm Thị Nhung

## KỶ I

Theo huyền sử, Vào thời thượng cổ, khoảng năm ngàn năm trước đây, dân Lạc Việt giống Bách Việt, tổ tiên chúng ta, đã khởi nghiệp tại vùng hồ Iộng lĩnh (thuộc lưu vực miền nam sông Dương Tử); rồi sau hàng ngàn năm tranh đấu quyết liệt, đã vượt thoát được bao cuộc xâm lăng diệt chủng ghê gớm của Hoa tộc mà lui dần xuống phương nam, lập được một vương quốc trên đồng bằng sông Hồng, lấy tên nước là Văn Lang (nghĩa là nước của những người có văn hóa hay của những người có tục vẽ mình), do các vua Hùng, họ Hồng Bàng trị vì.

Tiếp nối các đời vua Hùng là triều đại nhà Thục, rồi nhà Triệu.

Từ năm 111 trước TL, nhà Đông Hán đem quân sang xâm chiếm nước ta. Trong lúc toàn dân đang khốn khổ, tuyệt vọng dưới ách cai trị hà khắc của người Trung Hoa, thì ở huyện Mê Linh, hai chị em bà Trưng Trưng Nhị nổi dậy, đánh đuổi đạo quân tham tàn bạo ngược của Thái thú Tô Định, mà giành lại độc lập tự do cho nước nhà (năm 40 của thế kỷ thứ nhất).

Từ khi các vua Hùng lập quốc, từ khi lịch sử được ghi chép thành văn đến nay, thì cuộc khởi nghĩa của hai vua Bà họ Trưng, đã mở đầu cho những trang sử vẻ vang của dân tộc .

Riêng về nữ giới , đã có lắm bậc anh thư cân quắc, noi gương Hai Bà, lập được nhiều sự nghiệp hiển hách. Như:

Về võ bị, ta có những vị nữ tướng kiệt liệt Liên Nương, Lê Chân, Bát Nàn... đã giúp Hai Bà thoát được nhiều thành trì trong tay giặc Hán; rồi một Bà Vương Triệu Thị Trinh, muốn “Đạp luồng sóng dữ, chém cá kình ở biển đông, quét sạch quân thù ra khỏi bờ cõi”, đã làm cho quân Đông Ngô phải khiếp đảm; một Đô đốc Bùi Thị Xuân, vị nữ tướng lừng danh chiến đấu dũng cảm của nhà Tây Sơn; lại đến Cô Giang Cô Bắc, từng một thời gây trở ngại cho quân xâm lăng Pháp... đã phản ánh khí phách hào hùng bất khuất của nòi giống, và nêu cao truyền thống “Giặc đến nhà, đàn bà phải đánh” của gái Việt.

Về chính trị, ta có một Ỗ Lan Phu Nhân, Nguyên Phi của vua Lý Thánh Tông, nổi tiếng kinh sử lầu thông, nhiếp chính lỗi lạc. Bà thay chồng điều khiển quốc gia đại sự trong thời gian nhà vua bận chinh chiến miền Nam; sau lại giúp con là ấu vương Lý Nhân Tông giám quốc triều đình. Bà đã thực hiện được nhiều cải cách về chính sự dân sinh, làm cho quốc thái dân an.

Về văn học, ta có một học giả uyên bác Trịnh thị Ngọc Trúc, con gái chúa Trịnh Tráng, soạn giả cuốn Chỉ Nam Ngọc Âm Giải Nghĩa, một cuốn tự điển bách khoa song ngữ Hán Nôm, diễn giải bằng văn vần, rất đồ sộ; đã góp phần chấn hưng văn hoá và xây dựng nền văn học nước nhà. Một Nguyễn Ngọc Toàn, hiếu học và thông tuệ khác thường, đã giả trai đi học, đi thi đậu tới trạng nguyên; từng được lập làm Hoàng Phi thời vua Mạc Mậu Hợp, phong tước Thi Tần thời chúa

Trịnh Tùng, sau giữ chức Lễ Sư thời chúa Trịnh Tráng, để coi việc dạy dỗ trong vương phủ và cả trong cung vua Lê.

Về thi phú, ta có một Đoàn Thị Điểm tài hoa, mẫn tiệp; một Bà Huyện Thanh Quan hoài cổ, trang trọng; một Hồ Xuân Hương phóng túng, dí dỏm; một Ngọc Hân công chúa lâm ly, nã nuột v.v... đã làm phong phú thêm nhiều cho kho tàng văn học nước nhà.

Song ngoài những vị anh thư, kỳ nữ nổi bật ấy, còn biết bao người phụ nữ Việt Nam khác chỉ sống lặng lẽ nơi xóm làng, an vui với bốn phận tề gia, nội trợ của người vợ đảm, mẹ hiền... Vậy muốn biết tường tận về họ, chúng ta phải tìm đến ca dao, dân ca trữ tình, là hai nguồn tài liệu dồi dào nhất về nữ giới, trong kho tàng văn chương bình dân truyền khẩu từ ngàn xưa của dân tộc. Tuy nhiên, đây chỉ là những câu ca lời hát ngắn ngủi, ý tứ tản mạn; do đó, chúng tôi đã phải dàn dựng thành cảnh ngộ, sắp xếp nên lớp lang, sao cho diễn tiến hợp tình hợp lý; có thể mới mong phát hiện ra được những nét đẹp từ hình thức đến tinh thần của những người phụ nữ Việt Nam này, qua các khía cạnh quan trọng của đời người: Chân dung, Tình yêu nam nữ, và Bốn phận đối với gia đình..

## CHÂN DUNG NGƯỜI THIẾU NỮ VIỆT NAM XƯA

### 1. NHAN SẮC

Thời con gái, người thiếu nữ VN sống êm đềm hạnh phúc bên gối cha mẹ để chờ ngày xuất giá vu quy. Nàng được cha mẹ chăm những yêu thương chiều chuộng, mà còn hết lòng khuyên răn dạy bảo về tứ đức Công Dung Ngôn Hạnh, để trở thành một mẫu phụ nữ hoàn toàn, một ước mơ của các chàng trai thế hệ:

*Phận gái tứ đức vẹn tuyền*

*Công dung ngôn hạnh là tiên phạm trần!*

Riêng về chữ dung, lợi điểm đầu tiên của người thiếu nữ là nhan sắc trời cho. Chính nhờ có nhan

sắc, nàng được nhiều chàng thanh niên yêu thương, tơ tưởng:

*Vì cam cho quít đèo bông*

*Vì em nhan sắc cho lòng nhớ thương*

Hay tiến xa hơn nữa:

*Vào vườn hái quả cau non*

*Anh thấy em giòn muốn kết nhân duyên.*

Mỗi người thiếu nữ đều có một cái duyên, một hấp lực riêng để lôi cuốn người khác phái, như ca dao đã từng truyền tụng:

Có nàng đẹp nhờ mái tóc rậm dài óng ả, và đôi chân mày cong vòng như viền trắng non:

*Chân mày vòng nguyệt có duyên*

*Tóc mây gợn sóng đẹp duyên tơ hồng.*

Hay có cặp lông mày thanh mảnh như lá liễu và khuôn mặt thon dài như dáng lá râm:

*Những người con mắt lá râm*

*Lông mày lá liễu đáng trăm quan tiền.*

Có nàng đẹp nhờ hai con mắt to tròn đen láy, trông hiền lành, ngây thơ như mắt chim bồ câu:

*Cổ tay em trắng như thể gương tàu*

*Đôi mắt bồ câu làm cho phải khổ.*

Hay sáng ngời, lấp lánh như ánh sao khuya:

*Nhấp nhánh là nhấp nhánh ơi*

*Mắt người lấp lánh như sao trên trời*

*Nhớ người lấm lấm người ơi!*

Có nàng lại đẹp nhờ hai má có hai lúm đồng tiền, mỗi khi nói nói, cười cười tạo nên một cái duyên dễ thương lạ thường:

*Hai má có hai đồng tiền*

*Càng nom càng đẹp, càng nhìn càng ưa.*

Hay vì có nước da trắng nõn, đôi gò má đỏ au, đôi môi hồng đào, khiến nét mặt trở nên tươi thắm vô ngần, nhiều cậu vừa thoáng thấy đã phải để ý, rồi đem lòng trộm dấu, thầm yêu:

*Ai xui má đỏ, môi hồng*

*Để anh nhắc thấy đem lòng thương yêu.*

và:

*Nước trong ai chẳng rửa chân*

*Cái má trắng ngần ai chẳng muốn hôn.*

Sau nữa phải kể tới vóc dáng. Có người con gái đẹp nhờ thân hình thon thả, thanh tú:

*Người thanh tiếng nói cũng thanh*

*Chuông kêu khẽ đánh bên thành cũng kêu.*

Người thanh không phải là người gầy, vì người đẹp phải là người có da, có thịt, cổ tay phải tròn lẳn, mềm mại kia:

*Cổ tay em trắng lại tròn*

.....

*Gối chẵn gối chiếu không êm*

*Gối lụa không mềm bằng gối tay em.*

Hơn thế, người đẹp còn phải có eo thon. Ai bảo người xưa không quan tâm tới sự cân đối và những đường nét yêu kiều về vóc dáng của phái nữ?

*Những người thắt đáy lưng ong*

*Vừa khéo chiều chồng, lại khéo nuôi con.*

Cho hay, người đẹp như thế thì đứng đâu mà chả đẹp:

*Trúc xinh trúc mọc đầu đình*

*Em xinh em đứng một mình cũng xinh*

*Trúc xinh trúc mọc bờ ao*

*Em xinh em đứng chỗ nào cũng xinh!*

Đã vậy, theo bản tính tự nhiên, người thiếu nữ VN xưa cũng thích làm dáng, tô điểm thêm cho vẻ đẹp sẵn có của mình. Nàng được bác mẹ dạy “cái răng cái tóc, một góc con người”, và “Đàn bà tốt tóc thì sang” nên hằng cố gắng trau chuốt. Mà muốn:

*Tốt tóc thì cỏ mần trâu*

*Sạch ghét sạch gâu bồ kết với chanh.*

Áp dụng phương cách ấy, nàng đã tạo được cho mình một mái tóc rậm dài tha thướt, làm cho bao chàng phải trầm trồ:

Anh đi khắp bốn phương trời

*Chẳng đâu lịch sự bằng người ở đây.*

*Gặp em má đỏ hây hây*

*Răng đen nhưng nhúc, tóc mây rườm rà.*

Nàng cũng biết giắt hoa trên đầu để ướp hương cho tóc và làm cho suối tóc thêm vẻ mỹ miều:

*Tóc em dài em cài bông hoa lý*

*Miệng em cười có ý anh thương.*

Có nàng thả suối tóc buông lơis trước gió khiến lấm chàng phải xao xuyến, mê mê:

*Tóc đến lưng vừa chùng em búi*

*Để chi dài bối rối dạ anh.*

Còn đây là nụ cười, ai cũng biết nụ cười, khoe mắt la hai yếu tố tạo nên vẻ linh động, duyên dáng nhất trên khuôn mặt người đàn bà. Thế nên, ngay khi vừa tới tuổi dậy thì, người thiếu nữ đã sớm biết tạo cho mình một nụ cười duyên:

*Trăng rằm mười sáu trăng nghiêng*

*Thương ai chúm chím cười duyên một mình.*

Và lạ chưa, vừa nhìn qua nụ cười, người ta đã đoán ngay nàng là gái chưa chồng:

*Răng đen nhưng nhúc hạt dưa*

*Miệng cười tùm tùm như chuta có chồng.*

Cũng vì được dạy rằng, người ngoài sẽ đánh giá sự giáo dục gia đình, và đoán biết được tình ý của mình qua nụ cười nên nàng rất giữ ý tứ. Người con gái có ý tứ không được cười toét miệng hoặc cười thành tiếng, mà chỉ cười nụ, chúm chím đầu môi như nụ hoa ngâu nhỏ xíu, khum khum hàm tiếu:

*Nụ cười như thể hoa ngâu*

*Cái khăn đội đầu như thể hoa sen.*

Nụ cười có ý tứ ấy, chẳng những dễ gây được thiện cảm với các chàng trai ngay trong buổi đầu gặp gỡ, mà còn có khả năng lưu lại tình quyến luyến lâu dài trong ký ức của họ:

*Nhớ khi khăn mở trầu trao*

*Miệng thì cười nụ biết bao nhiêu tình.*

Nếu không chúm chím thì đôi môi cũng chỉ được hé mở, tạo cho người con gái một vẻ đẹp tươi tắn, rục rờ:

*Ngó lên lỗ miệng em cười*

*Như búp hoa nở, như mặt trời mới lên.*

Nụ cười tươi ấy đã khiến bao chàng trai sau cuộc vui ra về còn ôm mãi mối tương tư:

*Mình về mình nhớ ta chẳng*

*Ta về ta nhớ hàm răng mình cười.*

Nàng còn biết làm đóm thêm bằng miếng trầu cho đỏ cặp môi, bằng hợp rượu cho hồng đôi má:

*Có trầu cho miếng đỏ môi*

*Có rượu cho chén thêm tươi má hồng.*

Và cuối cùng là con mắt, người đông phương chúng ta không cần phải đọc sách Tây phương mới biết “Con mắt là cửa sổ của linh hồn”. Chẳng thế, các cụ ta xưa đã biết nhìn vào mắt nhau để đoán biết tình ý. Sau giây phút thăm dò “Mắt anh anh liếc, mắt nàng nàng đưa”, một khi đã chịu ai rồi thì từ đấy người con trai mới bắt đầu mơ mộng, thôi thì thương ai từ cái tóc thương đi:

*Một thương tóc bỏ đuôi gà*

*Hai thương ăn nói mặn mà có duyên*

*Ba thương má lúm đồng tiền*

*Bốn thương răng nhánh hạt huyền kém thua*

*Năm thương cổ yếm đeo bùa*

*Sáu thương nón thượng quai tua dịu dàng*

*Bảy thương nét ở khôn ngoan*

*Tám thương ăn nói lại càng thêm xinh.*

Chàng thương hơn nữa vì nàng còn sống độc thân, chàng mới được phép ước ao, hy vọng. Nhưng còn một điểm tối hậu, quyết định cả số mệnh cuộc tình của chàng?... Thì đây, chàng đã bắt được tín hiệu “con mắt có tình”, ngầm cho phép tiến tới của nàng. Ôi ! thương biết mấy “con mắt có tình với ai” kia:

*Chín thương cô ở một mình*

*Mười thương con mắt có tình với ai.*

Bên cạnh sắc đẹp về dung mạo, vóc dáng, y trang cũng giúp cho người phụ nữ thêm phần lộng lẫy. Trong bộ y phục của người phụ nữ VN xưa, cái yếm che ngực lại được để ý hơn cả. Nó được để lộ ra sau lớp áo cánh xẻ nách, có cổ thìa mở trễ xuống gần lũng ngực, và tấm áo dài không

gài nút. Cả hai đều màu nhã, do đó, nàng thường cố tình chọn màu yếm cho thật nổi:

*Khi thì yếm trắng tinh :*

*Hồi cô yếm trắng lòa lòa*

*Yếm nhiều, yếm vóc hay là trúc bầu*

*Hay là lụa bạch bên Tàu*

*Người cắt cũng khéo, người khâu cũng tài.*

*Khi thì yếm đào:*

*Hồi cô yếm đào láy chú tôi chẳng?*

Khi lại yếm thắm. Và bao giờ nàng cũng thắt thêm chiếc thắt lưng khác với màu yếm, nhưng thường là màu xanh hoa lý cho tăng thêm phần diêm dúa:

*Hồi cô yếm thắm, bao xanh*

*Có về Gia Định với anh thì về.*

Ngày xưa, người đàn bà bước chân ra khỏi cửa là phải mặc áo dài. Các nàng mặc áo dài tứ thân (áo phía sau nối suốt dọc sống kể là hai thân, áo phía trước có hai vạt rời dài bằng nhau, không gài nút mà buộc chéo trước bụng rồi thả thõng xuống), Nhiều nàng vì phải gánh gồng buôn bán, vai áo chóng rách ; để khỏi phải bỏ phí cả áo, người xưa tiết kiệm, chỉ thay nửa thân áo trên bằng loại vải có màu xẫm hoặc lạt hơn, gọi là áo vá vai hay vá quàng:

*Thương em thuở áo mới may*

*Bây giờ áo rách hai vai vá quàng.*

Áo vá quàng vì thêm màu sắc trông lại có duyên, nhiều nàng bắt chước, trở thành thời trang:

*Có chồng bớt áo thay vai*

*Bớt màu trang điểm kẻ trai nó lằm.*

Nếu là gái hàng phố thì nàng mặc áo năm thân, còn gọi là áo năm tà. Nàng thường mặc để đi chơi hay khi phải tiếp khách (vạt trước và vạt sau đều nối dọc ở giữa thành mỗi vạt kể là hai thân, lại thêm một vạt con để cài khuy):

*Vải nâu may áo, kìa áo năm tà*

*Ai may cho cô mình mặc*

*Xem hội cái đêm hôm rằm, rằm tháng giêng.*

Nàng còn biết vấn khéo vành khăn, cố tình để lộ đuôi tóc dài như đuôi gà, vắt vẻo trên đầu, lại phất phơ, đong đưa theo bước đi, trông rất gợi cảm. Lối bỏ tóc đuôi gà này cũng đã tạo nên cái mốt một thời; “Một thương tóc bỏ đuôi gà” là vậy.

Trời lạnh, trên đầu nàng chít khăn, khăn chít khum khum, ôm lấy khuôn mặt trẻ trung mơn mớn, khác nào như cánh hoa sen:

*Miệng cười như thể hoa ngâu  
Cái khăn đội đầu như thể hoa sen.*

Ra đường, nàng đội thêm chiếc nón xứ Nghệ, có nơi còn gọi là nón ba tầm hay nón thượng quai thao, để làm duyên hơn là để che mưa nắng; chẳng thế khi đi xem hội ban đêm nàng cũng đội:

*Chè tre đán nón – Kia nón ba tầm  
Anh cho em đội xem hội cái đêm hôm rằm,  
là rằm tháng giêng.*

Đây là một thứ nón mặt tròn, đường kính chừng 80cm, có bờ cao chừng 5 hay 6cm, quai nón có tua thao dài, buông thõng xuống hai bên:

*Cái nón ba tầm, quai thao mở vạt bịt bạc là nón  
ba tầm*

*Để cho em đội qua rằm tháng giêng.*

Nếu đi nhanh, hai tua thao sẽ quất vào mặt, nên khi đội nón này, nàng bắt buộc phải đi từng bước từ tốn khoan thai, tạo nên vẻ yếu điệu, dịu dàng. Khi gặp chàng trai nào có vẻ theo sát tán tỉnh, nàng thẹn thùng quá, vội nghiêng vành nón là các chàng phải khốn đốn mới nhìn được mặt người đẹp, mà cũng chỉ nhìn thoáng được thôi. Như thế, nón quai thao đã vô tình tạo thêm vẻ duyên dáng cho phụ nữ, khiến nhiều chàng đã phải chặc lưỡi:

*Ai làm cái nón có thao  
Để cho anh thấy cô nào cũng xinh !*

Tóm lại, quan niệm về nhan sắc người đẹp xưa qua những câu ca dao như vừa trình bày, chúng ta thấy, đại thể không khác quan niệm về người đẹp ngày nay bao nhiêu, cũng da trắng, mắt to, má đào, môi thắm và dáng hình thanh tú, yếu điệu...Trừ hàm răng đen và vóc dáng nhỏ nhắn

thì không còn hợp thời nữa. Riêng về y trang thì quá nhiều đổi thay. Dù thời đại nào, người phụ nữ cũng thích điểm trang và có ý ăn mặc diêm dúa cho tôn thêm cái nhan sắc sẵn có của mình ; nhưng người xưa một vừa hai phải thì thôi, còn ngày nay lại đua đòi, coi trọng quá lắm.

## 2. ĐỨC HẠNH

Ngoài vẻ đẹp hình thức, người thiếu nữ xưa còn đẹp trong ngôn ngữ, cử chỉ, nét ăn ở...

Điểm này phần lớn nhờ sự giáo dục mà có.

Với giọng nói thanh tao nhỏ nhẹ, với lời nói ôn hoà khiêm tốn, nàng dễ dàng gây cảm tình với người xung quanh:

*Chim khôn kêu tiếng rảnh rang  
Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe.*

Hơn nữa, lời nói mặn mà đôn hậu mới thực sự thấm sâu vào tình cảm của đối phương, khiến lời nói qua rồi mà âm hưởng vẫn còn dư vang mãi:

*Điếu đậu vườn thi, thả lụy vườn trâm  
Thương ai tiếng nói trăm năm vẫn còn.*

Trong bài “Mười thương”, nếu chúng ta để ý, chúng ta sẽ nhận thấy có hai lần nhắc đến giá trị lời ăn, cách nói của người đẹp:

*Hai thương ăn nói mặn mà có duyên  
Tám thương ăn nói lại càng thêm xinh.*

Và ở bất cứ trường hợp nào, người thiếu nữ cũng tỏ ra lễ phép dịu dàng, khiến dù bị từ chối, đối phương cũng khó lòng mà hờn giận:

*Thưa rằng bác mẹ tôi răn  
Làm thân con gái chớ ăn trâu người.*

Nàng không chỉ là một thiếu nữ nét na thùy mị khi tiếp xúc với mọi người xung quanh, mà còn là người con rất mực hiếu thảo trong gia đình. Vì ý thức rằng:

*Mẹ cha trượng quá ngọc vàng  
Đền bồi sao xiết muôn vàn công ơn.*

Và

*Ơn cha nặng lắm ai ơi  
Nghĩa mẹ bằng trời chín tháng cưu mang.*

nên nàng một lòng giữ đạo làm con, luôn luôn kính yêu và vâng lời song thân:

*Mẹ cha là biển là trời  
Nói sao hay vậy, đâu dám cãi lời mẹ cha.*

Nghĩ đến một ngày mai phải dứt áo theo chồng, nàng xót cha, thương mẹ ở nhà không người đỡ đần:

*Xiết bao bú mớm bù trì  
Đến khi con lớn con đi lấy chồng  
Có con đỡ gánh, đỡ gồng  
Con đi lấy chồng vai gánh, tay mang.*

Nói chi tới nông nổi phải lấy chồng xa:

*Mẹ mong gả thiệp về vườn  
Thiếp lo một nỗi đường trường xa xôi.*

Nàng lo là khi cha mẹ đến tuổi già yếu ốm đau, biết lấy ai thay nàng săn sóc hầu hạ:

*Chim đa đa đậu nhánh đa đa  
Chồng gần không lấy mà lấy chồng xa  
Mai sau cha yếu mẹ già*

*Bát cơm ai đỡ, chén trà ai dâng ?*

Thế nên, hiện giờ còn được chung sống với mẹ cha, nàng hết lòng phụng dưỡng.

Nàng chăm mẹ từ món ăn ngon hợp khẩu vị:

*Ba tiền một khúc cá buôi  
Cũng mua choặng mà nuôi mẹ già.*

Nàng chiều cha từ miếng trầu tèm công phu mỹ thuật:

*Cau non khéo bỏ cũng dây  
Trầu tèm cánh phượng để thầy ăn đêm.*

Cảnh nhà gặp lúc túng thiếu, nàng vui vẻ nhường cơm nuôi mẹ, âu cũng là chuyện tự nhiên:

*Đói lòng ăn đọt chà là  
Để cơm nuôi mẹ, mẹ già yếu răng.*

Đối với đàn em, nàng là một người chị hiền hòa, đầy lòng thương yêu đùm bọc. Nàng thay cha mẹ chăm sóc dạy dỗ các em:

*Nàng ru em khi còn thơ dại:  
Em tôi khát sữa bú tay  
Ai cho bú thép ngày rày mang ơn.*

Khi em đã đôi chút lớn khôn, đặc biệt là em trai, qua lời ru em hằng ngày, nàng đã biết sớm gieo rắc

vào tâm hồn thơ ngây non nớt ấy lời giáo huấn đầu tiên về ý niệm “Làm trai cho đáng nên trai” :

*Bồng bống bông  
Lớn lên em phải ra công học hành  
Sớm khuya cửa Khổng sân Trình  
Đốc lòng nấu sừ, sôi kinh cho rồi.  
Học là học đạo làm người  
Làm người phải giữ lễ trời dăm sai.  
Chớ dưng nay lại ngày mai  
Chớ dưng di dịch, chớ sai lòng vàng.*

Chẳng may gặp cảnh gia đình cô cút, nghèo khó, nàng còn đảm đang gánh vác công việc nặng nhọc như nuôi tằm, trồng dâu hay đi chợ bán buôn để lấy tiền nuôi mẹ, nuôi em:

*Chàng buông vật áo em ra  
Để em đi chợ kéo mà chợ trưa  
Chợ trưa rau nó héo đi  
Lấy chi nuôi mẹ, lấy gì nuôi em.*

Đối với người Á Châu nói chung, người VN ta nói riêng, cô nào có đầy đủ cả công dung ngôn hạnh như thế thì ai ai cũng quý chuộng, yêu vì:

*Thân em như tấm lụa điều  
Đã đông nơi chuộng lại nhiều nơi thương.*

Tuy nhiên, nếu phải đem so sánh giữa nhan sắc với đức hạnh, chúng ta hẳn thấy:

- Nhan sắc tuy có sức hấp dẫn, dễ gây được thiện cảm của tha nhân, nhất là tình yêu si mê của các chàng trai mới lớn ngay trong những buổi đầu tiếp xúc. Nhưng đức hạnh mới thực sự gìn giữ cho tình yêu ấy được bền vững và mới bảo đảm được hạnh phúc gia đình trong mai hậu. Vì thế, các cụ ta thường dạy “cái nết đánh chết cái đẹp”. Quả không sai:

*Tối gỗ hơn tốt nước sơn  
Xấu người đẹp nết, còn hơn đẹp người.*

( còn tiếp)

PHẠM THỊ NHUNG

(Paris)

# TRÁCH NGƯỜI ĐI...

Đồng Tác Giả

## BÌNH~HUYỀN

Paris Quận 17. Một buổi chiều ít nắng nhiều mây. Trong phòng Khánh Tiết thuộc Giáo Xứ Công Giáo Việt Nam tại Paris, khoảng bốn trăm người tụ họp sau buổi Lễ sáng Chủ Nhật 19 tháng 4 năm 2009 để chung vui Ngày Văn Hoá và Sinh Nhật thứ XIX Thư Viện Giáo Xứ. Cũng trong ngày vui này, người ta còn vinh danh nhạc sĩ Đan Trường. Ông sinh năm 1919 tại Bắc Giang, tên thật là Ngô Đức Vân Quỳnh, du học bên Pháp, từng tham gia Đệ Nhị Thế Chiến, rồi trở thành ký giả Đài Phát Thanh Pháp, và hiện sống ở vùng Bretagne, Pháp quốc, với người vợ Âu châu.



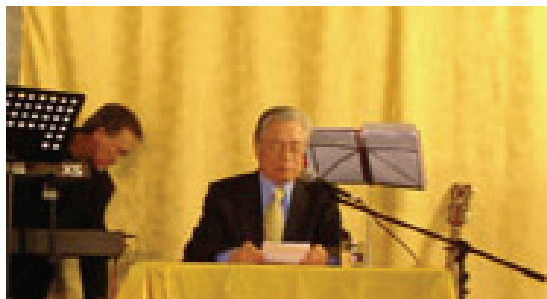
*Nhạc sĩ Đan Trường và phu nhân*

Chương trình bắt đầu bằng bài ca "Những Nẻo Đường Việt Nam" do nhóm Thư Viện đồng ca. Anh Trưởng nhóm Thư Viện chào mừng Hội Trưởng, và trình bày sinh hoạt Thư viện trong năm qua.

Luật gia Lê Đình Thông giới thiệu nhà văn Từ Nguyên lên thuyết trình về Tuần báo Công Giáo tiên khởi "Nam Kỳ Địa Phận" ra đời cách



*Bà Lan Phương – Nhà văn Hồ Trường An-Ký giả Huỳnh Tâm*



*Nhà văn Từ Nguyên*

nay một trăm năm với một ngàn tám trăm số báo xuất bản. Hồi đó, báo phát hành ngày Thứ Năm. Không chính trị, không chỉ trích cá nhân. Chứa đựng các bài về giáo dục, phong tục, phong hoá, kinh tế, thương mại, sử ký, tiểu thuyết, thuốc men, Truyện đời rất phong phú. Báo đưa các sự kiện để độc giả suy xét. Lối trình bày trang báo rất tân tiến : Báo chí xuất bản sau "Nam Kỳ Địa Phận" bảy chục năm cũng chỉ được như tờ báo này thôi. Ngay thời gian đầu, báo đã có khoảng hai ngàn độc giả

Ca sĩ Tuyết Dung lên cảm ơn Giáo Xứ, Văn Nghệ Sĩ cùng khán giả có mặt trong buổi sinh

hoạt này. Cô mời khán giả theo dõi trên màn ảnh tiểu sử của nhạc sĩ Đan Trường.

Sau đó, nhạc sĩ Đan Trường cầm vi-âm cho biết ông không nói gì hơn là chân thành cảm tạ Giáo Xứ và Hội Trường cùng Văn Nghệ Sĩ.



*Nhà văn Hồ Trường An*

Nhà văn Hồ Trường An, mặc dầu mới bị tai biến mạch não cách nay sáu tháng, liệt chân tay bên phải, ngồi xe lăn, hưởng về Hội Trường, và bằng giọng nói gần bình thường, ông nhắc tên mười nhạc bản do nhạc sĩ Đan Trường sáng tác : **Miếng Trầu Duyên, Biệt Quê, Ông Đồ Hè, Ba Cô Xinh Xinh, Cảnh Làng Quê, Ông Đồ Hành, Chiếc Áo The Thâm Tàng, Đêm Vắng Đò Xuôi, Bóng Ngày Xanh**, nhất là nhạc bản **Trách Người Đi** đã từng được ba danh ca Mộc Lan, Kim Tước, Châu Hà trình bày xưa kia, Bây giờ, các bài nhạc này sẽ lần lượt được mang ra trình bày,

Nhạc sĩ Đan Trường kéo vĩ-cầm mở đầu nhạc bản **Trách Người Đi** cho ca sĩ Giao Phương trình bày bằng giọng ca ngọt ngào truyền cảm với sự phụ hoạ của ban nhạc và ban hợp ca.

*Sương lam tuôn rơi hắt hiu trên hàng thông xám reo vì vu,... Gió thu xưa không quên về, Cớ sao mà người cứ đi,...*



*Trách Người Đi*

Tiếng vỗ tay khen thưởng và cũng để mời các ca sĩ khác lên trình diễn. Giọng hát đam mê của nữ ca sĩ Ngọc Trang được tiếp nối bằng tiếng ca sống động đi sâu vào tâm hồn tác giả và khán giả của ca sĩ Lê Thanh. Trong chiếc áo the dài, Trung Hiền thay đổi không khí với giọng ca cùng bộ điệu rí rỏm,



*Cái Áo The Thâm Tàng (Trung Hiền)*

*Cái áo the thâm từ ngày tàng,  
Chú bác anh em quen trong làng,  
Đều làm ngợ.*





*Ông Đồ Hề (ca sĩ Huy Hoàng)*



*Miếng Trầu Duyên (Lệ Thanh)*



*Đêm Văng Đò Suôi (Minh Tú)*



*Biệt Quê (Tuyết Dung)*

Qua nhạc bản Biệt Quê, khán giả được nghe lại giọng ca điệu luyện, đam mê, truyền cảm qua bộ điệu duyên dáng mềm mại của nữ ca sĩ Tuyết Dung.

Minh Tú trở lại với bản Ông Đồ Hành, và, một lần nữa, bằng tiếng hát vang vang mạnh mẽ Huy Hoàng cống hiến khán giả nhạc bản sau cùng Bóng Ngày Xanh,



*Ba Cô Xinh Xinh (Thế Hưng)*



*Cảnh Làng Quê (Ngọc Trang)*



Một khán giả được mời lên phát biểu. Đó chẳng phải ai xa lạ mà là nữ danh ca Bạch Yến. Chị tự giới thiệu là bạn rất thân của nhạc sĩ Đan Trường đã gần nửa thế kỷ rồi, thế mà hôm nay chị mới được nghe hết các nhạc bản của nghệ sĩ bạn này. Bằng giọng hát ấm áp, say sưa, rung cảm tuyệt vời, ca sĩ Bạch Yến trình bày một lần nữa bài Trách Người Đi, xuyên qua bộ điệu nhà nghề.



*Nữ danh ca Bạch Yến*

Khán giả vỗ tay tán thưởng nhiệt liệt. Ca sĩ Tuyết Dung lên yêu cầu Bạch Yến ca bài Đêm Đông. Nhưng Bạch Yến từ chối, hẹn dịp khác. Đan Trường lên sân khấu đích thân yêu cầu bản Đêm Đông. Thế là bằng tiếng hát tha thiết, sôi sục tình hoài hương, trộn với tiếng vĩ-cầm của Đan Trường, Bạch Yến ru khán giả bằng những lời ca quen thuộc của Nguyễn Văn Thương. Tiếng vỗ tay tưởng không bao giờ ngừng.

Tuyết Dung mời Đan Trường, Bạch Yến, cùng các



nghệ sĩ lên sân khấu chào tạm biệt khán giả, trước khi cùng mọi người dùng tiệc bánh sinh nhật Thư Viện Giáo Xứ Việt Nam tại Paris.

Cha Đinh Đồng Thượng Sách, là người coi sóc Thư Viện Giáo Xứ, mời tất cả Ban Thư Viện lên sân khấu đồng ca bản VIỆT NAM! VIỆT NAM! cùng toàn thể Ban Nhạc và khán giả trong Hội Trường.

*Việt Nam Việt Nam nghe từ vào đời  
Việt Nam hai câu nói bên vành nôi  
Việt Nam nước tôi.*

... ..

*Việt Nam không đời xương máu  
Việt Nam kêu gọi thương nhau  
Việt Nam đi xây đắp yên vui dài lâu*

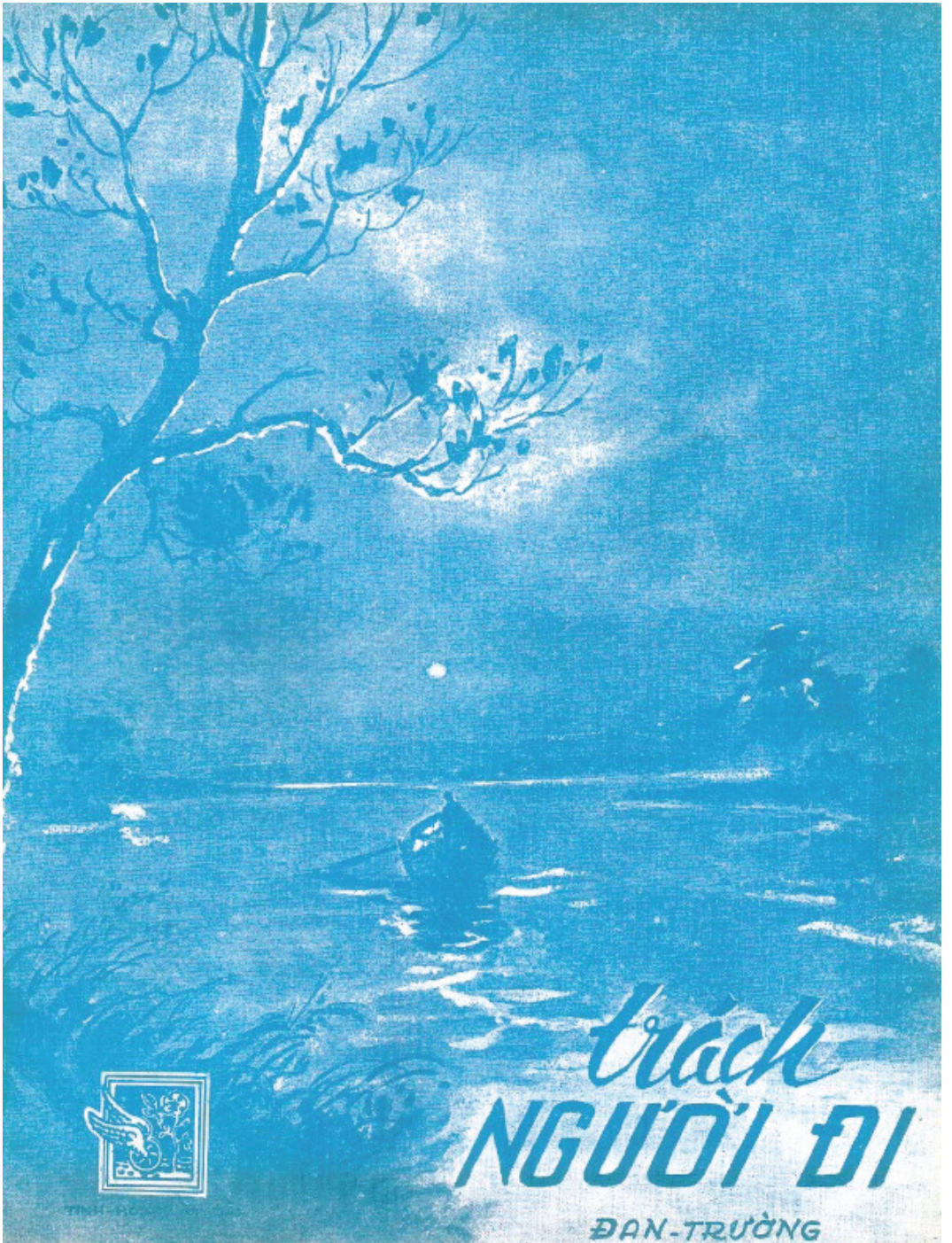
... ..

*Việt Nam! Việt Nam!  
Việt Nam quê hương đất nước sáng ngời  
Việt Nam! Việt Nam! Việt Nam muôn đời...*

Không khí tưng bừng còn theo chân một số khán giả ra về sớm, không ở lại chia sẻ bánh Sinh Nhật với mọi người,

**BÌNH~HUYỀN**

(Paris, Mùa Xuân 2009)



NHỮNG NHẠC-PHẨM  
CỦA NHẠC-SỸ DAN-TRƯỜNG

TRÁCH NGƯỜI ĐI  
CÁI ÁO THE THÂM TÀNG  
BIỆT QUÊ  
MIẾNG TRẦU DUYÊN  
BA CÔ XINH XINH  
CẢNH LÀNG QUÊ  
ĐÊM VÀNG XUÔI ĐỒ  
MỘT CẢNH ĐÊM HÈ

P. V. ...



NHẠC-SỸ  
**DAN-TRƯỜNG**  
ĐÀI PHÁT-THANH VIỆT-KIỆU  
HÀ-LÊ



K. D. Số 326  
Ngày 16-5-1952

**BẢN ĐẶC-BIỆT**

# TRÁCH NGƯỜI ĐI

Lời và Nhạc: ĐAN-TRƯỜNG



*Đàn dạo...*



I. — Sương lam tuôn rơi bắt - hiu trên hàng thông xám róc vi - vu , Khiến



xui bao nhiêu nhớ-nhung tràn lòng ước mơ . Người đi phương xa đầu ngõ , Miền



quê-hương ai mong chờ . Đau đớn xót thăm từ ngày biệt -



ly . Gió thu về mang thương nhớ , Đến cho lòng thêm chan



chứa , Lá ngô bay trong sương sầu , Biết bao giờ còn thấy

Copyright 1954 By TINH-HOÀ — HUẾ  
All Rights Reserved — Printed in Việt-Nam

Đã thu-thành vào đĩa hát PHILIPS  
Và trong phim GIÁ HẠNH-PHÚC



nhau . Tôi buồn mản sương pha muối , Xót xa lòng riêng trâm



mỏi . Gió thu xưa không quên về , Có sao mà người cứ



đi . Đêm... đi . Có sao mà người cứ đi .

## II

Đêm đêm canh ba lắng nghe câu hò  
êm ái trên giong sông,  
Tiếng ca năm xưa  
thần-nhiên cùng thuyền cuốn xuôi.  
Đò quen không mang duyên về,  
Còn gan đầu tin câu thề  
Xa vắng mấy nghìn lần nhìn thuyền đi.

## ĐIỆP-KHÚC

Gió thu về mang thương nhớ,  
Đến cho lòng thêm chan chứa.  
Lá ngô hay trong sương sầu,  
Biết bao giờ còn thấy nhau.  
Tôi buồn mản sương pha muối,  
Xót xa lòng riêng trâm mối.  
Gió thu xưa không quên về,  
Có sao mà người cứ đi.

*Tặng Tam cá nguyệt lần  
Cổ Thăm  
với lòng thành mong  
gặp 93  
Đàn Trường  
Paris 19 Avril 2009*

T. H. 140

tác-giả gốc bản-quyển

BẢN "TRÁCH NGƯỜI ĐI" CỦA ĐÀN-TRƯỜNG DO  
NHÀ XUẤT-BẢN TINH-HOÀ ẤN-HÀNH LẦN THỨ BA.  
NGOÀI NHỮNG BẢN THƯỜNG ẤN BẢN CHÍNH 30 BẢN  
ĐẶC-BIỆT TRÊN GIẤY QUÝ ĐÁNH DẤU TỰ Đ. T. I  
ĐẾN XX — T. H. I ĐẾN X ĐỀU CÓ CHỮ KÝ CỦA  
TÁC-GIẢ VÀ ĐÓNG TRIỆN SƠN T. H. ĐỀ TẶNG

## LẠI MỘT THÁNG TƯ ĐEN

Hăm chín năm dài một tháng Tư  
Lòng ta vời vợi bóng quê xưa  
Hồn ta vẫn một hồn ly khách  
Biển Thái trông sông núi mịt mờ...

Cuộc chiến đã đi qua  
Lòng ta rên hậu chấn  
Hỡi ơi! Trời biển rộng  
Thăm thẳm núi sông ta

Lại một tháng Tư đen  
Theo ta miền đất lạ  
Rừng bao mùa thay lá  
Sầu hóa đá trong tim.

Lại một tháng Tư đen  
Hồn ta còn đau tấy  
Phương trời xa khuất ấy  
Đêm dài sầu mắt em...

Lại một tháng Tư đen  
Ta ôm sầu viễn xứ  
Bước chân mòn lữ thứ  
Nỗi nhớ thuở nào quên?

Lại một tháng Tư đen  
Mắt trông vời đất mẹ  
Hơn phần tư thế kỷ  
Quê cũ bóng xưa chìm

Lại một tháng Tư đen  
Hỏi ai còn, ai mất?  
Ta nghe lòng quặn thắt  
Ngàn trùng dương nhớ thêm.

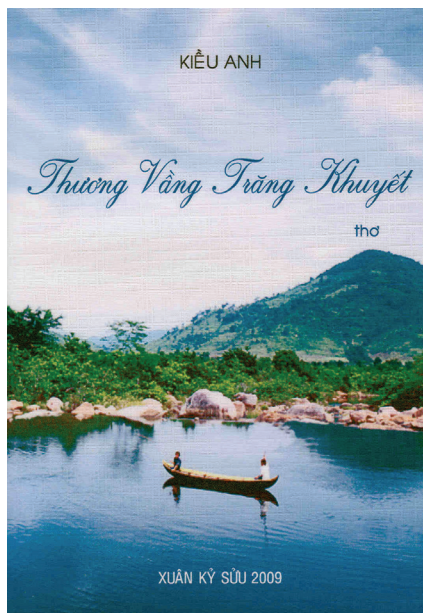
Lại một tháng Tư đen  
Trải bao mùa Đông tuyết  
Đã phai màu mắt biếc  
Đôi bờ xa cách Em .

Lại một tháng Tư đen  
Đường chiều thân lưu lạc  
Tóc xanh giờ điểm bạc  
Xa khuất bóng Em chìm .

Lại một tháng Tư đen  
Quê người ta tạm trú  
Bao giờ về cố thổ  
Như máu chảy về tim?

Cuộc chiến đã qua lâu  
Lòng ta còn hậu chấn  
Hỡi ơi! Trời biển rộng  
Dằng dặc một cơn sầu .

## HOÀNG SONG LIÊM (Virginia)



Để có sách xin liên lạc:  
Ms. Phan Văn Kiều Anh  
600 18 Ave. N 524W  
Minneapolis, MN 55411  
(612) 521-8908





# MẸ CHỒNG TÔI, BÀ THẾ LỮ

## THẢO NGUYÊN

Khi cưới tôi về ở với gia đình trong Nam, chồng tôi chỉ có mẹ, chị, và anh thứ hai đã ra ở riêng. Bố và anh lớn của anh ở ngoài Bắc, đã mười tám năm không tin tức.

Mẹ người tầm thước, vừa người, vắn khấn vai, ăn trầu và còn răng đen. Mẹ là người cổ kính, ăn nói nhỏ nhẹ, không thấy to tiếng bao giờ. Mẹ rất hiền và nghe theo ý của các con, nhất là ý chị lớn. Việc mẹ bằng lòng cho con trai lấy tôi, một cô bạn học của anh, theo đạo Phật, và chấp nhận tôi không phải theo đạo Chúa, được xin “miễn chuẩn dị giáo”, là do các con khuyên được. Mẹ chăm lo cho các con, dù đã lớn, từng miếng ăn, giấc ngủ. Chưa bao giờ tôi thấy mẹ khóc, ngay cả khi tiễn con cháu đi xa không biết bao giờ mới trở lại. Mẹ nói mẹ không còn nước mắt.

Hồi trước năm 1945, gia đình chồng tôi gồm cả bà nội, sống ở Hải Phòng, bố là con độc nhất của bà, bố rất có hiếu với bà. Những năm 1933-1946 bố đi Hà Nội làm báo, mỗi tháng chỉ về nhà độ một hoặc hai lần, mà mỗi lần về chỉ một hai ngày thôi. Khi bố có việc cần, bố viết thư cho mẹ. Thư chỉ độ một trang giấy học trò, mẹ thường phải dẫu bà, để tới tối không ai thấy, mới dám mang ra đọc. Mẹ chỉ biết đọc, không biết viết.

Mẹ sinh năm 1905, tại một làng đạo tỉnh Hà Nam. Cha xứ dậy con chiến học đọc để đọc kinh, không dạy viết. Con gái xóm quê, chưa từng đi học bao giờ, học khó quá, thì cha ra lệnh: “Không biết đọc thì không được phép thông công”, nên mẹ biết đọc. Đến khi muốn trả lời thư bố, thì mẹ phải nhờ cô em nuôi trong nhà viết dùm, dẫu bà. Đến mấy chục năm sau, thỉnh thoảng cô ấy lên chơi nhà, vẫn kể cho chúng tôi nghe chuyện thay mẹ viết thư cho bố. Tuy nhiên, mẹ rất thông minh, thuộc tất cả thơ của bố. Mẹ cũng chịu khó đọc thêm sách, truyện, báo chí ...

Tình bà nội rất khó, nhất là đối với mẹ. Bố đã giải thích cho mẹ hiểu là tại tình duyên của bà gặp nhiều trắc trở, bà khổ quá, bà hành con dâu vì những điều uất ức không nói ra được... Có một lần, bố viết một truyện ngắn, mang về nhà, giả vờ là truyện của văn sĩ khác, đọc cho bà nghe, mong bà thương mà nghĩ lại cho. Đang đọc, thì bà cầm lấy cái tráp đựng trầu, dằn mạnh xuống phản một cái rầm, rồi nói:

“À, thế ra anh lại muốn dậy tôi đấy!”

Bố sợ quá, chạy thẳng một mạch không dám trở về nhà nữa. Và người phải chịu đựng mọi thứ chuyện ở trên đời lại vẫn là mẹ.

Ông nội người làng Phù Đổng, từ Hà Nội nhìn ra là “bên kia sông Đuống”, ông học tây học, đi làm sếp ga xe lửa (những năm đầu thế kỷ 20). Ông thuộc dòng trưởng trong họ, đi làm xa không trông nom được nhà thờ họ nữa, nên nhường lại cho dòng thứ, vẫn còn ở trong làng thờ cúng tổ tiên tới bây giờ. Do không bao giờ sống ở trong làng, bố cũng như anh lớn quên mất quê Phù Đổng, luôn luôn khai mình quê ở Hải Phòng. Văn học sử chắc còn chuyện sai đó mãi.

Hồi trẻ, bà đi buôn tơ, nên thường đi lại trên tàu hoả, gặp ông sếp ga trẻ, vì thế mới nên duyên. Bà lấy ông nội trước, nhưng “vượt quyền gia đình” nên không được làm vợ cả của ông. Nghĩ lại mà coi, ngay thời bây giờ, có ai lại vui lòng cho con trai giỏi giang độc nhất của mình lấy một cô “đi đạo”, hồi đó có nghĩa là “bỏ không thờ cúng tổ tiên nữa”, mà lại không đợi bố mẹ hỏi vợ cho không? Kết cục là cụ nội cưới cho ông một bà khác làm vợ cả, mang về sống cùng gia đình.

Về sau, ông nội chúng tôi đổi về ga Lạng Sơn, ông mang gia đình tới ở đó. Bà nội vẫn sống một mình ở Hải Phòng, nuôi hai con là bố chồng tôi và một người anh. Hồi bố còn bé, bà cả chưa có con, cụ nội đã bắt bố mang về Lạng Sơn, cho làm con nuôi bà cả, để mong bà cả sớm có con. Sau đó, bà cả sinh được ba con trai và một gái. Trong tiểu sử của mình, bố kể lại cho thi sĩ Xuân Diệu viết, có đoạn :

“Khi lớn lên bắt đầu hiểu biết, thì thấy mình sống mà lúc nào cũng thương nhớ, thương nhớ một người gọi bằng mẹ, và sống trong nhà với một người gọi bằng u. ...”

Thình thoảng bà nội lên Lạng Sơn thăm bố, hai mẹ con rù rì nói chuyện. Đến lúc bà đi tàu hoá về, bố đưa tiễn, khi tàu đi rồi, bố cứ áp tai xuống đường ray nghe tiếng tàu chạy vọng lại, vọng lại mãi...

Thế rồi, anh lớn của bố bị bệnh mắt mấy năm sau đó, lúc đó còn nhỏ tuổi. Ông nội thương bà nội quá, bà ở một mình, nên đã ra tay “đánh tháo” cho bố trốn khỏi Lạng Sơn về Hải Phòng với bà. Từ đó, bố mới được sống với mẹ đẻ. Khi lớn lên, theo nghiệp văn chương, nhiều truyện bố viết còn chịu ảnh hưởng thời kỳ Lạng Sơn này. Bố cũng hay dặt các con về thăm ông và gia đình ở Lạng Sơn.

Lúc bố mới bắt đầu viết văn, ông nội thấy con trai viết được nhiều loại khác nhau, chưa nghiêng hẳn về thể loại nào, đã chọn cho bố tên Thế Lữ (cũng do tên Thứ Lễ nói lái).

Bà nội là bà lang đạo, chuyên chữa bệnh trẻ con nổi tiếng ở Hải Phòng thời đó, vì vậy thường được gọi là “bà lang”. Có lúc, bố đã định sẽ theo nghề lang của gia đình, nếu như thế thật, liệu có còn “Hồ Nhớ Rừng” cho thời niên thiếu của chúng ta không nhỉ?

Đến khi bố được mười bảy tuổi, bà nội về một làng đạo ở Hà Nam, đi xem mặt các cô gái trong làng, bà chọn mẹ chồng tôi, một cô gái hiền lành ngoan đạo mười chín tuổi cho con trai của bà. Mẹ kể lại là trước đó, có nhiều người đến dạm hỏi mẹ, nhưng cứ có người đến hỏi, là mẹ ốm rất nặng, chỉ khi bà lang đến hỏi cho bố thì không ốm, nên gia đình bằng lòng gả.

Cưới con dâu về, theo tục lệ, bà nội truyền nghề “bà lang” cho. Vì vậy, mẹ vừa phải lo cơm nước cho toàn gia đình, nuôi con nhỏ, cho con bú, vừa phải làm thuốc để bán, vừa đi khám bệnh cho thuốc, khi có khách mời, (cũng có lúc, gia đình nuôi thêm người giúp việc). Vì phải làm thuốc, mẹ học được tính làm việc rất sạch sẽ, kỹ lưỡng, cẩn trọng khi nuôi trẻ, và làm cơm nước khéo léo, tinh khiết. Và cũng vì đi chữa bệnh cho trẻ con đau ốm tận nhà, nên mẹ có chút tiền dư để riêng, không phải để tiêu cho mình, mà để bù tiền chợ cho bà hải lòng.

Tính bà lang rất hay đổi, thỉnh thoảng lại lên con hờn. Có lần bà hờn rồi bỏ nhà đi mất. Cả nhà sợ quá bỏ đi tìm, chẳng thấy cụ đầu cả, đang quá bối rối thì bà về. Bà vào nhà, lên cái phản gỗ, ngồi vào cái võng riêng treo ngay trên đó, lấy trâu ăn, rồi nói :

- Minh ngồi ngay ở nhà ga chứ có đầu xa, mà chẳng đưa nào thêm ra đón mình về, cứ như con chó tiền rưỡi ấy thôi!

Ấy là thời xưa người dân ta hay nói ví von như thế.

Có khi bà hành con dâu (mẹ chồng tôi) đủ kiêu rồi, không thấy nó khóc lóc gì, thì lại nói ví:

*Nắng mãi mà hoa không héo,*

*Hoa cứ reo réo hoa tươi.*

Mẹ sau này nghiện trâu cũng là tại bà. Mỗi khi đi đầu ra đường, thì bà gọi lại, ấn miếng trâu vào tay, dạy bảo:

- Ăn trâu đi, cho môi nó đỏ, mặt mũi hồng hào lên chứ, đàn bà ra đường mà môi thâm thế kia.

Nhiều lúc mẹ khốn khổ quá, không chịu nổi, đã trốn về gia đình mình. Nhưng về tới nhà, thì bà ngoại lập tức khóc lóc nói :

- Con đã lấy chồng, là con người ta, thì sống chết cũng phải về đó không được bỏ, nếu không, mẹ chết ngay bây giờ đây.

Rồi cụ đưa mẹ về lại nhà chồng.

Mỗi lần mẹ ốm, phải uống thuốc, thì bà nội lại ngậm ngúyt:

- Minh ốm rơi răng cũng chẳng thuốc men gì, còn nó thì hơi tí đã thuốc.

Mẹ giận quá, nên đến lần ốm đó, mẹ không uống thuốc nữa, ốm luôn một mẻ vài tháng. Đang lúc đó, mẹ lại mang thai chị lớn, mẹ ốm tới nỗi thai đang lớn lại nhỏ đi, mười một tháng mới sinh, về sau chị lớn lên, rất yếu đuối.

Cát một chuyện mẹ hay kể cho chúng tôi nghe là:

Nhà có ba gian, ông ấy (bố chồng tôi) ngủ nhà ngoài, bà lang (bà nội) ngủ nhà giữa, còn mẹ ngủ nhà trong. Mà có xong đâu, mỗi khi bà lang đi vào trong Thanh (tỉnh Thanh Hoá) vài ngày, đi mua xương hổ nấu cao hổ cốt, thì gọi mẹ ra dặn:

- Này, nó đang ốm đấy, đừng có lộn xộn!

Thế nhưng khi mẹ có thai thì bà mừng lắm, vì bà rất thích có cháu.

Mẹ vừa cười vừa kể, lần nào cũng đúng từng câu như vậy. Mẹ kể thêm một chuyện nữa, bắt đầu bằng: - Con đã biết chuyện mẹ là người sung sướng nhất đời chưa? Có một lần, mẹ đi tàu hoả, có nói chuyện với một người trên tàu, khi biết rằng mẹ là vợ ông Thế Lữ, người đó đã nói: “Giời ơi!, thật thế à? Chị thật sung sướng quá, chị là người sung sướng nhất đời!”.

Đây, con đã nghe chuyện mẹ là người sung sướng nhất đời chưa?

Mỗi lần thấy mẹ kể chuyện, chồng tôi lại ra vuốt lưng mẹ: “Mẹ lại kể chuyện cổ tích rồi”. Các con chúng tôi cũng được nghe dăm ba câu chuyện “cổ tích” như thế.

Chuyện cổ tích ngày xưa này, dài mấy chục năm.

Bố đi làm báo xa, mẹ ở nhà nuôi các con và phụng dưỡng mẹ chồng thay bố. Mỗi tháng bố về một hay hai lần. Nhiều khi bố về là bà kể tội các cháu.. Bố mệt và giận, nên lôi các con ra bắt nằm trên phản, quát cho một trận phát trần, con khóc, vợ buồn... bố lại bỏ đi...

Tuy nhiên, nhiều lúc bốn anh em cũng được bố chiều, dẫn đi chơi, có lần trời mưa không dẫn con đi xem xiếc như đã hứa được, bố đã xuất thân hoá trang làm nhân vật sân khấu, làm hề, giúp vui cả nhà...

Anh cả, đạo diễn Nguyễn Đình Nghi, còn nhớ có lần bố dắt anh đi xe hàng ra Đồ Sơn hóng gió biển...thấy bố đứng mãnh mẽ mình đứng trên xe, anh rất phục và rất hãnh diện vì bố. Anh cũng là người con duy nhất theo được nghề đạo diễn của bố, được sống gần bố lúc mới lớn, được bố nuôi dưỡng những đam mê về nghề kịch cho anh, được bố dẫn dắt anh lúc bắt đầu. Sau này, hai bố con nói chuyện, bàn bạc về kịch rất tương đắc, bố vẫn là một cố vấn theo dõi công việc đạo diễn của anh suốt đời. Có những vở kịch anh làm theo gợi ý của bố, đã rất thành công.

Bố tính hay pha trò, con cháu ai có tật gì, dáng gì không đẹp, là ông bắt chước, làm như hề, giúp

trẻ hiểu cái xấu để sửa lại. Anh thứ hai là người khó ăn, anh không ăn nổi một cọng hành. Có lần, bố vẽ hình anh đang khóc bên cái bát có cọng hành... để dỗ anh ăn.

Cả nhà các con các cháu đều học được tính hay nói đùa, ai cũng thích kể chuyện cười. Hôm nào ăn cơm đông đủ là tranh nhau kể chuyện. Con gái tôi khi còn bé, cháu cũng thích kể lắm, nhưng khi cô bé kể chuyện cười thì vừa được vài câu, đến chỗ buồn cười là cô nàng cười trước, rồi càng lúc càng cười, cười đến nổi không nói nổi nữa, cả nhà cứ nhìn nó cũng thấy buồn cười rồi, nên người nọ chỉ người kia, ai cũng lăn ra cười. Câu chuyện thì chưa kể xong!! Mà có ai cần nghe xong câu chuyện đâu! Cười là vui rồi.

Trong lá thư đầu tiên anh Nghi gửi cho chồng tôi sau mấy chục năm xa cách, không hề có liên lạc, anh viết: “Hình ảnh cuối cùng của em, mà anh còn giữ mãi, là một chú bé mười tuổi đang lăn ra cười trên đê. Lúc đó em đang kể chuyện “Ganh đòn bá” (ba đòn gánh) cho anh nghe ở hậu phương”.

Mẹ hay nhắc lại là hồi trẻ bố còn hay nóng giận, nhưng khi bố giận, bố chỉ nện giày nặng thêm lên thôi. Mẹ nghe tiếng giày là biết ngay, nên tránh không nói gì hết cho đến khi con giận của bố tan đi.

Bố sống xa nhà, phần nhiều ở Hà Nội, bố ra nhập Tự Lực Văn Đoàn, làm thơ, làm báo, viết truyện, viết Tin Văn Vấn chuyên về phê bình thơ, ..Bố nổi tiếng, bố lập ban kịch, rồi đi trình diễn các nơi... Bố vẫn về thăm gia đình đều đặn hàng tháng. Nhưng rất ít bạn bè, đồng nghiệp của bố quen biết gia đình vợ con bố.

Thế rồi, chuyện phải đến, đã đến. Ngay từ những năm bắt đầu làm kịch 1937-40, bố gặp một người cùng chí hướng, bà Song Kim, bà giỏi thiên bẩm về nghề kịch, có cùng những ước mơ những đam mê sân khấu như bố... Bà Kim đã cùng bố xây dựng nền kịch nói, từ đó...

Anh Nghi nhiều lúc nói với chúng tôi:

Anh là người không có tuổi thơ, vì mới có mười mấy tuổi, đang ở Hải Phòng, nghe tin bố có “bà khác” ở Hà Nội, mẹ khổ quá, mà mẹ không có ai bàn bạc, anh là con lớn nên mẹ chỉ nói chuyện với anh.

Bà nội nghe chuyện ấy rất buồn. Tuy xã hội ta trong những năm xa xôi đó, đa thể là chuyện bình thường và hợp pháp.

Thế rồi Đào Chính Nhật, rồi Cách Mạng Tháng Tám. Bố cùng ban kịch đang đi lưu diễn vội trở về Hà Nội. Đến khi chiến tranh chống Pháp bắt đầu, cả đoàn kịch đã theo Kháng Chiến, đi khắp các nơi biểu diễn.

Như tất cả mọi người, gia đình ở Hải Phòng gồm bà nội, mẹ và bốn anh em cũng chạy tản cư. Vào một ngày năm 1948, đang ở nhờ trong một nhà dân vùng hậu phương xa thành phố, nghe tin có ban kịch đi qua, các anh đi tìm ngay được bố, đưa bố về gặp gia đình. Bao nhiêu lâu mới được một lần xum họp, mới có một bữa ăn đông đủ cả nhà... Nhưng, người lớn có chuyện quan trọng cần bàn ngay: Nhà đã hết tiền, không có cách sinh nhai, không thể tiếp tục sống ngoài hậu phương được mãi. Gia đình quyết định cho tất cả đàn bà trẻ con về thành, trừ anh lớn. Bố nói: “Nghĩ đi với cậu, con về thành sẽ bị bắt đi lính cho Pháp”.

Từ đó, chia ly hai ngả.

Năm 1954, sau hiệp định Genève, bố và anh Nghi về Hà Nội, nhưng nửa kia của gia đình lại ở trong Nam. Mẹ không hành nghề “bà lang” nữa, vì ít có người bệnh tìm đến, hoặc nếu người ở xa mời đi thì không dám đi vì mẹ không biết đường... Thế rồi, mẹ già đi, trẻ con trở thành người lớn...

Sau năm 1975, khi bố mẹ được xum họp, bà nội đã mất từ lâu, thỉnh thoảng bố viết thư cho chúng tôi, trong những lá thư gửi con cháu ở xa, có những câu:

“Bây giờ cậu được sống ở nhà với mẹ và chị lớn của các con, cho bố những ngày xưa thương nhớ”.

Chúng tôi rất hạnh phúc vì chuyện bố về với mẹ “cho bố những ngày xưa thương nhớ”. Tuy nhiên, việc đó cũng làm một người khác khổ. Hình như trên đời này không có gì toàn vẹn. Mẹ từ chối việc liên hệ với phía đó, có nói riêng với tôi rằng:

- Kể ra thì chuyện cũng xa rồi, bố mẹ cũng già rồi, trên 70 cả, nhưng mẹ là người theo đạo Chúa, mẹ không được phép chính thức chấp nhận việc đó.

Tuy vậy anh em chúng tôi vẫn giữ liên lạc rất tốt đẹp với bà Song Kim, tự biết mình là con, mình phải biết chấp nhận gia đình như nó là, và trân trọng những người thân của bố. Mỗi lần về thăm Hà Nội chúng tôi đều tới thăm bà và gia đình, tham dự giỗ tết, cũng như những bữa cơm xum họp... Bà rất quý chồng tôi, vẫn thường nhắc những chuyện cũ như : Ngày ban kịch Anh Vũ (?) xuống Hải Phòng lưu diễn, nhà tôi mới có mấy tuổi, bà còn bế ngồi trên lòng... Bà vẫn thăm hỏi các chú em trai của bố, mất liên lạc từ những năm 1946...

Anh Nghi nói riêng với chúng tôi rằng:

Công bằng mà nói, bố sống xa gia đình rất lâu, nổi tiếng như thế, hồi đó rất nhiều các mệnh phụ đẹp như bà hoàng của Hà Nội, mê bố. Cho nên, không có người này thì có người khác. Bố đã gặp được người cùng chí hướng, cùng bố xây dựng, thực hiện những đam mê nghệ thuật, hơn nữa bố có được một gia đình an ổn, hạnh phúc để làm việc trong rất nhiều năm, nhất là trong suốt những năm đất nước chia cắt, có người săn sóc tinh thần cũng như vật chất cho bố, thật là đáng quý. Mình phải kính trọng và cảm ơn bà Kim. Và lại, đây là một chuyện đã được xã hội ngoài này trong bao nhiêu năm nay công nhận, mình nên tôn trọng việc đó. Họ hàng làng nước, ai có nói gì cũng mặc họ.

Bố chúng tôi là người không biết gì tới đồng tiền, có gì dùng nấy, không đòi hỏi. Trong bao nhiêu năm, cụ vẫn có số lương rất nhỏ, vì không biết lên xin, nên người ta quên cho cụ Chủ tịch hội Nghệ Sĩ Sân Khấu lên lương... Tuy nhiên, khi gặp lại chúng tôi, cụ vẫn cho rằng mình sống rất thoải mái. Trong những năm tháng cuối đời, cụ vẫn giữ thói quen mê đọc sách, cụ đọc 8 tiếng một ngày, thỉnh thoảng xem truyền hình, thích nhất là xem kịch, dĩ nhiên!! Các bạn cũ, mỗi khi đi qua thành phố, đều tìm tới thăm, chúng tôi gặp được những người xưa cũ như thi sĩ Xuân Diệu, thi sĩ Huy Cận... các văn nghệ sĩ lớp sau như nhà văn Nguyễn Khải, họa sĩ Lưu Công Nhân... rồi các anh học trò như Tào Mạt, Thế Ngữ,... và đặc biệt là nghệ sĩ Bày Nam, bà rất thương cụ, nghe mấy cụ nói chuyện với

nhau: “anh anh tôi tôi“, rất hay! Đi đâu xa, bà cũng nhớ mang quà về cho, khi thì nải chuối, khi thì ít bánh đặc sản... Đó là tôi chỉ kể được một vài.

Riêng đối với cháu trai nhỏ của chúng tôi, cụ rất yêu chiều cháu. Mỗi khi chúng tôi sắp về thăm, cụ sửa soạn trước ít truyện để kể riêng cho cháu nội nghe, chúng tôi có xin ghi âm nhưng cụ không chịu. Về sau, khi cháu cháu lớn lên, cháu hiểu được những việc làm của ông : ”Ồ, hoá ra ông nội có viết về truyện kinh dị, nên hồi xưa ông hay kể cho con nghe những truyện lạ lắm!”.

Những món quà chúng tôi mang về biếu, được cụ thích nhất là sách và những bó bút nguyên từ giấy dẹt, cụ để dành để biếu bạn bè tới chơi. Hình ảnh cụ cầm cả bó bút giơ lên xuýt xoa nói: “Cậu cầm thấy giầu có quá!”, thật là đẹp. Và món quà cụ muốn được mua riêng cho mình là khăn mùi xoa giấy! Các bạn có biết tại sao không? Vì cụ không muốn người khác phải giặt hầu những khăn bản (những món này, hồi đó còn chưa mua được dễ dàng ngoài phố).

Có người than thở cho cụ, nói rằng cụ nghèo quá, nếu ở nước khác mà nổi tiếng như thế, tha hồ mà giầu có.

Tôi nghĩ khác, tôi nghĩ cụ là người sung sướng nhất, vì một nghệ sĩ như cụ, vừa hơn hai mươi tuổi, ra đời, viết cái gì cũng được bạn bè, đồng nghiệp, độc giả cũng như xã hội đón tiếp rất trân trọng, nồng nhiệt, ngay lập tức: Dưới ba mươi tuổi đã được coi như thi bá thời bấy giờ, đến khi bước sang kịch nói cũng không có gì là không thành công, tuy chưa làm được hết những ước mơ của mình, nhưng không hề thất bại. Cụ đã mở đầu *thơ mới*, mở đầu *kịch nói*, đóng góp được bao nhiêu cho văn hoá nước nhà. Tư cách của cụ trước sau vẫn luôn luôn là gương mẫu cho những thế hệ tiếp theo, cụ đã truyền kinh nghiệm, dạy bảo cho nhiều lớp học trò, xây dựng cho

thế hệ sau với tấm lòng chan hoà hiếm có... Đó là một nghệ sĩ được hiểu, được quý trọng ngay khi vừa ra đời và suốt cuộc đời. Đó là điều hạnh phúc nhất. Văn hoá là chuyện muôn đời, đời nay chưa biết làm rõ công của cụ trong văn học thì đời sau sẽ làm. Chúng tôi tin như thế.

Riêng về mẹ chúng tôi, chúng tôi nghĩ rằng bố chúng tôi đã về với gia đình, với mẹ trong 12 năm cuối đời của cụ, là điều quý nhất cho mẹ. Danh tiếng, mẹ chúng tôi không cần, mẹ biết là “người đi đã trở về” là đủ. Tới bây giờ, bố mẹ chúng tôi đã mất cả rồi, lâu rồi. Bốn anh em cũng đã ra đi hết. Những người đó chưa bao giờ cần giải thích cho ai cả. Còn tôi, tôi phải viết những dòng này vì cuộc đời âm thầm của mẹ chồng tôi, không nên để âm thầm mãi, như thế không công bằng. Và để các con, các cháu hiểu, thương và hành động vì cụ.

Chúng tôi vừa nhân được tin:

Cụ bà Phạm thị Nghĩa, tức Nghệ sĩ Nhân Dân Song Kim vừa qua đời, vào tháng 11 năm 2008. Chúng tôi ở xa không về được, chỉ biết vọng về thương cảm, xin cầu nguyện cho hương linh cụ bà sớm được siêu thoát, thanh thân về cõi tịnh.

Nếu chúng ta do những nhân duyên riêng đã được gần gũi, được hiểu, được sống với một vài vị thuộc thế hệ đã trở thành xưa cũ đó, ta sẽ cảm được số phận riêng của mỗi người.... Những người đó sinh ra, lớn lên trong một hoàn cảnh xã hội rất khó khăn, khác của chúng ta ngày nay nhiều lắm. Mong rằng, họ không bị những thành kiến của những người ngày nay xét nét. Họ đã sống qua những vinh quang, những hạnh phúc, cũng như những cay đắng, những tủi hờn... Họ đã khai phá, đã làm việc, đã thương yêu, đã hy sinh, đã chịu đựng những ràng buộc, những khổ đau... Thương biết bao nhiêu, kính phục biết bao nhiêu.



**THẢO NGUYÊN**

Tranh tự họa

**THẢO NGUYÊN** (New York)



# TRIẾT LÝ DÂN TỘC VIỆT NAM QUA TỤC NGỮ

## Võ Thu Tịnh

Về ý nghĩa của tục ngữ, trong Việt-Nam văn-học sử yếu, Dương Quảng Hàm đã nhận xét: "Các câu tục ngữ là do những điều kinh nghiệm của cổ nhân đã chung đúc lại, nhờ đấy mà người dân vô học cũng có một trí thức thông thường để làm ăn và cư xử ở đời...". (1)

Phạm Thế Ngũ, trong Việt Nam Văn học sử giản ước tân biên đã ghi: "Tục ngữ là kho tàng kinh nghiệm và hiểu biết của người xưa về vũ trụ cũng như về nhân sinh...*Có thể nói đó là một quyển sách khôn mở ngõ và lưu truyền trong giới bình dân từ xưa đến nay.*" (2)

Tóm lại, theo các nhà biên khảo này thì các câu tục ngữ là một "quyển sách khôn, một kho tàng kinh nghiệm và hiểu biết về vũ trụ và về nhân sinh giúp cho dân gian ta có được một trí thức thông thường để làm ăn và cư xử ở đời".

Trong các tục ngữ mà chúng tôi đã sưu tập, ngoài những câu nói về "mưu sinh" và "tâm lý người đời" ra (như canh nông, thời tiết, nghề nghiệp, phong tục, luân lý, v.v.), mà ở văn chương truyền khẩu nước nào cũng có, thì phần nhiều là những câu về "cái biết", về "cái khôn" của người đời, rồi đến những câu về "vũ trụ" (như đạo Trời, vận mệnh con người, Phật, tu hành, phúc đức...), về "nhân sinh" (như đạo vua tôi, tề quan lại tham nhũng, kinh nghiệm ứng xử khôn ngoan giữa xã hội với nhau...).

Chúng tôi nghĩ rằng đây là cẩm nang, là bản chúc thư của tiền nhân, truyền lại cho con cháu

cả một "triết lý dân tộc" xây dựng trên cái "biết" và cái "khôn", để cư xử cho đúng "đạo làm người", theo "Lễ Trời và Tình người". Tuy tiền nhân không nói rõ ra, nhưng con cháu chúng ta phải hiểu rằng dụng ý của các Ngài không ngoài mục đích tối thượng là chỉ đường cho chúng ta "tranh đấu bảo tồn nòi giống, đất nước, chống xâm lăng cho khỏi bị đồng hóa, diệt chủng".

Các nhà Nho, các thành phần sang giàu, các thị dân có những sách vở của Nho giáo để căn cứ vào đấy mà ứng xử với nhau. Còn dân gian nông thôn không có chữ, nên trong sự giao thiệp, ứng xử thường ngày, chỉ căn cứ vào các câu tục ngữ, là kho tàng hiểu biết, khôn ngoan, kinh nghiệm mà tiền nhân đã truyền miệng lại cho chúng ta. Tục ngữ nước ta rất nhiều, không có một trường hợp nào mà dân gian không có thể dùng một vài câu tục ngữ để minh chứng cho thái độ, hành vi của mình.

Trong bài *Parémiologie vietnamienne et comparée* ("Tục-ngữ- học Việt Nam và đối chiếu"), học giả Thái Văn Kiểm có kể lại câu chuyện về công dụng của tục ngữ trong một việc tranh chấp giữa dân gian với nhau, tóm lược như sau:

"Trước đây có một lái buôn bán cho người Việt Thượng một cái áo bằng vải bông giá 50 đồng, trả được 30, còn thiếu 20 đồng, thì người Thượng bỏ lên núi không thấy quay lại thanh toán. Sau một thời gian khá lâu, người lái buôn gặp lại người Thượng xuống đi chợ, liền túm lấy dẫn đến viên cai trị người Pháp để kiện. Người Thượng nói áo mua, vải không tốt, không xứng 50 đồng, nay y chịu trả thêm 10 đồng nữa mà thôi.

Còn người lái buôn nhất định đòi cho được 20. Viên cai trị Pháp xét việc cũng không có gì rắc rối, mà y lại nói tiếng Việt và tiếng Thượng thông thạo, thấy không cần gọi viên chức Việt đến giúp. Không ngờ suốt cả buổi mai y giải thích luật lệ, khuyên dụ đủ mọi cách, mà cả hai bên nguyên bị vẫn không ai chịu nghe theo. Cùng lắm, y cho gọi viên chức Việt đến.

"Viên chức Việt chỉ nói qua nói lại có mấy phút mà người lái buôn bằng lòng nhận 10 đồng. Viên cai trị Pháp lấy làm lạ, hỏi, thì viên chức Việt kể lại là đã dùng các câu thành ngữ, tục ngữ để nói với người lái buôn rằng: "Anh cho người Thượng mắc chịu như vậy cũng như "thả trâu vô rú", nay được người Thượng bằng lòng trả thêm 10 đồng, là như "củ đỏ mà hốt" lại thôi. Xưa nay anh có thấy ai hốt củ đỏ rơi lại cho đủ không? Ông bà ta thường nói: "gạo đổ lượm chẳng đầy thúng". Bây giờ họ bằng lòng trả 10 đồng là được rồi, chớ bày chuyện kiện cáo vì tục ngữ ta có câu: "Được kiện mười bốn quan năm, thua kiện mười lăm quan chẵn". Khôn dại, hơn thiệt thế nào, là một thương gia, anh hẳn thấy rõ." Người lái buôn cho là phải, nên nghe theo." (3)

## 1- Khôn dại trong thi ca

Vấn đề "khôn dại" rất quan trọng trong việc xử thế, cho nên trong văn thơ của các bậc thức giả xưa nay, vẫn thường thấy được nói đến.

Từ thế kỉ thứ XV, Nguyễn Trãi, trong Quốc-âm thi tập, đã nêu lên vấn đề "khôn dại" này:

*Chẳng khôn chẳng dại, chỉ ương ương,  
Chẳng dại người hòa (tất cả) lại chẳng thương.*

Dại ý nói rằng nếu ta chẳng chịu nhận là dại thì tất cả mọi người chẳng ai thương mình...

Đến thế kỉ thứ XVI, trong Bạch-Vân am quốc ngữ thi tập, Trạng Trình cũng phân biệt hai chữ "khôn dại" như sau:

*Khôn thì người dái (sợ, nể), dại thì thương, Nhấn  
bảo bao nhiêu người ở thế, Chẳng khôn đành  
dở, chớ ương ương.*

Nghĩa là: Khôn thì thật khôn cho người ta sợ, dại thì rõ ràng dại đi cho người ta thương, nếu không khôn được thì đành chịu dại, chớ không nên ương ngạnh.

Vào cuối thế kỉ thứ XIX, khi người Pháp bắt đầu đặt quyền thống trị ở nước ta, Nguyễn Khuyến cáo bệnh từ quan, làm ra vẻ ngô ngậy để khỏi bị ép ra làm việc lại. — Nam Định thời bấy giờ, có một người đàn bà tên là Mẹ Mốc, chồng đi mất tích (có thuyết cho là theo kháng chiến), bà giả điên giả cuồng và hủy hoại nhan sắc để khỏi bị chọc ghẹo. Nguyễn Khuyến thấy tâm sự của bà giống với tâm sự của mình, nên cảm tác ra một bài hát nói, có câu kết như sau:

*Mảnh gương trịnh vàng vạc quyết không như,  
Đắp tai, ngảnh mặt làm ngu,  
Rằng khôn cũng kệ, rằng khờ cũng thây.  
Khôn kia dễ bán dại này... (4)*

Rồi đến đầu thế kỉ thứ XX, Trần Thế Xương cũng than lên:

*Thiên hạ đua nhau nói dại khôn,  
Biết ai là dại, biết ai khôn?  
Khôn nghề cờ bạc là khôn dại,  
Dại chốn văn chương, ấy dại khôn...*

Vấn đề "khôn, dại" này, từ xưa, ở Trung Hoa, Khổng Tử (551- 479 t.T.L.) cũng đã nêu ra để giảng dạy cho các môn đệ, rằng: "Ninh Vô Tử, khi trong nước có đạo lý thì ông ta tỏ ra có tài trí (để ra làm việc), nhưng gặp khi chính quyền vô đạo, thì ông làm như ngu dại (để khỏi bị ép ra cọng tác, tiếp tay với quân cường bạo sát hại nhân dân). *Cái khôn của ông nhiều người làm được, đến như cái ngu của ông thì không mấy ai bì kịp.*" (5)

## 2- Khôn dại trong tục ngữ

Dân gian cũng nói nhiều về "khôn" dại", và có một câu giống như các câu thơ của Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm:

*Khôn cho người dái (nể, sợ), dại cho người thương,  
Dở dở ương, tỏ cho người ta ghét.*



Nhưng vì sao dân ta cho rằng cần phải phân biệt dứt khoát "khôn", "dại" như thế?

Nguyên là trải qua bao thế kỉ, dân tộc Việt thường xuyên phải chọn lựa giữa hai con đường: Đầu hàng, cộng tác với địch, hay kháng chiến chống lại với ngoại xâm và bạo quyền độc tài tàn ác. Con đường nào là khôn? Con đường nào là dại?

Nhưng khôn hay dại, thường bị các thành kiến chủ quan thiên lệch của người đời chi phối. Lắm khi, điều mà ta cho là khôn, thì người khác lại cho là dại, hay ngược lại, như trong cổ tích "Trâu rừng với trâu nhà":

"Trâu rừng chê trâu nhà là dại, vì để cho chủ bắt làm việc cực nhọc, rồi cuối cùng cũng bị chủ làm thịt, và cho mình là khôn vì đã chọn cuộc sống tự do, không bị cưỡng bách lao碌. Còn trâu nhà thì chê lại trâu rừng là dại, vì ở rừng bị đói khát, nhất định có ngày sẽ bị beo cạp ăn thịt, và cho mình là khôn vì thường ngày có cỏ để ăn, có nhà để ở, khỏi bị dãi dầu mưa nắng, khỏi bị thú dữ sát hại. Bên nào cũng tự cho mình là khôn hơn bên kia, và cảnh cáo lẫn nhau: "Khôn thì sống, mống (dại) thì chết". (Truyện cổ nước Nam, Nguyễn Văn Ngọc, tập 2, tóm lược truyện số 28).

Trong suốt bao nhiêu thế kỉ bị ngoại thuộc hay hay bị kềm hãm dưới các chế độ bạo ngược, cái "khôn thật", "khôn giả", và cái "dại thật", "dại giả" thường bị lẫn lộn với nhau.

Tuy vậy, dân gian không phải là không phân biệt được, song không dám nói rõ ra, mà trái lại, thường còn làm như dại khờ không biết đến. Cũng như Nguyễn Khuyến, dân gian đã có câu kín đáo tự hào rằng:

*Rừ dẫu, giả dại, làm ngây,  
Khôn kia để bán dại này mà ăn !*

Sau đây, chúng tôi xin mượn lời của Lê Văn Siêu, tác giả Văn-minh Việt-Nam, để giải thích thêm về vấn đề này:

*"Làm thế nào khác hơn được, khi một dân tộc bị sống trong hoàn cảnh đe dọa diệt tộc thường*

*xuyên, bởi một kẻ mạnh gấp trăm ngàn lần mình, ở ngay bên nách mình, nếu chẳng nghĩ tha thiết đến sự sống còn, đến con cái nối nghiệp, thì chỉ sơ sẩy để đầu óc viễn vông một chút thôi, cũng đủ mất tích vào trong bản đồ của địch thủ. Cho nên Trạng Trình, một vị hiền triết được dân chúng kính trọng là có tài tiên tri, đã chỉ dạy có một điều rất gọn: "Khôn cũng chết, dại cũng chết, biết thì sống".*

*"Biết tương quan lực lượng giữa mình và người, biết tâm lý khát vọng giữa mình và người, biết dần lòng chờ cơ hội thuận tiện để thực hiện ý định, biết giả dối để che đậy bí mật hành động cho khỏi hại, biết cương quyết tiến lui, biết cứng mềm tùy lúc, biết thích ứng hoàn cảnh để sống còn, biết lẩn tránh mũi dùi của địch... toàn là những cái biết rất thực tế, có thể kiểm điểm lại qua mọi sự kiện lịch sử, và có thể thấy rất rõ ràng là chính nhờ cái biết ấy mà nước Việt Nam chúng ta còn được tới ngày nay". (6)*

"Khôn cũng chết" như Trạng Trình nói, đó là cái "khôn giả"; và "dại cũng chết" như Trạng Trình nói, đó là cái "dại thật". Chỉ ai biết phân biệt được "khôn thật" với "khôn giả", "dại thật" với "dại giả", thì mới có thể sống được mà thôi.

Cũng như Trạng Trình, tục ngữ đã kết thúc rằng:

*"Khôn cũng chết, dại cũng chết, biết thì sống."*

Xem như thế, "biết" là điều kiện chính yếu để biện biệt cái "khôn" với cái "dại", giúp cho chúng ta có thể thực hiện được "đạo làm người", giúp cho dân và nước Việt Nam chúng ta khỏi bị diệt vong. Cho nên tưởng trước hết, chúng ta nên tìm hiểu qua các câu tục ngữ: "Biết là thế nào?" và "Khôn là thế nào?"

### \* "BIẾT" là thế nào ?

1- Biết là suy xét cho đúng phép: suy chín, xét xa, biết rõ gốc ngọn, vấn dài, dẫn đo nặng nhẹ, nông sâu:

*Làm người suy chín, xét xa,*

*Cho tường gốc ngọn, cho ra vấn dài".*

*...Làm người phải dẫn, phải đo,*

*Phải cân nặng nhẹ, phải dò nông sâu.*

Biết suy nghĩ rất quan trọng, cho nên dân gian thường nhắc đi nhắc lại cho chúng ta ghi nhớ rằng:

*Làm người mà chẳng biết suy,*

*Đến khi nghĩ lại, còn gì là thân.*

2- Biết còn là suy đoán phân biệt để nhận diện đúng sự vật. Suy đoán là sở trường của những **câu đố**.

**Câu đố** - Câu đố có hình thức một câu gọn ngắn có vần hay không có vần, có bản văn nhất định, nhưng câu đố cũng có hình thức một chuyện kể ngắn, không có lời văn nhất định. Tuy vậy vì nội dung hoàn toàn thuộc về trí tuệ, suy luận, nên chúng tôi vẫn xem câu đố như là một loại tục ngữ.

Câu đố thường dùng để mua vui, giải trí sau những giờ làm việc mệt nhọc, nhưng câu đố cũng góp phần không nhỏ với tục ngữ để luyện tập, một cách linh động, tinh thần và lễ lối suy đoán, biện biệt cho dân gian.

Ở đây chúng tôi không thể đi sâu vào việc nghiên cứu toàn thể các câu đố, mà chỉ dẫn ra một số câu đố liên hệ hơn cả với cách suy đoán biện biệt, bổ túc thêm về cái "biết" trong các câu tục ngữ mà thôi.

Chúng tôi chú trọng nhiều đến các câu đố gọi là đố mẹo, nghĩa là dùng những cách kín đáo, khéo léo để "gài bẫy", làm cho người nghe hoặc không thấy được, hoặc hiểu sai lệch chủ đề, nên không biết đâu mà suy đoán giải đáp.

a) Về loại câu đố mẹo này, trước hết, có những **câu đố "vừa đố vừa giảng"** rất dung dị, song người nghe qua tưởng lầm là vấn đề khó khăn, rắc rối, nên suy nghĩ xa xôi, đi tìm lời giải ở ngoài lời đố, không ngờ lời giảng lại nằm sờ sờ trong câu đố rồi:

- Con cua tám cẳng hai càng, một mai hai mắt, rõ ràng con cua. Và: - Tổ kiến, kiến tổ, vừa đố vừa giảng.

Đố: Là những con gì, vật gì ?

Giải: Là con cua và tổ kiến (có ghi rõ trong các lời đố).

Người Pháp cũng có một câu đố mẹo như thế: "Quelle est la couleur du cheval blanc d'Henri IV?" (Màu lông con ngựa trắng của Henri IV là màu gì?). Giải: Màu trắng (có ghi trong lời đố).

b) Có các câu đố mẹo khác, trong lời đố **cố tình làm lẫn lộn các ý niệm** "đồng thời" với "lần lượt", "trọng lượng" với "khối lượng" khiến cho người nghe nào sơ ý, hấp tấp sẽ giải đáp sai:

- *Luộc 1 cái trứng 4 phút là chín, vậy muốn luộc chín 3 cái trứng phải tốn bao nhiêu phút ?*

- *Một tạ sắt với một tạ gòn, tạ nào nặng hơn tạ nào ?*

Giải: Luộc chín 3 quả trứng cũng 4 phút thôi (bỏ 3 trứng chung vào một nồi mà luộc đồng thời với nhau). Một tạ sắt và một tạ gòn, không tạ nào nặng hơn tạ nào. (Vì tạ là 100 cân, thì tạ sắt cũng nặng 100 cân, tạ gòn cũng nặng 100 cân như nhau).

c) Có câu đố mẹo **cố tình làm cho lẫn lộn các ý nghĩa** (đồng âm dị nghĩa) để đánh lạc hướng người nghe:

- *Trục trục như con chó thui, chín mắt, chín mũi, chín đầu, chín đuôi.* Đố là con vật gì?

Giải: Con chó thui (Vừa đố vừa giảng; chữ "chín" ở câu này không phải là số 9, mà nghĩa là "thui chín", trái nghĩa với "sống")

d) Cũng có câu đố mẹo đã cố tình sắp đặt sẵn một câu giải đáp khôi hài nghe qua cũng hợp lý, mà thật ra thì "**lãng nhách**" (trả lời không đâu vào đâu cả) và ngộ nghĩnh, để "chọc què" người giải câu đố:

- *Vì sao khi hành nghề, mọi tên ăn cắp, móc túi phải nhìn trước rồi nhìn sau?*

Giải: Vì hấn không thể nhìn trước và nhìn sau cùng một lượt.

đ) Đặc biệt có câu đố mà có thể có nhiều lời giải đúng, như:

- Con gì đứng thì thấp, ngồi thì cao ?

Trong sách, thấy ghi lời giải đáp là: "Con chó". Nhưng thật ra, lời giải có thể là "con mèo" vì mèo cũng "đứng thì thấp, ngồi thì cao", như con chó. Mà con beo, con cọp cũng vậy.

Về "đố toán số" cũng có trường hợp một câu đố mà có thể có vô số lời giải đúng. Chẳng hạn như:

- Ba người mua trứng. *Người thứ nhất mua nửa giỏ và nửa quả, người thứ hai cũng thế (mua nửa số trứng còn lại trong giỏ và nửa quả). Người thứ ba mua số trứng còn lại. Hỏi số trứng nguyên là bao nhiêu?*

Trong sách chỉ thấy ghi có mỗi một lời giải như sau: Số trứng trong giỏ là 7, rồi giảng thêm:

Người thứ nhất: Ba quả rưỡi + nửa quả = 4 quả

Người thứ hai : (còn lại: 7 - 4 = 3. Phân nửa của 3 = 1 quả 1/2); 1 quả rưỡi + 1/2 quả = 2 quả.

Người thứ ba : (7 - 4 - 2) = 1 quả.

Nhưng có vô số lời giải đúng khác nữa, như số trứng trong giỏ là 11, 15, 19, 23, 27... như :

Số trứng là 11: người thứ nhất 6, thứ hai 3, thứ ba 2 quả.

Số trứng là 15: -- --

8, -- 4, -- 3 quả-

Số trứng là 19: -- --

10, -- 5, -- 4 quả.

Số trứng là 23: -- --

12, -- 6, -- 5 quả.

Số trứng là 27: -- --

14, -- 7, -- 6 quả...

Cái mẹo trong câu đố này là đưa ra việc mua thêm "nửa quả" trứng. Đó là điều trên thực tế không thể làm được. Điều này làm cho người giải câu đố bị hoang mang. Cho nên trước tiên, phải tìm hiểu vì sao lại có việc mua thêm "nửa quả", thì mới tiếp tục suy đoán được.

Là vì số trứng trong giỏ là một số lẻ, nếu chia thành hai phần đều nhau (nửa giỏ) thì, trên

lý thuyết kế toán, trong mỗi phần sẽ có "nửa quả". Cho tiện việc mua bán, người mua, ngoài phần nửa giỏ trứng ra, lại mua thêm "nửa quả" nữa, cho có được trọn y một quả. Như vậy, số trứng trong giỏ phải là một số lẻ. Từ điều kiện tiên quyết này, người giải câu đố mò mẫm với những con số lẻ, từ số nhỏ đến số lớn, từ 1, 3, 5, 7, 9, 11, 13, 15, 17, 19, 21, 23, 25 đến 27 chẳng hạn ..., thì thấy các con số đáp ứng với các tiêu chuẩn trong câu đố, là 7, 11, 15, 19, 23, 27.

Và nhận thấy thêm rằng: lấy số 7 mà cộng với 4, hay cộng với các bội số của 4 (cho đến vô tận), sẽ có vô số lời giải đúng.

Cái hay của câu đố này là ở chỗ giúp cho ta hiểu được rằng:

1- Cần đối chiếu với thực tế mà kiểm soát sự việc mới có thể suy đoán hữu hiệu.

2- Thường không phải chỉ có một lời giải (của mình) là đúng mà thôi, cũng có nhiều lời giải khác đúng nữa. Phải có sự "truyền thông" với nhau giữa những thành phần nhân loại.

e) Để kết thúc phần này, chúng tôi xin dẫn ra một vài câu "đố tục, giảng thanh", chẳng hạn như:

*Bộ tịch quan anh xấu lạ lùng,*

*Khom lưng, uốn gối, cả đời cong,*

*Lưỡi to mà sức ăn ra khoét,*

*Cái kiếp theo đuôi có thẹn không?*

Câu đố nghe qua, thì thấy rõ ràng là một thóa mạ" một ông quan "có hành động xấu xa lạ lùng, bên trên thì suốt cả đời khom lưng, uốn gối nịnh bợ, phía dưới thì ra sức hà hiếp, đục khoét dân đen, thử hỏi cái kiếp nô lệ theo đuôi ấy, tự mình có thấy hổ thẹn không?"

Lời chê bai có phần tục tằn, sống sượng, nhưng khi giảng khác đi, thì nghe thanh nhã: Câu này tả cái cày. "Cái cày hình dáng không đẹp, cán uốn cong, lưỡi cày to, bao giờ cũng phải theo đuôi con trâu để cày". Rồi dân gian, nhân cách hóa cái cày, mà lên tiếng hỏi rằng: "Sống cuộc đời theo đuôi con trâu như vậy, "quan anh" có thẹn không?" (Chữ "quan" trong "quan anh", chỉ

"người có địa vị không phải đi phu, tạp dịch trong làng, dưới thời Pháp thuộc" (theo Từ-điển tiếng Việt, Nguyễn Lâm, 1991).

*Kinh nghiệm: Một chuyện mới nghe qua cho là chướng tai, biết đâu nếu đứng vào một lập trường nào khác mà nhìn, thì không phải vậy.*

Dân gian ta biết dùng lối vừa đùa cợt giải trí, vừa đào luyện cho nhau về suy đoán và cân nhắc trong nhận định, một cách không kém phần sâu sắc.

### \* **Khôn là thế nào ?**

Khi đã "biết" suy xét, nhận định, suy đoán, thì có thể phân biệt được "khôn" với "đại", để hành động cho khỏi sai lầm:

1- Khôn không phải là làm khôn, (tiếng Việt, có chữ "làm khôn" nghĩa là tỏ ra mình khôn ngoan hơn người và can thiệp, xía vào việc của người khác), như thế chỉ có hại cho mình.

*Khôn vừa chút, khôn lắm lại chết non.*

Từ thế kỉ thứ XV, Nguyễn Trãi đã có câu thơ đại ý như thế:

*Hễ kẻ làm khôn thì phải khó.*

Và Trạng Trình cũng khuyên đừng "tranh khôn" mà có hại:

*Tranh khôn ắt có bề lo lắng.*

Mà trái lại, tục ngữ bảo ta phải biết cư xử cho nhún nhường, khiêm tốn:

*Ai nhất thì tôi thứ nhì,*

*Ai mà hơn nữa tôi thì thứ ba.*

2- Mà khôn là thân trong biết giữ gìn lời ăn tiếng nói.

Chỉ vì thiếu tinh thần cảnh giác, không thận trọng, nên người ta thường thốt ra những câu hồ hênh, vô ý thức, gây ra bao nhiêu tai họa cho bản thân và cho công cuộc đấu tranh của toàn dân:

*Vạ ở miệng ra, bệnh qua miệng vào.*

*...Thứ nhất là tội miệng mà...*

Nên: Khôn thì ngậm miệng, khoẻ thì cấp tay.

*... Người khôn đón trước rào sau,*

*Để cho người đại biết đầu mà dò.*

*...Chim khôn tiếc lông, người khôn tiếc lời.*

*...Sông sâu, sào ngắn khôn dò,*

*Người khôn ít nói, khôn đo tắc lòng...*

*...Người khôn nói mánh, người đại đánh đòn.*

Ông cha chúng ta có cách nói gân, nói xa, rào trước đón sau, để khỏi phật lòng người nghe và nhất là để không ai có thể bắt bẻ, hay buộc tội mình được. Đó gọi là "nói mánh".

(Trong Đại Nam quốc âm tự điển, 1896, Huỳnh Tịnh Của định nghĩa chữ "mánh" là "ý tứ, tình ý, màng dò" và "nói mánh" là "nói ý tứ, xa gân, nói ướm thử" để người nghe suy nghĩ mà hiểu lấy).

3- Khôn không phải là quỉ quyết để làm thiệt hai người khác:

*Đã khôn lại ngoan,*

*Đã đi làm đĩ lại toan cáo làng.*

*Nếu khôn mà quỉ quyết, thì trước sau gì cũng:*

*Khôn ngoan quỉ quyết chết lao, chết tù...*

*Càng khôn ngoan lắm, càng oan trái nhiều.*

Ở tiếng Việt, từ "ngoan" vốn có hai nghĩa trái ngược nhau: "ngoan" là khôn, như lành, (như ngoan đạo, đứa bé ngoan), mà "ngoan" cũng có nghĩa là khó trị, quỉ quái (như ngoan cố, gian ngoan), (Đại Nam quốc âm tự vị, Huỳnh Tịnh Của, Saigon, 1896). Trong mấy câu trên đây, từ "ngoan" được hiểu theo nghĩa thứ hai, tức là "gian tham, quỉ quyết".

4- Mà khôn là thật thà ngay thẳng, vì cuối cùng cái khôn ngay thật bao giờ cũng hơn cái khôn gian trá:

*Khôn ngoan chẳng đo thật thà,*

*Lương thưng, tráo đấu chẳng qua đong đầy.*

(Đấu: thùng bằng gỗ để đong lúa, gạo; thưng: 1/10 đấu).

Tức là: Khôn ngoan không bằng thật thà, ngay thẳng; có gian lận, tráo dối cũng không bằng làm ăn đứng đắn, lương thiện: đong đầy, cân đúng.

Chưa kể, "khôn" mà gian ngoan, bất nhân, chết sẽ xuống địa ngục; còn đại mà hiền lành, chết sẽ được lên thiên đàng:

*Khôn thế gian, làm quan địa ngục,  
Đại thế gian, làm quan thiên đàng.*

5- Khôn không dùng để hai dân, bán nước: không phải là đem cái khôn ra chống lại với đồng bào, phản lại quyền lợi chung:

*Khôn ngoan đối đáp người ngoài,  
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.  
...Chim không đánh chim cùng một tổ,  
Trâu một chuồng, trâu có húc nhau.  
Cùng chung một giọt máu đào,  
Nữ nào hại nước, nữ nào hại dân.*

Và: *Tiếc thay con chim phượng hoàng còn đại chữa có khôn,*

*Núi Tam Sơn chẳng đậu, lại đi đậu cỏ may.*

Dân gian ở vùng của chúng tôi cũng có một câu nữa tương tự như thế:

*Chim kia đại lắm không khôn,*

*Núi Lam Sơn không đậu, lại đậu cỏ may.*

Lam Sơn là nơi ngày xưa Lê Lợi khởi nghĩa, ở đây "Lam Sơn" dùng để tượng trưng cho "kháng chiến". Câu này đại ý nói: Thương hại cho những kẻ đại dốt không biết theo kháng chiến cứu nước, mà lại đi theo phương Việt gian (đậu cỏ may là một thứ cỏ, mỗi lần ta ngang qua, thì bị những hạt nhỏ của cỏ móc vào quần, rất dơ bẩn, phải mất thì giờ mới gỡ hết được).

Và cũng có câu:

*Gáo đồng mức nước giếng tây,*

*Khôn ngoan cho lắm cũng tỏ thấy người ta.*

"Giếng tây" là "giếng ở phía tây" mà cũng có thể hiểu là "người Tây"; "mức nước giếng Tây" có thể hiểu là "đem nước dâng cho Tây". Đại ý câu này là: Cọng tác với Tây, mà tự cho là mình khôn, nhưng có khôn cho lắm, cũng chỉ là đem thân ra làm nô lệ cho ngoại nhân mà thôi!

6- Mà khôn là dùng để giữ vững lập trường, dùng để cho đối phương lung lạc, dụ dỗ đưa vào con đường bán nước, phản dân:

*Người đời phải xét thiệt hơn,  
Đừng nghe tiếng sáo, tiếng đàn mà sai...  
Đây ta như cây giữa rừng,  
Ai lay không chuyển, ai rung không dời.*

7- Khôn mà ý thức được giới hạn của cái khôn.

Chính tục ngữ đã vạch ra cho ta thấy rõ những hoàn cảnh khách quan và chủ quan đã hạn chế cái khôn của người đời:

a) Hoàn cảnh khách quan đã hạn chế cái "khôn", như: tiền bạc, lẽ phải, may mắn, thiên thời, địa lợi... :

*Cái khó, bó cái khôn."*

*...Khôn như tiền, không tiền cũng đại.*

*...Khôn chẳng qua lẽ, khoẻ chẳng qua lời.*

*...May hơn khôn....*

*...Chẻ vỏ (biết nhiều) vẫn thua vận đỏ.*

*...Người đời ai có đại chi,*

*Khúc sông eo hẹp phải tùy khúc sông.*

*...Khôn ngoan ở đất nhà bay,*

*Dù che, ngựa cưỡi, đến đây phải lượn.*

b) Hoàn cảnh chủ quan đã hạn chế cái "khôn", như: dục tình, nhẹ dạ, bản tính trời sinh, già nua lú lẫn...

*Miệng khôn, trôn đại.*

*...Khôn ba năm, đại một giờ .*

*...Khôn từ trong trứng khôn ra,*

*Đại dẫu đến già cũng đại.*

*...Trẻ khôn qua, già lú lại.*

\* \*

Tóm lại, qua tục ngữ, chúng ta thấy được đường lối nghìn năm của ông cha, là trường kỳ tranh đấu cho sự sống còn của dân tộc, của quốc gia, mà triết lý căn bản là: "**biết thì sống**", "**biết**

**phân biệt đại và khôn**" để bản thân, nòi giống khỏi bị diệt vong, một triết lý xây dựng trên tình người, trên sự làm lành, đùm bọc, giúp đỡ, cứu vớt lẫn nhau, một lễ lối ứng xử chừng mực vừa phải, biết thận trọng, ẩn nhẫn, chịu đựng cho thích nghi hóa với mọi hoàn cảnh để tồn tại, để chờ cơ hội thuận lợi mà vùng lên.

Nguyễn Thùy, trong « Tinh thần Việt Nam », cho rằng: "Cố như thế, dân tộc ta mới tồn tại, mới bảo vệ được tinh thần của mình, mới tiếp thu được mọi thứ của người để có thể thể hiện được một hội nhập tròn đầy cái lý dịch hóa của vũ trụ vạn vật và của con người vào thời kỳ cuối của kỉ nguyên. Cái tính "chấp nhận để từ khước", "hòa mà không đồng", "tỏ ra thua thiệt để không đầu hàng", "chịu thiệt thòi để không mất tất cả", nếu có đưa dân tộc đến chỗ phải gánh chịu nhiều trăm luân, nhưng chính là một cuộc "chạy trốn về đằng trước" rất tế nhị của dân tộc ta để sửa soạn cho một bước đi tốt đẹp vào hội chung cục. Chịu đựng tất cả để khỏi bị tiêu diệt." (7)

**Tinh thần kết hợp cái "khôn" và cái "biết" trong tục ngữ**, đã chi phối mọi xử sự, thông truyền giữa dân gian nước ta. Tinh thần ấy cũng phần nào giống với quan niệm **kết hợp "khôn" và "biết" trong triết học hiện đại Tây phương**: Phải chăng từ ngữ Pháp **philosophie** (triết lý, hay triết học) vốn gốc Hi-lạp, gồm có: **philéos** (thương yêu) + **sophia** (khôn ngoan).

Trong từ điển *Dictionnaire de la Philosophie*, một giáo sư Pháp, Didier Julia, đã xác nhận rằng: "Cái **"khôn"**, theo nghĩa xưa là cái **"biết"** bằng trực giác về những qui luật của vũ trụ, và theo định nghĩa hiện đại là cái **"biết"** về những vấn đề của những người khác. Nói một cách thông thường hơn, cái **"khôn"** là một khái niệm luân lý chỉ sự "thăng bằng" của phẩm cách con người: sự "tiết độ" (theo Platon), hay sự "chừng mực" của mọi ham muốn. Theo nghĩa ấy, cái "khôn" trái lại với sự "say mê", cũng như trái lại với cái "đại". Cái "khôn" có

*khuyh hướng đồng hóa với sự "thận trọng".* Và "*La sagesse est le but de la philosophie*" nghĩa là "**cái khôn là cứu cánh của triết học**". (8)

Như thế, dân tộc Việt Nam quả đã có một triết lý riêng của mình, một triết lý **kết hợp cái "khôn" và cái "biết"**. Bổn phận con cháu chúng ta là phải khám phá cho thấy được triết lý kết hợp cái "khôn" và cái "biết" mà ông cha chúng ta dụng ý trời gửi lại qua các câu tục ngữ ấy, để hành động cho đúng thời, đúng chỗ, hầu có thể tiếp tục đấu tranh bảo tồn nòi giống và quê hương một cách thật sự hữu hiệu hơn.

**Và như thế, chữ "triết lý" dùng trong bài này, tưởng cũng không phải là một lạm xưng danh từ.**

**VÕ THU TỊNH**  
(Paris)

### CHÚ THÍCH

- (1)- Dương Quảng Hàm, *Việt Nam Văn học sử yếu*, q. I, Paris, SudAsie, 1986, Tục ngữ, tr. 6,7.
- (2)- Phạm Thế Ngũ, *Việt-Nam văn-học sử giản ước tân biên*, q. I, Đại Nam tái bản, Glendale, CA, năm ?, tr. 22, 23.
- (3)- Thái Văn Kiểm, *Parémiologie vietnamienne comparée*, in *Présence Indochinoise*, Paris, No 1 - Avril 1979, trang 81 - 117.
- (4)- Nguyễn Khuyến - *Mẹ Mốc*:  
*So danh giá ai bằng Mẹ Mốc,*  
*Ngoài hình hài gấm vóc cũng thêm ra.*  
*Tám hồng nhan đem bồi lấm xóa nhòa,*  
*Làm thế để cho qua mắt tục.*  
*Ngoại mạo bất cần như mỹ ngọc,*  
*Tâm trung thường thủ tự kiếm kim.(vàng ròng)*  
*Nhớ chồng con muôn dặm xa tìm,*  
*Giữ son sắt êm đềm một tiết.*  
*Sạch như nước, trắng như ngà, trong như tuyết;*  
*Mảnh gương trinh vắng vặc quyết không như.*  
*Đắp tai ngảnh mặt làm ngọc,*  
*Rằng khôn cũng kệ, rằng khờ cũng thầy.*

**Khôn** kia dễ bán **dại** này !

(5)- *Luận Ngữ*, Công Dã Trùng, tiết 20: Ninh Võ Tử, bang hữu đạo tắc trí, bang vô đạo tắc ngu. Kỳ trí khả cập giả, kỳ ngu bất khả cập giả.

(6)- Lê Văn Siêu, *Văn minh Việt Nam*, Saigon, Nam Chi tùng thư, 1964, tái bản Glendale CA, Đại Nam, năm ?, tr. 92, 93.

(7)- Nguyễn Thùy và Trần Minh Xuân, *Tinh thần Việt Nam*, San José CA, Mékong Ty nạn, 1992, tr.195-196.

8)- Didier Julia, *Dictionnaire de la Philosophie*, France Loisirs, Paris, 1992, p. 252: Sagesse , "Cette définition est certainement la plus rigoureuse: la sagesse est, au sens antique, la connaissance des lois du monde et, au sens moderne, la compréhension des problèmes d'autrui. Plus communément, la sagesse est une notion morale qui désigne l' *équilibre* de la personnalité: la "tempérance" (Platon) ou la modération des désirs. En ce sens, la sagesse s'oppose à la passion, autant qu'à la bêtise. Elle tend à s'identifier à la prudence."

\*\*\*

# ÔNG PHAN THANH GIẢN

là nhân Tài Đạo Đức, Cương trực, Thanh Liêm,  
Trung Quân Ái Quốc và Thương Dân đáng được  
Tôn Kính Vinh Danh và Ngưỡng Mộ.

## Hàn Lâm NGUYỄN PHÚ THỨ

**Đ**ược biết, vua Tự-Đức (1847-1883), là con thứ hai của Vua Thiệu-Trị và Bà Hoàng Thái Hậu Từ Dũ, mất ngày 14 tháng 6 năm Quý Mùi nhằm ngày 17 tháng 7 năm 1883, trị vì 36 năm, thọ 55 tuổi. Vua Tự-Đức là vị vua thông minh, hiền lành, hiếu học, siêng năng và rất hiếu thảo với mẹ, được nhắc nhở như sau:

Trải qua 36 năm làm Vua trên ngai vàng, lúc nào cũng dành ngày chẵn vào cung để vẫn an sức khỏe mẹ, đồng thời nghe lời truyền bảo của mẹ, nếu có điều gì quan trọng đáng lưu tâm thì ghi ngay vào quyển sổ tùy thân mà nghiền ngẫm. Đó là, quyển sổ từ huấn lục (tức quyển sổ chép lời mẹ dạy). Xem thế, đủ biết Vua Tự-Đức thờ mẹ rất chí hiếu bậc nào.

Do vậy, khi giặc Pháp đã chiếm được lục tỉnh thuộc Nam Kỳ lúc bấy giờ, trong lãnh thổ này có quê hương của Bà Từ Dũ, làm cho nhà Vua rất tức giận và trút hết tội tình lên một vị quan văn trung-thần ái quốc là Ông Phan-Thanh-Giản, mà không xét lỗi mình là Ông Vua của một nước có quân, có quyền trong tay và lại có hành-xử chủ hòa với giặc Pháp? ...

Như thế, ở đời chúng ta nên: "Xét lỗi mình trước khi xét lỗi người" có vậy mới thấy trung thực của mọi vấn đề. Đó là bài học đáng quý vậy!

Khi nhắc đến Ông Phan Thanh Giản, không thể tạm ngưng ở đây, để tìm hiểu thêm, xin trích dẫn quyển *Tìm Hiểu Các Danh Nhân của Nguyễn Phú Thứ* từ trang 65 đến trang 84 như sau:

### Phan-Thanh-Giản

Ông Phan-Thanh-Giản, có tên chữ là Tịnh Bá và Đạm, hiệu là Lương-Khê, biệt hiệu là Mai-

Xuyên, sinh vào giờ Thìn, ngày 12, tháng 10 thuộc Hợi, năm Bính Thìn tức năm 1796 dương-lịch, thuộc đời vua Cảnh-Thịnh Nguyễn-Quảng-Toản (1792-1802).

Con của Ông Phan-Thanh-Xáng, tự Văn-Ngan, hiệu Mai-Thư tiên sinh, rất giỏi chữ nho, đến Vĩnh Long làm thơ lại cho Nam triều, thường lãnh nhiệm-vụ tải lương-thực về Huế. Và con của Bà Lâm-Thị-Phân (có sách nói tên Lâm-Thị-Bút, người huyện Bảo-An). Ông nội của Ông Phan-Thanh-Giản là Ông Phan-Thanh-Tập tự Đào-Ấn hiệu Ngẫu-Cư tiên sinh và Bà nội là Bà Huỳnh-Thị-Học. Tổ tiên Ông là người Trung-Hoa đến cuối đời nhà Minh mới sang nước Việt-Nam, trước ở Bình-Định, đến lúc Tây-Son nổi dậy, thân sinh Ông chạy xuống Định-Tường, rồi đến xã Bảo-Thạnh, quận Bảo-An, Tỉnh Bến-Tre (Kiến-Hòa trước kia). Lúc Ông được 7 tuổi, mẹ mất sớm, được người cha gởi sang bên ngoại ở làng Phú Ngãi, để ăn học vỡ lòng với nhà sư Nguyễn-Văn-Noa, đến năm 1816 Ông theo học trường tỉnh Vĩnh-Long. Việc học-hành của Ông lại gặp trở ngại, vì cha bị vu cáo nên bị ở tù tại Vĩnh-Long. Ông xin ở tù thay cha, nhưng không được chấp- thuận. Các quan thuở ấy thấy Ông nhỏ tuổi mà là một đứa con hiếu-thảo, lại có đức-hạnh và thông-minh, nên các quan nâng-dỡ cùng khuyên Ông nên cố-gắng học-hành để tiến thân. Năm Ất-Dậu 1825, Ông đậu Cử-Nhơn tại Gia-Định và năm sau ra Huế thi Hội và thi Đình, Ông đậu đệ tam tiến-sĩ đầu tiên tại Nam Kỳ (Khoa thi Hội năm 1826 có khoảng 200 cống sĩ, nhưng kết quả chỉ có 10 người đậu, gồm: 7 người ở Bắc-Kỳ, 2 người ở Trung-Kỳ và 1 người ở Nam Kỳ là Ông được đứng vào hạng thứ 3 trong số 10 người, cho nên được gọi Ông là "Đệ Tam Giáp Tiến Sĩ"). Sau đó, Ông cưới vợ Càn-Giuộc, rồi được bổ-nhậm chức Biên-Tu ở Hàn-Lâm-Viện kinh đô Huế, vài

tháng sau đổi ra Quảng-Bình. Rồi thay người vợ trẻ ở Càn-Giuộc mất sớm vì bệnh, nên Ông tục-huyền với Bà Trần-Thị-Hoạch ở Quảng-Trị, sống chung nhau chưa bao lâu, để báo hiếu với cha, Ông cho vợ về Kiến-Hòa để phụng dưỡng cha già. Người vợ là người đức-hạnh nên buộc lòng hy-sinh việc "xuất giá tòng phu", nghe lời chồng, cho nên khi Ông tiễn đưa vợ hiền về Nam Kỳ đã làm bài thơ kiệt-tác như sau:

*Từ thuở vương xe mới chỉ hồng,  
Lòng này tạc dạ có non sông,  
Đường mây cười tở ham dong ruổi,  
Trướng liễu thương ai chịu lạnh lùng,  
Ơn nước nợ trai đành lối bận,  
Cha già, nhà khó cậy nhau cùng,  
Mấy lời dặn bảo con ly biệt,  
Răng nhớ, răng quên, lòng hời lòng!*



Riêng bà Trần-Thị-Hoạch, không những đồng-ý thay chồng để báo hiếu, mà còn sẵn sàng muốn có người hầu hạ cho chồng khi bà xa vắng, nên dẫn người tỳ thiếp tên Thịnh để giúp chồng, bị Ông quyết liệt từ khước và bảo người tỳ thiếp trở về, Bà Thịnh cảm cái nghĩa của Ông, nên về sau không lấy chồng, mà ở với Bà Hoạch cho tới già tại làng Bảo-Thạnh, quận Bảo-An, Tỉnh Bến-Tre. Ngoài ra, khi Ông ra làm quan không bao giờ tỏ ra kiêu-hãnh "áo gấm về làng" bằng cách mỗi lần trở về quê thăm lại các quan ở Vĩnh-Long, thăm các thầy, thăm các bạn lúc nào nhã-nhận lễ phép, không phô-trương ta đây là quan lớn ở triều-đình, Ông mặc áo như người thường dân. Đời sống

Ông rất mực-thước, giản-dị, thanh-liêm, Ông dành nhiều thì giờ cho công-vụ và đọc-sách làm vui, cũng vì thế trong 41 năm làm quan, ít khi trở về thăm lại quê-hương của Ông, có lẽ vì đường sá quá xa xôi, việc nghỉ phép khó-khăn, đặc-biệt có lần về nhà cư tang cha vào năm 1843 và ngược lại bà



Hoạch cũng thỉnh-thoảng mới ra thăm Ông tại nhiệm-sở.

Về đường quan lộ của Ông rất thẳng trảm trong nhiều chức vụ qua các lãnh vực khác nhau, trải qua 3 triều đại: Minh-Mạng, Thiệu-Trị và Tự-Đức, xin trích dẫn như sau: Giai-đoạn 1826-1859, Ông lận-đận, thăng-trảm trên đường hoan lộ nhiều lần, ví như tháng 8 năm 1826 thuộc vua Minh-Mạng thứ 6, Ông giữ chức Biên Tu ở Hàn Lâm Viện, rồi được thăng chức Lang Trung Bộ Hình, kế đến Tham Hiệp ở Quảng-Bình, quyền Hiệp-Trần Nghệ- An và sau đó làm Hiệp-Trần Quảng-Bình. Năm sau tức 1827 Ông được về triều-đình để nhận chức Phủ-Doãn Thừa-Thiên, Ông được vua Minh-Mạng chú-ý vì có nhận-định chánh-trị sắc-bén và già dặn, nên ít lâu sau được thăng làm Thị-Lang Bộ Lễ tức làm việc tại Nội-Các và kế đến lại tái nhiệm chức Hiệp-Trần Quảng-Bình lần thứ hai đến năm 1831 Ông bị thuyên-chuyển về Quảng-Nam để dẹp cuộc khởi-loạn của dân-tộc thiểu số miền sơn cước. Cuộc chinh phạt đó, Ông gặp khó-khăn vì là quan văn, nên xem như thất bại, cho nên Ông bị giáng chức lần thứ nhứt. Rồi, Ông từ một thuộc viên của sứ bộ sang Hạ-Châu (Singapore), lại thăng lên Hàn-Lâm Kiểm-Thảo Sung Nội-Các Hành-Tâu, đến năm 1833 được thăng Viên Ngoại-Lang Bộ Hộ, quyền ấn, Phủ Thừa-Thiên, rồi Hồng-Lô Tự-Khanh và cuối năm này, Ông được cử làm Phó Sứ sang Tàu, sau khi trở về được thăng chức Đại-Lý Tự-Khanh để coi việc Bộ Hình và được sung vào Cơ-Mật-Viện Đại-Thần. Sau đó, vì nhờ tài ngoại giao, nên Ông được khen ngợi và lãnh chức Kinh-Lược Sứ Trần Tây (Cao-Miên), rồi trở về sung chức Bộ-Chánh Tỉnh Quảng-Nam, quyền ấn Tuần-Phủ Quan-Phòng. Vào tháng 5 năm 1836 thuộc vua Minh-Mạng thứ 7, nhà vua muốn ngự du Ngũ-Hành Sơn ở Quảng-Nam, Ông dâng sớ can ngăn đại lược như: "Nhà vua đi tuần hành, dân trong hạt chẳng vui mừng, nhưng nay khoảng tháng 4, tháng 5 mùa hạ, mùa lúa không được tốt, lại đang lúc thời tiết cấy cày, trồng trọt, nếu dân lo cung đón nhà vua thì được việc này, mất việc kia. Nay xin tạm đình để dân dốc sức vào việc ruộng nương..." "Lá sớ của Ông làm vua tức giận và nghi các quan ở Quảng-

Nam làm việc bê-bối, nên vua cử Ông Vũ-Duy-Tân đến điều-tra hư thật. Ông này lại nịnh hót đặt điều nào: Dân chúng đang mong vua đến, các quan nhùng lăm...

Vì thế, Ông bị nịnh thần dèm xiên, nên bị giáng chức nặng-nề, làm phận sự một người quét dọn bàn ghế tại tỉnh đường Quảng-Nam và nhà vua cũng bãi bỏ cuộc ngự du Quảng-Nam. Tuy nhiên, Ông không than van, đến khi vua hiểu được lòng của Ông, thì được bổ nhiệm chức Đô-Sát Viện Ngự-Sử, Sung Cơ Mật-Viện Đại-Thần. Đến năm 1843 thuộc vua Thiệu-Trị thứ 3, có một luồng khí bạch vất ngang trời, vua xuống chiếu cầu lời trực ngôn, Ông dâng sớ chỉ trích khéo vua và tố cáo sự thối-nát hành-chánh địa-phương, đồng thời Ông đề-nghị biện-pháp cải-thiện, Ông được vua Thiệu-Trị khen ngợi. Vua Tự-Đức lên ngôi bổ Ông làm Thượng-Thơ Bộ-Lại, đến năm Tự-Đức thứ hai, Ông được cử làm Giảng Quan ở tòa Kinh-Diễn mới thiết-lập và hai năm sau được cử Ông làm Phó Sứ Lãnh-Tuần Phủ Gia-Định kiêm chức Lãnh Đốc các đạo Vĩnh-Long và Định-Tường, Biên Hoà, An-Giang và Hà-Tiên (Trong khi Ông Nguyễn-Tri-Phương làm Nam Kỳ Kinh Lược Chánh Sứ). Trong chức vụ này, Ông lúc nào cũng nghĩ đến ích nước lợi dân, nên Ông lại dâng sớ điều-trần để cải-tổ, được vua chấp thuận và khen-ngợi. Năm 1853, Ông được gọi về triều để lãnh chức Hiệp-Biện Đại-Học Sĩ Lãnh Thượng Thơ Bộ Binh. Tháng chạp năm 1856 thuộc Tự-Đức thứ 9, Ông được cử Tổng-Tài Quốc-Sử để soạn bộ Khâm-Định Việt-Sử Thông-Giám Cương-Mục. Nước Pháp và Tây Ban Nha liên minh đánh Việt-Nam, gồm 14 chiếc thuyền chở 3000 quân dưới quyền chỉ huy của Rigault de Genouilly, ngày 24-7 năm Mậu Ngọ 1858 đến đánh Đà-Nẵng, triều đình cử Ông Nguyễn-Tri-Phương chống giữ, quân giặc thấy khó chiếm, bèn bỏ ý định đánh Huế, quay vào Gia-Định năm 1859 để đánh chiếm thành Gia-Định sau hai ngày giao tranh, chiếm được hơn 80.000 ký thuốc súng, 200 khẩu đại bác và một số tiền điều rất lớn. Các quan bày tỏ lập-trường về việc chiến hay thủ, Ông dâng sớ bàn đại lược như sau: "Thiên hạ đất rộng, công việc rất nhiều, ở chỗ việc nhiều, cai trị chỗ đất rộng, cốt làm cho yên mà thôi. Theo sức người mà dạy, không khó nhọc mà thành công, noi phép mà cai trị, quan lại quen mà

dân yên, cho nên lợi không gấp trăm thì không đổi phép, công mà không gấp mưu thì không đổi đồ dùng. Làm cái kế ngày nay cốt nhứt nuôi dân chăm cây cấy, nuôi lính đủ ăn, lưu ý như thế thì sức dân được thư thả mà quân có chỗ dạy, sức đất không bỏ phí mà lương có chỗ ra, quân giỏi, lương đủ thì như nước chảy cuồn cuộn không hết, thì hoặc đánh hoặc giữ, không việc gì là không nên, đối với việc dân yên nước thịnh, may ra bỏ ích đôi chút..." Vua Tự-Đức khen rằng: "Lời nói đều có cốt yếu, bọn tân tiến không thể ví nổi, chỉ nên thực lòng cố sức giúp trăm, đời sau chắc có tiếng khen". Kế đến: Ngày 25-2-1861 thành đồn Kỳ-Hòa (Chí-Hòa) thất thủ em Ông Nguyễn-Tri-Phương là Nguyễn-Duy tử trận, ông Phạm-Thế-Hiển bị thương nặng mấy hôm sau thì chết, riêng Ông Nguyễn-Tri-Phương cũng bị thương phải bỏ đồn rút quân về Biên-Hòa. Ngày 12-4-1861 Page hạ thành Mỹ-Tho; ngày 9-9-1861 Đê Đốc Bonard thay Charner chiếm thành Biên-Hòa và ngày 28-3-1862 Bonard chiếm thành Vĩnh-Long. Trước tình thế nguy-ngập, vua Tự-Đức cử Ông và Ông Lâm-Duy-Hiệp vào Nam-Kỳ để thương-thuyết hầu tìm cách cứu vãn tình thế, cuộc thương-thuyết diễn ra tại Sài-Gòn, có Đô-Đốc Bonard đại-diện quân Pháp và tướng Palanca đại-diện Tây-Ban-Nha (Y Pha Nho). Kết-quả, bắt buộc phải ký hòa-ước vào ngày 5-6 dl năm 1862 nhằm ngày 9 tháng 5 âm năm Nhâm-Tuất, quân giặc ở thế thượng phong, gồm 12 khoản, trong đó những khoản làm cho dân-tộc chúng ta khổ tâm như:

**Khoản 3:** Nhường cho Pháp các tỉnh: Biên-Hòa, Định-Tường, Gia-Định và đảo Côn-Nôn. Người Pháp được đi lại trên sông ngòi Nam-Kỳ.

**Khoản 5:** Người Pháp và người Tây-Ban-Nha được buôn bán ở Đà-Nẵng, Đà-Lạt và Quảng-Yên.

**Khoản 8:** Nước Đại-Nam tức Việt-Nam phải trả 4 triệu đồng chiến phí trong hạn 10 năm...

Hòa-ước Nhâm-Tuất ký xong, vua Tự-Đức và các triều không hài lòng và chủ trương: "Việc nhường đất, bồi tiền như thế không hợp lý, nhưng các điều ước mới định mà cãi nghị ngay thì họ sẽ không đồng ý". Ngoài ra, vua Tự Đức không bắt tội Ông Phan Thanh Giản mà còn cử Ông làm Tổng-Đốc Vĩnh-Long để từ từ thương chước để chuộc lại lỗi

lầm trước kia. Tháng 11-1862 Ông Phan-Thanh-Giản yêu cầu Pháp trả lại Vĩnh-Long, nhưng Pháp cho hay, chỉ trả lại khi nào Ông Quán-Cơ Trương-Định thôi đánh Pháp. (Bởi vì, khoảng thời gian trước và sau khi ký hòa-ước Nhâm-Tuất cho đến mất trọn 6 tỉnh thuộc Nam Kỳ, các sĩ phu và dân chúng thuộc 6 tỉnh (Nam Kỳ) rất uất hận nổi lên chống cự giặc ngoại xâm, dầu biết võ khí thô sơ nhưng với lòng yêu nước nồng nàn cao độ họ đã làm cho quân Pháp điên đảo, trong số những người cầm đầu lúc bấy giờ có các Ông: **Trương-Định, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn-Hữu-Huân (Thủ-Khoa-Huân), Võ-Duy-Dương tức Thiên-Hộ-Dương, Đức Cố Quân Trần-Văn-Thành v...v...**).

Sau đó, đề cử sứ bộ sang Pháp và Tây Ban Nha (Y Pha Nho) để xin chuộc lại gồm có: Chánh sứ toàn quyền Ông Phan-Thanh-Giản, Phó sứ là hai Ông Phạm-Phú-Thứ và Nguyễn-Khắc-Đán, còn Ông Trương-Vĩnh-Ký làm thông ngôn. Để người Pháp giúp phương tiện cho sứ bộ, triều đình Huế lấy có là để đáp lễ Pháp Hoàng đã phái người đến chúc mừng vua Tự-Đức nhân dịp ký hòa-ước 1862. Người Pháp bằng lòng cho mượn tàu Européen và cử Aubaret, Rieunier đi theo hướng dẫn, nhưng phía Việt-Nam phải trả mọi phí tổn. Sau 2 tháng 7 ngày trên tàu, phái đoàn mới đến nước Pháp, được đón rước rất trọng thể và mãi đến ngày 7-11-1863 được vào bộ kiến vua Napoléon Đệ Tam tại điện Tuileries theo nghi lễ ngoại giao thật long trọng. Ít hôm sau, bộ ngoại giao Pháp mời sứ bộ tới và hứa sẽ nghiên-cứu rồi sửa đổi lại hòa-ước 1862 và sẽ ký một hòa-ước mới. Ông Phan-Thanh-Giản tuyên-bố đại lược rằng: "Sứ bộ Việt-Nam xin chuộc 3 tỉnh Miền Đông và Việt-Nam sẽ trả mỗi năm 2 hay 3 triệu hoặc 40 triệu một lần. Người Pháp có quyền cư trú tại 3 hải cảng để tự do buôn bán, đồng thời Việt-Nam nhượng cho Pháp hải cảng Sài-Gòn" Chánh Phủ Pháp chấp-thuận soạn thảo hòa-ước mới để thay thế hòa-ước 1862 trước kia, đồng thời trao cho sứ bộ Việt-Nam trước khi lên đường sang Tây-Ban-Nha. Bởi vì, nước Pháp lúc đó đã thâm lũng 972 triệu quan Pháp, nên vua Napoléon lẩn Tổng-Trưởng Tài-Chánh đều chủ trương trao lại đất cho Việt-Nam để lấy tiền. Do vậy, sứ bộ do Ông

Phan-Thanh-Giản thành-công, còn được đưa đi xem các nơi tại Pháp và Tây-Ban-Nha (Y Pha Nho) rất văn-minh của xứ người. Ngày 24-3-1864, sứ bộ về đến Sài-Gòn. Vua Tự-Đức và triều thần đều vui mừng. Vua Tự-Đức bèn phong Ông làm Thượng Thơ Bộ Lại như cũ. Nhưng thực tế, triều đình Huế đã mừng hụt, vì phe thực-dân đã vận-động để chống lại việc cho chuộc đất, đứng đầu là các nhân vật thuộc bộ hải-quân và thuộc địa như: Chasseloup Laubat, Bonard, De La Grandière...vì thế vua Napoléon đổi ý không cho chuộc lại đất. Tháng 2-1865, Aubaret tới Huế cho hay không có hòa-ước mới và yêu cầu vua Tự-Đức cho trả tiền chiến phí, đồng thời phải cầm nghĩa-sĩ chống Pháp. Như thế, việc chuộc đất hoàn-toàn thất bại vì kẻ mạnh trở mặt, muốn thế nào cũng được, làm cho Ông Phan-Thanh-Giản lại bị vua Tự-Đức tức giận cách lưu. Đây là lần Ông bị giáng chức thứ sáu, tội nghiệp cho Ông lúc này đã 70 tuổi. Sau đó, dã tâm của giặc Pháp càng ngày càng rõ rệt là muốn nuốt trọn Nam Kỳ lúc bấy giờ có 6 Tỉnh, các lực-lượng nghĩa-sĩ chống giặc ngoại-xâm nổi lên đánh phá khắp nơi. Trước tình thế đó, Vua Tự-Đức lại cử Ông Phan-Thanh-Giản vào Nam, vì nghĩ rằng người Pháp đã biết Ông, với chức Hiệp Biện Đại Học Sĩ Bộ Hộ, Thượng Thơ Sung Kinh Lược Sứ thuộc 3 Tỉnh An-Giang, Vĩnh-Long và Hà-Tiên. Ông xin từ chức vì có tuổi già, nhưng không được vua chấp thuận và trước khi đi Ông có tâu rằng: "Chánh sách của Ông là luôn luôn tuân đúng theo hòa-ước". Vua Tự-Đức cũng ngộ ý: "Muốn hoà-bình cho dân-tộc được yên ổn, nhưng không nên vì lẽ ấy mà khuất-phục tình hình một cách thụ động". Về phía thực-dân Pháp, De La Grandière (De Lagrandière?) đã thảo kế-hoạch đánh chiếm luôn ba tỉnh Miền Tây (Nam Kỳ). Ngày 15-6-1867, De Lagrandière rời Sài-Gòn xuống Vĩnh-Long với 17 chiến hạm và hấn nhờ Cố Dương đưa thơ mời Ông Phan-Thanh-Giản xuống soái hạm để cho biết lý-do động binh của hấn. Ông và Án Sát Võ-Doãn-Thanh cố-gắng thương-thuyết, nhưng bọn thực-dân đã quyết-tâm cướp nước, thì làm sao còn thương thảo được, hai Ông hoán binh, hứa sẽ nộp thành với điều-kiện yêu cầu đừng sách nhiễu dân và tiền với lúa trong kho vẫn phải để Việt-Nam nắm giữ. De La Grandière

ung thuận, nhưng khi hai Ông trở về thành vào ngày 20-6-1867, thì thành Vĩnh-Long đã bị quân Pháp chiếm. Sau đó, đến thành An-Giang mất ngày 22-6-1867 và thành Hà-Tiên cũng bị quân Pháp chiếm luôn vào ngày 24-6-1867 (Theo sách Việt-Nam Sử Lược của Ông Trần-Trọng-Kim viết: "Ông Phan-Thanh-Giản bảo các quan đành chịu nộp thành cho khỏi sự tai hại" nhưng không thấy dẫn chứng dựa theo tài-liệu nào? Chỉ thấy trong quyển La Geste Française en Indochine của Cura Taboulet tập 2, trang 518-519, đã dịch ra và in trong quyển quân-sự tập 3 của BTM do Ông Phạm-Văn-Son biên soạn viết: Ông Phan-Thanh-Giản viết thơ buộc Tổng Đốc An-Giang và Hà-Tiên hạ vũ khí đầu hàng. "Nếu cần xin xem quyển Nguyễn-Đình-Chiêu về tác-giả và tác-phẩm trang 672").

Sau đó, Ông Phan-Thanh-Giản lấy tiền lúa nộp một phần cho Pháp để thanh-toán tiền bồi thường năm đó, rồi Ông ra sống tại một ngôi nhà tranh ở ngoài thành Vĩnh-Long. Chính tại nơi đây, Ông quyết-định chấm dứt cuộc đời của Ông. Có lẽ đó là lối thoát duy nhất của Ông sau khi Ông đơn phương nộp thành trì cho Pháp mà không có sự ưng-thuận của triều đình, như trước đó vua Tự-Đức đã đặt hy-vọng bảo-vệ thành trì vào tay Ông. Ông đã hiểu mình phải làm gì, bởi vì thân làm tướng giữ thành mà để mất thành là một trọng tội, cho nên Ông tự xử lấy mình. Ông xếp tất cả áo mũ và các tờ sắc-phong kèm theo tờ sớ chịu tội với triều đình rồi Ông bắt đầu tuyệt thực.

Sự tuyệt thực của Ông có ý-nghĩa là một biện pháp "ung dung tự nghĩa" tức là bình-tĩnh đón nhận cái chết để đạt được nghĩa lớn tức là đền nợ nước. Các con cháu qui lạy khóc lóc nhưng Ông đã quyết không ai ngăn cản được. Ông vẫn bình tĩnh và sáng suốt khuyên con cái lo học-hành, không được làm việc cho Pháp, đồng thời bảo con cháu lo tang ma thật giản dị và Ông tự tay viết di bút đề đề một bia cho Ông gồm 24 chữ Hán, viết thành 3 hàng được phiên âm như sau :

**"Minh tinh thĩnh tỉnh nhược vô ứng thư, Đại-Nam hải nhai lão thư sinh tinh Phan chi cửu. Diệc dĩ thử chí mộ"**. Nghĩa là: Xin bỏ tang

triệu, còn nếu không chịu bỏ thì chỉ nên viết: "Linh cữu của người học trò già họ Phan ở bãi biển nước Đại-Nam" mộ chí cũng đề như thế. Đồng thời Ông làm thơ tuyệt mạng : Thời trời, lợi đất, lại người hòa, Há dễ ngồi coi phải nói ra. Làm trả ơn vua, đền nợ nước, Đành cam gánh nặng ruổi đường xa. Lên gềnh xuống thác thương con trẻ, Vượt biển trèo non cam phận già. Cũng tưởng một lời an bốn cõi, Nào hay ba tỉnh lại châu ba! Và Ông tuyệt thực suốt 17 ngày mà không chết để chờ quyết định của vua Tự-Đức. Sau cùng, vào lúc nửa đêm mùng 4 rạng mùng 5 tháng 7 năm Đinh Mão 1867, Ông hướng về phương Bắc nơi có vua Tự-Đức để lạy 5 lạy và trước sự chứng kiến đau lòng của các con cháu, rồi Ông uống á-phiện với dấm thanh để tự vận. Lúc đó có nhiều người quan Pháp kính nể việc làm của Ông, bác sĩ hải-quân Pháp là Le Coniat đã tận lực cứu chữa, nhưng không cứu Ông được, nên phải trút hơi thở cuối cùng thượng thọ 71 tuổi và được các quan lớn nhỏ ở lục tỉnh cùng thân nhân bằng cố hữu về đông đủ để chịu tang và các con cháu đưa về an táng tại làng Bảo-Thạnh, quận Ba-Tri (Bến-Tre) đúng như ý muốn của Ông. Khi hay tin Ông chết, các quan Việt-Nam và Pháp tới phúng điếu đều ngâm ngợi thương tiếc một công thân với 41 năm công cán suốt 3 triều đại là: 1.-Vua Minh - Mạng (1820-1840) tức con thứ ba của vua Gia-Long là Thánh-Tổ Nguyễn-Phúc-Đảm, thọ 50 tuổi, trị vì 20 năm và có 170 người con. 2.-Vua Thiệu-Trị (1841-1847) tức Hoàng-Thái-Tử của vua Minh-Mạng là Hiến-Tổ Nguyễn-Miên-Tông, thọ 37 tuổi và trị vì 6 năm. 3.-Vua Tự-Đức (1847-1883) tức con thứ hai của Vua Thiệu-Trị với Bà Thái-Hậu Từ-Dũ, quê ở Gia-Định (Nam Kỳ) là Hoàng-Thái Tử Dục-Tông Nguyễn-Hồng-Nhậm, thọ 55 tuổi và trị vì 36 năm.

Lúc làm Kinh-Lược trấn nhậm tỉnh Vĩnh-Long Ông có lập miếu thờ Đức Khổng Tử do Ông Nguyễn-Thông trông nom, khởi công năm Giáp Tý 1864 đến cuối năm 1866 hoàn-thành, đồng thời cất tòa Văn-Xương-Các chung trong đất Văn -Thánh tại làng Long-Hồ để khi rảnh rỗi việc quan, Ông cùng các bạn văn nho họp luận bàn thi phú. Tòa Văn Xương-Các đến nay vẫn còn uy-nghiêm dưới nhiều cây cổ thụ trồng từ xa xưa, cách chợ Vĩnh-Long khoảng 3 cây số. Bên trong có thờ chân dung Ông

và bài-vị Ông Võ Trường Toản. Riêng tại Miếu Quốc-Công nằm trong thị xã Vĩnh-Long cũng có thờ Ông, hai nơi này lúc nào khói hương cũng nghi ngút. Ngoài ra, năm 1966, chánh-quyền Tỉnh và thân hào nhân sĩ trước kia, cũng dựng tượng đồng bán thân Ông đặt tại công viên tại chợ Vĩnh-Long. Bởi vì, Ông là vị quan thanh-liêm, cương trực, hết lòng phục mệnh các vị vua và lo cho đất nước, dân tộc, lúc bấy giờ, cho nên Ông bị hành-động gian-xảo của giặc Pháp ở thế thượng phong về quân-sự cùng văn-minh tân kỳ của giặc Pháp (bởi vì, Ông đã thấy tận mắt khi cầm đầu sứ bộ sang Pháp), lúc nào cũng muốn cưỡng chiếm 6 tỉnh Nam-Kỳ cho bằng được. Dù ai, ngoài Ông ra cũng không tránh khỏi kết-quả thiệt-thòi của giặc Pháp đưa đến. Vì thế, Ông đành thất thủ thành và đưa đến cái chết can-đảm. Trong khi đó, có tin từ triều đình Huế gửi vào : Bãi chức hàm của Ông, đổi tên trên bia tiền-sĩ ngoài Huế để làm gương, cuối cùng đến năm 1885 vua Đồng-Khánh mới phục hồi chức hàm và đến năm 1924 vua Khải-Định mới phong thần cho Ông. Hơn nữa, sau khi Ông chết, hai con của Ông là: Phan-Tôn và Phan-Liêm đã nghe lời Ông căn dặn trước khi chết là: "không ra làm quan với Pháp" mà còn đứng lên chống Pháp. Vì vậy, khi Ông qua đời không những thân bằng quyến thuộc, các quan lớn nhỏ Việt-Pháp cùng đồng bào miền lục tỉnh đến nơi tiễn đưa Ông rất long-trọng và luyện tiếc một nhân tài không thể cưỡng lại tình thế lúc bấy giờ. Riêng Ông Nguyễn-Đình-Chiếu làm bài thơ điệu Ông, bằng chữ Nôm như sau : Non nước tan tành hệ bởi đâu? Dầu dầu mây bạc (trắng) cõi Ngao châu, Ba triều công cán vài hàng số, Sáu tỉnh cang (cương) thường một gánh trâu, Ai (Trạm) Bắc ngày trông (chiều) tin nhận (điệp) vắng, Thành Nam đêm quanh tiếng quỳên sâu, Minh tinh (sinh) chín chữ (\*) lòng son tạc, Trời đất từ đây mặc gió thu. (\*) Ông Phan-Thanh-Giản viết di bút để lại cho các con cháu có 11 chữ là : Đại Nam hải nhai lão thư sinh tánh Phan chi cửu có nghĩa là "Linh cữu của người học trò già họ Phan ở bãi biển nước Đại-Nam". Như vậy, chữ "cữu" là cuối chữ của câu 11 chữ do Ông Phan-Thanh-Giản viết rớt đúng chữ "linh" thì rất đúng quy tắc. Bởi vì, theo quy-tắc thời xưa, khi viết minh tinh (tám triệu) hay mộ bia bắt buộc phải

chú ý đến 4 chữ: Quý, Khốc, Linh, Thính và phải tôn trọng quy tắc: "Nam Linh, Nữ Thính, bất dụng Quý Khốc nhị tự". Nhưng tại sao Ông Nguyễn-Đình-Chiêu là đồ nho lại viết 9 chữ và cắt bỏ hai chữ Đại-Nam có ý nghĩa gì? Theo thiên nghĩ lúc bấy giờ ở Nam Kỳ lục tỉnh đã bị giặc Pháp chiếm, thì không thể dùng chữ Đại-Nam mà phải cắt bỏ để trách khéo Ông Phan-Thanh-Giản? và có ý để Ông Phan-Thanh-Giản thành Quý sau khi chết, bởi để mất Nam Kỳ. Hơn nữa, câu thơ chót Ông Nguyễn-Đình-Chiêu kết bằng chữ gió thu (tức gió mùa Thu, theo ngũ-hành thuộc Kim, theo phương hướng thuộc hướng Tây) ý nói lục tỉnh Nam Kỳ giờ đây do giặc Pháp cai trị là để gói trọn sự thống hận đồ trút hết tội tình lên Ông Phan-Thanh-Giản, giống như hành động vua Tự-Đức vậy.

Xin xem **Bảng Kê** ở cuối bài sẽ thấy rõ hơn:

Ngoài ra, Ông Nguyễn-Đình-Chiêu không dừng ở đây, lại làm thêm bài thơ điệu Ông Phan-Thanh-Giản bằng chữ Hán, không kém sự phiến giận của Ông. Xin trích dẫn như sau:

**"Bình tiết tăng lao sinh Phú Bật,  
Tận trung hà hận tử Trương Tuần,  
Hữu thiên lục tỉnh tồn vong sự,  
Nam đặc thung dung tự nghĩa thần..."**

Với 4 câu thơ trên Ông Nguyễn-Đình-Chiêu, mượn Ông Phú-Bật ở đời nhà Tống được vua cử đi sứ để thuyết phục được giặc Khiết-Đan và lấy lại được đất cho nhà Tống, còn Ông Phan-Thanh-Giản cũng được cử đi sứ, nhưng không thành công. Riêng Ông Trương-Tuần ở đời nhà Đường giữ thành Tuy Dương, chống giặc An-Lộc-Son, đã chiến đấu đến cuối cùng, thành mất Ông Trương Tuần chết theo thành, còn Ông Phan-Thanh-Giản không theo gương người xưa, chết tức khắc theo thành?. Vì thế, việc còn mất lục tỉnh, còn có trời. Nhưng, Ông Phan-Thanh-Giản muốn ung dung làm

thần (tự nghĩa thần) thì thật khó lắm thay! Quả thật, Ông Nguyễn-Đình-Chiêu, là con người vì yêu nước nồng-nàn, cho nên việc mất lục tỉnh Nam-Kỳ làm Ông tức giận tột cùng. Vì thế khi Ông Phan-Thanh-Giản chết, Ông làm hai bài điệu đề hồn giận, căm thù thật đáng sợ hơn là thương tiếc Ông Phan-Thanh-Giản lâm vào tình trạng tiến thoái lưỡng nan lúc bấy giờ.

Qua những trích dẫn vừa qua, chúng ta thấy được **Ông Phan Thanh Giản đáng được tôn kính Vinh**

**Danh, bởi vì Ông là Nhân Tài Đạo Đức, Cương trực, Thanh Liêm, Trung Quân Ái Quốc và Thương Dân suốt đời,** giống như các bậc danh nhân ngày xưa, đáng cho thế hệ chúng ta và kế tiếp sau này tôn vinh và ngưỡng mộ mãi mãi. Đề biểu lộ tôn kính đối với các bậc tiền nhân bằng hành động, không gì bằng mỗi khi có dịp chúng ta qua Tiền



Giang hay Hậu Giang thuộc miền Nam Việt Nam, xin nhìn chút thời giờ quý báu đến Bến Tre để thăm các lăng mộ của các Ông : Nguyễn Đình Chiểu, Phan Thanh Giản, Võ Trường Toản... Nếu du khách muốn đi thăm viếng mộ Ông Nguyễn-Đình-Chiêu ở ấp Vĩnh-Đức-Trung, làng An Đức, quận Ba-Tri, Tỉnh Bến Tre (Kiến-Hòa trước kia), trước hết phải đến Mỹ-Tho thuộc Tỉnh Tiền-Giang (Định-Tường trước kia) tìm bên bắc Rạch Miễu, đi qua con sông Tiền Giang, kể đến lấy xe đò đi về Thị Xá Bến-Tre khoảng 12 cây số, rồi đi tiếp về chợ quận Ba-Tri khoảng 35 cây số, thì thấy lăng mộ Ông Nguyễn-Đình-Chiêu.

**Muốn đi thăm lăng mộ quý Ông : Võ Trường Toản, Phan Thanh Giản phải đi như thế nào ?**

Muốn đi thăm lăng mộ Ông Võ-Trường-Toản, khi đến chợ quận Ba Tri, sẽ thấy có ngã ba, phải quẹo trái (nhớ đừng quẹo mặt sẽ đi trở lại ngôi mộ

Ông Nguyễn-Đình-Chiều đã thăm) và đi hướng Phú Lễ trên 15 cây số, để đến ấp 4, xã Bảo Thạnh, Quận Ba Tri (Bến Tre) sẽ thấy lăng mộ Ông Võ-Trường-Toàn khang trang như sau : Rồi chúng ta đi tiếp khoảng 300 thước thì thấy ngôi mộ Ông Phan Thanh Giản, do anh Phan Thanh Nhân là người cháu sáu đời của Ông sấn sóc dưới đây: Mới đây, vừa nhận được tin mừng, chánh quyền Việt Nam đã khôi phục danh dự Cụ Phan Thanh Giản, xin trích dẫn các trang nhà **BẾN TRE** và Báo **Tuổi Trẻ** đăng như sau:

[http://www.bentre.gov.vn/index2.php?option=com\\_content&task=view&id=2992&pop=1&page=0&Itemid=45](http://www.bentre.gov.vn/index2.php?option=com_content&task=view&id=2992&pop=1&page=0&Itemid=45) -

### Cụ Phan Thanh Giản Được Lịch Sử Tôn Vinh

Người viết: **Thu Thủy** (Bảo tàng Bến Tre)  
28/02/2008

**Phan Thanh Giản** sinh năm 1796 mất năm 1867, quê quán tại xã Bảo Thạnh, huyện Ba Tri. Ông là một danh nhân của đất Bến Tre. Cuộc đời ông là những ngày tháng trắc trở, gian truân từ lúc sinh ra cho đến cuối đời. Ông là vị tiến sĩ đầu tiên của đất Nam kỳ, thi đỗ vào năm 1826, rồi làm quan dưới 3 triều nhà Nguyễn: Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức. Ông là một người tài giỏi, một nhà văn, nhà thơ, và là một vị quan thanh liêm, ngay thẳng nên con đường hoạn lộ của ông cũng lắm nỗi thăng trầm.

Bi kịch cuối đời của ông gắn liền với giai đoạn các tỉnh Nam kỳ bị thực dân Pháp xâm chiếm, mà đỉnh điểm là sự kiện ba tỉnh miền Tây Nam kỳ gồm An Giang, Hà Tiên và Vĩnh Long lọt vào tay quân xâm lược Pháp lúc Ông đang được giao trọng trách Kinh lược sứ trấn giữ các tỉnh này.

Thành mất, Ông đã chọn cho mình cái chết như một vị tướng trung liệt, thành mất thì mất theo thành.

<http://www.tuoitre.com.vn/Tianyon/Index.aspx?ArticleID=252617&ChannelID=10>

Thứ hai 14-04-2008, 07:44 (GMT+7)

### Cụ Phan Thanh Giản Xứng Đáng Được Tôn Vinh

**TT (BẾN TRE)** - Cục trưởng Cục Di Sản Văn Hóa Đặng Văn Bài vừa có công văn gửi UBND tỉnh Bến Tre, cho biết Cục Di Sản Văn Hóa đã làm việc với Viện Sử học và cơ quan này có công văn nêu rõ các nhà Sử học đánh giá cao về công lao của Cụ Phan Thanh Giản trên nhiều lĩnh vực chính trị, ngoại giao, văn hóa.

Cụ Phan Thanh Giản là người giữ nhiều chức vụ quan trọng trong triều đình nhà Nguyễn, nổi tiếng thanh liêm, đạo đức, có nhiều đóng góp lớn đối với lịch sử dân tộc trên các lĩnh vực văn học, sử học... Viện Sử học kết luận:"Với nhận thức mới trên quan điểm lịch sử cụ thể, nhân vật Phan Thanh Giản xứng đáng được tôn vinh bằng nhiều hình thức khác nhau".

Cục Di Sản Văn Hóa đề nghị UBND tỉnh Bến Tre giao các cơ quan chức năng kiểm kê các di tích liên quan đến Cụ Phan Thanh Giản, trên cơ sở đó lập kế hoạch tu bổ, tôn tạo, phát huy giá trị di tích. Tại kỳ họp lần thứ 13 HĐND tỉnh Bến Tre khóa VII (ngày 10 và 11-4-2008) đã thông qua việc đổi tên Trường THPT Ba Tri thành Trường THPT Phan Thanh Giản từ năm học 2008-2009. Sắp tới tỉnh sẽ dựng lại tượng Cụ Phan Thanh Giản. *Lưu Thế Nhã*

\*\*\*

### Bảng Kê:

Quý	Khố	Linh	Thính	Quý	Khố	Linh	Thính	Quý	Khố	Linh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Đại	Nam	hải	nhai	lão	thơ	sanh	tánh	Phan	chi	cửu
		1	2	3	4	5	6	7	8	9
		Quý	Khố	Linh	Thính	Quý	Khố	Linh	Thính	Quý

## CỬA THIÊN

(Cho tha nhân)

Em bỏ khoa văn nhập cửa thiên  
Gĩa từ phấn trắng tuổi hoa niên.  
Học trò chắc nhớ cô nhiều lắm.  
Ta vắng em từ buổi muộn phiền!  
Bể dâu phiêu bạt người xa mãi  
Ta mất tích đời, mộng cũ phai!  
Ôi! tội bài toán kềm năm ấy,  
Làm sao giải được chuyện tương lai!  
Đôi chúng ta chưa lần ước hẹn  
Nhưng hình như lời rất thân quen  
Sao em đẩy hồn lên chót vót  
Nhập cõi thiên không ngộ trước đèn?  
Vẫn biết đường trần đầy gian dối,  
Bài văn ngày đó tắt trên môi.  
Em thoát tục niềm đau cũng hóa  
Ta lão say hát dạo quên đời.

Đỗ Bình, Paris 09 01 2009

\*\*\*

## QUÊ HƯƠNG, NGÀY HÈ

Trưa hè, ru ngủ giọng ấu ơ  
Nhịp võng đong đưa, phượng rợp trời  
Nương vắng ve ngâm khúc nảo nuốt  
Đồng hoang sáo vọng điệu chơi vơi  
Mưa rào bất chợt không tìm lại  
Nắng nóng dằng dai chẳng chịu rời  
Đợi gió nồm lên em trả quạt  
Sao còn do dự bạn tình ơi!

Lý Hiểu (Virginia)

## GỌI TÊN NGƯỜI CŨ

(tặng Sắc Màu)

Nhìn em, vọng tiếc ngẩn ngơ  
Nghe hương mùi tóc như mơ gọi về  
Dẫu rằng là nỗi thương mê  
Dẫu trong giây phút... mà tê tái lòng...

Em ơi, có hẹn tương phùng,  
Tóc dài em xõa còn vương sợi tình  
Mắt buồn sương ướt lung linh  
Sắc Màu là đó, ngõ mình qua tìm...

Hình như có một nỗi niềm  
Mà ai thấu hiểu, đường yêu ai chờ?  
Dáng hồng em, vẫn duyên mơ  
Gọi tên người cũ... vẫn thơ muộn màng!

Ân tình lỡ chuyển dò ngang  
Gọi tên em mãi  
Nàng đành quên sao!  
“Đành quên sao em?  
Tiếng ai hò buồn hiu hắt  
Tha thiết đêm ngày  
như gọi nhớ tên em...” \*

VA, ngày 18-1-09

Bùi  
Thanh  
Tiên

\*chữ của HTT



## NHẠC SĨ TÔ HẢI VÀ TÁC PHẨM “HỒI KÝ CỦA MỘT THẲNG HÈN”

# VÌ SAO TÔI VIẾT HỒI KÝ?

### ● TÔ HẢI

**K**hi bắt tay vào viết hồi ký, ấy là lúc mọi khát vọng sáng tạo đã cạn, mọi ham mê, hoài bão đã tắt, và thân chết đã cảm lười hái hiện trước cửa sổ...”

Câu mở đầu đó, nếu tôi không nhầm, là của George Sand mà tôi đã đọc, đã thương cảm và đã tự nhủ rằng rồi đây chính mình cũng sẽ phải để lại cho đời ít dòng nói thật khi bước vào tuổi 70, nếu như cái chết lãng nhách không đến bất chợt!

Biết đâu đấy, rồi đây lịch sử sẽ có thêm được một số chi tiết trong “tội ác diệt văn hóa” của nhà cầm quyền Việt Nam trong một thời gian dài trên nửa thế kỷ nhờ những chứng liệu được ghi trong hồi ký của một kẻ từng làm thứ văn nghệ gọi là “vì Đảng vì dân” trong suốt đời mình.

Hãy nhìn lại lịch sử văn học nghệ thuật ở miền Bắc Việt Nam mà xem.

Một lỗ hồng lớn!

Đúng vậy! Hậu thế sẽ thắc mắc: làm sao mà từ năm 1945 đến đầu thế kỷ 21, nhân tài đất Việt ở miền Bắc Việt Nam — một thứ Đảng Ngoài của lịch sử lặp lại — ít ỏi đến thế?

Tác phẩm của họ đâu rồi, ngoài lèo tèo mấy bài thơ của Hữu Loan, Trần Dần, Phùng Quán... và chẳng có một tiểu thuyết, một đoạn văn nào đáng

được trích giảng trong các trường từ tiểu, trung đến đại học? Vậy mà suốt thời kỳ đất nước nằm dưới “sự lãnh đạo vô cùng sáng suốt” và “duy nhất đúng đắn” của những tên “xuất thân thành phần cơ bản”, trình độ học thức ở mức “đánh vẫn được chữ quốc ngữ”, các văn nghệ sĩ công chức ở nơi này vẫn được nhà cầm quyền trao tặng “Giải thưởng Nhà Nước”, “Giải thưởng Hồ Chí Minh” và đủ thứ bằng khen giấy khen, được trang trọng lồng kính treo kín những bức tường phòng khách!

Thử hỏi những tác phẩm được khen nức khen nở ầy giờ ra sao?

Té ra tất cả đã bị lịch sử xếp xó.

Hơn thế nữa, những tác giả được Nhà Nước

Xã Hội Chủ Nghĩa khen hàng loạt nọ, trong thực tế, còn là những kẻ bán rẻ lương tâm đã lợi dụng các loại hình văn nghệ để ca ngợi những điều bất nhân, bất nghĩa bị cả nhân loại phi nhỏ: khuyến khích con đầu cha, vợ tố chồng; hô hào kích động người cùng một nước chém giết lẫn nhau; ra sức ngợi ca những tên sát nhân khét tiếng như Stalin, Mao Trạch Đông... thậm chí, còn quỳ gối khấu đầu tạ ơn những tên đao phủ và cái tổ chức tội ác là “Đảng đã cho ta một mùa xuân”, dạy những đứa trẻ bập bẹ biết nói: “tiếng đầu lòng con gọi Stalin!” Nhục nhả thay cho những kẻ cam tâm bợ dít, luôn luôn kẻ giết cha mình! Cho tới cuối thế kỷ 20 vẫn còn những kẻ u

mê cứ tưởng các “tác phẩm” tuyên truyền cho cuộc chiến huynh đệ tương tàn, cho hận thù dân tộc, cho đấu tranh giai cấp của chúng là giá trị lắm! Cứ xem chúng tâng bốc nhau, nịnh bợ nhau, bợ xấu nhau, kiện cáo nhau, để được nhận cái... vết nhơ một thời làm lính văn nghệ của Đảng thì thấy.

Không thể nín nhịn mãi, nhân dịp người ta tổ chức mừng sinh nhật 70 tuổi của tôi để ghi công





những năm làm nô bộc của tôi, tôi đã công khai phủ nhận tuốt tuốt những gì tôi gọi là “*tranh cổ động bằng âm thanh*” trên Tivi Sài Gòn. Tôi kiên quyết không cho phát lại những gì tôi được nhà cầm quyền ngợi khen suốt quá trình sáng tác. Để nhắc đến những tác phẩm của tôi, tôi chỉ đồng ý lên một chương trình do chính tôi soạn thảo và đặt tên. Nó gồm những tiếng nói của trái tim bị cấm đoán, bị lên án, thậm chí bị trừ dập suốt nửa thế kỷ.

Sau hết, dựa vào thời cơ “Đổi Mới”, nhờ những bạn bè đồng tình với tôi và còn giữ được một số quyền hành cuối cùng trước khi về hưu, chương trình *Nửa Trái Tim Tôi* của Tô Hải đã ra mắt trọn một tiếng đồng hồ với toàn những “tác phẩm bỏ tù lạnh”, với những lời tuyên bố gây “sốc” mạnh trong giới làm nhạc ăn lương.

Những đồng nghiệp thực sự có tài và có tâm sự giống tôi thì hài lòng. Số này, khi trả lời phỏng vấn, cũng chỉ dám nhận một cách khiêm tốn con số ít ỏi những gì mình làm ra xứng đáng được gọi là tác phẩm.

Còn số khác, những “nhạc sĩ” bám chặt thành tích 500, 1000 bài hát ca ngợi Đảng, ca ngợi Bác, động viên con em ra chiến trường hiện còn tiếp tục lái nhái kể công với Đảng để xin “tí tiền còm” nhân danh giải này giải nọ thì tự ái, nổi khùng, gọi tôi là “tên phản động”.

Trả lời những câu hỏi của báo chí hoặc truyền thanh truyền hình, tôi luôn nhắc lại nguyên lý bất diệt của nghệ thuật: “*Chỉ những gì từ trái tim mới đến được trái tim*”! Nhưng trái tim của tôi, hỡi ôi, gần một thế kỷ qua lại không đập vì...tôi! Nó bị trói buộc, bị cưỡng bức phải đập vì những cái xa lạ với tôi: vì Đảng, vì hai cuộc chiến, vì những tín hiệu nhập khẩu từ các nước cộng sản Nga, Tàu.

May thay, thời thế rồi cũng đổi thay.

Liên Xô, “*quê hương của cách mạng vô sản toàn thế giới*”, “*ngọn đuốc soi đường cho nhân loại*” sụp đổ cái rụp. Thần tượng Marx, Lénine, Stalin gần 70 năm được tôn thờ hơn cả Chúa Trời bị đập tan!

Đọc hồi ký, di bút của các văn nghệ sĩ vĩ đại của mọi thời đại như Beethoven, Modigliani, Rubinstein, Stravinsky, Litz... hay của các nhà chính trị như De Gaulle, Khrutchev, Nixon ... càng

thấy cái cao thượng của họ bao nhiêu càng thấy cái bản thiêu, thấp hèn của các nhà “*chính chọe*” (politicaillerie) bấy nhiêu.

Biết bao tên tuổi lớn đã chịu sự hắt hủi, lên án, thậm chí săn đuổi, cách ly của một thể chế, của tập đoàn nắm quyền lực, kể cả bị lên án là “phản bội” đã để lại cho chúng ta các tác phẩm ghi lại những gì họ suy ngẫm qua những trải nghiệm trong cuộc đời, những buồn đau, khổ cực, những chịu đựng ghê gớm cả về vật chất lẫn tinh thần để tồn tại, để tìm tòi và sáng tạo.

Trong khi đó, hồi ký của các “lãnh tụ cách mạng” chỉ là những cuốn sách viết ra cốt tủy đề cao mình một lần cuối, để giải thích (chống chế thì đúng hơn) cho những hành động sai lầm, đổ tội cho người khác về những thất bại mang tính lịch sử mà kẻ viết hồi ký chính là tội phạm. Vậy thì, tôi, Tô Hải, một cái tên được nhiều người biết ở cái thời “âm nhạc phục vụ công nông binh”, ở cái thời mà âm nhạc, nếu không làm đúng yêu cầu của Đảng sẽ lập tức bị bọn “quan văn nghệ” lên án là “mất lập trường”, là “cá nhân tiểu tư sản”, thậm chí là “âm nhạc phản động”, có gì để mà hồi với ký?

Bánh xe lịch sử quay với tốc độ kinh hoàng đã cuốn phăng những “tác phẩm”, và cả những tác giả của chúng từng đoạt giải thưởng này huân chương nọ — lại than ôi, có cả tôi trong đó!

Lẽ công bằng chậm chạp cho đến nay đã phục hồi một cách rụt rè (không cần một quyết định hành chính nào hết) những tác phẩm và những tác giả một thời bị đoạ đầy, bị cấm đoán. Cuộc Đổi Mới — thực tế là trở lại như cũ — với các quan niệm về cái đẹp đã cho những “tên tuổi lớn” một thời trong mọi lĩnh vực quân sự, chính trị, văn học, nghệ thuật những cái tát tinh người!

Trong “*cơn đau cuối đời*”, một số cựu ủy viên trung ương đảng không còn chỗ ngồi ghé trong các ban chấp hành mới, mấy ông tướng bị cho ra rìa, ngồi chơi xơi nước hoặc bị khai trừ khỏi đảng vì bất tuân thượng lệnh, đã tỉnh ngộ. Kinh nghiệm một đời theo Đảng đã cho họ cái để viết nên những trang “sám hối” có phần nào giá trị. Họ phải trả giá cho sự dám nhìn lại cuộc đời bằng con mắt khách quan và tỉnh táo bằng sự trừng trị tương đối nhẹ nhàng so với người đối kháng khác: bị giam lỏng

tại nhà, bị cắt điện thoại, tịch thu computer...

Trong khi đó — tôi xin nhắc lại — mấy anh văn nghệ sĩ mơ ngủ vẫn xúm đen xúm đỏ chen lấn nhau để giành bằng được mấy cái giải thưởng cho những tác phẩm mà con cháu ngày nay chẳng còn coi là cái giống gì. Ấy là chưa kể những kẻ chẳng bao giờ góp mặt trong nền văn nghệ, kể cả văn nghệ “*phục vụ cách mạng*”, nhân dịp này dịp khác cũng được nhà nước vô sản hào phóng ban thưởng về “sáng tác”!

Một bức tranh cười ra nước mắt.

Riêng tôi, khi chẳng còn lao động nghệ thuật được nữa (đúng hơn là không còn muốn lao động nghệ thuật nữa) bỗng dưng lại được cái Nhà Nước công nông binh tặng cho cái “Huân Chương Lao Động Hạng Nhất”.

Và khi không còn sáng tác nữa (đúng ra là không muốn sáng tác nữa) lại được người ta treo lên cổ cái mẽ-day “Giải thưởng Nhà Nước”! Sướng chưa?

Tội nghiệp cho mấy anh Văn Chung, Nguyễn Đình Phúc, Lê Yên, Vũ Trọng Hối, Trần Ngọc Xương... chẳng còn sống ở trên đời để mà hưởng cái “Giải thưởng Nhà Nước” nọ. Nói thêm chút cho vui: Cái giải thưởng này quy ra tiền cũng được gần bằng một phần mười giải thưởng tặng cho hoa hậu đấy. Mà để làm hoa hậu thì cần quái gì phải có học.

Bi kịch hay hài kịch đây?

Dù sao cái giải thưởng đáng giá hai năm lương hưu của tôi cũng là món tiền thêm vào cho hai năm tôi ngồi viết những trang tiếc nuối cuộc đời mà các bạn đang cầm trong tay. Không có nó tôi đành ôm cả núi ân hận mà về với đất. Vì không có nó thì lấy gì ăn để mà viết? Cho nên tôi cũng thấy cần ghi lại ở đây “*lời tri ân*” đối với Đảng Cộng Sản Việt Nam đã tạo điều kiện cho tôi viết nên những dòng hồi ký này.

Thế là, với sức tàn còn lại, tôi bắt đầu...

Những hình ảnh đầu tiên đến với tôi rõ nét nhất chính là những thời gian, không gian, sự kiện và những con người đã mang lại cho tôi những cảm xúc, những niềm vui và nỗi buồn.

Trong đầu tôi tràn ngập hồi ức đòi được thoát ra. Vì thế trong khi viết, tôi luôn phải cố gắng sao cho khỏi lạc “chủ đề tư tưởng” (cách nói méo mó trong ngôn từ văn nghệ cộng sản). Và trước hết, tôi phải đề bẹp được sự “hèn nhất” trong tôi là cái đã

bén rễ sâu chặt do thời gian quá dài sống trong lồng kín, cách ly bầu trời tự do.

Tôi sẽ viết để bạn bè, con cháu hiểu và thông cảm nỗi đau của những người cả cuộc đời phải sống và làm việc với cái đầu và trái tim của tên nô lệ.

Tôi tình nguyện làm một trong những người vạch trần những bộ mặt chính trị dòm, văn nghệ dòm, những tên cơ hội, đã cản trở, giết chết tác phẩm, đẩy những tài năng vào hố sâu quên lãng.

Đáng buồn là những chuyện được giấu kín đó, tôi đều được biết, thậm chí còn được tham dự các kế hoạch hại người (được gọi là kiểm điểm, học tập, thu hoạch...) ngay từ khi chúng mới được phác họa, trong suốt quá trình tôi ở cương vị cấp uỷ, lãnh đạo chỉ đạo nghệ thuật.

Để bảo vệ chỗ đứng của mình, tôi đã không dám cãi lại những lời chửi rủa bỏ tôi là đồ “phản động”, mẹ tôi là “Việt gian”, họ hàng nhà tôi là “tay sai đế quốc”!

Vậy thì làm sao tôi dám bảo vệ cho một Đoàn Phú Tứ là không phản bội, một Phạm Duy là không phải “đinh tê” chỉ vì không chịu được gian khổ?

Tôi đã chọn con đường cúi đầu nín lặng mặc dù tôi biết rõ nguyên nhân vì sao ông cậu Đoàn Phú Tứ của tôi phải về Thành, biết rõ không ai không sợ chết mà lại dám một mình vác đàn, nhện đôi vượt U Bò, Ba Rền vào chiến trường Bình Trị Thiên ác liệt nhất để viết nên *Bà Mẹ Gio Linh, Về Miền Trung* như Phạm Duy. Tôi đã là thế đấy. Những âm mưu hạ tiện đó, tôi không phải không biết. Trái lại, tôi hiểu ra ngay từ lúc chúng mới được bàn bạc trong “nội bộ”. Lòng tôi chống lại thủ đoạn hại người, nhưng miệng tôi lại không dám nói ra.

Nổi bất bình bị dồn nén ám ảnh tôi suốt mấy chục năm trời. Dần dà, nó biến tôi thành một núi mâu thuẫn. Mặc dầu tôi tự nguyện dồn nén, miệng núi lửa kia thỉnh thoảng lại bực ra. Những phản ứng không kim được xảy ra ngày một nhiều và được các công bộc mẫn cán của Đảng ghi lại bằng giấy trắng mực đen trong lý lịch đảng viên của tôi, kèm theo nhận xét “*không có ý thức bảo vệ Đảng*”, “*hay phát ngôn vô trách nhiệm*”. Tôi mang tội “*không có ý thức bảo vệ Đảng*” chẳng qua vì tôi không chịu bảo vệ Đảng và những đảng viên có

chức có quyền làm những điều sai trái.

Ngay cả với trường ban Tổ Chức Trung Ương Lê Đức Thọ ( ) quyền sinh quyền sát là thế mà tôi cũng có lần nói thẳng mặt: *“Tại sao khi những người nhân danh Đảng làm bậy, chúng tôi phê phán họ thì lại bị ghép vào tội chống Đảng, chống chủ nghĩa cộng sản? Tại sao lẽ phải bao giờ cũng thuộc về họ, mặc dầu họ không có một xu kiến thức để đối thoại với chúng tôi?”*

Đó là một trong những “cú liêu” đem lại cho tôi nhiều thiệt thòi, cay đắng. Với những “cú liêu” này, bạn bè bảo: *“Tô Hải là thằng ‘có bản lĩnh’*. Những người cùng nghĩ như tôi nhưng biết giữ mồm giữ miệng thì khoái lắm, vì đã có Tô Hải nói thay! Số còn chức còn quyền nhưng không đến nỗi tôi tệ quá thì cố tìm cách “hãm phanh” tôi lại để các “anh trên” đỡ vì đau đầu mà phạng lung tung. Còn tôi, ở cái tuổi ngoài 70, chẳng còn gì để mất, lại được sự cổ vũ của số lớn bạn bè, tôi cứ “nổ” khi có điều kiện.

Cũng có người cho rằng tôi “dại” có cỡ, có kẻ nhắc là *“cẩn thận kẻo vào tù!”* Nhưng tôi đã quyết: 55 năm miệng bị lấp khoá kéo, nay đã già, đã về hưu, có chia xẻ với bạn đọc những hồi ức của đời mình thì cũng chẳng còn phải e ngại các lời ong tiếng ve rằng mình vì tư lợi, muốn kiếm chác cái gì.

Còn về Đảng ư? Tôi đã cóc cần nó từ khuya rồi và hết sức vinh dự được trở lại hàng ngũ nhân dân đang bị một nhóm người bắt sống cuộc sống trại lính, ăn gì, mặc gì, xem gì, đọc gì, thậm chí chết kiểu gì cũng đều do họ quy định và cho phép!

Tôi đã nói và sẽ nói, nói tất, nói với bạn bè, với người thân, với con cháu, chắt, chút, chút những gì mà bộ não ông già 70 còn ghi nhớ được về cái thời tương mình là một cánh đại bàng bay bổng giữa trời.

Nhưng, than ôi! Gần hết cuộc đời, tôi vẫn chỉ là “con đại bàng... cánh cụt”, chạy lè tè trên mặt đất mà vẫn vấp ngã đến gãy mỏ, trụi lông.

Hí vọng rằng sau khi đọc hồi ký này người đọc sẽ thương cảm cho tôi, cho các bạn tôi, những người ngây thơ, tội nghiệp, cả cuộc đời bị lừa dối và đi đối lừa người khác một cách vô ý thức.

Biết đâu chẳng có ngày đất nước này hoàn toàn “đổi mới” thật sự, hồi ký này sẽ được in ra để

làm tài liệu lưu trữ về một thời cay đắng và tủi nhục nhất trong lịch sử Việt Nam. Và, may ra, lạy trời, những “đại bàng cánh cụt” chúng tôi sẽ được nhắc tới, như những chứng nhân lịch sử.

Nhưng, “vừa là tội đồ vừa là tông phạm” làm sao những con đại bàng cánh cụt kia có thể bay cao, bay xa? Thôi thì xin làm con sói của Alfred de Vigny, con bói cá của Musset tru lên tiếng rú cuối cùng, phanh ngực, xé lòng, hiến cho lịch sử một mẫu trái tim, một mẫu trí óc, một chút hơi tàn của thân xác.

Với niềm tin vô bờ bền rằng ngày tàn của chủ nghĩa cộng sản Việt Nam đã đến rất gần, dù có chậm hơn ở các nước bậc cha ông, anh cả, anh hai đến vài ba thập kỷ, niềm tin ấy vẫn cháy bỏng trong tôi thúc giục tôi vứt bỏ mọi sợ hãi, mọi hèn kém để ngồi vào computer.

Tôi bắt đầu...

### **ĐÔI ĐIỀU PHI LỘ VIẾT... SAU CÙNG**

Tập Hồi Ký này tôi viết xong từ năm 2000, nhưng do... *hèn*, tôi đã không dám cho nó ra mắt bạn đọc. Vâng, do... *hèn*, chứ chẳng phải do cái gì khác, tôi đã giấu nó đi, lại còn cẩn thận ghi thêm một dòng ở ngoài bìa *“Đề xuất bán vào năm 2010”*.

Như một lời di chúc dặn vợ con, khi tôi đã... *chết!*

Tới năm 2003, mang bản thảo ra đọc lại, thấy ngòi bút của mình sao vẫn rụt rè, vẫn lấp lửng mới biết mình vẫn chưa hết sợ sức mạnh tàn bạo của nền “chuyên chính vô sản” mà mình từng nếm trải. Nhất là sợ rồi đây vợ con mình phải chịu đựng những đòn thù bản thiu của bầy dã thú đội lốt người, nếu chẳng may những gì mình viết ra rơi vào tay chúng.

Tôi thấy cần phải sửa lại cuốn sách — từ cách viết, từ cái nhìn chưa đủ tinh tường về những sự kiện lịch sử — và viết thêm về những con người cần được nhắc tới, mỗi người là một mảnh gương nhỏ, nhưng góp lại người đọc có thể thấy hình ảnh một thời đại.

Và tôi viết thêm chương TÔI ĐÃ HẾT HÈN!

Nhưng đã đến chưa, cái thời cơ có thể đưa cuốn sách mà tôi ấp ủ bấy lâu ra trình diện người đọc? Vẫn chưa phải lúc chẳng? Ngẫm ra, tuy viết là “Tôi đã hết hèn”, nhưng trong thực tế cái hèn

vẫn còn đó, nó vẫn bám chặt chẳng, như một bộ phận của cơ thể, cái sự mình khẳng định với mình rằng đã hết hèn mới chỉ là sự mạnh dạn với bản thân khi cầm bút mà thôi! Còn đấu tranh trực diện với cái sức mạnh tâm tôi đang cai trị đất nước, kim hãm sự phát triển của cả một dân tộc là chuyện khác, không phải là điều ai cũng dám làm!

Đặc biệt, ba bốn năm gần đây tôi may mắn có điều kiện làm quen với Internet, nhờ đó được tiếp cận với rất nhiều người mà tôi vô cùng cảm phục. Dù đang sống ở trong nước, họ không hề sợ hãi trước đàn áp, ngục tù. Đó là những Hoàng Minh Chính, Trần Độ, Lê Hồng Hà, Hà Sĩ Phu. Bùi Minh Quốc. Đó là những Hoàng Tiến, Trần Mạnh Hào, Nguyễn Vũ Bình, Nguyễn Thanh Giang, Vũ Cao Quận... Đó là những nhà sư, những linh mục thì chết không chịu đứng chung hàng với lũ tu sĩ “quốc doanh”, và nhiều, rất nhiều người khác nữa!

Cũng không thể không nói đến ảnh hưởng của hàng chục website cổ võ dân chủ trên khắp thế giới, cũng như những gì bạn bè tôi, đồng đội, “đồng chí” cũ của tôi như Bùi Tín, Vũ Thư Hiên phải bỏ nước, bỏ cả vợ con ra đi để được viết lên Sự Thật, mở mắt cho bao người còn đang sống hèn như tôi.

Không có những cái đó thì nhân dân còn tiếp tục bị lừa dối bởi lũ bồi bút cho đến nay vẫn ra ra ca tụng một chủ nghĩa đã lỗi thời với cả nhân loại.

Tôi cũng mong sao mỗi người trong số các văn nghệ sĩ sắp già từ cõi đời nhậy nhạ này hãy để lại một “bản di chúc” nói lên Sự Thật, dù chỉ là 1/1000 Sự Thật, để tạ tội với đồng bào, về những gì mình đã vì miếng cơm manh áo, vì yếu hèn mà phải cúi đầu làm thân trâu ngựa. Được như *Ba Người Khác* của Tô Hoài cũng đã là tốt, làm được thế thì người viết cũng có thể được nhân dân “xá tội” cho phần nào.

Người đọc đang chờ xem “di cáo” của một Chế Lan Viên, một Nguyễn Đình Thi — hai nhân vật đứng đầu bày nô lệ cầm bút. Đáng ngạc nhiên là theo Nguyễn Đình Chính (con trai Nguyễn Đình Thi) thì cuốn hồi ký của Nguyễn Đình Thi sẽ chỉ được phép công bố vào năm... 2014?!

Sao lại lâu đến thế? Nguyễn Đình Chính vẫn còn sợ, còn tính toán thiệt hơn, còn bất linh hồn người cha ở thế giới bên kia tiếp tục đóng kịch mãi

sao? Hay chính tác giả cuốn hồi ký dọa sẽ in năm 2014 vẫn còn chưa tin là chủ nghĩa cộng sản đã đến ngày tuyệt diệt?

Tôi sẽ phải đưa vào chương sẽ viết những nhận thức mới, tình cảm mới, những sự kiện bổ sung dưới ánh sáng mới, một chương gần như tóm tắt tất cả những gì tôi đã viết vào lúc chưa có được sự tiếp xúc và tiếp sức của phong trào đòi tự do, dân chủ, đòi quyền con người đang ào ào dâng lên mỗi giờ, mỗi ngày trong cái xã hội độc tài đang trị đáng nguyên rủa.

Viết xong chương bổ sung cần thiết, tôi sẽ công bố cuốn hồi ký của đời mình trên mạng Internet toàn cầu để mọi người nếu đã biết rồi sẽ biết thêm về mặt trái với những góc khuất của một xã hội tối tệ được sơn son thếp vàng bởi một lũ bồi bút hèn hạ, trong đó, than ôi, có cả bàn tay của kẻ viết những dòng này.

Tại sao lại phải công bố trên Internet?

Bởi vì không thể trông chờ sự xuất hiện của một nhà xuất bản tư nhân nhờ “on trên” nào đó sẽ ra đời trong một cuộc đổi mới giả hiệu, và tập hồi ký này sẽ được in. Trong cái quái thai “kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa” vẫn độc tài với tự do tư tưởng, với nhân quyền tối thiểu, chuyện đó quyết không thể xảy ra.

Thật tình, tôi những ước mong lời nhắn gửi của tôi sẽ đến tay đồng bào, bè bạn, đồng đội, “đồng chí” cũ của tôi, những thế hệ sau tôi, kể cả “kẻ thù” của tôi nữa, trong dạng một cuốn sách bằng giấy trắng mực đen hơn là một cuốn sách trên màn hình máy tính. Mạng thông tin toàn cầu cho tới nay vẫn còn là một cái gì xa lạ với tuyệt đại đa số dân chúng Việt Nam, kể cả nhiều người gọi là có học nhưng đã về già, không còn sức để đọc mấy trăm trang trên computer!

Cuối cùng, xin người đọc, nhất là các bậc thức giả, hãy lượng thứ cho những thiếu sót, những nhầm lẫn ở chỗ này chỗ khác về tên tuổi, địa danh, ngày, tháng... mà một cây bút “trẻ” ở tuổi 80, tài vốn hèn, sức đã kiệt, có thể mắc phải.

Sài Gòn ngày 1 tháng 5 năm 2007

● TÔ HẢI

# GIẤC MƠ NGÀY VỀ

*Lời người viết : Ngày 5.4.2009, một Việt kiều không được phép nhập cảnh Việt Nam đều có visa hẳn hoi. Sự việc được lập lại y chang câu chuyện cách đây hơn ba năm về trước vào tháng 11 năm 2005. Nạn nhân cũng là người năm xưa - giáo sư Nguyễn ngọc Tuấn. Cho hay, đối với Cộng sản thì đừng trông mong gì chuyện đổi thay mới mẻ, ngoài độc tài, tham tàn và bạo ngược vốn đã sẵn có từ lâu trong máu họ.*

*Chesterfield, Va. April-2009*

## LÊ LUYẾN

Sau một năm vất vả với mớ giấy tờ hành chính rườm rà, với thủ tục cửa quyền nhiều khe, cuối cùng rồi gia đình ông Lê cũng được lên đường đi Mỹ. 10 giờ sáng ngày mười tháng tư năm 1992, sáu người gồm hai vợ chồng với bốn đứa con đặt chân đến phi trường quốc tế San Francisco, California theo diện tỵ nạn H.O 11.

Thành phố đầu tiên ông Lê trú ngụ có cái tên thật nên thơ : Thung lũng hoa vàng. Tại San Jose thuộc miền Bắc Cali, đám bằng hữu chi giao năm xưa trong quân ngũ giữ bỏ lớp bụi phong sương cho ông bằng bữa nhậu tẩy trần nồng nàn tình chiến hữu, bằng tấm lòng chân thành hướng dẫn bạn những bước hội nhập đầu tiên vào đất nước tự do. Chúng bạn bảo: “Hoa Kỳ là quốc gia của nhiều cơ hội. Chỉ cần chịu khó học hỏi cộng thêm đức tính cần cù và một tí may mắn là có thể gạt hái thành công không mấy khó khăn”

Nghe lời các bạn. Ba tháng sau gia đình ông Lê chuẩn bị cẩn thận phần tâm lý, sắm sửa chút hành trang cần thiết rồi kéo nhau lên đường về trú ngụ ở thành phố Richmond nhỏ bé nằm cách San Francisco khoảng 40 phút xe hơi. Tại đây, cháu út vào trường mẫu giáo và ba cháu lớn theo học lớp Nail với giá ưu đãi dành cho người tỵ nạn mới đến Hoa Kỳ. Nửa năm sau, khi các cháu đã nhận bằng tốt nghiệp, họ lại hành trang lên đường

thực hiện một chuyến đi khác. Và đó là chuyến đi rất dài về miền Đông Nam, khởi đầu cuộc tạo dựng tương lai mà sau này mỗi khi trà dư tửu hậu, ông Lê thường nói đùa là “cuộc hành trình đi tìm đất sống”. Câu nói mượn tựa đề một quyển sách của nhà văn Erich M. Remarque, pha chút ngậm ngùi lẫn tự hào. Đó là khởi điểm của chuỗi năm tháng bôn ba, bươn chải khắp nơi. Thời gian cho những con chim non vừa độ tuổi trưởng thành, sải cánh bay bổng trên vùng trời tự do, tìm kiếm mảnh đất lành dung thân cho những cuộc đời dặm trường đất khách. Bốn năm đầu tiên với sáu lần thay đổi chỗ ở qua bốn tiểu bang, từ miền nắng ấm Cali lang thang đến vùng đất lạnh lẽo, heo hút South-North Carolina vắng bóng đồng hương. Ở mỗi nơi không quá một năm, sau rớt thì dừng lại lập nghiệp an cư tại tiểu bang Georgia. Cứ tưởng mười năm sinh sống nơi đây đã bén rễ đâm chồi tốt tươi cho thân chiến binh già nua một đời mỗi gổ chôn chân vì mãi phiêu lãng giang hồ, ai ngờ đến năm thứ mười ba ông lại phải lên đường một lần nữa đến vùng đất mới Virginia. Ở đó, đám con cháu của ông đang sống quây quần đùm bọc bên nhau. Một điều hiếm thấy trên đất Mỹ. Bữa nhậu chia tay, đám bạn hữu ai cũng lưu luyến bịn rịn. Riêng ông Lê tự hỏi: Sẽ còn phải đến nơi chốn nào nữa trên mảnh đất tạm dung này?

Mười mấy năm sống trên đất Mỹ, lần lượt ông Lê đã có dâu có rể, rồi cháu nội cháu ngoại. Thời gian qua vợ con ông đã về thăm Việt Nam. Gia đình duy nhất chỉ còn mỗi mình ông là chưa một lần trở về, bởi trong lòng vẫn còn có chút e dè. Tự thâm tâm, niềm ước mơ lớn nhất của ông là được tự do về thăm quê hương, cúng viếng mộ mã ông bà cha mẹ và nhất là có dịp sớm hôm gần gũi bà mẹ già đã ngoài tám mươi vẫn ngày đêm trông ngóng đợi con về.

Mười bốn năm dằng dẳng, thời gian không phải là ngăn ngại so với tuổi đời con người sắp bước vào tuổi lục tuần. Sức khỏe và tuổi tác không thể để dành mà cũng không chờ đợi một

ai. Không làm sao biết trước được việc gì sẽ xảy ra ngày mai, ngày mốt. Mười bốn năm qua, ông Lê đã mất đi nhiều người thân. Rồi tương lai sẽ đến lượt ai đây? Đời người *sinh hữu hạn chết tử thì vô kỳ*. Đố ai biết trước.

Sau tháng Tư bảy lăm, trong thời gian gần mười năm bị cộng sản cầm tù, ông Lê đã lần lượt mất đi ba trong bốn vị **Tứ Thân Phụ Mẫu**. Đó là niềm đau, là sự mất mát bất hạnh to lớn nhất mà vợ chồng ông không thể nguôi ngoai. Trong cái tâm sự hắt hiu đó, đến nay vợ ông vẫn thường nhắc đến Người qua đời với tâm trạng ray rức, phiền muộn, ân hận. Ngày ba vị còn tại thế, ông Lê vì nhiệm vụ người lính ít có dịp gần gũi cha mẹ. Chiến tranh chấm dứt, ông lại tiếp tục xa gia đình vì bị kẻ thù cầm tù. Đến khi ra tù thì chỉ còn lại duy nhất một bà mẹ già và gia cảnh vợ con neo nhóc, khổ sở vì đói ăn thiếu mặc, mà bản thân ông cũng chẳng sống được yên thân cho đến ngày ra đi định cư.

Trên quê người, đến nay khi cảnh nhà được thông dong dư ăn dư để thì ba vị đã không còn sống trên đời để nhìn thấy sự thay đổi của gia đình ông và nhất là đám con cháu không còn có cơ hội phụng dưỡng, báo đáp ơn cù lao sinh thành dưỡng dục. Ông Lê ứa nước mắt khi viết những dòng chữ này. Ông khẩn thắm: “Nếu quả thật trên cõi đời thực sự có linh hồn, thì xin cha mẹ hiển linh chứng giám cho nỗi lòng đau đớn, hối tiếc của con cháu, không được phụng dưỡng cha mẹ, ông bà sống thọ đến trăm tuổi”.

Noel năm 2005, con cháu tề tựu về Virginia để mừng Giáng sinh và năm mới, một năm đông đủ nhất từ trước tới nay. Cả nhà quây quần vui vẻ bên cây Noel, tặng quà chúc phúc mừng tuổi lẫn nhau. Vợ chồng ông Lê nhìn đám con cháu cũng thấy thỏa nguyện trong lòng. Các con cho ông bà khá nhiều quà. Bà Lê thấy có cả tiền, bảo chưa đến tết mà đã có lì xì. Chúng nó nói: “Lì xì cho ba má vui”. Ông Lê trả lời: “cuộc sống ba má vốn thanh bạch và giản dị nên ước mơ cũng thật bình thường, chỉ cầu mong con cháu mạnh khỏe, làm ăn tiêu pha tiết kiệm và luôn sống hạnh phúc là bằng muôn vạn tiền cho ba mẹ”. Chúng lại nói: “Đang mùa đông giá lạnh lẽo, ba chưa có việc làm, hay là

chúng con mua vé máy bay cho ba mẹ về ăn tết với bà nội, thăm bà con làng quê, chứ lâu quá rồi ba chưa về Việt Nam lần nào cả.”

Thình lình nghe các con đề cập chuyện trở về quê hương, lòng ông Lê bỗng xao động lạ thường. Ông ngồi im lặng, trầm tư với ly rượu giữa không khí ấm cúng, vui vẻ của con cháu, lòng bỗng thấy như còn có điều gì khiếm khuyết, chưa chu toàn trọn vẹn.

Từ sau hôm đó, những ý nghĩ lan man thường làm ông thức giấc nửa đêm. Trong canh khuya, giữa cái tĩnh lặng của mùa đông, đất trời như bừng sáng dưới màn bông tuyết trắng nõn nà. Hình như vũ trụ mệnh mông cũng cảm thông được nỗi lòng ray rức của con người xa xứ. Ông Lê chợt nhận ra rằng dẫu ở nơi đâu, bất cứ trên đất nước nào, Việt Nam vẫn là quê hương cuối cùng ông muốn ở lại. Có cái gì đó thật huyền bí của thứ tình thiêng liêng mầu nhiệm cứ âm ỉ giục giã thôi thúc ông trở về, khiến lòng ông như ấm hẳn và thâm nghĩ, nếu được tin báo con về thăm chắc là mẹ mừng lắm. Không đúng thế sao? Hai mươi tuổi ông đã rời mái ấm gia đình lên đường nhập ngũ. Hơn năm năm xông pha khắp chiến trận, ăn bờ ngũ bụi, gói đất nằm sương. Vừa dứt tiếng súng lại phải vào tù, kéo lê kiếp sống giam cầm, nhục nhã suốt bảy năm dài. Cuối năm 82 được thả về Đà Nẵng. Sống với vợ con chưa kịp ổn định thì tháng 11 năm 86 ông bị bắt lại trong kỳ đại hội đảng cộng sản lần thứ VI. Đến đầu năm 1989 thình lình nhận được lệnh tha (*sic*). Không biết có phải nhờ chương trình định cư tỵ nạn HO hay không? Tháng 11 năm 91 gia đình ông rời Đà Nẵng vào Sài Gòn phỏng vấn rồi ở lại luôn trong đó cho đến ngày lên đường qua Mỹ, chỉ trở về một tuần lễ để làm mâm cơm cúng cha mẹ và chào từ giã bà con rồi ra đi, không dám ở lại lâu sợ sinh rắc rối. Nói như thế để mọi người thấy được tính chất nghiêm trọng và sự đối xử nghiệt ngã của người cộng sản miền Trung. Ông Lê thật sự yêu mến quê hương, chỉ đến lúc chết mới quên được nhưng ông cũng hãi sợ sự hà khắc, độc ác do chính con người của quê đó gây nên. Trở lại vấn đề thời gian, sở dĩ phải dài dòng kể lể như thế là để tính toán cẩn thận đời ông đã thật

sự có được bao nhiêu ngày thanh thoi, bình an sống bên mẹ. Do vậy khi nghe các con đề cập chuyện trở về, cái háo hức mừng vui vì sắp gặp lại mẹ già sau bao nhiêu năm là điều tất nhiên, tâm lý chung của mọi con người hiếu thảo và nặng lòng yêu thương quê hương là vậy. Ông Lê chuẩn bị cho chuyến đi thật chu đáo như một việc chờ đợi ao ước, ấp ủ từ lâu.

Ấy vậy mà chuyện trở về tưởng đơn giản hóa ra đối với ông Lê lại không dễ dàng, suôn sẻ như bao nhiêu người khác.

Ở Atlanta, người bạn thân đồng hương, đồng ngữ lúc nghe ông Lê gọi phone báo tin về thăm Việt Nam. Vừa nghe xong anh ta đã lật đật hỏi :

- Cách đây ba tuần, ông có đọc bài viết của một giáo sư dạy khoa Việt ngữ trường đại học Victoria, Melbourne ở bên Úc không?

Ông Lê ngạc nhiên trả lời :

- Không. Mà có chuyện gì vậy?

Người bạn úp mở :

- Ông đó cũng là dân Quảng, cũng viết lách như ông. Ồ ! để tôi email bài đó cho ông ngay bây giờ.

Nửa giờ sau ông Lê ngồi chờ người sau khi đọc bài báo tóm lược câu chuyện như sau: “Ông Nguyễn ngọc Toàn, giáo sư chủ nhiệm Khoa Việt ngữ trường Đại học Victoria, Melbourne Australia dẫn một đoàn du sinh gồm 11 sinh viên Úc đến Việt Nam du khảo thực tế. Tại phi trường Tân Sơn Nhất ông bị nhân viên Bộ Công An giữ lại lập biên bản hủy bỏ thị thực visa nhập cảnh và trục xuất ông trở về lại Úc trong chuyến bay sớm nhất. Được biết, ông là tác giả quyển “Văn học Việt Nam dưới chế độ Cộng sản” xuất bản năm 1991. Những lần về trước, ông đã bị công an văn hóa mời đến làm việc, lần cuối vào tháng 12 năm 2002 rồi sau đó, yên. Chuyến về mới nhất vào tháng 12 năm 2004 không bị làm khó dễ. Nhưng lần này thì tình hình ông được ‘chăm sóc tận tình chu đáo’ ngay tại phi cảng quốc tế.”

Buông rơi bài báo, ông Lê không khỏi thẩn thờ buồn bã. Niềm cảm xúc khi nghĩ chuyện trở về như vẫn còn dào dạt, lẩn quất đâu đây trong lòng ông, thế mà bây giờ, ước mơ của ông bỗng tiêu tan thành mây khói.

Trường hợp của giáo sư Nguyễn ngọc Toàn, ông ta xác định là không hề làm chính trị. Tác phẩm của ông chỉ chuyên về văn học văn hóa và luôn luôn viết với tư cách một nhà phê bình vô tư. Mọi suy nghĩ của ông đều được trình bày công khai, thẳng thắn và minh bạch. Hiện tại, công việc của ông Toàn lại càng mang nhiều ý nghĩa tốt đẹp, thậm chí có thiên một chút tình riêng với quê hương cội nguồn. Hãy nghe lời phát biểu của người sinh viên Úc trong cơn tức giận vì thầy mình bị trục xuất: “*Tại sao các ông lại đối xử với thầy tôi như vậy? Các ông có biết là thầy đã giảng dạy biết bao điều tốt đẹp về văn hóa và xã hội Việt Nam làm chúng tôi cảm thấy yêu mến quê hương này và muốn học tiếng Việt, học văn hóa xã hội Việt Nam không?*” Còn nữa, ông Toàn giải thích: “*Du khảo là hình thức giáo dục được áp dụng rộng rãi ở hầu hết các trường đại học giàu có tại Âu Mỹ. Đó là hình thức du lịch khảo sát trực tiếp tại chỗ tính đa dạng và khác biệt giữa các nền văn hóa, để từ đó học sinh có thể cảm nhận mà thông cảm, khoan dung hơn nữa trước những cái mới lạ, đồng thời có kinh nghiệm phát triển được khả năng giao tiếp liên văn hóa với những con người đến với mình từ các quốc gia, xã hội khác*”. Đây là chuyến du khảo đầu tiên do thầy Toàn tổ chức sang VN quy tụ đồng đạo sinh viên nhất từ trước tới nay gồm 14 người. Trước đó tối đa chỉ 7,8 người.

Tự thân những việc làm của giáo sư Toàn đã nói lên bao điều ý nghĩa cao quý đáng kính, thế mà họ vẫn đối xử độc đoán chuyên quyền, huống gì là đối với ông Lê, đã viết ra những sự thật dã man của người cộng sản trong chiến tranh, sự đối trá độc ác trong trại tù mà tận mắt ông chứng kiến. Quả có quá nhiều lý do để họ sờ gáy, nắn gân ông nếu có cơ hội khi ông trở về.

Tự thâm tâm, chưa bao giờ ông Lê có ý đề cao, quan trọng hóa vấn đề hay huênh hoang xem chuyện viết lách rất bình thường của mình là một sự nghiệp lớn lao như những bậc tiền bối văn chương uyên bác khác. Ông Lê viết như thuật lại những điều tai nghe mắt thấy, như tấm kính soi rọi thẳm thấu gan ruột suy nghĩ của ông, mà các cụ ngày xưa vẫn thường nói rất chí lý, vẫn là

người. Có sao viết vậy, viết trung thực, không thiên kiến thiên vị, thêm thắt lơ lạo, không bắt măn sợ sệt, viết đúng theo lương tâm của người đã trải nghiệm nhiều nổi thăng trầm vinh nhục, có lòng tự trọng, có chất liệu sống dồi dào, để ngòi bút là sức mạnh thần kỳ làm thay đổi quan điểm thiên lệch của những kẻ vị kỷ, thiếu công bằng và chưa hiểu rõ gì về cuộc chiến. Ông Lê ước ao mỗi tác phẩm của mình sẽ góp phần vạch trần sự ác độc của chế độ, là những ngọn lửa thiêu đốt lòng dạ thâm hiểm của kẻ thù, đồng thời cũng bù đắp phần nào nỗi mất mát cho những người đã nằm xuống, sự đắng cay nghiệt ngã của tù đầy và thời gian đằng đẵng xa quê hương đối với mọi con dân Việt đang sống lạc loài, tha phương nơi xứ người.

Khác với một số người cầm bút thiếu lương tri ở trong nước thường bê cong ngòi bút, lộng giả thành chân, được người đời ban phát là loại *văn nô bồi bút*, chỉ biết bợ đỡ xu nịnh, viết một chiều theo đơn đặt hàng. Loại *"văn thơ"* như thế chỉ có thể cho ra đời những *"tác phẩm"* kinh dị, quái đản và láo khoét cỡ Tố Hữu : *"Mang dép lốp mà lên tàu vũ trụ"* hay *"Thương cha thương một, thương ông (Lênin) thương mười"*

Riêng với ông Lê, động cơ khởi đầu của nguồn sáng tác phải kể là từ khi đột nhiên bị bắt cầm tù lại lần thứ hai vào tháng 11 năm 1986, trước ngày khai mạc đại hội đảng Cộng sản VN lần thứ VI vài tuần. Chắc chắn những đối thủ của ông Lê không bao giờ ngờ rằng ông đã bắt đầu cầm bút từ một hoàn cảnh đau thương do chính họ tạo nên. Bằng vào những đau đớn bực phát và lòng căm phẫn tột cùng khi bắt gặp đối diện với sự thật quá ư tàn nhẫn, phũ phàng trong phần đời còn sót lại của người lính thất trận, cộng thêm nỗi hoang mang vô định của tháng năm dày đặc đêm đen trong ngục tù và một tương lai tăm tối, bất ổn của vợ con... tất cả đã cô đọng tạo thành những vần thơ ngàn ngút hùng khí, những câu truyện bốc lửa căm hờn của ông Lê đã được ra đời trong hoàn cảnh nghiệt ngã ấy. Tất cả đều rất ngắn để có thể học thuộc lòng, không cần bản thảo hầu tránh hậu họa. Thế đấy, gia tài thơ văn chuyên chở phần hồn nhiều khổ đau phiền muộn của ông

Lê được âm thầm thai nghén và nuôi dưỡng trong hoàn cảnh đặc biệt ấy, hiện diện rất ít, chưa đếm đủ trên mười ngón tay nhưng ông vẫn ấp yêu, nâng niu cẩn trọng trong tâm khảm cho đến ngày ra đi về vùng trời tự do.

Thế rồi thời gian sống trên xứ người, tuy bận bịu với những lo toan cơm áo của cuộc đời, những vần thơ, những trang sách cũ nằm lòng vẫn được ông Lê chiếu cố nhắm lại để viết thành bản thảo lưu trữ.

Tại thành phố Atlanta, ông Lê bắt đầu cầm lại cây bút, tập tành vẽ chân dung cuộc đời mình bằng những dòng chữ dạt dào xúc cảm và ngập tràn thương nhớ. Ông viết như một thôi thúc của tâm hồn, như dòng nước bị ngăn trở tắc ứ lâu ngày cần được khai thông để tràn trãi, thổ lộ, chia sẻ những uẩn khúc trong lòng, như một lối thoát cho những bức bối, những uất ức tích lũy từ lâu trong lòng mà khi còn ở quê nhà ông không được quyền nhắc đến. Những điều ông Lê phơi bày lên trang giấy chỉ là một phần rất nhỏ nhưng rất thật của người lính xả thân trong cuộc chiến tự vệ, là nỗi đau của con người bị hành hạ lăng nhục trong trại tù đói lạnh, là nỗi thống khổ của người dân bị tước đoạt quyền sống trong một xã hội đầy dẫy bất công, tội ác... Tất cả chỉ là một góc cạnh lịch sử nhỏ nhoi trong dòng sinh mệnh dân tộc, không những bị kẻ thù chà đạp bôi bẩn mà còn bị chính ngay những đồng minh phản chiến thân Cộng xuyên tạc, cố tình làm sai lệch nghiêm trọng lịch sử, nhả tâm phản bội, bán đứng miền Nam cho cộng sản. Ông Lê muốn góp bàn tay lột trần sự thật điểm nhục trước dư luận quần chúng để đòi hỏi một sự công bằng. Ông không muốn thế hệ con cháu đời sau ngộ nhận và tiếp tục bị kẻ thù lường gạt bởi những âm mưu tuyên truyền thâm độc. Ngược lại họ cần phải biết rõ sự hy sinh cao quý của người lính VNCH, đã trọn đời tận sức chiến đấu bảo vệ tự do dân chủ và hạnh phúc cho nhân dân miền Nam. Ông Lê mong ước sự thật của lịch sử phải sớm được hoàn nguyên. Vị trí người lính VNCH phải được ngưỡng mộ và tôn vinh xứng đáng. Tổ quốc Việt Nam sẽ được thế giới biết đến như một điều kỳ diệu về tinh thần bất khuất và sự hy sinh kiên cường cho tự do.



## MỘT NGÀY HÈ

Trong nắng sớm, muôn hoa rục rã,  
Bướm trong vườn nhẹ cánh tung bay.  
Hồng nhung đỏ thắm cùng đua nở  
Thơm ngát một vùng mướt cỏ cây.

Trưa đứng bóng, thẩn thơ triền đóa  
Gót hài in dấu vết hoàng hoa.  
Không gian êm ả, đường hiu quạnh  
Phe phẩy gió hè nhẹ lướt qua.

Chiều xuống, lả lơi cành liễu rủ  
Phố vui rộn rã tiếng ai cười.  
Âm thầm đi giữa miền xa lạ  
Lạc lõng cô đơn ở xứ người.

Vườn đêm lạnh lẽo vắng trăng khuyết  
Cô độc giữa trời cao biếc xanh.  
Một cánh sao băng vương ánh bạc  
Lóng lánh sáng ngời như mắt anh.

Đêm muộn màng từng cơn lốc thổi  
Giơ tay em nhặt lá vàng rơi.  
Mang về ép giấu trang thơ mỏng  
Để nhớ về anh trọn một đời.

BẠCH MAI  
(Virginia)

Mỗi khi cầm bút, những ký ức đau buồn tuổi trẻ ngày xưa tưởng đã quên lãng từ lâu, theo nhau lũ lượt kéo về làm xao xuyến tâm hồn người lính già. Mỗi địa danh kỷ niệm, mỗi khuôn mặt chiến hữu thân yêu một thời lửa đạn, còn sống hay đã ra người thiên cổ, như cuốn phim dĩ vãng hiện về đầy ắp trên những trang giấy. Ông viết với một niềm say mê tận tụy, đặt hết tâm óc vào câu chuyện và mỗi trang giấy như trả ông Lê về lại với chính mình ngày xưa. Ông miệt mài viết như có kẻ vô hình nào đó thôi thúc, giao phó cho ông cái trọng trách ấy. Ông như thân chiến mã già nua chợt nhớ lại thưở sa trường ngang dọc, nện vó dựng bõm ngang cổ cát tiếng hý vang gọi đàn.

Cứ thế năm tháng vùn vụt trôi qua trên xứ người. Những tập bản thảo chuyên chở nhiều tâm tình, góp nhặt từng mảnh đời vui buồn đau thương của một thời rồi một ngày cũng đã xếp lên đầy cộm. Bạn hữu thúc hối xuất bản. Ông Lê phân vân suy nghĩ, lòng đắn đo cân nhắc. Mãi đến hôm cơ duyên bất chợt đến với ông trong dịp tình cờ một người bạn văn chương đã thành danh phát hiện ra tập bản thảo. Sau khi đọc xong, nhà văn đàn anh thân ái vỗ vai nói với ông Lê :

- Viên ngọc quý chỉ có giá trị khi được người ta chiêm ngưỡng, ngắm soi đến. Cũng như văn chương chỉ được đánh giá khi đã in thành tác phẩm hoàn hảo và phổ biến rộng rãi trong quần chúng.

Thấy ông lưỡng lự, người bạn khuyến khích:

- Khiêm tốn là đức tính đáng quý. Tuy nhiên anh chẳng từng ao ước mọi sự thật trong cuộc chiến quá khứ phải sớm được khai mở ra trước ánh sáng đó sao. Đã đến lúc chúng ta cần đến cái dũng của người viết để tiếp tục cuộc chiến chính nghĩa. Vả lại, đời người cầm bút xưa nay mấy ai thanh thản hả ông ?

Ông Lê chiêm nghiệm lời người bạn nói thấy rất chí lý. Có thể sau khi xuất bản sách sẽ có trở ngại, khó khăn một khi ông trở về thăm quê hương, nhưng không còn cách chọn lựa nào khác khi ông đã thai nghén ấp ủ đưa con tinh thần hàng chục năm trời, từ thưở còn lao đao trong tù, trong nước. Nay thì ông cũng đã già rồi, không còn tìm ra con đường nào khác khả dĩ thổ lộ nỗi lòng, kể cả cách dùng bút hiệu thay cho tên họ,

thiết tưởng cũng không cần thiết đến nữa. Đó cũng là cách biểu hiện lòng bất khuất, dũng cảm.

Thế rồi sau đó liên tiếp ba tác phẩm của ông Lê ra đời. Nhiều cú phone và email gửi đến bày tỏ lòng cảm động và đóng góp đôi điều suy ngẫm cá nhân đầy tình cảm khích lệ quý giá, nhất là các chiến hữu bốn phương có cùng tâm trạng. Đó là phần thưởng tinh thần vô giá giúp ông Lê tiếp tục mài giũa ý chí và tận tụy sáng tác, cố gắng quên đi niềm đau không hẹn ngày trở về quê hương thăm mẹ.

Hàng năm số người về thăm quê hương càng tăng lên, có lúc như là phong trào. Mỗi người có sẵn một lý do riêng hợp lý, hợp tình để viện dẫn cho sự trở về của mình. Thành phố Atlanta nơi ông Lê ở, chuyện đi về Việt Nam xảy ra thường xuyên như cơm bữa. Có nhiều người quen biết, kể cả thành phần trước đây đã một thời bị cộng sản giam cầm đầy ải, họ nhìn Việt Nam hôm nay với con mắt dễ dãi, lạc quan có chút hể hê của một Việt kiều. Họ nói Việt Nam bây giờ đã khác ngày xưa nhiều lắm, chẳng có gì đáng e sợ nữa cả và họ thúc hối ông Lê cứ mạnh dạn trở về, “*bảo đảm không có sao đâu*”. Ông nhìn họ mỉm cười im lặng, thầm nghĩ: “*nếu có sao thì mình bị tù chứ họ có ở thay cho đâu*”. Họ làm sao hiểu được suy nghĩ của ông. Dẫu hôm nay có thay đổi thế nào chẳng nữa cũng không cho phép ông được chủ quan, cả tin một cách ngây thơ ngỡ ngàng vào cộng sản, bọn người đã đặt địa vị và quyền lợi cá nhân lên trên tổ quốc, ngang nhiên chà đạp mọi giá trị truyền thống dân tộc và sẵn sàng sử dụng bạo lực để bảo vệ chế độ. Ông chỉ tin trừ phi chế độ đã tan rã thành tro tàn, mục rữa theo với quá khứ đầy dẫy tang tóc và ô nhục. Chắc chắn ngày ấy rồi sẽ đến trong một thời gian không xa. Lịch sử đã chứng minh: “*Triều đại nào rồi cũng sẽ suy tàn, chế độ chính trị nào rồi cũng sẽ đi qua, chỉ có Dân Tộc là vĩnh viễn trường tồn*”. Hai lượt vào tù cộng sản là hai lần kinh nghiệm đầy máu lệ và đau thương đến bầm gan tím ruột về một món nợ oan khiên vẫn canh cánh bên lòng ông. Quên thì thôi chứ nhớ đến là nhưc óc buốt xương.

Ông Lê thu gọn bài báo của giáo sư Nguyễn ngọc Toàn xếp vào tủ “*lưu*”, ngẩng nhìn vầng

trăng sông hiu hắt dưới màn sương mờ đục, lặng lẽ thở dài. Ở đây, có những lúc ông thấy không khác quê hương là mấy nhưng sao lòng vẫn đứng đưng, lạnh lùng khi mỗi độ Xuân về. Bao nhiêu năm xa tổ quốc, trong tâm tưởng ông Lê vẫn canh cánh nỗi day dứt thương nhớ cội nguồn, vẫn ước ao một ngày ông sẽ trở về nơi đã sinh ra, lớn lên và đã sống một đời đáng sống nhưng rồi phải bỏ lại tất cả để ra đi. Cái hy vọng, cái ước mơ tưởng chừng rất bình thường đó cứ ngày một xa dần, xa dần. Thời gian xuôi ngược nay đây mai đó, con đường ông không chọn lựa mà vẫn phải đi, cuộc sống không ước mơ mà vẫn phải sống... cứ vùn vụt trôi mau trên xứ người mà ngày hẹn trở về thăm mẹ thì vẫn lùi xa, lùi xa mãi... Giấc mơ hồi quy tan biến trong lòng ông, trong lòng người con tha phương khắc khoải trông ngóng về cố quốc, trĩu nặng nỗi niềm nhớ thương quê hương với hình ảnh bà mẹ hiền ngày đêm mong con về. Mang mang trong đầu ông Lê hiện ra câu Đường Thi trong khúc Tĩnh Dạ Từ của nhà thơ Lý Bạch. Ông thì thầm như vỗ về, an ủi chính lòng mình :

*“Cử đầu vọng minh nguyệt. Đê đầu tư cố hương”* (Ngừng đầu nhìn trăng sáng. Cúi đầu nhớ quê hương)

Nước mắt ông Lê âm thầm ứa ra trong đêm vắng. “*Mẹ già như trái chín cây. Gió đưa mẹ rụng biết ngày nào đây?*”. Lòng quay quắt thương nhớ, ông thầm nói với mẹ già : “*Vận nước nổi trôi, thời thế đảo điên, con phải ra đi lìa xa tổ quốc, vẫn luôn hứa với mẹ là sẽ sớm trở về. Thế nhưng, thời gian bần bật con vẫn chưa thực hiện được lời hứa. Hôm nay lại thêm một lần nữa con nói dối mẹ, như ngày xưa đã từng dối mẹ mỗi lần lên đường lăn thân vào nơi mịt mờ chiến trận và hằng đêm mẹ vẫn không quên nguyện cầu cho con được bình an, mau sớm trở về. Lạy mẹ, ở phương trời quê hương xa xôi xin hãy rộng lượng tha thứ tội lỗi cho con. Cả đời, con vẫn hoài dối mẹ.*”

(Trích tuyển tập “Đất Thôn”)

Virginia, Jan. 2006

**Lê Luyện**

# SUNFLOWERS



In Alberta, most people like to use granola oil. The French prefer sunflower oil for their cooking.

It is so funny to see rows of those flowers turning their "heads" in one direction, just like rows of my students facing me in front of their classrooms after the bell or rows of soldiers turning their heads in salute of dignitaries when they go past the main stands.

Numerous sunflower fields surround my friends' "country home", a 12th century castle in the Western part of France. Their apartment in town is not big enough for guests. Therefore, friends get to live like old time nobles in the old castle during their visits. You are curious about the windows on one of the eighty feet tall walls? The far left windows are from the kitchen that has been modernized with a refrigerator, a dish washer and an electric range. The middle windows and the far right ones belong to two guest rooms. One of those two rooms used to be the baby room for my friends' only daughter who recently came back from India after eleven months of teaching French for the "Alliance française". Now, the family stays upstairs,

between the two towers which are now used for offices.

Since her return, our young lady, the future owner of her ancestors' home, likes to walk for hours after breakfast or late evening after supper. She told me that this helped her revive her experience in India and think about the people she had met. It is amazing how this young lady, who turned twenty six years not long ago, had managed to travel on foot for 13 days up at 4000m in the Himalaya with just a guide and lived on people's kindness and generosity every night, at every stop. I could understand why she wanted so much to go back to India for a new adventure on foot and visit the people she had met during her last journey: this country and its culture remain a mystery for her to discover.

Unfortunately, this secret desire broke her mother's heart, worrying so much for her only child, as all mothers do for their loved ones. What frightened her mother the most was that our young friend seemed to trust all strangers she met on the road and to be unaware of any kind of troubles. I would worry as much, imagining my child wandering around a foreign country far away from home or being without any words from her for days while she



was walking in the sand in the desert... As a matter of fact, our young friend would sleep in any home and take any foods offered by local people. She never thought that anyone would want to harm her. She had no valuable possession on her and always explained clearly to everybody the goal of her journey: to know more about India and its people, to write a book about their culture. As we all knew, writing is not always the best way to make a living. Both her parents have no doubt about that. They have been trying so hard to get her to apply for a teaching job at the university nearby. But I could see that she would not be happy doing anything else but going back to India and continuing her journey started before returning home. Her mind has already been set for new adventures.

Through my conversations with some of her friends and others of her age, I have the impression that this is a trend among young people everywhere. They are all longing for adventures with different goals of their own: curiosity, pleasure, business, altruism... My friend said that her daughter would “suffocate” in her small town, that she needs open space. And the Himalayan paths are her only choice.

The second day of my stay, fascinated by her photos and stories, I took a walk with her through the villages. I needed to refresh my memory as everything looked so different since my last visit. Here everybody seemed to know everybody else. We stopped a few times to let a tractor pass or to talk with a farmer on his way to work. At quiet moments, we enjoyed the breeze in the wide open air and the peaceful atmosphere. It must have been close to harvest time as the sunflowers were waiting to be picked. On our way back, we decided to take a shortcut across the fields and creeks, and under the wired fences. No more photograph taking for me. Not only I had to keep up with her after four

hours of walking against the winds or in the rains, but also I had to make sure that my feet would not land in the middle of patches left behind here and there in the fields by the brown or black and white cows. My husband told my children one day that the brown cows give chocolate milk and the white and black cows give white milk. Do you think that we should believe him?

We arrived just in time for appetizers in the red room and shortly before dinner in the yellow room. It's a good thing we were not caught jumping over the gate to reach the woods behind the castle. This would not be appropriate for our young lady, the future owner of the castle. That night, in the room with the two middle windows, I massaged my feet till I felt asleep.

Today, when I am finishing this, our young friend has done 1200km on foot in two and a half months through villages, cities, ports, deserts, mountains around the South Western provinces of India: from the Gulf of Kutch to the Gulf of Khambat, from Lakhpat, Maliya to Jamnaga, Dwarka, Porbandar (Gandhi's birth place), from Kodinar to Diu and the list keeps adding up.

Like sunflowers, having their heads up and down at times but always aiming at the sun, our young lady had resumed her journey to the east. Doing so to “*Embrace India*” is a dream come true for her.

*Vòng trời đất dọc ngang, ngang dọc  
Nợ tang bồng vay trả, trả vay  
Chỉ làm trai nam bắc đông tây  
Cho phi sức vẫy vùng trong bốn bể...*  
**Nguyễn Công Trứ, “Chỉ Làm Trai”**

**DMC**

VA, April 09

## ĐÊM MÙA HẠ SUMMER NIGHTS

Một giờ ta bấm phon  
bạn hãy còn thức đó  
hai giờ ta bấm phon  
"hê lô" buồn nho nhỏ

At one in the morning I dialed  
You were still awake  
At two I dialed again  
"Hello" came softly your voice

Tại sao ta cùng thức  
trong đêm mùa hạ này  
tại sao ta cũng thức  
trọn mùa gió heo may

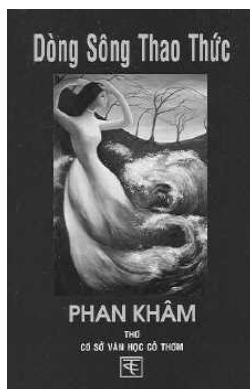
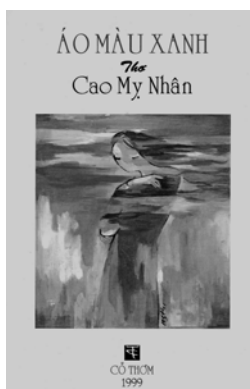
Why were we both awake  
on this summer night  
Why had we stayed awake  
through these windy times

Tại sao ta phải thức  
từ đời xưa đến nay  
tại sao ta sẽ thức  
ô! đêm lịch sử dài

Why stay wide-awake  
from old time till today  
Why must we stay awake  
Oy! History's long night

VI KHUÊ

TM



# CU GẦY

## Đỗ Phú

Trung tâm phục hồi đã để lại trong tôi một ấn tượng khó quên, một cảm nhận buồn vui lẫn lộn. Trên 100 em nhỏ trai gái, với nhiều bệnh tật sinh thời khác nhau, như bệnh bại liệt sơ sinh (polio), chân tay co gập, chân tay ngắn, nhỏ, đi lại khó khăn, thân hình dị dạng (malformation), trí óc chậm phát triển (retarded), các bệnh về não, thần kinh... những dáng mặt khờ khạo, ngây dại đang được chỉ dẫn cách dùng chân tay, với ít nhiều suy nghĩ, cách làm một số sản phẩm đơn giản như may thêu khăn ăn, khăn bàn nhỏ, khăn lót dưới các bình hoa, khăn tay, làm những con búp bê nhồi bông, các con thú đồ chơi, cách sử dụng máy vi tính... Hướng dẫn viên, một cán bộ huấn luyện giải thích về cách thức huấn luyện các em, mục đích chính là giúp các em năng động về thể xác và tinh thần, giúp các em sống vui, khỏe mạnh và sẽ trở thành con người hữu ích cho mình và cho xã hội, nhân viên săn sóc các em khá đông, cứ khoảng 5 em lại có 1 nhân viên lo phụ giúp, chỉ dẫn, cho các em đi lại, ăn uống, nghỉ là vừa làm vừa giải trí, vừa học. Các em được lãnh lương cho những giờ làm việc và có nhân viên chỉ dẫn các em cách giữ tiền, chi tiêu, sổ sách v.v... Nếu so sánh số lương mà các em được hưởng với chi phí của Tiểu Bang chỉ ra thì thấy rõ mục tiêu xã hội của nhà nước, chính phủ phải chi cho mỗi em từ 10 đến 50 ngàn đô la một năm, tùy theo nhu cầu của mỗi em. Hầu hết các trẻ em trong trung tâm là trẻ mồ côi, con những bà mẹ độc thân, con những gia đình lợi tức thấp... Bên cạnh trung tâm là khu nhà ăn ở của các em, lúc nào cũng có nhân viên theo dõi, săn sóc và giúp đỡ về mọi mặt.

Thị trấn Harrisonburg là một thị trấn nhỏ của Tiểu Bang Virginia, nơi đây ruộng đồng bát ngát, nhà cửa thưa thớt, khí hậu trong mát, dân tình hiền hòa, tương đối nghèo so với nhiều vùng khác. Thị

trấn nào cũng có trung tâm phục hồi cho những người khuyết tật mọi lứa tuổi. Chi phí dành cho giáo dục, xã hội, y tế cho những gia đình lợi tức thấp, các vị cao niên, những người phế tật chiếm đến 80% ngân sách của tiểu bang.

Sau khi tham dự các buổi hội thảo về cải thiện hệ thống máy vi tính trong cơ quan an sinh xã hội, chủ yếu là giảm thiểu tối đa giấy tờ, các dữ liệu sẽ được lưu giữ trong máy thay vì giữ hồ sơ, một hình thức paperless office, ban cố vấn Tiểu Bang chúng tôi được mời đi thăm các cơ sở xã hội trong vùng. Tôi dừng lại trước hai em bé gầy guộc, chân tay xương sấu, mắt lồi trông thảm hại, viên giám thị vội giải thích đó là mấy em mới vô trung tâm được hai tuần lễ đang được săn sóc về y khoa đặc biệt, các em gầy ốm o nhưng không có bệnh tật gì hiểm nghèo cả nên mới được qua khu huấn luyện này ngồi xem các em khác học tập. Hình ảnh hai em nhỏ da bọc xương Jeff và Alex đưa tôi trở về với những hình bóng của trẻ em xấu số nơi quê nhà, những kỷ niệm xa xưa mờ nhạt. Một cuốn phim đang được quay ngược trở lại nhiều năm về trước.

Tôi lớn lên và học tiểu học tại Nam Định. Dưới thời Pháp thuộc, Nam Định là tỉnh lớn thứ ba ở miền Bắc, sau Hà Nội và Hải Phòng, Nam Định nổi tiếng nhờ có nhà máy dệt vải. Nam Định còn có nhiều di tích lịch sử của các vương triều nhà Trần, có đền thờ thánh Trần, các đình chùa nổi tiếng như chùa Cổ Lễ, chùa Keo Hành Thiện, đền Phủ Dày, cùng nhiều nhà văn, nhà thơ nổi tiếng như Trần Tế Xương, Nguyễn Bính... Nam Định cách Hà Nội 90 cây số về hướng Đông Nam, nằm trong vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, có nhiều sinh hoạt văn hóa đa dạng, gồm hát chèo, hát văn, hát xẩm, múa rối nước, nhiều trò chơi dân dã như đua bơi lội, bơi thuyền, hầu bóng.

Khu gia đình tôi ở là một ngõ hẻm mang tên ngõ Lôi Điện, nằm trên đường Hàng Tiện. Sau này lớn lên, tôi mới hiểu cái tên kỳ cục lôi điện, vì khu chúng tôi ở nằm trong khu vực có một cột gạch xây như ống khói cao tới 30, 40 thước bao quanh những sợi dây đồng cắm thẳng xuống dưới đất,

dùng để hút những dòng điện trời khi có xấp sét. Nó tránh cho các nhà dân ở gần đó khỏi bị sét đánh. Khi nhà tôi tới ở ngõ này, thì cột thu lôi đã đổ nát, gần như không còn nữa.

Ngõ Lôi Điện chạy theo hình chữ L từ phố hàng Tiện vào đến gần cuối ngõ rẽ tay mặt ra phố hàng Đồng. Ngõ hẻm này có chừng 30 gia đình cư ngụ. Nhiều thành phần sống lẫn lộn với nhau. Từ phía Hàng Tiện vào, bên phải có gia đình nhà ông bà Thanh. Thanh là tên thằng con út cùng học, cùng chơi với tôi trong ngõ. Anh trai của hắn tên là Hỷ, nhưng ở nhà cũng như mọi người trong ngõ gọi Hỷ là cu lớn và Thanh, bạn tôi là cu con. Gia đình cu con được coi như khá giả trong xóm và ít khi thấy cãi nhau với lối xóm. Cãi nhau, chửi nhau tục tĩu thường xuyên xảy ra trong ngõ hầu như tuần nào cũng có, nhưng sau mỗi lần chửi nhau mọi người lại hòa thuận như chưa hề có chuyện gì xảy ra. Thân nhau đấy, rồi lại cãi nhau, lại chửi nhau nhiều khi chỉ vì một vài lý do rất nhỏ nhoi, tầm phào.

Qua nhà cu con vài căn nhà nhỏ là nhà cu Bảng, cũng học cùng lớp với tôi, hắn ít ra ngoài chơi sau giờ học như các cu khác. Trước mặt nhà cu Bảng là nhà cu gậy, không rõ tên hắn là gì mà thấy ai cũng gọi hắn là thằng gậy hay cu gậy. So với các trẻ con cùng lứa tuổi, hắn quá gầy ốm, đen đúa đôi khi bản thiêu, ăn mặc rách rưới. Khoảng 20 trẻ em trong xóm chỉ mình cu gậy không đi học.

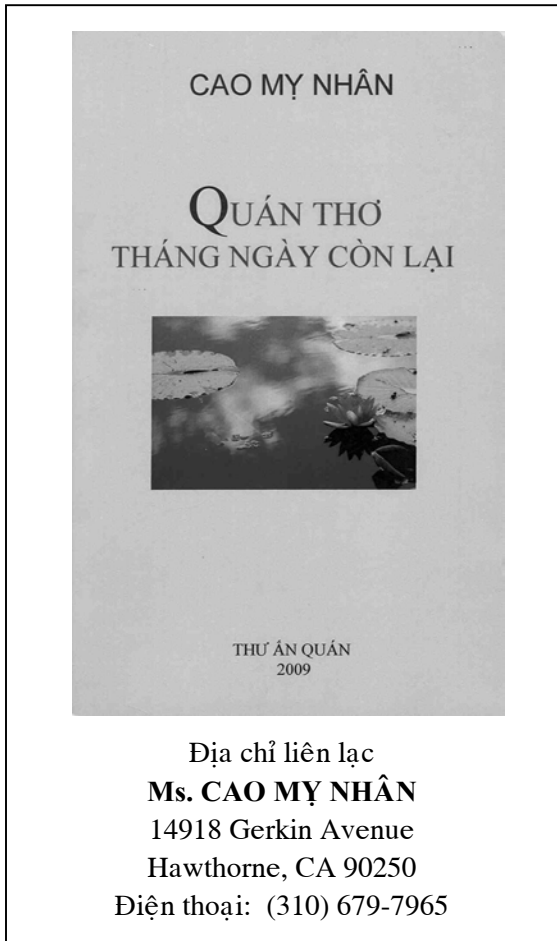
Cu gậy sống với bố, hai bố con ngủ sau một chiếc xe ba gác dùng để chở một cái trống lớn, cũ loang lỗ đầy vết dơ bẩn, dùng vào những dịp ma chay, tang tế. Chiếc ba gác được che bởi 1 tấm phen lớn, gác lên bờ tường nhà ông Tình, thợ vẽ tranh phong cảnh, cây cối quanh hồ Hoàn Kiếm. Thỉnh thoảng tôi bắt gặp cu gậy từ sau cái xe ba gác bản thiêu chui ra. Mỗi lần nhìn thấy tôi hắn nở một nụ cười buồn, rồi vội vàng đi như muốn chạy trốn một cái gì. Hai bố con cu gậy thường ra khỏi nhà từ rạng sáng đến tối khuya mới về. Nhà tôi đối diện với chỗ ở của bố con cu gậy nên tôi thỉnh thoảng nhìn thấy họ. Bên cạnh nhà tôi là nhà bà quản Hiếu. Hiếu cũng là tên cô con gái thứ hai và là út cưng của bà. Bà quản là bà thứ của 1 ông quản

(adjutant), không ai biết là thứ mấy và dân lối xóm không bao giờ thấy ông quản mặt mũi ra sao. Bà quản cũng hay chửi nhau với hàng xóm hai bên, mỗi lần bà mở miệng bà thường bắt đầu câu chửi bằng: chúng mày có biết bà là ai không? Bà lên bộ điệu rất kẻ cả trước khi mở máy chửi rủa. Không tuần nào là bà không lên tiếng chửi một người nào đó trong xóm, nhưng sau cơn thịnh nộ, bà trở lại con người vui tính, sè sòa, ăn nói dịu dàng nhất là đối với học sinh chúng tôi. Có một điều lạ là ai cũng bị bà chiếu cố, nhưng bà quản không bao giờ chửi bố con thằng gậy.

Sau này tôi nghe kể lại bố cu gậy trước kia đã từng là thầy cai khổ xanh, nhưng không rõ vì một chuyện gì trái ý quan tây nên bị lột lon, bị đánh cho 1 trận gần thành phế nhân, rồi bị đuổi về vườn. Bố cu gậy từ đó, đau ốm triền miên, không làm ăn gì được, vợ bỏ, xấu hổ không dám về quê, ôm con lưu lạc vào ngõ Lôi Điện, được ban nhà đòn bao che, giúp đỡ, cho làm những công việc nhẹ. Bên phải nhà tôi là nhà cô Liễu, có hai mẹ con, mọi người gọi cô Liễu là gái tân thời, không rõ cô làm gì nhưng lúc nào cũng quần lĩnh áo sa-tanh nỡn nà.

Cạnh nhà cô Liễu là nhà thầu khoán, cửa sắt đóng im ỉm, ít khi ai biết mặt chủ nhân, thỉnh thoảng thấy 1 chiếc xe hơi Citroen chạy ra vào, trước về chiêm ngưỡng ái mộ của bà con chòm xóm. Bên phải phía chạy ra phố hàng Đồng là nhà cụ giáo, đến nhà chú Thầu làm bánh ngọt, bánh kem, kẹo mút. Trước mặt nhà cụ giáo, có 4, 5 người con cùng học 1 trường với tôi, là nhà bà bán bún chả, bún riêu, nhà làm sư tử giấy, có đoàn múa sư tử, quần áo nài nịt sặc sỡ đi múa thuê, chỉ rộn rịp vào những ngày lễ lớn như Tết Nguyên Đán, lễ Trung Thu ....

Đầu năm 1945, dân quê các tỉnh lân cận Nam Định, Thái Bình, Hà Nam... tìm vào thành phố để kiếm ăn, vì ruộng vườn bị phá hủy để trồng đay lấy vỏ cây đan áo và bao tải cho quân Nhật. Thiếu đất trồng lúa nên dân thiếu gạo, thiếu vườn tược nên dân không có hoa quả, ngô khoai ăn độn, nguy cơ nạn đói đang cận kề. Không ai thấy bố con cu gậy nữa, tôi đoán rằng họ đã bỏ xóm đi kiếm ăn nơi



khác. Vào đầu tháng Ba, lúc nạn đói đang hoành hành, người chết nằm la liệt đường phố, thì cu gầy xuất hiện, hần tìm tôi mời tôi ra phố ăn, tôi hết sức ngạc nhiên không ngờ cu gầy có tiền đãi tôi ăn uống, ngạc nhiên hơn nữa trông hần trong bộ quần áo cũ nhưng sạch sẽ, một điều mà tôi chưa từng thấy ở cu gầy. Hần nói trong ngõ Lôi Điện, không ai chơi hoặc nhìn ngó bố con hần, chỉ có mình tôi hay nhìn hần, cười với hần với cặp mắt đầy cảm tình. Tôi hỏi hần làm gì mà khá vậy, lại có tiền tiêu nữa, hần cười sẽ nói sau, kéo tôi ra chợ Rồng, vào tiệm chú Lái gọi một đĩa phở sào cho hai đứa. Phở sào đối với chúng tôi ngày đó là một đại tiệc, thời

buổi đang có nạn đói, ngày phải ăn một bữa cơm chưa đủ no, hai bữa cháo làm sao sống được cho qua ngày. Hần kể bố hần đã theo cách mạng, bố nó đã tìm được nơi làm việc đúng với lý tưởng của ông. Bố hần hận thù Pháp, không phải vì bản chất thực dân của chúng mà chỉ vì đã sả thân đi làm cho Pháp, mà bố hần còn bị si nhục, đánh đập tàn nhẫn vì vài lỗi nhỏ. Những vết đòn thù trên người bố hần là những dấu ấn để cho bố hần không bao giờ quên, sống để dạ, chết mang theo. Hần cũng như tôi tuy còn nhỏ, còn thơ ngây nhưng cũng đã phần nào nhìn thấy, cảm nhận thấy sự đau khổ của con dân nô lệ. Người Pháp đưa vào Việt Nam một chánh sách trực trị, bóc lột dân đến tận xương tủy, trong khi những khẩu hiệu tự do, bác ái, bình đẳng của Jean Jacques Rousseau, Victor Hugo được tung ra mọi nơi trên thế giới để mọi người ca tụng Pháp là một dân tộc văn minh hàng đầu trên thế giới. Người Pháp rất thâm độc, một tay cầm dao giết dân, bóc lột dân bị trị, một tay đưa cao hình ảnh của một Yersin cứu dân độ thế, hình ảnh của một Schwizer đi khai phá đất đai, giúp đỡ dân nghèo ở Phi Châu, nhằm che dấu tội ác của họ.

Pháp bị lật đổ ở Đông Dương bởi Nhật, sau Nhật phải đầu hàng quân Đồng Minh, kết thúc trận thế chiến thứ hai. Người dân Việt đứng lên ở mọi nơi âm ỉ như vũ bão, Việt Minh đã nhanh chân chiếm được chính quyền, sau khi tiêu diệt các đảng phái quốc gia. Bố thằng gầy được Việt Minh kết nạp, bố con gầy là thành phần cùng khổ nhất trong ngõ Lôi Điện.

Khoảng 30 chục gia đình trong ngõ hẻm là biểu trưng cho một xã hội nhỏ, từ thành phần công chức, nhà giáo, dân buôn đến thủ công nghệ... Trong cái xã hội nhỏ nhoi này, bố con cu gầy là thành phần được cách mạng ưu ái nhất để hướng dẫn cách mạng lòng bắt những người còn lừng chừng hoặc không theo họ. Nhà cô Liễu bị khám xét kỹ lưỡng vì cô bị nghi có liên hệ với vài người Pháp. Nhà ông thầu khoán cũng bị khám xét và có vài người bị bắt đi mất.

Cuối năm 1946, cuộc chiến Việt Pháp bùng nổ ở Nam Định, mọi người phải tản cư, tôi theo gia



đình chạy về khu chùa Cổ Lễ, rồi Nam Trực, Hải Hậu. Tôi không còn cơ hội gặp lại các bạn cũ ở ngõ Lôi Điện, cả bố con cu gậy tôi cũng không hay biết họ đã phiêu bạt đi đâu.

Đầu năm 1955, tôi theo phái đoàn Tổng Ủy Di Cư thăm viếng các nhà thương và nhi viện. Hàng trăm cô nhi bị suy nhược vì thiếu dinh dưỡng, vì bệnh tật đáng lẽ ra có thể chữa được nhưng vì gia đình nghèo bỏ ngỏ, xã hội không có tổ chức và không có ai nghĩ đến họ. Nhiều trẻ em đã trở thành phế nhân một cách oan uổng, đáng thương. Một vị nữ tu cho hay quá nhiều trẻ em cô nhi cần được săn sóc mà cô nhi viện không đủ khả năng nhận hết. Trong lúc thăm hỏi các em cô nhi, tôi chợt thấy một em quen thuộc, nhìn kỹ thì hoá ra cu gậy, vào tuổi 20 mà hấn trông như 15, 16 lại nhỏ con, nên hấn được hòa lẫn vào đám cô nhi lớn tuổi. Khi nhận ra tôi hấn buột khóc. Hấn nghĩ đến thân phận nghèo hèn của hấn, nên tủi thân chẳng. Bố con hấn đã vươn lên cao trong thời kỳ cách mạng, nhưng sao bây giờ hấn lại đến nông nổi này.

Bà Sơ giám đốc cô nhi viện thấy về thân thiện giữa tôi và cu gậy hỏi: ông quen biết cậu bé này, tôi đáp vâng. Bà Sơ dành riêng một bàn nhỏ để cho cu gậy tiếp tôi. Thấy hấn nhậy cảm, và xúc động khi thấy tôi, tôi an ủi hấn, hỏi thăm bố hấn. Qua tiếng sụt sùi, vài giọt nước mắt lăn trên gò má, hấn kể: Khi toàn dân nổi lên chống Pháp, bố nó đi tìm một đoàn thể để ra nhập, và bố nó đã được Việt Minh thu dụng. Với lòng căm thù Pháp còn sôi sục trong tim, ông xung phong vào mọi việc, lúc đó tổ chức của Việt Minh còn sơ khai, ít người nên ông được trọng dụng mau chóng. Lúc đầu ông vào tổ trinh sát, vì ông rất rành mọi người ở mấy phố hàng tiện, hàng đồng, khu buôn bán quanh chợ Rồng, sau ông được 1 cán bộ để mắt tới cho ông cho ông đi theo phụ tá. Chừng hai năm sau ông lên làm phó huyện ủy, rồi huyện ủy vào năm 1950. Cu gậy được giao cho nhiều việc như liên lạc viên, theo hầu hạ các yếu nhân của mặt trận. Cu gậy cũng được đi học chữ. Đến năm 1953, dù cuộc chiến tranh Việt Pháp còn tiếp diễn ác liệt ở nhiều nơi, như Vân Đình, Phú Thọ, Sơn La, mặt trận

Điện Biên sắp có cơ thành hình... thì bố cu gậy bị sa thải, bị bắt làm kiểm điểm do có người tố cáo ông đã từng đi lính cho Tây. Khi được thả về, hai bố con lại lang bạt quanh vùng quê của các tỉnh Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Phủ Lý làm thuê để sống. Trên đường tìm về tề, vào vùng Pháp chiếm đóng, hai bố con bị Việt Minh bắt, họ giam mỗi người một nơi, rồi từ đó hấn không còn gặp hay nghe tin gì về bố hấn nữa. Cu gậy nói hấn đi tìm bố hấn hỏi ai họ cũng nói không biết, họ dấu diếm, che đậy không cho hấn biết một chút gì về bố hấn nữa.

Hấn lần mò về thành phố, sống bụi đường, sống bên các vỉa hè bán thiu, cho đến 1 ngày cảnh sát hốt hấn đưa vào cô nhi viện. Sau Hiệp Định Geneve, cô nhi viện di tản vào Nam, cu gậy nói bây giờ tên em là Thái, là một cô nhi lớn em có nhiều việc phải làm như giúp đỡ nhà bếp vào giờ nấu ăn, dọn dẹp, lau chùi nhà cửa, giúp đỡ các Sơ khi gọi đi chợ khuân vác đồ, mở cổng ra vào cho các Sơ và khách. Lúc rảnh rỗi, Thái được học thêm cả chữ lẫn nghề, như nghề may, thêu, làm 1 số đồ lưu niệm thủ công nghệ bán cho quan khách đến thăm.

Tôi còn thỉnh thoảng gặp cu gậy cho đến tháng Tư năm 1975. Một số nhỏ cô nhi viện di tản qua Hoa Kỳ, trong đó không có cô nhi của gậy. Vào năm 90, tôi được tin Bà Sơ Giám Đốc Tròn đã qua đời, cu gậy hay Thái không còn tăm hơi nào nữa, con số trẻ bị bỏ rơi ở Việt Nam lên tới gần ½ triệu, mà chỉ một số rất nhỏ có cơ may vào cô nhi viện, còn đa số bị bỏ mặc cho may rủi, cho số phận. Một anh bạn nào đó nói một câu tôi còn nhớ, dân mình ai cũng yêu thương con cái, bao bọc con cái hết mình, nhưng chỉ con mình thôi còn con người ngoài thì mặc kệ.

Sự xuống dốc của xã hội vì tham nhũng, bè phái, sự suy đồi của giáo dục, đạo lý vì sự thờ ơ, vô trách nhiệm, ích kỷ của những người có trách nhiệm đã đưa hàng triệu phụ nữ, trẻ em vô phước vào u mê, khổ hạnh mà họ sinh ra đời đâu phải lỗi của họ.

**ĐỖ PHÚ**  
(Virginia)

**CỎ THƠM**

# VĂN HÓA BẤT LỊCH SỰ

## DIỆU TẦN

Ngôn ngữ Việt Nam chỉ có một, nhưng nhiều nhà hoạt động về văn hóa, văn học, văn chương ở hải ngoại cho rằng văn hóa Việt hiện nay có đến hai. Một ở hải ngoại và một ở trong nước. Tại quốc nội đáng được gọi là *văn hóa chữ*, gọi cho bớt khó nghe là *văn hóa bất lịch sự*. Không phải sự khác biệt thành hình từ sau 1975, mà đã tương hình từ sau 54 ở miền bắc, sau cuộc di cư vĩ đại và sự thành lập một quốc gia ở miền Nam, chia đôi lãnh thổ bằng vĩ tuyến 17.

Nói nôm na ra là văn hóa miền Bắc dần dần biến chất từ nền tảng 1954, rồi lan tràn ra toàn quốc sau 1975. Đó là nền *văn hóa chữ*, hoặc *thiếu văn hóa*, nói chung là “quá đà văng tục”, gồm chữ thể, chữ tục, văng ra những lời nguyên rủa, ví von ác độc, dâm dục, tục tĩu, bậy bạ... Chữ bậy, văng tục nước nào cũng có, nhưng rất ít chỉ do những nhóm người thuộc tầng lớp nào đó sử dụng mà thôi. Một ví dụ chữ có bài có bản, là ở thôn quê miền bắc có vụ chữ mất gà. Chữ dai dẳng, chữ ngày đêm, hết mẹ đến con thay nhau chữ và thuê người chữ. Người ta tạm lý giải rằng chữ, văng tục là một hình thức phản kháng của kẻ yếu, một cách chống lại tiêu cực.

Mới đây báo chí in và báo mạng ở trong nước đã phải lên tiếng báo động về tệ nạn này. Người lo lắng nhất là nhà văn nổi danh Tô Hoài, ngoài 80 tuổi, tác giả “Đế mèn phiêu lưu ký”, người mới đây đã cả gan tung ra truyện “Ba Người Khác” kể lại một phần sự thật cuộc cải cách ruộng đất khủng khiếp. Nền văn hóa bất lịch sự không bắt nguồn từ Huế, Sài Gòn, lại bắt đầu và phát triển mau chóng từ Hà Nội. Tô Hoài là

người gốc bắc, sống ở một xã sát ranh thủ đô, nên ông thấy gương gương, chua xót, “bức xúc” lắm. Tô Hoài xấu hổ là phải, chính người viết bài này đã được tai nghe, mắt thấy một màn văn hóa bất lịch sự từ miền Bắc đem vào. Tôi đang ngồi bán hàng vặt ngoài lề đường Lê Thánh Tôn năm 1979, chợt có một chiếc xe xích lô đậu lại, trên xe có một cậu nhỏ chừng 7, 8 tuổi ngồi chung xe với người mẹ và hai người chị. Xe vừa cặp lề, cậu nhỏ bước xuống, giơ ngón tay chỉ mặt người đạp xích lô, nói lớn:

*Đ.M.. mày, mày bắt ông ngồi dưới chân, mới đít quá. Tiên sư nhà mày nhá.* Những người nghe và thấy hoạt cảnh này ngạc nhiên rồi cùng cười, kể cả người đạp xe cũng cười. Cậu nhỏ nói to hơn: *Đ.M.. cười cái đếch gì, còn cười hả?..*

Con nít đã biết chữ lưu loát và giòn giã như thế tất nhiên người lớn phải chữ bậy, văng tục đến mức nào? Theo bài báo và theo cuộc điều tra sơ khởi, quy mô nhỏ, người ta hoảng hồn về chuyện “phun châu nhả ngọc” đã lên đến mức báo động. Trẻ em bắt chước người lớn theo gương tốt hoặc xấu của người lớn. Người lớn ở Hà Nội, ở miền Bắc là những ai? Quan chức, cán bộ nhà nước, học sinh, sinh viên, văn nghệ sĩ, phụ huynh học sinh... chứ còn ai vào đây nữa? Cùng một nhận xét như Tô Hoài, các cụ lớn tuổi, các thầy cô giáo, những người là cha mẹ từ miền Bắc vào Nam năm 75 đều phải công nhận là thanh thiếu niên miền Nam lễ phép, lịch sự, ngoan ngoãn. Học sinh vẫn còn biết khoanh tay, cúi đầu chào thầy cô: Thưa thầy, thưa cô“ xưng con hoặc xưng em dịu dàng.

Tô Hoài khen ngợi: “*Những gia đình người Hà Nội vào Nam từ trước hàng mấy chục năm sau, lớp con cháu họ vẫn không mất đi nét thanh*

lịch, vẫn đứng trước người lớn khoanh tay cúi đầu chào”. Tôi có đọc một bài báo trong Tờ “Ngôn Ngữ và Đời Sống” in năm 98, 99 gì đó ở Hà Nội với đề tài là giữa thầy cô dạy học với sinh viên nên xưng hô ra sao, sau khi công nhận rằng lối xưng hô là *thầy, cô* với *em* ở miền Nam là hay nhất, hợp nhất. Tôi không rõ ở miền Bắc học sinh lớn và sinh viên gọi giáo viên, giáo sư bằng anh, chị, ông bà, đồng chí, *thầy?*... còn nhà giáo gọi trò là trò, mày, mi hay đồng chí...?

Tô Hoài có lẽ chưa có đủ thì giờ đi thăm nhiều nơi ở trong Nam, nên chưa biết rằng, tuyét đại đa số thiếu niên, học sinh miền Nam đều có nét thanh lịch, đều tốt lành như vậy cả. Nền văn hóa từ xưa còn lưu truyền lại là nền văn hóa thanh lịch, trong lành. Tuy trải qua một cuộc chiến khốc liệt trên 10 năm, có bị giao động, bị lung lay nhưng vẫn giữ được bản sắc dân tộc. Nạn chửi bậy, văng tục liên hệ đến ngôn ngữ học, nền giáo dục, xã hội học và luân lý, đạo đức. Điều nguy hiểm là nạn văng tục xâm nhập nặng nề vào học đường. Không những nam sinh có thói xấu này, giờ đây nữ sinh trung học “xỏ nhỏ” kinh khủng hơn nam sinh rất nhiều. Nam sinh không tiện văng ra khi có mặt nữ sinh, nhưng nữ sinh coi con trai như không có trước mặt. Họ ví von ghép chữ rất đậm dục, càng tục càng tỏ ra có bản lĩnh, càng bậy, càng tục càng có giá trị, chửi giỏi cũng sẽ nổi tiếng như hát hay. Qua tiết lộ của báo chí trong nước, muốn nghe những “lời hay ý đẹp” chỉ việc đứng lắng tai nghe các mồm non của đất nước tại cổng trường Hà Nội như Việt-Đức, Phan Đình Phùng, Trần Phú, Amsterdam (chắc là trường dành cho con quan chức, trả học phí bằng đô-la) sẽ tha hồ được thưởng thức bằng thánh giác những của quý đó. Các cô nói dâm và tục rất hồn nhiên, “vô tư”, tự nhiên, tự do, thoải mái, vượt kỷ lục nam sinh.

Đã thế, phía thầy dạy có người lại chủ trương đưa những tiếng lóng (slang) vào từ điển, họ nói

rằng sao từ điển nước ngoài có, sao ta lại không có? Ở đây có lẽ họ đã hiểu sai nghĩa chữ *slang* của Anh ngữ. *Tiếng lóng* khác với tiếng chửi, chữ dâm tục, nó khác rõ ràng vì những tiếng thịnh hành ở mấy trường vừa kể là curse, obscene language, là lewd, luscful không phải là slang. Không một chương trình giáo dục nào của bất cứ quốc gia nào dám in sách dạy cách chửi, dạy nói dâm tục cả. Trên báo mạng chuyện *chat chat* cũng đang gay rối loạn về ngôn ngữ, giới trẻ dùng những thành ngữ, ví von rất lạ, sống sượng, họ bỏ hết vần *yêu*; ...*iêu* để chỉ dùng *vân* ...*iu* thôi.

Từ tiếng nói dơ bẩn sẽ dẫn đến những hậu quả xa hơn là giới trẻ sẽ trở nên chai lì, gỗ đá, dễ nảy sinh bạo lực, đã đi đến hậu quả là nữ sinh kiếm thêm bằng nghề gái gọi, thầy giáo nhòm trộm nữ sinh, thầy giáo đòi ái tình mới cho nữ sinh điểm cao. Tìm hiểu thêm, người ta được biết từ sau 1954, trong chương trình học bậc tiểu học không có môn Luân Lý, không dạy học sinh phải có hiếu với ông bà cha mẹ, phải quý trọng biết ơn thầy cô giáo, phải thảo hiền với anh chị em, phải giúp đỡ người tàn tật, không bao giờ nhắc đến chuyện đi lễ chùa, lễ nhà thờ.... Bậc trung học cũng không có bài giảng về Đạo Đức Học. Chỉ có trung với đảng, và dạy căm thù. À! hèn chi, à ra thế!

Về mặt tâm lý, xã hội có nhiều lý giải. Người ta đổ lỗi cho chiến tranh vừa qua. Nhưng chiến tranh đã chấm dứt từ hơn 30 năm qua rồi. Thế mới hay có thể chữa vết thương vật chất như xây cầu, mở rộng đường xá, nhưng khó có thể chữa ngay được cái gọi là hội chứng chiến tranh. Người ta dễ thay đổi sửa chữa hình thức, bề ngoài, nhưng chuyện thay đổi não trạng, (đảng gọi là đổi mới tư duy) thật là vạ nan. Rồi tâm lý giới trẻ nữa, như tâm lý giới trẻ các nước khác, văng tục là để gây sự chú ý, để nói lên tính mạnh bạo, phóng khoáng và nhất là không bị lạc lõng giữa đám đông (phải có tác phong như các bạn

học, phải ăn mặc, nói năng như các bạn cùng lớp...). Thanh thiếu niên nam nữ còn cho rằng nếu sử dụng thành thạo văn dâm tục sẽ được coi là định hình được một phong cách ấn tượng. Nhưng chừng đó chưa đủ để tìm ra nguyên do chính.

Về mặt xã hội, đúng như câu tục ngữ “đột từ nóc đột xuống”. Vấn nạn chửi bậy, văng tục mang tính cách cộng đồng, tính cách xã hội.

Bây giờ đại đa số dân văng tục khắp nơi chốn và có đủ mọi thành phần “tham gia”, mọi tình huống, coi như một chuyện rất bình thường. Do đó tạo ảnh hưởng dây chuyền, bệnh dễ lây, chửi bậy, văng tục, khởi đầu từ phái nam, từ giới bình dân lan dần đến mọi giới, tiến vào nhà trường, nhập vào các



nữ sinh. Cho nên một đứa nhỏ 7 tuổi bắt chước chửi nhuần nhuễn như trên cũng là chuyện tất nhiên, nó chỉ “kế thừa” cái xấu thôi, vì nó không thấy cái đẹp, nó không thấy cái mẫu trong lành để bắt chước. Cái thói quen thường trực rất xấu đó dẫn đến tâm lý tự giải quyết sự việc vì thiếu tự trọng, vị kỷ, ưa gây hấn, không tin vào công quyền. Thí dụ thường xảy ra hàng ngày là những trường hợp xe đạp, xe gắn máy đụng nhau, không gây tai nạn chết người hoặc bị thương, người ta vất xe đó đứng cãi nhau cái đã, rồi chửi nhau và sẵn sàng đánh nhau, không cần đợi cảnh sát lưu thông can thiệp.

Nhà văn Tô Hoài than thở rằng ông cùng với lớp người gắn bó với Hà Nội từ nhỏ tới già, chưa bao giờ thất vọng như bây giờ. Từ xưa Hà Nội được gọi là đất văn học, đất ngàn năm văn vật, có truyền thống thanh lịch nhất nước. Theo ông

muốn nói là dân các nơi khác không dám mang cái xấu vào đất Thăng Long, thì Thăng Long không thể là nơi nhiễm độc nặng nhất truyền nhiễm đến các tỉnh. Ông kể lại là hồi còn nhỏ, mới 17 tuổi thấy rõ là thanh niên xích mích nhau, cãi nhau, đi đến ẩu đả, nhưng không nghe thốt những lời bậy bạ. Có người giải thích rằng 60 năm trước Hà Nội chỉ có 200 ngàn dân, giờ đây dân số đã lên tới ngót 4 triệu, nên xảy ra hiện

tượng xấu cũng không thể tránh khỏi vì bùng nổ dân số. Nói vậy không ổn, điều hay lẽ phải, nét đẹp của một thủ đô phải tiến theo tỷ lệ thuận, chứ không giật lùi. Rồi những thành phố lớn khác như Đà Nẵng, Sài Gòn, Cần Thơ... cũng gia tăng dân số mạnh, nhưng chắc về nạn “xổ nhỏ” phải thua

xa thủ đô! Nếu nói như vậy dân những thành phố lớn trên thế giới ở Mỹ, ở Nhật, ở Nam Dương... văng tục nhiều lắm sao?

Tờ báo mạng VN Express mở một cuộc thăm dò ý kiến về nạn chửi bậy, văng tục với gần 3 ngàn người, cho hay là tính ra có ngót 55% người ưa thích nói “Đồng Minh”, 25% thỉnh thoảng nói và 21% không theo lối nói kiểu văn hóa bất lịch sự. Đó là kết quả bất ngờ, trớ trêu vì thói xấu này đang thời đại thịnh. Tô Hoài đưa ra ý kiến là đã đến lúc mục tiêu của văn minh thanh lịch cần được cụ thể bằng cách cấm văng tục. Nhà văn bạc tóc này chắc cũng thừa hiểu là căn bệnh trầm kha, khó chữa trị nổi. Ông nói rất thực tâm, thẳng thắn, nhưng người ta nghĩ cũng chỉ như tiếng kêu giữa sa mạc:-

- Cần phải nghĩ đến điều này một cách nghiêm túc, răn dạy, uốn nắn, tuyên chiến quyết

liệt không chỉ với lớp trẻ mà còn cả với người lớn, cán bộ nữa. Khốn nỗi giờ đây đã quá trễ, không còn uốn nắn gì được nữa, mầm non còn uốn nắn được, nay toàn là cây lớn, cả cây cổ thụ nữa, uốn nắn sao nổi. Tô Hoài đề nghị:

- ...*phải phạt nặng những ai vi phạm, mở những cuộc vận động, phê phán nghiêm khắc trên các phương tiện đại chúng...*

Thử hỏi ai sẽ đứng ra nhận trách nhiệm này, Bộ nào, Tổng Cục nào sẽ lĩnh công tác vận động, thực hiện chương trình này? Ban Văn Hóa Tư Tưởng, bộ Thông Tin, bộ Giáo Dục và Đào Tạo, bộ Công An... chắc chắn coi những lời báo động khẩn thiết của nhà văn Tô Hoài như nước đổ đầu vịt thôi. Những chương trình, kế hoạch do Liên Hiệp Quốc hoặc các nước ngoài tài trợ, sau khi xà xẻo 60% ngân khoản chia nhau, còn lại cho viết biểu ngữ, vẽ bích chương màu mè treo chỗ cao nhất, rậm rộ cho xong chuyện. Ai hơi đâu bận tâm đến chuyện “ruồi bu”, “rách việc” lại không nảy ra đô-la của Tô Hoài!

- Có một đạo nổi lên trò lập xã văn hóa, huyện văn hóa, nhưng không thấy khoe thành tích kết quả đi tới đâu rồi. Lập quấy quạ cho xong một trạm, một phòng thông tin ở xã, ở huyện điểm, mua năm tờ báo Nhân Dân, đặt loa phóng thanh nói ra rả suốt ngày, đâu có thể sớm chiều thành một xã văn hóa kiểu mẫu được.

Một trí thức cộng sản, Trần Quốc Vượng, tận tụy với chủ nghĩa, chỉ còn một lá phổi và nhà nghiên cứu nghệ thuật Nguyễn Thị Minh Thái biện minh rằng tệ nạn vắng dâm tục, chữ bậy cũng là cách xả stress dễ dàng nhất, ít tốn kém nhất, khi phải đối mặt căng thẳng tâm lý trong cuộc sống xô bồ đua tranh hiện nay. Hai người này còn cho rằng với tình trạng xã hội biến chuyển mạnh như hiện nay, cũng nên chấp nhận thực trạng đó. Người ta không thấy hai nhà trí thức xã hội chủ nghĩa cho biết xã hội biến chuyển mạnh theo đường hướng nào, tốt hay xấu. Không như Tô Hoài, hai người

này không đề nghị, không đưa ra một kế hoạch nào để ngăn chặn, cấm đoán, ngược lại chỉ nhấn nhủ là nên chấp nhận.

Tất cả những biện minh, những cách đỡ đòn đều né tránh, không biết, hoặc không dám can đảm nói thẳng đến nguyên do chính. Trên mặt thủy học, sinh thái học nhà văn Ngô Thế Vinh đã báo động về nguy cơ Dòng sông nghẽn lối, Cửu Long cạn dòng do thiên triều ngang nhiên xây đập lấy thủy điện. Người ta biết nhưng bó tay buông xuôi.

Ý kiến tẩy uest thứ văn hóa chữ, văn hóa, sa đọa, suy đồi sẽ không bao giờ thực hiện được, tương tự như mạch sống Cửu Long, sẽ bị cạn kiệt, không lối thoát. Đó là do thể chế chính trị, độc đảng, độc tài, áp dụng luật rừng, đàn áp, cướp đất, cướp nhà dân, lập ra một siêu chính phủ, giết dây một chính phủ hành chánh, một quốc hội bù nhìn, run sợ phục tùng kẻ thù truyền kiếp Trung Hoa. Có vài dòng chàm biếm chế độ, thọt nghe thì hơi khôì hài và thiếu lịch sự, nghĩ kỹ thấy có lý, quá đúng ‘ Văn minh nhân loại tiến theo từng thời kỳ. Bắt đầu là thời kỳ đồ đá, tiến đến thời kỳ đồ đồng, rồi thời kỳ đồ sắt và bây giờ ở Việt Nam ta đã tiến lên thời kỳ đồ ... đều. Tất cả mọi cái, mọi sự đều... đều hết, kể cả đảng, nhà nước, tòa án. Tất cả là giả dối, lừa bịp, tất cả chỉ cần chạy theo đồng tiền, tất cả xã hội bị sa đọa, luân lý bị suy đồi. Đã có cái cười ... đều, hàng đều (hàng giả), bằng cấp giả, thành tích giả, lại có nạn xin đều, nghĩa là nó xin bắt buộc phải cho, phải nộp tiền mãi lộ, không nộp tiền sẽ bị hành hung, bị giết.

Trong một xã hội hỗn loạn, phồn vinh giả tạo sa đọa như thế các cô nữ sinh Hà Nội chữ bay, nói dâm tục trong những năm đầu thiên niên kỷ thứ hai này, cũng là chuyện phải có, và rất dễ hiểu.

**DIỆU TÂN**  
(California)

# Cà - Phê Còn Nhỏ Giọt

## Nguyễn-Phú-Long

“Ở chợ Dầu có hàng cà-phê...có một cô nàng bé xíu xinh xinh” Đây là lời mở đầu bài ca Cô Nàng Cà Phê của nhạc sĩ Canh-Thân sáng tác từ lâu lắm rồi, song, không những nhiều người vẫn thuộc, mà bây giờ, một số rất ít các vị cao niên khi nghe lại, có thể vẫn thấy phảng phất vài hình ảnh kỷ niệm...ở chợ Dầu!

Chợ Dầu thời đó, cái thuở nằm trong khu kháng chiến, chưa thuộc vùng tề, không khí sinh hoạt giống như chợ Vân-Đình, chợ Đại, Cống-Thần thuộc tỉnh Hà-Đông, ngày ngày còn sợ máy bay Pháp oanh tạc, nhưng người ta, nhất là trai thanh gái lịch, vẫn qua lại, ra vào, ăn uống nhõn nhõ, mãi mua bán hàng ngoại, như vải vóc, đồng hồ, bút máy, bật lửa...Hàng cà-phê lúc ấy là một dịch vụ thương mại hiếm hoi, văn nghệ, mới mẻ, luôn luôn hấp dẫn “Mấy anh nhỏ nhỏ thường hay đến ngồi cười với cô”

Bây giờ, cà-phê là thức uống tràn lan không thể thiếu từ nhà hàng đắt tiền, sang trọng đến quán ăn bình dân hàng cùng ngõ hẻm. Nói cách khác, thực khách ngày nay dù sang hèn, sau khi ăn nhậu đâu đâu cũng có thể gọi cà-phê. Cà-phê được bố trí phục vụ khắp nơi nơi. Nhưng uống cà-phê trường hợp này chỉ như để thay tách nước trà tráng miệng...bình thường.

Lối húp cà-phê đổ ra đĩa cho bớt nóng thì không đáng nói rồi. Đến như gọi ly cà phê để trước mặt, kiểu cách, mà mục đích chỉ là ngồi nghe nhạc khi tới Hàm Gió đường Võ Tánh hay Đêm Màu Hồng đại lộ Nguyễn Huệ cũng chẳng phải để thưởng thức cà-phê hoàn toàn. Thường thức cà phê đòi hỏi không khí yên tĩnh, thanh thần, chọn lựa...như thế, muốn cho đúng “gu”, muốn đã nghiền, phải làn mò tới những nơi chỉ lấy cà-phê làm mục đích hoạt động chính của chủ nhân may ra mới có thể kể là người sành điệu.

Trước năm 1954 Hà-Nội có Cà-Phê Nhân là một trong hai tiệm nổi tiếng nhất, nó nằm ở ngõ Bảo Khánh, gần phố Cầu Gỗ, trông sang quán giải khát Mụ-Béo bên hồ Hoàn-Kiểm, mà thỉnh thoảng tôi được hân hạnh theo ra đó, bố tôi thì kêu ầm trà Tàu trầm ngâm. Độc ầm. Tôi thì

chẳng chọn lựa, lần nào cũng vậy, được gọi cho ly nước đá chanh...lặng lẽ, thờ ơ, một mình, lâu lâu nghe tiếng leng keng của tàu điện di chuyển lên xuống từ phố Huế tới chợ Đồng-Xuân, ngó chung quanh toàn là người lớn, bàn ghế, tranh ảnh, đồ đạc hơi cổ, thể mà cũng nhớ mãi và thấy rất hạnh diện.

Hồi ấy tôi đang ở nhà ông chú tại Hà-Nội để ngày ngày cấp sách tới trường tiểu học Sinh-Tử cùng người em, trong khi gia đình cư ngụ nơi thị xã Sơn-Tây. Bố tôi là nhà binh mà đi làm giống công chức, chẳng phải cấm trại trăm phần trăm mùa lệ thủy như sau này, cứ thứ bảy, chủ nhật lại cùng người bạn thân về Hà-Nội (Khoảng 30 cây số) chơi bài tổ tôm, “Làm trai biết đánh tổ tôm, biết ăn thịt chó biết nôm Thúy-Kiều.” nếu ghé thăm tôi cực là được bạc, dẫu tôi đi thường thức cơm tây, cơm tám giờ chầu ở Hàng Buồm, cà phê Nhân ở hẻm Bảo-Khánh, phung phí cho đến hết, nhưng nhiều khi đợi hoài bố chẳng tới thì bắt đầu hiểu, cái hiểu thâm lặng về sự thất bại cho cả gia đình càng ngày càng nghèo vì cờ bạc. Vấn đề này khá quan trọng mà chúng tôi còn nhỏ chẳng dám có ý kiến. Mẹ tôi thì dùng nhiều cách, nhiều phen nhưng vẫn không ngăn cản được. Mới lại nói cho cùng thì ý kiến ăn thua gì, ngăn cản sao nổi:

Nhân sinh quý thích chí,

Chẳng gì hơn vui cuộc tụ tam.

Tài kinh luân xoay dọc xoay ngang,

Cờ điều khiển quân ăn quân đánh.

Gọi một tiếng người đều phải kính,

Dậy ba quân ai dám chẳng nhường...

Thú Tổ Tôm - Nguyễn-Công-Trứ.

Rồi thì, may sao, cuộc tụ tam cũng qua. Vào Sài-Gòn, các chiến sĩ “tụ tam” tản mác, kẻ đi, người ở, nhưng khung trời mới lại bày ra những hấp lực mới.

Sức tàn phá của mặt trận mới cũng vô cùng độc hại và khốc liệt. Để thích ứng với hoàn cảnh, như con thiêu thân trước ánh lửa hồng, bố tôi lập tức nhào vô tham dự, tìm cảm giác ở Kim Chung, Đại Thế Giới, và, tình hình tuy có thể biết trước nhưng thực tế chưa kịp ngã ngũ thì ít lâu sau bố tôi qua đời. Bố tôi qua đời trước cả thời gian hai thiên đàng này bị bức tử, để lại cho chúng tôi mấy tờ biên lai của tiệm cầm đồ và một gia tài.

Tôi nghĩ đây chính là gia tài: Mẹ tôi, một quả phụ có chồng là sĩ quan chết vì công vụ do đó ưu

tiên trở nên công chức, làm thợ may trong bảo sanh viện Hùng-Vương Chợ Lớn, em tôi thì gom mấy chứng từ đính kèm hồ sơ xin vào Quốc-Gia Nghĩa Từ, rồi sau khi lấy xong tú tài, nhập khóa huấn luyện một năm sư-phạm đặc biệt, thành cô giáo dạy trường công lập Xóm-Củi, và tôi, cũng do biến cố bố tôi mất đi, lượm tấm giấy miễn dịch vĩnh viễn bỏ túi, an toàn xa lộ, nhưng chỉ khỏi vô Thủ-Đức một thời gian trước khi có lệnh tổng động viên năm 1966.

Hồi đó, khi nhận giấy miễn dịch tôi chẳng vui, bạn hữu đi hết rồi, cuộc đời cấp ô kè kè sớm tối đâu có gì hấp dẫn, nếu không muốn nói là hơi hèn; Đến lúc cầm lệnh gọi nhập ngũ cũng thế, chẳng buồn. “Tái Ông mất ngựa.” Mặc đồ lính đi ra đường ít nhất cũng không sợ cảnh sát...nhưng đó là chuyện về sau.

Trời sinh voi sinh cỏ, sau khi mất mát cột trụ gia đình, giống như căn nhà chao đảo, chịu đựng qua cơn sóng gió, cuộc sống dần dần ổn định, anh em tôi vẫn được cấp sách tới trường, hồi ấy chưa thấy khai sinh cụm từ “cái nôi ngồi trên cái cốc” song tuổi đời thì đã trộm, đã “biết cái chi chi” nên những lần có bạn thân tới chơi, chúng tôi, làm như người lớn, hay kéo nhau ra Lý-Thái-Tổ gần nhà, tìm được một nơi khá lý tưởng, đó là tiệm Cà-Phê Nhân, mỗi thằng làm cái “phin” đặc biệt, cà-phê cút chồn Ban-Mê-Thuột, tha hồ nói chuyện bù khú, tự do.

Quảng đường Lý Thái Tổ từ Nguyễn-Tri-Phương tới Ngã Bảy ngắn thôi, mặt hè lồi lõm nhiều chỗ chưa trải xi măng, ngoài mấy cửa hiệu bày bán tràn lan cả rừng xe đạp, còn lại rất nhiều quán hàng, xạp bán vé số, xe bánh mỳ thịt nguội, nước mía... Ai không thích phở Tàu Bay, Phở TàuThủy, xin ghé cơm tấm bì thịt nướng. Ăn chơi phải tùy theo thời gian sớm chiều, có bánh cam, đậu phộng luộc, bắp nướng, bò viên. Ai muốn thay đổi, bồi dưỡng thì băng qua bên đường vào gọi cà ri dê, dê hầm thuốc bắc, hủ tíu ngẫu-pín, quán hủ tíu ngẫu pín của chú Ba rất hẹp, nhưng thực khách đông thật là đông, ở ngay bên cạnh nhà gia đình cụ Đổ-Đình-Năm, em cụ Đổ-Đình-Đạo, mặt tiền rộng thênh thang...

Chúng tôi tới khu phố này rất nhiều lần, nhưng phần lớn chỉ để vào tiệm cà-phê Nhân, nhâm nhi cái café au lait, cầm điếu thuốc Ruby, rì rầm, to nhỏ, nhìn phố phường như kẻ bàng quan hờ hững.

Tiệm cà-phê Nhân ở Sài-gòn tương đối sáng sủa và sạch sẽ, nằm trên trục giao thông của xe bus từ trường đua Phú-Thọ tới chợ Bến Thành, giữa chốn quan chiêm tấp nập, chẳng bài trí sang

trọng đèn xanh đèn đỏ, cũng không rộng lắm, bốn năm cái bàn gỗ kê song song hai bên tường, ghé đầu cũng bằng gỗ, bây giờ hàng quán bình dân ở Sài-Gòn vẫn dùng ghé đầu nhưng là nhựa, thấp hơn, bền và tiện hơn, ngăn cách phía trong là một tủ kính chứa lõi ra vô, không khí ẩm cúng, quang cảnh mộc mạc, một lúc có thể tiếp khoảng hai chục khách là tối đũa, giá cả phải chăng, đồ ăn thức uống hấp dẫn.

Phần lớn mấy quán cà phê đều phục vụ cả khách hàng muốn uống trà tàu, hàng cà-phê ở chợ Dầu xưa kia cũng vậy. Nay vì miền Nam khí hậu nóng bức, mực trà Tàu chẳng được ai hoan nghênh nên đã bị loại bỏ, mấy bộ ấm chén nhỏ xíu màu da lươn nằm im lìm trong tủ kính chỉ để làm cảnh, bù lại tiệm cà phê Nhân đã khai thác thêm bánh cuốn điếm tằm, bánh đậu xanh, bánh gai, thuốc lá...làm khách hàng tới đây có thêm nhu cầu được phục vụ thoải mái, và, quan trọng là không cảm thấy phải vội vàng, đóng chốt bao lâu chủ nhân cũng chẳng để ý, vì có bao giờ tiệm hết chỗ ngồi đâu! Tuy nhiên vào những buổi trưa oi ả, đôi khi có luồng gió thổi từ phía chợ cá trước mặt ủa sang cũng làm khó chịu bởi “cái mùi nồng mặn ấy”.

Làm ngụm cà-phê, rít hơi Cotab, bóc phong bánh đậu xanh Bảo-Hiên, mấy cử chỉ này “đi” với nhau nhịp nhàng rất hợp, rất gần gũi, không giống như khi dùng trà. Uống trà là một nghệ thuật cao hơn, thanh nhã hơn, trịnh trọng hơn thậm chí còn phải biết cách pha, cách uống nên nó đã được nhiều người nâng thành Đạo. Trà Đạo. Chả hiểu phải vậy không, ông Lưu-Văn-Vĩnh đã viết trong cuốn Bốn-Lần-Leo-Núi-Tản: “Uống trà giống như nắm tay Thúy-Vân, mà uống cà-phê như nắm ngủ với Thúy-Kiều.” Sự ví von này gợi ra những hình ảnh thật lãng mạn, trữ tình.

Chúng tôi kéo nhau tới đóng vai khách hàng thường xuyên của tiệm Cà-phê Nhân nhiều năm tháng nắng mưa, nhẩn mặt, từ lúc còn ở trung học đi xe đạp, cho tới khi mặc áo trận vẫn “chung thủy” lái xe nhà binh đến đậu trước cửa mỗi lần về Sài-Gòn, thế nên hề có dịp tới đều được đón tiếp thân mật, chuyện trò niềm nở nhất là vào những lúc vắng vẻ.

“Lâu quá, không thấy ghé, lại tưởng là..” Ông chủ tiệm thường “chào” tôi một câu bỗ lừng như vậy, là vì có thể, đôi khi ít khách, ngồi nhìn mưa Sài-Gòn chút nước ào ào từng chập, nhớ khách quen, nhớ tôi, ông đã nghĩ đến những màn phục kích, đến những cuộc giao tranh mịt mù khói lửa..

Một lần tôi hỏi, phải đây là tiệm cà-phê từ Hà-Nội “di cư” vào chẳng, thì được trả lời: Không hẳn vậy, hai bên chỉ là họ hàng với nhau. Ông chủ ở Sài-Gòn dáng cao lớn, khoảng hơn bảy chục, nhưng trông còn khỏe mạnh lúc nào cũng tươi cười, vui vẻ, thẳng thắn. Là một cựu sĩ quan Tây, có thời gian phục vụ bên Tàu, nay về hưu ở Sài-Gòn, mở tiệm, hoạt động cho bớt thì giờ nhàn chán, đã mượn đỡ cái tên hiệu của người nhà để mời gọi thêm khách Bắc Kỳ cũ.

Sau này, theo chỗ tôi biết thì, tiệm cà phê Nhân ở Hà-Nội vẫn còn đó, vẫn được khách hàng chiếu cố nồng nhiệt, bây giờ càng ngày càng xắm uất với đèn ống neon nhấp nháy ngoài mặt tiền, tranh cửa họa sĩ nổi tiếng trang trí nội thất, lầu một, lầu hai bày biện sang trọng, tiếp viên qua lại phục vụ nhộn nhịp. Sự phát đạt về kinh tế là điều đáng mừng chẳng những cho gia đình mà gián tiếp cho cả xã hội, nhưng, trường hợp này đối với khách nghiện cà-phê, quang cảnh mới có làm hơi ngơ ngác một chút, vì nó đã mất hẳn cái không khí bình thản, mặc mạc, ấm cúng, giản dị, yên lặng quen thuộc xưa...

Tiệm cà phê Nhân Sài-Gòn không “tiền nhanh, tiền mạnh” như đồng nghiệp cùng tên ở Hà-Nội, lúc nào nó cũng bình bình, bơ bơ, giống cuộc sống không bon chen của người ưa thả nổi, an phận, nhỏ nhặt, tầm thường. Tuy nhiên vì cuộc sống, nên nó cũng cần thi hành những luật lệ căn bản của người mua kẻ bán. Còn nhớ lúc mới đầu có lần bị tính tiền nhiều hơn giá biểu trên bảng thực đơn chút xíu, chưa kịp hỏi ra sao, thì đã được ông chủ thân nhiên giải thích, đó là vì gọi thêm đường bỏ vào cà-phê! Nhưng về sau, mấy lần, gọi thêm đường như thế, lại chẳng bị tính tiền, nhắc ông thì ông cười đáp, cũng thân nhiên: “Người quen, có chút đường!”

Còn một điều phải kể, được coi như “người quen” bởi không bao giờ ăn uống ghi sổ giống như một số khách hàng, cũng quen, nhưng vì cho tiện đã tích lũy để lâu lâu cộng lại trả một lần cho đỡ mất thì giờ mà chủ nhân thường không thích bởi cần vốn, mời lại, nói cho ngay, đôi khi cũng cảm thấy bất trắc.

Là học trò nghèo, tôi tôi kiếm thêm tiền bằng cách kèm trẻ tại tư gia, ngoài khoản mua sách báo, hút tóe, còn thì đem tới cà-phê Nhân thù tạc bạn bè, chứ có biết để làm gì đâu (!) Lại nữa, thấy cô Nga, con gái ông chủ, không tỏ ý léng phéng, mắt la mày lém, mà chỉ coi như anh em tự nhiên trong gia đình. Hồi đó tôi đang trồng cây xi cô cháu thẳng

bạn và thẳng bạn thì lại bận rộn “gò” nhỏ bạn của cháu nó, nên bọn “gà què ăn quần cối xay” dù sao cũng phải thủ cẳng, giữ ý lẫn nhau, ra cái điều đứng đắn, chứ thả ra thì ngây thơ bé nhỏ gì, nam nữ cỡ này nhốt chung với nhau là có chứa ngay ấy chữ ly, một lũ tổng ngồng cả rồi, đúng như cụ Tân-Đà mô tả trong bài thơ Nhớ Chị Hàng Cau:

Ai đương độ ấy lăm rắm mắt,  
Tớ đã ngày nay lún phún râu!

Cô Nga “hay cười, hồn Xuân phơi phới”... những lúc ít việc vẫn thường nói chuyện, vô tư:

- Hai tiệm phở liền nhau, anh thích ăn phở Tàu Bay hay Tàu Thủy?

- Tàu Bay. Nhưng đông quá, không chờ được thì sang Tàu-Thủy.

- Thế Tàu Thủy đông quá thì sao?

- Thì đi...Xe Lửa!

- Một người, sáng vẫn bụng phờ cho thực khách, vừa bụng vừa la “Nước sôi! Nước sôi!”, ông ấy tên Huy, mới lấy vợ là cô bán chanh ở chợ Cá bên kia đường anh biết không?

- Không.

- Ngoài việc bụng phờ ngày ngày ông Huy còn có nhiệm vụ băng qua đường vào chợ Cá mua chanh về sửa soạn phục vụ khách hàng hôm sau, do đó quen cô bán chanh, rồi lấy cô bán chanh!

- Chuyện cổ như trái đất, đúng là “gặp nhau, biết nhau, quen nhau, yêu nhau, lấy nhau rồi...sống bên nhau”

- Biết hết! Thôi không kể nữa!

Đàn bà thật nhiều tự ái. Nàng nguyệt tôi, có vẻ những nheo, im lặng. Tôi cũng chưa biết tiếp tục ra sao, thì may quá vừa lúc có hai vị khách nam nữ, quán quýt như đôi tình nhân, vừa đi vừa dựa vào nhau như say, như muốn đổ, nói chuyện âu yếm ri rầm chẳng thèm nhìn ai, Nga vội đứng lên mời vào bàn, nhanh nhẹn làm việc. Một mình, tôi tọt ngum cà-phê, chả biết làm chi lại nghĩ đến ông Huy, cô bán chanh, nghĩ đến những cuộc gặp gỡ, biết nhau, quen nhau, yêu nhau, lấy nhau rồi sống chung, mình với ta tuy hai mà một, gắn bó, thành thật, cho nhau tất cả, chẳng tiếc gì, đối với nhau còn hơn tình ruột thịt bố mẹ anh em...Cô bé trở lại, cười, tôi cũng cười:

- Anh nói có gì sai đâu, việc hôn nhân, theo phong hóa, phải thứ tự từng giai đoạn chứ.

- Chuyện đó thì ai chẳng biết

- Anh xin lỗi! Hay là cặp này đốt giai đoạn?

- Làm gì có. Các ông chỉ được cái nghĩ tầm bậy. Khu phố quanh đây dù nhiều chuyện, nhưng mọi



sự đều sông sẽ, có điều bây giờ vợ ông Huy không còn bán chanh ở chợ Cá nữa!

- Ừ sao vậy?

- Ông Huy ra điều kiện lấy ông thì ở nhà, ông đi làm đủ rồi.

- Thế à? Em biết không, có mấy nữ ca sĩ cũng được chồng yêu cầu nghỉ hát khi lấy nhau.

- Song cô bán chanh chẳng muốn thế, ngược lại, còn đề nghị ông Huy nghỉ việc, thủng thảng kiếm chỗ khác, để mình cô tảo, “Quanh năm lặn lội ở ven sông.”, cô mơ ước có chồng là người thợ chuyên môn, như thợ kim hoàn, thợ may quần áo tây, nhân nhả và sạch sẽ hơn, nhưng ông không chịu giằng co mãi và cuối cùng cô phải chịu.

- Người đàn ông trong gia đình lúc nào cũng đứng mũi chịu sào, phần lớn là vậy, ngoại trừ mấy kẻ hèn hạ, mang kiếp may râu mà nhục nhã cúi đầu núp bóng quần thâm.

Lại có mấy người khách trẻ bước vào, ông chủ liền đứng dậy từ sau tủ kính, vừa “đề-pa” mấy bước với đôi guốc mộc nặng chình chịch, khua vang thì Nga lại nhào ra xung phong lấy order làm tự nhiên dán đoạn câu chuyện đang dở dang.

Tôi không biết ông chủ tiệm tên gì, ông có hai người con gái. Cô Nga và bà vợ luôn túc trực giúp thu tiền, trông hàng, pha cà-phê, dọn bàn nhưng cô gái lớn thì tuyệt đối chẳng bao giờ, cô chỉ xuất hiện khi dắt chiếc xe Velo Solex ra phố hay từ bên ngoài về nhà lướt qua nghiêm trang, lặng lẽ.

Thế rồi “thửa trời đất nổi cơn gió bụi” vào khoảng tháng 10 năm 1975 tôi tình cờ gặp ông chủ tiệm cà-phê Nhân ở trại tạm trú Indiantown Gap, Pennsylvania. Phong cảnh vùng “Anh-Đi-Ấn-Táo” lúc này như mới vào Thu, lá cây đã vàng, người di tản buồn đối diện cái lạnh đầu tiên trên đất lạ, qua lại giữa những giấy barracks co ro với mấy chiếc áo mùa Đông cũ, lờ lợt do hội Hồng Thập Tự cung cấp. Tôi bất chợt thấy ông cũng co ro trên đường. Nhìn ông thật bất ngờ, mới đó mà xạm hẳn đi, nét mặt âu sầu, chán nản, khác hẳn hồi trước. Ông được bốc sang đây bằng máy bay Mỹ theo gia đình người con gái lớn, bà vợ và cô Nga thì vẫn ở Sài-Gòn. Tôi ngạc nhiên không hiểu tại sao ông bà lại quyết định theo kiểu Âu-Cơ và Lạc-Long-Quân như thế!

Vũ Trọng Phụng viết: “Hạnh phúc là gì nếu chẳng phải sức khỏe của hai vợ chồng.” Câu văn này được nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong tác phẩm Số-Đỏ.

## Xin Đừng Gởi Gió

*Xin gửi cho em chút nắng vàng*

*Cuối mùa hạ chín cỏ vương mang*

*Xin đừng gửi rét miền Hương Ngự*

*Run rẩy vai gầy lạnh tím gan.*

*Anh ơi hãy gửi cho em nhé*

*Một chút nồng nàn của Huế mơ*

*Chút phân thông vàng trên đỉnh Ngự*

*Chút hương đim đim của ngàn xưa.*

*Một ánh trăng thanh của núi ngàn*

*Chút mây lãng tử mỗi mùa sang*

*Sao anh lại gửi nhiều giọng bão*

*Tiếc bấy cho hoa trước phủ phàng.*

*Xin đừng gửi nhé giọt mưa đêm*

*Đề lạnh tâm hồn lạnh buốt tim*

*Thánh thốt ru buồn khơi nỗi nhớ*

*Xin đừng gửi gió bão bùng thêm.*

## Kiên Anh

*Minneapolis*

“Biết rồi, khổ lắm nói mãi!”.

Nhưng người ta, tuổi đời đã tới xế chiều, sức khỏe hao mòn dần dần đến khi không còn nữa, thì vợ chồng vẫn có hạnh phúc chứ! Hạnh phúc vợ chồng bây giờ là gì nếu chẳng phải gần gũi để tâm sự, an ủi, nương tựa sớm khuya. Cái hạnh phúc lúc này cũng cần thiết, rất cần thiết, vì nếu không, “lấy ai là người nghe em kể chuyện thu phong.”

Nhìn ông cụ, chợt nhớ đến người bạn vẫn cùng uống cà-phê thuở nào. Nhưng hấn đang kẹt trong cái tạo nên tôi cũng chả có đối tượng để mà kể lể, báo tin gặp gỡ cố nhân. Lúc xuất trại ông về Cali. Tôi xuống thủ đô Richmond Virginia, sau đó, dĩ nhiên tôi vẫn giữ liên lạc. Cô gái lớn đối với gia đình tôi đã thân thiện, quen nhau rồi mới thấy cô ấy ít nói, song rất dễ thương, qua thư từ cổ chỉ cho vợ tôi cách làm bánh cuốn vì hồi 1975 người Việt ở Mỹ chưa đông, chưa có nhiều tiệm ăn Á châu ê hề, tràn ngập làm thành cả khu phố.

Sau đó, tôi cũng như nhiều kẻ khác, cuộc sống của lớp người lớt đường lúc đầu vất vả. Vừa phải gìn giữ cái căn bản của lối sống cũ, quê hương. Tôi thường nhắc nhở các con tôi ở nhà phải nói tiếng Việt. Vừa phải cố gắng để hội nhập, tiến bộ. Ngày ấy tôi chưa biết valentine day, mother day là cái gì, Một hôm trên đường cuộc bộ đi làm, tới ngã tư đèn xanh đèn đỏ Monument và Kensington Ave Tôi chào người bán hoa ở vỉa hè như thường lệ, nhưng khác với thường lệ ông già da đen tươi cười trao cho tôi một cành hoa, cầm đến chỗ làm, hỏi bạn mới biết hôm ấy là Mother's day. Ý ông muốn tôi đem hoa về tặng vợ. Tôi thân thiện với ông hơn từ bữa đó.

Từ bữa đó tới hôm nay, thời gian đã hơn 30 năm, biết bao nhiêu thay đổi. Thoạt tiên, với thật nhiều bỡ ngỡ lúc ban sơ, tôi đến thành phố này rồi lang thang mấy tiểu bang khác làm việc, tha phương cầu thực, bây giờ lại trở về... và nay nếu tôi chẳng tình cờ bách bộ thơ thẩn ở góc vỉa hè ấy để chờ mẹ tôi đang khám bệnh trong văn phòng bác sĩ thì làm sao biết và nhớ ông già da đen bán hoa năm xưa đã chết khi nhìn một phiên đá khiếm tốn, vuông vắn, im lìm nằm trên bãi cỏ như tấm mộ bia do flower vender and friend thực hiện với hàng chữ “He sold flowers at this corner for half a century.”

Nhớ lại hồi mới đến đây, những ngày vất vả, mùa hè chẳng có máy lạnh, mùa đông chạy tiền đồ dầu đốt lò sưởi hút hơi. Vợ đi làm bằng phương tiện di chuyển công cộng từ tờ mờ sáng, hôm nào cũng bới bát cơm với một món mặn mang theo để

ăn trưa. Chồng mần ca đêm, tự điều khiển cái xe đạp cũ mua ở garage sale rề rề, chẳng phải trả tax, chẳng phải đổ xăng. Sáng đêm quần quật. Tối tầm mắt mũi. Về sau chiếc xe hai bánh dở chừng hết đứt xích lại xì hơi bèn cuộc bộ, nên mới có cơ hội quen biết với ông già bán hoa ở ngã tư giữa nhà và nơi làm việc.

Vì vật lộn với những khó khăn trong cuộc sống mới mà bằng một thời gian tôi không biết gia đình ông cụ chủ tiệm cà-phê Nhân bên Cali. thế nào, cho tới một hôm đột ngột tình cờ được tin, từ một người quen: Ông cụ đã qua đời!

Tôi âm thầm với nỗi ám ảnh qua những hình bóng cũ. Tuổi già cứ đến từ từ, “tuổi già giọt lệ như sương.” Nhớ lại, sau thời gian mỗi người một hướng, thư từ lui tới với gia đình người con ở Cali. cứ nhạt dần, cứ thưa dần, chả biết viết gì, chẳng lẽ cứ kể mãi chuyện tự nạn, nhà thờ bảo trợ, rồi mất địa chỉ lúc nào không hay. Bây giờ cũng không thể kể lể báo tin buồn này cho ai vì thằng bạn cùng tôi từng uống cà-phê trước đây đã yên nghỉ đâu đó trong lòng đất trại cải tạo không kịp đoàn tụ với vợ con bên Canada.

Sự liên hệ giữa tôi và ông chủ tiệm cà-phê Nhân bắt đầu khoảng cuối thập niên 50. Khi gần, lúc xa trong một xã hội thật nhiều “nổi chuẩn chuyên” cho tới thời gian gặp nhau ở “Anh-Đi-Án-Táo” Pennsylvania để rồi mỗi người mỗi ngã, vĩnh viễn. Tôi chẳng dám coi ông như bằng hữu, sự quen biết qua lại chỉ nhân nhạ, gặp gỡ bao giờ cũng mừng, cũng vui, thăm hỏi chuyện trò. Xa cách thì vẫn giữ trong bụng mấy hình ảnh, kỷ niệm này nọ, để đôi khi giữa những lần làm việc cực nhọc lại nhớ đến nhau, như thế, hấn chúng tôi không phải chỉ là người dung hoàn toàn và thật đáng tiếc chưa bao giờ mời nhau được một ly cà-phê.

Tôi tiếc là chuyến về thăm quê hương mới đây, tới đường Lý-Thái-Tổ, để ý tìm, nhưng không còn trông thấy tiệm cà-phê Nhân, không định được rõ vị trí của chốn xưa từng lui tới. “Thương hải biến vi tang điền.” Bà chủ tiệm cà phê Nhân gốc người Hà-Nội quý phái trôi nổi nơi đâu? Còn ở quê nhà hay đã “đoàn tụ” với người con lớn, hay đã “về” cùng người chồng mà thời cuộc làm xa cách bao năm! Ôi, “những người muôn năm cũ.”

**NGUYỄN PHÚ LONG**  
(Virginia)

# CỒI CHUỒI VIỆT NAM

## Kim-Vuồ

"Cồ bia chỉ là bia  
Cồ bia là bière Larue Export" (\*)  
Lai cồ bia Huda, Halida, Pacific  
Bia Hà Nội, Lào Cai, Bivina  
Núi các loại bia ñaỉ sản queà nhaỉ  
Xôi xôi lam ra cái gì cũng theo kiểu thuỉ công nghiệp  
Ñeỉ ñem ra ñoi với Tiger, Heineken, Carlsberg  
Nhỏing thỏi bia ngoai quốc ñaỉ tiên  
Ồ ñaỉ giấy napkin "rổm" ñaỉ theá giỏi vãn minh  
Nhaỉ veỉ sinh cũng "vệ sinh" ñaỉ theá giỏi  
Aỉ vẩy maỉ cũng "đạt tiêu chuẩn" ñaỉ  
Ñaỉ ồng ñuỉ nhu cầu cho "tây balô"  
Khách sản "không sao" không heà cồ "shower"  
Nói tám cũng ñỏing thỏi laỉ sản cầu tiêu tiêu ñaỉ dùng  
Cảnh bôn cầu cồ với ñôi phun tiên dùng  
Khoỉ cần dùng giấy veỉ sinh cho ñoi toỉ tiên  
Ñôi ñghet cầu lai baỉ quan giồ gìn  
Duy trì tuyệt với cho ñen sinh thỏi  
Ồ, ñaỉ ñôi gì maỉ vui thỏi laỉ vui  
Môi bãn cồ veỉ chôi thoai maỉ  
"Việt Kiều" tính giá ñgang "Việt Nam" thỏi ñaỉ  
Tuy ñiên mua bãn cái gì xin cần thãn giùm cho  
Keỉ vôi ñhằm "hàng ñểu" thì hoỉ to!  
29/9/06

(\*) ñoi tháy trên một bảng quảng cáo ñôi ñông du lịch xuyên Việt

# FOOTNOTE TO VIETNAM

## Kim-Vuõ

*"Some beers are just beer*

*Some beer is "Bière Larue Export"*

Then there are *Huda, Halida, Pacific*

*Hà Nội, Lào Cai, Bivina*

All kinds of home-spun concoctions for the connoisseur  
Specially brewed in the land of small-time distillery shacks

To challenge *Tiger, Heineken, Carlsberg*

Those high end imported alcoholic drinks

You'll also find here the civilized world's *flimsiest napkin*

And the most *"sanitary"* restrooms on Earth

Nonetheless earning the official stamp of *"meeting standards"*

Plentifully satisfying the needs of *"backpack westerners"*

*"No star"* hotels provide bathrooms with no *"shower"*

Where you negotiate a handheld sprout standing on the floor next to the toilet

That is conveniently installed with a water hose for personalized service

Doing away with the wasteful luxury of toilet paper

Freedom from unpleasant clogging guaranteed

Environmentally perfect for maintenance and upkeep

Gosh, what a fun country to visit

Feel free to go back and enjoy all you can

*"Overseas Vietnamese"* are treated the same as guys in the homeland

By the way, watch out when you buy things in the shops

'Cause if you're sweet-talked into buying *"caddish goods"*, then grin and bear it!

# WALT DISNEY WORLD, NƠI GIẢI TRÍ CHO MỌI LỨA TUỔI

Nguyễn Thị Xuân Nga

**K**ỳ lễ Giáng Sinh năm nay tôi cùng với gia đình con gái đi nghỉ tại Orlando, Florida, nơi có Walt Disney World. Những lần đi Florida trước kia chúng tôi phải mất hai ngày mới tới nơi vì khoảng cách từ New Jersey tới Florida dài hơn ngàn miles. Từ nhà phải lái qua rất nhiều tiểu bang: Delaware, Maryland, Virginia, North Carolina, South Carolina, và Georgia, do đó chúng tôi thường nghỉ đêm tại North Carolina. Mấy lần sau này vì muốn tiết kiệm thời gian nên con rể tôi đã lái một mạch, không nghỉ đêm như trước kia nữa, cứ lái độ vài ba giờ đồng hồ lái để nghỉ.

Chúng tôi khởi-hành lúc 20 giờ ngày 19 tháng 12, năm 2008. Hôm đó trời mưa tầm-tã cả ngày nhưng thật may đúng lúc chúng tôi rời nhà thì trời tạnh và quang đặng. Ngày hôm trước con rể tôi bị cảm nên chỉ lái được đến 5 giờ sáng thì mệt, nên con gái tôi phải lái thay để cho Vince ngủ. Lúc 9 giờ sáng chúng tôi ngừng lại để ăn điểm tâm, sau đó Vince thấy khỏe nên tiếp-tục lái và 16 giờ chiều ngày 20-12 thì tới nơi. Chúng tôi cư ngụ tại Orlando International Resort Club. Căn nhà này có hai tầng lầu, tầng dưới là bếp, phòng ăn, phòng khách, phòng tắm. Tầng trên là các phòng ngủ với 2 phòng tắm.

Cách đây hơn 100 năm ông Walt Disney bắt đầu xây khu giải trí ở South California, đặt tên là Disney Land; nhưng về sau ông thấy khu vực đó nhỏ quá nên tìm kiếm nơi rộng-rãi hơn và ông đã mua được khu đất rất lớn ở Orlando, Florida và xây khu giải trí nữa, lấy tên là Disney World. Walt Disney World Resorts rộng 30,500 acres (vào khoảng 47 square miles), mướn 58,000 nhân viên. Hiện nay chỉ có 7,000 acres đã được mở mang, 8,200 acres phần đất của Walt Disney World, chưa được mở mang vì muốn dành cho

những thú-vật hoang dã.. Disney World gồm có bốn khu-vực:

- 1- Disney' s Animal Kingdom.
- 2- Disney' s Magic Kingdom.
- 3- Disney' s Epcot.
- 4- Disney' s Hollywood Studios.

Disney World, chỉ cách chỗ chúng tôi cư ngụ 15 phút lái xe. Khi xe bắt đầu tới khu vực của Disney thì thấy một cái cổng rất lớn, choán cả con đường rộng, hai cái cột trụ to, màu đỏ, phía trên là cái biển hình vòng cung đề chữ Walt Disney World. Đứng ở hai bên cổng là Mickey và Minnie. Sau đó lại có những bảng chỉ đường để đi Magic Kingdom hoặc Epcot... Các biển này đều sơn màu tím và hồng. Tại mỗi khu-vực đều có một bãi đậu xe rộng mênh-mông được đánh số như 1, 2... 60, 61... để cho khách dễ nhớ chỗ mình đậu xe đến lúc ra về biết chỗ mà tìm. Từ bãi đậu xe, có một thứ xe gọi là ram để chở khách tới cổng. Xe này có nhiều toa, mỗi toa có hai hàng ghế đầu nhau ngồi được 8 người.

## DISNEY'S ANIMAL KINGDOM.

Lúc 9 giờ sáng ngày 21-12, chúng tôi tới Animal Kingdom. Sáng hôm đó nhiệt độ là 54 độ nhưng vì có gió mạnh nên thấy khá lạnh, nhưng đến trưa thì lên tới 70 độ nên thấy dễ chịu. Mấy ngày sau đó thì buổi sáng trên 60 độ và sau đó lên tới 80 độ. Sau khi đậu xe, chúng tôi dùng xe ram để tới cổng rồi đi bộ một quãng ngắn thì tới chỗ họ kiểm soát các xách tay, trước khi tới chỗ bán vé. Giá vé vào cửa cho mỗi người một ngày là \$59.00 nhưng nếu mua luôn 6 ngày thì chỉ phải trả có \$239.97. Muốn đi đủ cả bốn nơi thì cũng phải cần đến ngàn ấy ngày. Vé của mỗi người đều có tên và phải ký vào mặt sau như credit card vậy. Khi tới chỗ kiểm vé thì cho vé vào máy, phía trên máy có một cái

khuôn nhỏ vừa bằng ngón tay, khi thấy đèn xanh hiện ra thì ấn ngón tay trở vào đó để in dấu tay, nếu đúng thì mới được vào.

Nhân dịp Giáng Sinh nên các khu vực của Disney World đều được trang-hoàng rực-rỡ với màu xanh và đỏ. Những cây thông được quấn quanh những bóng đèn đủ màu. Những cửa tiệm và các nhà hàng cũng đều giăng đèn, kết hoa rất đẹp. Bên những lối đi, thường có những bồn hoa, trong đó có những cây thông nhỏ được uốn thành hình các con vật màu xanh mượt thật dễ thương. Lại có cây thông trên đó họ kết toàn là trái cây như cam, táo, lê... Thỉnh-thoảng lại gặp các chú bé mặc áo hình con vật như gấu, hổ,... để cho du khách chụp hình với.

Killimanjaro Safaris. Tại đây du khách được đi trên những chiếc xe "truck" sàn bằng gỗ thô-sơ họ chở vào khu rừng trong đó có nhiều thú-vật thiên-nhiên miền Phi-Châu như voi, gấu, sư-tử, ngựa vằn, hươu, nai, lợn lòi, tê-giác và những con cò lông màu hồng, những đàn vịt và nhiều loại chim bay tự do.. Con đường đi gập-gheñh, có chỗ sóc nảy cả người lên. Họ cũng chờ qua nơi có thác nhân tạo chảy ào ào, làm bắn nước tung toé, ướt nhưng rất vui.

Finding Nimo. Kịch ca nhạc, diễn lại chuyện con cá Nimo đi lạc và cá bố đi tìm. Các diễn viên cầm hình con cá phía trước mặt rồi nói và hát, kèm theo mấy đoạn phim nên rất linh-động.

Festival Of The Lion King. Đây cũng lại là loại nhạc kịch. Từ hai phía của sân khấu, họ đẩy ra hai xe một bên là con voi, một bên là con Sư tử, cả hai đều rất to. Các diễn viên mặc áo các con vật như Simba, Timon, Pumbaa...rồi vừa nói vừa hát diễn tả một phần của phim truyện Lion King.

Có nhiều trò chơi cho trẻ con như ngồi trên ngựa hoặc trên những chiếc ghế hình tách uống trà đầy màu sắc chạy quay tròn và đưa lên đưa xuống dập-dình...

The Tree Of Life. Một cái cây thật lớn, được đúc bằng xi-măng, đường kính 50 foot, cao 14 tầng trên đó được hơn 12 nhà điêu khắc đắp nổi với hình của 325 con vật khác nhau.

#### MAGIC KINGDOM.

Ngày 22-12 chúng tôi đi Magic Kingdom. Ở khu vực này hơi khác vì nó ngăn cách bởi một cái

hồ lớn nên sau khi rời khỏi xe ram, phải đi bộ một quãng khá xa rồi đi thang máy lên thật cao để tới trạm Monorail. Đó' là một loại xe điện tương tự như xe high Speed ở phi-trường Texas, chạy ở một độ thật cao. Tại đây phải xếp hàng để chờ, khoảng hơn 15 phút mới được lên xe. Monorail hình giáng giống máy bay, có sáu toa, mỗi toa có hai hàng ghế ở hai đầu, còn khoảng giữa để trống. Ai lên trước thì được ngồi, lên sau phải đứng, vịn tay vào những cột hoặc những dây da treo ở trần xe. Xe chạy qua khu vực hồ, khách-sạn và nhà thờ ở trong Magic Kingdom. Ở trong xe nhìn thấy ở xa xa là tòa lâu đài đồ sộ, các chòm màu xanh lơ, phần còn lại màu vàng. Sau khi rời monorail lại đi thang máy để xuống phía dưới và bây giờ mới tới chỗ soát vé. Khi các thủ-tục đã xong, chúng tôi vội-vã đi xem các "show" hoặc muốn đi "ride" phải xếp hàng rất dài, nhưng nếu biết cách thì sau khi vào cửa rồi mình định đi xem những nơi nào thì tới máy, cho vé vào để lấy cái "Fastpass", khi tới giờ "show" có lối vào riêng nên không phải chờ lâu.

Buzz Lightyear's Space Ranger Spin.. Mỗi xe có hai chỗ ngồi, ở trước mặt có hai cái dụng cụ để bắn và cũng điều khiển được xe cho quay ngược lại hoặc quay phải, quay trái. Xe sẽ chạy vòng quang trong căn nhà, thỉnh-thoảng lại xoay một cái, đi qua các nơi có những hình của phim Toys Story 2, gồm cả hình từ tẻ và hình những người không tốt, hề thấy người xấu thì bấm nút để bắn thì tia sáng sẽ chiếu vào người mình định bắn, nếu trúng sẽ được điểm. Tôi ngồi cùng với Hạnh., hề thấy người xấu là tôi bấm tới tấp, thế là được tới 10,700 điểm, tức là score cao vào hàng thứ ba hoặc thứ tư. Hạnh kêu lên: "Mẹ thắng con rồi!".

Tomorrowland Transist Authority. Sau đó lại lên thang máy để đi Blue ride. Loại này có nhiều toa bằng gỗ sơn màu xanh lơ, mỗi toa ngồi được 4 người. Xe chạy qua hai dãy nhà, có lúc chạy phía ngoài có lúc chạy ở phía trong, nhìn thấy cả khu-vực Buzz Lightyear và có lúc qua hầm tối...

Walt Disney's Carousel Of Progress. Mọi người vào ngồi trong những ghế của một cái rạp hát nhỏ mà sàn lưu-động được. Khi màn nhung vừa mở ra thì thấy một người đàn ông cỡ ngoài 40 tuổi, được làm

bằng sáp giống hệt người thật, ông ta ngồi trên ghế, mồm nói và tay cử động theo, dưới chân ông ta có một con chó đang nằm, vẫy đuôi. Ông ta nói về những tiến bộ của khoa học. Bà vợ đang đứng là quần áo, tay cầm cái bàn là, đưa đi, đưa lại. Rồi cả cái sàn được quay tới phần khác, đây là bếp có tủ lạnh, bếp điện, phòng bên cạnh, con gái đang nghe nhạc. Sàn lại quay nữa, bây giờ trong phòng có máy truyền hình, máy rửa bát, lò nướng bánh mì... và cuối cùng thì sàn quay tới một khung cảnh của Giáng-Sinh, bố, mẹ, vợ chồng, con cái cùng ngồi quây quần rồi cùng hát.

Sau cái "show đồ thì chúng tôi đi ăn trưa Ở Magic Kingdom có nhiều chỗ để ăn như :Tony's Town Square Restaurant bán pastas, panini và salads; Main Street Bakery có coffee, pastries, sandwiches và snacks; Plaza Ice Cream Parlor; The Plaza Restaurant có sandwiches, burgers và sundaes; Casey's Corner bán hot dogs, French fries bởi hãng Coca-Cola; The Crystal Palace, A Buffet.... Cùng còn có những xe bán ở hai bên đường nữa.

Small World. Mọi người phải xếp hàng đi loanh quanh mãi rồi xuống tới một nơi có rất nhiều thuyền máy nhỏ, chạy liên tục, thả người lên bờ rồi lại đón người xuống thuyền. Mỗi thuyền có hai ghế, ngồi được chừng 5 người. Thuyền đi từ từ, khách vừa được nghe nhạc rộn-ràng, vừa được ngắm những người nộm nhỏ xinh xinh nhẩy múa và đánh đàn. Mỗi nhóm người tượng trưng cho một quốc-gia như Pháp, Nhật, Trung-Quốc, Đại Hàn, Nam Mỹ, mấy nước ở Trung Đông, Mexico, Ấn Độ...Tất cả đều mặc quốc phục rực rỡ.

Mickey's PhilharMagic: 3-d movie do hãng Kodak trình bày. Vào rạp ngồi xem, mọi người đều phải đeo một loại kính đặc biệt. Khi hình ảnh được chiếu lên thì thấy hiện ra ngay trước mặt. Mickey bê cái bánh cake lớn đưa tới ngay trước mặt người xem; rồi đĩa, thìa xiên được đưa tới. Có con vịt thấy nước tới cũng thấy nước bắn ướt nữa..

Pirates of the Caribbean. Ngồi trên thuyền rồi được đưa tới the Spanish Main, ở đây họ làm một thành phố, có nhiều nhà cửa, thấy cảnh có nhà bị quân cướp đốt, người chạy ra, lửa cháy đỏ, khói đen tuôn lên y như thật. Rồi tàu chạy tới chỗ có tên tướng cướp đang ngồi giữa những vàng bạc,

châu báu mà hắn cướp được. Có chỗ thấy những người bị trói. Lại tới chỗ có nhà giam, mấy người tù đang bị giam trong đó,có một người thò tay qua khe cửa giờ miêng xương để dử một con chó đang ngồi gặm đó miêng ngậm sâu chìa khóa cửa ngục.

Phía trước lâu đài cũng có mấy buổi show, hát và đóng lại một phần trong phim truyện. Các nàng công chúa như Snow White, Cinderella cũng thường xuất hiện theo giờ ấn định để du khách chụp hình kỷ niệm.

Tom Sawyer Island. Chúng tôi xuống tàu nhỏ để họ chở sang thăm một đảo nhỏ, ở đây có một căn nhà tầng dưới là bếp, trên bàn họ bày những củ khoai tây, cà-rốt, tỏi, ớt, broccoli, rau cải...leo thang lên đến tầng thứ hai là phòng ăn, trên bàn bày đĩa, thìa đĩa. ..Lên cao hơn nữa là phòng ngủ rồi phòng đọc sách. Tại đây có mấy cái cầu treo để đi qua một lạch nước nhỏ. Đi trên cầu cứ lắc lự. Hai cháu ngoại, Nicholas Quang và Jessica Hoa thích lắm, cứ chạy qua chạy lại nhiều lần. Lại có một cái cầu nữa được bắc trên những khúc cây nổi lênh bênh, đi trên đó thì bị lắc dữ lắm, sợ bị chóng mặt nên tôi không dám qua, chỉ có trẻ con là thích.

Khi trời bắt đầu tối thì đèn ở mọi nơi đều được thấp sáng. Lâu đài cũng được thấp đèn sáng choang màu xanh lơ với tuyết trắng được bao phủ một phần của các ngọn tháp.; một lúc sau lại đổi thành màu hồng rồi màu vàng, màu tím vô cùng tuyệt vời. Lúc 20 giờ 45 thì pháo bông được bắn lên từ phía lâu đài, ánh sáng tỏa rực cả một góc trời kèm theo những tiếng nổ chát chúa làm cho Jessica sợ nên chúng tôi phải vội-vã ra cửa để đi về.

Ngày 23-12, đáng lẽ sẽ đến Disney's Hollywood Studios là nơi có hình nộm bằng nên của các tài tử Hollywood, trưng bày xe hơi của các diễn viên, ở đây có xe chở đi xem xưởng may quần áo cho các diễn viên.. nhưng đã đi nhiều lần rồi nên các cháu không muốn đi nữa do đó, đã dành nửa buổi để đi "shopping".tại Disney Store. Trong số các tiệm tại đây, có tiệm Lego là lôi cuốn cháu Nicholas vì ở đây cháu đã chọn mua được nhiều hộp để về lắp.. Trước cửa tiệm có cái hồ nước, họ đặt một con rồng màu xanh pha vàng, dài mấy chục feet, mồm phun khói, làm toàn bằng những miếng nhựa ghép lại. Lần này ở ngay trước

tiệm có một cái mới , đó là một công trình lắp rất độc đáo: họ lắp hình 4 người, với quần áo đầy màu sắc vui tươi, một bé gái đang cầm 4 sợi dây màu hồng dắt 4 con chó , một người đàn ông và một người đàn bà đang dơ máy hình ra chụp., và một cô gái mặc áo đầm xanh lơ điểm những bông hoa màu hồng, nhỏ, trước ngực là bông hồng lớn hơn,, ở thắt lưng đeo cái túi du-lich., tay cầm điện thoại để bên tai, miệng hơi mở như đang nói điện thoại, Tất cả 4 người này tay đều đeo vòng hoặc đồng hồ. Trong tiệm đứng sừng-sững một ông già Noel mặc áo, và đội mũ đỏ viền trắng, thắt lưng đen, đi bao tay và ủng đen, trông không khác gì người thật.

Ngày 24-12 chúng tôi lại tới Magic Kingdom nữa vì còn nhiều chỗ chưa xem. Lần này, sau khi rời xe ram thì thay vì dùng monorails để tới chỗ kiểm soát vé, chúng tôi đi bộ đến bến đò phà (ferry). Cái phà này khá lớn, có hai tầng và có ghế ngồi, chứa được rất nhiều người. Khi chúng tôi tới nơi thì phà vừa cặp bến nên được lên ngay, không phải chờ.

Splash Moutain. Cái loại "ride" này thanh thiếu niên và những người trẻ tuổi rất thích. Họ làm một cái núi giả thật cao và to. Những người "ride", xếp hàng để đi vào trong lòng núi rồi được hướng dẫn vào ngồi trong một cái xe trượt, hẹp giống như cái thuyền , chứa được chừng hơn mười người, khi lên tới đỉnh thì xe chui ra ngoài và chạy thẳng xuống chân núi rồi trượt vào nước đồng thời có tiếng la hét âm ỹ của những người ngồi trên đó. Trò chơi này tôi không dám tham gia, chỉ nhìn cũng đủ khiếp rồi nên hai bà cháu ngồi chờ ở ngoài vì Jessica nhỏ quá chưa đủ tiêu chuẩn để đi.

The Many Adventures Of Winnie the Pooh. Xếp hàng ở trong nhà rồi được hướng dẫn ngồi vào từng cái xe nhỏ và xe chạy vòng vòng như đang đi ở trong rừng rồi gặp Pooh đang dốc bình ăn mật,

rồi gặp Pigglet , con heo mặc áo vẫn như con ong, khi xe chạy tới chỗ có Tigger là con hổ thì xe nảy lên tung tung như cái lò so vì trong truyện phim thì Tigger luôn "bounce".

Peter Panflight. Vào rạp ngồi xem chiếu phim Peter cùng công chúa ngồi trên thảm và bay...

Snow White's Scary Adventuers. Ngồi xe nhỏ, mỗi xe ngồi hai người, xe chạy trong căn nhà như đi trong rừng, gặp phù thủy đồng thời có những âm thanh ghê rợn, rồi xe chạy tới chỗ có nàng tiên Bạch Tuyết với 7 chú lùn và hoàng tử...

Cinderella's Golden Carrousel. Xem cái này cũng ngồi xe đi trong nhà và họ thiết lập những cảnh như trong phim truyện Cinderella.

Walt Disney World Railroad. Ngồi trên xe lửa được chở đi vòng quanh cả khu-vực, có những trạm ngừng để hành khách lên xuống, có lúc xe lửa chạy qua khu rừng ở đó họ thiết lập những lều vải và hình nộm của người da đỏ đang hoạt động...Trong rừng có nhiều cây tre, cây trúc.

Vừa rời khỏi xe lửa thì gặp lúc xe hoa diễu hành qua. Mỗi xe hoa đều có các diễn viên của phim truyện đi kèm và cuối cùng là xe hoa có ông già Noel.

Mad Tea Party. Ngồi trên những ghế có hình cái tách uống trà rồi nó quay đi chung quanh, đập đỉnh, lên xuống.

Minnie's Country House. Đi bộ vào cửa rồi xem từng phòng của Minnie như bếp, phòng ng, phòng khách... Tất cả đều màu hồng.

Mickey's Country House.

Ở nhà của Mickey có trưng bày nhiều những dụng cụ chơi thể thao.

Lúc 20 giờ 45 phút tối nay có diễu hành xe hoa đặc-biệt. cho ngày lễ. Tất cả các xe hoa đều thấp đèn sáng, có xe hoa còn đổi màu đèn nữa, đang màu trắng đổi thành màu xanh., màu đỏ...các tài tử đóng trong các phim đi kèm theo xe hoa, quần áo của họ cùng gắn đèn lấp lánh thật đẹp.





Ở Magic Kingdom cũng còn một số những "ride" và "show" nữa không thể kể hết được. Thường thì cứ mấy năm lại có một vài thay đổi hoặc thêm thắt.

EPCOT. Ngày 25-12 chúng tôi đến Epcot. Hôm nay là ngày nghỉ Lễ nên càng đông hơn, người đi chen chúc nhau nên khi vừa tới cửa là Hạnh vội vàng đi lấy fastpass ngay. Khi vừa vào tới cổng là du khách thấy ngay một quả cầu cực lớn. Phía trước quả cầu là một bồn hoa, trồng hai màu hoa trắng muốt và đỏ tươi, có bày những hộp quà xanh, đỏ. Đứng trong vườn là những cây được uốn thành hình Goofy, mặc áo gi-lê đen, cổ quần khăn quàng đen, đỏ ở thể đang chạy, Mickey và Minnie đội mũ đỏ trắng, tay đi bao tay trắng, trông rất đẹp và linh-động.

Living With The Land. ở trong nhà và được hướng ngồi vào những truyền máy trôi từ từ trên nước, để tới "green house", trong đó người ta trồng rất nhiều cây ăn trái như mít, quả rất lớn, cây đu-đu, quả mọc chiu-chít từ ngọn đến gần gốc, những quả bưởi, trái lớn nằm xà gần mặt đất, những cây chuối với buồng thật dài, phía cuối có hoa chuối màu tím, những trái dâu to, và nhiều loại rau quả như bí ngô(pumkin), bí đao, cà tím, dưa leo, ớt. từ trên giàn buồng thông xuống trông vui mắt. Lần đầu tiên tôi được trông thấy một cụm gừng to bằng cái thúng, lá giống như lá dong để gói bánh chưng và đặc biệt có hoa trắng muốt thật đẹp... Họ trình bày cho biết có phương pháp trồng cây không cần đất mà chỉ dùng nước thôi nên được thấy những rễ cây từ trên giàn, chảy xuống, trắng nõn.. Thuyền cũng chờ qua chỗ nuôi tôm, cá. Những con tôm càng to đang bò lên nghêu trong nước, cá trê, cá hồng, cá dưa.. đang bơi lội trong bồn nước trong veo Họ cho biết những rau trái ở các nhà hàng tại đây đều do green house cung cấp.

Test Track. Vào trong nhà rồi được hướng dẫn ngồi vào xe, cột dây an toàn rồi xe bắt đầu chạy mỗi lúc một nhanh hơn và đi quanh co với tốc độ thật nhanh rồi bất thình lình thắng gấp lại, thấy cũng khá sợ. Cái "ride" này tôi đi từ lần trước và không dám đi lần thứ hai.

Ở đây có một cái hồ lớn, trong hồ có những thuyền nhỏ chạy qua chạy lại để chở du khách đi quan-sát

quang cảnh quanh hồ... Ở đây có những căn nhà của 11 quốc gia được xây quanh hồ: Mexico, Norway, China, Germany, Italy, America, Japan, Morocco, France, United Kingdom. Mỗi quốc gia có một cách kiến trúc riêng tượng trưng cho nước của họ.

The Three Caballeos. Vào trong cửa tiệm của người Mexico, khi tới khu-vực nhà hàng ăn thì đi về phía trái, sẽ thấy lối chỉ để đến thuyền. Mỗi thuyền ngồi được chừng 5,6 người, và được chở đi để xem phong cảnh và sự sinh hoạt của người Mexico, họ làm bầu trời có trăng sao và pháo bông, và đồng thời cũng được nghe nhạc nữa.. Thuyền đi qua chỗ có chiều hình núi cao, bên biển, ở đây có mấy người biểu diễn nhảy từ núi cao xuống nước. Thuyền cũng đi qua chỗ bán quần áo, vải-vóc, qua chỗ bán rau quả, trái cây...

Maelstorm. Du khách đi trên thuyền rồi được chờ tới chỗ chiếu phim để giới thiệu về Norway. Thuyền đi qua chỗ chiếu nhiều loại chim tróc, hình ông vua thời xưa của họ và chỗ họ lấy dầu từ biển. Có lúc thuyền lại đi giặt lùi.

Impression De France. Người vào trong rạp thì đứng xem họ chiếu phim trong 20 phút, màn ảnh lớn 180 độ, nhìn hai bên tường đều thấy rất rõ, và rất gần có cảm tưởng như mình đang du lịch ở nước Pháp vậy. Họ chiếu hình lấy nho, các người đàn bà hái nho cho vào giỏ rồi đổ vào cái giùi của người đàn ông đang đeo ở sau lưng. Cảnh nhà thờ Notre Dame, Khải hoàn môn, Tour Eiffel, chiếu quang cảnh ngày lễ 14-7 có những cảnh sát ăn mặc đẹp cười trên những con ngựa nâu cao lớn đi diễn hành. Chiếu cảnh đường phố, cảnh núi đồi trùng điệp, cảnh sông nước, tàu đánh cá, những toa xe lửa và cảnh một đám cưới cử hành tại một nhà thờ trên một đảo nhỏ.

O Canada. Vào rạp đứng xem phim chiếu trên tường, 180 độ quang cảnh ở Quebec, với nhà cửa, đường phố, người mua bán, tàu bè, xe cộ, cảnh núi đồi, tuyết phủ, người ta trượt tuyết, thác nước vĩ đại nổi tiếng Niagara Falls, cảnh ở Vancouver, chiếu Butchart Gardens, vườn hoa nổi tiếng của Canada mà năm 2004 tôi đã có dịp đến thăm.

The American Adventure. Du khách được hướng dẫn lên lầu hai để xem chiếu phim giới thiệu về lịch sử nước Mỹ...

Reflections Of China. Du khách đứng xem phim chiếu quanh tường 360 độ nên nhìn chỗ nào cũng thấy. Họ trình bày về lịch sử của Trung Hoa, gồm các đời vua, chiếu Vạn Lý Trường Thành, với đồi núi trùng điệp, Quảng Trường Thiên An Môn, rộ ng thênh thạng, cảnh đường phố và sự sinh hoạt của dân chúng...

Soarin. Trẻ con phải cao 40in.(102cm) mới được đi. Ngồi vào ghế như ghế máy bay, thắt dây lưng an toàn xong thì ghế được dâng lên cao cả thước, rồi ghế lại nghiêng đi như đang bay. Nhìn xuống phía dưới thì thấy quang cảnh của South California có cảm tưởng như mình đang đi qua trại cam, quả chín vàng, đồng thời cũng ngửi thấy mùi thơm của cam nữa. Trông thấy vùng Walt Disney Land thật gần nhưng nhỏ hơn Walt Disney World nhiều lắm, rồi lại thấy cả cây cầu nổi tiếng Golden Gate của San Francisco nữa...

Ngày 26-12, tôi, Hạnh và Nicholas lại đi Epcot nữa vì hôm trước chúng tôi chưa có thì giờ vào xem các tiệm. Ở đây có một gian hàng của hãng Coca Cola, trong đó họ để nhiều bình nước ngọt đủ loại như coca, sprite, minute maid, orange, lemon nate, ice tea.. bên cạnh là những cốc giấy rất nhỏ để du khách tha hồ nếm thử.

China. Phía trước lối vào họ làm một cái cổng lớn, 3 khúc mái cong có hình rồng, lui vào phía sau là Thiên Đàn thu nhỏ. Hai bên cổng có mấy căn nhà lợp mái cong: căn phía phải là chỗ để chiếu phim và trưng bày những quần áo và dụng cụ cổ; Phía trái là nhà hàng ăn rồi đến cửa tiệm, trong bày rất nhiều quần áo, giày dép, ví bóp, tượng Phật, đồ bằng sứ, kim hoàn, những lọ, những bức tranh, bát đĩa, ấm, tách...Tôi mua một tượng Đức Phật Di-Lạc, một cái vòng đeo tay bằng ngọc trai, có lẫn những hạt sapphire lỏng-lánh. Thấy cái dây đeo tay có những hình con trâu xinh xinh với những chữ ngu viết bằng Hán tự nên tôi cũng mua luôn.

Japan, ở phía ngoài có cái ao thả cá koi nhiều màu bơi lúc nhúc rất đẹp. Căn nhà là cái tháp 5 tầng, mé ngoài có để mấy cái trống lớn, hai 2 thanh niên và một thiếu nữ đánh trống rộn-rã và được nhiều người tán thưởng. Tiệm của Nhật bán, quần áo, giày dép ví bóp, nữ trang và các thức ăn như kẹo, bánh, mỳ gói mì cốc, trà...Họ bán đắt hơn

ở bên ngoài rất nhiều, chẳng hạn như một gói kẹo trái cây ở ngoài bán \$1.75 mà ở đây phải trả tới \$3.25. Một mì cốc giá \$1.00. Mua 4 gói chips nhỏ nhỏ mà phải trả tới \$3.50...

Germani. Ở phía trước căn nhà họ làm một thành phố nhỏ nhiều nhà cửa, đường xe lửa, có xe lửa nhiều toa xinh xinh chạy luồn lỏi qua hầm...Trong tiệm bán nhiều đồ bằng pha-lê như cốc, tách, bát đĩa và những vật kỷ niệm...Buổi trưa hôm đó chúng tôi ăn buffet tại đó. Hạnh cho biết là đã phải giữ chỗ cả mấy tháng trước kia đây. Trong khi ăn thì được xem họ biểu diễn đánh đàn và hát. Đặc biệt có hai người thổi hai cây kèn màu ngà dài đến hai thước. Vì Hạnh và Nicholas cùng sinh vào tháng 12 nên họ hát bài mừng sinh nhật bằng tiếng Đức.

Marocco. Nước này chỉ có một cửa tiệm nhỏ mà đồ đặc bán rất đắt; Hơn \$250.00 một cái áo móng may theo kiểu và màu sắc của nước họ, trông xấu-xí.. Họ có một ban nhạc đứng ở dưới gốc cây, vừa hát vừa đánh đàn, một người phụ nữ, nhảy múa theo điệu nhạc rất dẻo.

France. Có xây cái tháp effen khá cao. Có một gian hàng bán rượu, rất đắt hàng. Thấy họ bày bán kẹo, 45 xu một cái kẹo nougat, tôi mua ăn thử thì thấy giòn, không giống những cái kẹo mà hồi xưa bố tôi thường mua ở tiệm kẹo của Tây về, ăn rất ngon.

America. Vào trong căn nhà này có một khoảng trống lớn ở đây có một nhóm ca-sĩ hát những bài về Christmas. Đi quá vào phía trong, trên lầu là căn phòng để chiếu phim giới thiệu về nước Mỹ. Bên cạnh đó là nhà hàng ăn.

Nước nào cũng đều có nhà hàng ăn để giới thiệu món ăn của nước mình.

Lần đầu tiên gia đình tôi chị Oanh đã đi Walt Disney World vào năm 1987, cũng vào dịp lễ Giáng Sinh nên bây giờ nghĩ lại thời gian đó tôi thấy man man buồn vì giờ đây ông xã tôi và chị Oanh không còn hiện hữu trên cõi đời này nữa!

Sáu giờ sáng ngày 27-12, chúng tôi từ già thành phố Orlando để trở lại New Jersey và quá nửa đêm thì về tới nhà.

New Jersey ngày 16 - Giêng năm 2009

**NGUYỄN THỊ XUÂN-NGÀ**



... Mẹ ơi !

Mẹ công bằng như Sông (hà)  
Mùa lúa vàng, mẹ ăn thơm quý sống  
lần cuối cùng  
hôm đất mẹ yên hương !

... nhớ về mẹ

Một Sao Hôm nhấp nháy  
Một đời con loan niệm, mẹ ơi !!!



Vĩnh Khứ

( Trích trong nhạc phẩm Sông (hà) mẹ (hà) )

# NGÕ TỐI CON TIM

## Trần Thị Hương Cau

**Đ**ường tới nhà Hoàng Hoa mọi khi tôi thấy xa vời vợi. Phải vòng qua cái bùng binh thứ nhất, lên một lần cầu treo rồi chạy dọc theo đại lộ thênh thang dài bốn cây số, vòng vào cái bùng binh thứ hai, chui vào con đường thứ nhất, đến gần cuối đường, quẹo trái vào một cái ngõ cụt sâu hút mới đến được nhà nàng. Nhưng chiều nay, vì nồm nóng quá độ, tôi đã đến nhà nàng sớm gần cả nửa tiếng đồng hồ. Thằng đàn ông cao ngạo trong tôi đã ghi tôi lại, nhất định không chịu vào sớm vì không muốn tự thú nỗi bần chôn, hoang mang trước cái hèn quan trọng đối với cả đời người như ngày hôm nay, ngày mà tôi sẽ cầu hôn Hoàng Hoa.

Chắc chắn như đinh đóng cột thể nào Hoàng Hoa cũng ưng thuận vì tôi linh cảm rõ ràng rằng, nồng độ tình cảm giữa chúng tôi đã lên men chín muồi đậm đặc, dù thời gian quen biết chưa tròn một năm, khi tôi từ Thụy Sĩ bay sang Đức để học thêm một khóa chuyên môn tại nhà thương mà Hoàng Hoa đang làm việc tại đó. Thêm một điều khiến tôi cả tin hơn là Hoàng Hoa, tuy nhỏ hơn tôi năm tuổi, nhưng đã có một đời chồng và còn thông lòng thêm hai đứa con riêng-Chuyện này đối với đàn bà khi tính chuyện bước thêm bước nữa không phải là là không trở ngại, trừ phi, hoặc là bà ta chấp nối với người đàn ông ngoại quốc bao dung không cổ nệ, hoặc bà ta mắc chứng hoang tưởng nặng nề cứ ngỡ mình búng tay là khối ông quỳ mọp, thì miễn bàn. Riêng tôi lại hội đủ tất cả các điều kiện mà một bà mẹ vợ dù khắc khe cách mấy cũng không thể nào boi móc ra được, này nhé: Vừa độc thân vui tính, vừa cao ráo sáng sủa (chiều không sủa), lại có nghề nghiệp được nhiều trọng vọng ( Chính tay bác sĩ trưởng, ngày đầu tiên hướng dẫn giới thiệu bệnh viện cho bọn bác sĩ mới ra trường chúng tôi, đã hóm hình truyền đạt: Trong mắt bệnh nhân, các bạn đều trở thành demigod in white hết đấy.)

Về phía gia cảnh mình, nếu đem Hoàng Hoa ra mắt bà chị duy nhất của tôi bên Thụy Sĩ, chắc chắn

chị ấy sẽ bỏ ngựa. Có hai chị em ở nước ngoài nên chị ấy tự cho mình cái quyền thay mặt cha mẹ bảo ban chúng tôi rất là cảm động. Tôi dùng chữ *Chúng tôi* vì trong cái danh sách cần được quản rất chặt chẽ này, ngoài con cái ra, phải tính thêm cả tôi và ông anh rể đáng thương nữa. Đạo tôi chưa ra ngoài tầm phủ sóng của chị, chị thường xuyên tổ chức môi giới cho tôi trong vòng cộng đồng quen biết, toàn những cô nàng mà chị bảo đảm không một tí vết, khiếm khuyết trầy trụa, cứ y như là mây bà sấm soi hột xoàn không có bọt mới chịu mua vậy. Cô nào mỏng to dềnh dàng thì chị lại hít hà khen để để, cô nào ngăm ngăm bánh mắt thì chị xuýt xoa, đỡ tiền đi tầm mặt trời nhân tạo, cô nào lép kẹp vắn ép thì chị lại bao dung bảo có hơi trai vào là phồng phao lên ngay đấy mà. Chị cứ đổ dành: Ngoại hình mà làm gì, cốt là đức hạnh bên trong mới bên vững em ạ. Trời, hôn nhân mà không tính đến ngoại hình thì chị định bắt em lấy cô ...tàng hình hay sao??? Từ những phê phán hiện thực của chị, tôi biên tập được khái niệm, đầu là định nghĩa cho một người vợ chính chu. Nói tóm gọn là cứ cô nào mà cứng cựa, tuổi bắt đầu tối hù ( đem 30 ), ít bị quấy nhiễu của bọn thanh niên ngay cả hồi nàng đang còn xuân thì, mặt mũi thiên nhiên tràn trề kiểu vợ chồng đã lấy nhau cả chục năm rồi cần gì phải xanh đỏ vào cho rách việc, là coi như cầm chắc được chị ký duyệt cho vào danh sách những thí sinh sáng giá. Tôi chưa đủ can đảm để nói tiếp truyền thống cái nét đánh chết cái đẹp của thể hệ cha ông. Sau nhiều lần mai mối bất thành, chị ấy nói rộng vòng tuyên sinh, vận động cả con gái chị phải đem về giới thiệu cho cậu những cô bạn của nó. Nhất định phải là gái Việt, xứng mặt con cháu Hai Bà Trưng mới bước qua được ngưỡng cửa nhà này. Đa số còn rất trẻ, chỉ mới qua ngưỡng cửa đôi mươi, sinh viên có ( mở miệng ra một chữ tiếng Việt bẻ đôi cũng không chịu nói ), tiếp thị, nhân viên văn phòng có ( quen hôm trước, hôm sau đến nhà nàng mà tôi cứ tưởng tới phiên trực bệnh viện vì cả nhà gồm cha mẹ cô di chú bác đang ngồi xếp hàng chờ tôi đến khám những căn bệnh, đa phần còn chưa được

định hình, mà chắc chắn là các bác sĩ ngoại quốc sẽ phải bó tay vì những triệu chứng đưa ra để chuẩn bệnh quá đỗi mơ hồ: Đau rêm rêm lúc về sáng, đau nhói nhói lúc về chiều, đau thôn thôn lúc giữa trưa....đó là chưa kể đến những vùng đau đón ấy phút trước phút sau lại tùy nghi di tản khắp cả châu thân...), và ngay cả những cô làm nghề thẩm mỹ cũng có ( cô nào móng tay, móng chân cũng nhọn hoắt, tô chuốt cẩn thận khiến tôi đâm ra nghi ngờ khả năng nội trợ và nuôi con của họ.) Lại bất thành. Thấy tôi lân khân, bà chị tôi đâm cáu, mắng lây cả con cháu gái tội nghiệp: Mày cứ mặc cậu ấy! Đẹp! Đẹp hết! Gớm, già kén kẹn hom! Để tôi chống mắt xem ông bợ thứ gì về đây! Tôi dùng nhu thắng cương, vuốt ve bà ấy bằng sự thành khẩn, em chưa lấy được vợ vì chưa tìm ra được ai toàn hảo như chị (!) Chúa Phật nhân từ thế nào cũng tha cho tôi cái tội nói láo vô hại này. Nhưng thật ra tôi tự gã, mình mới có bốn mươi, đang ở lứa tuổi sung mãn nhất, lêu lổng thêm 5, 10 năm nữa rồi lấy vợ cũng chưa muộn.

Vậy mà giờ đây yêu Hoàng Hoa, tôi trở nên nôn nóng vô kể. Xem hôn nhân như là một kết thúc đương nhiên sau mọi diễn biến tình cảm rất tự nhiên của một cuộc sống đầy hơi thở và máu thịt mà con người không được phép chối bỏ. Và tuy là một thằng đàn ông Việt Nam, đa mang một cục phong kiến đại chàng trong đầu, tôi thấy vẫn không có gì trái khuấy khi tính chuyện hôn nhân với một người đàn bà đã qua một lần đò và còn bông bế thêm hai đứa con riêng. Rất có thể vì con Hoàng Hoa là những đứa bé lễ phép, được hấp thu một sự giáo dục đầy chuẩn mực, đạo đức: Thăng Nguyên, 12 tuổi, tính tình đứng đắn, học rất giỏi và ngón đàn dương cầm của nó đã giạt được bao bằng khen của thành phố treo la liệt trong phòng. Con bé Nhã, 9 tuổi, ngoan hiền tuy không học xuất sắc bằng anh nhưng rất có khiếu hội họa, đã từng đoạt giải vẽ tranh nhi đồng của UNICEF năm rồi. Những thằng hoa đó là thành tựu hiển nhiên giữa tài năng của bọn trẻ, được kết hợp hài hòa với lòng tận tụy vô bờ của người mẹ. Con cái là sản phẩm của ý thức thành nên xuyên qua bản thân chúng, tôi ý thức sâu sắc được cá tính của Hoàng Hoa để thấy ngưỡng vọng nàng hơn.

Thương con ăn mòn lòng mẹ, không lần nào tới chơi mà tôi quên quà cáp cho hai đứa bé, đứng chiến

thuật "phóng tiền tài-thâu lương tâm". Mỗi lần như vậy tôi bị Hoàng Hoa phản đối kịch liệt. Nàng sợ vật chất thừa mứa khiến trẻ sinh ra ý lại, thiếu tính tự lập, sau đó bắt buộc tôi đem trả lại cửa hàng là thường ( Cửa hàng ở đây thì được, chớ đừng có xâm mình chơi với cửa hàng tại Việt Nam, nội trả tiếng trước tiếng sau mà không mua là chị em tiểu thương bức xúc, chuyển sang bạo động, lột dép đập mặt như chơi.) Riêng Liên Chi, người bạn gái thân nhất của Hoàng Hoa, người hầu như luôn luôn túc trực tại nhà Hoàng Hoa, được hai đứa con Hoàng Hoa tíu tít gọi là má Chi, người rất lạc quan hồn nhiên khi sống kiểu *mỗi ngày tôi chọn một niềm vui* (\*), mà con đẻ té thân không ai khác hơn là tôi, đã nhìn thấu tim đen của kẻ si tình:

- Anh Vũ lốt đường kỹ ghê há! Sợ sụp ô gà chãng? Đùng lo anh Vũ à, bên này người ta làm đường phẳng phiu lắm.

Lời trêu chọc của Liên Chi đã bao phen làm tôi sượng trân cả người. Phải công nhận Liên Chi ăn nói rất dí dỏm, duyên dáng nhưng tôi vốn không đủ công lực lẫn thô bạo để bóp chác lại, nên đành cắn răng đè nén những khó chịu đang nổi cộm trong lòng. Tôi cứ băng khoãng, Hoàng Hoa khác hẳn Liên Chi một trời một vực, thế mà sao họ lại gắn bó với nhau còn hơn cả tỷ muội thế nhỉ? Hoàng Hoa lúc nào cũng dịu dàng, từ tốn, nàng đẹp từ cái cười nhu mì, đắm thắm cho tới cả nét đoan nghiêm khi dạy dỗ bảo ban các con. Thậm chí lúc chúng trở chứng bướng bỉnh, tôi vẫn không nghe nàng quát mắng bao giờ-Chẳng bù với bà chị của tôi suốt ngày hò hét như nữ tướng cưỡi voi ra trận mạc, khiến anh rể tôi cứ theo thậm thụt hỏi, cậu Vũ này, mỗi lần nghe chị cậu gào lên là tìm anh cứ co thắt lại, lâu ngày rồi có dẫn đến sự cố gì đáng lo ngại không hả cậu(?) Tôi bùi ngùi khuyên anh ấy mỗi ngày nên ăn sống 5 tép tỏi tươi và tìm mua ngay cho được 2 cục sáp nhét tai, nếu muốn sống trăm năm hạnh phúc bên vợ hiền; phần chị tôi thì tôi hạ hỏa bằng cách ghi toa một loại dược thảo đặc trị cho phụ nữ thời kỳ mãn kinh- Trong nhà Hoàng Hoa thì ngược lại, bao trùm một bầu không khí đầm ấm, tràn ngập tiếng cười đùa của mấy mẹ con khiến cho thằng đàn ông vốn từ lâu tôn thờ tự do muôn năm như tôi, tự dưng đem về phải trần trở, vắn vương. Chúng gọi lên trong tôi hình ảnh một tay chạy việt dã miệt mài từ

mấy chục năm nay, bỗng nhiên một sáng nào đó thức giấc, thấy mình trở nên già cỗi, suy vi, thềm được lui về ẩn dật trong một chốn tĩnh tại nào.

Có những lần đến chơi, thấy mẹ con Hoàng Hoa bận bịu, tôi thân nhiên làm anh nông dân vui tính, vác cuốc xẻng ra đào xới khoảnh vườn sau nhà. Không than phiền mà còn hân hoan vì được xem như một thành viên thực thụ trong gia đình- Đây là mấu chốt của sự khác biệt giữa lao động tự nguyện và lao động cưỡng bức vì làm chủ, thực sự làm chủ mới có thể nói đến chuyện tăng năng xuất. Sự hưng phấn đã đem lại bội thu rõ rệt: Bất cứ loại hoa nào hay loại cây nào tôi sờ vào cũng nảy mầm tươi tốt đến độ Liên Chi phải nông nổi đề nghị, người có *Ngón tay xanh* như anh Vũ thì nên đổi ngay qua nghề gây giống hoa mới, như hoa hồng năm màu hay hoa mai mười cánh chẳng hạn (?!), Liên Chi sẽ chịu trách nhiệm khâu huy động vốn, anh Vũ tập trung cải thiện khâu phân-giống-nước, bọn mình thành triệu phú đến nơi!!! Tôi kéo Liên Chi từ cung trăng về lại trái đất bằng cách kể cho nàng nghe về căn hộ âm đạm của tôi bên Thụy Sĩ, bốn bức tường chỉ toàn là sách, mấy cây xanh chị tôi mang đến, tháng trước tháng sau là trở về cát bụi. Tôi nghiệm ra cuộc đời màu đột ngột này chính là sự tự khám phá bản thân, thông qua tác động có tính quyết đoán của cuộc sống bên ngoài, đó chính là nhờ tình yêu chất ngất mà tôi ấp ủ trong tim. Bao giờ có thì giờ cho tôi, Hoàng Hoa cũng hết sức ân cần:

-Anh Vũ xới đất mấy luống đất cho Hoàng Hoa đó hả? Độ này mưa xuống, cỏ dại mọc nhanh quá mà Hoàng Hoa bận kèm hai đứa nhỏ, không tìm đâu ra thì giờ làm vườn. Từ ngày có anh Vũ, cái vườn hoa nhà Hoàng Hoa ai đi qua cũng tấm tắc, cảm ơn anh Vũ nhiều nha.

Liên Chi xịu mặt phân bì:

-Hoàng Hoa sướng thiệt đó, quen với anh Vũ siêng năng cày cấy, tha hồ ư ư: *Từ ngày có anh về-Nhà mình toàn ánh trắng thê (\*\*)*, chứ Liên Chi thì toàn gặp mấy ông thầy bọm nhậu, tham ăn tham uống, nên chi biết rên rậm: *Từ ngày có anh về-Nhà mình toàn tiếng chửi thê...*

Tôi là thằng cười to nhất, phục cái tay nào mà có máu hài hước quá tuyệt, nhân tiện định gài thêm một câu, trả thù nỗi ám ức từ bấy lâu: Đi với bụt thì

mặc áo cà sa còn đi với ma thì mặc áo giấy. Nhưng thôi, Liên Chi là bạn thân của Hoàng Hoa, tôi chả dại mà đùa với ô kiến lửa ( So như vậy kể cũng tội cho kiến lửa.) Cười xong, Hoàng Hoa dịu dàng tâm sự: Ngày vợ chồng nàng chưa thôi nhau, ở cái nhà có vườn rộng thênh thang, Hoàng Hoa mê lắm, trồng đủ thứ hoa rực rỡ cho từng mùa. Chồng cũ nàng lại khác. Ông ta rầy rà luôn về chuyện mà ông cho là vô bổ, tốn kém. Theo ông thì trồng rau, trồng đậu còn lợi hơn. Nghe kể, tôi đã sực kêu lên: Người đầu mà kém văn hóa vậy! Chữ văn hóa ở đây xin hiểu là tính chất nghệ thuật chứ không phải khoa bảng, vì nếu đem lên cân, thì e số bằng cấp của chồng cũ Hoàng Hoa có phần còn nặng ký hơn cả của tôi. Chuyện chồng cũ, Hoàng Hoa kể bao giờ cũng với thái độ tường thuật nhẹ nhàng, như một tình cờ nào đó đưa đẩy khiến nàng liên tưởng lại, chứ không hề tỏ ý than thở hay nói xấu người xưa bao giờ.

Nhưng Liên Chi, cũng giữa đường gẫy gánh, thì có phản ứng mạnh bạo, thẳng thừng hơn. Như lần chúng tôi cùng coi video Mr. Bean, một vua hề người Anh mà Hoàng Hoa đặc biệt ưa thích. Trong phim, thay vì tặng cho người yêu chiếc nhẫn thật, Mr. Bean chỉ mua cho cô ta tấm ảnh chụp hình chiếc nhẫn. Hai người đàn bà ôm nhau cười nghiêng ngả khi coi tới đoạn ấy. Hoàng Hoa thật thà kể:

- Coi phim lại nhớ ông chồng cũ của mình. Lấy nhau mười năm mà ông chỉ mua cho Hoàng Hoa một lần duy nhất là chiếc nhẫn cưới, mỏng như lá lúa. Thấy người ta mua nữ trang cho vợ, mình về kể với ông bị ông cự: Anh không thương vợ theo kiểu ngu đó! Mua nữ trang mà ra khỏi cửa hàng là mất giá đi phân nửa rồi. Còn đeo trên người thì chỉ tổ làm môi cho bọn cướp giật, gây hại tới tính mạng!

Tôi thấy dữ kiện nào chồng cũ Hoàng Hoa nêu ra đều chuẩn xác, chỉ thơ thần trộm nghĩ: Nhiều khi tình táo hoặc lý trí quá sẽ trở nên không còn ưót át, trong khi cuộc đời này đã quá đổi hạn hán khô cằn. Nhưng nói ra làm chi, chỉ tổ người ta cười vào mũi, gớm cái anh lang băm sao mà ưy mị lằng ồ, lý luận sao bằng chồng cũ người ta, một Guru tiếng tăm trên sân chứng khoán Frankfurt. Liên Chi là mẫu người nói không kịp bẻ que, lời nói đi trước cả suy nghĩ:

- Ui, ui, chồng ta còn rùng rợn hơn nữa kia! Đi phố, mình đi mũi vô coi mấy cái đồ lót Dessous đẹp

mê hồn thì lão bàn lui: Tắt đèn thì nhà ngói cũng như nhà tranh, mua chi cho tốn! Còn đi chợ, ai đời người ta bán dưa leo theo cây, ông khiêng hai ba cây tới bàn cân xem cây nào nặng hơn để lấy. Ta đi một bên mà muốn độn thổ luôn. Mi thuộc loại hiền, con nhà nề nếp mới chịu đựng tới mười năm tình cũ chớ gặp tay ta chỉ vào mông ba ra mông bảy liền. Ai mà sống mòn hoài với mấy thứ chồng rị mọ, trùm sò đó lâu cho được!

Liên Chi là thế, lúc nào cũng ngổ ngáo, cứng cỏi. Nguyên việc nâng dùng nước hoa đàn ông là đủ tự khẳng định. Hoàng Hoa của tôi thì khác hẳn. Bởi thế tôi đã phải tả xung hữu đột suốt bấy lâu để có chỗ đứng sát bên nàng. Trong nhà thương, các tay bác sĩ sờ sờ sờ vợ chết hoặc vợ bỏ vẫn lăm le qua mặt nhau để gây được sự chú ý của Hoàng Hoa đây ra. Nhưng tôi tự tin là mình có một lợi điểm vượt trội, đó là tôi có cùng màu da, tiếng nói như nàng nên sự đồng cảm chắc chắn thuận tiện hơn. Suy nghĩ cạn kệt hết mọi đường, tôi thấy đường nào cũng không cản trở được cú sút bóng ghi bàn này của mình, thế là hoa trên tay, nhẫn trong túi quần và thẳng tôi đỉnh đạc đến bấm chuông nhà Hoàng Hoa bằng bước chân của một chú rết đã được họ hàng nội ngoại lẫn cả con chó nhà vợ chấp thuận.

Đón tôi ở cửa không phải là Hoàng Hoa mà là Liên Chi. Nàng trêu tôi theo thói quen thường nhật:

- Người Thụy Sĩ có khác, đến đúng hẹn như cái đồng hồ! Chao ôi, anh Vũ còn mang cả hoa hồng đến nữa kia! Cứ trông Hoàng Hoa mà Liên Chi bắt túi thân để sợ!

Tôi nghiêng răng tự rửa thăm tính hay quên khi đi mua hoa và thăm hứa lần sau sẽ mua cho Liên Chi một bó hoa đại chẳng nhưng phải là thứ hoa gai góc nào đó, xương rồng chẳng? (So như vậy kể cũng tội cho xương rồng.)

Hoàng Hoa đang nán nã đeo bông tai trước chiếc gương trong hành lang. Hôm nay trông nàng thật trẻ với bộ váy màu hồng beige, xinh nhất mỗi chiếc cúc áo là một bông hồng vải nhỏ xíu rất sang và hài hòa với chuỗi ngọc trai mà tôi đã tặng Hoàng Hoa trong lần sinh nhật thứ 35 mới đây của nàng. Hôm đó tôi đã đi hết một buổi chiều để chọn quà cho Hoàng Hoa với một niềm vui rộn ràng, một điều mà trước đây chưa một người đàn bà nào lại khiến tôi bận tâm đến thế.

Món quà nào cũng không làm tôi hoàn toàn vừa ý. Mãi cho tới khi tôi đi ngang một tiệm kim hoàn, trông thấy chuỗi ngọc trai trắng muốt óng ánh nổi bật trên nền nhung xanh đậm, thì tôi biết ngay nó phải thuộc về Hoàng Hoa. Đề xứng đáng với vẻ đẹp tuyệt mỹ của nó, bên dưới là cái giá tiền độc tới bất lạnh xương sống: Bằng cả nửa tháng lương của một bác sĩ đã hành nghề 12 năm như tôi! Giá cả ấy phá vỡ hết mặt bằng định lượng giá trị lao động, nhưng tôi vẫn mua vì tôi đã tính rợ như một bà nhà quê rằng: Chẳng đi đâu mà thiệt, vì thế nào cũng có ngày chúng tôi nên một! Hôm nay, chắc Hoàng Hoa cũng linh cảm là một ngày hệ trọng nên nàng đã đeo lên cổ như một cách ngầm tỏ tình cảm ý nhị. Liên Chi vẫn không để tôi yên:

-Anh Vũ nè, thường thì ngọc trai lúc nào cũng phải đeo cả bộ. Bông tai thì Hoàng Hoa nó mua rồi, còn thiếu có cái vòng đeo tay thôi anh Vũ à!

Hài lòng với câu giễu độc địa của mình, Liên Chi bật cười lên hăng hắc. Chao ôi, Liên Chi không biết rằng, cứ sau mỗi câu nói của nàng là tôi lại suy t buốt miệng: Ông chồng của Liên Chi chắc phải mở đại tiệc khi được tòa tuyên bố cho phép ly dị! Tất cả những thứ độc hại nhất trên trần đời này, kiến lửa-xương rồng-bọ cạp-rắn cạp nong, hay ngay cả rắn cực độc Taipan tại Úc mà chích phải Liên Chi thì coi như chúng sẽ chết chắc, chết trước, chết ngay tức khắc! Nhưng phép lịch sự tối thiểu đã kịp thời khóa miệng tôi lần nữa.

Tôi đưa Hoàng Hoa xuống phố. Sau một vòng dạo chơi, nàng nói:

- Minh vô ăn kem đi anh. Suốt cả mùa đông vừa rồi uống toàn cà phê. Bây giờ trời trở ấm, phải đi ăn kem thôi.

Tôi tán thành ngay lập tức. Tôi sẽ tỏ tình với Hoàng Hoa ở đây, trong tiệm kem sang trọng sáng sủa này, giữa mùi Vanille, mùi Rum thơm ngào ngạt lẫn mùi dầu đất nùng nán báo hiệu trời đã sang hè.

Hoàng Hoa vừa ăn kem, vừa cười cười nhìn tôi tinh nghịch khiến tôi đâm bối rối, mở đầu câu chuyện bằng câu hỏi hết sức vô duyên:

- Hoàng Hoa có biết tại sao anh lại muốn nói chuyện riêng với Hoàng Hoa không phải tại nhà như mọi khi không?

Nàng thọc chiếc thìa bé tí cho chất rượu trong lòng kem trào ra, nghịch ngợm nói:

- Không cần anh hỏi thì Hoàng Hoa cũng biết là có chuyện khác thường rồi. Nếu Hoàng Hoa không làm thì hình như anh đang muốn... tò tính với Hoàng Hoa phải không?

Nàng đã nhập đề trực khởi nên tôi thấy cũng không cần phải quanh co nữa. Tay lôi hộp nhả ra còn mồm thì lóng nga lóng ngóng bặc bạch hết lòng dạ của mình như một bệnh nhân leo lên bàn mổ nằm tênh hên chờ được cắt đi khúc ruột thừa đang nhức nhối ngấm ngấm bấy lâu. Hoàng Hoa im lặng ngồi nghe không ngắt một câu. Tới phiên mình, nàng thở ra rất dài và nói thật dịu dàng:

- Cám ơn anh đã để lòng tới Hoàng Hoa. Thú thật với anh, nếu phải bước thêm bước nữa thì được người như anh là Hoàng Hoa mãn nguyện lắm rồi, nhưng hiện nay thì Hoàng Hoa chưa dám nghĩ tới việc ấy. Anh biết rồi đó, mẹ nào chẳng thương con, lo lắng cho con. Nhất là giai đoạn này, thằng Nguyên đang ở lứa tuổi dậy thì, còn con bé Nhã thì vẫn đeo theo mẹ từng chút một. Mấy năm trước, sau khi ly dị, Hoàng Hoa phải gửi con cho Liên Chi trông giùm để đi làm, đã bao phen Hoàng Hoa phải khóc thầm trên xe điện vì thương con còn quá bé bỏng mà phải lìa mẹ. Nay mới nguôi ngoai một tí mà còn đeo bông thêm một người đàn ông nữa thì chúng nó sẽ không còn phần trong mẹ sau khi đã thiếu hụt tình cha. Hoàng Hoa cũng biết anh mến tụi nó, nhưng khi lấy nhau rồi, hoàn cảnh vợ chồng đòi hỏi sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau thì làm sao Hoàng Hoa vừa có thể lo cho con mà lại vừa làm đầy đủ bổn phận với chồng mới đây? Còn cứ chăm chăm theo con như hiện nay, con học bơi mẹ cũng phải ngồi trên bờ trông chừng; con hỏi một bài toán là mẹ phải bỏ ra cả ngày đọc sách để giảng lại. Đó chỉ mới là việc học, còn bao nhiêu vấn đề vụn vặt khác trong cuộc sống mà chúng luôn tìm đến mẹ để được tâm sự, chia sẻ, vậy thì cuối cùng Hoàng Hoa lấy đâu ra thì giờ lẫn đầu óc để làm tròn trọng trách, đúng với ý nghĩa làm vợ đầy đủ hờ anh? Mong anh ráng hiểu cho, Hoàng Hoa không thể nhận lời cầu hôn của anh được.

Lời từ chối của nàng năm ngoài mọi dự tính khiến tôi hụt hẫng, hậm hực, hùng hổ, giật lùi về làm người tiền sử, không đếm xỉa gì đến phép ứng xử của thế giới văn minh:

-Cô điên rồi hay sao, định chạy theo mà hầu hạ

con cái cho tới lúc già luôn hả? Cô nên nhớ rằng, bọn trẻ bên này học xong tú tài là tụi nó ra riêng tự lập hết. Lúc đó cô có van xin níu kéo, tụi nó cũng không cần đến mẹ nữa đâu!

Hoàng Hoa chắc đã dự đoán được phản ứng của tôi nên nàng vẫn thần nhiên cười, nhỏ nhẹ:

- Có chứ anh, Hoàng Hoa có nghĩ tới lúc đó chứ! Nhưng phải chờ đến chín mười năm nữa kia. Tới lúc đó, không cần anh phải nhắc nhở, Hoàng Hoa cũng sẽ bắt chước Liên Chi... đăng báo tìm bạn bốn phương, chớ ai mà ở được một mình hoài, phải không anh? Buồn chết đi được.

Trên đường về, chúng tôi không nói với nhau một lời. Đứng ra Hoàng Hoa có nói gì đó mà tôi không còn lòng dạ nào để theo dõi. Trước khi xuống xe, nàng xoa nhẹ lên mu bàn tay tôi như một lời an ủi rồi dứt khoát quay lưng chui ra, bỏ mặc tôi ngồi lảm lì bí xì trong xe. Hoàng Hoa đã từ chối nhẹ nhàng nhưng cương quyết.

Còn tôi, tôi phải làm gì đây? Trở về Thụy Sĩ mở phòng mạch và lấy một cô bé trẻ măng nào đó để trả mối hận tình này, được chăng? Chắc chắn đó không phải là giải pháp tốt đẹp để nhanh chóng triệt tiêu hình ảnh Hoàng Hoa trong lòng, vì khi yêu nàng, tôi đã không nghiên ngã trước tuổi trẻ hay dung nhan diễm lệ, chỉ say sưa ngưỡng mộ vẻ thùy mị đoan trang lẫn sự đứng đắn đầy tin cậy ở người đàn bà mà tôi đinh ninh sẽ sống bên nhau cho đến cuối kiếp này. Còn chờ thì phải chín, mười năm nữa, liệu tôi có đủ kiên gan để đợi không?

Nhà Hoàng Hoa ở trong ngõ cụt, tôi đã lái xe lằm vào trong ấy, nay chỉ còn cách là quay đầu xe trở ra mà thôi! Đó là lời nói theo cách suy nghĩ hợp lý của cái đầu lạnh mạnh. Còn trái tim mềm yếu hơn nhưng lại quyết định tất cả niềm hạnh phúc cũng như nỗi đau khổ của con người, thì lại tăng nhịp đập một cách thống thiết trong lồng ngực.

Tôi cứ ngồi chìm đắm trong cái ngõ tối con tim của đời mình, không biết là bên ngoài trời đã tối mịt...•

(\* ) Nhạc Trịnh công Sơn; (\*\* ) Nhạc Lam Phương

**Trần Thị Hương Cau**  
(Germany)

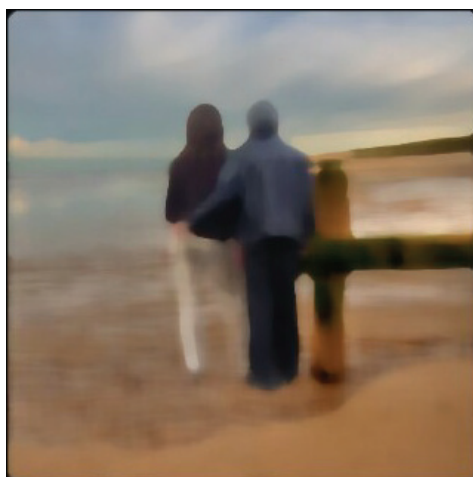


# Chiều biển vắng

Thanh Trang

Chậm vừa

Chiều biển vắng sóng nước xa đưa Chim bay thấp, khung mây thưa Thông reo hát hiu ven  
bờ Chiều nhạt nắng có bóng đôi ta Mênh mông nước xanh bao  
la mây theo cát men bờ xa! Chiều biển vắng vẫn có em  
đây Khi xa nhớ nhưng biết mấy! Vắng đi hơi âm những ngày!  
Chiều biển vắng vẫn có đôi ta bên con sóng reo hiền hòa quên đi những chuyện ngày  
qua! Mùa Xuân về đó, sóng nước vờn theo



gió, với tiếng cười ven bờ Rạng ngày nắng  
 tươi lên, thuyền về trên khắp bến, bờ cát vui triền miên! Chiều lại vắng với sóng xa  
 đưa vai em nắng hong ban trưa đêm nay thức sao cho vừa?  
 Chiều biển vắng, gió cuốn bay xa bao nhiêu nỗi đau trong ta cho quên đi chuyện ngày  
 qua! Chiều biển vắng sóng vỗ xa khơi mai kia cách nơi phương  
 trời bên nhau vẫn lòng tim tới!

Apr. 2009

TIỂU SỬ TÁC GIẢ CỎ THƠM

# NHẠC SĨ THANH TRẠNG

Trong Ban Biên Tập của Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm.

- Tên thật: **Nguyễn Thanh Trang**
- Sinh năm 1942
- Nguyên quán: Thái Hà Ấp, Hà Nội, vào Nam năm lên 8 (1950) do thân phụ thay đổi nhiệm sở.
- Tiểu học: trường "Jaureguiberry" (sau 1956 đổi thành "St-Exupery") trên đường "Thevenet" (sau đổi thành đường Tú Xương,

con đường yên tĩnh, có những hàng cây thật đẹp, nằm sâu trong ký ức cậu học trò nhỏ, sau này sẽ làm nền cho bài hát "Những con đường thành phố tôi yêu".)

- Trung học: Lycée Chasseloup Laubat (sau đổi tên ra "Jean Jacques Rousseau"), tốt nghiệp Trung Học ban "Sciences Expérimentales".

- Vào Đại Học Luật Khoa năm 1961. (Bài hát "Duyên Thề" viết khi ở năm thứ 2 Luật Khoa).
- Tốt nghiệp Cử Nhân Luật Khoa năm 1963. Xong Cao học Kinh Tế năm 1966. Thời gian sinh viên, cộng tác với Nhật Báo "Tự Do" và một số nhật báo, tạp chí văn học khác; bút hiệu "Thanh Nguyễn" (bút hiệu sau nay vẫn tiếp tục sử dụng trên các nhật báo ở Nam Cali như Người Việt, Viễn Đông, hoặc các Tạp chí Thế kỷ 21, Văn Học, Hợp Lưu...)
- Nhập ngũ năm 1968 (cùng lượt với Lê Tất Điều, Dương Kiên, Dương Cự v.v..).
- Rời Thủ Đức, cuối năm 1968 lên giảng dạy Luật và Kinh Tế tại trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt (những bài "Tình Khúc Mùa Đông" và "Huyền" viết vào thời điểm này).
- Cuối 1969, du học tại Hoa Kỳ môn "Development Economics", Đại học Vanderbilt tại Nashville, Tennessee (Luận án tốt nghiệp: "The absorptive capacity of Foreign Aid")
- Trở về nước năm 1973, tiếp tục giảng dạy Kinh Tế ở Võ Bị Quốc Gia và Viện Đại Học Đà Lạt (Phân Khoa "Chính Trị Kinh Doanh") cho đến tháng Tư năm 1975 khi đơn vị di tản về Sài Gòn. Bị đưa vào trại tập trung của Cộng Sản từ sau ngày Việt Nam Cộng Hòa thất thủ cho đến năm 1982.
- Tái định cư tại Hoa Kỳ vào giữa năm 1990 theo diện "Political Refugee". Hiện cư ngụ tại Covina, California.

### **Tác Phẩm: (tính đến 5/2009)**

Bài Hát Mùa Xuân, Bài Thơ Xưa Cho Em, Bài Tình Ca Trong Chiều, Bài Tình Ca Trong Đêm, Bến Xưa, Chiều Biển Vắng, Chiều Đông Nhớ, Chiều Mưa Phố Nhỏ, Còn Lại Ta Với Phím Đàn, Còn Nhớ Gì Khi Xa Huế, Có Sớm Ta Về, Cô Hàng Cà Phê, Dạ Khúc, Duyên Thề, Đi Giữa Mùa Xuân, Đường Chiều Lộng

Gió, Góc Trời Chân Mây, Hoa Tàn Trong Gió, Hoàng Hạc Lâu, Huyền, Lá Thu Rơi, Lá Rơi Trong Chiều, Lời Kinh Cầu, Lời Nào Em Còn Nhớ, Lời Ru Của Mẹ, Lời Tình Cuối, Lời Xa Vắng, Liễu Buồn Xanh Ngát Mùa Thu, Một Đời Tôi Hát, Một Ngày Qua Đi, Một Ngày Một Đời, Mắt Buồn Hà Nội, Màu Xanh Ban Chiều, Mùa Xuân Ngày Trở Lại, Mùa Xuân Nơi Xa, Mùa Xuân Quê Tôi, Mùa Thu Về Thăm Mẹ, Muộn Màng, Ngày Tháng Nào Yêu Em, Ngày Vui Đôi Lúa, Nhớ Em Một Ngày Nắng Sài Gòn, Như Còn Đây Mùa Xuân, Những Con Đường Minh Đã Đi Qua, Những Con Đường Thành Phố Tôi Yêu, Nét Hoa Tường Cũ, Nói Với Mùa Thu, Sài Gòn Nhớ Sài Gòn Thương, Tình Khúc Mùa Đông, Thiên Lý Bên Đời Vẫn Ngát Hương, Thói quen Nhớ Mong Manh, Tiếng Buồn Đêm Mưa, Tình Thương Đất Mẹ Phù Sa, Tóc Buồn Muôn Thuở, Tóc Em Vẫn Là Hương Của Mẹ, Tổng Biệt Hành, Trở Về Nha Trang, Từng Chiều Mây Bay, Văn Thơ Xuân Cho Em.



## CUỘC TÌNH ĐÃ TAN RỒI

1. Bóng em vừa khuất trên hè phố,  
Đã thấy quan san cả đất trời.  
Lòng cũng quan san từ độ ấy.  
Chỉ còn một nỗi nhớ thương thôi!

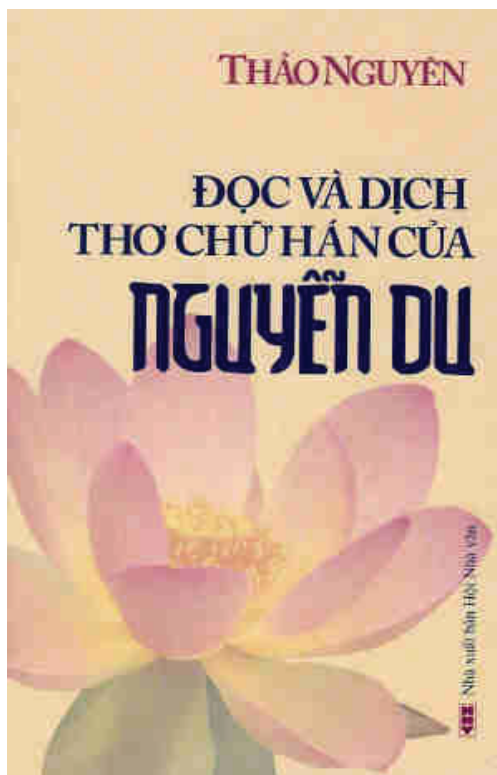
Bóng em vừa khuất sau góc phố,  
Đã thấy quan san cả lối về.  
Tình cũng quan san từ dạo ấy.  
Tim còn thao thức những u mê!

2. Ở một nơi xa xôi,  
Ở một ngày xa xôi,  
Cuộc tình đã tan rồi,  
Không còn gì để nói,  
Chỉ còn nỗi đơn côi.

Không còn gì để nói!  
Cuộc tình đã tan rồi!  
Không còn gì để nói!  
Còn nước mắt mặn môi!

**TẠ QUANG TRUNG**

Richmond, cuối đông 2008



**ĐỌC VÀ DỊCH  
THƠ CHỮ HÁN CỦA NGUYỄN DU**  
của

**Ms. Thao Nguyen**

Ấn phí: \$15.00.

Hội viên Cỏ Thơm bớt 50%  
cộng \$2.50 cước phí.

Để có sách, xin liên lạc:

Ms. Thao T. Nguyen

ngtthao@yahoo.com

(212) 222-4204

# KÝ ỨC

(Phóng tác từ truyện “The Notebook” của  
Nicholas Sparks)

## Hoàng Dung

1.

Ông Nguyễn ngồi trong phòng mạch bác sĩ đợi tới phiên mình mà lòng không yên, thỉnh thoảng lại nhìn đồng hồ. Ông với lấy tờ báo cố gắng đọc một cái tin giật gân nào đó, nhưng tâm trí ở tận đâu đâu, nên đọc mà không hiểu tin tức có những gì. Đến lúc dường như hết sức chịu đựng, ông đứng dậy khập khiễng bước tới bên cô thư ký nói nhỏ:

- Cô làm ơn cho tôi khám trước được không?

Cô thư ký hiểu ý, nhỏ nhẹ nói với ông Nguyễn:

- Bác Nguyễn à, bác chịu khó một chút nha, hôm nay hơi đông bệnh nhân.

Ông Nguyễn tỏ vẻ van lơn:

- Bao nhiêu năm rồi, cô biết hoàn cảnh của tôi mà, tôi có hẹn với nhà tôi ăn trưa, trưa nay.

Cô thư ký áy náy nhìn ông Nguyễn:

- Cháu biết, nhưng mà bác gái đâu còn nhớ gì nữa đâu, bác không tới chắc bác gái cũng chẳng biết.

Ông Nguyễn bỗng nổi nóng, lớn tiếng:

- Bà ấy không biết, nhưng tôi biết...

Rồi ông giận dữ bỏ đi. Cô thư ký biết mình lỡ lời ân hận nhìn theo. Một bệnh nhân tò mò hỏi:

- Ông ta sao mà nổi nóng thế?

Cô thư ký không đành lòng được:

- Ô tội nghiệp bác ấy lắm. Ngày nào bác ấy cũng muốn giữ đúng hẹn ăn trưa với bác gái.

Bà bệnh nhân càng tò mò hỏi tới:

- Ủa sao mà kỳ vậy, ăn trưa thì trễ một chút hay sớm một chút có sao đâu, mà nhất là ông ta bận đi khám bác sĩ.

Cô thư ký:

- Chuyện đâu có giản dị như vậy. Chẳng qua là bác gái vướng vào cái bệnh lãng quên ấy mà. Ở nhà thì gặp khó khăn, con cái bận rộn với công ăn việc làm. Còn bác trai thì yếu quá không chăm sóc chu đáo được. Cho nên các con của bác sắp xếp đưa bác vào nhà dưỡng lão hạng sang, ở ngay bên cạnh phòng mạch này chứ đâu xa. Như bác biết đấy, mỗi người đều có phòng riêng, hằng ngày có người canh chừng, chăm sóc sức khỏe, lo cho ăn uống lẫn vệ sinh cá nhân. Hễ không được khỏe hay có bệnh gì thì đưa qua đây cho bác sĩ chăm sóc.

Bà bệnh nhân xuýt xoa:

- Trời ơi chắc đắt tiền lắm nhỉ. Tôi cũng muốn vào đó ở, nghe nói giống như khách sạn năm sao, nhưng con tôi làm gì có đủ tiền cho tôi vào đó ở cơ chứ.

Cô thư ký tiếp tục:

- Chắc chắn là đắt rồi, nhưng ở nhà có con có cháu vui hơn chứ bác.

Bà bệnh nhân gật đầu tỏ vẻ đồng ý:

- Nhưng lắm lúc cũng va chạm, trái ý, lại còn ồn ào nữa. Nhưng thôi.. mất cái này lại được cái kia cô nhỉ.

Bà bệnh nhân lại hỏi tiếp:

- Còn ông ta thì vẫn còn ở nhà với con cháu đấy chứ?

Cô thư ký:

- Đâu có. Bác trai cũng đòi vào đây ở cho tiện. Bác ấy cũng đã yếu lắm rồi, ngày xưa còn ở Việt Nam bác ấy đã từng là quân nhân và bị thương tật trong một trận chiến khốc liệt nào đó, cho nên nay cũng cần người chăm sóc. Hằng ngày bác ấy đều cùng ăn sáng, ăn trưa, ăn tối với bác gái ở phòng ăn của nhà dưỡng lão. Bác gái tuy không nhớ bác trai là ai, nhưng bác trai luôn luôn có mặt đúng giờ. Bác trai chỉ sợ bác gái buồn vì không trông thấy bác, nhưng cháu nghĩ bác trai buồn vì không

được trông thấy bác gái thì đúng hơn, vì bác gái có còn nhớ ai là ai đâu.

Bà bệnh nhân chép miệng:

- Tội nghiệp quá nhỉ.

Cô thư ký nói tiếp:

- Còn một chuyện đau lòng hơn nữa là ngày nào bác trai cũng cố gắng kéo ký ức bác gái trở lại bằng cách đọc cho bác gái nghe cuốn hồi ký của chính bác gái viết khi biết mình sắp mất trí nhớ. Bác trai mong rằng làm như thế bác gái sẽ hồi phục trí nhớ lại như xưa.

Bà bệnh nhân:

- Rồi có kết quả gì không?

Cô thư ký:

- Bác trai có kể rằng, thỉnh thoảng bác gái dường như có nhớ lại một chút, nhưng rồi lại quên ngay, và hình như đã nhiều năm lắm rồi... Thôi chết, tới phiên bác vào khám bệnh kia.

2.

Trong phòng khách của nhà dưỡng lão. Bà Nguyễn ngồi im lặng ngó vào khoảng không, như cố nhớ lại một điều gì. Thỉnh thoảng bà ngó về phía cửa ra vào như đang trông ngóng ai. Thấy ông Nguyễn bước vào, mắt bà sáng lên, bà hơi nhích người sang một bên như có vẻ nhường chỗ cho ông Nguyễn ngồi. Nhưng bà vẫn không nói gì. Ông Nguyễn bước tới ngồi bên cạnh bà Nguyễn nhỏ nhẹ nói:

- Chào bà

Bà Nguyễn khẽ gật đầu chào lại. Ông Nguyễn hỏi:

- Bà đã dùng cơm trưa chưa

Bà Nguyễn gật đầu nói nhỏ:

- Dạ thưa rồi.

Ông Nguyễn nhìn bà, giọng dõ dành:

- Hôm nay tôi có việc cho nên tới trễ, không ăn trưa với bà được, bà đừng buồn tôi nhé.

Bà Nguyễn chớp mắt, gục gặc đầu tỏ vẻ thông cảm.

Trên tay ông Nguyễn cầm cuốn vở, ông từ tốn mở ra. Rồi ông nhìn bà với sự triu mến. Ông luôn luôn nhìn bà như thế. Ông khẽ nói :  
- Để tôi đọc cho bà nghe một câu chuyện tình thật hay nhé.

Mặt bà Nguyễn ánh lên niềm vui, ngồi im tỏ vẻ lắng nghe. Bằng một giọng ấm áp, ông Nguyễn chậm rãi đọc :

- Ngày đó có một cô gái thật dễ thương. Nàng có mái tóc mây thật dài, có đôi mắt ngơ ngác như mắt của con nai. Năm 16 tuổi, nàng đã có người yêu. Chàng ta là lính chiến cho nên lúc nào cũng bận rộn với chiến cuộc, lúc nào cũng hành quân liên miên. Cô gái dễ thương ấy lúc nào cũng trông ngóng được gặp người yêu, cho nên cô thường hay theo dõi những chuyến di hành của anh ta, để mong tìm được cơ hội gặp mặt người mình yêu thương... Một hôm anh hạ cánh chiếc trực thăng, vừa bước xuống bãi đậu, thì thoáng thấy từ xa, bóng dáng của một cô gái trong chiếc áo dài trắng, mái tóc xõa dài đang tung bay trong gió. Anh đứng chống hai tay bên cạnh sườn, nụ cười nở trên môi, đôi má lúm đồng tiền. Ông bà mình thường nói, đàn ông mà có má lúm đồng tiền thì tình duyên không may, không biết có đúng không. Anh nheo nheo đôi mắt nhìn về phía cô gái thử đoán xem là ai. Cô gái từ đằng xa nhẹ nhàng đi vội tới, trông giống như một con hạc trắng đang tung cánh bay lại gần anh. Người anh bỗng rung lên, trái tim như nở lớn ra, đập thình thịch, đôi mắt với hai hàng mi rậm của anh riu lại. Thì ra là người yêu bé bỏng của anh. Anh giang hai tay, cô gái sà vào lòng anh, anh ôm choàng lấy cô, cô cũng ôm chặt lấy anh. Cô dụi đầu vào cổ anh, nước mắt trào ra vì sung sướng. Anh úp mặt mình vào mái tóc thơm ngát mùi bồ kết của cô, hít một hơi dài. Gió bỗng thổi ngược chiều, khiến mái tóc dài của cô xõ tung, bay ngược lại quấn lấy hai người như muốn trói

## LÁ CŨNG TÌNH SI DÁNG THẦN THỜ

Vắng người tóc quện mây nhưng nhớ  
Mây đổ vai buồn rồi sợi tơ  
Lối cũ mây ngang sầu phủ đợi  
Đường xưa mưa nức ngập tình thơ

Vắng người cây cỏ thấm than thở  
Lá cũng tình si dáng thần thờ  
Xác lá xạc xào hồn nát rụng  
Dặm trường xa cách vẫn hoài mơ

Vắng người một nửa vắng trăng vờ  
Một nửa theo người chốn bụi mờ  
Nửa mảnh bên này sầu trống vắng  
Bên kia nửa mảnh có còn mơ

Vắng người tôi ngắm sao ngàn rụng  
Tàn mộng năm canh cũng chẳng cùng  
Vọng tưởng người về bên gối mộng  
Sầu riêng một mối chốn nghìn trùng.

UYÊN PHƯƠNG MINH NGUYỆT  
(Texas)

chặt lấy hai kẻ đang yêu nhau tha thiết...

Nghe tới đây bà Nguyễn nhìn ông Nguyễn như nhận ra ông Nguyễn là chồng mình. Bà choàng tay ôm lấy ông, dụi đầu vào cổ ông. Ông cũng ôm choàng lấy bà gọi khẽ “Mình ơi mình nhận ra anh rồi phải không?” Bà gật đầu, nước mắt lưng tròng, nhưng chỉ được vài mươi giây sau, bà hốt hoảng đẩy ông ra, miệng ú ớ,

nhìn giáo dác như muốn tìm ai cầu cứu. Ông vội vàng xích ra xa, đưa tay ra dấu như bảo bà hãy yên tâm, ông không làm gì hại bà đâu...

Ông Nguyễn cố dằn cơn xúc động nhẹ nhàng nói với bà:

- Để tôi đọc tiếp cho bà nghe nhé... Rồi cô gái và chàng trai cưới nhau, thành đôi vợ chồng vô vàn hạnh phúc, sanh những đứa con xinh xắn... Nhưng rồi trong một trận chiến ác liệt, chàng bị tàn phế. Cô gái vẫn một lòng yêu thương chăm sóc chồng con... Rồi đất nước đổi thay, giống như mọi người, gia đình cô cũng không thoát khỏi những cơn khốn khó, nhưng bằng tất cả sức mọn, cô vẫn tiếp tục lo cho chồng con không hề than van... Rồi may mắn gia đình cô gái được định cư tại xứ Mỹ này...

Ông Nguyễn đang say sưa đọc, thì các con các cháu vào thăm ông bà. Bà Nguyễn thấy có nhiều người tới, đứng lên nói với ông:

- Thôi, ông có người nhà tới thăm, tôi xin chào.

Nói xong, bà Nguyễn xoa má mấy đứa bé đứng bên cạnh, đang tròn xoe đôi mắt nhìn bà, bà khẽ nói:

- Dễ thương quá.

Bà Nguyễn gật đầu chào mọi người rồi lặng lẽ bỏ đi. Các con các cháu buồn bã nhìn theo.

3.

Ông Nguyễn vẫn ngồi yên trên ghế, mặt ông co lại, trái tim như có ai đó thò cả bàn tay vào bóp nát, ông im lặng chịu đựng. Cô con gái ngồi xuống bên cạnh cha và nói:

- Bố thấy đó, mẹ không còn nhận ra tụi con nữa, mà cả bố nữa, mẹ cũng không biết là ai, vậy mà sao bố không chịu về ở với tụi con, mấy đứa cháu của bố thương nhớ bố lắm, chúng nó muốn ông ngoại luôn luôn ở bên cạnh chúng nó đây bố à...

Cô còn định nói nữa nhưng ông Nguyễn ngăn cô lại. Ông nói:

- Con à, bố đã nói với con bao nhiêu ngàn lần rồi, trước khi mẹ con bị mắc cái bệnh lãng

quên này, mẹ con đã dặn ba phải giúp mẹ con tìm lại ký ức, con quên rồi sao.

Cô con gái ghen ngào nói:

- Nhưng mà đã bao nhiêu năm rồi...

Ông Nguyễn khề khàng nói:

- Bao nhiêu năm cũng được, bố sẽ nhất định làm theo lời mẹ con dặn, cho đến... một ngày nào đó cả bố cả mẹ không còn ở trên cõi đời này nữa...

Ông Nguyễn mơ màng nhắc:

- Còn nhớ một hôm mẹ con từ bên ngoài gọi điện thoại về nhà giọng bồi rối, nói với bố rằng “Anh ơi, anh tới đây với em được không?” Bố thắc mắc hỏi lại mẹ con “Ưa em đang ở đâu, mà sao không lái xe về, anh đang đợi em về để tụi mình đi thăm mấy đứa nhỏ mà”. Mẹ con giọng càng bồi rối trả lời rằng “Em cũng không biết tại sao, đang lái xe thì bỗng dưng không biết mình đi đâu, em muốn về nhà mà không biết đường nào để về, em dừng xe lại nghĩ mãi mà vẫn không ra, cho nên em mới gọi anh nè”. Bố nghe vậy ngạc nhiên và lo lắng quá hỏi mẹ con “Em cứ ở yên đó anh sẽ ra đó với em, nhưng mà em đang ở đâu?” Mẹ con nói “Có ông cảnh sát ở đây, anh nói chuyện với ông ta nhé”. Bố hết hồn vội vã hỏi “Trời ơi em bị gì mà có cảnh sát ở đó?” Mẹ con nói “Không, em không bị gì cả, tại cảnh sát thấy em đang đậu giữa khoảng đường vắng, nên ngừng xe lại hỏi em có cần giúp gì không. Vậy anh nói chuyện với ông ta nhé”... Nhờ cảnh sát cho biết mẹ con đang ở đâu, rồi con và bố chạy tới đón mẹ con về, con còn nhớ không? Mấy ngày sau bố đưa mẹ con đi bác sĩ, ông cho biết đó là triệu chứng của căn bệnh “Alzheimer’s disease”. Người

mắc phải bệnh này, mỗi ngày sẽ quên đi một chút, tới một ngày nào đó sẽ không còn nhớ gì về quá khứ của mình nữa... Mẹ con nghe nói vậy rất buồn, nhưng mẹ con không chịu thua. Tính của mẹ con, con biết rồi phải không, bà ta không bao giờ chịu thua nghịch cảnh cả, dù cho có gặp trăm ngàn khó khăn... Bởi vậy để chuẩn bị cho những ngày sắp tới với cái bệnh khôn kiếp này, mẹ con đã ngồi viết lại tất cả câu chuyện về cuộc đời của mẹ con, những gì mẹ con yêu mến, nhất là mối tình của bố với mẹ con. Và mẹ con dặn bố rằng, nếu một ngày nào đó căn bệnh này thật sự đến với mẹ con, thì bố phải giúp mẹ con tìm lại trí nhớ bằng cách đọc lại hay kể lại về cuộc đời của mẹ con cho mẹ con nghe. Mẹ con nghĩ làm như vậy sẽ giúp mẹ con nhớ lại tất cả mọi chuyện, sẽ lấy lại ký ức xưa kia. Và bố hằng ngày... hằng ngày đã đọc cho mẹ con nghe..

Nghe tới đây cô con gái, mếu máo:

- Nhưng mà đã nhiều năm rồi bố biết không, ngày nào bố cũng đọc bố không điên lên sao... Trời ơi, bố không điên thì con cũng sẽ điên lên mất... bố có biết không !!!

Cô ôm mặt khóc nức nở, khiến mấy đứa con của cô chúng nó sợ quá cũng khóc theo... Ông Nguyễn đứng dậy nói với con gái và con rể :

- Thôi... các con đưa các cháu về đi...

Rồi ông lặng lẽ trở vào... ông tự nhủ nhất quyết sẽ giúp bà Nguyễn tìm lại ký ức của bà, và cũng nhất quyết tìm lại người vợ thân yêu của mình cho dù...không biết đến bao giờ.

**HOÀNG DUNG**

Virginia 23/02/2009





# HOÀNG SA NHUỘM MÁU

## Lê Thương

Trận hải chiến đẫm máu ở Hoàng Sa-Trường Sa giữa Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa và Hải Quân Trung Cộng bắt nguồn từ ngày 11-1-1974 khi Trung Cộng lên tiếng tuyên bố các quần đảo này thuộc lãnh thổ của họ, đồng thời họ gởi nhiều tàu chiến nguy trang tàu đánh cá đổ quân lên các đảo lân cận.

Ngày hôm sau, 12-1-1974, Ngoại trưởng Việt Nam Cộng Hòa Vương Văn Bắc cực lực bác bỏ những luận điệu ngang ngược, vô căn cứ này và mạnh mẽ lên án trước dư luận thế giới về ý đồ xâm lăng của Trung Cộng. Để bảo tồn sự vẹn toàn lãnh thổ, ngày 15-1-1974, Bộ Tư Lệnh Hải Quân Việt Nam phái Tuần dương hạm Lý Thường Kiệt HQ16 ra tăng cường tuần tiễu và bảo vệ các quần đảo Hoàng Sa-Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam ta. Ngày xưa, vị anh hùng Lý Thường Kiệt mang gươm đi đánh Tống, ngày nay con tàu mang tên ông cũng đang lướt sóng trực chỉ Biển Đông, sẵn sàng chống giữ Hoàng Sa.

Hạm trưởng HQ16 là Hải Quân Trung tá Lê Văn Thụ, xuất thân từ Khóa 10 Trường Sĩ Quan Hải Quân Nha Trang, chiến hạm có chở theo phái đoàn Công Binh gồm Thiếu tá Hồng, 2 sĩ quan cấp úy và 2 trung sĩ Công Binh để khảo sát địa thế cho kế hoạch thiết lập một phi trường trên đảo này, ngoài ra còn có ông Gerald Emil Kosh thuộc cơ quan DAO của Hoa Kỳ ở Đà Nẵng đi theo cho biết đảo. Chiến hạm đến Hoàng Sa vào lúc chiều tối ngày 15-1-1974. Đêm đó con tàu bỏ neo trong vùng chờ trời sáng sẽ đưa phái đoàn vào đảo.

Đêm không trăng, bầu trời cao thăm thẳm lấp lánh những vì sao, tiếng sóng vỗ rì rào quanh mạn con tàu. Thật là đêm bình yên thơ mộng giữa trùng dương mênh mông đối với những chàng lính biển. Quân chúng Hải Quân như một người cha, luôn luôn mở rộng vòng tay âu yếm đón nhận những chàng trai trẻ mang mộng hải hồ vào đại gia đình “áo

trắng”. Có biết bao nhiêu thiếu nữ yêu kiều đã gởi con tim mình cho những người lính áo trắng mà “mỗi bến nước là một bến tình” cho nên bị dân gian “mắng yêu” bằng hai câu ca dao dễ thương:

*Đường nào dài bằng đường Trần Hưng Đạo,  
Lính nào xạo cho bằng lính Hải Quân.*

Buổi sáng ngày 16-1-1974, HQ16 cho xuồng đổ bộ phái đoàn Công Binh lên đảo Pattern, công tác hoàn tất tốt đẹp. Đến trưa, vị sĩ quan trực Quart 1200-1500H là Hải Quân Trung úy Đào Dân bỗng phát hiện một con tàu lạ trước mặt đảo Cam Tuyền (đảo Robert), chiếc tàu nhỏ, cỡ tàu đánh cá. Chiến hạm đánh đèn yêu cầu tàu lạ cho biết xuất xứ, đúng theo qui luật hàng hải quốc tế nhưng tàu lạ vẫn im lặng. Đề nghị sự chú ý và cũng đề đuổi tàu lạ ra khỏi lãnh hải, chiến hạm cho bắn chỉ thiên một tràng đại liên 30. Tiếng súng nổ đòn đã giữa buổi trưa yên tĩnh trên mặt biển nhưng đối tượng vẫn lì lợm, không nhúc nhích. Khi tàu ta đến gần hơn thì mọi người đều chung hừng vì tàu lạ là tàu Trung Cộng, mang cờ nền đỏ với các ngôi sao vàng ở ngay góc. Sự xuất hiện của chiến hạm Việt Nam cũng làm khuấy động sự sinh hoạt trên tàu Trung Cộng, hàng chục binh sĩ của họ lên boong nhìn sang tàu ta bằng những đôi mắt soi mói, kỳ lạ lẫn ngạc nhiên

Hạm trưởng HQ16 khẩn báo về Bộ Tư Lệnh Hải Quân để xin chỉ thị, đồng thời cho nhân viên dùng đèn, dùng cờ, dùng máy phóng thanh yêu cầu tàu Trung Cộng rời khỏi hải phận Việt Nam. Lúc đầu cuộc đối thoại như với người câm nhưng sau đó họ cũng dùng loa phóng thanh cầm tay yêu cầu ta ra khỏi lãnh hải Trung Quốc. Hai bên tiếp tục đấu võ mồm suốt cả buổi chiều ngày 16-1-1974 mà không bên nào nhượng bộ. Đêm đến, HQ16 phải lui ra xa để giữ an toàn cho chiến hạm. Buổi sáng ngày 17-1-1974, ta lại phát hiện thêm một tàu địch cạnh đảo Vĩnh Lạc (đảo Money) và hàng trăm lá cờ Trung Cộng được cắm dọc bờ biển. Chỉ có đảo

Cam Tuyền mà HQ16 đang ở gần là còn trinh bạch, chưa bị hoen ố bởi cái rừng cờ màu máu đó.

Ngay khi nhận được báo cáo của HQ16 phát hiện tàu Trung Cộng xâm phạm hải phận Việt Nam, Phó Đề Đốc Hồ Văn Kỳ Thoại, Tư Lệnh Hải Quân Vùng I Duyên Hải chỉ thị cho Khu trục hạm Trần Khánh Dư HQ4 ra Hoàng Sa tăng cường. Khu trục hạm Trần Khánh Dư, chiến hạm mang tên danh tướng đã oanh liệt chiến thắng trận Vân Đồn, mở đầu cho trận đại thắng quân Nguyên trên sông Bạch Đằng của quân dân ta dưới thời nhà Trần ra đến Hoàng Sa khoảng 2:00 giờ chiều ngày 17-1-1974, chờ theo một trung đội Người Nhái (Navy Seal).

Hạm trưởng HQ4 là Hải Quân Trung tá Vũ Hữu San, Khóa 11, khi nhập vùng đã hợp với HQ16 có những hành động tức thời để uy hiếp lực lượng Trung Cộng. Chiếc HQ16 vận chuyển từ phía Bắc Hoàng Sa xuống trong khi HQ4 từ phía Nam đảo Vĩnh Lạc tiến lên, tạo thế gọng kìm, kẹp chặt 2 tàu địch vào giữa. Thấy lực lượng Hải Quân Việt Nam được tăng cường, địch di chuyển ra khỏi đảo Cam Tuyền nhưng vẫn bám vùng. Tàu ta tiếp tục tiến đến gần hơn, sát tàu địch. Hai phe lại dùng loa phóng thanh trao đổi yêu sách, bên này đòi bên kia rời khỏi lãnh hải của mình. Địch không rời mà còn lái nhai mãi khiến Trung tá Vũ Hữu San tức giận, mặt ông đỏ gay, ông vung nắm tay về hướng tàu địch lúc đó đang ở rất gần, quát lớn “bọn bỏ láo”, đoạn ông ra lệnh cho HQ4 dùng mũi húc vào chiếc tàu địch này để đẩy nó ra. HQ4 to lớn, gỗ ghè, 3 tầng kiến trúc với đài chỉ huy cao ngều nghệu trong khi tàu Trung Cộng nhỏ hơn, thấp hơn nên bị tàu ta húc bể một lỗ lớn ở đài chỉ huy. Trước hành động quyết liệt này, 2 tàu Trung Cộng đành nhượng bộ, bỏ chạy về hướng đảo Duy Mộng và Quang Hòa.

Sau khi đuổi được hai tàu Trung Cộng, theo đặc lệnh hành quân, Tuần dương hạm HQ16 liền cho đổ bộ toán nhân viên cơ hữu của tàu gồm 15 người lên đảo Cam Tuyền, mang theo súng ống, đạn dược, máy truyền tin và lương khô đủ dùng trong 3 ngày, do Trung úy Lâm Trí Liêm chỉ huy. Toán đổ bộ này đã hoàn tất công tác dẹp cờ Trung Cộng và cắm cờ Việt Nam Cộng Hòa mà không gặp sự kháng cự nào của địch. Tiếp đó, HQ4 cũng

cho đổ bộ 13 nhân viên cơ hữu lên đảo Vĩnh Lạc. Tại đây, Trung Cộng có 3 tàu neo gần đó, khi thấy lực lượng Việt Nam đổ quân họ lạng lẽ rút lui mà không chống trả.

Đến khoảng 6:00 giờ chiều ngày 17-1-1974, phe Trung Cộng được tăng cường thêm 2 Hộ tống hạm Kronstadts mang số 271 và 274. Đặc tính của loại Kronstadt là mình hẹp, lườn thấp, có vận tốc cao để săn đuổi tàu ngầm, dài 170 ft, ngang 21.5 ft, 2 máy, 2 chân vịt, vận tốc 24 knots, trang bị 1 hải pháo 100 ly (3.5 inch) ở sân trước và 2 đại bác 37 ly ở sân sau, 2 giàn thả thủy lựu đạn (Depth Charges) và 2 giàn thả mìn, thủy thủ đoàn khoảng 65 người. Vừa tới, 2 chiếc Kronstadts này từ phía đảo Quang Hòa hùng hổ xả hết tốc lực về hướng HQ4 và HQ16 với thái độ khiêu khích, thách thức. Không một chút nao núng, với đội hình tác chiến, 2 chiến hạm ta hùng dũng rẽ sóng xông lên nghênh cản tàu địch, đồng thời đánh quang hiệu yêu cầu địch ra khỏi hải phận Việt Nam. Địch cũng dùng quang hiệu yêu cầu ngược lại. Đồi bên trao đổi tín hiệu gần một tiếng đồng hồ mà không có kết quả nhưng trước thái độ cứng rắn của Việt Nam Cộng Hòa, 2 chiếc Kronstadts đành nhập đoàn với các tàu Trung Cộng khác lui về bố trí tại hai đảo Quang Hòa và Duy Mộng.

Trong khi tình hình đang căng thẳng ngoài Hoàng Sa thì ở đất liền, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu bay ra Vùng I và được Phó Đề Đốc Hồ Văn Kỳ Thoại thuyết trình vào lúc 8:00 giờ sáng ngày 17-1-1974 về lịch sử, địa lý, tài nguyên, chủ quyền của Việt Nam Cộng Hòa cùng những diễn tiến giữa lực lượng ta và lực lượng Trung Cộng ở Hoàng Sa. Sau khi nghe thuyết trình, Tổng Thống Thiệu đã ra những chỉ thị cho Phó Đề Đốc Hồ Văn Kỳ Thoại và nhấn mạnh câu: “Đừng để mất một tấc đất”.

Được tin Trung Cộng gởi thêm quân và nhiều chiến hạm từ căn cứ Hải Quân Yulin ở đảo Hải Nam (Hainan) đến Hoàng Sa, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa cũng gởi thêm 2 chiến hạm, đó là Tuần dương hạm Trần Bình Trọng HQ5, chiến hạm mang tên dũng tướng với câu nói khí khái: “Ta thà làm quý nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc” và Hộ tống Hạm Nhật Tảo HQ10 tăng viện cho Hoàng Sa. Hạm trưởng HQ5 là Hải Quân

Trung tá Phạm Trọng Quỳnh, Khóa 11, còn Hạm trưởng HQ10 là Hải Quân Thiếu tá Nguyễn Văn Thà. Khóa 12. Cùng đi trên HQ5 có Hải Quân Đại tá Hà Văn Ngạc, Khóa 5, Chỉ huy trưởng Hải Đội 3 Tuần Dương, trực thuộc Bộ Tư Lệnh Hạm Đội, vừa được chỉ định làm Tư Lệnh Đặc Nhiệm Chiến Dịch Hoàng Sa và Đại tá Ngạc dùng HQ5 làm Soái hạm để chỉ huy cuộc hải chiến. Sự hiện diện của Đại tá Hà Văn Ngạc, một sĩ quan cao cấp, nhiều kinh nghiệm, đã từng tu nghiệp ở Đại Học Hải Chiến Hoa Kỳ làm cho mọi người thêm vững tâm, lên tinh thần. HQ5 cũng còn chở theo 49 chiến sĩ Hải Kích (Người Nhái). Tình hình vô cùng khẩn cấp mà HQ10 bị hư một máy chưa sửa chữa kịp chỉ chạy một máy thành thử vận tốc bị giảm khoảng 50%, thêm vào đó Radar của HQ10 cũng bị bất khiến dụng nên Đại tá Ngạc ra lệnh cho HQ5 tách đoàn, tăng vận tốc để ra Hoàng Sa càng sớm càng tốt. Khoảng 3:00 giờ chiều ngày 18-1-1974, HQ5 ra đến Hoàng Sa. Lúc đó lực lượng của đôi bên như sau: ta có Khu trục hạm HQ4, 2 Tuần dương hạm HQ5 và HQ16, còn phía Trung Cộng có 2 Hộ tống hạm Kronstadts mang số 271 và 274, được coi là chủ lực của địch với 2 tàu chở quân vũ trang mang số 402 và 407 cùng một tàu vận tải và một ghe buồm.

Vừa nhập vùng, Đại tá Hà Văn Ngạc ra lệnh cho 3 chiến hạm chuẩn bị cuộc phô diễn lực lượng để thăm dò phản ứng địch. Đi đầu là Tuần dương hạm HQ16 rồi đến HQ5, sau cùng là HQ4 với các khẩu hải pháo 127 ly (5 inch), 76.2 ly và các đại bác 40 ly đơn, đại bác 40 ly đôi (2 nòng), đại bác 20 ly như sẵn sàng nhả đạn vào quân thù trong khi 3 lá đại kỳ nền vàng 3 sọc đỏ của Việt Nam Cộng Hòa tung bay ngạo nghễ trên 3 cột buồm giữa gió chiều Hoàng Sa. Trong lúc các chiến hạm đang rēsóng thì các dàn Radars không lồ quay chậm chậm có nhiệm vụ phát hiện rồi cung cấp các dữ kiện để đo khoảng cách, hướng đi và vận tốc của tàu địch. Với 3 chiến hạm bệ vệ, bệ thế lực lượng phe ta trông oai dũng và “ngầu” lắm. Đoàn tàu tiến theo đội hình hàng dọc từ phía Nam đảo Pattern trực chỉ về hai đảo Quang Hòa và Duy Mộng, tất cả đều 2 máy tiến 2, cách khoảng nhau 500 mét. Khi vừa chạy được độ hai hải lý thì 2 chiến hạm

chủ lực 271 và 274 của Trung Cộng đang nằm im trong vùng biển cũng nổ máy, tăng tốc và cũng theo đội hình hàng dọc tiến thẳng về hướng đội hình tàu Việt Nam. Chiến hạm của Trung Cộng chạy rất nhanh, hai máy tiến full để lại đằng sau những bọt nước trắng xóa. Khi đến cách đoàn tàu ta chừng một hải lý, chiếc đầu của địch bỗng quay trái, được một đoạn ngắn lại quay ngược chiều 180 độ chạy băng ngang trước mũi HQ16. Vừa qua khỏi chúng lại lộn ngược trở lại về phía phải để vẽ một đường ngang khác trên mặt nước. Rồi chiếc thứ hai của chúng cũng lập lại những động tác y như chiếc đầu để cuối cùng đường giăng ngang của chúng vẽ nên chỉ cách tàu ta khoảng 150 mét. Trước thái độ khiêu khích của địch khiến phe ta khó xử. Dùng vũ lực thì chưa có lệnh, còn tiếp tục tiến có thể gây tai nạn đụng tàu vì tàu Trung Cộng chạy quá nhanh mà khoảng cách lại quá gần. Cuối cùng đoàn tàu được lệnh quay mũi theo hàng dọc trở về hướng Bắc. Thế là cuộc phô diễn lực lượng coi như hoàn tất.

Đến khoảng 10:00 giờ tối ngày 18-1-1974 chiếc HQ10 ra đến nhập đoàn với các chiến hạm Việt Nam. Đêm 18 rạng ngày 19-1-1974 nhằm đêm 29 Tết Nhâm Dần cũng là đêm cực kỳ căng thẳng. Trời tối thui như mực, các tàu Trung Cộng vẫn tiếp tục khiêu khích, tiến đến gần đảo Hoàng Sa, trên các tàu ta còi nhiệm sở tác chiến báo động liên hồi. Chiến hạm HQ4 phải dùng đèn hồ quang cực sáng trên nóc đài chỉ huy rọi thẳng vào đội hình tàu địch và đánh quang hiệu yêu cầu họ ra khỏi lãnh hải Việt Nam cho đến khi tàu Trung Cộng rút lui tình hình mới dịu hơn. Đêm đó, tất cả các chiến hạm Việt Nam được lệnh trong tư thế Zebra, nghĩa là không để lọt ánh sáng ra ngoài hầu tàu địch không phát hiện được vị trí.

Mặc dù phía Trung Cộng phản ứng mạnh, lực lượng Việt Nam vẫn tiến hành kế hoạch đồ quân tài chiếm đảo Quang Hòa như đã dự định. Lúc 6:50 giờ sáng ngày 19-1-1974, lực lượng đồ quân được chia làm hai toán. Toán Biệt Hải trên HQ4 được lệnh đổ bộ lên mặt Nam trong khi toán Hải Kích (Người Nhái) trên HQ5 đổ bộ lên mặt Tây Nam. Phần lớn sĩ quan và binh sĩ của toán Hải Kích được huấn luyện ở trường NAVY SEAL của Hoa Kỳ.

Lực lượng đổ bộ gồm toàn những thành phần được huấn luyện tinh nhuệ, thiện chiến nhất của Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa. Ngay khi đặt chân lên bia đảo, cả hai toán đều bị quân Trung Cộng đông hơn, dùng hỏa lực cực mạnh từ các chiến hào bắn xối xả khiến lực lượng đổ bộ không thể nào tiến sâu vào trung tâm đảo. Tình hình lúc bấy giờ thật nguy cấp và bất lợi cho lực lượng Việt Nam nhưng vì tuân hành thượng lệnh, quyết tâm bảo vệ lãnh thổ nên vào lúc 9:00 giờ sáng, toán Hải Kích được lệnh vượt lên trước. Hạ sĩ Người Nhái Đỗ Văn Long là chiến sĩ đầu tiên vừa nổ súng vừa xung phong vào đảo liền bị hỏa lực địch bắn tử thương. Trung úy Lê Văn Đơn nhào lên để thu hồi tử thi của đồng đội lại cũng bị đạn thù quật ngã. Trước quân số đông hơn và hỏa lực mạnh hơn của địch nên cả hai toán được lệnh rút về tàu với xác của Trung úy Đơn và các chiến sĩ bị thương khác, còn xác của Hạ sĩ Long đành bỏ lại trên đảo vì nếu cố gắng vào thu hồi sẽ gây thêm nhiều thương vong.

Anh Chị Đơn vừa có đứa con trai lên 2 tuổi, giống Anh như đúc, đặt tên là Lê Văn Nguyên. Cha tên Đơn đặt tên con là Nguyên. Sau khi Anh Đơn hy sinh, Chị Đơn đã đổi tên con thành Lê Hoàng Sa để tưởng niệm nơi cha cháu đã chiến đấu cho sự vẹn toàn lãnh thổ và đã anh dũng nằm xuống!

Cuộc đổ quân tái chiếm đảo thất bại vì địch đông hơn, hỏa lực mạnh hơn, 2 chiến sĩ đã đền nợ nước, một số khác bị thương, giặc đã chiếm đất, chiếm nhà của ta “*Cái nhà là nhà của ta, công khó ông cha lập ra, cháu con phải gìn giữ lấy*” cho nên Hải Quân Đại tá Hà Văn Ngạc ra chỉ thị cho các chiến hạm chuẩn bị tấn công, đánh đuổi quân xâm lăng ra khỏi bờ cõi. Các chiến hạm đều ở trong tình trạng chiến đấu toàn diện, còi nhiệm sở tác chiến rú lên dồn dập, liên hồi như thúc giục bước chân của các chàng lính thủy chạy nhanh hơn vào các nhiệm sở chiến đấu. Tất cả thủy thủ đoàn với áo giáp, phao nổi, nón sắt ngồi trong các ụ hải pháo chờ lệnh khai hỏa, sẵn sàng tác xạ tiêu diệt địch. Sau khi các đài chiến báo (CIC) từ các chiến hạm báo cáo “sẵn sàng” thì từ Soái hạm HQ5, Hải Quân Đại tá Hà Văn Ngạc, Tư Lệnh Chiến Dịch Hoàng Sa ban hành lệnh “khai hỏa” hồi 10 giờ 24 phút sáng ngày 19-1-1974. Trận hải chiến bắt đầu.

Trong khi tấn công, các chiến hạm Việt Nam theo đội hình tác chiến vòng cung, xông thẳng vào tàu địch, một đối một, tác xạ đồng loạt. Máy tàu rú lên tăng vận tốc, chân vịt gầm gừ ra sức đẩy con tàu nhanh thêm, mũi tàu xé nước trùng dương lướt tới, các chiến sĩ ta mắt sáng quắc đang nhả đạn vào đoàn tàu xâm lăng như mưa. Sóng Hoàng Sa làm sóng lại Tiếng Sóng Vân Đồn, khí thế Bạch Đằng Giang đang sôi sục trong huyết quản các chiến sĩ Hoàng Sa... “*Đây Bạch Đằng Giang, sông hùng dũng của nòi giống Tiên Rồng, giồng Lạc Hồng, giồng oai hùng Nam-Bắc-Trung...*” (Hải Quân Hành Khúc). Khói lửa bốc lên mịt mù, không khí khét lẹt mùi thuốc súng trong buổi bình minh trên Biển Đông. Tiếng đạn hải pháo xé gió rít lên những âm thanh nghe rợn người, đạn rơi lùm chùm trên mặt biển, đạn nổ quanh tàu bắn tung những cột nước lên cao, thân tàu run lên bần bật vì trúng đạn. Một chiến sĩ ta bị trúng đạn địch ngã xuống thì chiến sĩ khác phóng lên ôm súng nhả đạn vào tàu địch xâm lăng, hai chiến sĩ ta ngã xuống thì có hai chiến sĩ khác nhào lên tiếp tục ghi súng chiến đấu chống giữ Hoàng Sa ngàn đời máu thịt của Việt Nam ta.

Hồn thiêng sông núi như đang cất những tiếng cười ngạo nghễ giữa tiếng súng nổ đạn bay vì Tổ Quốc Việt Nam đã có những người con hào hùng như các chiến sĩ Hoàng Sa:

*Cuối hàng thế kỷ thứ hai mươi,  
Chống giữ Hoàng Sa cũng lắm người!*

(*Thơ của Ngọc Giao Nguyễn Đình Nhạc*)

Trận hải chiến tiếp diễn khốc liệt, với chiến thuật “tốc chiến, tốc thắng”, các chiến hạm Việt Nam chiếm được thế thượng phong vì bắn trước với cỡ súng lớn hơn. Các tàu địch bị thiệt hại nhiều trong những phút đầu của cuộc giao tranh, chiếc Hộ tống hạm Kronstadt 271 của địch bị trúng hải pháo 76.2 ly và 40 ly của HQ4 nên không còn khả năng tác chiến sau đó phát nổ và chìm. Hạm trưởng chiếc này là Đại tá Vương Kỳ Uy bị tử thương với một số thủy thủ đoàn. Nhưng cũng như những chiến hạm khác của ta, HQ4 cũng là mục tiêu khá lớn cho tàu địch nên cũng bị trúng nhiều vết đạn. Một trái hải pháo địch thổi bay hệ thống hút không lò của HQ4. Trong lúc hỗn chiến, bộ phận quan sát

bằng ống dòm trên nóc đài chỉ huy của HQ4 báo cáo có hai tàu địch đang đuổi theo. HQ4 liền tăng vận tốc tối đa và vận hành theo đội hình tác chiến Zig Zag, uốn lượn như con rắn nên tránh được các quả hải pháo của 2 tàu địch đang đuổi theo. Ngay lúc đó, chiếc HQ5 cũng vừa trở tới, cắt ngang đuôi HQ4, phóng vào 2 tàu địch đang đuổi theo HQ4. Những khối cầu lửa từ khẩu 127 ly trước mũi HQ5 bay thẳng về hướng 2 tàu Trung Cộng, một chiếc của địch bị trúng đạn bốc cháy, khói lên ngàn ngút, chiếc còn lại quay ngang bỏ chạy mất dạng. Chiếc HQ4 bị thiệt hại nhẹ so với các tàu khác, máy móc chính, hệ thống điện, hệ thống truyền tin vẫn trong tình trạng khiên dụng tốt và con tàu vẫn còn khả năng tác chiến. Về nhân mạng, HQ4 có hai chiến sĩ là Hải Quân Thiếu úy Nguyễn Phúc Xá và Hạ sĩ nhất Vận chuyển Nguyễn Thành Danh hy sinh cùng một số đoàn viên khác bị thương. Anh Danh bị trúng đạn nơi ngực thoi thóp trên băng-ca, ngực đầy bông băng nhuộm máu, Thượng sĩ Giám lộ Lữ Công Bảy rờ lên trán thấy nóng hổi và hỏi Anh có khỏe không, Anh mở mắt gật đầu nhưng sau đó lịm dần rồi vĩnh viễn ra đi.

Chiến hạm của Trung Cộng bị trúng đạn của HQ5 bốc cháy nơi trên là chiếc Hộ tống hạm Kronstadt 274. Sau khi bị trúng đạn, chiếc này phải ủi vào bãi san hô để tránh bị chìm nhưng sau đó cũng bị phá hủy hoàn toàn. Chiếc này cũng là Soái hạm của địch do Đô Đốc Phương Quang Kính làm Tư Lệnh, chỉ huy cuộc hải chiến. Đô Đốc Phương Quang Kính còn là Tư Lệnh Phó Hải Đội Nam Hải của Trung Cộng. Ngoài Hạm trưởng là Đại tá Quang Đức tử thương, toàn bộ tham mưu của Soái hạm địch gồm Đô Đốc Phương Quang Kính, 2 Đề Đốc, 4 Đại tá, 6 Trung tá, 2 Thiếu tá và 7 sĩ quan cấp úy đều tử thương. Về phần HQ5 cũng bị trúng đạn nhiều nơi, con tàu đầy vết đạn của địch. Các ô hải pháo 127 ly và 40 ly đôi trước mũi bị trúng đạn nên trở ngại tác xạ, chỉ còn khẩu 40 ly bên tả hạm và 2 khẩu 20 ly là còn sử dụng được. Chính khẩu 40 ly này do Thượng sĩ Trọng pháo Tài làm trưởng khẩu đã khắc đạn tới tấp không cho tàu địch xấp lại gần. Lửa bốc cháy và nước tràn vào nhiều nơi, Hạm trưởng phải ra lệnh làm ngập nước hầm đạn 127 ly để tránh đạn phát nổ vì lửa cháy và điện

## TÌM CHÚT DƯ HƯƠNG

Mai tôi về sẽ thăm trường cũ  
Có nhắn gì không người bạn xưa  
Tháng sáu phượng hồng đang trở nụ  
Nghe buồn theo nắng bóng đong đưa.

Con đường tan học mình chung lối  
Xa lạ mất rồi theo tháng năm  
Một thoáng nhớ nhung bờ tóc rối  
Chỉ còn thăm lặng mắt xa xăm.

Có thể nào ta quay trở lại  
Như thời áo trắng rất ngây thơ  
Trao nhau triu mến hồn e thẹn  
Tập viết bài thơ phút ngắn ngủi.

Chân tình êm đẹp nét trinh nguyên  
Lòng thoáng thăm mơ lạc cõi tiên  
Cánh cửa tương lai đang rộng mở  
Lầu hoa gối mộng mới tơ duyên.

Tôi vẫn còn thương ngày tuổi dại  
Từng đàn bướm trắng cánh tung bay  
Nhìn em đáng nhớ qua hè phố  
Ngỡ ngẩn anh theo cả đoạn dài.

4-09

ĐT MINH GIANG

(Louisiana)

chạm. Tuy bị hư hại khá trầm trọng nhưng HQ5 không có nguy cơ bị chìm và sau đó cơ khí trường

là Thiếu tá Trần Đắc Nguyên, một sĩ quan cơ khí nhiều kinh nghiệm đã điều động nhân viên ra sức dập tắt các đám cháy và hàn bít các lỗ thủng nước đang tràn vào, sửa chữa các máy móc bị hư hỏng nên một thời gian ngắn sau đó con tàu đã trở lại tình trạng hoạt động gần như bình thường. Về nhân mạng, HQ5 có 1 sĩ quan và 2 hạ sĩ quan hy sinh, 3 sĩ quan cùng 4 hạ sĩ quan và 9 đoàn viên bị thương nặng nhẹ.

Về phần HQ16, sau khi dùng các khẩu 127 ly và 40 ly bắn hư hại chiếc Trục lõi hạm 389 của Trung Cộng khiến Hạm trưởng là Trung tá Triệu Quát bị tử thương, Tuần dương hạm HQ 16 cũng bị trúng nhiều hải pháo hư hải nặng. Hầm đạn 127 ly trước mũi bị thủng một lỗ lớn, nước tràn vào mỗi khi mũi tàu chúc xuống nên phải cô lập. Máy điện cũng bị trúng đạn, dây điện bị đứt nhiều nơi, hầm máy chỗ nào cũng bị chạm điện khiến những nhân viên có phận sự ở khu vực này bị điện giật nên phải di tản. Nguy hơn nữa là hông tàu ngay hầm máy tả bị đạn hải pháo địch bắn trúng phá một lỗ lớn ngang tầm nước làm nước biển tràn vào như thác lũ, chiến hạm mỗi lúc nghiêng thêm về bên trái và có nguy cơ bị chìm. Sau cùng, nhờ sĩ quan cơ khí trưởng là Đại úy Hiệp đôn đốc nhân viên ra sức cô lập hầm máy tả nên chiến hạm vẫn tiếp tục vận chuyển được bằng máy bên hữu. HQ16 chỉ có một chiến sĩ hy sinh, đó là Trung sĩ Điện khí Xuân đã đền nợ nước. Trung úy Bình đã vượt mắt và cùng các y tá cầu nguyện cho Anh bằng Thánh Kinh dù không rõ Anh tôn giáo nào.

Còn Hộ tống hạm Nhật Tảo HQ10 là chiến hạm nhỏ nhất, hỏa lực yếu nhất trong số các chiến hạm Việt Nam tham chiến, ngoài ra tình trạng kỹ thuật cũng không khả quan cho lắm vì hư một máy, vận chuyển, xoay trở chậm chạp nên bị trúng nhiều đạn. Một trái hải pháo 100 ly của địch bắn trúng đài chỉ huy, đốn ngã tất cả các nhân viên có phận sự tại đây. Hạm trưởng Hải Quân Thiếu tá Nguyễn Văn Thà và Hạm phó Hải Quân Đại úy Nguyễn Thành Trí đều bị thương nặng. Kế tiếp, một trái hải pháo khác trúng ngay hầm máy làm cho chiến hạm tê liệt, hoàn toàn bất khiển dụng, trôi lơ đờ, lênh bênh trên mặt biển làm mục tiêu cho tàu địch tác xạ xối xả. Số thương vong của

HQ10 rất nặng và nhiều chiến sĩ chết như Trung úy Vũ Văn Bang, sĩ quan Đệ Tam tại Trung Tâm Chiến Báo (CIC); Trung úy Cơ khí Ngô Chí Thành chết ở phòng máy; Trung úy Nguyễn Văn Đông chết tại khẩu 76.2 ly ở sân trước; Hạ sĩ Vận chuyển Lê Văn Tây, người Ban Mê Thuật nhưng yêu màu áo trắng, yêu mộng hải hồ nên sau khi lấy bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp gia nhập Hải Quân và đền nợ nước bằng cách ghi khẩu súng cho đến giờ phút chót; Thủy thủ Cơ khí Đinh Hoàng Mai ôm khẩu 20 ly bắn che cho các đồng đội trên bè đào thoát, bạn bè gọi xuống bè ra đi nhưng không chịu xuống, ở lại chết theo con tàu... và còn nhiều chiến sĩ khác đã liệt oanh nằm xuống mà ở đây không đủ giấy mực để kể cho hết.

Những người còn sống sót diu dắt các chiến hữu bị thương lên 5 chiếc phao tập thể, tất cả là 28 người, kể cả Hạm phó Nguyễn Thành Trí. Riêng Hạm trưởng Nguyễn Văn Thà từ chối ra đi mặc dù các chiến hữu yêu cầu nhiều lần. Anh ở lại chết theo con tàu đúng với truyền thống cao đẹp của Hải Quân và Hàng Hải. Trên đường đào thoát, có 8 chiến sĩ, trong đó có Hạm phó Nguyễn Thành Trí bị chết vì các vết thương trước khi được chiếc tàu dầu Hòa Lan Skopionella cứu vớt vào đêm 22-1-1974. Khi các chiến sĩ ta được vớt lên, chính tay nhị vị phu nhân của Thuyền trưởng và Thuyền phó tàu này đã tận tình băng bó, săn sóc các vết thương, đút từng muỗng cháo cho các chiến sĩ Việt Nam thể hiện tình người bao la. Thật là một nghĩa cử đẹp không bao giờ quên được!

Trong trận chiến, HQ10 đã mượn đáy biển Hoàng Sa làm mồ dưỡng sĩ, mang theo 42 người con yêu của Tổ Quốc, kể cả Hạm trưởng Hải Quân Thiếu tá Nguyễn Văn Thà, Khóa 12, sinh ngày 16-1-1943 tại Trảng Bàng, Tây Ninh. Anh lập gia đình với Chị Huỳnh Thị Sinh. Chị Sinh còn rất trẻ, chưa tới tuổi 30. Hai Anh Chị có được 2 người con gái, còn rất nhỏ, cháu đầu 4 tuổi, cháu sau 2 tuổi. Cùng chết theo tàu có Trung úy Vũ Văn Bang, ngày tàu rời Sài Gòn đi công tác, Anh Bang có đem theo tấm hình của đứa con gái đầu lòng chưa đầy tháng để khoe với bạn bè. Khi chết, tấm hình của cháu vẫn còn nằm trong túi áo trận trên ngực Anh, được bọc bằng giấy ny-lon cho không bị ướt:

*Sóng biển chiều nay cuộn cuộn quá,  
Còn đây uy dũng pháo Hoàng Sa.  
Vành khăn tang trắng đầu con trẻ,  
Kính buồn vịnh biệt tiếng cười cha!  
(Thơ Nguyệt Trinh)*

Còn Trung sĩ Giám lộ Vương Thương, cũng thuộc HQ10 đã chết trên bè đào thoát. Anh đã hy sinh cho đất nước trước ngày làm lễ cưới. Lễ ra Anh đã được đi phép cưới vợ, giấy phép đã cầm trong tay nhưng Hạm trưởng động viên Anh ở lại đi công tác chuyển này vì Anh quá rành quần đảo Hoàng Sa. Ngày tàu nhổ neo rời bến, người vợ sắp cưới ra tận cầu tàu tiễn chân Anh, nàng âu yếm nắm chặt tay người yêu như trao tất cả tình thương và hẹn ngày Anh về hai người sẽ làm đám cưới trọn đời yêu nhau cho vẹn lời nguyện trăm năm kết tóc xe duyên... nhưng:

*Lần tiễn đưa hôm ấy một lần thôi,  
Là chiến sĩ một đi không trở lại!  
(Giòng Lệ Cuối – Phạm Từ Quyên)*

Riêng toán đồ bộ lên đảo Cam Tuyền của HQ16, khi trận hải chiến xảy ra, HQ16 không thể vớt họ được vì đang chiến đấu với tàu địch nếu tàu ngừng lại để vớt họ thì con tàu sẽ là mục tiêu bắt động cho tàu địch vì thế Hạm trưởng Lê Văn Thự liên lạc bằng máy truyền tin với Trung úy Liêm, sau khi thông báo tình hình bất khả kháng của chiến hạm, ông đã động viên anh em dùng bè đào thoát, cố vượt ra khỏi vùng giao tranh, đồng thời yêu cầu mọi người thông cảm sự bất lực của ông trước tình hình hiện tại vì ông đang mang trách nhiệm về sự an toàn của con tàu và sinh mạng của hàng trăm thủy thủ đoàn. Càng nói, trông ông càng đau đớn, đôi mắt đỏ hoe như ông đang muốn khóc vì không vớt được các chiến hữu và đồng đội của ông!

Sau đó, toán đồ bộ này dùng bè cao su vượt thoát ngay tức khắc trong lúc cuộc hải chiến đang xảy ra... Khi họ đang lênh đênh trên những xuồng đào thoát, một chiến hạm địch bị trúng đạn của phe ta, cả toán 15 chiến sĩ này biểu lộ tinh thần yêu nước cao độ bằng cách tất cả cùng giơ cao những cánh tay và đồng ca bản “Việt Nam – Việt Nam” (Việt Nam, Việt Nam nghe từ vào đời... Việt Nam

nước tôi...) Và sau 10 ngày chống chọi với sóng gió, đói khát các chiến sĩ ta được ngư dân ở Qui Nhơn cứu sống. Chỉ có một chiến sĩ hy sinh sau khi đã lên thuyền ngư dân, đó là Hạ sĩ Quán kho Nguyễn Văn Duyên. Từ tận đáy lòng Mẹ Việt Nam họ là những người con kiêu hùng của Mẹ về từ Tổ Quốc Đại Dương.

Sau trận hải chiến, khoảng 7:00 giờ sáng ngày 20-1-1974 đoàn chiến hạm ta về đến bến thương cảng Đà Nẵng nhưng đoàn tàu vắng bóng HQ10. Trên bến, đồng bào đứng đông nghịt, chen chúc nhau tiếp đón các chiến sĩ Hoàng Sa bằng một rừng biểu ngữ với các khẩu hiệu: “*Hải Quân Việt Nam quyết tâm bảo vệ lãnh thổ đến giọt máu cuối cùng*” “*Hoan hô tinh thần chiến đấu anh dũng của các chiến sĩ Hải Quân tham dự Hải Chiến Hoàng Sa*” “*Hoan hô tinh thần bất khuất của các chiến sĩ Hải Chiến Hoàng Sa*”.

Chiến sĩ Hoàng Sa, các Anh rất xứng đáng được vinh danh là những người con yêu của đất nước! Các Anh đã không phụ lòng những bà mẹ hiền đã âu yếm trao các Anh cho đất nước khi các Anh vừa khôn lớn. Các Anh cũng không phụ lòng mái quân trường đã đào tạo các Anh thành những người trai thời chiến. Các Anh cũng không phụ lòng đồng đội, chiến hữu khi các Anh xông pha trong các chiến trường lửa đạn. Và các Anh cũng không phụ lòng đồng bào đã trao trọn niềm tin nơi các Anh. Lĩnh nào cũng là lính, lĩnh nào cũng đóng góp xương máu cho quê hương đất nước và các Anh cũng vậy, các Anh đã đại diện màu áo để góp máu cho Tổ Quốc.

Trận Hải Chiến Hoàng Sa đã nói lên hùng tính Việt tộc, đồng thời nói tiếp tinh thần chống Bắc xâm của dân tộc ta. “*Hải Chiến Hoàng Sa*” là một bản hùng ca phụ vào với “*Bạch Đằng Giang*” - “*Tiếng Trống Mê Linh*” - “*Gò Đống Đa*” để tô đậm thêm những nét son cho giòng Sứ Việt.

## Lê Thương

Richmond - Virginia - 6 - 2009

E-mail: <lethuong2007@hotmail.com>

# TIẾNG THỞ DÀI

## Hồng Thủy

Sáng Chủ Nhật, Thảo đang còn nằm trên giường, cố nhắm mắt níu kéo giấc ngủ quá ngắn, đang muốn vụt biến đi thì chuông điện thoại reo. Nàng với tay lấy cái điện thoại ở đầu giường. Đáp lại tiếng “A-lô” mệt mỏi của nàng là giọng trong trẻo rộn rã của cô con gái:

- Sorry! Mẹ đang ngủ hả? Đêm qua con cũng thức khuya lắm, vậy mà không sao ngủ thêm được. Con quen dậy sớm rồi.

- Làm gì mà thức khuya vậy?

- Con đọc mấy truyện ngắn trong tờ báo mẹ cho con mượn.

- Vậy à, có truyện nào hay không?

- Chả biết có gọi là hay được không nhưng hấp dẫn, gây cuốn lắm. Còn có truyện đọc xong con điên cái đầu, chả hiểu họ muốn nói gì cả.

Nàng chưa kịp hỏi thêm thì con gái lại tiếp:

- Họ viết tục lắm mẹ ơi! Chửi thề, văng ra đủ thứ. Còn tả tình, tả cảnh cứ ghê gớm như là coi phim “sex” vậy. Con nghĩ tức cười quá, có những truyện như vậy, mà mẹ lại bảo cho thằng Nam đọc để nó trau dồi văn chương Việt Nam.

Đang ngật ngữ vì thiếu ngủ, Thảo tỉnh người ra vì lời con gái. Nàng cảm thấy quê quá. Tờ báo họ mới gửi đến, nàng chưa kịp đọc thì cô con gái sang chơi. Nàng đưa tờ báo cho con mượn và dặn dò “Bảo này là báo văn học, có nhiều truyện hay lắm. Con mang về cho cháu Nam đọc để nó trau dồi văn chương Việt Nam?”

Nam là thằng cháu ngoại lớn nhất của nàng. Năm nay Nam đã 15 tuổi. Nàng rất hài

lòng là thằng cháu rất thích học tiếng Việt, xứng đáng với tên Bảo Nam nàng chọn cho nó. Bảo Nam là nước Việt Nam quý giá của nàng. Với tất cả cố gắng của mẹ và bà ngoại, bảo Nam đã đọc và viết được tiếng Việt khá thông thạo.

Nàng không ngờ số báo này họ lại đăng truyện như vậy. Tuy nhiên, nàng cũng cố chống chế cho tờ báo mà nàng yêu thích:

- Báo này họ thường chỉ đăng những truyện của các nhà văn nổi tiếng. Mà một số các nhà văn nổi tiếng lúc sau này có lối viết rất bạo. Họ cố ý dùng những danh từ thật tục ở ngoài đời đem vào những mẫu đối thoại trong chuyện. Họ cố ý mô tả những cảnh ái ân bằng những lời văn trắng trợn và gợi hình nhất, không cần né tránh gì cả. Có lẽ họ muốn sáng tạo ra một lối viết mới lạ, đặc biệt. Cũng như một số nhà văn lại thích viết những đoạn văn thật bí hiểm, những lời thơ thật lạ lùng. Đọc tới, đọc lui, suy nghĩ hoài đọc giả loại bình thường như mẹ con mình không thể hiểu được họ muốn nói gì, viết gì. Nhưng mà họ là những nhà văn lớn, những tên tuổi quen thuộc, nên các báo vẫn thích đăng bài của họ.

- Con chẳng hiểu gì về các nhà văn lớn. Nhưng con nghĩ rằng mình đang sống trên đất Mỹ mà vẫn cố gắng làm sách báo bằng tiếng Việt, viết văn, viết truyện bằng tiếng Việt tức là mình muốn phổ biến và bảo toàn văn hóa Việt. Như vậy, mình phải nghĩ đến những người đọc, nhất là giới trẻ, sinh đẻ trên đất Mỹ không biết gì về văn hóa Việt Nam. Khi chúng đọc được những câu chửi thề tục tũ, những câu văn trắng trợn gợi dục như vậy, nó dễ nhập tâm lắm. Mai một chúng ăn nói tục tằn, làm những chuyện bậy bạ làm sao trách chúng được. Chúng học trong những truyện người lớn viết mà.



# Bóng Trăng Tà

Trăng tà bóng cũng ngần ngợ  
Tình trần huyệt hẫng bên bờ đau thương  
Ước mơ giấc mộng bình thường  
Âm vang lớp sóng trùng dương rạt rào

Nghe như tiếng hát năm nào  
Vườn xưa bướm lượn lao xao bồi hồi  
Hương ngâu đã thoảng qua rồi  
Tĩnh ra thì cũng đành thôi ngậm ngùi.

Quỳnh Anh

(Virginia)

Thảo sống người ra vì những nhận xét, lý luận của con gái. Nhưng vẫn cố nói vớt vát:

- Ở trường người ta dạy trẻ con về “sex” lâu rồi, chúng đâu cần chờ đọc qua báo chí mới biết. Mẹ thấy con hơi lo xa đó.

- Mẹ ơi! Trường học người ta dạy về “sex” để trẻ biết hậu quả mà phòng ngừa chuyện mang thai và bệnh tật. Còn viết văn bừa bãi để trẻ con đọc bị ảnh hưởng là chuyện khác, làm sao mẹ so sánh như vậy được.

- Mẹ nghĩ còn tùy theo giáo dục gia đình của mình nữa. Mình dạy con cái kỹ lưỡng thì không sợ bị ảnh hưởng ở môi trường xung quanh.

- Thời buổi này mà mẹ nói chuyện như thời của mẹ vậy. Tụi con bận rộn đi làm đâu có được bao nhiêu thời giờ để canh chừng dạy dỗ con cái. Sách báo và phim ảnh gần gũi với chúng nhiều hơn là bố mẹ. Trẻ con Mỹ cầm súng bắn người dễ dàng là ảnh hưởng những màn bắn giết dữ dội qua phim ảnh. Bây giờ lại còn cái nạn phổ biến chuyện cờ bạc qua ti-vi nữa. Đánh “poker” mà họ làm như một trò chơi bổ ích. Họ bày đặt đánh “tournament”, rồi trao giải thưởng cả triệu đồng. Trẻ con bây giờ đua nhau chơi “poker”, lo luyện tập cho giỏi để hy vọng mai một thắng giải bạc triệu. Thay vì chăm học chữ thì chăm học đánh bài, kiếm tiền dễ và nhanh hơn.

Cô con gái nói một thôi, một hồi để trút hết những bất mãn, những lo lắng trong lòng về việc giáo dục con cái. Bà mẹ cứ ngồi thộn mặt ra nghe. Nó nói đúng quá, bà cũng chẳng làm sao cãi lại được. Cuối cùng bà mẹ tội nghiệp chỉ biết chép miệng thở dài.

HỒNG THỦY

(Maryland)

# CÓ MỘT NGÀY

Cho HM.

Có một ngày  
Bỗng gặp Lão Vi\*  
Có một ngày  
Bỗng Tần bạo chúa  
Gặp Tây Thi tân thời.  
Có một ngày  
Bão bỗng nổi trôi!  
Tàu anh song võ  
Tơi bời xác thân.  
Có một chiều  
Đã lênh đênh &  
Có huyền thoại kể  
Những tình khúc xưa.  
Có những chiều  
Theo Sóng đưa  
Thuyền trôi theo sóng  
Nhấp nhô biển đời.

Thuyền trôi theo ngọn gió khơi  
Lướt đi trong giữa biển đời  
mênh mông...

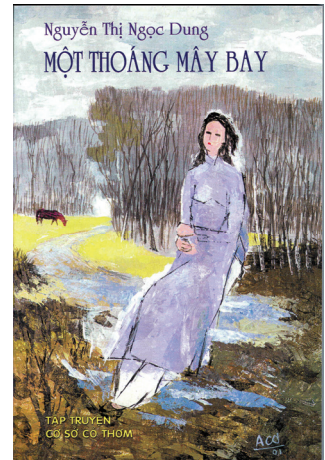
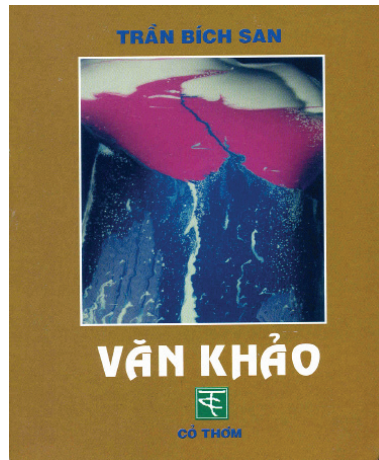
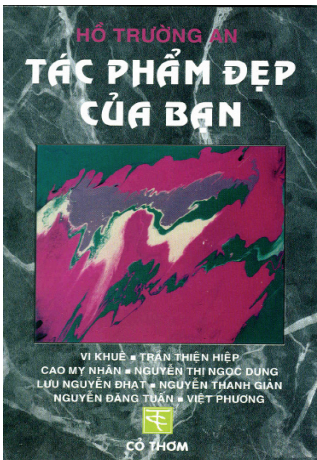
Rồi trời đâu...  
bỗng nổi giông  
Cơn phong ba...

Cuốn tuyệt không đường về  
Tàu anh đã lạc bến mê!  
Đường đi cũng khuất...  
Đường về...  
Mù khơi!

\* Lão Vi: Vi Vố. Điển xưa. Truyện kể:  
người lo việc se tơ kết tóc cho  
Trai / Gái thành đôi duyên ương.

## YÊN VI

(Minneapolis)



# Nhà văn Nguyễn Lân: Tìm Một Cõi Về

## Phạm Xuân Thái

**T**ìm Một Cõi Về, một tác phẩm mới của Giáo Sư Nguyễn Lân đã được trang trọng ra mắt tại hội trường James Lee Center, thành phố Falls Church, tiểu bang Virginia, ngày 30 tháng 5, 2009. Hơn 200 khách yêu văn chương vùng Hoa Thịnh Đốn và một số đông các cựu học sinh Gia Long, Quốc Gia Nghĩa Tử đã tham dự buổi ra mắt sách này.

Bà Kim Hà, một cựu học sinh Gia Long, học trò cũ của Giáo Sư Nguyễn Lân, đã lên giới thiệu về thân thế tác giả. Kim Hà cho biết: “Nhà văn Nguyễn Lân là thứ nam của nhà văn, nhà cách mạng Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long, một trong những trụ cột của nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Gia đình nguyên quán nơi phố cổ rất nổi tiếng của quê hương ta, phố cổ Hội an thuộc tỉnh Quảng nam, nhưng tác giả lại chào đời tại Hà Nội ngày 25 tháng 11 năm 1937. Là giáo sư giảng dạy bộ môn Sinh Vật bậc Tú Tài, là Trưởng Phòng Sinh Hoạt Học Đường, thời khóa biểu bận rộn, thế mà Nguyễn Lân đã dành hết khoảng thời gian quý báu còn lại, cống hiến rất nhiều cho Gia Long.

Ngoài việc giảng dạy, Nguyễn Lân còn có khả năng về kịch nghệ. Nguyễn Lân đã đạo diễn vở thi kịch đầu tiên “Tro Tàn Điện Ngọc” hay “Tây Thi Phạm Lãi”, và vở thoại kịch “Thành Cát Tư Hãn” năm 1971. Nguyễn

Lân vừa là đạo diễn, vừa thủ diễn vai chính đã đưa tên tuổi Nguyễn Lân vượt ra ngoài khuôn viên “kịch nghệ nhà trường”. Vở kịch được trình diễn ba đêm liền nhân kỷ niệm 50 năm thành lập trường nữ trung học Gia Long.

Tháng 4 năm 75, gần ba năm ở lại với quê hương, vào cuối năm 1977 Nguyễn Lân đã vượt thoát được khỏi chế độ Cộng Sản trên một chiếc thuyền bé nhỏ như chiếc lá chòng chành giữa đại dương. Rất may mắn

là chỉ sau ba ngày đêm lênh đênh trên biển cả, mưa gió dập vùi, đói khát, mệt lã, tất cả những người tị nạn đã được một tàu chở dầu Nhật vớt, đưa về Kobe.

Sau gần một năm cư ngụ tại Nhật, Nguyễn Lân tới Mỹ, đi học lại, và được lãnh làm công việc khảo cứu

về vi sinh cho hãng Flow Labs, ở McLean, Virginia. Ông viết sách Biology của chương trình song ngữ Indochina Institute tại Đại Học George Mason, tiểu bang Virginia. Xong chuyển sang nghiên cứu về thần kinh (não và tiểu não) tại Đại Học Georgetown, Washington DC mãi cho đến ngày nghỉ hưu.

Năm 1990, Nguyễn Lân lần bước vào nghề làm báo. Ông vừa là chủ bút vừa là cây viết trụ cột của tờ Tiếng Nói Thủ Đô, Nguyễn Lân viết đủ các tiết mục mỗi khi tờ báo thiếu bài. Sau đó, ông cộng tác thương xuyên với Tam Cá Nguyệt San Cổ Thơm, và các ấn phẩm của các cựu học sinh Gia Long trên toàn quốc. Năm 2003, ông cho ra đời tập



truyện ngắn Sôi Nổi. Sôi Nổi đã được quan tâm trong giới yêu văn chương tại hải ngoại.

Bà Kim Hà sau đó đã giới thiệu tác giả Nguyễn Lân nói về tác phẩm *Tim Một Cõi Về*.

Tác giả Nguyễn Lân đã cảm ơn khách tham dự, ban chủ biên Tam Cá Nguyệt San Cổ Thơ, các cựu giáo chức và học sinh Gia Long, Quốc Gia Nghĩa Tử. Ông xin tự giới thiệu về tác phẩm của mình, một việc tưởng dễ nhưng không phải dễ khi tự nói về mình.

Ông cho biết: “Chúng ta đang sống, đang thụ hưởng những gì ta có thể làm được trên thế gian này. Mỗi ngày qua đi, chúng ta càng bước tới gần nắm mồ của mình. Nói thế, nghe rợn người và đáng sợ. Sao ta không nghĩ, mỗi ngày qua đi, ta càng tới gần chân lý, càng gần một nơi vĩnh cửu đẹp và thơ mộng như ta hằng mơ ước?”

Nhưng ta chưa sửa soạn cho NGÀY VỀ đó vì ta còn nhiều việc phải làm, nhiều chương trình chưa hoàn tất, nhiều ước muốn chưa thực hiện, và ngay cả tình yêu... nhiều khi chưa trọn vẹn. Vì thế trước lần về cuối cùng, chúng ta vẫn phải có một chỗ về tạm bợ nhưng dễ chịu, thoải mái nơi trên trần thế. Đây là con đường chúng ta đang đi, con đường của *Tim Một Cõi Về*.”

Trong cuốn *Tim Một Cõi Về* (TMCV), tác giả đi tìm một điểm tựa cho những thăng trầm của đời người, tìm một nơi ấm cúng để trọn vẹn nghỉ ngơi và muốn biết rồi ra mình sẽ tới đâu? Trong TMCV tôn giáo được nhắc nhở đến nhiều lần, đạo Phật và cuối cùng là đạo Thiên Chúa, như một cứu cánh, một điểm tựa. Ngay mặt sau cuốn sách, ta đã thấy ý chính của TMCV: “Cuộc sống này chỉ là cõi tạm. Nhưng trong cõi tạm này vẫn cần

một nơi nghỉ ngơi thoải mái, một nơi mà niềm tin, niềm thương yêu bền bỉ, một cõi về... cho thân xác tạm bợ và cho linh hồn vĩnh cửu.

Ngay từ những trang đầu, cuốn sách đã hé mở cho độc giả thấy quan niệm sống của tác giả: một đời sống thoải mái, thanh thản mà sống động - một đời sống yên lặng, bình dị mà đầy cuốn hút. Điểm quan trọng để thấy mình đáng sống là nhìn được bản thân có hữu ích cho cuộc đời không, “vì ai mà sống, vì ai mà hi sinh”. Đó, tư tưởng thanh cao với ý chí tiến thủ cho một lý tưởng. Đó, để giữ cho tâm hồn quân bình trong một thế xác lành mạnh, tươi đẹp. Đó là chìa khóa của Hạnh Phúc.

Buổi ra mắt “*Tim Một Cõi Về*” đã được xen kẽ bằng một chương trình văn nghệ đặc sắc, do một số ca sĩ tài tử, cựu học sinh Gia Long và Quốc Gia Nghĩa Tử trình diễn gồm: Như Hương, Hiếu Thuận, Sĩ Tuấn, Elizabeth Hoàng qua sự điều khiển nhịp nhàng, duyên dáng của MC Đào Văn Sách.

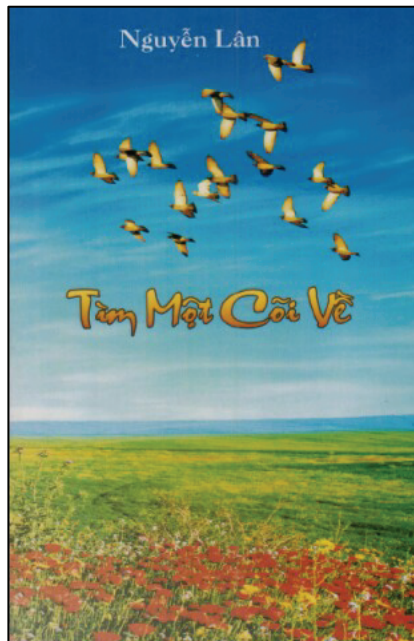
Điểm son đáng ghi nhận trong buổi ra mắt sách này là “*Tình Thầy Trò*”. Các chị cựu nữ sinh Gia Long thụ giáo dưới sự dạy dỗ của giáo sư Nguyễn Lân, dù đã hơn 40 năm xa rời ghế nhà trường, nhưng các chị vẫn không quên ơn thầy, và đã cùng góp tay giúp buổi tổ chức ra mắt sách thành công trọn vẹn.

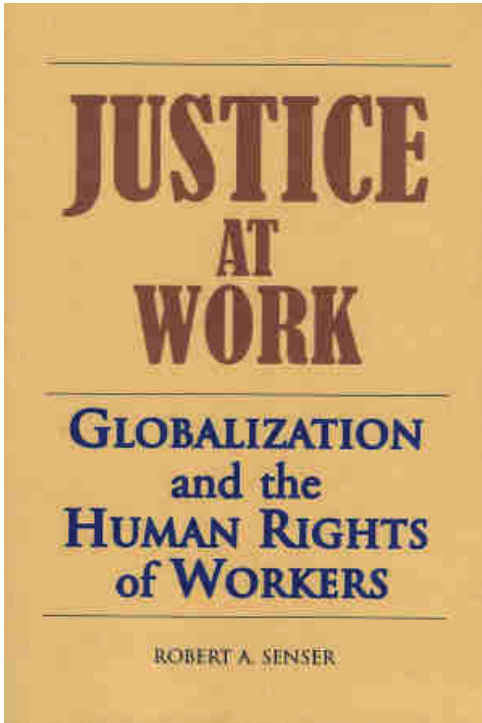
Để có sách xin liên lạc

**NGUYỄN LÂN**

lanhoa@verizon.net

703 942 7320





Order  
*Justice at Work*  
on-line from  
**Amazon.com**  
or  
**BarnesandNoble.com**  
for speedy delivery.

Read this story of my own long exploration of how our global economy went wrong and how we – yes, we – can change it to serve 21<sup>st</sup> century needs, our own and those of our brothers and sisters in Asia and elsewhere. --

**Robert Senser**

\* “A gem of a book...I found so many issues germane to what is happening in Vietnam these days.” -- Nguyen Ngoc Bich, author, editor, translator (*A Thousand Years of Vietnamese Poetry*).

\* “Senser writes with great clarity and logic about the rights and dignity of each human being, including working men and women, and the need to recognize those rights in the global economy.” – Father R. W. Timm, C.S.C., professor in a Bangladesh seminary.

\* “A convincing counter-argument to a prevailing view of development that a lack of basic worker rights and child sweatshops are OK because certain countries are still ‘catching up’.” – Sylvia M. Booth in giving the book 5 stars on Amazon.com.

**Bác Sĩ**  
**NGUYỄN THỊ KIM DUNG**

**Board-Certified Internal Medicine**



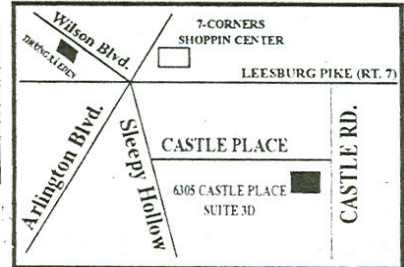
- Nguyên Bác sĩ nội trú Trung Tâm Bệnh Nhiệt Đới  
(Bệnh Viện Chợ Quán cũ)
- Tốt nghiệp hậu đại học Nội Khoa tại New York
- Bác sĩ điều trị tại bệnh viện Alexandria, Virginia



**CHUYÊN KHOA NỘI THƯỜNG  
VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT**

6305 Castle Place, suite 3D, Falls Church, VA 22044  
Tel. (703) 538-2200 -- Fax: (703) 538-2201

**GIỜ LÀM VIỆC**  
Thứ Hai - Thứ Sáu:  
9:00 AM - 6:00 PM  
Thứ Bảy: 10:00 AM - 2:00 PM  
Chủ Nhật: Theo hẹn  
Nhận Medicaid, Medicare,  
và các loại bảo hiểm.



**SOVEREIGN REALTY, INC.**

**3907 Annandale Road, Annandale, Virginia 22003**

- Member of Million dollar President's Club
- NVAR Multi-Million Dollar Sales Club
- NVAR, Top Producer
- Chuyên viên địa ốc nhiều kinh nghiệm



Xin gọi  
**DIANA DUYÊN NGUYỄN**  
Office: (703) 941-3650  
Fax: (703) 941-4692  
Cell: (703) 598-6374



**DIANA DUYÊN NGUYỄN**

**BẢO ĐẢM UY TÍN, KÍN ĐÁO, CHUYÊN NGHIỆP**



7260 Arlington blvd., (Route 50) Falls Church, VA 22042; Tel. 703-573-6000

- Nhà Hàng Trung Hoa lịch sự, sang trọng và rộng lớn vào bậc nhất trong vùng.
- 600 chỗ ngồi dành cho tiệc cưới, hỏi. Sàn nhảy đẹp, rộng rãi.
- Nhà hàng đã dành ra một ngân khoản lớn để có được một dàn đầu bếp thượng thặng phục vụ quý khách.
- Thức ăn trứ danh, hợp khẩu vị người Việt.
- Ngoài ra còn có Lunch và Dinner Buffet cả 7 ngày trong tuần.
- Mời quý khách ghé qua để thưởng thức và chứng kiến về những thay đổi đặc biệt của chúng tôi.
- Quý vị cần đặt tiệc cưới, xin vui lòng liên lạc với Ban Quản Lý Nhà Hàng Harvest Moon càng sớm càng tốt.
- Hiện giờ chúng tôi đã nhận tiệc cưới cho năm 2010 & 2011.

Super buffet mỗi ngày:

- Lunch: \$7.95
- Dinner: \$9.95

Mở cửa 7 ngày trong tuần  
Sun - Thur: 11:30 - 10:00PM  
Fri - Sat: 11:30 - 11:00PM

**TRÂN TRỌNG KÍNH MỜI**

# THƯ MỜI THAM GIA TAM CÁ NGUYỆT SAN CỎ THƠM

Xin mời quý vị tác giả, độc giả và thân hữu tham gia TAM CÁ NGUYỆT SAN CỎ THƠM, một tạp chí văn học, nghệ thuật và biên khảo. Niên liễm gia nhập Tạp Chí Cỏ Thơm là \$50 Mỹ kim. Số tiền này để trang trải chi phí in ấn và cước phí.

- \_ Mỗi năm quý vị sẽ nhận được 4 số Cỏ Thơm gửi đến tận nhà bằng Media Mail.
- \_ Nếu bài viết được chọn đăng, tòa soạn sẽ gửi tặng thêm 1 tập báo nữa tổng cộng là 2 tập cho mỗi số). Khi phát hành số báo kế tiếp (ba tháng sau), bài đã được đăng sẽ đưa lên Website của Cỏ Thơm ([www.cothommagazine.com](http://www.cothommagazine.com)) để mở rộng cho nhiều người đọc.
- \_ Hội viên sẽ được giúp đỡ kỹ thuật khi muốn in tác phẩm.
- \_ Hội viên mua sách do Cỏ Thơm ấn hành với giá 40% + cước phí bưu điện.
- \_ Hội viên phải tôn trọng chủ trương của Cỏ Thơm Foundation:
  - . Tạp Chí Cỏ Thơm duy trì và phát huy nền văn hóa dân tộc tại hải ngoại, mọi tranh luận không có tính cách văn học đều không được chấp nhận.
  - . Website Cỏ Thơm không được sử dụng như một hộp thư để trao đổi thư tín.

Xin mời ghi phiếu tham gia dưới đây.

Thay mặt Ban Quản Trị Tạp Chí Cỏ Thơm  
**Nguyễn Thị Ngọc Dung**  
**11623 Chapel Cross Way**  
**Reston, VA 20194, USA**  
**(703) 471-1271, <[dsenser@yahoo.com](mailto:dsenser@yahoo.com)>, <[www.cothommagazine.com](http://www.cothommagazine.com)>.**





# PHIẾU THAM GIA TAM CÁ NGUYỆT SAN CỎ THƠM

Tên họ \_\_\_\_\_

Ngày và nơi sinh \_\_\_\_\_

Quá trình sáng tác nếu có \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện Thoại: (            ) \_\_\_\_\_ Email: \_\_\_\_\_

Đồng ý tham gia với tư cách Hội Viên kể từ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_, 20\_\_\_\_.

\_\_\_\_\_  
CHỮ KÝ HỘI VIÊN

Money Order, chi, ngân phiếu niên liễm \$50 Mỹ kim xin ghi Cothom Foundation và gửi về địa chỉ:

**COTHOM FOUNDATION  
11623 CHAPEL CROSS WAY  
RESTON, VA 20194  
USA**

## DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN

Ô. Hồ Trường An  
 B. Phạm Tường An  
 B. Văn Thị Kiều Anh  
 B. Nguyễn Ngọc Anh  
 Ô. Nguyễn Văn Bá (France)  
 Ô. Trần Hữu Bảo  
 Ô. Việt Bằng (CA)  
 B. Phạm Thị Ánh Bích  
 Ô.B. Hoàng Dân Bình  
 Ô.B. La Trung Chánh  
 B. Nguyễn Phương Châm  
 Ô.B. Nguyễn Hùng Châu  
 B. Vũ Kim Châu  
 Ô. Trần Châu  
 B. Trương Minh Châu  
 Ô.B. Ngô Chương  
 B. Nguyễn Hồng Cung  
 ÔB BS Nguyễn B. Cường  
 B. Diana Đặng  
 B. Nguyễn Kim Dung  
 Ô. B. Phan Anh Dũng  
 B. Phùng Ngọc Duy  
 B. Dzung Sensor  
 Ô.B. Don Van Dang  
 B. Bùi Thị Đào  
 Ô. Nguyễn Hải Đăng  
 B. Mậu Đơn Nguyễn  
 Ô. Vũ Vương Đoàn  
 Ô.B. Hoàng Cung Fa  
 Ô.B. B.S. Giang Hoàng  
 B. Đỗ Thị Minh Giang  
 Ô. Trần Đan Hà, Germany  
 B. Lê Thúy Hà  
 B. Nguyễn T. Song Hà  
 Ô.B. Nguyễn Đăng Hải  
 B. Đỗ Tràng Mỹ Hạnh  
 B. Vương Ánh Hằng  
 B. Dương Thị Hiền  
 Ô. Đặng Văn Hiền  
 B. Đặng Thị Hiền  
 Ô. Lý Thy Hiểu  
 B. Nguyễn Hoa  
 Ô.B. Trần Bội Hoàn  
 B. Tô Diễm Hồng

B. Huệ Phạm  
 Ô.B. Huỳnh Bá Hùng  
 Ô. Trương Hùng  
 B. Thùy Hương N.T.T.  
 B. Quỳnh Khanh Nicholson  
 Ô. Lê Ngọc Kha  
 Ô. B. Phan Khâm  
 Ô. Nguyễn Quốc Khoa  
 Ô. Phạm Nguyên Khôi  
 B. Vi Khuê  
 Ô. Bùi Thượng Khuê  
 Ô. Võ Lại  
 B. Phạm Tố Lan  
 B. Nghiêm Xuân Lan  
 Ô. Nguyễn Lân  
 B. Nguyễn Tuyết Lê  
 B. Hoàng Thị Phương Liên  
 B. Ngô Thị Liên  
 Ô. B. Nguyễn Huy Long  
 Ô. B. Nguyễn Phú Long  
 Ô. Phạm Đình Long  
 B. Hoàng Bạch Mai  
 B. Nguyễn Trúc Mai (CA)  
 B. Mai Nguyễn (VA)  
 Ô. Vũ Nam, Germany  
 B. Nguyễn Phương Nga  
 B. Nguyễn T. Xuân Nga  
 Ô. Đào Nguyên  
 Ô. Đăng Nguyên  
 B. Trần Thị Minh Nguyệt  
 B. Cao My Nhân  
 B. Nguyễn Tú Nhật  
 Ô. Lê Xuân Nhuận  
 B. Phạm Thị Nhung  
 Ô. Nguyễn Ngọc Oánh  
 Ô. Vũ Mạnh Phát  
 Ô. Trần Phi  
 Ô. B. Đỗ Ngọc Phú  
 B. Vũ Thị Phúc  
 B. Hoàng Hữu Phước  
 B. Nghiêm Thái Phước  
 Ô. Lê Quang Phùng  
 Ô. Trần Bích San  
 Ô. Hồ Công Tâm

B. Nguyễn T. Minh Tâm  
 B. Nguyễn Minh Tân  
 B. Nguyễn T. Ngọc Tân  
 Ô. Lê Văn Tấn  
 Ô.B. Nguyễn Diệu Tần(NJ)  
 B. Nguyễn Đạp Thanh  
 Ô. Lê Tam Thanh  
 Ô. B. Nguyễn Văn Thành  
 B. Thảo Nguyễn  
 Ô. B. Trịnh Đức Thông  
 B. Lưu Nguyễn Kiều Thu  
 B. Nguyễn Tiểu Thu, Canada  
 B. Nguyễn Hồng Thủy  
 B. Lương Thu Thủy  
 Ô. B. Lê Ngọc Thụy  
 Ô. Nguyễn Hữu Thử  
 Ô. Lê Văn Thương  
 Ô. Bùi Thanh Tiên  
 B. Tiffany Trang Đỗ  
 Ô.. Nguyễn Văn Toại  
 Ô. Lê Văn Trạch  
 B. Ngô Khắc Trâm  
 B. Hoàng Minh Trân  
 Ô. Tạ Quang Trung  
 Ô. B. Võ Trưng  
 Ô.B. Nguyễn Ân Tuấn  
 Ô. Nguyễn Đăng Tuấn  
 B. Đặng Ngọc Tú  
 B. Nguyễn Tường Vân (CA)  
 Ô. Nguyễn Tường Vân (MD)  
 B. Khánh Vân Michalek  
 Ô. Nguyễn Xuân Vân  
 Ô. Nguyễn Tinh Vệ  
 Ô. Yên Vi  
 B. Hoàng Hồng Yến  
 Eastern Loudoun Library  
 Hà Nguyễn & Associates  
 Ivan M. Waldman & Associates  
 B.S. Võ Đam  
 B.S. Nguyễn Quốc Quân  
 B.S. Nguyễn T. Kim Dung  
 Sovereign Realty, INC.  
 Buddy Photo  
 Harvest Moon Restaurant

**PHIẾU MUA/GIA HẠN/QUẢNG CÁO  
(SUBSCRIPTION & ADVERTISEMENT FORM)**

Họ và tên (Reader's Name): .....

Địa chỉ (Address): .....

.....

Phone, Fax, Email: .....

Ngày đặt mua (Order date): ..... Từ số (From issue # ):.....tới số (To issue #):.....

Kèm theo chi, ngân phiếu số (Enclosed check, money order #) .....

Số tiền (US dollar amount) \$ .....

GIÁ MỘT NĂM BÁO CỔ THƠM

PRICE 1 YEAR, 4 ISSUES

Nội địa Hoa Kỳ và Gia Nã Đại (In USA & Canada): US \$30 [ ]

Úc, Á và Âu Châu (Australia, Asia & Europe): US \$40 [ ]

GIÁ QUẢNG CÁO TRẮNG ĐEN MỖI SỐ

trên Tam cá nguyệt san Cổ Thơm (7 x 8.5")

1/2 trang trong: US \$30.00 [ ]

1 trang trong: US \$60.00 [ ]

Trang trong bìa trước: US \$100.00 [ ]

Trang trong bìa sau: US \$100.00 [ ]

Trang ngoài bìa sau: US \$120.00 [ ]

Dùng ngân phiếu, lệnh phiếu Mỹ kim, xin ghi trả và gửi về  
(Check payable in US dollars to Cothom Foundation; send to):

**COTHOM FOUNDATION**

11623 CHAPEL CROSS WAY

RESTON, VA 20194

**QUÍ ĐỘC GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN, QUÍ THÂN CHỦ QUẢNG CÁO  
LÀ AN NHÂN YẾM TRỢ TAM CÁ NGUYỆT SAN VĂN HỌC CỔ THƠM.**

## TỦ SÁCH HỘI VIÊN CỎ THƠM

TÁC GIẢ TÁC PHẨM	LOẠI VĂN	ẤN PHÍ	GIÁ HỘI VIÊN CẢ BƯU PHÍ	MUA GHI (X)
<b>TRẦN BÍCH SAN:</b> <i>VĂN KHẢO</i>	BIÊN KHẢO	\$15	\$ 9.	
<b>HỒ TRƯỜNG AN:</b> <i>TÁC PHẨM ĐẸP CỦA BẠN</i>	BÌNH VĂN	\$15	\$ 9.	
<b>HỒ TRƯỜNG AN:</b> <i>VƯỜN CAU QUÊ NGOẠI</i>	THƠ	\$10	\$ 6.5	
<b>QUỲNH ANH:</b> <i>TÌNH TRONG CÔI MỘNG</i>	THƠ	\$10	\$ 6.5	
<b>N.T. NGỌC DUNG</b> <i>ĐIỂM TRANG LÀM ĐÁNG CUỘC ĐỜI</i>	THƠ	\$12	\$ 7.5	
<b>NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG:</b> <i>MỘT THOÁNG MÂY BAY</i>	TẬP TRUYỆN	\$12	\$ 7.5	
<b>HỒ TRƯỜNG AN, NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG, CAO MỸ NHÂN, PHAN KHÂM... :</b> <i>HOÀI CẢM</i>	THƠ XƯỚNG HỌA	\$12	\$ 7.5	
<b>CAO MỸ NHÂN:</b> <i>ÁO MÀU XANH</i>	THƠ	\$10	\$ 6.5	
<b>KIM Y PHẠM LỆ OANH:</b> <i>LIÊU TRAI TRÍ DỊ 1-2-3</i>	TRUYỆN DỊCH	\$21	\$12.	
<b>KIM Y PHẠM LỆ OANH:</b> <i>THỊ KINH QUỐC PHONG</i>	CỔ THI	\$25	\$14.	
<b>TRƯƠNG ANH THỤY:</b> <i>TRẠM NGHỈ CHÂN</i>	TRUYỆN DÀI	\$10	\$ 6.5	
<b>TRƯƠNG ANH THỤY:</b> <i>ÁNH MẮT</i>	TẬP TRUYỆN	\$12	\$ 7.5	
<b>BÙI THANH TIẾN:</b> <i>TRĂNG NHỚ ĐÊM RẼM</i>	THƠ	\$10	\$ 6.5	
<b>PHAN KHÂM:</b> <i>BÊN DÒNG THẠCH HẪN</i>	THƠ	\$12	\$ 7.5	
<b>NGUYỄN LÂN:</b> <i>SÔI NỔI</i>	TẬP TRUYỆN	\$15	\$ 9.	
<b>HỒ TRƯỜNG AN:</b> <i>VƯỜN CAU QUÊ NGOẠI</i>	THƠ	\$10	\$ 6.5	
<b>ĐẶNG NGUYỄN:</b> <i>ĐÃ KHÔ DÒNG LỆ</i>	THƠ	\$12	\$ 7.5	
<b>VIỆT BẰNG:</b> <i>HÌNH ẢNH TRÔI ĐI</i>	THƠ	\$12.	\$ 7.5	
<b>N.T. NGỌC DUNG:</b> <i>PHƯỢNG VẪN NỞ BÊN TRỜI HÀ NỘI</i>	HỒI KÝ	\$18.	\$10.5	
<b>N.T. NGỌC DUNG:</b> <i>SÀI GÒN NẮNG NHỚ MÙA THƯỜNG</i>	HỒI KÝ	\$20.	\$11.5	
<b>HỒ TRƯỜNG AN:</b> <i>GIẢI THOẠI VĂN CHƯƠNG</i> với Việt Bằng, Du Thị Diễm Buôn, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Vi Khuê, Vũ Nam, Trần Bích San, Tiểu Thu.	BÚT ĐÀM	\$15.	\$ 9.5	
<b>TRƯƠNG ANH THỤY:</b> <i>CHUYỂN MÙA</i>	TIỂU THUYẾT	\$28.	\$16.55	
<b>PHAN KHÂM:</b> <i>DÒNG SÔNG THAO THỨC</i>	THƠ	\$12.	\$ 7.5	
<b>NGUYỄN T.N. DUNG.</b> <i>NON NƯỚC ĐÁ VÀNG</i>	BÚT KÝ	\$15.	\$ 9.5	
<b>HỒ TRƯỜNG AN.</b> <i>NÁO NỨC HỘI TRĂNG RẼM</i>	BÚT KHẢO.	\$15.	\$ 9.5	
<b>HOÀNG TRÙNG DƯƠNG:</b> <i>THƠ TÌNH HOÀNG TRÙNG DƯƠNG</i>	THƠ	\$10.	\$ 7.	
<b>BÙI THANH TIẾN.</b> <i>KHÚC VÔ THANH</i>	THƠ	\$18.	\$11.	
<b>CAO MỸ NHÂN.</b> <i>QUÁN THƠ, NHỮNG NGÀY CÒN LẠI</i>	THƠ	\$15.	\$7.50	
<b>THẢO NGUYỄN.</b> <i>ĐỌC VÀ DỊCH THO CHỮ HÁN CỦA NGUYỄN DU</i>	BIÊN KHẢO	\$15.	\$7.50	

GIÁ BÁN CHO HỘI VIÊN LÀ NỬA TIỀN ẨM PHÍ CỘNG CƯỚC PHÍ BƯU ĐIỆN \$2.50 MỖI CUỐN.